

V.I. LÊ - NIN

BÚT KÝ
TRIẾT HỌC



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT



VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI !

Chịu trách nhiệm xuất bản : *Phan-Tiến-Tích*

Phụ trách bản đưa in : *Nguyễn-Văn-Hiến*

Trình bày : *Trịnh-Lễ*

V. I. LÊ-NIN

**BÚT KÝ
TRIẾT HỌC**

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Hà - nội — 1976



CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Chúng tôi dịch tác phẩm này theo bản dịch ra tiếng Pháp của Nhà xuất bản Xã hội, Pa-ri, 1955, do đó cách sắp xếp có khác với bản tiếng Nga (Lê-nin: Toàn tập, tập 38, xuất bản lần thứ tư), và cũng thiếu một số bài vì bản dịch ra tiếng Pháp căn cứ vào một bản cũ của Liên-xô, in năm 1947, đồng thời có sắp xếp lại đôi chút theo một số nhận xét của các nhà triết học Nga. Khi chúng tôi duyệt-lại, chúng tôi có đối chiếu với bản tiếng Nga (Lê-nin: Toàn tập, tập 38, xuất bản lần thứ tư) và bản dịch ra tiếng Trung-quốc (Lê-nin: Toàn tập, tập 38, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc-kinh).

Trong văn bản, những đoạn trong dấu «...» là những đoạn Lê-nin chỉ chép lại vài chữ đầu và vài chữ cuối, viện Mác — Lê-nin Liên-xô đã đối chiếu lại nguyên bản để in cho đầy đủ: còn những đoạn trong dấu (...) là những đoạn Lê-nin đã trích dẫn đầy đủ, hoặc dùng lại những từ ngữ của những tác giả mà Lê-nin đang đọc.

Chúng tôi chắc rằng lần xuất bản này không tránh khỏi có khuyết điểm, mong các bạn góp ý kiến để lần xuất bản sau được tốt hơn.

Tháng sáu, năm 1976.

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT



TRÍCH YẾU
«GIA ĐÌNH THẦN THÁNH»

của Các MÁC và Fơ-ri-đơ-rích ĂNG-GHEN



GIA ĐÌNH THÂN THÀNH hay

Phê phán sự phê phán có tính chất phê phán

PHẢN ĐỐI BƠ-RU-NÔ BAU-E VÀ ĐỒNG BỌN

CỦA FƠ-RI-ĐƠ-RÍCH ĂNG-GHEN VÀ CÁC MÁC¹

Francfort-sur-le-Main Literatistische Anstalt (J. Riitten) — 1845²

Quyển sách nhỏ này, khổ tương đương in — 8⁰ 3, gồm phần mở đầu tr. [179]⁴ (có ghi: *Pa-ri*, tháng Chín 1844), bản mục lục tr. [177-178] và phần chính văn tr. [180-388] chia thành chín chương. Những chương I, II, III do Ăng-ghen viết; những chương V, VIII, IX do Mác viết; những chương IV, VI và VII do hai người cùng viết; ai viết tiết hoặc đoạn nào, thì ký tên và đặt đầu đề cho tiết hay đoạn nấy. Tất cả các đầu đề đều mang tính chất châm biếm; người ta thấy đến cả đầu đề «sự biến hóa có tính chất phê phán của một anh hàng thịt thành chó» (đầu đề của tiết thứ nhất thuộc chương VIII).

1. Tác phẩm luận chiến này là do Mác và Ăng-ghen viết cuối năm 1844, đề phản đối phái Hê-ghen trò. (B.T.)

2. Phơ-răng-pho-trên-sông-Men, Nhà xuất bản Văn học (J.Rút-ten) — 1845. (N.D.)

3. *In octavo*: sách in theo khổ giấy gấp 8. (N.D.)

4. Số trang ghi đây là chỉ số trang ở tập III, Toàn tập Mác—Ăng-ghen, bản tiếng Đức (do Mega xuất bản), Bá-linh, 1932. (B.T.)

Các trang [180-190] (chương I, II, III và các tiết 1 và 2 của chương IV), [264-267] (tiết 2a của chương VI), [329-331] (tiết 2b của chương VII) là do Ăng-ghe-n viết.

tức là 16 trang trong số 208 trang

Chương thứ nhất toàn là một sự liên tục cách hành văn của *Literaturzeitung* (toàn bộ chương thứ nhất (!) tr. [180-182]). [[*Allgemeine Literaturzeitung*¹ của Bơ-ru-nô Bau-e — trong phần mở đầu, có nói là chính Mác và Ăng-ghe-n đã hướng sự phê phán của hai ông vào tám tập đầu của báo này]]; phê phán cách báo ấy xuyên tạc lịch sử (ch. II, tr. [182-187], đặc biệt là lịch sử nước Anh); phê phán các vấn đề đã bàn tới (ch. III [187-188]; chế giễu cái vẻ trang nghiêm mà báo ấy đã dùng để trình bày không hiểu cuộc tranh luận nào giữa ông Nau-véc và Hệ đại học triết học Bá-linh); phê phán những nhận định của báo ấy về tình yêu (ch. IV, 3, Mác); phê phán cách báo *Literaturzeitung* trình bày Pơ-ru-đông (IV, 4, Pơ-ru-đông, tr. [193] và các trang tiếp cho đến [225]. Bắt đầu là cả một loạt *chỉnh lý cách dịch*: người ta đã lẫn lộn công thức với ý nghĩa, đã dịch danh từ *justice*² là công bằng mà không dịch đúng nghĩa của nó là tư pháp, v.v.). Sau sự phê phán ấy về cách dịch (mà Mác gọi là cách dịch có đặc trưng số I, II, v.v.), là đến đoạn ghi chú ngoài lề có tính chất phê phán số I, v.v. trong đó Mác bảo vệ Pơ-ru-đông chống lại các sự công kích của báo *Literaturzeitung*, và đưa những tư tưởng xã hội chủ nghĩa rõ rệt của mình ra để đối lập lại với thái độ tư biện.

Mác nói về Pơ-ru-đông với một giọng rất tán dương (tuy cũng có đôi chỗ dè dặt, thí dụ khi Mác dẫn *Đề cương Phê phán Chính trị kinh tế học* của Ăng-ghe-n trong *Niên giám Pháp-Đức*³).

1. Nguyệt san xuất bản ở Bá-linh — Sác-lốt-tăng-bua (Berlin — Charlottenburg) từ tháng Chạp 1843 đến tháng Mười 1844. *Allgemeine Literaturzeitung* nghĩa là: Văn học tổng hợp tập báo. (B.T.)

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản. (B.T.)

3. *Umriss zu einer Kritik der Nationalökonomie* trong *Deutsch-französische Jahrbücher*, hrsg von A. RUGE und K. MARX, Hef 1-2, Pa-ri, 1844, tr. 86-114. (B.T.)

Ở đây, Mác rời bỏ triết học Hê-ghen và chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Sự chuyển biến đó là rất rõ ràng. Ta thấy Mác đã thu được những gì và ông đã chuyển sang một lĩnh vực tư tưởng mới như thế nào.

«Thứ chính trị kinh tế học đã công nhận những quan hệ tư hữu là những quan hệ nhân tính và hợp lý, thì không ngừng mâu thuẫn với tiền đề cơ bản của nó: chế độ tư hữu, — mâu thuẫn này giống như mâu thuẫn mà nhà thần học vấp phải khi anh ta luôn luôn lấy nhân tính để giải thích các quan niệm tôn giáo và do đó lại luôn luôn đi ngược lại với tiền đề cơ bản của chính mình: tính chất siêu nhân của tôn giáo. Chẳng hạn như trong chính trị kinh tế học, lúc đầu, tiền công được coi như là phần tương xứng dành cho lao động trong sản phẩm. Tiền công và lợi nhuận của tư bản ở trong một quan hệ thân ái nhất, thuận lợi nhất cho sự khuyến khích lẫn nhau, và bề ngoài có vẻ có nhân tính nhất. Nhưng liền sau đó người ta nhận thấy tiền công và lợi nhuận của tư bản lại ở trong một quan hệ *tương phản*, một quan hệ thù địch nhất. Lúc đầu, giá trị hình như được quy định một cách hợp lý, bởi chi phí sản xuất của một vật phẩm và công dụng xã hội của vật phẩm ấy. Nhưng liền sau đó người ta lại phát hiện là giá trị là một sự quy định hoàn toàn ngẫu nhiên, không cần có quan hệ chút nào với chi phí sản xuất, cũng như với công dụng xã hội. Lúc đầu, lượng tiền công được quy định bởi sự thỏa thuận *tự do* giữa người công nhân *tự do* và nhà tư bản *tự do*. Nhưng liền sau đó người ta lại phát hiện ra là người công nhân bị bắt buộc phải để cho người ta định tiền công cho mình, cũng như nhà tư bản bị bắt buộc phải định tiền công ấy thấp chừng nào hay chừng đó. *Tự do* của hai *Partei*¹ ký kết [trong sách dùng danh từ ấy] đã nhường chỗ cho sự *cưỡng bức*. Đối với thương nghiệp và tất cả những quan hệ kinh tế khác, thì cũng như thế. Có lúc, bản thân các nhà kinh tế học cũng cảm thấy những mâu thuẫn ấy, và chính việc vạch rõ những mâu thuẫn ấy là nội dung chủ yếu của các cuộc đấu tranh giữa họ với nhau. Nhưng khi họ đã

1. *Partei* có nghĩa là : *bên*. (N.D.)

có ý thức về những mâu thuẫn ấy như thế nào đó thì bản thân họ cũng công kích chế độ tư hữu biểu hiện dưới một hình thức riêng biệt nào đó: họ buộc tội cho một hình thức riêng biệt nào đó của chế độ tư hữu như là đã bóp méo tiền công là cái tự nó đã hợp lý (hợp lý theo quan niệm của họ), bóp méo giá trị là cái tự nó đã hợp lý, bóp méo thương nghiệp là cái tự nó đã hợp lý. Chẳng hạn có lúc A-đam Smit đã bút chiến chống lại các nhà tư bản, Đơ-stút đơ Tơ-ra-xi chống lại các nhà ngân hàng, Xi-môn-đơ đơ Xi-smôn-đi chống lại chế độ công xưởng, Ri-các-đô chống lại chế độ sở hữu ruộng đất, và hầu hết các nhà kinh tế học hiện đại đều chống lại các nhà tư bản *phi công nghiệp*, tức là nhà tư bản chỉ lấy tư cách là *kẻ tiêu phí* để thể hiện chế độ tư hữu.

«Do đó, chúng ta thấy rằng các nhà kinh tế học có khi, — đây là trường hợp ngoại lệ và thường xảy ra khi họ công kích một sự lạm dụng đặc biệt nào đó, — biện hộ cho cái bề ngoài có vẻ nhân tính trong các quan hệ kinh tế; có khi, — và đây là trường hợp thường xảy ra, — họ nắm lấy những quan hệ đó chính ở trong sự khác nhau rõ rệt giữa những quan hệ đó với nhân tính, tức là trong ý nghĩa kinh tế chặt chẽ của nó. Đó là mâu thuẫn trong đó họ vướng mắc một cách không tự giác.

«Pơ-ru-đông đã vĩnh viễn chấm dứt sự không tự giác đó. Ông đã nhận chân cái bề ngoài có vẻ có nhân tính của các quan hệ kinh tế, và đem nó đối lập một cách sâu sắc với *hiện thực không có nhân tính* của chúng. Ông đã bắt buộc các quan hệ ấy phải biểu hiện ra trong hiện thực đúng như chúng biểu hiện ra trong quan niệm của người ta về chúng, hoặc nói cho đúng hơn, ông đã bắt buộc các quan hệ ấy phải từ bỏ quan niệm trên đây của người ta về chúng và phải thú nhận tính chất vô nhân tính thực sự của chúng. Cho nên, lô-gích với bản thân mình, ông đã không trình bày một hình thức chế độ tư hữu này hay là một hình thức chế độ tư hữu khác, tách riêng ra — như các nhà kinh tế học khác đã làm — mà chỉ trình bày chế độ tư hữu trong tính phổ biến của nó như

là kẻ bóp méo các quan hệ kinh tế. Ông đã làm tất cả cái gì mà sự phê phán chính trị kinh tế học có thể làm được về phương diện chính trị kinh tế học.» [202—203]

Lời trách cứ của Êt-ga (Êt-ga của báo *Literaturzeitung*) cho rằng Pơ-ru-đông đã biến « công bình » thành một vị « thần », đã bị Mác bác bỏ. Mác bẻ lại rằng tác phẩm năm 1840¹ của Pơ-ru-đông không đứng trên « quan điểm sự phát triển của Đức năm 1844 »; [203]; rằng đó là lỗi lầm chung của người Pháp; rằng phải nhớ là bản thân Pơ-ru-đông đã dựa vào sự phủ định để thực hiện sự công bằng, dựa như vậy cho phép [bỏ qua] cả cái tuyệt đối ấy trong lịch sử. [203-204] « Nếu Pơ-ru-đông không rút ra được cái kết luận triệt để ấy, thì chính là vì ông đã không may sinh ra là người Pháp, mà không phải là người Đức. » [204]

Tiếp đến lời ghi ngoài lề có tính chất phê phán số II [204-208], nó làm cho ta thấy rất rõ quan điểm đã gần thành hình của Mác về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản.

... « Xuất phát từ tình hình là sự giàu có, tựa hồ như do sự vận động của chế độ tư hữu đem lại cho các *nhân dân*, chính trị kinh tế học cũ đã đi đến những kết luận biện hộ cho chế độ tư hữu. Pơ-ru-đông xuất phát từ phía ngược lại phía này, trong chính trị kinh tế học, đã bị những điều nguy hiểm che lấp mắt; ông xuất phát từ sự nghèo khổ do sự vận động của chế độ tư hữu tạo ra, để đi đến những kết luận phủ định chế độ tư hữu. Sự phê phán đầu tiên đối với chế độ tư hữu đương nhiên là xuất phát từ cái sự thực trong đó bản chất mâu thuẫn của chế độ tư hữu biểu hiện ra dưới hình thức rõ rệt nhất, nổi bật nhất của nó, dưới hình thức trực tiếp làm cho tình cảm con người công phẫn hơn bất cứ hình thức nào khác: từ sự nghèo khổ, sự khốn cùng. » [204]

« Giai cấp vô sản và sự giàu có là những mặt đối lập. Là những đối lập, hai mặt đó cấu thành một chỉnh thể thống nhất. Cả hai đều là những mặt do thể giới chế độ tư hữu sinh

1. Pơ-ru-đông : *Thế nào là chế độ sở hữu, hay là Nghiên cứu về nguyên lý của luật pháp và của chính phủ*. Pa-ri, 1840. (B.T.)

ra. Vấn đề là tìm hiểu xem mỗi mặt chiếm một địa vị nhất định nào trong sự đối lập ấy. Chỉ tuyên bố đó là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất thì không đủ.

«Chế độ tư hữu, với tư cách là chế độ tư hữu, với tư cách là sự giàu có, bắt buộc phải duy trì sự tồn tại của bản thân nó, và do đó, sự tồn tại của cái đối lập với nó, giai cấp vô sản. Nó là mặt khẳng định của đối lập, là chế độ tư hữu tự lấy làm thỏa mãn.

«Ngược lại, giai cấp vô sản, với tư cách là giai cấp vô sản, buộc phải thủ tiêu bản thân mình, và do đó cũng thủ tiêu luôn mặt đối lập với nó, mặt đối lập đã chế ước nó, đã làm cho nó thành giai cấp vô sản: chế độ tư hữu. Nó là mặt phủ định của đối lập, là sự bất an bên trong bản thân sự đối lập, là chế độ tư hữu bị xóa bỏ và đang tự xóa bỏ.

«Giai cấp hữu sản và giai cấp vô sản đều là cùng một sự tự tha hóa của con người. Nhưng giai cấp hữu sản tự cảm thấy thỏa mãn và vững vàng trong sự tự tha hóa đó, nó coi sự tha hóa là sức mạnh của chính nó, và trong sự tha hóa, nó có được cái vẻ ngoài của một cuộc sống con người; giai cấp vô sản tự thấy bị tiêu diệt trong sự tha hóa, thấy sự tha hóa là sự bất lực của nó và là hiện thực của một cuộc sống không có nhân tính. Nói theo kiểu Hê-ghe, giai cấp vô sản là sự phản nộ chống lại sự đòi truy trong khuôn khổ sự đòi truy, sự phản nộ tất nhiên phải nảy ra trong giai cấp đó do mâu thuẫn giữa bản tính con người của nó với hoàn cảnh của nó trong cuộc sống (hoàn cảnh này là sự phủ định công khai, quyết liệt, toàn diện bản tính con người ấy).

«Như vậy, trong giới hạn của toàn bộ sự đối lập, kẻ tư hữu là mặt bảo thủ, người vô sản là mặt phá hoại. Từ kẻ tư hữu thì nảy sinh ra hành động nhằm duy trì sự đối lập, từ người vô sản thì nảy sinh ra hành động nhằm thủ tiêu sự đối lập.

«Đúng là trong sự vận động kinh tế của nó, chế độ tư hữu tự nó đi dần tới chỗ diệt vong của nó; nhưng nó đi như thế chỉ bằng một sự phát triển độc lập với nó, không tự giác, đi ngược lại ý muốn của nó và do bản tính của sự vật quy định: chỉ bằng cách tạo ra giai cấp vô sản, với tư cách là

giai cấp vô sản, sự cùng khổ có ý thức về sự cùng khổ về tinh thần và thể xác của mình, sự đòi truy nhân tính có ý thức về sự đòi truy nhân tính của mình và do đó mà tự thủ tiêu. Giai cấp vô sản thi hành bản án mà chế độ tư hữu đã tuyên bố đối với chế độ tư hữu, khi chế độ này sản sinh ra giai cấp vô sản, cũng như thi hành bản án mà chế độ làm thuê đã tuyên bố về chế độ làm thuê khi chế độ này sản sinh ra sự giàu có cho kẻ khác và sự cùng khổ cho chính mình. Nếu giai cấp vô sản giành được thắng lợi, điều đó hoàn toàn không có nghĩa là nó trở thành mặt tuyệt đối của xã hội, vì nó chỉ có thể thắng lợi khi đã tự thủ tiêu mình và thủ tiêu cả mặt đối lập của mình. Và, từ lúc đó, giai cấp vô sản mới biến đi, và cũng biến đi cả cái mặt đối lập mà nó phụ thuộc: chế độ tư hữu.

«Nếu các tác giả xã hội chủ nghĩa gán cho giai cấp vô sản vai trò lịch sử ấy, thì hoàn toàn không phải là — như sự Phê phán có tính chất phê phán làm ra và tin như thế — vì các tác giả ấy coi những người vô sản là *thần thánh*. Chính là ngược lại. Trong giai cấp vô sản đã phá: triển đầy đủ, việc tước bỏ mọi nhân tính, ngay đến cả cái vẻ bề ngoài của nhân tính, tiên thực tế đã hoàn thành; trong những điều kiện sinh sống của giai cấp vô sản, tất cả những điều kiện sinh sống của xã hội hiện đại đã đạt tới điểm cao nhất của tình trạng không có nhân tính; trong giai cấp vô sản con người đã đánh mất bản thân mình, nhưng đồng thời, không phải con người đó chỉ có cái ý thức lý luận về sự mất đó mà còn trực tiếp, bị sự *khốn cùng* từ nay không thể tránh khỏi, không thể làm dịu đi được, tuyệt đối không thể chống lại được, — biểu hiện thực tế của *tính tất yếu* — buộc phải phản nộ chống lại một tình trạng không có nhân tính như thế; và chính vì thế mà giai cấp vô sản có thể, và nhất thiết phải tự giải phóng mình. Nhưng giai cấp vô sản không thể tự giải phóng mình được nếu không thủ tiêu những điều kiện sinh sống của bản thân mình. Nó không thể thủ tiêu những điều kiện sinh sống của nó, nếu nó không thủ tiêu *hết tất cả* những điều kiện sinh sống không có nhân tính của xã hội hiện nay đang kết tinh trong hoàn cảnh của bản thân nó. Nó trải qua cái nhà trường nghiêm khắc, nhưng lại lôi luyến con người, nhà trường

lao động, thật không phải là vô ích. Vấn đề không phải là nói đến cái mà người vô sản này hay là người vô sản kia, hoặc là thậm chí toàn bộ giai cấp vô sản, tạm thời coi là mục đích của mình. Vấn đề là ở chỗ xét xem giai cấp vô sản trong thực tế là gì và xét xem điều mà nó buộc phải làm về mặt lịch sử cho phù hợp với sự tồn tại ấy. Mục đích và nhiệm vụ lịch sử của nó đã được vạch ra cho nó, một cách rõ rệt và không thể bác bỏ được, trong hoàn cảnh sinh sống của bản thân nó, cũng như trong toàn bộ tổ chức của xã hội tư sản hiện nay. Ở đây, không cần trình bày thêm rằng một bộ phận lớn trong giai cấp vô sản Anh và Pháp đã có ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình và đang không ngừng nỗ lực để đưa ý thức ấy đến chỗ hoàn toàn sáng tỏ.» [205-207]

BÌNH LUẬN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN SỐ 3

«Ông Êt-ga không thể không biết rằng Ô. Bơ-ru-nô Bau-e đã lấy cái «*tự ý thức vô hạn*» làm cơ sở cho tất cả những lập luận của mình, và coi nguyên tắc này như là nguyên tắc sáng tạo của bản thân các phúc âm, những phúc âm này, do tính vô ý thức vô hạn của chúng mà tựa hồ như mâu thuẫn trực tiếp với cái ý thức vô hạn. Cũng vậy, Pơ-ru-đông coi bình đẳng như là nguyên tắc sáng tạo của mặt mâu thuẫn trực tiếp của bình đẳng, tức chế độ tư hữu. Ô. Êt-ga hãy vui lòng so sánh một chút sự *bình đẳng* của Pháp với cái *tự ý thức* của Đức, là ông sẽ thấy ngay rằng nguyên tắc thứ hai diễn đạt *theo kiểu Đức*, tức là bằng tư duy trừu tượng, cái mà nguyên tắc thứ nhất nói *theo kiểu Pháp* tức là bằng ngôn ngữ của chính trị và của tư duy trực quan. *Tự ý thức* tức là sự *bình đẳng* của người với bản thân mình trong tư duy thuần túy. *Bình đẳng*, tức là ý thức của con người về bản thân mình trong lĩnh vực của thực tiễn, do đó là ý thức của một người về một người khác coi là người ngang hàng với mình; và sự đối xử của con người với một người khác như đối với người ngang hàng với mình. *Bình đẳng* là cách nói của Pháp

về sự thống nhất bản chất của con người, về ý thức có tính chất chung loại và hành vi có tính chất chung loại của người về sự đồng nhất thực tế của người với người, do đó về mối quan hệ xã hội hoặc mối quan hệ nhâ.. loại giữa người với người. Vậy là cũng giống như ở Đức, sự phê phán có tính chất phá hoại, trước khi chuyển sang — ở *Phơ-bách* — khảo sát *con người hiện thực*, đã tìm cách thanh toán tất cả cái gì là xác định và hiện có, bằng cái nguyên tắc về *tự ý thức*, sự phê phán có tính chất phá hoại, ở Pháp cũng đã tìm cách đạt tới cùng một kết quả như vậy bằng nguyên tắc *bình đẳng*.» [209]

«Ý kiến cho rằng triết học là biểu hiện trừu tượng của hoàn cảnh hiện có, không phải do Ô. Êt-ga viện ra trước, mà là ý kiến của *Phơ-bách*, người đầu tiên đã định nghĩa triết học là kinh nghiệm tư biện và thần bí, và đã chứng minh điều đó.» [210]

««Chúng ta luôn luôn nói trở lại điều này... *Pơ-ru-ông* đứng về lợi ích của những người vô sản mà viết.»¹ *Pơ-ru-ông* không viết vì lợi ích của sự Phê phán tự mãn, vì một lợi ích trừu tượng và do người ta tự tạo ra, mà vì một lợi ích lịch sử hiện thực, lợi ích của Quần chúng, một lợi ích sẽ vượt quá sự *Phê phán* giản đơn dẫn đến *khủng hoảng*. *Pơ-ru-ông* không phải chỉ viết về lợi ích của những người vô sản; chính bản thân ông là người vô sản, là *ouvrier*². Tác phẩm của ông là một bản tuyên ngôn khoa học của giai cấp vô sản Pháp và vì thế nó có một ý nghĩa lịch sử hoàn toàn khác với cái thứ văn chương vắt óc ra của bất cứ một nhà Phê phán có tính chất phê phán nào.» [211-212].

«Nói rằng *Pơ-ru-ông* muốn thủ tiêu sự không có của và phương thức có của theo kiểu cũ cũng hoàn toàn giống như nói rằng ông muốn thủ tiêu quan hệ tha hóa thực tế của người đối với *bản chất khách quan* của người, tức là tiêu diệt biểu hiện *kinh tế* của tình trạng tự tha hóa của con người. Nhưng vì sự phê phán của ông đối với chính trị kinh tế học còn bị chỉ

1. Ở đây Mác dẫn lời của Êt-ga Bau-e. (B.T.).

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: *công nhân*. (N.D.)

phối bởi những tiền đề của chính trị kinh tế học, nên sự chiếm đoạt lại bản thân thế giới khách quan còn được quan niệm dưới hình thức *chiếm hữu* chính trị kinh tế học.

«Thật thế, Pơ-ru-đông không đem sự có của đối lập với sự không có của (như sự Phê phán có tính chất phê phán đã nói), mà ông đem chiếm hữu đối lập với phương thức có của theo kiểu cũ, với chế độ tư hữu. Ông tuyên bố chiếm hữu là «*chức năng xã hội*». Nhưng, «*lợi ích*» trong một chức năng, không phải là «*loại trừ*» người khác, mà là sử dụng và phát huy toàn bộ những lực lượng của bản thân mình, những lực lượng bản chất của mình.

«Pơ-ru-đông chưa thành công trong việc phát triển tư tưởng này một cách thích đáng. Quan niệm «*chiếm hữu bình đẳng*» là biểu hiện chính trị kinh tế học do đó — vẫn còn là biểu hiện tha hóa của tình hình là: sự vật, với tư cách là tồn tại cho con người, với tư cách là tồn tại vật chất của con người, đồng thời là tồn tại của con người cho người khác, là quan hệ có linh chất người của người đối với người, là quan hệ xã hội của người đối với người. Pơ-ru-đông thủ tiêu sự tha hóa kinh tế trong phạm vi của sự tha hóa kinh tế.»
[212-213]

[[Đoạn này có ý nghĩa hết sức đặc biệt; vì nó vạch rõ Mác đã tiến gần như thế nào đến tư tưởng cơ bản của toàn bộ «*hệ thống*» của ông, *sit venia verbo*¹, — tức là tư tưởng về những quan hệ sản xuất xã hội]].

Một chi tiết: chú ý là ở trang [218], Mác đề năm dòng đề nói về việc «*sự Phê phán có tính chất phê phán*» dịch danh từ *maréchal* thành *Marschall*, mà không dịch thành *Hufschmied*².

Những trang [218-221] có ý nghĩa quan trọng. (Mác đang ở trên đường đi đến lý luận về giá trị lao động); trang [222]

1. Xin lỗi phải dùng danh từ ấy. (N.D.)

2. *Maréchal* trong tiếng Pháp có thể có nghĩa là «*nguyên soái*» (tiếng Đức là *Marschall*) hay «*người đóng móng ngựa*» (tiếng Đức là *Hufschmied*). (N.D.)

(Mác trả lời Êt-ga về việc Êt-ga buộc tội Pơ-ru-dông là mơ hồ khi nói rằng người thợ không thể mua lại sản phẩm của mình); các trang [223-224] (chủ nghĩa xã hội mơ mộng, duy tâm, « hư huyền» (*ätherisch*) và chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản «của Quần chúng»).

Tr. [226] (đoạn thứ nhất của tiết thứ nhất: *Phơ-bách* đã bóc trần những bí mật hiện thực, *Sdê-li-ga* làm ngược lại).

Tr. [226] (đoạn cuối cùng: tính chất *LỖI THỜI* của quan hệ ngày thợ giữa người nghèo và người giàu: *si le riche le savait!**)

Tr. [227-232] (Toàn bộ [năm] trang này cực kỳ có ý nghĩa. Đây là nói về tiết 2 «*BÍ MẬT CỦA KẾT CẤU TƯ BIỆN*» — phê phán triết học tư biện, với thí dụ trứ danh về «quả» (*der Frucht*), phê phán nhằm trực tiếp chống lại *HÊ-GHEN*. Ở đây, cũng có một nhận xét vào loại có ý nghĩa nhất: trong sự trình bày tư biện của mình, «rất thường» là Hê-ghen đã đưa ra một sự trình bày chân thực nắm được bản thân sự vật — die *Sache selbst*).

Tr. [236-237] — một vài nhận xét từng đoạn chống lại sự hạ thấp cảm tính.

Tr. [241] «Ông ta (*Sdê-li-ga*) không thể... thấy rằng công nghiệp và thương nghiệp đang xây dựng những vương quốc phổ biến khác căn bản không giống cơ đốc giáo và đạo đức, hạnh phúc gia đình và sự phồn vinh tư sản».

Tr. [242] (Hết đoạn thứ nhất — những nhận xét chua cay về sự quan trọng của những người công chứng² trong xã hội hiện nay... «Người công chứng là thầy dòng thế tục. Đó là một tín đồ thành giáo³ nhà nghề, nhưng *Sếch-spia* nói với chúng ta rằng «sự liêm chính không phải là tín đồ thành giáo». Đồng thời đó cũng là một tay trung gian cho mọi mục đích, con người điều khiển mọi mưu mô và mảnh khoe tư sản.»).

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: nếu người giàu biết được điều đó! (N.D.)

2. Bản tiếng Pháp: *notaire*. (N.D.)

3. Một thứ tôn giáo thịnh hành ở châu Âu. (N.D.)

Tr. [247] Thí dụ khác về sự châm biếm đối với tư biện trù tượng: sự «chứng minh» một người trở thành chủ những súc vật như thế nào; «súc vật» (*das Tier*), với tư cách là vật trù tượng, biến từ sư tử thành chó con, v.v.

Tr. [247-248]. Đoạn có ý nghĩa nói về Ô-gien Xuy¹: do sự giả nhân giả nghĩa đối với *bourgeoisie*², Ô-gien Xuy lý tưởng hóa, về mặt đạo đức, người con gái lẳng lơ, không nói đến thái độ của cô ta đối với hôn nhân, đến sự dan díu «ngây thơ» của cô ta với anh *étudiant*³ hay người *ouvrier*⁴. «Chính do sự dan díu ấy mà cô ta (*grisette*⁵) là sự trái ngược thật sự có tính chất con người với người vợ tư sản có trái tim giả đạo đức, không thể có độ lượng, ích kỷ, trái ngược với tất cả giới tư sản, tức là với tất cả giới quan phương.»

Tr. [251] «Quần chúng» của thế kỷ XVI và thế kỷ XIX đã khác nhau «von vorn herein»⁶.

Tr. [252 - 254] Đoạn này (trong chương VI: «sự Phê phán có tính chất phê phán tuyệt đối, hoặc là sự Phê phán có tính chất phê phán dưới hình thức của Ô. Bơ-ru-nô». I. Chiến dịch thứ nhất của sự phê phán tuyệt đối. a) «*Tinh thần*» và «*quần chúng*») là cực kỳ quan trọng: phê phán quan điểm cho rằng lịch sử đã không thành công vì Quần chúng đã quan tâm đến lịch sử, vì lịch sử đã dựa vào Quần chúng, mà Quần chúng lại thỏa mãn với một quan điểm «hời hợt» về «tư tưởng».

«Vậy, nếu sự phê phán tuyệt đối lên án một cái gì là «hời hợt», thì cái đó chính chỉ là lịch sử đã qua thôi, vì hoạt động và tư tưởng của lịch sử đều là tư tưởng và hoạt động của «Quần chúng». Nó bác bỏ lịch sử của Quần

1. Eugène Sue, tác giả tiểu thuyết Pháp: «Những bí mật của thành Pa-ri». (N.D.)

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản, có nghĩa là: *giai cấp tư sản*. (N.D.)

3. Sinh viên. (N.D.)

4. Công nhân. (N.D.)

5. Người con gái lẳng lơ. (N.D.)

6. Tiếng Đức trong nguyên bản, có nghĩa là: *ngay từ đầu*. (N.D.)

chúng và muốn thay lịch sử đó bằng lịch sử có tính chất phê phán (xem Ô. Giuyn-lơ Phốt-se về các vấn đề thời sự ở Anh)». [252]

«*Tư tưởng*» luôn luôn bị mất tín nhiệm một khi nó tách rời khỏi *«lợi ích»*. Mặt khác, cũng dễ hiểu rằng, bất cứ *«lợi ích»* nào của Quần chúng, đã được lịch sử thừa nhận, thì khi xuất hiện lần đầu tiên trên vũ đài thế giới, cũng không thể không vượt quá rất nhiều, trong *«tư tưởng»* hoặc trong *«biểu tượng»*, những giới hạn thực tế của nó và hòa làm một với lợi ích toàn nhân loại. Áo tưởng này tạo thành cái mà Phu-ri-ê gọi là sắc điệu của mọi thời đại lịch sử» — minh họa cho điều đó thì có chẳng hạn là Cách mạng Pháp và câu nói nổi tiếng: [253]

«Tùy theo sự sâu sắc của hoạt động lịch sử mà đội ngũ của Quần chúng — hoạt động lịch sử là sự nghiệp của Quần chúng — được mở rộng.»

Bau-e đã tách rời *Geist* với *Masse*¹ một cách gay gắt như thế nào, công thức sau này (đã bị Mác công kích) có thể chỉ rõ: «phải tìm kẻ thù chân chính của Tinh thần ở trong Quần chúng, chứ không phải ở nơi nào khác.» (253-254)

Mác trả lời rằng những kẻ thù của tiến bộ, đó là những sản phẩm của tình trạng quần chúng tự hạ mình, sản phẩm có một đời sống độc lập (*verselbständigten*), nhưng đó là những sản phẩm vật chất, chứ không phải sản phẩm quan niệm, tồn tại ở bên ngoài. Tờ báo của Lu-sta-lô² năm 1789 đã in ở đề từ rằng:

Les grands ne nous paraissent grands
Que parce que nous sommes à genoux.
Levons-nous!³

1. Tiếng Đức trong nguyên bản, có nghĩa là: *Tinh thần* và *Quần chúng*. (N.D.)

2. Báo hàng tuần: *Những cuộc cách mạng ở Pa-ri. Tặng Tờ quốc và khu những người Ô-guyét-tanh nhỏ*. Sau 15 số đầu, báo này do một mình Lu-sta-lô viết cho đến khi ông ta chết năm 1790. (B.T.)

3. Tiếng Pháp trong nguyên bản, có nghĩa là: Những người vĩ đại có vẻ vĩ đại đối với chúng ta, vì chúng ta đã quỳ xuống. Chúng ta hãy đứng lên! (N.D.)

Nhưng muốn đứng lên — Mác nói — mà chỉ đứng lên trong tư tưởng, trong quan niệm thì chưa đủ. [254]

«Ít nhất sự Phê phán tuyệt đối cũng học được ở *Hiện tượng học*¹ của Hê-ghen nghệ thuật biến những dây xích hiện thực khách quan, lộn lại ở ngoài lối, thành những dây xích thuần túy quan niệm, thuần túy chủ quan, tồn tại thuần túy trong tôi, và do đó biến tất cả những cuộc đấu tranh bên ngoài và cảm tính thành những cuộc đấu tranh thuần túy quan niệm.» [254]

Mác chế giễu rằng: như thế là người ta có thể chứng minh sự hòa hợp tiên định giữa sự Phê phán có tính chất phê phán và cơ quan kiểm duyệt, trình bày nhân viên kiểm duyệt không phải như một tên lính cảnh sát (*Polizelscherge*), mà như cảm giác đã được nhân cách hóa của bản thân tôi về sự tể nhị và sự mực thước.

Ấm ảnh bởi cái «*Geist*»² của mình, sự Phê phán tuyệt đối không kiểm tra lại xem trong những cuồng vọng hư ảo (*windigen*) của «*Tinh thần*» đó có những câu trống rỗng, có sự tự lừa bịp, có sự nhu nhược (*Kernlosigkeit*) hay không,

«Đối với «*tiến bộ*» thì cũng thế. Bất chấp những cuồng vọng của «*tiến bộ*», luôn luôn vẫn có những sự thoái bộ và những vận động vòng tròn. Sự Phê phán quyết không hề cho rằng phạm trù «*tiến bộ*» là hoàn toàn trống rỗng và trừu tượng, trái lại nó khá chín chắn để công nhận «*tiến bộ*» là tuyệt đối, để có thể giả định ra một «*đối thủ trực tiếp*» của tiến bộ, tức là *Quần chúng*, nhằm mục đích giải thích sự thoái bộ». [255]

«Tất cả các tác giả cộng sản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đều xuất phát từ nhận xét hai mặt sau đây: một mặt, ngay

1. *Hiện tượng học về Tinh thần*. Tác phẩm lớn đầu tiên của Hê-ghen trình bày hệ thống tư tưởng của ông. Ăng-ghen đã nêu lên ý kiến của mình về sách này trong «*Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*», *Nghiên cứu triết học*, tr. 20, Nhà xuất bản Xã hội, 1951. (B.T.)

2. *Tinh thần* (N.D.)

cả những hành động xuất sắc thuận lợi nhất cũng ưả như không đem lại kết quả xuất sắc nào cả và chìm ngấp trong những sự tầm thường của lịch sử; mặt khác, *tất cả những tiến bộ của Tinh thần*, cho đến ngày nay, đều những là *tiến bộ chống lại Quần chúng nhân dân*, Quần chúng này đã bị đẩy vào một tình trạng ngày càng mất nhân tính. Do đó họ đã cho rằng (xem *Phu-ri-ê*) “*sự tiến bộ*” là một công thức trùu tượng, không đầy đủ; họ đã ước đoán (xem *Ô-oen* và những người khác) về sự tồn tại của một cố tật căn bản của thế giới văn minh; vì thế họ đã *phê phán* một cách sắc bén những cơ sở *hiện thực* của xã hội hiện đại. Trong thực tiễn, trực tiếp tương ứng với sự phê phán cộng sản chủ nghĩa này, là phong trào của *quảng đại quần chúng*, phong trào này cho đến khi ấy vẫn bị sự phát triển của lịch sử ngăn cản. Phải hiểu tinh thần học tập, sự khao khát hiểu biết, nghị lực đạo đức, bản năng phát triển không mệt mỏi của những người công nhân Pháp và Anh, mới có thể có được một ý niệm về sự cao thượng *nhân tính* của phong trào ấy.»

«Không truy cứu nguồn gốc của sự trống rỗng về tinh thần, tính lười suy nghĩ, tính hời hợt, tính tự mãn, mà chỉ chẻ trách chúng về mặt *đạo đức*, và *phát hiện ra* chúng như là vật đối lập của tinh thần, của tiến bộ, làm như vậy thật là ưu việt hơn các tác giả cộng sản chủ nghĩa biết chừng nào!»
[256]

«Tuy nhiên mối quan hệ «*Tinh thần và Quần chúng*» còn có một ý nghĩa *bị che lấp*, ý nghĩa này sẽ hoàn toàn bộc lộ ra trong quá trình lập luận. Ở đây, chúng tôi chỉ nói một cách rất sơ lược thôi. Mối quan hệ này, do Ô. Bơ-ru-nô *phát hiện ra*, thực tế không phải là cái gì khác mà chỉ là sự *hoàn thành có tính chất phê phán và có tính chất biếm họa của quan điểm lịch sử của Hê-ghe*n; quan điểm lịch sử này cũng chỉ là sự biểu hiện *tự biện* của giáo điều *giéc-manh-cơ đốc* về sự đối lập giữa *Tinh thần* và *vật chất* giữa *Thượng đế* và *thế giới*. Sự đối lập này, trên thực tế, biểu hiện ra trong phạm vi của lịch sử, trong phạm vi của ngay bản thân thế giới nhân loại, dưới hình thức sau đây: một thiểu số *nhân vật* được ưu đãi,

với tư cách là Tinh thần *tích cực*, đối lập với phần còn lại của nhân loại với tư cách là *Quần chúng không Tinh thần*, với tư cách là *vật chất*.» [257]

Mác chỉ ra rằng *Geschichtsauffassung*¹ của Hê-ghen lấy tinh thần trừu tượng và tuyệt đối mà quần chúng là chỗ dựa, làm tiền đề. Song song với học thuyết, của Hê-ghen, ở Pháp đã phát triển học thuyết của *phái không luận*² [257] là những kẻ tuyên bố tính độc lập tự chủ của lý trí, đối lập với tính độc lập tự chủ của nhân dân, nhằm gạt bỏ quần chúng và thống trị một mình (*allein*).

Hê-ghen «phạm phải sai lầm là không triệt đề về hai mặt» [258]: 1. ông tuyên bố triết học là sự tồn tại của Tinh thần tuyệt đối, nhưng ông lại cố ý tránh không coi nhà triết học là Tinh thần ấy; 2. chỉ ở bề ngoài (*nur zum Schein*) ông mới đem Tinh thần tuyệt đối làm thành kẻ sáng tạo ra lịch sử, chỉ *post festum*³, chỉ trong ý thức thôi.

Bơ-ru-nô thủ tiêu tính không triệt đề ấy; ông tuyên bố sự *Phê phán* là Tinh thần tuyệt đối, và là kẻ thực tế sáng tạo ra lịch sử.

«Một bên, có Quần chúng, yếu tố *vật chất* của lịch sử, yếu tố tiêu cực, không có tinh thần, không có lịch sử; và bên kia, có Tinh thần, có *Phê phán*, có Ô.Bơ-rư-nô và đồng bọn, yếu tố tích cực mà từ đó sản sinh ra mọi hành động *lịch sử*. Hành động cải tạo xã hội bị quy thành *hoạt động đại não* của sự *Phê phán* có tính chất *phê phán*.» [258]

Mác lấy thái độ của Bơ-ru-nô Bau-e đối với «*vấn đề người Do-thái*» làm thí dụ đầu tiên về những «*chiến dịch của sự*

1. Quan điểm lịch sử. (N.D.)

2. Phái không luận (*doctrinaires*) là tên một nhóm chính trị bảo hoàng ôn hòa thời kỳ «*Phục tích*» 1815, đại diện cho quyền lợi của giai cấp tư sản và một bộ phận của quý tộc địa chủ. Sở dĩ người ta gọi như vậy là vì tính chất giáo điều chủ nghĩa trong những nhận xét của những diễn giả và tác giả có tên tuổi của phái đó. (B.T.)

3. Liên sau đó. (N.D.)

Phê phán tuyệt đối chống lại Quần chúng»—ngoài ra ông còn dẫn chứng việc bác bỏ Bau-e đăng trong *Deutsch-französisch Jahrbücher*¹.

«Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của sự phê phán tuyệt đối là đặt tất cả các vấn đề đương thời vào *vị trí chính xác* của chúng. Thật thế! Nó không trả lời những vấn đề *hiện thực* mà lên lút thay những vấn đề hiện thực bằng những vấn đề *khác hẳn*... Ví dụ như nó đã bóp méo «vấn đề người Do-thái» sao cho khỏi phải nghiên cứu sự *giải phóng chính trị*, tức nội dung của vấn đề đó, và sao cho ngược lại có thể thỏa mãn với một sự phê phán tôn giáo Do-thái và với một sự miêu tả Nhà nước giéc-manh-cơ đốc giáo.

«Giống như mọi tính độc đáo của sự Phê phán tuyệt đối, bản thân phương pháp này cũng là sự lặp lại một thủ đoạn *tư biện*. Triết học *tư biện*, nhất là triết học của Hê-ghen, bắt buộc phải chuyển tất cả các vấn đề từ hình thức của lý trí thông thường sang hình thức của lý tính *tư biện*, và biến vấn đề hiện thực thành vấn đề *tư biện* để có thể trả lời vấn đề hiện thực. Sau khi đã xuyên tạc vấn đề của tôi, và đã giống như vấn đáp giáo lý đặt vấn đề của bản thân *hắn* trên miệng tôi, thì tất nhiên, cũng như vấn đáp giáo lý, *hắn* có thể có sẵn câu trả lời cho mỗi vấn đề của tôi.» [262]

Trong tiết 2 *a* do Ăng-ghen viết (...«Sự phê phán và Phơ-bách. Sự nguyên rủa đối với triết học»...) — tr. [264-267], chúng ta thấy những lời nồng nhiệt tán dương Phơ-bách. Khi nói về những lời công kích của sự «Phê phán» đối với triết học và về việc triết học đem sự phong phú hiện thực của các quan hệ nhân loại, «nội dung vô tận của lịch sử», «ý nghĩa của con người», v.v, v.v., để đối lập lại với nó (với triết học), thậm chí tuyên bố rằng: «bí mật của hệ thống đã bị bóc trần», — Ăng-ghen viết:

«Nhưng ai đã bóc trần bí mật của «hệ thống»? Phơ-bách. Ai đã tiêu diệt biện chứng của những khái niệm, cuộc chiến

1. Đây là nói về bài của Mác «Vấn đề Do-thái» đăng trong *Niên giám Pháp - Đức. (B.T.)*

tranh của các vị thần mà chỉ có các nhà triết học mới biết? *Phơ-bách*. Ai đã đem, nếu không phải là «*ý nghĩa của con người*» — làm như thể là người còn có một ý nghĩa khác cái ý nghĩa là người! — thì ít nhất cũng là đem «*con người*» thay vào cái đồng hồ lớn cũ kỹ, kể cả cái «*tự ý thức vô hạn*»? *Phơ-bách*, và chỉ có *Phơ-bách* thôi. Ông ta còn làm hơn thế nữa. Ông ta đã tiêu diệt từ lâu cũng những phạm trù mà ngày nay sự «*Phê phán*» đang tung ra tức là: sự «*phong phú hiện thực của các quan hệ nhân loại, nội dung vô tận của lịch sử, sự đấu tranh của lịch sử, sự đấu tranh của Quần chúng chống lại Tinh thần*», v.v.

«*Một khi con người được công nhận là bản chất, là cơ sở của mọi hoạt động nhân loại và của mọi hoàn cảnh nhân loại, thì chỉ có sự «Phê phán» mới có thể bịa ra những phạm trù mới và lại biến đổi (như chính nó đang làm) con người trở lại thành một phạm trù và thành một nguyên tắc của cả một loạt phạm trù; và như vậy là nó đã dùng đến lối thoát duy nhất còn lại cho tính vô nhân tính thần học, bị truy tầm và đuổi bắt. Lịch sử không làm gì cả, nó «không có sự phong phú vô tận nào cả», nó «không tiến hành những cuộc chiến đấu nào cả»! Trái lại, chính con người, con người hiện thực và sống đã làm tất cả cái đó, đã có tất cả cái đó, đã tiến hành tất cả các cuộc chiến đấu đó; không phải — hãy tin như vậy — «*lịch sử*» đã dùng con người làm phương tiện để thực hiện — làm như thể lịch sử là một người đứng riêng ra ngoài — những mục đích của riêng nó; lịch sử chỉ là hoạt động của con người đang theo đuổi những mục đích của mình. Vậy nếu sự phê phán tuyệt đối còn có can đảm, sau những chứng minh thiên tài của *Phơ-bách*, khôi phục lại cho chúng ta tất cả những cái món cồ lỗ ấy dưới một bộ mặt mới... [265], v.v., thì chỉ riêng một việc ấy cũng đủ để đánh giá tính ưu trí của phê phán, v.v.*»

Sau đó, khi nói về sự đối lập của Tinh thần và «*vật chất*» (sự phê phán đã gọi quần chúng: «*vật chất*»), Ăng-ghe-n viết:

«*Còn ai có thể nói là sự phê phán tuyệt đối không phải đích thật là có tính chất giéc-manh-cơ-đốc giáo nữa nào? Sau khi sự đối lập cũ giữa chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa*

duy vật trên mọi mặt đã bị tiêu trừ trong cuộc đấu tranh, sau khi *Phơ-bách* đã khắc phục sự đối lập ấy một cách vĩnh viễn thì, sự «phê phán» lại đem sự đối lập ấy làm thành một giáo điều cơ bản dưới hình thức khá ố nhất, và đem lại thắng lợi cho «*Tinh thần giéc-manh-cơ đốc giáo.*» [266]

Trả lời cho điều khẳng định của Bau-e cho rằng: «*Những người Do-thái ngày nay đã được giải phóng tùy theo trình độ tiến bộ của họ về lý luận; họ được tự do tùy theo trình độ muốn tự do của họ*», Mác nói:

«*Câu nói này cho phép chúng ta lập tức đo được cái vực thẳm phê phán đã ngăn cách chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội thể tục của Quần chúng, với chủ nghĩa xã hội tuyệt đối. Luận điểm đầu tiên của chủ nghĩa xã hội thể tục đã bác bỏ sự giải phóng thuần túy ở lĩnh vực lý luận, coi đó là một ảo tưởng, và đòi hỏi cho tự do chân chính, không những «ý chí» duy tâm mà cả những điều kiện rất cụ thể, rất vật chất. «Quần chúng» — quần chúng này tin rằng những cuộc đảo lộn vật chất, thực tế, là tất yếu, dù chỉ là để giành lấy thì giờ và những phương tiện chỉ cần thiết để nghiên cứu «lý luận» — thật là thấp hơn sự Phê phán thần thánh biết bao!*» [267]

Phần tiếp, trang [267-280], phê phán rất khô khan, quá sức châm chọc đối với *Literaturzeitung*, bình luận theo kiểu «*đả kích*». Tuyệt đối không có gì đáng chú ý cả.

Cuối tiết b) vấn đề người Do-thái số II [267-294]. Những trang [280-294] là đoạn Mác trả lời rất hay sự biện hộ của Bau-e cho quyền sách của ông ta: *Vấn đề người Do-thái* là quyền đã bị phê bình trong *Deutsch-französische Jahrbücher* (Mác luôn luôn dẫn báo này). Ở đây, Mác nhấn mạnh và làm nổi bật những nguyên lý cơ bản của toàn bộ thể giới quan của mình.

«*Những vấn đề trước mắt của tôn giáo, ngày nay, đã có một ý nghĩa xã hội*» — điều này đã được vạch rõ trong *Deutsch-französische Jahrbücher*. Ở đây đã miêu tả rõ ràng «*tình hình thực tế của người Do-thái trong xã hội tư sản cận đại*». «*Đáng lẽ phải giải thích bí mật của tôn giáo Do-thái bằng*

những người Do-thái hiện thực, thì Ô. Bau-e lại giải thích những người Do-thái hiện thực bằng tôn giáo Do-thái». [283]

Ô. Bau-e không ngờ rằng tinh thần Do-thái hiện thực, thể tục, và do đó cả bản thân tinh thần Do-thái tôn giáo nữa, là do sinh hoạt tư sản hiện nay không ngừng sản sinh ra và đã đạt đến trình độ phát triển cao nhất của nó trong chế độ tiền tệ.

Trong *Deutsch-französische Jahrbücher*, người ta đã vạch ra rằng phải tìm sự phát triển của tinh thần Do-thái trong «thực tiễn thương nghiệp và công nghiệp»; rằng tinh thần Do-thái thực tiễn chỉ là «thực tiễn đã hoàn bị của bản thân thể giới cơ đốc giáo». [284]

«Người ta đã chứng minh rằng nhiệm vụ xóa bỏ bản chất Do-thái thực ra chính là nhiệm vụ xóa bỏ tinh thần Do thái của xã hội tư sản, tình trạng vô nhân tính của thực tiễn hiện nay của đời sống mà đỉnh cao nhất là chế độ tiền tệ.» [284]

Khi yêu cầu tự do... người Do-thái cũng do đó mà yêu cầu cả cái hoàn toàn không đối lập với tự do chính trị [285-286] — vấn đề ở đây là tự do chính trị.

«Người ta đã chỉ cho Ô. Bau-e thấy rằng sự phân chia con người thành công dân không tôn giáo và con người cá biệt có tôn giáo là không có gì mâu thuẫn với giải phóng chính trị.» [286]

Và sau đó:

«Người ta đã chỉ cho ông ta thấy rằng nếu Nhà nước tự giải phóng khỏi tôn giáo bằng cách tự giải phóng khỏi tôn giáo Nhà nước và bằng cách phó mặc cho tôn giáo tồn tại trong xã hội thị dân, thì con người cá biệt sẽ tự giải phóng về mặt chính trị khỏi tôn giáo, bằng cách không coi tôn giáo như là một việc công nữa, mà là một việc tư của mình. Cuối cùng, người ta cũng đã chỉ cho ông ta thấy rằng thái độ khùng bố của Cách mạng Pháp đối với tôn giáo, không những không gạt bỏ quan điểm này, mà trái lại còn xác nhận nó nữa.» [286]

Những người Do-thái yêu cầu nhân quyền phổ biến.

«Thế nhưng, trong *Deutsch-französischer Jahrbücher*, người ta lại cắt nghĩa cho Ô. Bau-e rằng «nhân tính tự do» này và «sự thừa nhận» nó không phải là cái gì khác hơn là sự thừa nhận cả *nhân tư sản ích kỷ* và sự vận động không kìm hãm được của những yếu tố tinh thần và vật chất, những yếu tố này tạo thành nội dung sinh hoạt của cá nhân đó trong cuộc sống, tạo thành nội dung của cuộc sống tư sản ngày nay; rằng như vậy *những quyền lợi của con người* không giải phóng con người khỏi tôn giáo, mà đem lại cho con người quyền *tự do tôn giáo*, không giải phóng con người khỏi chế độ chiếm hữu, mà tạo cho con người quyền *tự do chiếm hữu*, không giải phóng con người khỏi cái xấu xa là phải chạy theo của cải, mà trái lại, trao cho con người quyền *tự do nghề nghiệp*.»

«Người ta đã chứng minh cho ông ta thấy rằng *sự thừa nhận của Nhà nước hiện đại đối với quyền lợi của con người* hoàn toàn có ý nghĩa giống như *sự thừa nhận của Nhà nước cổ đại đối với chế độ nô lệ*. Cơ sở tự nhiên của Nhà nước cổ đại, đó là chế độ nô lệ; cơ sở tự nhiên của Nhà nước hiện đại, đó là xã hội tư sản và *con người của xã hội tư sản*, tức là con người độc lập, con người chỉ có ràng buộc với người khác bằng mối quan hệ tư lợi và mối quan hệ của tính tất nhiên tự nhiên *không có ý thức*, con người *nô lệ của nghề nghiệp của mình*, *nô lệ của nhu cầu ích kỷ của bản thân mình* và của *nhu cầu ích kỷ của người khác*. Nhà nước hiện đại đã thừa nhận cơ sở tự nhiên của nó như vậy ở trong những *quyền lợi phổ biến của con người*.» (287-288).

«Người Do-thái càng có cơ sở đề đòi hỏi sự thừa nhận ấy của «nhân tính tự do» của nó, bởi vì «xã hội tự do tư sản» hoàn toàn có bản chất thuần túy thương nghiệp của người Do-thái và bởi vì người Do-thái, ngay từ đầu, đã là một thành viên tất nhiên của xã hội ấy.»

Những «quyền lợi của con người» không phải là bẩm sinh, mà có một nguồn gốc lịch sử, điều này Hê-ghen đã biết. [288]

Sự «Phê phán» nêu lên những mâu thuẫn của *chủ nghĩa lập hiến*, nhưng lại không khái quát những mâu thuẫn này (nó không hiểu mâu thuẫn chung của chủ nghĩa lập hiến).

Nếu nó làm như vậy, thì nó đã sẽ chuyển từ chế độ quân chủ lập hiến sang *Nhà nước dân chủ đại nghị*, sang *Nhà nước hiện đại hoàn bị* rồi. [289]

Hoạt động công nghiệp không vì sự thủ tiêu những đặc quyền (phường hội) mà bị thủ tiêu theo, trái lại, nó lại càng phát triển mạnh hơn. Chế độ chiếm hữu ruộng đất không vì sự thủ tiêu của những đặc quyền về ruộng đất mà bị thủ tiêu theo, «trái lại, sự vận động phổ biến của nó chỉ có thể bắt đầu với sự thủ tiêu những đặc quyền ấy, trong sự tự do phân chia ruộng đất thành từng khoảnh và sự tự do chuyển nhượng». [291] Thương nghiệp không vì sự thủ tiêu của những đặc quyền thương nghiệp mà bị thủ tiêu theo, trái lại, chỉ có thực hiện sự thủ tiêu đó, thương nghiệp mới trở thành thương nghiệp thật sự tự do; tôn giáo cũng vậy: «Chi ở đâu không có tôn giáo có đặc quyền, thì ở đấy trên thực tế tôn giáo mới có thể phát triển được một cách phổ biến (đây là nói về Hợp chúng quốc Mỹ).» [291]

... «Về bề ngoài mà nói, chế độ nó lệ của xã hội tư sản chính là tự do lớn nhất»... [291]

Thích ứng với sự thủ tiêu (*Auflösung*) tồn tại chính trị của tôn giáo (thủ tiêu nhà thờ Nhà nước), tài sản (thủ tiêu sự hạn chế đối với tư cách tuyền cử), v.v. — là «cuộc sống mạnh mẽ nhất của chúng, cuộc sống này, từ nay về sau sẽ phục tùng một cách lạng lẽ những quy luật vốn có của nó và phát huy đến cực độ sự tồn tại của nó».

Trạng thái vô chính phủ — đó là quy luật của xã hội tư sản giải phóng khỏi mọi đặc quyền. [292]

... C. CUỘC CHIẾN ĐẤU PHÊ PHÁN CHỐNG LẠI CÁCH MẠNG PHÁP

Trích dẫn Bau-e, Mác viết: «Những tư tưởng mà Cách mạng Pháp đã nêu lên không làm cho chúng ta vượt quá được trật tự mà nó muốn thủ tiêu bằng bạo lực.

«*Tư tưởng* không bao giờ có thể làm cho chúng ta vượt quá trật tự cũ của thế giới, trong mọi trường hợp nó chỉ có thể làm cho chúng ta vượt quá những tư tưởng về trật tự cũ ấy mà thôi. Nói chung, tư tưởng *không thể thực hiện được bất kỳ cái gì cả*. Muốn thực hiện những tư tưởng cần có những người vận dụng một lực lượng thực tiễn.» [294]

Cách mạng Pháp đã sản sinh ra những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản (Ba-bốp); những tư tưởng này xây dựng một cách nhất quán đã bao hàm tư tưởng về trật tự mới của thế giới.

Khi nói về những lời nói của Bau-e cho rằng Nhà nước phải duy trì sự liên kết của những nguyên tử ích kỷ riêng biệt, Mác trả lời [296] rằng, thật ra những thành viên của xã hội tư sản hoàn toàn không phải là những nguyên tử; họ chỉ tưởng tượng mình là nguyên tử mà thôi; bởi vì họ không thể tự mình độc lập tồn tại như những nguyên tử được; họ có những mối quan hệ với những người khác, những nhu cầu của họ luôn luôn đặt họ vào sự ràng buộc ấy.

«*Như vậy chính tính tất yếu tự nhiên, chính những đặc tính bản chất của con người, không kể chúng được biểu hiện dưới hình thức tha hóa nào, chính lợi ích, chính tất cả những cái đó đã liên kết mọi thành viên của xã hội tư sản lại với nhau, vậy mối liên hệ hiện thực giữa họ với nhau là sinh hoạt thị dân; chứ không phải là sinh hoạt chính trị... Ngày nay, chỉ có sự mê tín về chính trị mới cho rằng đời sống thị dân được Nhà nước củng cố, trên thực tế thì trái lại, chính Nhà nước được đời sống thị dân củng cố.*» [296]

Rô-be-spi-e, Xanh-Giuyét và chính đảng của họ sở dĩ bị diệt vong là bởi vì họ đã lẫn lộn xã hội dân chủ hiện thực cổ đại lấy chế độ nô lệ làm nền tảng với Nhà nước đại nghị dân chủ duy linh hiện đại lấy xã hội tư sản làm nền tảng. Xanh-Giuyét trước khi bị hành hình, đã chỉ vào cái bảng (áp-phích? cáo thị treo) có viết *Tuyên ngôn nhân quyền* mà kêu lên rằng: «*C' est pourtant moi qui ai fait cela.*»¹ «Cái bảng đó chính đã tuyên bố những quyền lợi của một con người, con

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: Ấy thế mà chính ta đã làm ra cái ấy. (N.D.)

người đó không thể là con người của xã hội cổ đại, cũng giống như những điều kiện *kinh tế* và *công nghiệp* trong đó người ấy sống không thể là những điều kiện của *thời cổ đại*.» [298]

Trong ngày 18 tháng Sương mù, cái đã trở thành mối ngon cho Na-pô-lê-ông, không phải là phong trào cách mạng, mà là giai cấp tư sản tự do. Sau khi Rô-be-spi-e sụp đổ, dưới thời Đê-réc-toa¹, bắt đầu sự sinh tồn tầm thường của xã hội tư sản: cuộc chạy đua cuồng nhiệt (*Sturm und Drang*) theo kinh doanh thương nghiệp, cảnh hỗn độn (*Taumel*) của cuộc sống tư sản mới; «sự tiến bộ thực sự sáng sủa của chế độ chiếm hữu ruộng đất Pháp, kết cấu phong kiến của chế độ chiếm hữu ruộng đất đã bị lưỡi búa Cách mạng đập cho tan nát, và, với nhiệt tình ban đầu của sự chiếm hữu, vô số những người sở hữu mới đã tiến hành canh tác một cách toàn diện dưới mọi hình thức; những hoạt động đầu tiên của nền công nghiệp đã được giải phóng, — đấy, một vài biểu hiện của cuộc sống của xã hội tư sản mới thành hình là như thế đấy.» [298-299]

CHƯƠNG VI. — SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN THẺ HIỆN Ở Ô. BƠ-RU-NÔ...

3. — CHIẾN DỊCH THỨ BA CỦA SỰ PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI

d. *Cuộc chiến đấu phê phán chống chủ nghĩa duy vật Pháp* [300-310].

[[Đoạn này (tiết d trong phần 3 của chương VI) là một trong những đoạn quý nhất của toàn bộ quyền sách. Ở đây

1. Directoire: một hội đồng gồm 5 người mà Hiến pháp nước Pháp năm III đã giao cho quyền chấp chính; hội đồng này tồn tại ngày 5 tháng Sương mù năm IV đến ngày 18 tháng Sương mù năm VIII, khi Na-pô-lê-ông bắt đầu cướp chính quyền thiết lập chế độ Consulat. (N.D.)

người ta không thấy sự phê phán từng câu từng chữ, toàn bộ là một sự trình bày chính diện. Đây là một sự *khái quát ngắn gọn về lịch sử chủ nghĩa duy vật Pháp*. Đáng lẽ phải dẫn ra toàn cả đoạn, nhưng ở đây tôi chỉ có thể tóm tắt một cách ngắn gọn.]]

Triết học Pháp của những nhà ánh sáng thế kỷ XVIII và chủ nghĩa duy vật Pháp không phải chỉ là một cuộc đấu tranh chống lại các chế độ chính trị đương thời, mà cũng là một cuộc đấu tranh công khai chống lại *siêu hình học* thế kỷ XVII, nhất là chống lại siêu hình học của Đê-các-tơ, Ma-lơ-bơ-răng-sơ, Spi-nô-da và Lép-nít-xơ. «Người ta đã đem triết học đối lập với siêu hình học, cũng giống như Phơ-bách đã đem sự thanh đạm của triết học đối lập với sự say sưa của tư biện, khi lần đầu tiên, ông ta kiên quyết đứng trên lập trường chống lại Hê-ghen.» [301]

Siêu hình học thế kỷ XVII, bị chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII đánh bại, đã có một cuộc phục tích thắng lợi và phong phú về nội dung (*gehaltvolle*) trong triết học Đức và nhất là trong triết học tư biện Đức thế kỷ XIX. Hê-ghen đã kết hợp nó một cách thiên tài với toàn bộ siêu hình học và chủ nghĩa duy tâm Đức, và đã xây dựng một vương quốc siêu hình phổ biến. Tiếp đến «trận tấn công chống lại siêu hình học tư biện và mọi siêu hình học nói chung. Siêu hình học này đã vĩnh viễn bị sụp đổ trước chủ nghĩa duy vật đã được hoàn thiện bởi chính hoạt động của bản thân tư biện và phù hợp với chủ nghĩa nhân đạo. Nhưng nếu Phơ-bách về mặt lý luận đại diện cho một chủ nghĩa duy vật phù hợp với chủ nghĩa nhân đạo, thì chính chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản Pháp và Anh đã đại diện cho nó về mặt thực tiễn.» [301]

Chủ nghĩa duy vật Pháp có hai khuynh hướng: 1. khuynh hướng bắt nguồn từ Đê-các-tơ; 2. khuynh hướng bắt nguồn từ Lốc-cơ. Khuynh hướng thứ hai này «dẫn thẳng đến chủ nghĩa xã hội». [301]

Khuynh hướng thứ nhất, chủ nghĩa duy vật cơ giới, chuyển biến thành-khoa học tự nhiên Pháp.

Đê-các-tơ, trong vật lý học của ông, tuyên bố vật chất là thực thể duy nhất. Chủ nghĩa duy vật cơ giới Pháp giữ lấy vật lý học của *Đê-các-tơ* và gạt bỏ siêu hình học của ông ta.

«Học phái này bắt đầu với thầy thuốc *Lơ-roa*, đạt đến đỉnh cao nhất với thầy thuốc *Ca-ba-ni-xơ*, và chính thầy thuốc *La Mêt-lơ-ri* là nhân vật trung tâm.» [302]

Đê-các-tơ còn sống khi *Lơ-roa* vận dụng cấu tạo cơ giới của động vật để giải thích cơ thể con người, tuyên bố rằng *linh hồn chỉ là một trạng thái của nhục thể* và tư tưởng chỉ là những vận động cơ giới. [302] *Lơ-roa* thậm chí càng tin rằng *Đê-các-tơ* đã che giấu quan niệm thật của mình. *Đê-các-tơ* đã cãi lại.

Cuối thế kỷ XVIII, *Ca-ba-ni-xơ* đã hoàn thành chủ nghĩa duy vật của *Đê-các-tơ* trong tác phẩm «Rapport du physique et du moral de l'homme»¹ của ông ta.

Ngay từ đầu, siêu hình học thế kỷ XVII đã gặp phải một kẻ đối kháng là chủ nghĩa duy vật. Kẻ đối kháng với *Đê-các-tơ* là *Gát-xen-đi*, người đã khôi phục lại chủ nghĩa duy vật của *Ê-pi-quy-a*; ở Anh — là *Hố-p-bơ*.

Vôn-te [302] nhận xét rằng sự lãnh đạm của người Pháp thế kỷ XVIII đối với những cuộc tranh luận giữa những người *Giê-đuyt* và những người khác, có nguyên nhân của nó trong triết học ít hơn là trong những đầu cơ tài chính của *Lô*. Cuộc vận động lý luận hướng về chủ nghĩa duy vật được giải thích từ trong tổ chức thực tế của đời sống Pháp hồi bấy giờ. Những lý luận duy vật đã thích ứng với thực tiễn duy vật.

Siêu hình học thế kỷ XVII (*Đê-các-tơ*, *Lép-nít-xơ*) còn liên hệ đến một nội dung tích cực. Nó đem lại những phát minh trong toán học và lý học, v.v. Đến thế kỷ XVIII, các khoa học thực chứng tách rời ra, và siêu hình học đã trở thành vô vị.

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: Quan hệ giữa nhục thể và tinh thần của con người. (N.D.)

Hen-vê-ti-u-xơ và Công-đi-ác ra đời đúng vào năm Ma-lơ-bơ-răng-sơ chết. [303]

Về mặt lý luận, chính *Pi-e Bay lơ* đã lật đổ siêu hình học thế kỷ XVII với vũ khí của mình: chủ nghĩa hoài nghi. Chủ yếu ông đã bác Spi-nô-da và Lép-nít-xơ. Ông đã tuyên bố xã hội vô thần. Ông đã là « nhà siêu hình học cuối cùng theo nghĩa của thế kỷ XVII và là nhà triết học đầu tiên theo nghĩa của thế kỷ XVIII » [304] — theo cách nói của một tác giả Pháp.

Nhưng ngoài những lời bác bỏ phù định ấy, cần có một hệ thống khẳng định chống siêu hình học. Chính Lốc-cơ đã cung cấp hệ thống này.

Chủ nghĩa duy vật là con đẻ của nước Anh. Chính nhà triết học kinh viện của nó *Đăn Scốt* đã tự hỏi: « Không biết vật chất có thể tư duy được không? » Ông ta là nhà duy danh chủ nghĩa. Nói chung, chủ nghĩa duy danh¹ là biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật.

Thủy tổ chân chính của chủ nghĩa duy vật Anh là *Bê-con*. (« Trong số những đặc tính sẵn có của vật chất, vận động là đặc tính đầu tiên và trọng yếu nhất, không phải chỉ với tính chất là vận động cơ giới và toán học, mà còn nhiều hơn nữa, là bản năng, tinh thần sống, lực phát triển, sự thống khổ (*Qual*)... của vật chất. ») [304]

« Ở *Bê-con*, người sáng tạo đầu tiên ra nó, chủ nghĩa duy vật còn bao hàm một cách ngây thơ, mằm mống của một sự phát triển toàn diện. Vật chất cười với toàn bộ con người trong sự huy hoàng của cảm tính đầy thi vị của nó ».

Ở *Hốp-bơ*, chủ nghĩa duy vật trở thành *phiến diện*, trở thành kẻ thù của con người, trở thành cơ giới. Hốp-bơ đã hệ thống hóa *Bê-con*, nhưng đã không phát triển thêm (*be-gründet*) nguyên lý cơ bản của *Bê-con*: những tri thức và tư tưởng bắt nguồn từ trong thế giới cảm tính (*Sinnenwelt*) — [305].

1. Một trào lưu triết học của thời đại trung cổ cho rằng những ý niệm chung không có hiện thực, và chỉ là những tên các sự vật, đối lập với chủ nghĩa duy thực công nhận sự tồn tại của các ý niệm chung ấy độc lập với sự tồn tại của sự vật. (B.T.)

Cũng như *Hốp-bơ* đã thủ tiêu những thành kiến *hữu-thần luận* của chủ nghĩa duy vật của *Bê-con*, *Cô-lanh*, *Đôt-oen*, *Cô-oác-đơ*, *Hác-lây*, *Pơ-ri-ét-slây*, v.v., đã thủ tiêu những hàng rào thần học cuối cùng của chủ nghĩa cảm giác của *Lốc-cơ*.

Công-đi-ác đã hướng chủ nghĩa cảm giác¹ của *Lốc-cơ* chống lại siêu hình học thế kỷ XVII. Ông đã công khai bác bỏ các hệ thống của *Đê-các-tơ*, *Spi-nô-da*, *Lép-nít-xơ* và *Ma-lơ-bơ-răng-xơ*.

Người Pháp đã « văn minh hóa » [306] chủ nghĩa duy vật của người Anh.

Với *Hen-vê-ti-u-xơ* (cũng xuất phát từ *Lốc-cơ*), chủ nghĩa duy vật mang một tính chất đặc biệt Pháp.

La Mét-tơ-ri — kết hợp chủ nghĩa duy vật của *Đê-các-tơ* với chủ nghĩa duy vật Anh.

Rô-bi-nê, ông này, liên hệ nhiều nhất với siêu hình học.

« Cũng như chủ nghĩa duy vật của *Đê-các-tơ* hướng thẳng đến khoa học tự nhiên chân chính, khuynh hướng kia của chủ nghĩa duy vật Pháp hướng thẳng đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. » [307]

Không có gì dễ hơn là suy chủ nghĩa xã hội ra từ những tiền đề của chủ nghĩa duy vật (cải tạo thế giới cảm tính — kết hợp lợi ích riêng và lợi ích chung — tiêu diệt nguồn gốc của những tội phạm chống lại xã hội, v.v.).

Phu-ri-ê trực tiếp xuất phát từ học thuyết của những người duy vật Pháp. Những người theo chủ nghĩa *Ba-bốp* là những người duy vật thô lỗ, chưa thành thực. *Ben-tam* xây dựng hệ thống của mình trên đạo đức của *Hen-vê-ti-u-xơ*, và *Ô-oen* xuất phát từ hệ thống *Ben-tam* để xây dựng chủ nghĩa cộng sản Anh. *Ca-bê*, từ nước Anh mang tới Pháp những tư tưởng cộng sản (đó cũng là một đại biểu được nhiều người biết nhất mặc dầu là nông cạn nhất của chủ nghĩa cộng sản — [308]). « Những người khoa học hơn », *Đê-da-mi*, *Gay*, v.v., đã phát triển học thuyết của chủ nghĩa duy vật coi như chủ nghĩa nhân văn hiện thực.

1. Trào lưu triết học cho rằng những cảm giác là nguồn gốc duy nhất của nhận thức. Chủ nghĩa cảm giác có thể dẫn đến hoặc chủ nghĩa duy vật hoặc chủ nghĩa duy tâm. (B.T.)

Ở những trang [309-310], Mác ghi lại (bằng chữ nhỏ, trên 2 trang) *những đoạn trích dẫn của Hen-vê-ti-u-xơ, Hôn-bách Ben-lam*, để chứng minh mối liên hệ giữa *chủ nghĩa duy vật* thế kỷ XVIII với *chủ nghĩa cộng sản Anh và Pháp* thế kỷ XIX.

Ở những tiết sau, cần ghi đoạn sau đây:

«Cuộc tranh luận giữa *Stơ-rau-xơ* và *Bau-e* về *thực thể* và *tự ý thức*¹ là một cuộc tranh luận trong phạm vi những tư biện của *Hê-ghen*. Ở *Hê-ghen*, có ba nhân tố: *thực thể* kiểu *Spi-nô-da*, *tự ý thức* kiểu *Phích-tơ*, sự *thống nhất* kiểu *Hê-ghen* — tất nhiên là có tính chất *mâu thuẫn* — của hai nhân tố trên đây, tức *tinh thần tuyệt đối*. Nhân tố thứ nhất là giới tự nhiên cái trang theo kiểu siêu hình học, trong sự *tách rời* của nó khỏi con người; nhân tố thứ hai là *tinh thần* cái trang theo kiểu siêu hình học, trong sự *tách rời* của nó khỏi giới tự nhiên; nhân tố thứ ba, là sự *thống nhất* cái trang theo kiểu siêu hình học của hai nhân tố trên đây, tức là, *con người hiện thực và loài người hiện thực*» [315-316] và đoạn sau đây với sự đánh giá về *Phơ-bách*:

«*Stơ-rau-xơ* và *Bau-e* đều đã ứng dụng hệ thống của *Hê-ghen* một cách hết sức triệt để vào thần học, *Stơ-rau-xơ* theo quan điểm của *Spi-nô-da* và *Bau-e* theo quan điểm của *Phích-tơ*. Cả hai người đều *phê phán* *Hê-ghen*, bởi vì ở *Hê-ghen*, mỗi một nhân tố trong hai nhân tố trên đây bao giờ cũng bị nhân tố kia *làm cho sai lạc đi*, còn họ, thì họ đưa từng nhân tố đó đến một sự phát triển *phiến diện* và do đó có tính chất *triệt để*. — Do đó trong sự *phê phán* của họ, cả hai người đều đã vượt quá *Hê-ghen*, nhưng cả hai người cũng đều dừng lại trong *nội bộ* tư biện của *Hê-ghen* và mỗi người chỉ là đại diện cho *một mặt* của hệ thống của *Hê-ghen* mà thôi. *Phơ-bách* là người đầu tiên xuất phát từ quan điểm của *Hê-ghen* đã kết thúc và *phê phán* triết học *Hê-ghen*, bằng cách

1. D.F. Strauss và Bruno Bauer đều là hai người theo phái *Hê-ghen* trẻ, bút chiến với nhau dưới nhãn hiệu *phê phán* thần học. *Ăng-ghen* nói: Vấn đề là cần biết xem «*thực thể*» hay «*tự ý thức*» là động lực quyết định của lịch sử thế giới. (Lút-vích *Phơ-bách*... *Nghiên cứu triết học* tr. 22. Nhà xuất bản Xã hội, 1951. (B.T.)

quy tình thần *tuyệt đối* siêu hình thành «con người hiện thực lấy giới tự nhiên làm cơ sở»; ông cũng là người đầu tiên đã hoàn thành sự *phê phán đối với tôn giáo* bằng cách đồng thời vạch ra một cách tài tình những nguyên lý lớn cho việc *phê phán đối với tư biện của Hê-ghe*n và, do đó, đối với tất cả mọi chủ nghĩa siêu hình.» [316]

Mác chế nhạo chủ nghĩa duy tâm của «lý luận về tự ý thức» của Bau-e (những nguyên biện của chủ nghĩa duy tâm *tuyệt đối* — [318]), ông chứng minh rằng đó là một sự lặp lại dưới một hình thức khác lý luận của Hê-ghe, ông dẫn ra *Hiện tượng học* của Hê-ghe và những nhận xét phê phán của Phơ-bách (*Philosophie der Zukunft*¹ tr. 35: triết học phủ định — *negiert* — «cái cảm giác vật chất» cũng giống như thần học phủ định «giới tự nhiên bị tội tổ tông đầu độc»).

Chương sau (VII) lại bắt đầu bằng một đoạn phê phán vô vị, châm chọc (1⁰ các trang ([321-325])). Trong tiết 2a, một đoạn hay.

Mác nêu lên một bức thư đăng trên báo *Literaturzeitung* của một vị «đại biểu Quần chúng», vị đại biểu này đòi hỏi nghiên cứu hiện thực, khoa học tự nhiên, công nghiệp và vì lẽ đó đã bị «sự Phê phán» chửi:

«Hoặc là (!) ngài cho rằng việc nhận thức hiện thực lịch sử đã được hoàn thành rồi hay sao? — «bạn phê phán» đã la lên như vậy với vị đại biểu Quần chúng. Hoặc là (!) ngài có biết một thời kỳ lịch sử nào — dù chỉ là một thời kỳ lịch sử thôi — là đã thực sự được nhận thức rồi không?»

Mác trả lời: «Hoặc là sự Phê phán có tính chất phê phán tương đối đạt đến, dù chỉ ở bước đầu, sự nhận thức đối với hiện thực lịch sử, khi nó loại trừ được khỏi sự vận động lịch

1. *Triết học tương lai* của Phơ-bách (*Nguyên lý triết học tương lai*, 1843) tiếp theo những châm ngôn của Phơ-bách: *Luận điểm sơ bộ về cải tổ triết học* (1842) trong đó Phơ-bách trình bày cơ sở của triết học duy vật của ông và phê phán triết học duy tâm của Hê-ghe. (B.T.)

sử, mối quan hệ lý luận và thực tiễn giữa người với giới tự nhiên, tức là khoa học tự nhiên và công nghiệp? Hoặc là nó cho rằng trên thực tế đã biết được một thời kỳ nào đó trước khi nghiên cứu chẳng hạn công nghiệp của thời kỳ đó, phương thức sản xuất trực tiếp của bản thân đời sống? Thật ra sự Phê phán có tính chất phê phán, có tính chất duy linh chủ nghĩa và thần học, chỉ biết được — ít nhất cũng là hiểu biết bằng tưởng tượng — những sự kiện chủ chốt về chính trị, văn học và thần học của lịch sử. Giống như nó đã tách rời tư duy khỏi các giác quan, linh hồn khỏi thể xác, bản thân nó khỏi thế giới, nó cũng tách rời lịch sử khỏi khoa học tự nhiên và khỏi công nghiệp; và đối với nó, nơi sinh ra lịch sử không phải là nền sản xuất vật chất thô lỗ trên trái đất, mà là những đám mây mù đang bay bồng trên trời.» [327]

Vị đại biểu Quần chúng trên đây được sự Phê phán gọi là *người duy vật của Quần chúng*. [327]

«Sự phê phán của người Pháp và người Anh không phải là một nhân vật thuộc loại đó, trừu tượng, ở bên kia, ở bên ngoài nhân loại: nó là *hoạt động nhân loại hiện thực* của những cá nhân, những cá nhân này là những thành viên tích cực của xã hội, đang đau khổ, đang cảm giác, đang tư duy, đang hành động với tư cách là con người. Cho nên sự phê phán của họ đồng thời cũng thấm nhuần thực tiễn; chủ nghĩa cộng sản của họ là một chủ nghĩa xã hội, trong đó họ nêu lên những biện pháp thực tế, cụ thể, trong đó không những chỉ thể hiện tư duy của họ, mà chủ yếu hơn là còn thể hiện hành động thực tiễn của họ nữa; sự phê phán của họ là sự phê phán sinh động, thực tế đối với xã hội đang tồn tại, là sự nhận thức những nguyên nhân của «sự sụp đổ». [331]

[[Toàn cả chương VII [321-339], ngoài những đoạn đã trích dẫn ra, chỉ còn lại những lời tranh biện vụn vặt kỳ khôi nhất, những lời nhai lại, nắm lấy những mâu thuẫn nhỏ nhất nhất và chế nhạo tất cả những cái ngu xuẩn của *Literaturzeitung*, v.v.]]

Trong chương VIII, chúng ta có một tiết về « sự biến hóa có tính chất phê phán của một anh hàng thịt thành chó », và sau đó về Fleur de Marie¹ của *O-gien Xuy* (có thể là đầu đề của một quyển truyện hay là tên của một vai chính trong truyện nào đó) với một vài nhận xét nhỏ của Mác « kịch liệt » nhưng không thú vị. Nhưng người ta có thể ghi lại của những trang [356 357] # — một vài nhận xét về lý luận về tội hình của Hê-ghen, những trang [363-364] phản đối việc *O-gien Xuy* biến hộ cho chế độ xà-lim (*Cellalarsystem*).

« Theo Hê-ghen, tội hình là bản án mà người phạm tội, tự mình xét xử mình. *Gan-xơ* đã phát triển hết sức rộng rãi lý luận này. Ở *Hê-ghen*, lý luận này là sự *tô điểm tư biện* của đạo luật *jus talionis*² cổ đại mà *Can-tơ* đã trình bày như là lý luận *pháp lý duy nhất* về tội hình. Ở Hê-ghen, sự xử tội của người phạm tội đối với bản thân mình là một « *ý niệm* » thuần túy, là một sự giải thích thuần túy tư biện về những *tội hình kinh nghiệm thông thường*. Cho nên, Hê-ghen cho rằng hình thức tội hình là căn cứ vào trình độ văn minh của Nhà nước; nói một cách khác, ông đề cho tội hình tồn tại y nguyên như cũ. Chính ở điểm này, ông đã tỏ ra phê phán hơn là con vẹt phê phán của ông. Một lý luận về *tội hình* thừa nhận người phạm tội cũng là *con người* thì chỉ có thể làm được điều đó trong *trừu tượng*, trong *tưởng tượng* mà thôi, chính bởi vì *tội hình*, *sự cưỡng bức* là mâu thuẫn với hành vi *con người*. Hơn nữa trong thực tế, cái đó sẽ không thực hiện được. Sự võ đoán thuần túy chủ quan sẽ thay thế cho pháp luật trừu tượng bởi vì trong mỗi trường hợp, chính các nhân vật quan phương « đáng tôn và đáng kính » có quyền quyết định làm thế nào cho tội hình thích hợp với cá tính của người phạm tội. *Pơ-la-tông* đã thấy là pháp luật nhất định phải đứng trên một quan điểm duy nhất và phải không kể đến cá

1. Nhân vật cuốn truyện của *O. Xuy*: *Những bí mật của thành Pa-ri.* (N.D.)

2. Quyền báo thù. (N.D.)

tính. Trong những điều kiện hợp với nhân linh, trái lại, tội hình chỉ có thể thực sự là sự xét xử của người phạm tội đối với chính bản thân mình. Người ta sẽ không muốn thuyết phục nó rằng một bạo lực bên ngoài do người khác bắt nó phải chịu, là một bạo lực mà tự nó đem áp dụng cho bản thân nó. Trái lại, nó sẽ thấy những người khác là cứu tinh tự nhiên làm cho nó miễn được cái tội hình mà bản thân nó tuyên bố chống lại nó. Nói một cách khác, tình hình sẽ hoàn toàn đảo ngược.»

«Ở đây chắc chắn là Mác chống lại cái chủ nghĩa xã hội nông cạn mà O-gien Xuy truyền bá và chắc chắn đã được *Literaturzeitung* ủng hộ».

Chẳng hạn Mác chế giễu Xuy là kẻ đã nghĩ đến chuyện chính phủ khen thưởng hành vi đạo đức, cũng như người ta trừng phạt tội ác. (Ở [366-367] có cả một cái bảng so sánh việc xét xử tội hình và việc đánh giá những hành vi đạo đức!)

Trang [370]: Những ý kiến phê phán chống lại «Hiện tượng học» của Hê-ghen.

[371] Trong «Hiện tượng học», — bất chấp học thuyết của mình —, Hê-ghen thỉnh thoảng cũng có đưa ra một sự miêu tả hiện thực về các quan hệ của người.

[372 373] Việc làm từ thiện coi như trò tiêu khiển của người giàu.

[374-375] Trích dẫn một đoạn văn xuất sắc của Phu-ri-ê nói về sự khinh miệt đối với phụ nữ [[chống lại những nguyện vọng ôn hòa của sự «Phê phán» và của Rô-đôn-phơ, vai chính trong truyện của O-gien Xuy?]]

«Bí mật của cái dũng khí này của Bau-e (trên đây đã có một đoạn trích dẫn từ *Anecdota*)¹ là Hiện tượng học của Hê-ghen. Khi Hê-ghen đã đem lý ý thức thay cho con người

1. *Anecdota*: Tập xuất bản năm 1843 ở Thụy-sĩ gồm những bài của Bau-e và Phơ-bách. (B.T.)

thì hiện thực nhân loại *phiền tạp nhất* chỉ còn biểu hiện như là một hình thức *nhất định*, như là *một lĩnh quy luật của tự ý thức*. Nhưng một tính quy định đơn giản của tự ý thức là một «*phạm trù thuần túy*», một «*ý niệm*» thuần túy, mà tôi cũng có thể xóa bỏ trong tư duy «*thuần túy*», và khắc phục bằng tư duy thuần túy. Trong Hiện tượng học của Hê-ghe-n, những cơ sở *vật chất*, *cảm giác được*, *khách quan* của các hình thức tha hóa khác nhau của tự ý thức nhân loại đều *vẫn được giữ lại y nguyên*; và tất cả công trình có tính chất phá hoại đã đi tới *triết học bảo thủ nhất* **sic!**¹, bởi vì quan điểm ấy tưởng là đã khắc phục được thế giới *khách quan*, thế giới của hiện thực cảm giác, một khi nó đã biến thế giới này thành một «*vật của tư duy*», thành một tính quy định đơn giản của *tự ý thức* và, giờ đây nó lại có thể hòa tan kẻ địch thù đã trở thành *hư vô* trong «*hư vô của tư duy thuần túy*». Vì vậy, *Hiện tượng học* đã dẫn đến việc thay thế một cách lô-gích tất cả mọi hiện thực nhân loại bằng «*tri thức tuyệt đối*»: «*tri thức*», bởi vì đó là phương thức tồn tại duy nhất của tự ý thức và tự ý thức được coi là phương thức tồn tại duy nhất của con người, — tri thức *tuyệt đối*, bởi vì chính tự ý thức chỉ biết có *một mình nó thôi* và không còn vướng mắc bởi bất kỳ một thế giới khách quan nào nữa. Hê-ghe-n đem con người biến thành *con người của tự ý thức*, mà không phải là đem tự ý thức biến thành *tự ý thức của con người*, của con người thực tức là con người sống trong một thế giới khách quan thực và do thế giới khách quan chi phối. Ông ta đã đặt thế giới lộn ngược đầu xuống dưới, và do đó, ông ta có thể khắc phục trong đầu *nào* ông ta tất cả mọi giới hạn; nhưng dĩ nhiên điều đó hoàn toàn không ngăn cản tình hình là, những giới hạn ấy vẫn tiếp tục tồn tại đối với *giới tự nhiên độc ác có thể cảm giác được*, đối với con người *hiện thực*. Ngoài ra, giới hạn đối với ông tất nhiên là tất cả cái gì vạch rõ *lĩnh hữu hạn của tự ý thức phổ biến*, tức là mọi giới tự nhiên cảm tính, tính hiện thực, cá tính của con người, cũng như

1. Sic! = nguyên văn như vậy. (N.D.)

của thế giới của họ. Mục đích của toàn bộ *Hiện tượng học* của Hê-ghen là nhằm chứng minh rằng *tự ý thức là hiện thực duy nhất và bao trùm tất cả*... [370]

... «Sau cùng, rõ ràng là *Hiện tượng học* của Hê-ghen, tuy là có cố tật tư biện nguyên thủy nhưng ở nhiều chỗ nó vẫn có những nhân tố của sự miêu tả một cách chân thực các quan hệ loài người, còn Bơ-ru-nô và đồng bọn, thì trái lại, chỉ nêu lên được một bản biếm họa rỗng tuếch»... [371]

«Nhu vậy Rô-đôn-phơ đã bóc trần một cách vô ý thức cái bí mật đã được vén lên từ lâu: bản thân sự cùng khổ của loài người, sự quẫn bức cực độ khiến người ta không thể không ngửa tay nhận của bố thí, phải dùng để *mua vui* cho bọn quý tộc kim tiền và quý tộc trí thức, để thỏa mãn tính tự ái của chúng, để mơn trớn tính tự mãn của chúng, để cho chúng tiêu khiển.

«Những hội thiện có rất nhiều ở Đức, những hội thiện có rất nhiều ở Pháp, những cái trò từ thiện huênh hoang theo kiểu Đông Ky-sốt¹ có rất nhiều ở Anh, những buổi hòa nhạc, những cuộc khiêu vũ, những buổi biểu diễn, những bữa tiệc để cứu giúp người nghèo, cả đến những cuộc lạc quyền cho những người bị nạn, không có ý nghĩa nào khác.» [372-373]

Và Mác trích dẫn một đoạn của Ô-gien Xuy :

«A! Thưa Bà! Chi khiêu vũ để cứu giúp những người Ba-lan khổn khổ ấy thật là chưa đủ... Chúng ta phải là kẻ thương người cho đến cùng... Bây giờ chúng ta hãy đi dự tiệc để cứu giúp người nghèo!» [373]

Trang [374] trích dẫn của Phu-ri-ê (ngoại tình, xã giao, phụ nữ bị quyến rũ giết trẻ sơ sinh, vòng luẩn quẩn... «Trình độ giải phóng phụ nữ là cái thước đo tự nhiên của trình độ giải phóng chung»... [374] Văn minh biến mỗi tật xấu giản đơn thành tật xấu phức tạp, hai mặt, giả đạo đức), và Mác thêm:

1. Don Quichotte, một nhân vật tiêu biểu cho phái hiệp sĩ không tưởng của tiểu thuyết Tây-ban-nha của Xéc-van-te-xơ (Cervantès). (N.D.)

«Hoàn toàn không cần phải đối chiếu sự mô tả tài tình của Phu-ri-ê về hôn nhân, cũng như các tác phẩm của phái duy vật của chủ nghĩa cộng sản Pháp với những ý kiến của Rô-đôn-phơ.» [375]

Trang [375] và những trang tiếp theo phản đối những kế hoạch *chính trị kinh tế học* của Ô-gien Xuy và của Rô-đôn-phơ (chắc chắn là vai chính của cuốn tiểu thuyết của Xuy?), kế hoạch nhằm liên hiệp người nghèo và người giàu và tổ chức lao động (cái mà Nhà nước phải làm), v.v. — chẳng hạn, lại một cái *ngân hàng của người nghèo nữa* [VII-b]. «Ngân hàng của người nghèo», trang [376-378] = cho những người thất nghiệp vay không lấy lãi. Mác lấy những *con số* trong kế hoạch và chứng minh là nó không đáng kể so với sự nghèo khổ. Và đứng về thực chất mà nói thì ngân hàng của người nghèo cũng không hơn gì những quỹ tiết kiệm... bởi vì ngân hàng xây dựng «trên cái ảo tưởng cho rằng chỉ cần một sự *phân phối* tiền lương khác đi là người thợ có thể có ăn đủ cả năm.» [377]

Tiết c [378-379] «*Nông trang kiểu mẫu của Bu-cơ-van*» làm sống lại cái kế hoạch được sự «Phê phán» hết lời tán dương, kế hoạch một cái trại kiểu mẫu do Rô-đôn-phơ miêu tả: Mác cho đó là không tưởng bởi vì mỗi một người Pháp chỉ có thể trông vào một phần tư *li-vơ-rơ*¹ thịt cho một ngày và cho một đầu người, 93 phơ-răng thu nhập hàng năm, v.v. và trong kế hoạch người ta làm việc *gấp hai lần* so với bình thường, v.v., v.v. «Không có gì thú vị».

«Phương tiện kỳ diệu mà Rô-đôn-phơ dùng để thực hiện toàn bộ sự nghiệp cứu thế của ông ta và thực hiện toàn bộ công trình trị bệnh thần kỳ của ông ta, đó quyết không phải là những lời nói đẹp đẽ của ông ta mà đó chính là *tiền mặt* của ông ta. Phu-ri-ê nói: Đấy, các ngài đạo đức là như vậy đấy. Phải là triệu phú mới bắt chước được các anh hùng của họ.

1. Đơn vị trọng lượng của nước Pháp xưa. (N.D.)

«Đạo đức đó là *«Impuissance mise en action»*.¹ Mỗi khi nó tấn công vào một tật xấu thì nó thất bại. Và Rô-đôn-phơ thậm chí cũng không vươn lên đến quan điểm đạo đức độc lập, quan điểm đạo đức này ít ra cũng còn dựa trên ý thức về *phẩm giá con người*. Đạo đức của Rô-đôn-phơ, trái hẳn lại, dựa trên ý thức về sự yếu hèn của con người. Đó là *đạo đức thần học*.» [379]

... «Nếu, trong *hiện thực*, tất cả mọi sự khác nhau ngày càng hòa lẫn trong sự khác nhau giữa người *nghèo* và người *giàu*, thì trong *tư tưởng*, tất cả mọi sự khác nhau của quý tộc đều hòa vào trong sự đối lập giữa *thiện* và *ác*. Sự khác nhau này là hình thức cuối cùng mà kẻ quý tộc đem lại cho mọi thành kiến của nó»... [381]

... «Đối với Rô-đôn-phơ, mỗi một vận động của tâm hồn của ông ta đều có một tầm quan trọng vô hạn. Vì vậy, ông ta không ngừng cân nhắc và quan sát chúng nó... (những thí dụ)... Vị lãnh chúa này có phần nào tương tự những hội viên của hội *Nước Anh trẻ* là những người cũng muốn cải cách thế giới, lập những kỳ công vĩ tích và cũng là nạn nhân của những tai nạn loạn thần kinh khác cùng một kiểu»... [383]

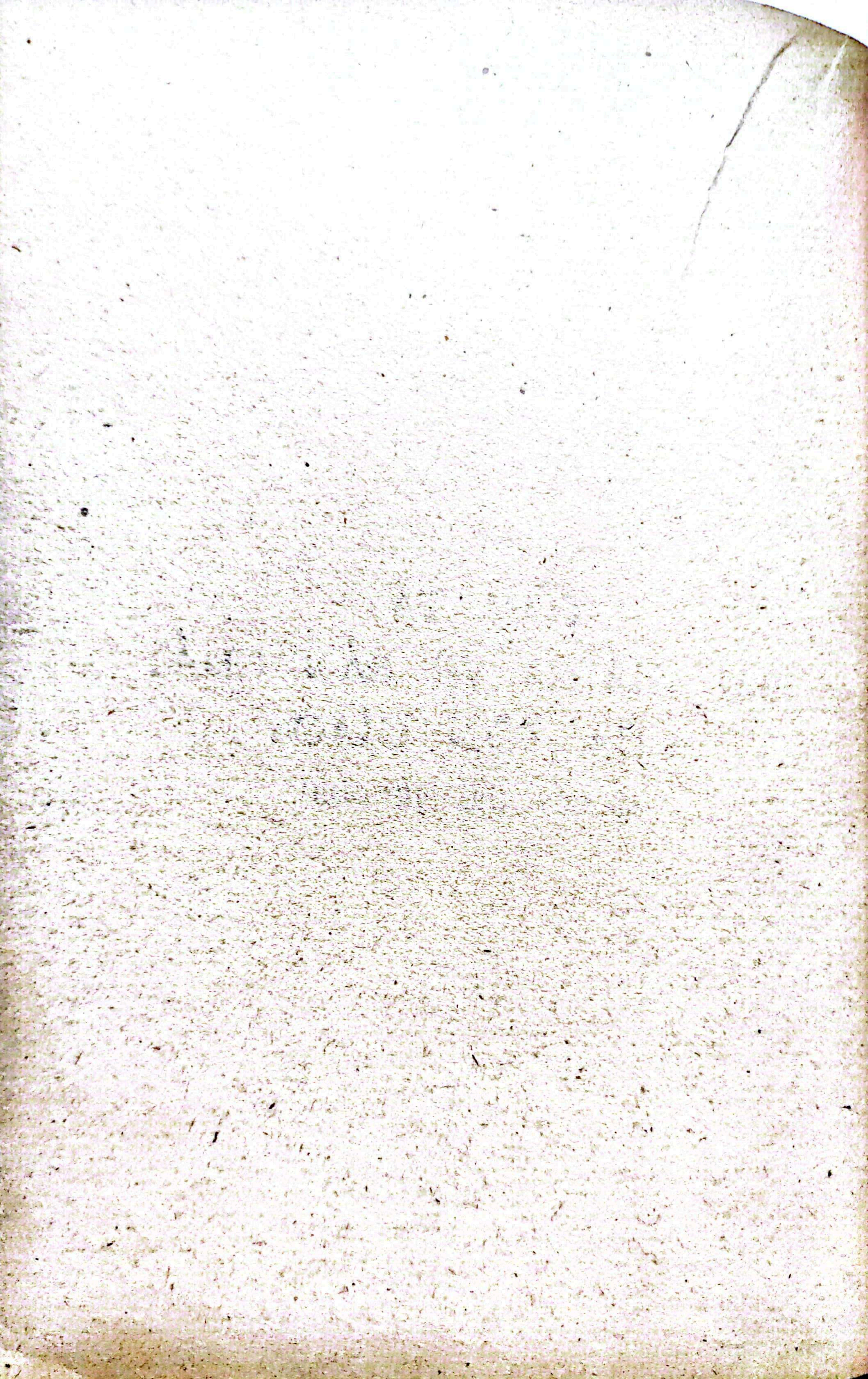
Có phải ở đây Mác định nói đến những người từ thiện Anh thuộc đảng *tô-ri*, những người đã nêu ra luật 10 giờ?

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: *Sự bất lực đang hành động*. (N.D.)



TÓM TẮT
«BÀI GIẢNG VỀ BẢN CHẤT
CỦA TÔN GIÁO»

của LÚT-VICH PHƠ-BÁCH



L. PHƠ-BÁCH

BÀI GIẢNG VỀ BẢN CHẤT CỦA TÔN GIÁO

Bài tựa đề ngày 1 tháng Giêng 1851. — Ở đây Phơ-bách giải thích tại sao ông không tham gia vào cuộc cách mạng 48, «mà kết cục là nhục nhã và không có thành hiệu» (VII)¹. Cách mạng 48 không có ý thức về địa điểm cũng như về thời gian; *những người lập hiến* chờ đợi tự do *ngôn luận* ở nhà vua, *những người cộng hòa* (VII — VIII) ... ở nơi *ý nguyện của mình* («chỉ cần muốn có một nước cộng hòa là tự khắc nảy sinh ra nước cộng hòa ngay»)...(VIII).

«Nếu cách mạng lại nồ ra, và nếu tôi tham gia vào một cách tích cực, thì các anh có thể... tin chắc là cuộc cách mạng đó sẽ thắng lợi, ngày chung thẩm sẽ đến với chế độ quân chủ và chế độ đẳng cấp.» (VII)

Bài thứ nhất [1-11]

Tr. [2] «Chúng tôi đã chán ngấy cái chủ nghĩa duy tâm chính trị, cũng như triết học rồi. Bây giờ chúng tôi muốn thành người duy vật chính trị.»

Phơ-bách đã không hiểu cách mạng 1848.

sic !!²

1. Bài tựa của Phơ-bách cho *Bài giảng về bản chất của tôn giáo* không có trong bản in Bô-lanh (1908) mà chúng tôi sử dụng. Những chỉ dẫn theo chữ số La-mã là chỉ quyền VIII của bản in 1851, còn những chỉ dẫn khác thì là chỉ quyền VIII của bản Bô-lanh. (B.T.)

2. Sic : đúng như nguyên văn. (N.D.)

Đã đảo «sự
hoang
đường» !

[3-4] - Tại sao Phơ - bách lại rút lui về thôn quê: cắt đứt với «thế giới tín ngưỡng», tr. [4], dòng [13 từ dưới lên] (xem tr. [3] — sống với «giới tự nhiên», vứt bỏ tất cả mọi biểu tượng «hoang đường». ([5])

Tr. [7-11] Phơ-bách nói qua về các tác phẩm của mình ([7-9]: lịch sử triết học cận đại) ([9-11]: Spi-nô-da, Lép-nít-xơ).

Bài thứ hai [12-20].

[12-14] — Bay-lơ.

«Cảm tính»
ở Phơ-bách

[15]. Theo tôi, *cảm tính* không phải là cái gì khác hơn là «sự thống nhất thực sự, không phải do người nghĩ ra và tạo nên, mà là sự thống nhất hiện có giữa vật chất và tinh thần; do đó theo tôi, cảm tính cũng có cùng ý nghĩa như hiện thực».

Không phải chỉ có da dầy mới là vật cảm tính, mà cả đầu óc cũng là vật cảm tính. ([17-20]: tác phẩm của Phơ-bách nói về sự bất tử; sự trình bày).

Bài thứ ba [21].

Người ta đã phản đối *Bản chất của đạo cơ đốc*¹ của tôi, cho rằng tôi chủ trương con người không phụ thuộc vào bất kỳ cái gì; «người ta đã chống lại cái gọi là chủ trương thần hóa con người của tôi». «Nhưng thực thể mà con người coi là có trước bản thân mình... chẳng qua chỉ là giới tự nhiên, chứ không phải là Thượng đế của các anh.» [25]

«Tồn tại của giới tự nhiên, không có ý thức, đối với tôi là tồn tại vĩnh viễn, không

1. Một tác phẩm lớn của L. Phơ-bách trình bày lần đầu lý luận duy vật của ông. L. Feuerbach: *Das Wesen des Christentums* 1841. (B.T.)

có bắt đầu, là tồn tại đầu tiên, nhưng là tồn tại đầu tiên trong thời gian chứ không phải theo đẳng cấp, là tồn tại đầu tiên vật lý chứ không phải tinh thần »... [26]

Phủ định của tôi cũng bao hàm một khẳng định... « Không còn nghi ngờ gì nữa, kết luận lô-gích của học thuyết của tôi là không có Thượng đế » [29], nhưng đó là kết quả của nhận thức về bản chất của Thượng đế (= biểu hiện của bản chất của giới tự nhiên, của bản chất của con người).

Bài thư tư.

« Cảm giác về sự phụ thuộc là cơ sở của tôn giáo. » [31]

« Những nhà triết học gọi là tư biện là... những nhà triết học như thế này, họ không làm cho khái niệm của họ phù hợp với sự vật, mà trái lại, họ làm cho sự vật phù hợp với khái niệm của họ. » [31]

(«sợ hãi», [32-3-4-5])

Bài thư năm.

— đặc biệt là *cái chết* làm nảy sinh ra sợ hãi, ra tín ngưỡng vào Thượng đế. [41].

Tôi căm thù chủ nghĩa duy tâm đã tách con người khỏi giới tự nhiên ; tôi không cảm thấy xấu hổ vì phải phụ thuộc vào giới tự nhiên. » [44]

« Trong *Bản chất của đạo cơ đốc*, tôi không thần thánh hóa con người như người ta đã trách tôi một cách ngu xuẩn... mà tôi cũng không muốn thần thánh hóa giới tự nhiên theo ý nghĩa của thần học. » [46-47].

Xem Mác
và
Ăng-ghen¹

1. Nói tới đoạn trong *Gia đình thần thánh* trong đó Mác và Ăng-ghen nhấn mạnh là Phơ-bách « đã phác ra một cách tài tình những nét cơ bản dùng để phê phán chủ nghĩa tư biện của Hê-ghen, và do đó phê phán tất cả mọi chủ nghĩa siêu hình ». (B.T.)

Bài thứ sáu. — Sự thờ cúng động vật
[50 và các trang sau].

« Nhưng cái bắt con người phụ thuộc vào mình..., đó là giới tự nhiên, đối tượng của giác quan... Tất cả những ấn tượng mà giới tự nhiên tạo cho con người thông qua các giác quan... đều có thể trở thành lý do của sự sùng bái tôn giáo.» [55]

Bài thứ bảy.

« Tính ích
kỳ » và ý
nghĩa của
nó

Khi nói về tính ích kỳ, tôi không có ý nói về tính ích kỳ của « người phi-li-stanh và người tư sản », mà là nói về nguyên lý triết học của sự phù hợp với giới tự nhiên, và với lý tính con người, chống lại « sự giả đạo đức thần học, ảo tưởng tôn giáo và ảo tưởng tư biện, sự chuyên chế chính trị ». [63] Xem [64], *rất quan trọng*¹.

Ở tr. [66] và [67] cũng vậy — tính ích kỳ (theo nghĩa triết học) là gốc rễ của tôn giáo. ([69] : đối với nhà bác học, người ta chỉ có thể đá kích họ bằng vũ khí của họ, nghĩa là bằng những lời trích dẫn)... « người ta chỉ có thể đá kích các nhà bác học bằng vũ khí của chính họ, nghĩa là bằng những lời trích dẫn »...

1. « Tôi hiểu ích kỳ, là lòng yêu của con người đối với bản thân mình, nghĩa là lòng yêu đối với con người, lòng yêu thúc đẩy phải thỏa mãn và phát triển tất cả những bản năng và tất cả những khả năng, không có sự thỏa mãn và sự phát triển của cái bản năng và khả năng này thì không có một con người chân chính và hoàn toàn ; tôi hiểu ích kỳ là tình yêu của một cá thể đối với những cá thể khác giống nó ; — vì tôi là cái gì nếu không có họ, tôi là cái gì nếu không có tình yêu đối với những người giống tôi ? » (B.T.)

Tiền đây nêu lên : tr. [77] Phơ-bách dùng từ ngữ « năng lượng tức là hoạt động ». Điều này đáng ghi nhớ. Thật ra, trong khái niệm năng lượng, có một nhân tố chủ quan mà trong khái niệm vận động, chẳng hạn, không có. Hay là, đúng hơn, trong khái niệm năng lượng hay trong việc dùng khái niệm năng lượng, có một cái gì loại trừ tính khách quan. Năng lượng mặt trăng (cf.)² *versus*³ vận động mặt trăng.

Về vấn đề từ¹ năng lượng

[104]... «Giới tự nhiên là tồn tại nguyên thủy, tồn tại đầu tiên và cuối cùng»...

[107]... «Đối với tôi... trong triết học... cái cảm tính là nguyên lý đầu tiên ; nhưng đầu tiên ở đây không phải chỉ là đầu tiên theo nghĩa của triết học, tư biện trong đó đầu tiên có ý nghĩa là cái phải được vượt qua, đầu tiên ở đây có nghĩa là cái không thể từ một cái khác mà ra, là cái tự bản thân nó là tồn tại và là chân thực».

Cảm tính = cái đầu tiên, cái tự bản thân nó là tồn tại và là chân thực.

...«Cái tinh thần — ở ngoài cái cảm tính và không có cái cảm tính thì sẽ không là cái gì cả.»

C.Y. nói chung tr. [108]... «tính chân thực và tính bản chất (C.Y.) của các giác quan, là... xuất phát điểm của triết học...»

[108]... «Người ta chỉ có thể suy nghĩ bằng đầu óc tồn tại một cách cảm tính của mình. Lý trí có, ở trong đầu óc, ở trong bộ não, ở trong vị trí tập trung của các giác quan, một cơ sở cảm tính vững chắc.»

xem tr. [108] về tính chính xác (của chứng cứ) của các giác quan.

1. Từ ở đây dịch chữ слово nghĩa là chữ. (N.D.)

2. Cf : xem. (N.D.)

3. *Versus* : đối với. (B.T.)

C.Y.



[111] : Giới tự nhiên = tồn tại đầu tiên, nguyên thủy, không thể từ một cái khác mà ra.

« Bản chất của tôn giáo và những Nguyên lý của triết học phụ thuộc vào nhau như vậy đấy. [110]

« Tôi không thần thánh hóa bất kỳ cái gì cả và do đó cũng không thần thánh hóa giới tự nhiên. » [112]

[113] Phơ-bách đáp lại lời chỉ trích cho rằng ông đã không nêu lên định nghĩa về giới tự nhiên như sau :

Do đó thấy rằng giới tự nhiên = tất cả trừ cái gì siêu tự nhiên. Phơ-bách sáng rõ nhưng không sâu sắc. Ăng-ghen đã định nghĩa một cách sâu sắc hơn sự khác nhau giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm¹.

« Tôi hiểu giới tự nhiên tức là toàn bộ các lực lượng, vật thể và tồn tại cảm tính; con người coi những cái này giống như những cái không phải là người để phân biệt với mình... Hay là để nói một cách cụ thể: giới tự nhiên là tất cả cái gì đối với con người biểu hiện ra — độc lập đối với những ám thị siêu tự nhiên của lòng tin ngưỡng ở thần — một cách trực tiếp, cảm tính như là cơ sở và đối tượng của đời sống của con người. Giới tự nhiên là ánh sáng, là điện, là từ, là không khí, là nước, là lửa, là đất, là con vật, là cây, là con người (con người trong chừng mực nó là một tồn tại hoạt động một cách không tự chủ và vô ý thức); bằng danh từ giới tự nhiên, tôi không đòi hỏi gì hơn nữa không có gì là thần bí, là mơ hồ, là thần học cả (trên đây : khác với Spi-nô-da).»

...« Giới tự nhiên, đó là tất cả cái gì mà anh trông thấy, và nó không phải là do bàn tay và tư duy của con người sáng tạo ra. Hay

1. Xem : « Lút-vích Phơ-bách » trong *Nghiên cứu triết học*, tr. 24 — 25. (B.T.)

là, đề đi đến sự giải phẫu giới tự nhiên, thì đó là tồn tại hoặc đó là toàn bộ những tồn tại và sự vật, mà sự có mặt, tác dụng và hiệu quả thể hiện và tạo thành chính sự tồn tại và bản chất của nó, không lấy tư duy hay là những ý định và quyết định của ý chí làm cơ sở, mà lấy những lực lượng, hay là những nguyên nhân thiên văn hay là vũ trụ, cơ học, hóa học, lý học, sinh lý học hay là hữu cơ làm cơ sở.» [113]

[Ở đây tất cả đều quy thành sự đối lập giữa vật chất và tinh thần, giữa cái vật lý và cái tâm lý.] [118] — Chống lại luận cứ cho rằng phải có một nguyên nhân đầu tiên (= Thượng đế).

« Chỉ có tính hẹp hòi của con người và thú thích muốn được tiện lợi của con người mới lấy sự vĩnh viễn thay cho thời gian, lấy sự vô hạn thay cho sự vận động không ngừng từ nguyên nhân này sang nguyên nhân khác, lấy thần thánh bất động thay cho giới tự nhiên không ngừng hoạt động, lấy sự đứng im vĩnh viễn thay cho sự vận động vĩnh viễn».

Vì lý do nhu cầu chủ quan, con người đã đem cái trừu tượng thay cho cái cụ thể, đem khái niệm thay cho trực giác, đem một thay cho nhiều, đem một nguyên nhân duy nhất thay cho tổng số vô tận những nguyên nhân. [121]

Nhưng những trừu tượng này « không có một giá trị khách quan, cũng không có một sự tồn tại khách quan nào, không có một sự tồn tại nào ở ngoài chúng ta.» [122]

...« Giới tự nhiên không có bắt đầu, cũng không có kết thúc. Tất cả, ở nó, đều là tác động lẫn nhau, tất cả đều là tương đối,

Khách
quan =
ngoài
chúng ta

tất cả vừa là nguyên nhân vừa là kết quả, tất cả, ở nó, đều là phổ biến và tương quan »... [126]

Ở đây, Thượng đế là vô dụng ([126-127] ; luận cứ đơn giản chống lại Thượng đế).

...«Nguyên nhân của nguyên nhân đầu tiên và phổ biến của sự vật, theo nghĩa của những nhà hữu thần luận, những nhà thần học, những nhà triết học gọi là tư biện — là lý trí của con người»... [127] «Thượng đế là... nguyên nhân nói chung, là khái niệm nguyên nhân, với tư cách là thực chất được nhân cách hóa và biến thành độc lập [128].

một cách
trực tiếp

«Thượng đế là giới tự nhiên trừu tượng, nghĩa là được trừu tượng từ trực quan cảm tính, được tưởng tượng, và biến thành một khách thể, thành một vật tồn tại của lý trí; giới tự nhiên theo nghĩa đen là giới tự nhiên cảm tính, hiện thực, đúng như là các giác quan trực tiếp vạch ra và đem lại cho chúng ta.» [130].

Người hữu thần luận thấy ở Thượng đế nguyên nhân của vận động tồn tại của giới tự nhiên (mà họ biến thành một khối ý hay là vật chất). [131] Nhưng sức mạnh của Thượng đế thật ra là *sức mạnh của giới tự nhiên (Naturmacht)*. [131]

...«Thật ra chúng ta chỉ nhận thức được những thuộc tính của sự vật nhờ vào phương thức tác dụng của chúng»... [133]

Vô thần luận [133-134] không thủ tiêu cái «*tối cao đạo đức (= lý tưởng)*», cũng như cái «*tối cao tự nhiên (= giới tự nhiên)*».

Thời gian
và thế giới

...«Thời gian há chẳng phải là một hình thức của thế giới, một phương thức xuất hiện nối tiếp nhau của các thể chất và hiện tượng

cá thể của thể giới hay sao? Như vậy, tôi làm thế nào để có thể nói là thể giới có bắt đầu trong thời gian? » [142]

...«Thượng đế chỉ là thể giới ở trong tư tưởng... Sự khác nhau giữa Thượng đế và thể giới chỉ là sự khác nhau giữa tinh thần và cảm giác, giữa tư duy và biểu tượng»... [142]

Người ta muốn hình dung Thượng đế như là một vật tồn tại ở bên ngoài chúng ta. Nhưng có phải như vậy tức là người ta không thừa nhận chân lý của sự tồn tại cảm tính? «như vậy, có phải là người ta không thừa nhận (theo kiểu đó) là không có sự tồn tại ngoài sự tồn tại cảm tính? Như vậy, phải chăng chúng ta có một dấu hiệu nào khác, một tiêu chuẩn nào khác của một sự tồn tại ở bên ngoài chúng ta, của một sự tồn tại độc lập đối với tư tưởng, ngoài kinh nghiệm cảm tính? » [145]

...«Giới tự nhiên... tách rời khỏi tính vật chất, tính thể chất của nó... là Thượng đế»... [146]

«Từ Thượng đế suy ra giới tự nhiên, cái đó cũng giống như là từ tấm ảnh, từ bản sao suy ra bản chính, từ ý niệm về sự vật suy ra sự vật đó.» [146]

Con người vốn có khả năng đảo ngược sự thật [146], đem cái trừu tượng, *thời gian* và *không gian* chẳng hạn biến thành vật tồn tại độc lập.

«Mặc dầu con người đã đi từ những sự vật có tính không gian và tính thời gian, để trừu tượng ra không gian và thời gian, con

Tồn tại ở
bên ngoài
chúng ta =
độc lập đối
với tư
tưởng

C.Y.
Giới tự nhiên
tách rời, độc
lập đối với
vật chất =
Thượng đế
C.Y.

Lý luận về
«bản sao»

Thời gian
tách rời
khỏi sự vật
có thời
gian tính=
Thượng đế

Thời gian
và không
gian

xem Ăng-
ghen cũng
trong «Lút
vích Phơ-
bách»

người lại muốn đem không gian và thời gian làm thành tiền đề, làm thành nguyên nhân và điều kiện đầu tiên cho sự tồn tại của những sự vật ấy. Con người cho rằng thế giới, tức là toàn thể các sự vật hiện thực, vật chất, nội dung của thế giới, có một nguồn gốc ở trong không gian và ở trong thời gian. Ngay cả Hê-ghen cũng nhận rằng vật chất không những chỉ sinh ra ở trong thời gian và ở trong không gian mà còn sinh ra từ thời gian và từ không gian»... «Nhu vậy, thật sự là người ta sẽ không hiểu tại sao thời gian, tách khỏi các sự vật có tính thời gian, lại không thể đồng nhất với Thượng đế.» [147]

...«Trong thực tại, chính điều ngược lại mới là đúng... không phải sự vật lấy thời gian và không gian làm tiền đề, mà không gian và thời gian lấy sự vật làm tiền đề bởi vì không gian hay là khoảng rộng đòi hỏi một sự vật nào đó chiếm một khoảng rộng làm tiền đề, và thời gian, sự vận động — thời gian thật ra chỉ là một khái niệm suy ra từ vận động — lấy một sự vật nào đó đang vận động làm tiền đề. Tất cả đều có tính không gian và tính thời gian»... [148]

«Vấn đề có phải Thượng đế đã tạo ra thế giới hay không... là vấn đề về mối quan hệ giữa tinh thần và thế giới cảm tính» [149] — Một vấn đề triết học rất quan trọng và khó khăn, tất cả lịch sử triết học xoay quanh vấn đề này — cuộc tranh luận giữa những người stô-i-xiêng và người ê-pi-quy-a-riêng, giữa những người theo Po-la-tông và những người theo A-ri-stốt, những người hoài nghi và những người giáo điều trong triết học cổ đại, giữa những người duy danh luận và những người duy thực luận ở thời kỳ trung

cổ, giữa những người duy tâm và « những người hiện thực hoặc kinh nghiệm » (sic !) ở thời đại hiện đại¹. [150]

Cũng một phần tùy ở tính cách của mỗi người (những người ưa sách vở *trái ngược* với những người thực tiễn) mà người ta ngã theo triết học này hay là triết học khác.

« Tôi không phủ nhận... trí tuệ, lòng từ thiện, cái đẹp ; tôi chỉ phủ nhận rằng với tư cách là phạm trù, chúng là những vật tồn tại, bất luận là dưới hình thức những vị thần hay dưới hình thức những thuộc tính của Thần, dưới hình thức những ý niệm của Pơ-la-tông hay dưới hình thức những khái niệm tự thiết định của Hê-ghe »... [155] — chúng nó chỉ tồn tại như là những thuộc tính của con người.

(Chủ nghĩa duy vật chống lại thần học và chủ nghĩa duy tâm
(Về mặt lý luận))

1. Ở đây Phơ-bách nói tới cuộc đấu tranh giữa các trường phái triết học trong lịch sử triết học từ thời cổ đại đến ngày nay về vấn đề quan hệ giữa tinh thần và cảm tính hay giữa ý thức và vật chất. Vào thế kỷ IV và III trước kỷ nguyên chúng ta, — cuộc tranh luận này thể hiện trong các cuộc bàn cãi giữa người stô-i-xiêng và ê-pi-quya-riêng.

Những người *stô-i-xiêng* (trường phái triết học duy tâm này nở ở A-ten vào thế kỷ IV trước công nguyên) coi lý trí, cái *logos*, là nguyên lý cơ bản của thế giới.

Triết học *Ê-pi-quya* hoàn toàn đối lập với trào lưu triết học trên và thừa nhận những nguyên tử và chân không là nguyên lý cơ bản của thế giới. Những người ê-pi-quya-riêng là vô thần. Nhà thi sĩ La-mã Luy-cơ-re-xơ (thế kỷ I trước công nguyên) trình bày học thuyết Ê-pi-quya trong bản trường ca triết học của ông : *Về bản chất của sự vật*.

Hoài nghi luận, trong thời kỳ cổ đại nêu lên rằng không nên có những luận đoán mà chỉ nên thừa nhận những thói quen và tập quán đã có và những tín ngưỡng tôn giáo.

Những người hoài nghi luận Hy-lạp gọi là *giáo điều* những nhà triết học nào — và nhất là những người duy vật — bảo vệ những luận đoán khẳng định, bất luận là luận đoán khẳng định như thế nào. (B.T.)

Một nguyên nhân khác của lòng tin vào Thượng đế : con người áp dụng vào giới tự nhiên, quan niệm về sự sáng tạo có tính mục đích của mình. Giới tự nhiên có tính mục đích — *ergo*¹, nó đã được sáng tạo bởi thực thể có lý tính. [157]

« Thật vậy, cái mà con người gọi là tính mục đích của giới tự nhiên và hiểu như vậy, thật ra chẳng qua chỉ là sự thống nhất của thể giới, là sự hòa hợp của nguyên nhân và kết quả, hay là nói chung lại, là mối liên hệ lẫn nhau trong đó tồn tại và tác dụng mọi sự vật của giới tự nhiên. » [158]

Nếu con người có nhiều giác quan hơn, nó có thể phát hiện ra nhiều sự vật trong vũ trụ hơn không ? Không.

...« Chúng ta cũng không có lý do để tưởng tượng rằng nếu con người có nhiều cảm giác hay là nhiều giác quan hơn, thì nó sẽ biết được nhiều đặc tính và nhiều sự vật của giới tự nhiên hơn. Không có cái gì thêm hơn nữa trong thể giới bên ngoài; trong giới tự nhiên vô cơ cũng như trong giới tự nhiên hữu cơ. Con người đã có vừa đủ những giác quan cần thiết để có thể hiểu thể giới trong toàn bộ, trong tính hoàn chỉnh của nó. » [160]

quan trọng để chống lại *bất khả tri luận*

[165] — Chống lại Li-ê-bích nói về « trí tuệ vô biên » (của Thượng đế)... « Phơ-bách và khoa học tự nhiên !! C.Y. Xem ngày nay Ma-khơ và bè lũ ».

[169-70-72] — Giới tự nhiên = cộng hòa ; Thượng đế = quân chủ (đã thấy hơn một lần ở Phơ-bách !)

1. *Ergo* : do đó. (B.T.)

[184-186] — Thượng đế vốn là một ông vua gia trưởng, ngày nay nó là vua lập hiến : nó cai trị, nhưng theo pháp luật.

Tinh thần (Geist) ở đâu lại ? — người hữu thần hỏi người vô thần như vậy. [192-193] Người hữu thần có một quan niệm quá khinh bỉ (*despektierliche*) đối với giới tự nhiên và một quan niệm quá tôn sùng (quá cao thượng !!) đối với tinh thần.

Ngay đến một *Regierungsrath*¹, người ta cũng không thể dùng giới tự nhiên để giải thích nó một cách trực tiếp. [193]

« Tinh thần phát triển cùng với thân thể, cùng với cảm giác... nó liên hệ với cảm giác... xương sọ từ đâu đến, bộ óc từ đâu đến, thì tinh thần cũng đến từ đấy ; khí quan từ đâu đến, thì chức năng của nó cũng đến từ đấy » ([193] : xem phần trên « tinh thần trong đầu não »).

« Ngay cả hoạt động tinh thần cũng có tính chất hình thể » [193]

Cho rằng thể giới vật thể nảy sinh ra từ tinh thần, từ Thượng đế, tức là thừa nhận sự sáng tạo ra thể giới từ cái không — « vì tinh thần lấy vật chất, lấy thực thể vật chất ở đâu, nếu không phải từ chỗ không ? » [195]

...« Giới tự nhiên có tính vật thể, có tính vật chất, là cảm tính »... [196]

Gia-cốp Bô-mơ = « người hữu thần duy vật » : không những ông thần thánh hóa tinh thần mà ông còn thần thánh hóa cả vật chất nữa. Theo ông Thượng đế có tính vật chất — chủ nghĩa thần bí của ông ta là ở chỗ đó. [196]

1. Cố vấn chính phủ. (B.T.)

C.Y.

(xem Đit-xơ-ghen)

Thú vị !

Xem Đit-xơ-ghen

Giới tự nhiên có tính vật chất

Tính tất
nhiên của
*giới tự
nhiên*

Mầm mống
duy vật
lịch sử

C.Y.

... «Ở chỗ nào con mắt nhìn đến vũ bản tay mó đến thì ở chỗ đó các thần thánh thôi không tồn tại nữa.» [198]

(Những người hữu thần) «gán tội ác trong giới tự nhiên... cho vật chất, hoặc cho *tính tất nhiên không thể tránh khỏi của giới tự nhiên.*» [208]

||||| [209 ở giữa] và [211 ở giữa] «thế giới tự nhiên» và «thế giới công dân».

[221-222] Phơ-bách nói ở đây ông kết thúc phần thứ nhất (về giới tự nhiên coi như là cơ sở của tôn giáo), và chuyển sang phần thứ hai : trong «tôn giáo tinh thần» biểu hiện những đặc tính của tinh thần nhân loại.

[227] — «Tôn giáo là thơ» — người ta có thể nói như vậy, bởi vì lòng tin = sản phẩm của tưởng tượng. Nhưng như vậy tôi có thủ tiêu thơ không? (tôi, Phơ-bách). Không. «Tôi chỉ thủ tiêu (*anshebe*) tôn giáo *trong chừng mực* (chữ ngã của Phơ-bách) nó là văn xuôi mà *không* phải là thơ». [228]

Nghệ thuật không đòi hỏi người ta phải thừa nhận các tác phẩm của nó như là *hiện thực*. [228]

Trong tôn giáo, trừ tưởng tượng ra, còn tình cảm (*Gemüth*) [254], mặt *thực tế* [252], tìm tòi cái tốt hơn, tìm tòi sự che chở, sự giúp đỡ, v.v. đều là cực kỳ quan trọng. [256]... Trong tôn giáo, người ta tìm thấy sự *an ủi* (người ta nói chủ nghĩa vô thần sẽ là *sầu não*)...

|| «Nhưng, quan niệm sau đây là một quan niệm làm vừa lòng tính ích kỷ của con người...

đó là quan niệm cho rằng giới tự nhiên không tác động theo một tính tất nhiên bất biến, mà trên tính tất nhiên của giới tự nhiên còn có một vật tồn tại yêu quý loài người.» [257]. Và trong câu sau, « tính tất nhiên tự nhiên » của sự rơi của một hòn đá.

Tính tất
nhiên của
giới tự
nhiên

Tr. [278] ở giữa: cũng hai lần nói về « tính tất nhiên của tự nhiên ».

C.Y.

Tôn giáo = tuổi thơ ấu, tuổi nhi đồng của nhân loại [261], đạo cơ đốc đã đem đạo đức làm thành một Thượng đế, nó đã sáng tạo ra một *Thượng đế đạo đức*. [266]

Tôn giáo là giáo dục vỡ lòng — người ta có thể nói: giáo dục là tôn giáo chân chính... [266-267]. « Tuy nhiên, đây là... lạm dụng danh từ, bởi vì danh từ tôn giáo luôn luôn liên hệ với những biểu tượng mê tín và không nhân đạo.» [267]

Phơ-bách
chống lại
sự lạm
dụng danh
từ tôn giáo

Ca ngợi sự giáo dục — [268-269].

« Quan điểm và luận đoán *hời hợt* cho rằng tôn giáo không có ảnh hưởng gì đến đời sống, đặc biệt là đến đời sống công cộng, chính trị.» « Về phần tôi, tôi cho rằng cái tự do chính trị khiến con người vẫn là nô lệ cho tôn giáo, thật là không đáng một xu.» [272]

C.Y.

Tôn giáo vốn là bầm sinh ở con người (« câu này... dịch ra đúng tiếng Đức có nghĩa ») = mê tín vốn bầm sinh ở con người. [274]

« Đối với người theo đạo cơ đốc, có một nguyên nhân tự do của giới tự nhiên, một vị chúa tể của giới tự nhiên mà giới tự nhiên phải tuân theo ý chí và lời nói, một Thượng đế không bị ràng buộc vào cái người ta gọi

Tính tất
nhiên của
giới tự nhiên

C.Y.

C.Y.

C.Y.

Cái khách
quan là gì?
(theo
Phơ-bách)

là liên hệ nhân quả, vào tính tất nhiên, vào dây xích nối liền kết quả với nguyên nhân, nguyên nhân với kết quả; trái lại Thượng đế dị giáo bị ràng buộc vào tính tất nhiên của giới tự nhiên và thậm chí không có thể cứu thoát được con cung của mình khỏi tính tất nhiên định mệnh của tử vong.» [292] (Như vậy, Phơ-bách nhắc lại một cách có hệ thống: tính tất nhiên của giới tự nhiên).

« Nhưng người theo đạo cơ đốc thừa nhận một nguyên nhân tự do vì, trong nguyện vọng của anh ta, anh ta không ràng buộc mình với mỗi liên hệ, với tính tất nhiên của giới tự nhiên.» [292] « và còn ba lần ở cùng một trang: tính tất nhiên của giới tự nhiên ». Và tr. [293] «...tất cả những **quy luật hay là tất cả những tính tất nhiên của giới tự nhiên** mà sự sống còn của con người phải tuân theo»...

Xem [298]: « Tiến trình của giới tự nhiên ».

« Làm cho giới tự nhiên phụ thuộc vào Thượng đế, là làm cho trật tự phổ biến, tính tất nhiên tự nhiên phụ thuộc vào ý chí ». [302] Và tr. [303] — « Tính tất nhiên của giới tự nhiên » !!

[310]: « tính tất nhiên của giới tự nhiên »...

Trong những biểu tượng tôn giáo, chúng ta có... những thí dụ « về phương thức theo đó nói chung con người đem cái chủ quan biến thành cái khách quan, nghĩa là biến cái chỉ tồn tại trong tư tưởng của mình, trong biểu tượng của mình, trong tưởng tượng của mình, thành một cái gì tồn tại ở bên ngoài **tư tưởng của mình, ở bên ngoài biểu tượng của mình, ở bên ngoài tưởng tượng của mình.** » [318]

«Nhu vậy, những người theo đạo cơ đốc đã đem tinh thần, linh hồn tách khỏi thân thể con người và đem cái tinh thần tách ra đó, không có thân thể đó làm thành Thượng đế của họ.» [322]

Tinh thần
không có
thân thể =
Thượng đế

Tôn giáo cho con người một lý tưởng. Con người cần có một lý tưởng, nhưng là một lý tưởng của con người, phù hợp với giới tự nhiên, mà không phải là một lý tưởng siêu tự nhiên:

«Lý tưởng của chúng ta không phải là một cái gì đã bị thiến, không có thân thể, trừu tượng, mà là con người hoàn chỉnh, hiện thực, phổ biến, hoàn thiện, có giáo dục.» [324]

Lý tưởng của *Mi-khai-lốp-ski* chỉ là lặp lại và thông tục hóa cái lý tưởng của phái dân chủ tư sản tiên tiến hay là của phái dân chủ tư sản cách mạng.

«Con người không có một quan niệm nào, một khái niệm nào về một hiện thực khác, một tồn tại khác ngoài cái tồn tại cảm tính, vật lý»... [324]

Cảm tính,
vật lý

đem hai cái
đồng hóa đặt
ngang nhau
một cách ưu
việt!

«Nếu người ta không biết xấu hổ mà cho rằng thế giới cảm tính, vật chất, sinh ra từ tư duy hay là từ ý chí của một tinh thần; nếu người ta không biết xấu hổ mà cho rằng không phải các sự vật được tư tưởng bởi vì chúng tồn tại, mà chúng tồn tại bởi vì chúng được tư tưởng, thì người ta cũng sẽ không biết xấu hổ mà cho rằng chúng này sinh ra từ lời nói, không xấu hổ mà cho rằng các danh từ tồn tại không phải bởi vì các sự vật tồn tại mà, trái lại, các sự vật sở dĩ tồn tại là nhờ có danh từ.» [331]

C.Y.

Thượng đế, không có sự bất tử của linh hồn con người, chỉ là Thượng đế về danh nghĩa:

...« Một Thượng đế như vậy là... Thượng đế của một số nhà bác học duy lý, và nó không thể là cái gì khác hơn là giới tự nhiên được nhân cách hóa, hay là tính tất nhiên của giới tự nhiên, vũ trụ, thể giới, dĩ nhiên điều đó là không phù hợp với quan niệm về tính bất tử. » [339]

Bài cuối cùng và thứ ba mươi, tr. [348-360] có thể trích dẫn gần toàn vẹn, coi như là một kiểu mẫu điển hình của chủ nghĩa vô thần khai sáng có một ít màu vị xã hội chủ nghĩa (bàn về quần chúng cùng khổ, v.v. tr. [355] ở giữa), v.v. Kết luận: điều mà tôi muốn, đó là làm cho các anh, các thánh giả thân mến,

Chữ ngả của
Phơ-bách

« từ bạn của Thượng đế trở thành bạn của người, từ những tín đồ trở thành những nhà tư tưởng, từ những người đang cầu nguyện trở thành những người lao động, từ những thí sinh của thể giới bên kia trở thành những sinh viên ở cõi đời này, từ những tín đồ đạo cơ đốc (theo sự thừa nhận của chính họ, là « nửa-thiên thần nửa-súc vật ») trở thành những con người, những người hoàn chỉnh. » ([360] hết)

Tiếp đến là những bổ sung và chú giải. [361-450].

Ở đó có nhiều chi tiết, nhiều dẫn chứng nhắc lại những điều đã nói ở trên. Tôi bỏ qua tất cả cái đó. Tôi chỉ ghi lại cái chủ yếu nhất trong những cái ít nhiều đáng chú ý: cơ sở của đạo đức, đó là tính ích kỷ || [382]. (« Lòng yêu đời, lợi ích, tính ích kỷ »)...

«Không phải chỉ có một tính ích kỷ đơn độc hay là cá nhân mà còn có một tính ích kỷ xã hội, một tính ích kỷ của gia đình, của tập đoàn, của công xã, một tính ích kỷ yêu nước.» [382]

...«Tính thiện không phải là cái gì khác mà là cái phù hợp với tính ích kỷ của tất cả mọi người»... [387]

«Chỉ cần nhìn qua lịch sử một tý! Trong lịch sử một thời đại mới bắt đầu từ đâu? Ở đâu cũng vậy nó chỉ bắt đầu ở chỗ nào mà quần chúng hay là một số đông người bị áp bức đưa ra tính ích kỷ chính đáng của mình chống lại tính ích kỷ cực đoan của một quốc gia hay là của một đẳng cấp, ở chỗ nào mà các giai cấp người (sic!) hay là cả từng dân tộc chiến thắng tính tự mãn kiêu căng của một thiểu số người thống trị, thoát khỏi tình cảnh bị thảm và bị áp bức của giai cấp vô sản, và tiến vào lĩnh vực hoạt động huy hoàng có ý nghĩa lịch sử. Như thế là tính ích kỷ của đa số nhân loại hiện đang bị áp bức phải thực hiện và sẽ thực hiện quyền lợi của mình và sẽ mở ra một thời đại mới của lịch sử. Vấn đề không phải là thủ tiêu quý tộc của tri thức, quý tộc của tinh thần; ồ, không phải như vậy! nhưng không đề cho chỉ có một thiểu số người là cao thượng, còn những người khác là dân đen; tất cả phải — tối thiểu cũng phải — là người có tri thức; không phải là căn bản phải thủ tiêu tài sản, không,

Mầm mống
duy vật
lịch sử!

C.Y.
C.Y.
Mầm mống
duy vật
lịch sử,
xem Tséc-
nư-sép-ski

C.Y.
«Chủ nghĩa
xã hội»
của Phơ-
bách

không phải như vậy ! Nhưng không đề cho chỉ có thiểu số người là có tài sản, trong khi tất cả những người khác không có gì cả. Tất cả mọi người phải có sở hữu tài sản.» [387]

Những bài giảng này đều làm từ ngày 1 tháng Chạp 1848 đến ngày 2 tháng Ba 1849 (Bài tựa, tr. V). Bài tựa đề ngày 1 tháng Giêng 1851. Ngay từ thời kỳ này (1848-1851), Phơ-bách đã lạc hậu so với Mác biết chừng nào (*Tuyên ngôn cộng sản* 1847, *Neue Rheinische Zeitung*, v.v.) và so với Ăng-ghen (1845: *Tình hình*)¹.

Những thí dụ lấy ở các tác giả kinh điển đã dùng cái danh từ *thần* và *tự nhiên* một cách không phân biệt. [387-388]

Tr. [391-400] một sự giải-thích *triết học tuyệt diệu* (đồng thời đơn giản và rõ ràng) về bản chất của tôn giáo.

C.Y.

«Bí mật của tôn giáo, xét đến cùng, không phải chỉ là bí mật của sự kết hợp, trong cùng một vật tồn tại, ý thức và cái vô ý thức, ý chí và cái không do ý chí.»

C.Y.

[391] *Cái tôi* và *cái không-tôi* liên hệ khăng khít với nhau trong con người. «Nhưng con người không hiểu và không chịu được cái sâu xa của bản thân nó và chính vì vậy, nó đã đem bản thân nó phân ra thành một «cái tôi» không có «cái không-tôi» mà nó gọi là Thượng đế, và một «cái không-tôi» không có «cái tôi» mà nó gọi là giới tự nhiên.» [395]. Tr. [397] trích dẫn hay lời của Xê-néc-co (chống lại những người vô thần):

1. *Tình hình những giai cấp cần lao ở Anh. (B.T)*

họ đem giới tự nhiên làm thành một Thượng đế. Hãy cầu nguyện đi! — hãy làm việc đi!¹ (tr. [400])

Trong tôn giáo, giới tự nhiên là Thượng đế, nhưng giới tự nhiên coi như là một vật tồn tại được tư tưởng tạo ra. « Bí mật của tôn giáo là ở « sự đồng nhất của cái chủ quan và cái khách quan », nghĩa là ở sự thống nhất của con người và giới tự nhiên, nhưng con người và giới tự nhiên nói ở đây khác với giới tự nhiên và loài người chân chính. » [400]

C.Y.

« Sự ngu dốt của con người là không thể lường được và sức tưởng tượng của nó là không giới hạn; sức mạnh của giới tự nhiên, do sự ngu dốt của chúng ta mà mất cơ sở, và do tưởng tượng của chúng ta mà mất giới hạn, trở thành sức mạnh vạn năng của thần. » [403]

Sehr gut²!

...« Đem bản chất khách quan coi như là vật tồn tại chủ quan, bản chất của giới tự nhiên coi như là khác với giới tự nhiên, coi như là bản chất của con người, bản chất của con người coi như là khác với người, coi như là bản chất không phải người — đó là bản chất của Thượng đế, bản chất của tôn giáo, bí mật của chủ nghĩa thần bí và tư biện... » [404]

Sehr gut!

Đoạn
tuyệt diệu!

1. « Trong dịp này, lại rõ ràng là thần linh gồm hai nhân tố, một thuộc về tư tưởng con người, một thuộc về giới tự nhiên. Hãy cầu nguyện đi! một bộ phận, cái Thượng đế phân biệt với giới tự nhiên, nói như vậy. Hãy làm việc đi! cái bộ phận kia, cái Thượng đế không phân biệt với giới tự nhiên mà chỉ thể hiện bản chất của giới tự nhiên, lại nói như vậy ». (Phơ-bách, VIII, trang 399-400). (B.T.)

2. Hay lắm! (B.T.)

Theo Phơ-bách tư biện = triết học duy tâm C.Y.

C.Y.
Phi thường
chính xác!
C.Y.

«Trong tư duy, con người tách hình dung từ với danh từ, đặc tính với bản chất... Và Thượng đế siêu hình không phải là cái gì khác mà là sự tập hợp, là toàn bộ những đặc tính chung nhất rút ra từ giới tự nhiên, mà con người, nhờ vào sức tưởng tượng, tức là bằng phương pháp tách rời như thế khỏi vật tồn tại cảm tính, khỏi vật chất của giới tự nhiên, lại lần nữa đem biến thành một chủ thể hay là một vật tồn tại độc lập.» [406]

Tuyệt
(chống lại
Hê-ghen và
chủ nghĩa
duy tâm)

Lô-gích cũng có một tác dụng như vậy [406] rõ ràng là ông nghĩ đến Hê-ghen): nó đem tồn tại, bản chất biến thành một hiện thực đặc thù. — «Thật là ngu xuẩn biết bao, nếu hy vọng biến tồn tại siêu hình thành một tồn tại vật lý, biến tồn tại chủ quan thành một tồn tại khách quan, lại biến tồn tại lô-gích hay là trừu tượng thành một tồn tại không lô-gích, hiện thực!» [406]

Nói rất
hay!

«Như vậy, giữa tồn tại và tư duy, có một sự chia xẻ và một mâu thuẫn vĩnh viễn?» Đúng, nhưng chỉ trong đầu óc mà thôi; còn trong hiện thực, mâu thuẫn đó đã được giải quyết từ lâu rồi. Chắc chắn là nó đã được giải quyết một cách phù hợp với hiện thực, chứ không phải là phù hợp với những khái niệm ấu trĩ của anh, và hơn nữa, không phải là thông qua ít hơn năm giác quan.» [407]
[416] «Tout ce qui n'est pas Dieu, n'est rien, c'est-à-dire tout ce qui n'est pas Moi, n'est rien.¹»

Bien dit !²

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Tất cả cái gì không phải là Thượng đế, thì cũng không phải là cái gì cả, tức là tất cả cái gì không phải là Tôi, thì cũng không phải là cái gì cả. (N.D.)

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Nói hay! (N.D.)

[419-423] Một đoạn rất hay một đoạn trích dẫn hay lời của Gát-xen-di) : nhất là tr. [421] *Thượng đế* = một sự tập hợp những hình dung từ không vật chất) về cái cụ thể và cái trừu tượng.

C.Y.

[423] « Đầu óc là một nghị viện của vũ trụ » — khi đầu óc của chúng ta chứa đầy những trừu tượng, đầy những khái niệm về loại, thì chúng ta sẽ suy diễn một cách tự nhiên cái « cá biệt từ cái phổ biến, tức là... giới tự nhiên từ Thượng đế. »

C.Y.

Cá biệt và
phổ biến,
giới tự nhiên
và Thượng
đế

[424-425] : (Nhận xét số 16). Tôi không phản đối chính thể quân chủ lập hiến, nhưng chỉ *nhà nước cộng hòa dân chủ*, « *trực tiếp* đối với lý tính », là một hình thức nhà nước « phù hợp với bản chất con người ».

Ha-ha ! !

...«Tiện đây nói qua một tý, viết một cách thông minh, có nghĩa là giả định rằng người đọc cũng thông minh, là không nói hết, là để cho người đọc tự nói với mình những quan hệ, những điều kiện, những giới hạn, — chỉ với những quan hệ, những điều kiện, những giới hạn này, thì một câu nói mới có giá trị và có ý nghĩa.» [435]

Rất đúng !

Câu trả lời (của Phơ-bách) cho những người phê bình ông : giáo sư *phôn Sa-đen* [436-437] và *Sa-le* [438-439-449], rất có ý nghĩa.

...«Tôi cố ý lấy giới tự nhiên thay cho tồn tại, con người thay cho tư duy », nghĩa là thay thế không phải bằng sự trừu tượng mà bằng cái cụ thể... tâm lý có tính chất kịch. [437]

C.Y.

«Tồn tại và
giới tự nhiên»,
«tư duy và
con người»

Đó là lẽ tại sao trong triết học những danh từ « nguyên lý nhân bản chủ nghĩa », do Phơ-bách và Tséc-nư-sép-ski¹ dùng, là *hẹp hòi*. Nguyên lý nhân bản chủ nghĩa, cũng hoàn toàn giống như chủ nghĩa tự nhiên, chỉ thuyết minh *chủ nghĩa duy vật* một cách không chính xác và yếu ớt.

Bien dit !²

« Giáo nghĩa của dòng Giê-đuýt, kiểu mẫu vô ý thức và lý tưởng của các nhà triết học tư biện của chúng ta. » [443]

Về cơ sở của chủ nghĩa duy vật triết học.

« Tư duy coi tính không liên tục của hiện thực như là một cái liên tục, tính đa dạng vô cùng của đời sống như là một sự đồng nhất duy nhất. Việc nhận thức sự khác nhau có tính chất bản chất, không thể xóa nhòa, giữa tư duy và đời sống (hay là hiện thực), là bước đầu của mọi trí tuệ trong tư duy và trong đời sống. Ở đây, chỉ có sự khác nhau mới là mối liên hệ chân chính. » [446]

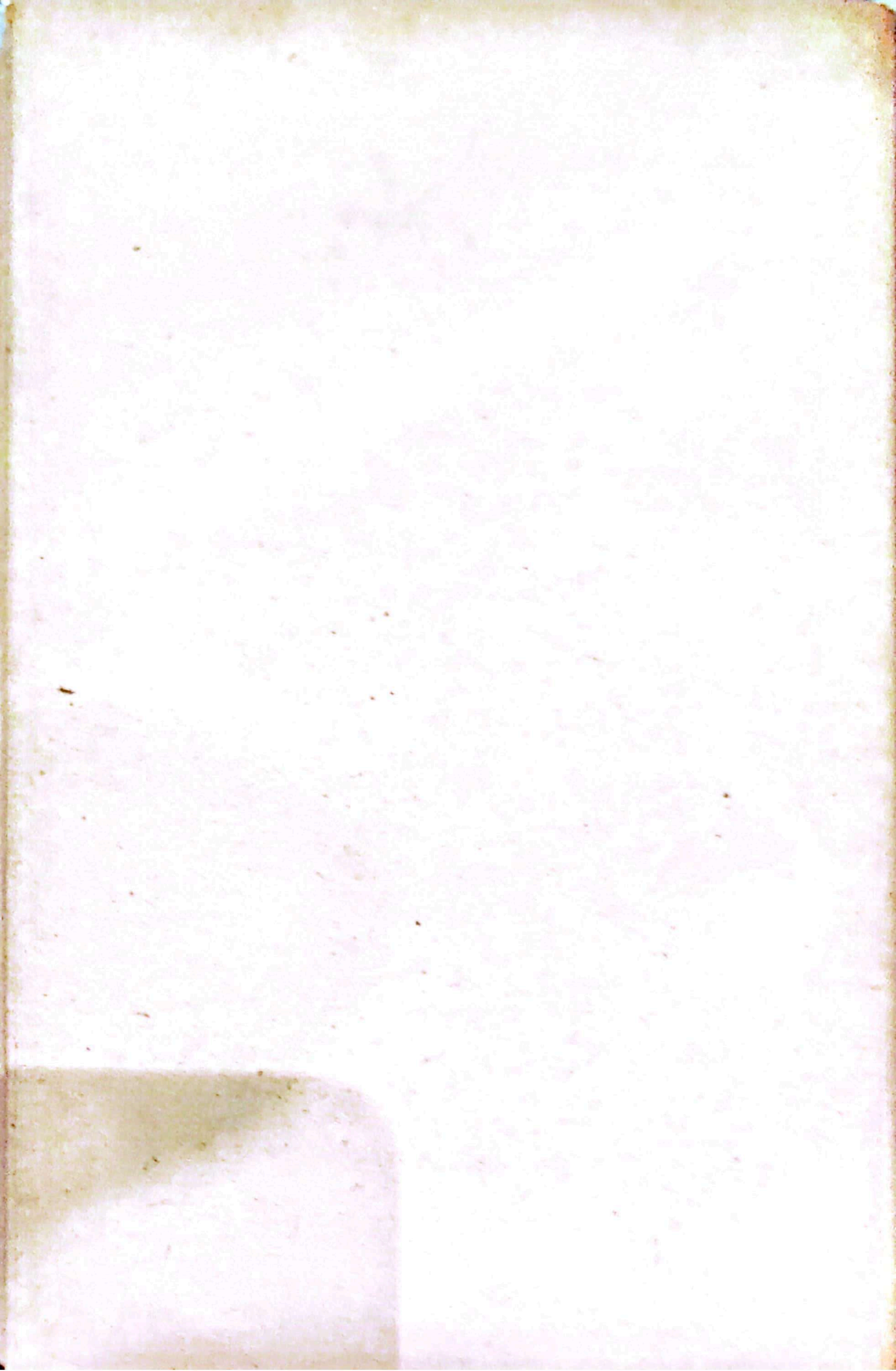
Hết tập thứ 8

1. Trong *Nguyên lý triết học tương lai* ở § 54 (quyển II, tr. 317), Phơ-bách viết: « Triết học mới đem con người kể cả giới tự nhiên, coi như là cơ sở của con người, làm thành đối tượng duy nhất, phổ biến và tối cao của triết học — như vậy nó làm cho nhân bản học, kể cả sinh lý học trở thành khoa học phổ biến. » Năm 1860, Tséc-nư-sép-ski xuất bản trong *Người đương thời* một tác phẩm triết học cơ bản gọi là: *Nguyên lý nhân bản học của triết học*. (B.T.)

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Nói hay! (B.T.)

Quyển IX = « *Thần thông học* » (18571).
Giờ qua, hình như không có gì hay. Nhưng
cũng nên đọc qua tr. [21], § § 34, 36 [tr.
283] và những trang sau. C.Y. § 36 [334].
Xét kỹ, *chẳng* có gì đáng chú ý. Trích dẫn
rồi lại trích dẫn để chứng thực những điều
mà Phơ-bách đã nói trước đây.

1. Đầu đề đầy đủ của quyển sách là: *Thần thông học, theo
những nguồn kinh điển Do thái, cơ đốc, cổ đại.* § 34 có đề mục:
Khoa học « cơ đốc về tự nhiên » ; 36 : « Cơ sở lý luận của hữu
thần luận ». (B.T.)



**TÓM TẮT
SÁCH CỦA PHƠ-BÁCH :**

**TRÌNH BÀY, PHÁT TRIỂN VÀ PHÊ PHÁN
TRIẾT HỌC CỦA LÉP-NÍT-XO**

L. PHƠ-BÁCH LÉP-NÍT-XƠ

V.V...¹

Trong bản trình bày xuất sắc này về Lép-nít-xơ, cần ghi mấy đoạn đặc biệt hay (cái đó không dễ, bởi vì tất cả — tôi muốn nói đến phần thứ nhất (chương 1-13), đều hay); tiếp đến những điểm bổ sung năm 1847.

(Phơ-bách đã viết quyển Lép-nít-xơ năm 1836. thời kỳ này ông còn là một người duy tâm.)	chương 20, 21 và nhiều đoạn khác viết năm 1847. }
--	--

Tr. 27—đặc điểm phân biệt Lép-nít-xơ và Spi-nô-da: ở Lép-nít-xơ, khái niệm lực « và hơn nữa, lực hoạt động », nguyên tắc tự hoạt động được thêm vào khái niệm thực thể [29].

*Ergo*², thông qua thần học, Lép-nít-xơ tiến gần đến nguyên tắc liên hệ không thể tách rời (và phổ biến, tuyệt đối) giữa vật chất và vận động. Hình như phải hiểu Phơ-bách như vậy?

Tr. 32: « Thực chất của Spi-nô-da là tính thống nhất, thực chất của Lép-nít-xơ là sự phân biệt, sự khác nhau. »

1. Tác phẩm này ở quyển IV, Bô-lanh. (B.T.)
2. Vì vậy. (N.D.)

Tr. 34: Triết học Spi-nô-da: là một ống viễn kính triết học của Lép-nít-xơ là một kính hiển vi.¹

«Thế giới của Spi-nô-da, đó là cái thấu kính tiêu sắc của Thần thánh, một môi trường qua đó chúng ta không thấy cái gì khác hơn là ánh sáng trời không màu sắc của thực thể duy nhất; thế giới của Lép-nít-xơ là một tinh thể đa giác, một viên kim cương, nhờ có bản tính đặc biệt của nó, biến đổi ánh sáng đơn thuần của thực thể thành một sự phong phú vô cùng những màu sắc và đồng thời cũng làm cho nó tối lại.» (Sic!)

Tr. 40: «Do đó thực thể vật thể đối với Lép-nít-xơ, không còn là một khối lượng chỉ có quang tính, cứng dờ, do sức bèn ngoài làm cho vận động giống như Đê-các-tơ quan niệm mà là với tư cách là thực thể, nó có trong bản thân nó một lực hoạt động, một nguyên tắc hoạt động không bao giờ ngừng.»

Chắc chắn là vì lý do đó mà Mác đánh giá cao Lép-nít-xơ, mặc dầu ông này có những đặc điểm «kiểu Lát-xan» và những khuynh hướng điều hòa về chính trị và tôn giáo.

Đơn tử là nguyên tắc của triết học Lép-nít-xơ. Tính cá thể, vận động, linh hồn (theo kiểu đặc biệt). Không phải những nguyên tử chết cứng, mà là những đơn tử sống, hoạt động, phản ánh trong chúng toàn cả vũ trụ

1. Phơ-bách: «Triết học Spi-nô-da là ống viễn kính làm cho mắt người có thể nhìn thấy những vật thể mà mắt thường không nhìn thấy vì xa quá, triết học Lép-nít-xơ là kính hiển vi làm cho những vật thể không thể thấy được vì nhỏ quá hay là tế nhị quá lại có thể thấy được». (B.T.)

và có năng lực (mơ hồ) biểu tượng (linh hồn theo kiểu đặc biệt); đây là «những yếu tố cuối cùng» (tr. 45).

Mỗi một đơn tử đều khác những đơn tử khác.

«... Thật là hoàn toàn mâu thuẫn với cái đẹp, với trật tự, và lý tính của giới tự nhiên nếu nguyên tắc của đời sống hay là của những hoạt động nội tại, tự thân, lại chỉ liên hệ với một bộ phận không lớn hay là đặc biệt của vật chất.» (*Lép-nít-xơ*, tr. 45).

C.Y.

«Cho nên, toàn bộ giới tự nhiên chứa đầy những linh hồn như các nhà triết học thời cổ đã thừa nhận một cách có lý, hay là chứa đầy những vật tồn tại giống như linh hồn. Bởi vì nhờ có kính hiển vi, người ta đã nhận thấy rằng có vô số những sinh vật mắt thường không trông thấy và có nhiều linh hồn hơn là những hạt cát và những nguyên tử.» (*Lép-nít-xơ*, tr. 45).

xem những điện tử!

Đặc tính của đơn tử: «tri giác, tái sản sinh trong tưởng tượng.»

«Bản thân tri giác không phải là cái gì khác hơn là biểu tượng («tái sản sinh trong tưởng tượng và hình ảnh») của cái phức tạp hay là của cái bên ngoài, tức là của cái vô số trong cái đơn thuần»... hay là... «trạng thái tạm thời, trong sự thống nhất hay là trong một thực thể đơn thuần, chứa đựng và tái sản sinh cái vô số» (tr. 49, *Lép-nít-xơ*) — tri giác hỗn loạn (tr. 50) (mơ hồ, tr. 52) ở đơn tử — (ở người ta cũng vậy, cũng có những cảm giác vô ý thức, *verworrene*¹, v.v.).

1. Hỗn loạn. (N.D.)

Mỗi đơn tử đều «là một thế giới cho nó, mỗi đơn tử là một thể thống nhất độc lập tự tại» (*Lép-nít-xơ*, tr. 55).

«Mỗi hỗn hợp những tri giác mơ hồ — đó là những cảm giác, đó tức là vật chất.» (*Lép-nít-xơ*, tr. 58)... «Như vậy, vật chất là kết hợp của những đơn tử» (như trên)...

Giải thích tự do của tôi:

Đơn tử = linh hồn theo kiểu đặc biệt. Lép-nít-xơ = một người duy tâm. Vật chất là cái gì giống như một hình thức tồn tại khác của linh hồn hay là một chất keo liên kết các đơn tử với nhau bằng một mối liên hệ thể tục, nhục thể.

«Thực tại tuyệt đối chỉ còn ở trong những đơn tử và những biểu tượng của chúng». (*Lép-nít-xơ*, tr. 60). Vật chất chỉ là hiện tượng.

«Chỉ có tinh thần là sự sáng sủa (tr. 62) ... còn vật chất, không có sự sáng sủa và không có tự do». (64)

Không gian «tự nó là một cái gì thuộc về quan niệm» (*Lép-nít-xơ*, tr. 70-71).

... «Nguyên tắc vật chất về tính đa dạng của vật chất là vận động»... [72]

«Cũng vậy, trái với ý kiến của Niu-ton và những người kế tục ông, không có chân không trong giới tự nhiên vật chất. Máy bơm chân không quyết không thể chứng minh sự tồn tại của chân không, bởi vì thủy tinh có những lỗ nhỏ mà các thứ vật chất rất nhỏ có thể xuyên qua.» (76-77, *Lép-nít-xơ*).

«Vật chất là một hiện tượng.» (78, *Lép-nít-xơ*).

«Tồn tại cho nó của đơn tử là linh hồn của nó, tồn tại của nó cho một cái khác là vật chất.» (78, *Phơ-bách*).

Linh hồn của con người là một đơn tử trung tâm, cao cấp, một ăng-tê-lê-si¹, v.v., v.v...

« Vì vậy, mỗi một vật thể đều bị tất cả cái gì xảy ra trong vũ trụ đụng chạm đến. » (83, *Lép-nít-xơ*).

« Đơn tử đại biểu cho toàn cả vũ trụ. » (83, *Lép-nít-xơ*).

« Đơn tử, mặc dầu không thể phân chia được, nhưng tự trong nó vốn có một khuynh hướng phức tạp, tức là vô số những tri giác, trong đó mỗi tri giác đều hướng tới sự biến đổi đặc biệt của bản thân nó và do mối liên hệ bản chất của chúng với tất cả các sự vật khác mà chúng đồng thời tồn tại ở trong đơn tử » ... « Tính cá thể bao hàm trong nó cái vô hạn có thể nói là ở trạng thái mầm, mống. » (*Lép-nít-xơ*, 84).

C.Y.
Lép-nít-xơ
sống từ
1646 đến
1716

Ở đây có một phép biện chứng theo kiểu đặc biệt, và thậm chí là một phép biện chứng rất sâu sắc mặc dầu có chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa ngu muội thầy tu.

« Trong giới tự nhiên, tất cả đều là tương tự. » (*Lép-nít-xơ*, 86).

« Nói chung, trong giới tự nhiên, không có cái gì là tuyệt đối gián đoạn; tất cả những mặt đối lập, tất cả những giới hạn của không gian và thời gian và cả của tính đặc thù, đều mất đi trước tính liên tục tuyệt đối, trước mối liên hệ vô hạn của vũ trụ. » (*Phơ-bách*, 87).

« Mặc dầu đơn tử, do bản tính đặc biệt của nó, hoàn toàn chỉ gồm có thần kinh, chứ không phải thịt và máu, có thể bị tất cả cái gì xảy ra trong vũ trụ ảnh hưởng và đụng

C.Y.

1. Nghĩa là đơn tử. Danh từ này là của triết học Lép-nít-xơ. (N.D.)

chạm đến»... mặc dầu như vậy, «nó không phải là một trong những nhân vật đang hoạt động trên sân khấu vũ trụ, mà chỉ là một người xem. Khuyết điểm chủ yếu của những đơn tử chính là ở chỗ đó.» (Phơ-bách, 90).

Sự hòa hợp giữa linh hồn và thân thể — *harmonie préétablie*¹ bởi Thượng đế.

«Nhược điểm của Lép-nít-xơ.» (Phơ-bách, 95)

«Linh hồn là một thứ máy tinh thần tự động». (Lép-nít-xơ, 98) (Có một lần Lép-nít-xơ đã tự nói rằng, từ ngẫu nhân luận rất dễ chuyển sang triết học của ông, Phơ-bách (100). Nhưng ở Lép-nít-xơ, cái đó được rút ra từ «bản tính của linh hồn»... (101).

Trong quyền «*Théodicée*»² (§ 17), Lép-nít-xơ lặp lại về cơ bản luận cứ bản thể luận về sự tồn tại của Thượng đế.

Lép-nít-xơ đã phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm của Lốc-cơ trong «*Khái luận mới về lý trí con người*»³ — khi nói rằng không có cái gì trong lý trí, v.v., nếu không phải là *bản thân lý trí* (!) (152)

(Phơ-bách trong lần xuất bản thứ nhất cũng phê phán một cách duy tâm Lốc-cơ.)

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : hòa điệu đã có từ trước. (N.D.) «Hòa điệu đã có từ trước, mặc dầu nó là đứa con cưng của ông, là mặt yếu của Lép-nít-xơ... Hòa điệu đã có từ trước theo ý nghĩa hoàn toàn bên ngoài các đơn tử, mâu thuẫn hoàn toàn với tinh thần của Lép-nít-xơ». (B.T.)

2. Tên tác phẩm thần học của Lép-nít-xơ. *Théodicée*: Thần chính luận. (N.D.)

3. Viết năm 1704, xuất bản năm 1765, những *Khái luận mới* nhằm chống lại lý luận duy cảm về nhận thức của Lốc-cơ. (B.T.)

Nguyên tác «những chân lý tất nhiên» có ở «trong chúng ta» (Lép-nít-xơ, 148).

Xem Can-tơ, cũng như vậy

Ở trong chúng ta có những quan niệm thực thể, biến đổi, v.v. (Lép-nít-xơ, 150).

«Nhờ có lý tính mà có được sự xác định theo phương hướng đi tới cái tốt nhất—đó là trình độ cao nhất của tự do.» (154, Lép-nít-xơ)

«Triết học của Lép-nít-xơ, đó là chủ nghĩa duy tâm.» (Phơ-bách, 160) v.v., v.v.

... «Chủ nghĩa đa thần thanh tĩnh và đầy sức sống của đơn tử luận của Lép-nít-xơ đã trở thành chủ nghĩa nhất thần nghiêm khắc nhưng do đó, mà cũng có tính chất thiên về tinh thần hơn, căng thẳng hơn của «chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm.» (Phơ-bách, 188).

(Tr. 188-120; bổ sung năm 1847.)

Tr. 188: «Triết học duy tâm, tiên thiên»...

«Nhưng đương nhiên cái đã là hậu thuẫn đối với người, thì sẽ là tiên thiên đối với nhà triết học; bởi vì một khi con người đã tập hợp được những kinh nghiệm và đã tổng hợp chúng lại trong những khái niệm chung, thì tự nhiên nó có khả năng nêu lên những «phán đoán tổng hợp tiên thiên.» Cho nên, cái đối với một thời đại trước là một việc kinh nghiệm, thì về sau sẽ trở thành một việc của lý tính... Như vậy, trước kia, điện và từ chỉ là những đặc tính kinh nghiệm, ở đây có nghĩa là có tính chất ngẫu nhiên, chỉ quan sát được ở những vật thể cá biệt, nhưng ngày nay, do nhiều lần quan sát, chúng đã được thừa nhận là những đặc tính của tất cả các vật thể, là những đặc tính rất quan trọng của vật thể nói chung... Như vậy, chỉ có xuất phát từ quan điểm lịch sử của nhân loại, người ta

Chuyển
sang
Can-tơ

Chế giễu
đối với
Can-tơ

mới có thể có một câu trả lời khẳng định đối với vấn đề nguồn gốc các quan niệm»... (191-192)

Linh hồn không phải là sáp, nó không phải là *tabula rasa*¹... «Muốn sáng tạo tri giác, phải thêm vào đối tượng một cái gì khác với nó, và thật là điên rồ nếu tôi lại muốn từ đối tượng rút ra yếu tố khác ấy, yếu tố này là cơ sở của bản thân bản chất của tri giác. Nhưng yếu tố ấy là cái gì vậy? Hình thức của tính phổ biến; bởi vì, như Lép-nít-xơ đã chỉ rõ ngay cả đến quan niệm hay là tri giác đơn cá — ít ra là khi sự so sánh với đối tượng hiện thực đơn cá — lúc đầu cũng đều có tính chất chung, ở đây có nghĩa là không được quy định, có tính chất phá hoại, gạt bỏ những sự khác nhau sang một bên. Cảm tính là một khối hỗn độn, không có tính chất phê phán, quá phong phú, còn quan niệm, tri giác thì lại chỉ hạn chế ở cái chung và ở cái tất nhiên.» (192)

Lép-nít-xơ và
Can-tơ

Tính tất
nhiên không
thể tách rời
tính phổ biến

C. Y.
Chủ nghĩa
Can-tơ =
món hàng
xấu cũ kỹ

«Do đó, quan niệm cơ bản của *Khái luận mới về lý trí con người*, cũng như quan niệm cơ bản của *Sự phê phán lý tính thuần túy*, cho rằng tính **phổ biến** và tính tất nhiên **không thể tách rời** của nó, biểu hiện bản tính cố hữu của lý trí hay là của thực thể có năng lực tri giác; và như vậy, chúng không có thể bắt nguồn từ giác quan, từ kinh nghiệm, nghĩa là từ bên ngoài»... (193)

Quan niệm này đã có ở những người theo chủ nghĩa Đê-các-tơ — Phơ-bách dẫn chứng một đoạn của *Cơ-lau-béc-gơ* viết năm 1652.

«Không còn nghi ngờ gì nữa, sở dĩ công lý này (toàn thể to hơn bộ phận) là xác thực

1. *Table rase* : vứt đi tất cả. (N.D.)

đáng tin cậy, điều đó không phải là nhờ ở sự quy nạp mà là nhờ ở lý trí, bởi vì, nói chung, lý trí không có mục đích nào khác, cũng như không có chức năng nào khác hơn là khái quát những tài liệu của cảm giác để làm cho chúng ta tránh khỏi cái công việc lặp lại một cách phiền phức, là báo trước, thay thế, bảo tồn kinh nghiệm cảm tính và tri giác cảm tính. Nhưng, há rằng lý trí làm việc này một cách hoàn toàn độc lập mà không lấy cảm giác làm căn cứ? Há rằng, trường hợp cá biệt mà cảm giác đem lại cho tôi là một trường hợp cá biệt ở *trong trù tượng*? Há rằng nó không phải là một trường hợp đã được quy định về chất? Nhưng há rằng trong chất này không có một sự đồng nhất của những trường hợp cá biệt là sự đồng nhất có thể được tri giác ngay cả bằng các giác quan?... Há rằng tôi chỉ trông thấy lá, mà không trông thấy cây?... Há rằng ở đây không có *cảm giác* về tính đồng nhất, tính tương tự và sự khác nhau? Há rằng giác quan của tôi không thể phân biệt được đen và trắng, ngày và đêm, gỗ và sắt?... Há rằng tri giác cảm tính không phải là sự chứng minh tất nhiên đối với cái gì đang tồn tại? Há rằng quy luật tối cao của tư duy, quy luật về tính đồng nhất, cũng là quy luật của cảm tính? Hơn nữa, há rằng quy luật này của tư duy không dựa vào tính chân lý của trực quan cảm tính?... (193-194)

C.Y.

Trong *Khái luận mới*, Lép-nít-xơ viết: « Tính chung biểu hiện ở sự giống nhau giữa những sự vật đơn nhất, và sự giống nhau đó là một thực tại. » (quyển III, chương 3, § 11). « Nhưng há rằng sự giống nhau đó không phải là một chân lý cảm tính? Há rằng những sinh vật mà lý tính xếp vào *cùng một lớp, cùng một*

Bien dit!¹
C.Y.

Bien dit!¹

loại không tác động vào các giác quan một cách đồng nhất, tương tự?... Đối với cảm giác giới tính của tôi — một cảm giác về phương diện lý luận cũng hết sức quan trọng, tuy thường bị bỏ quên trong lý luận về các khí quan cảm giác — há rằng con vật cái và người đàn bà không có một sự khác nhau nào cả? Như vậy, sự khác nhau giữa năng lực của lý trí và năng lực của giác quan hay của cảm giác là gì? Tri giác cảm tính đem lại cho ta sự vật nhưng lý trí thì đem lại cho ta tên gọi. Không có cái gì tồn tại trong lý trí mà lại không tồn tại trong tri giác cảm tính; nhưng cái tồn tại một cách thực tế trong tri giác cảm tính thì chỉ tồn tại bằng tên gọi trong lý trí. Lý trí là vật tồn tại tối cao, là kẻ thống trị thế giới; nhưng chỉ trên danh nghĩa, chứ không phải trên thực tế. Nhưng tên gọi là cái gì? Một phù hiệu dùng để phân biệt, một dấu hiệu đập vào mắt mà tôi đem làm thành đặc trưng của đối tượng, làm thành cái tiêu biểu cho đối tượng, để hình dung đối tượng trong tính chính thể của nó.» (195).

... «Cảm giác cũng như lý tính, nói với tôi rằng: toàn thể to hơn bộ phận. Nhưng nó nói với tôi không phải bằng những chữ mà bằng thí dụ, chẳng hạn như: ngón tay nhỏ hơn bàn tay... (196-197).

... «Như vậy là sự tin chắc rằng toàn thể to hơn bộ phận chắc chắn là không phụ thuộc vào kinh nghiệm cảm tính. Nhưng, vậy thì phụ thuộc vào cái gì? Vào chữ: cái

¹ Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Nói đúng! (ND.)

toàn thể. Mệnh đề toàn thể to hơn bộ phận tuyệt nhiên không nói gì khác hơn là cái mà bản thân chữ : toàn thể... nói lên (197).

... «Trái lại, Lép-nít-xơ, với tư cách là một người duy tâm hay là duy linh, đã lấy thủ đoạn làm thành mục đích, đã lấy sự phủ định tính cảm giác làm thành bản chất của tinh thần»... (198).

... «Cái có ý thức về mình, cái đó tồn tại và cái đó có, và cái đó gọi là linh hồn. Như vậy là chúng ta tin chắc vào sự tồn tại của linh hồn chúng ta trước khi tin chắc vào sự tồn tại của cơ thể chúng ta. Không còn nghi ngờ gì nữa, ý thức là tính thứ nhất; nhưng nó chỉ là tính thứ nhất đối với tôi thôi, chứ không phải là tính thứ nhất xét theo bản thân nó. Đứng về quan điểm ý thức của tôi mà nói, thì sở dĩ tôi tồn tại là bởi vì tôi có ý thức về tôi; nhưng đứng về quan điểm sinh mệnh¹ mà nói, thì tôi có ý thức về tôi là bởi vì tôi tồn tại. Nhưng trong hai cái đó, cái nào là chính xác? Cơ thể, tức là giới tự nhiên, hay là ý thức tức là Tôi? Tôi, đương nhiên phải là tôi; bởi vì làm thế nào mà tôi lại có thể cho tôi là sai được? Nhưng trên thực tế, tôi có thể tách rời ý thức của tôi khỏi cơ thể của tôi và tự tư duy một mình được không?... (201).

... «Thế giới là khách thể của cảm giác, đồng thời cũng là khách thể của tư duy». (204).

«Trong đối tượng cảm tính, con người phân biệt bản chất y như nó tồn tại trong

1. Bản tiếng Pháp : của cơ thể của tôi. (.ND.)

C.Y.

hiện thực về mặt nó là đối tượng của tri giác cảm tính với bản chất được tư duy, được trừu tượng từ trong cảm tính của đối tượng ấy. Nó gọi cái thứ nhất là *tồn tại* hay là *cá thể*, cái thứ hai là *bản chất* hay là *loại*. Nó định nghĩa bản chất như là tất nhiên, vĩnh viễn, —bởi vì, dù cho một tồn tại cảm tính trong thế giới cảm tính có bị mất đi chẳng nữa, thì nó vẫn còn tồn tại như là khách thể của tư duy hay là của biểu tượng — nó định nghĩa tồn tại như là ngẫu nhiên và tạm thời...» (205).

...«Lép-nít-xơ là tín đồ *một nửa* của đạo Cơ đốc. Ông là người theo thuyết hữu thần hay là tín đồ cơ đốc giáo và là người theo chủ nghĩa tự nhiên. Ông dùng trí tuệ và lý tính để hạn chế ân huệ và tính vạn năng của Thượng đế. Nhưng lý tính này cũng không phải là cái gì khác hơn là một cái phòng nghiên cứu khoa học tự nhiên, nó chỉ là quan niệm về mối liên hệ giữa các bộ phận trong giới tự nhiên, của toàn thể vũ trụ. Do đó, ông dùng *chủ nghĩa tự nhiên* để hạn chế thuyết hữu thần của ông; thông qua sự xóa bỏ thuyết hữu thần, ông khẳng định, bảo vệ nó...» (215).

Tr. (274) (trích bổ sung năm 1847) :

«Người ta đã nói nhiều biết bao nhiêu đến sự lừa dối của cảm giác và nói ít biết bao nhiêu đến sự lừa dối của ngữ ngôn! Mà tư duy và ngữ ngôn là hai cái không thể tách rời nhau. Thế nhưng sự lừa dối của cảm giác là thô lỗ biết bao nhiêu, và sự lừa dối của ngữ ngôn là tinh vi biết bao nhiêu! Biết bao nhiêu lâu, tính phổ biến của lý tính, tính phổ biến của cái Tôi của Phích-tơ và của Hê-ghen đã dắt mũi tôi cho đến lúc, cuối cùng nhờ năm giác quan của tôi, và đề giải

thoát cho linh hồn tôi, tôi đã hiểu rằng tất cả những khó khăn ấy và tất cả những bí mật của lô-gốt trong ý nghĩa của lý tính, đều được giải quyết trong ý nghĩa của từ (chữ)! Đó là lẽ tại sao, câu nói của Hay-mơ: «Sự phê phán lý tính phải trở thành sự phê phán ngữ ngôn», về mặt lý luận, đối với tôi, thật là thấm thía đến tâm can. — Còn như sự đối lập giữa cái tôi, coi như sinh vật cá biệt đang cảm giác, và cái tôi, coi như sinh vật đang tư duy, thì theo ý nghĩa của nhận xét này và theo luận văn mà tôi đã dẫn ra (của chính Phơ-bách), sẽ quy thành sự đối lập gay gắt này: với tính cách là sinh vật đang cảm giác, tôi là đơn nhất, với tính cách là sinh vật đang tư duy, tôi là phổ biến. Nhưng trong cảm giác tôi cũng không kém phổ biến gì hơn là đơn nhất trong tư duy. Sự nhất trí trong tư duy chỉ căn cứ vào sự nhất trí trong cảm giác.» (274)

«... Mọi sự giao thiệp của con người đều lấy sự giống nhau của cảm giác của mọi người làm tiền đề»: (274)

Spi-nô-da và Héc-ba (1836). Tr. (400) và các trang sau. Bảo vệ Spi-nô-da chống lại những sự công kích hèn hạ của «nhà đạo đức luận» Héc-ba. Chủ nghĩa khách quan được nhấn mạnh của Spi-nô-da, v.v. C.Y.

Thái độ đối với Hê-ghen (1840 và những năm sau) tr. 417 và những trang sau.

Nhấn mạnh một cách không rõ lắm và một cách không mạch lạc, rằng ông là học trò của Hê-ghen.

Giữa các nhận xét :

«Phép biện chứng mâu thuẫn với sự phát sinh và phát triển tự nhiên là cái gì? Tính tất yếu của nó là ở chỗ nào?»... (431)

Ông phôn Sen-linh. (1843) Thư gửi Các Mác (434 và những trang sau). Theo bản nháp. Phê phán nặng nề đối với Sen-linh.

Hết tập thứ IV

TÓM TẮT
« KHOA HỌC LÔ-GÍCH »
CỦA HÊ-GHEN



(Béc-nơ: Lô-gích. I. 175)
(Bá-linh, 1833)

Đầu đề đầy đủ của
Toàn tập
của G. W.F. Hê-ghen

Toàn tập của G.W.F. Hê-ghen, tập III

«Khoa học Lô-gích»

Phần thứ nhất. Lô-gích Khách quan

Thiên thứ nhất. Lý luận về Tồn tại.

Xuất bản toàn bộ
do một nhóm bạn
của tác giả đã quá
cổ: Marheineke,
Schulze, Gans,
Henning, Hotho,
Michelet, Förster.

LỜI TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ NHẤT

Tập I, tr. 6¹ — nhận xét sâu sắc về Lô-gích học: đó là một « thiên kiến » cho rằng nó « dạy cách suy nghĩ » (giống như sinh lý học « dạy cách tiêu hóa » ??)

... « khoa học lô-gích, là siêu hình học chân chính hay là triết học thuần túy tư biện »... [8]

... « Triết học không thể mượn phương pháp của một khoa học tùy thuộc như toán học »... [8]

« Nhưng phương pháp đó chỉ có thể là bản tính của nội dung nằm trong phạm vi của nhận thức khoa học², vì chính cũng bản thân

1. Những số trang là theo bản tiếng Pháp của Lô-gích: G.W.F. Hê-ghen. *Khoa học Lô-gích*. Nhà xuất bản Mông-te-nơ, Pa-ri, 1947. Bản dịch thường được xem lại và sửa đổi nhiều lần. (B.T.)

2. Bản tiếng Nga và Trung quốc: Vận động trong nhận thức khoa học. (N.D.)

sự phản tư¹ ấy của nội dung lần đầu tiên xác định và sản sinh ra tính quy định của nội dung đó.» [8]

(Sự vận động của nhận thức khoa học — đó là thực chất).

« Lý trí (*Verstand*) quy định (*bestimmt*); lý tính (*Vernunft*) phủ định, lý tính có tính chất biện chứng, vì nó phân liệt và quy thành hư không (*in Nichts auflös*) những tính quy định của lý trí ». [8] Sự kết hợp của hai cái đó, « lý tính có lý trí, hay lý trí có lý tính » = tích cực.

Phủ định « của cái đơn giản »... « vận động của tinh thần »...

« Chỉ có đi theo con đường tự nhiên mà có ấy², triết học mới có khả năng là một khoa học khách quan, luận chứng. » [9]

(« Con đường tự nhiên mà có » = con đường (tôi thiết tưởng đây là mẫu chốt³) của sự nhận thức thực sự, của quá trình nhận thức thực sự của sự vận động thật sự (từ không biết đến biết).

Đặc sắc!

Vận động của ý thức « về mặt là sự phát triển của mọi sinh hoạt tự nhiên và tinh thần » dựa trên « bản tính của những bản chất thuần túy hợp thành nội dung của Lô-gích » (*Natur der reinen Wesenheiten*).

Lật ngược lại: lô-gích và nhận thức luận phải được rút ra từ « sự phát triển của mọi sinh hoạt tự nhiên và tinh thần ».

Cho đến đây: lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất.

1. Bản tiếng Pháp: reflexion. Bản tiếng Trung quốc: phản tư. (N.D.)

2. Theo bản tiếng Nga thì dịch: « Chỉ có đi theo con đường tự cầu thành bản thân mình... »

3. Trong bản thảo, ngoặc đơn này ở trên chữ « con đường ». (B.T.)

LỜI TỰA CHO LẦN XUẤT BẢN THỨ HAI

... « Trình bày lĩnh vực của tư tưởng, theo lối triết học, nghĩa là trong sự hoạt động bên trong vốn có của nó (C.Y.), hay nói một cách khác trong sự phát triển tất yếu của nó » (C.Y.)... [11]

Xuất sắc!

« Những hình thức tư duy đã biết » — đó là một điểm xuất phát quan trọng, «những cái xương khô của một bộ xương ». [11]

Không cần đến những cái xương khô,
mà cần đến đời sống sinh động.

Sự liên hệ giữa tư duy và ngôn ngữ (tiếng Trung quốc, chẳng hạn, và việc nó không tiến triển... [12], sự hình thành của những danh từ và động từ). Trong tiếng Đức, những từ đôi khi có những « ý nghĩa đối lập » (không những « khác nhau » mà đối lập) — « một điều vui cho tư duy »... [12]

lịch sử của
tư duy =
lịch sử của
ngôn ngữ??

Khái niệm về lực trong vật lý học — và về *tính lưỡng cực* («những mặt đối lập liên hệ *khăng khít* [chữ ngà là của Hê-ghen] với nhau»). [13] Bước chuyển từ lực đến tính lưỡng cực là bước chuyển sang một « phạm trù cao hơn ». [13]

[C.Y. còn ở tr. 12... «Nhưng nếu người ta muốn đem giới tự nhiên nói chung, coi là một bộ phận của thế giới vật lý, đối lập với tinh thần thì người ta phải nói rằng lô-gích thật ra là một cái siêu tự nhiên»...]

Tự nhiên
và
«tinh thần»

Các hình thức lô-gích đều đã được mọi người biết, nhưng không phải vì thế... «mà cái đã biết còn¹ chưa được thừa nhận là đã biết» [14].

«Tiến bộ vô hạn» — các «hình thức của tư duy» «thoát ly» khỏi vật chất (*von dem Stoffe*), khỏi những biểu tượng, khỏi những nguyên vọng, v.v., việc rút ra cái phổ biến (Pơ-la-tông, A-ri-stốt): sự bắt đầu của nhận thức...

A-ri-stốt [14-15] nói: «Chỉ khi nào người ta đã nắm được cái gì là tất yếu... thì người ta mới bắt đầu chú trọng đến nhận thức triết học», và ông cũng nói: «Những trò tiêu khiển của các thầy tu Ai-cập đã mở ra những bước đầu của khoa học toán học.» [15] Việc tiến hành «tư tưởng thuần túy» giả định «một sự phát triển lâu dài mà tinh thần loài người đã phải trải qua». Trong một tư duy như vậy

Những lợi ích «thúc đẩy đời sống các dân tộc»

«những lợi ích thúc đẩy đời sống của các dân tộc và của các cá nhân, phải im tiếng». [15]

Những phạm trù của lô-gích là những sự tóm tắt (trong một đoạn khác «sự rút ngắn») của «vô số» «những chi tiết của sự tồn tại bên ngoài và của hoạt động bên ngoài». [16] Đến lượt chúng, các phạm trù ấy phục vụ cho con người trong thực tiễn («trong việc chế biến nội dung sinh động ở trong tinh thần, trong việc sáng tạo ra tư tưởng, và trong việc trao đổi tư tưởng...») [16].

1. Chữ «còn» là do Lê-nin thêm vào. (B.T.)

«Về những cái gì là cảm giác, lợi ích và hứng thú của chúng ta, thì chúng ta không nói là chúng phục vụ chúng ta, nhưng chúng ta coi chúng như là những lực lượng và những quyền lực độc lập, thành thử chúng ta đồng nhất với chúng...» [16]

Quan hệ giữa
tư duy và
những lợi ích
và hứng
thú...

Về các hình thức tư duy (*Denkformen*) cũng không thể nói là chúng phục vụ chúng ta, vì chúng xuyên qua «mọi biểu tượng của chúng ta» [17], chúng là «bản thân cái phổ biến».

Chủ nghĩa khách quan: những phạm trù của tư duy không phải là một công cụ của con người, mà là biểu hiện của tính quy luật của giới tự nhiên cũng như của con người — xem sự đối lập ở đoạn sau

...«của tư duy chủ quan» và «của khái niệm khách quan về ngay bản chất của sự vật»¹. Chúng ta không thể «vượt qua bản tính của những vật được». [17]

Và nhận xét đó chống lại «triết học phê phán» [18]. Triết học phê phán biểu hiện những mối quan hệ giữa «ba yếu tố» (chúng ta, tư duy, sự vật)², như thể chúng ta là «ở giữa», giữa sự vật tư duy, như thể cái giữa đó «tách» (*abschliesst*) chúng ta với sự vật «chứ không nối» (*zusammenschliessen*)

Chống chủ
nghĩa
Can-to

1. Trong tác phẩm của Hê-ghen : «khái niệm khách quan nhất trí với bản thân sự vật». (B.T.)

2. Trong tác phẩm của Hê-ghen : «Đối với triết học phê phán là triết học hiểu những quan hệ tồn tại giữa ba yếu tố đó bằng cách nói rằng chúng ta cho các ý niệm một vị trí ở giữa chúng ta và sự vật...» (B.T.)

chúng ta với sự vật. Hê-ghen nói là phải trả lời điều này bằng « nhận xét đơn giản » này là « những sự vật mà người ta muốn đặt ở cực kia, ở bên kia (*jenseits*) những tư tưởng của chúng ta, thì bản thân chúng cũng là những đối tượng của tư duy (*Gedankendinge*) »... và « cái vật gọi là tự nó cũng chỉ là một đối tượng tư duy của sự trừu tượng trống rỗng ». [18]¹

Theo ý tôi, đây là thực chất của luận cứ này: 1^o ở Can-tơ, nhận thức chia rẽ (tách rời) giới tự nhiên và con người; thật ra, nó nối liền hai cái đó với nhau; 2^o ở Can-tơ, chúng ta có « sự trừu tượng trống rỗng » về vật tự nó, chứ không phải là sự tiến triển sinh động, sự vận động của nhận thức của chúng ta ngày càng sâu sắc về sự vật.

Vật tự nó của Can-tơ là một sự trừu tượng trống rỗng, và Hê-ghen đòi hỏi những trừu tượng phải phù hợp với thực chất: « khái niệm khách quan về sự vật nhập làm một với bản thân sự vật » — ông ta đòi hỏi những trừu tượng phải phù hợp — nói theo kiểu người duy vật — với sự đi sâu thực sự của sự nhận thức của chúng ta về thế giới.

Cho rằng những « phạm trù » chỉ là những « phương tiện » « để sử dụng », là không đúng. [18]

1. Trong tác phẩm của Hê-ghen : « ... những sự vật mà người ta muốn đặt ở cực kia, bên kia chúng ta và bên kia những ý niệm liên quan với những sự vật đó, bản thân chúng cũng là những đối tượng tư duy và chỉ biểu hiện một đối tượng tư duy của sự trừu tượng trống rỗng : vật gọi là tự nó ». (B.T.)

Cho rằng chúng chỉ là những «hình thức bên ngoài», những hình thức *thêm vào* nội dung, mà không phải là bản thân nội dung, thì cũng là không đúng. [18]...

C.Y.

Nhưng Hê-ghen đòi một lô-gích mà những hình thức phải là những hình thức có đầy nội-dung, những hình thức có nội dung thật sự, sinh động, những hình thức gắn liền chặt chẽ với nội dung.

Và Hê-ghen chú ý đến «những quan niệm về tất cả những sự vật thuộc giới tự nhiên và thuộc lĩnh vực tinh thần» [19], đến «nội dung có thực chất»¹. [19]

— «Đem cái bản tính lô-gích — cái bản tính lô-gích cổ vũ tinh thần, thúc đẩy và kích thích tinh thần vào ý thức — đó là nhiệm vụ phải làm.» [19]

Lô-gích không phải là học thuyết về những hình thức bên ngoài của tư duy mà là học thuyết về những quy luật phát triển của «tất thảy mọi sự vật vật chất, tự nhiên và tinh thần» — tức là học thuyết về những quy luật phát triển của toàn bộ nội dung cụ thể của vũ trụ và về những quy luật phát triển của sự nhận thức vũ trụ — tức là sự tổng kết, sự tổng cộng, kết luận rút ra từ lịch sử của sự nhận thức về thế giới.

«Hoạt động bản năng» (*instinktarliges Tun*) «phân tán trong những tài liệu vô cùng

1. Bản tiếng Pháp : *contenu substantiel* : bản tiếng Trung quốc : *thực thể đích nội dung* (N.D.)

nhều hình nhiều vẻ». Trái lại « hoạt động có ý thức và thông minh » rút « nội dung của động cơ » (*den Inhalt des Treibenden*) « từ sự thống nhất trực tiếp của nó với chủ thể, để làm cho nó trở thành đối tượng trước mặt nó (trước chủ thể). » [19]

« Trong màng lưới này, người ta thấy hình thành đây, đó, những nút chắc chắn hơn, tức là những điểm tựa và những điểm mốc cho đời sống của nó, và cho ý thức của nó (của tinh thần hoặc của chủ thể) »... [19]

Nên hiểu điều này như thế nào?

Trước con người, có *màng lưới* những hiện tượng tự nhiên. Con người bản năng, người man rợ, không tự tách khỏi giới tự nhiên. Người có ý thức tự tách khỏi giới tự nhiên, nhưng phạm trù là những giai đoạn của sự tách khỏi đó, tức là của sự nhận thức vũ trụ; chúng là những điểm nút của màng lưới, những điểm nút cho phép ta nhận thức và nắm vững được màng lưới.

« Chân lý là vô hạn » [20] — tính hữu hạn của nó là sự phủ định nó, là « chỗ tận cùng của nó ». Những hình thức của tư duy, nếu chúng ta coi chúng là « những hình thức tách biệt với nội dung và chỉ thuộc riêng về nội dung thôi » [20], thì đều là bất lực, không thể bao quát được chân lý. Sự trống rỗng của những hình thức ấy, của lô-gích hình thức làm cho chúng trở thành « đáng khinh » và « buồn cười » [20]. Quy luật đồng nhất, $A=A$ là trống rỗng, « không thể chịu đựng được ». [20]

Không nên quên rằng những phạm trù ấy «đều thuộc lãnh vực nhận thức trong đó chúng phải bảo tồn ý nghĩa của chúng»... Nhưng với tính cách là những «hình thức không quan tâm đến bất cứ cái gì»¹, chúng có thể trở thành «những công cụ của sai lầm và của ngộ biện» [21], chứ không phải của chân lý.

«Sự khảo sát của tư duy» phải bao quát không những «hình thức bên ngoài» mà cả «nội dung» nữa [21].

«Do việc đưa nội dung vào sự khảo sát lô-gích», nên sự khảo sát này không hướng vào «các sự vật» mà vào «bản chất của sự vật», vào «khái niệm về các sự vật».

không phải các sự vật mà các quy luật² của sự vận động của chúng, nói theo cách duy vật

... «cái Lô-gốt tức lý tính của cái đang tồn tại»... [22]

Và tr. [22] ở cuối trang, đối tượng của lô-gích được định nghĩa như sau:

... «sự phát triển của tư duy trong cái tính tất yếu của nó.»

Phải rút những phạm trù (mà không phải là rút ra một cách độc đoán hay máy móc) (không phải bằng cách «kể ra», bằng cách «khẳng định», mà bằng cách *chứng minh*), từ những cái đơn giản nhất, những cái cơ bản nhất (Tồn tại, Hư vô, Sinh thành (*das Werden*)) (đề khởi phải kể tên những cái khác) — ở đây, trong những phạm trù đó «toàn bộ sự phát triển là nằm trong mầm mống đó». [24]

C.Y.

«sự phát triển» của tư duy (trong tính tất yếu của nó)

1. Bản tiếng Pháp : *forme indifférente*. (N.D.)

2. Trong bản thảo chữ «quy luật» được nối liền bằng một mũi tên với chữ «lô-gốt» ở đoạn dưới. (B.T.)

LỜI MỞ ĐẦU: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LÔ-GÍCH

Thường người ta hiểu Lô-gích là «khoa học của tư duy», hình thức thuần túy của «nhận thức». [28]

Hê-ghen bác bỏ quan điểm ấy. Chống lại vật tự nó — «coi là cái gì chỉ có ở bên kia tư duy». [29]

Các hình thức của tư duy «tựa hồ không thể áp dụng được cho vật tự nó». Vô lý — một nhận thức chân chính mà lại không nhận thức được vật tự nó. Nhưng lý trí há chẳng phải cũng là một vật tự nó đó sao? [32]

«Chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm triệt để hơn thừa nhận cái bóng ma *vật-tự-nó*, mà triết học phê phán đã đề cho tồn tại tức cái bóng trừu tượng không có chút nội dung nào cả là vô giá trị và tự đặt cho mình mục đích tiêu diệt cái bóng ấy. Triết học ấy» (Phích-tơ?) «cũng đã bắt đầu đề cho lý tính rút ra từ trong nó những tính quy định của nó. Nhưng khuynh hướng chủ quan của thí nghiệm ấy khiến thí nghiệm ấy không thực hiện được.» [32]

Những hình thức lô-gích là những hình thức chết, vì người ta không xem chúng là một «thể thống nhất hữu cơ» [33], «sự thống nhất cụ thể và sinh động của chúng» [33].

Trong *Hiện tượng học của Tinh thần*, tôi đã xem xét¹ « sự phát triển của ý thức, bước tiến dần dần của nó từ cái đối lập ban đầu (*Gegensatz*) trực tiếp giữa nó và đối tượng, đến tri thức tuyệt đối [33]. Con đường đi của nó thông qua tất cả mọi hình thức của quan hệ giữa ý thức và đối tượng... »

« Với tư cách là một khoa học, chân lý là sự tự ý thức thuần túy, đang phát triển một cách tự phát »... « tư duy khách quan »... « bản thân khái niệm, là cái tồn - tại - tự - nó - và - vì - nó ». [35]

([36] : chủ nghĩa ngu dân thầy tu : Thần, sự thống trị của chân lý, v.v., v.v.)

[37] : Can-tơ đã gán cho các « phạm trù lô-gích » một « ý nghĩa về bản chất là chủ quan ». Nhưng những phạm trù lô-gích có « một giá trị và một tồn tại khách quan ». [36]

Người ta đã đi đến chỗ khinh miệt cái lô-gích cũ [38]. Phải cải tạo nó...

[39] — Lô-gích hình thức cũ cũng giống như cái trò chơi trẻ con là đem tập hợp những màu của một tấm ảnh đã bị cắt ra (nó đã bị khinh miệt : [38]).

[39] Triết học phải có phương pháp riêng của nó (*không phải* phương pháp của toán học — *chống* Spi-nô-da, Vôn-phơ và những người khác).

[40] « Vì phương pháp là ý thức về hình thức của sự vận động nội tại của bản thân nội dung » và tất cả đoạn sau ở trang 40 đã giải thích hay về phép biện chứng.

« [nó (phương pháp) không khác gì đối tượng của nó và nội dung của nó], vì

C.Y.

1. Trong tác phẩm của Hê-ghen : tôi đã hình dung. (B.T.)

chính nội dung tự nó, phép biện chứng là cái gắn liền với nó, là cái thúc đẩy sự tiến triển của nó.» [40]

« Cái làm cho một toàn bộ nhất định những hiện tượng tiến triển, chính là bản thân nội dung của toàn bộ ấy, là biện chứng mà nội dung đó có *trong (an)* bản thân nó » (nghĩa là biện chứng của sự vận động tự thân của nó).

Phủ định đồng thời là khẳng định [40] — sự phủ định là một cái gì xác định, là cái có một nội dung nhất định, những mâu thuẫn bên trong dẫn đến sự thay thế nội dung cũ bằng một nội dung mới, cao hơn.

C.Y.

Trong lô-gích cũ, không có chuyển hóa, không có phát triển (của những khái niệm và của tư duy), không có «*liên hệ bên trong, tất nhiên*» [44] của tất cả các bộ phận và không có sự «chuyển hóa» của cái này thành cái kia.

Hê-ghen nêu lên hai yêu cầu cơ bản :

- 1 Tính tất nhiên của liên hệ
và
- 2 Sự phát sinh nội tại của những sự khác nhau.

Rất quan trọng!! Theo tôi, điều đó có nghĩa như sau :

1° Mỗi liên hệ *tất nhiên*, mỗi liên hệ khách quan của tất cả các mặt, lực lượng, xu hướng, v.v., của một lĩnh vực nhất định những hiện tượng ;

2 «*Nguồn gốc nội tại của những sự khác nhau*» — đó là lô-gích bên trong khách quan của sự tiến triển và của sự đấu tranh của những sự khác nhau, của các cực.

Khuyết điểm của phép biện chứng của Pơ-la-tông trong *Pắc-mê-ni-đơ*:

«Người ta thường coi phép biện chứng là một hành động bên ngoài và có tính ehất phủ định, không thuộc bản thân sự vật, là một hành động do tính hư vinh tức một dục vọng chủ quan gây ra —, tính hư vinh này tìm cách làm lung lay và làm tan rã cái vững chắc và cái chân thật —, hay coi phép biện chứng ít ra là một cái gì không đưa đến một cái gì cả mà chỉ đưa đến tính hư không của sự vật được quan sát một cách biện chứng.»
[42]

[42] — công lao lớn của *Can-tơ* là đã làm cho phép biện chứng thoát khỏi «cái bề ngoài có tính chất độc đoán ấy».

Hai sự việc quan trọng:

1° *Die Objektivität des Scheins*¹ # ; (C.Y.: không rõ, quay trở lại!!)

2 *Die Notwendigkeit des Widerspruchs*²
linh hồn có một sự tự vận động... («tính phủ định bên trong»)... «nguyên tắc của tất cả mọi cái có đời sống tự nhiên và tinh thần».
[42-43]

#

Phải chăng là tư tưởng này: bên ngoài cũng có tính khách quan, vì nó là *một trong những mặt* của thế giới khách quan? Không những cái *Wesen*³ mà cả cái *Schein*⁴ cũng có tính khách quan. Có sự khác nhau giữa cái chủ quan và cái khách quan
NHƯNG SỰ KHÁC NHAU NÀY CŨNG
có giới hạn của nó.

1. Tính khách quan của bề ngoài. (N.D.)

2. Tính tất nhiên của mâu thuẫn. (N.D.)

3. Bản chất. (N.D.)

4. Bề ngoài. (N.D.)

Tế nhị
và
sâu sắc!

Xem
Tư bản

Sự so sánh
rất hay
(duy vật)

Cái biện chứng =

= «nắm được những mặt đối lập trong sự thống nhất của chúng»...

Lô-gích giống ngữ pháp ở chỗ, đối với người mới học, nó là một việc, và đối với người tinh thông ngôn ngữ (và nhiều ngôn ngữ) và tinh thần của ngôn ngữ, thì nó lại là một việc khác. «Đối với người chỉ mới bắt đầu nghiên cứu lô-gích hay nghiên cứu các khoa học nói chung, thì nó là cái thế này, và đối với người nào đã qua việc nghiên cứu các khoa học khác rồi mới đến với lô-gích, thì nó lại là cái thế khác.» [43-44]

Thế là Lô-gích vạch ra «bản chất của tính phong phú đó (tính phong phú của biểu tượng về thế giới), bản tính bên trong của tinh thần và của thế giới...» [44].

«(Lô-gích) không phải chỉ là cái phổ biến trừu tượng, mà là cái phổ biến tự nó bao hàm sự phong phú của cái đặc thù.» [45]

Một công thức hay tuyệt : «Không phải chỉ là cái phổ biến trừu tượng» mà là cái phổ biến tự nó bao hàm sự phong phú của cái đặc thù, cái cá thể, cái cá biệt (tất cả sự phong phú của cái đặc thù và cái cá biệt!))!! Très bien¹.

« — Chính vì vậy mà một câu cách ngôn luân lý do một thanh niên hiểu câu đó một cách đúng đắn nói ra thì không có cùng một ý nghĩa và cùng một tầm rộng, như khi câu đó xuất phát từ miệng một

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Rất hay. (N.D.)

người từng trải việc đời, và khi nói câu đó, người này nói lên toàn bộ sức mạnh của nội dung của câu đó. Cái lô-gích cũng vậy, nó chỉ có thể

được đánh giá một cách đúng đắn, khi nào nó đã trở thành kết quả của kinh nghiệm khoa học: lúc đó đối với tinh thần, nó là chân lý phổ biến, không phải là một tri thức cá biệt, bên cạnh những tài liệu và hiện thực đặc thù khác, mà là bản chất của nội dung khác ấy.»... [45]

«Hệ thống của Lô-gích là vương quốc của bóng tối» [45] tức cái vương quốc «không có tính cụ thể cũng không có cảm tính»...

[47] — ... «không phải là trừu tượng, chết, đứng im, mà là cụ thể»...

[Đặc sắc! tinh thần và thực chất của phép biện chứng!]

[49] Ghi chú... những kết quả của triết học Can-tơ là: «lý tính không có khả năng nhận thức một nội dung có tính chân lý, và đối với cái gì thuộc về chân lý tuyệt đối, thì người ta phải cầu đến lòng tin»...

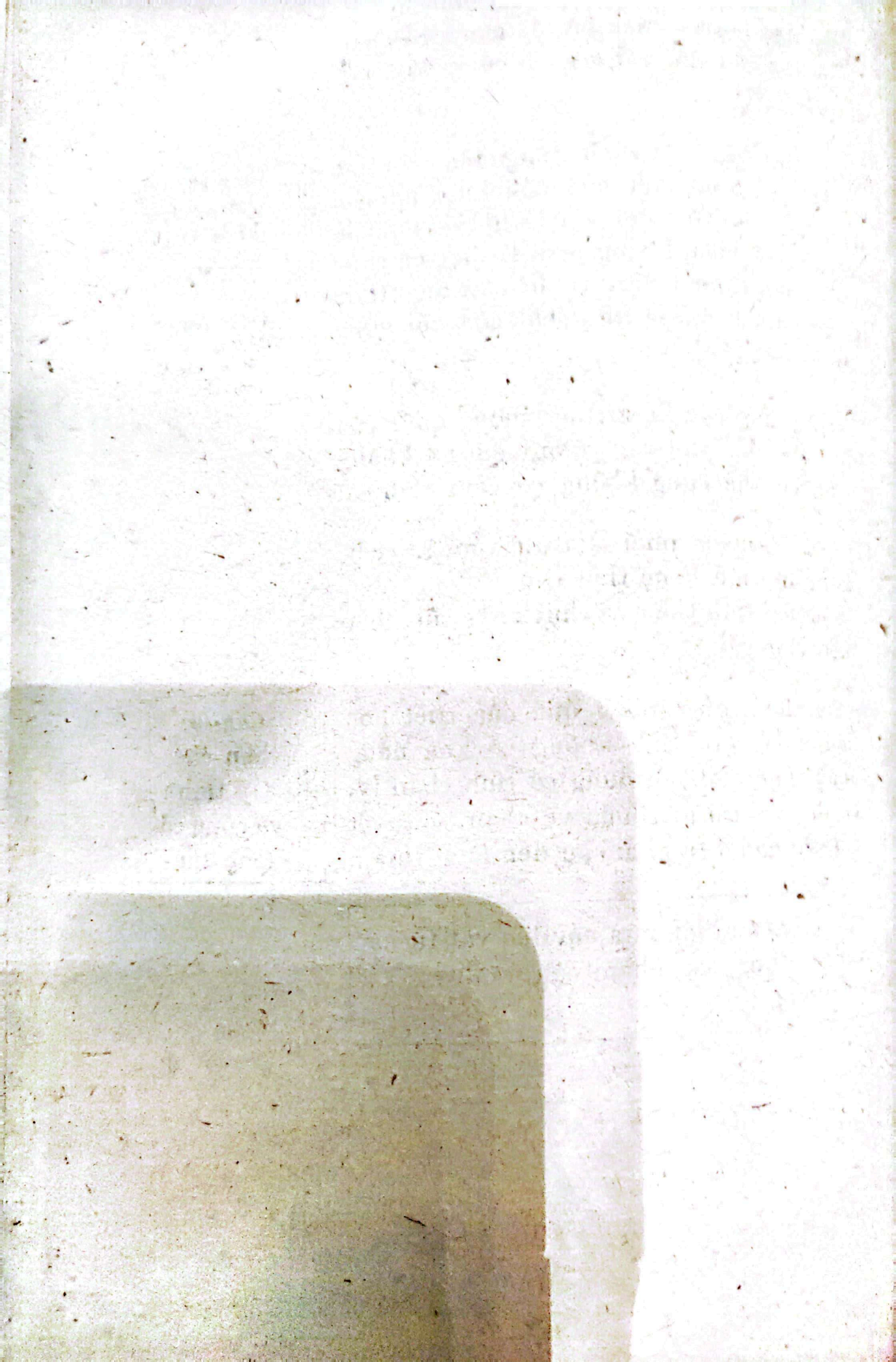
||| « Tổng kết của
kinh nghiệm
||| khoa học »

||| C.Y.

(« bản chất »)
« nội dung căn bản
của tất cả các khoa
học khác »

Can-tơ:
hạn chế
« lý tính »
và củng cố
lòng tin

[50]. Lại một lần nữa nói đến vật-tự-nó
= trừu tượng, sản phẩm của tư duy
trừu tượng.



QUYỀN THỨ NHẤT

LÝ LUẬN VỀ TỒN TẠI



TÒN TẠI

[55]... — (en passant¹) ...
«bản tính của nhận thức» (như trên, tr. [57]).

(Chủ đề của Lô-gích. So sánh với «nhận thức luận» hiện nay)

[56]... «Không có cái gì (chữ ngã của Hê-ghen), ở trên trời, trong giới tự nhiên, hoặc trong tinh thần hay ở chỗ khác, mà không bao hàm vừa tính trực tiếp vừa tính gián tiếp»...

C.Y.

1° Trời — giới tự nhiên — tinh thần.
Bỏ trời đi: chủ nghĩa duy vật.

2° Mọi cái đều *vermittelt* = làm trung gian² cho nhau liên hệ thành một thể thống nhất, liên hệ với nhau bởi những sự chuyển hóa. Bỏ trời đi — sự liên hệ do những quy luật của *toàn thể* (QUÁ TRÌNH của) vũ trụ, chi phối.

[57] «Lô-gích là khoa học thuần túy, tức là khoa học thuần túy trong *tất cả* toàn bộ sự *phát triển* của nó.»

dòng đầu là một điều ngu xuẩn.
dòng thứ hai là thiên tài.

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : nhân tiện thì bàn đến. (N.D.)

2. Bản tiếng Pháp : *médiatisé* ; bản tiếng Trung quốc : trung giới (N.D.).

Bắt đầu từ đâu? «Tồn tại thuần túy» (*Sein*) — «không được dựa trên bất kỳ tiền đề nào» [58], là chỗ bắt đầu. «Nó không có bất cứ nội dung nào»... «không phải là sản phẩm của bất kỳ một sự trung gian nào»...

C.Y.

[61]... «Sự phát triển (của nhận thức)... phải được quy định bởi chính bản tính của sự vật và của nội dung»...

[63] Sự bắt đầu bao hàm trong nó cái «hư vô» và cái «tồn tại», nó là sự thống nhất của hư vô và tồn tại.

... «cái đang bắt đầu là chưa tồn tại, nó chỉ hướng tới tồn tại»... (từ *không tồn tại* đến *tồn tại*: «một cái không tồn tại cũng đồng thời là một cái tồn tại»).

Những điều ngu dốt về tuyệt đối tr. [63-64]: Nói chung, tôi cố gắng đọc Hê-ghen, theo quan điểm duy vật: Hê-ghen là chủ nghĩa duy vật lộn đầu xuống dưới (theo Ăng-ghen) — nghĩa là tôi loại bỏ một phần lớn Thần, Tuyệt đối, Ý niệm thuần túy, v.v.

[65] Sự bắt đầu của triết học không thể là cái «Tôi». Không có «vận động khách quan». [66]

THIÊN THỨ NHẤT: TÍNH QUY ĐỊNH (CHẤT)

[72] Tồn tại thuần túy — «không một tính quy định nào khác».

(Một tính quy định đã là một chất).

Bước chuyển từ *Sein*¹ đến *Dasein*² $\left(\begin{array}{l} \text{Tồn tại} \\ \text{hiện có (?) } \\ \text{Tồn tại} \\ \text{có hạn} \end{array} \right)$ — Và từ tồn tại đó đến *Fursichsein* (tồn-tại-vì-nó)?

Tồn tại — Hư vô — Sinh thành.

«Tồn tại thuần túy và Hư vô thuần túy là... cùng một cái.» ([75] Điều đó hình như là một điều «trái ngược».) [73] Sự kết hợp của chúng là *Sinh thành* [73].

«Sự vận động trong đó cái này trực tiếp tiêu tán trong cái kia»...

Người ta đối lập Hư vô với một *Vật* nào đó. Nhưng *Vật* nào đó ấy đã là một tồn tại được quy định, khác với một *Vật* nào đó khác, mà ở đây lại là cái Hư vô đơn giản [73].

(Phái Ê-lê-át và đặc biệt Pắc-mê-ni-đơ là những người đầu tiên đã đạt tới sự trừ tượng ấy của *Tồn tại*). Ở Hê-ra-cơ-lít, «mọi cái

1. Tồn tại. (B.T.)

2. Tồn tại hiện có. (B.T.)

đều đang chảy đi» [74]..., tức là
«mọi cái đều là sinh thành».

*Ex nihilo nihil fit*¹? Từ Hư vô.

sinh ra cái Tồn tại (Sinh
thành)... [74]

[75]: «Không phải là khó vạch ra sự thống
nhất ấy giữa Tồn tại và Hư vô... trong mỗi
(chữ ngã của Hê-ghen) hiện thực hay mỗi
tư tưởng»... «Không có cái gì ở trên trời,
cũng như ở dưới đất, mà không chứa đựng
cả tồn tại, lẫn hư vô» [75]. Những ý kiến
phản đối đã lên lút đưa Tồn tại được quy
định (tôi có hay không có một trăm đồng
[76]) — nhưng không phải là nói về điểm
đó...

«Liên hệ
tất yếu của
toàn bộ Vũ
trụ»

...«liên hệ
của tính
quy định
lẫn nhau
của tất cả»

«Một tồn tại được quy định, một tồn
tại có hạn là một tồn tại có liên hệ với cái
khác; nó là một nội dung nằm trong một
quan hệ tất nhiên với những nội dung khác,
với toàn bộ thế giới. Trước mỗi liên hệ của
tính quy định lẫn nhau ấy của cái chính
thể, chủ nghĩa siêu hình đã tưởng có thể
nêu lên luận đoán, về thực chất là thừa,
cho rằng nếu một hạt bụi bị hủy diệt thì
toàn bộ thế giới sẽ sụp đổ.» [77]

C.Y.

[80]: «Cái gì là đầu tiên trong khoa học
thì nhất định cũng là đầu tiên về mặt
lịch sử.»

Có một giọng hoàn toàn duy vật!

[85]: «Sinh thành bao gồm cả Tồn tại lẫn
không-tồn-tại.»... «Chuyển hóa của cái
này sang cái kia cũng tức là sinh thành»...
[86].

1. Từ cái không, thì không sinh ra cái gì cả. (B.T.)

[87] «Theo Pắc-mê-ni-đơ cũng như theo Spi-nô-da, sự chuyển hóa từ Tồn tại hay từ thực thể tuyệt đối đến cái phủ định và đến cái hữu hạn, là không thể được.»

Nhưng theo Hê-ghen, tính *thống nhất* hay tính *không thể tách rời* (*Untrennbarkeit*) (tr. [84] danh từ này đôi khi lại hay hơn tính *thống nhất*) giữa «tồn tại» và «hư vô» dẫn đến *Chuyển hóa*, *Sinh thành*.

Cái tuyệt đối và cái tương đối, cái hữu hạn và cái vô hạn là những bộ phận, những giai đoạn của cùng một vũ trụ duy nhất. Có phải thế không?

[85] «Chúng ta giữ chữ *thực tồn* để gọi cái tồn tại *thông qua trung gian*.»

[94]: Theo Pơ-la-tông trong Pắc-mê-ni-đơ, sự chuyển hóa bắt đầu từ tồn tại và từ một = «phản ánh bên ngoài».

[95-96]: Người ta nói bóng tối là *không có ánh sáng*. Nhưng «trong ánh sáng thuần túy, người ta cũng nhìn thấy ít như trong bóng tối thuần túy»....

[98] — Dẫn chứng những lượng vô cùng nhỏ nằm được trong quá trình biến đi của chúng...

- «Không có cái gì không phải là một trạng thái trung gian giữa tồn tại và hư vô.»

«Sự bắt đầu là một cái không thể quan niệm được» — nếu *hư vô* và *tồn tại* loại trừ lẫn nhau; nhưng đây không phải là biện chứng mà là *ngụy biện*: [99]

«Vi *ngụy biện* là một lập luận xuất phát từ một giả thuyết không có cơ sở, và được người ta thừa nhận mà không phê phán, không

C.Y.

Ngụy biện
và phép
biện chứng

suy nghĩ; còn cái mà chúng ta gọi là phép biện chứng thì đó là sự vận động lý tính cao cấp, trong đó những tính quy định trông bề ngoài tựa như tách rời nhau chuyển hóa từ những cái này sang những cái kia thông qua bản thân chúng và như vậy là giả thuyết về sự tách rời của chúng bị loại trừ.» [99]

Sự Sinh thành. Những mắt khâu của nó. Sự xuất hiện và sự biến mất. [99]

*Das Aufheben des Werdens — das Dasein*¹.

tồn tại cụ thể, được quy định (?)

[102]: *aufheben* = *ein Ende machen* (*aufbewahren zugleich*) = *erhalten*².

C.Y.

[104]: Cái *Dasein* là tồn tại được quy định (C.Y. «một tồn tại cụ thể» [106]), — một chất tách rời với một chất khác, — khả biến và có hạn.

[106] «Trạng thái được quy định, cô lập như vậy, với tư cách là trạng thái được quy định *hiện có*, đó là chất»... «Chất được phân biệt như vậy, coi là hiện có, đó là thực tại.» [107]

[109]... «Tính quy định là phủ định»... (Spi-nô-da). *Omnis determinatio est negatio*³. Công thức này có một tầm quan trọng rất lớn...

[111]: Cái Vật-nào-đó là phủ định đầu tiên của phủ định...

1. Sự vượt qua cái Sinh thành — tồn tại-hiện có. (B.T.)

2. Vượt qua : kết thúc (và đồng thời bảo tồn) : duy trì. (B.T.)

3. Mọi tính quy định đều là phủ định. (B.T.)

(Ở đây sự trình bày có phần rời rạc và hết sức mơ hồ.)

Chủ nghĩa Hê-ghen trừu tượng và khó hiểu — Ăng-ghen.

[116] — ... Hai cặp quy định:

1° Cái Vật-nào-đó và cái khác;

2° Tồn- tại-vì-cái-khác và tồn-tại-tự-nó.

[118]: *Vật-tự-nó* — «trừu tượng rất đơn giản».

Người ta tưởng là nói rằng chúng ta không biết được những vật-tự-nó là cái gì, thì tỏ ra là sâu sắc. Vật-tự-nó là sự gạt bỏ mọi tính quy định [Tồn-tại-vì-cái-khác] [gạt bỏ mọi quan hệ với cái khác], nghĩa là không là gì cả. Vậy vật-tự-nó «chỉ là một trừu tượng trống rỗng, không chân lý».

C.Y.

Rất sâu sắc: vật-tự-nó và sự chuyển hóa của nó thành vật-vì-những-cái-khác! (xem Ăng-ghen). Vật-tự-nó, nói chung, là một trừu tượng trống rỗng và chết. Trong sự sống và sự vận động, tất cả và mọi vật *thường* «tự nó» và cũng là «vì-những-cái-khác», trong một quan hệ với cái khác, vì nó chuyển hóa từ một trạng thái này sang một trạng thái khác.

*Sehr gut!!!*¹ nếu người ta hỏi những vật *tự* nó là cái gì, «thì, tuy người ta không nghĩ tới những câu hỏi đã bao hàm ý là không thể trả lời được»... [118]

[120]: Nhân tiện: triết học biện chứng «mà tư duy triết học siêu hình, kẻ cả triết học phê phán» không biết đến.

Chủ nghĩa Can-tơ= siêu hình học

1. Tốt lắm. (B.T.)

Phép biện chứng là học thuyết vạch ra rằng những mặt đối lập làm thế nào mà có thể và thường là (và trở thành) đồng nhất — trong những điều kiện nào chúng là đồng nhất bằng cách chuyển hóa từ mặt đối lập này sang mặt đối lập kia — tại sao lý trí con người không nên xem những mặt đối lập là chết, cứng đờ, mà là sinh động, có điều kiện, hoạt động, chuyển hóa lẫn nhau. En lisant Hegel¹...

[125]: «Giới hạn của phủ định đơn giản hay phủ định lần thứ nhất» (của Vật-nào-đó. Mỗi Vật-nào-đó có giới hạn của nó), «nhưng Vật-khác cũng đồng thời là phủ định của phủ định»...

[128]: «Vật-nào-đó — được đặt ra với giới hạn bên trong của nó, như mâu thuẫn của tự bản thân nó, mâu thuẫn đầy nó tự vượt qua nó và vượt qua giới hạn của nó, — là cái Có hạn.»

(Một vật nào đó, đứng về mặt giới hạn bên trong của nó mà xét, — đứng về mặt mâu thuẫn bên trong, mâu thuẫn đầy nó vượt sang bên kia bản thân nó, mà xét thì đó là cái có hạn).

Khi người ta nói các sự vật đều là có hạn, thì tức là người ta thừa nhận rằng cái không-tồn-tại của chúng là bản tính của chúng («cái không-tồn-tại là cái tồn tại của chúng»).

«Các vật đó tồn tại, nhưng chân lý của sự tồn tại của chúng là chúng có một kết thúc.»

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: Khi đọc Hê-ghe-n. (B.T.)

Sâu sắc và thông minh! Từ những khái niệm thường hình như chết, Hê-ghe-n đã đem phân tích và vạch ra rằng ở chúng có sự vận động. — Có hạn? Nghĩa là đang vận động đến chỗ kết thúc! Vật-nào-đó? Nghĩa là không phải vật khác. — Tồn tại nói chung? — nghĩa là một tính không-quy-định sao cho tồn tại = không-tồn-tại. Tính linh hoạt toàn diện phổ biến của các khái niệm, tính linh hoạt đi đến sự đồng nhất của các mặt đối lập, — đây là thực chất. Tính linh hoạt đó áp dụng một cách chủ quan = chủ nghĩa chiết trung và nguy hiểm. Áp dụng một cách khách quan, nghĩa là phản ánh tính phổ biến của quá trình vật chất và của tính thống nhất của quá trình đó, thì đó là phép biện chứng, đó là phản ánh chính xác của sự phát triển vĩnh viễn của vũ trụ.

C.Y.

Những tư
tưởng về
phép biện
chứng en
lisant
Hegel¹

[130] — Người ta nói vô hạn và có hạn là đối lập? (Cũng xem tr. [139, 140-141])

[131] — Phải-tồn-tại và Hạn độ — các mặt của Có hạn.

[134] — «Trong cái phải-tồn-tại, bắt đầu sự vượt qua cái Có hạn, tức là bắt đầu cái Vô hạn.»

[134] — Người ta nói là lý tính có những giới hạn của nó. «Khẳng định như vậy, người ta không thấy rằng khi người ta đã quy định vật nào đó là một hạn độ, thì người ta đã vượt qua hạn độ đó rồi.»

sehr gut!

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Khi đọc Hê-ghe-n. (B.T.)

[135]: Hòn đá không tư duy; vì vậy tính cục hạn (*Beschränktheit*) của nó không phải là một hạn độ (*Schranke*) đối với nó. Nhưng hòn đá cũng có những giới hạn của nó, chẳng hạn như tính có thể bị ố-xít hóa, nếu nó là một chất kiềm có thể bị biến đổi bởi tác động của ăt-xít.

Sự tiến hóa của hòn đá

[135-136]: Tất cả (cái gì có tính chất người) đều vượt qua giới hạn của nó (dục vọng, đau khổ, v.v.) và *lý tính*, các bạn hãy xem, lại «không vượt qua được hạn độ»!

«Đương nhiên, không phải bất cứ sự vượt qua giới hạn nào cũng là một sự giải phóng thật sự khỏi giới hạn đó»!

Đá nam châm, nếu có ý thức, sẽ xem sự chỉ hướng của nó về phương Bắc là tự do (Lép-nít-xơ).—Không phải thế, lúc đó đá nam châm sẽ biết *tất cả* mọi hướng của không gian và nó sẽ coi *độc một* hướng là *giới hạn* của tự do của nó, là sự hạn chế tự do này.

Phép biện chứng của bản thân các sự vật, của bản thân giới tự nhiên, của bản thân tiến trình của sự kiện

[139] ... «Bản tính của bản thân cái Có hạn là vượt qua bản thân nó, phủ định cái phủ định của nó, và trở thành vô hạn»...

Không phải một lực (*Gewalt*) bên ngoài (*fremde*) mà bản tính của bản thân nó (*seine Natur*) (bản tính của Cái Có hạn), đã biến [139] cái Có hạn thành Vô hạn.

[141-142]: «Tính Vô hạn xấu» — tính Vô hạn đối lập về chất với tính Có hạn, không liên hệ với tính Có hạn, tách rời khỏi tính Có hạn như thể là cái Có hạn

thì ở bên này, và cái Vô hạn thì ở bên kia, như thế cái Vô hạn là ở trên cái Có hạn, ở bên ngoài cái Có hạn...

[143]: Nhưng thật ra cái Có hạn và cái Vô hạn không tách rời nhau. Chúng là một [144].

[148] ... «Sự thống nhất của cái Có hạn và cái Vô hạn, không phải là một sự ghép cái nọ với cái kia một cách đơn giản, bên ngoài, cũng không phải là một kết hợp không thích hợp, trái với tính quy định của chúng, một sự kết hợp như là sự kết hợp những vật đối lập, độc lập đối với nhau, vật nào tồn tại cho vật nấy và, do đó không thể dung hòa với nhau được; nhưng mỗi cái là sự thống nhất ấy trong bản thân nó, và mỗi cái chỉ là sự tự-xóa bỏ, hơn nữa không có cái nào có tính ưu việt của tồn-tại-tự-nó và của tồn tại khẳng định hiện có so với cái kia. Như chúng ta đã nói ở trên, tính Có hạn chỉ là sự vượt quá bản thân mình; do đó tính Có hạn bao hàm tính Vô hạn, như cái khác của bản thân nó»...

... «Nhưng sự tiến triển vô hạn biểu thị một cái gì hơn (là sự so sánh đơn giản cái Có hạn với cái Vô hạn) cái được đặt ra ở đây cũng là sự liên hệ (chữ ngà của Hê-ghen) và cả đến sự liên hệ của những sự khác nhau»... [149]

[156] «Bản tính của tư duy tư biện chỉ là ở chỗ quan niệm những nhân tố đối lập trong tính thống nhất của chúng.»

Vấn đề chuyển từ cái Vô hạn đến cái Có hạn đôi khi được coi là bản chất của triết

Áp dụng
vào nguyên
tử *versus*
điện tử.
Nói chung,
tính vô hạn
của vật
chất về bề
sâu...

Sự liên hệ
(của tất cả
các bộ
phận) của
sự tiến
triển vô
hạn

Bien dit!¹

học. Nhưng vấn đề ấy quy lại là sự giải thích mối liên hệ giữa chúng...

[156]... «Cả trong những lãnh vực khác cũng vậy, một sự tu dưỡng nhất định là cần thiết để biết cách đặt những câu hỏi, nhưng trong triết học thì lại càng cần hơn thế nữa, nếu không người ta có thể được trả lời rằng câu hỏi không có nghĩa.»

[Quan hệ với cái khác đã biến mất, còn lại quan hệ với mình].

[161-162]: *Fursichsein* — Tồn-tại-vì-nó = tồn tại vô hạn, tồn tại chất lượng đã hoàn thành. Chất đã đạt tới cực độ (*auf die Spitze*) và trở thành lượng.

Chủ nghĩa duy tâm của Can-tơ và của Phích-tơ... [168] «dừng lại trong nhị nguyên luận « không rõ ràng » về tồn-tại-hiện-có và tồn-tại-vì-nó»...

Nghĩa là sự quá độ ấy của vật tự nó (nói đến ở câu tiếp theo) đến hiện tượng? từ khách thể đến chủ thể?

Tại sao tồn-tại-vì-nó lại là *thống nhất*, tôi không hiểu điều này, ở đây, theo tôi thì ý của Hê-ghe-n thật là cực kỳ tối nghĩa.

C.Y.

Selbstbewegung (Tự thân-vận động)

Cái Một — đó là nguyên lý cò xưa của $\alpha\tau\omicron\mu\omicron\nu^2$ (và chân không). Chân không được coi là nguồn sinh ra vận động [172] không những với ý nghĩa chỗ bỏ trống, mà «nó còn chứa đựng một tư tưởng sâu sắc hơn, tư tưởng cho rằng chính trong cái phủ định nói chung đã chứa đựng nguyên nhân của cái sinh thành, của sự bất an của vận động bên trong». (172)

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: Nói đúng! (N.D.)
2. Nguyên tử. (B.T.)

[169]: «Tính ý niệm của tồn-tại-vì-nó, với tư cách là tổng thể, trước nhất chuyển thành thực tại, và, hơn nữa, thành thực tại vững vàng nhất, trừu tượng nhất: cái *Một*».

Nước đục...

Tư tưởng về sự chuyển hóa từ cái quan niệm thành cái thực tại là một tư tưởng sâu sắc: rất quan trọng đối với lịch sử. Nhưng trong đời sống cá nhân của con người cũng vậy, rõ ràng ở đây cũng có nhiều chân lý. Chống chủ nghĩa duy vật tầm thường. C.Y. Sự phân biệt giữa cái quan niệm và cái thực tại cũng không phải là tuyệt đối, không phải là quá đáng.

[175]—Ghi chú. Những đơn từ của Lép-nít-xơ. Nguyên tắc về cái *Một* và tính không hoàn chỉnh của nó ở Lép-nít-xơ.

Rõ ràng là Hê-gheñ đem sự tự phát triển của những khái niệm, phạm trù của ông ta liên hệ với toàn bộ lịch sử triết học. Điều đó còn đem lại cho toàn bộ khoa Lô-gích một bộ mặt mới.

[179] ... «Xưa kia có một câu nói rằng: *Một* tức là *nhiên* và đặc biệt thì *nhiên* tức là *Một*»...

[182] ... «Sự khác nhau giữa *Một* và *Nhiều* được định nghĩa như sự khác nhau giữa những quan hệ lẫn nhau của chúng, những quan hệ này lại phân thành hai: *sự đầy* và *sự hút*»...

Nói chung, tất cả cái Tồn-tại-vì-nó ấy, Hê-ghen đã cần dùng đến một phần đề suy ra «chất chuyển thành lượng» như thế nào [186] — chất là một tính quy định, một tính quy định cho nó, một cái được thiết định, là một đơn vị — tất cả điều đó gây ra một ấn tượng là rất gượng ép và rất trống rỗng.

Chú ý [tr. 189], điều nhận xét không thiếu châm biếm chống

«phương thức mà nhận thức dùng để phản tư¹ về kinh nghiệm, phương thức đó trước hết là ở chỗ cảm thấy những tính quy định trong các hiện tượng, ở chỗ lấy những tính quy định này làm cơ sở và là ở chỗ thừa nhận, — đề gọi là *giải thích chúng* — những vật chất² cơ bản hay lực lượng tương ứng, thích hợp để gây ra những tính quy định đó của các hiện tượng»...

1. Có nghĩa là : đề suy nghĩ. (N.D.)

2. Bản tiếng Pháp : *substance*; bản tiếng Trung quốc: *tổ tài*; bản tiếng Nga : *материя*. (N.D.)

THIÊN THỨ HAI: LƯỢNG

Theo Can-tơ, có bốn cái «antinômi»¹.
Thật ra, mỗi khái niệm, mỗi phạm trù cũng
là [202-203] có tính chất antinômi.

«Chủ nghĩa hoài nghi cổ đại đã không tiếc
sức để tìm kiếm và phát hiện ra mâu thuẫn
hoặc antinômi trong tất cả những khái niệm
mà nó đã thấy trong khoa học.»

Vai trò của chủ
nghĩa hoài nghi
trong lịch sử
triết học.

Phân tích Can-tơ một cách rất xoi mói
(và rất tài tình), Hê-ghe-n kết luận rằng Can-
tơ chỉ đơn giản nhắc lại trong những kết luận,
cái mà ông đã nói trong các tiền đề, — nghĩa
là ông nhắc lại rằng có một phạm trù *Kon-
tinuität*² và một phạm trù *Diskretion*³. Do đó
chỉ có thể rút ra kết luận: «không một định
nghĩa nào trong các định nghĩa ấy, tách riêng
ra, mà lại chứa đựng chân lý, chân lý này
chỉ có thể có trong sự thống nhất của chúng.
Đó là phương pháp thật sự biện chứng phải
dùng để xem xét chúng, và đó cũng là kết
quả chân chính». [211]

Phép biện
chứng
chân chính

1. Ở đây chúng tôi phiên âm, vì đây là một thuật ngữ của Can-
tơ, bản tiếng Trung-quốc dịch: nhị luật bội phản. (N.D.)

2. Tính liên tục. (B.T.)

3. Tính không liên tục. (B.T.)

[214]: «Cũng như tính liên tục, tính gián đoạn là một vòng khâu của Lượng»...
(dịch? tính có thể phân chia tính có thể chia)

? tính liên tiếp, tính kế thừa, tính liên tục

[217]: «Cái *quantum*¹ mà người ta có thể định nghĩa trước hết và một cách chung là một lượng có tính quy định và có hạn, chỉ đạt tới tính quy định hoàn chỉnh, trong số thôi»...

[219]: «Lượng (*Anzahl*) và Đơn vị là những vòng khâu của số.»

Lượng Đếm ?

[232] — Về vai trò và ý nghĩa của số (rất nhiều về Pi-ta-go, v.v., v.v.).

Ngoài ra lại còn điều nhận xét đúng đắn sau đây :

«Các ý niệm càng có nhiều tính quy định, và do đó càng có nhiều quan hệ bao nhiêu, thì việc biểu hiện các ý niệm đó bằng những hình thức như những số, một mặt càng trở nên mơ hồ, và mặt khác càng trở nên tùy tiện và không có ý nghĩa gì cả,» [232-233].
«Việc đánh giá như vậy các tư tưởng: có nhiều tính quy định và do đó có nhiều quan hệ».

Về những cái antinômi của Can-tơ (thế giới không có bắt đầu, v.v.), Hê-ghe-n lại

1. Lượng quy định. (N.D)

chứng minh chỉ tiết một lần nữa rằng những tiền đề công nhận cái cần phải chứng minh như là đã được chứng minh rồi. [257]

Đoạn sau, bước chuyển từ lượng đến chất, trong bản trình bày lý luận và trừu tượng ấy, thì tối nghĩa đến nỗi người ta không hiểu gì cả. Quay trở lại!!

C.Y.

[264]: cái vô hạn trong toán học. Đến nay, lập luận của toán học chỉ căn cứ vào sự chính xác của những kết quả («mà người ta chứng minh dựa vào những căn cứ khác»)... và không căn cứ vào sự rõ ràng của đối tượng

xem Ăng-ghen

[266]: Trong tính vi tích¹, người ta không tính đến một sự không chính xác (rõ rệt) nào đó, thế mà kết quả không phải là gần đúng mà hoàn toàn đúng!

[266]: Thế mà trong trường hợp này, việc tìm một căn cứ của lập luận «cũng không phải là thừa» việc đó sẽ là thừa nếu, «về cái mũi, người ta đòi hỏi phải cung cấp căn cứ để chứng minh quyền sử dụng nó».

1. Bản tiếng Pháp : *calcul infinitésimal*; những thuật ngữ toán học, chúng tôi theo « Danh từ toán học Anh-Việt » của Nhà xuất bản Khoa học. (N.D.)

Câu trả lời của Hê-ghe-n thì phức tạp, khó hiểu, v.v., v.v. Đây là thuộc về toán học cao cấp. Xem Ăng-ghe-n về tính vi phân và tích phân.

Nhân tiện, cũng nên chú ý một nhận xét của Hê - ghen : « một cách tiên nghiệm, nghĩa là về bản chất có tính chất chủ quan và có tính chất tâm lý »... « một cách tiên nghiệm, có nghĩa là trong chủ đề ». [269]

[264-311] và các trang sau — 352.

Sự phân tích rất chi tiết về tính vi phân và tích phân, với những lời trích dẫn của Niu-tơn, La-gơ-ran-giơ, Các-nô, Ô-le, Lép-nít-xơ, v.v., chứng tỏ rằng Hê-ghe-n đã chú ý như thế nào đến sự « biến mất » của những cái vô cùng bé, đến « trạng thái trung gian ấy giữa cái tồn tại và cái không tồn tại ». Tất cả điều đó là không thể hiểu được, nếu không nghiên cứu toán cao cấp. Đáng chú ý là cái đầu đề này của Các-nô : « Ý nghĩ về Siêu hình học của Tính vi tích »!!!

Sự phát triển khái niệm *Verhältnis*¹ [353-367] là hết sức tối nghĩa. Chỉ cần ghi, tr. 366-367, nhận xét về những *tượng trưng* nói chung, về những tượng trưng người ta không thể phản đối được gì cả. Nhưng khi « phản đối mọi ý nghĩa tượng trưng », phải nói rằng đôi khi nó là « một thủ đoạn thuận tiện để khỏi mất công nắm lấy, vạch ra, chứng minh, những tính quy định của khái niệm (*Begriffsbestimmungen*) ».

1. Quan hệ. (B.T.)

Vậy mà tất cả cái đó lại chính là công việc của triết học.

«Những quy định thông thường về lực, về tính thực thể, về nguyên nhân và kết quả, v.v., bản thân chúng, cũng chỉ là những tượng trưng dùng để biểu hiện, chẳng hạn, những quan hệ sống và tinh thần, nói một cách khác chúng là những tính quy định không chân thật của những quan hệ này.» [366]

C Y. ?

THIÊN THỨ BA: ĐỘ

«Trong độ kết hợp chất và lượng được biểu thị một cách trừu tượng. Bản thân tồn tại là sự đồng nhất¹ trực tiếp của tính quy định với bản thân nó. Tính trực tiếp ấy của tính quy định đã tự thủ tiêu. Lượng là tồn tại quay trở về bản thân nó, nhưng sao cho trở thành một sự đồng nhất đơn giản với bản thân nó và vô quan với mọi tính quy định.» [368] Hạng thứ ba là độ.

Can-tơ đã đưa ra phạm trù *dạng thái* (tính khả năng, tính hiện thực, tính tất nhiên) và Hê-ghen nói rằng ở Can-tơ:

«Phạm trù ấy có nghĩa là nó là quan hệ giữa đối tượng và tư duy. Theo ý nghĩa của chủ nghĩa duy tâm ấy, thì tư duy nói chung là một cái gì về thực chất là ở bên ngoài vật-tự-nó... [368] và tính khách quan cố hữu của các phạm trù khác, lại không có ở phạm trù *dạng thái*». [369]

Nhân tiện: [370].

Triết học Ấn-độ trong đó Bơ-ra-ma chuyển thành Si-va (biến hóa = mất đi, phát sinh)...

Các dân tộc thần thánh hóa độ. [372]

? Độ chuyển thành Bản chất (*Wesen*).

1. Bản tiếng Trung quốc: đẳng đồng. (N.D.)

(Về vấn đề độ, nếu chú ý đến điều mà Hê-ghen nhận tiền đã nhận xét thì cũng không phải là không bổ ích. Nhận xét đó là: «Trong xã hội thị dân phát triển, số lượng những cá nhân làm những nghề nghiệp khác nhau thì ở trong một mối quan hệ lẫn nhau nhất định.» [375])

Về phạm trù tính tiệm tiến (*Allmähligkeit*)
Hê-ghen viết:

«Đó là một phạm trù mà người ta dùng đến một cách dễ dàng để đem lại một ý niệm về sự biến mất đi của một chất hoặc của một vật hay để giải thích sự biến mất đi ấy, vì hình như người ta có thể theo dõi, có thể nói là bằng mắt, sự biến mất đi ấy, do chỗ lượng quy định được coi là giới hạn bên ngoài, có tính chất khả biến do ngay bản tính của nó, như thế là đủ để làm cho người ta hiểu được sự biến đổi được coi như sự biến đổi của riêng lượng quy định thôi. Nhưng thật ra tất cả cái đó không giải thích gì cả; xét về bản chất sự biến đổi cũng là bước chuyển từ một chất này sang một chất khác, hoặc là bước chuyển trừu tượng hơn từ một tồn tại sang một không-tồn-tại; ở đây, có một tính quy định khác với tính quy định của tính tiệm tiến, tính tiệm tiến chỉ là một sự tăng thêm hay là một sự giảm đi và hoàn toàn chỉ chú ý đến lượng thôi.

«Nhưng một sự biến hóa bề ngoài hoàn toàn có vẻ là một sự biến hóa thuần túy về lượng, có thể chuyển hóa thành biến hóa về chất, đó là một sự kiện đã được các Người thời cổ chú ý tới. Họ đã minh họa bằng những thí dụ thông tục những sự xung đột do chỗ không biết sự kiện này gây nên»...

[378-379] (« người hỏi »: nhờ một sợi tóc duy nhất; « cá đồng », lấy một hạt...) « cái bị bác bỏ » « đó là hoàn toàn chỉ chủ ý đến tính quy định trừu tượng của lượng quy định » (tức là không chú ý đến vô số những biến đổi và những chất cụ thể, v.v.)

C.Y.

... « Những câu ấy... hoàn toàn không phải là một sự đùa bỡn trống rỗng hay là hợm hĩnh, mà tự bản thân nó là đúng và là sản phẩm của một ý thức có quan tâm đến những hiện tượng diễn ra trong tư duy.

« Lượng quy định, khi được coi như một giới hạn bằng quan thì đó là mặt mà vật đang tồn tại nào đó bị tấn công một cách bất ngờ và bị tiêu diệt. Mục đích của khái niệm là ở chỗ: nó nắm lấy một vật đang tồn tại từ phương diện mà chất của vật ấy hình như không liên quan gì cả, hơn nữa không liên quan đến mức mà sự bành trướng của một Nhà nước, một tài sản, v.v., — một sự bành trướng gây tai họa cho Nhà nước, cho người chủ v.v., — lúc đầu thoát mới nhìn hình như là hạnh phúc lớn nhất của Nhà nước hay là của người chủ. » [380]

Quy luật
hay độ

« Biết những số có tính chất kinh nghiệm về tự nhiên, chẳng hạn như những số về khoảng cách giữa các hành tinh, là một thành tích lớn, nhưng làm cho những số lượng có tính chất kinh nghiệm ấy biến mất đi để nâng chúng lên tới hình thức chung của những tính quy định về lượng, nói một cách khác, để biến chúng thành những yếu tố (hoặc nhân tố) của một quy luật hay của độ, lại là một thành tích còn vô cùng lớn hơn nữa »; những thành tích của Ga-li-lê và Kê-pơ-le... « Họ đã chứng minh những quy luật mà họ đã phát hiện ra, khi họ vạch ra

rằng có một sự phù hợp giữa chúng và toàn thể những chi tiết do tri giác đem lại.» [388-389] Nhưng cần đòi hỏi một sự chứng minh cao hơn nữa về các quy luật ấy; làm sao cho các tính quy định về lượng của chúng sinh ra từ những chất hay là từ những khái niệm nhất định có liên quan đến chúng¹ (như không gian và thời gian).

?

Sự phát triển của những khái niệm Độ, coi là «lượng đặc thù» và «độ thực tại» (kể cả những «ái lực chọn lọc» — chẳng hạn những nguyên tố hóa học, tiếng âm nhạc) là rất tối nghĩa.

Nhận xét dài về hóa học, với một đoạn bút chiến chống Béc-dê-li-u-xơ và thuyết điện-hóa học của ông ta [409-417].

«Đường nút của những quan hệ về độ» (*Knotenlinie von Massverhältnissen*) — những bước chuyển từ lượng đến chất... Tính tiệm tiến và những bước nhảy.

C.Y.

Và lại một lần nữa, tr. 421, chuyển dần dần mà không có bước nhảy, thì không giải thích được gì cả.

C.Y.

Trong *Chủ thích*, chúng ta thường thấy ở Hê-ghen những sự kiện, những thí dụ, những cái cụ thể (vì thế Phơ-bách chế giễu Hê-ghen rằng ông ta đã dồn *giới tự nhiên* vào các *chủ thích*. Phơ-bách, Toàn tập, II, tr. ?)

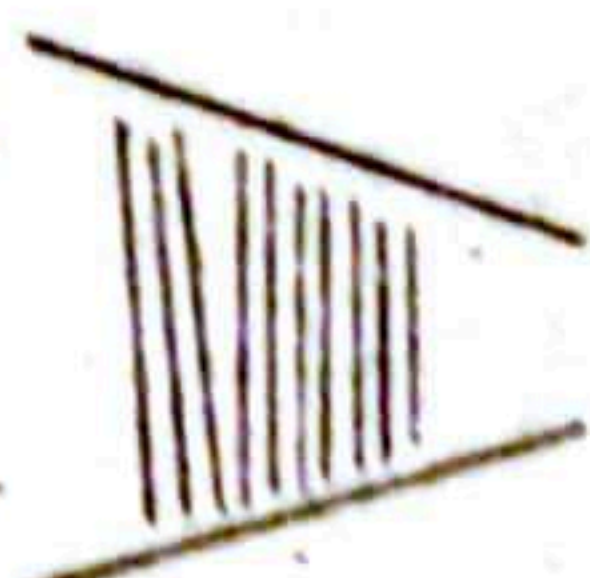
1. Bản tiếng Nga : những khái niệm nhất định có liên quan với nhau. (N.D.)

Những
bước nhảy!

Tr. [420-423]. Chú thích, ghi ở mục lục (không phải trong văn bản!! thông thái rờm!!): «Thí dụ về những đường nút loại ấy; hình như không có bước nhảy trong giới tự nhiên.»

Những thí dụ: hóa học; tiếng âm nhạc; nước (hơi, băng) — tr. 421 — sinh và chết.

Đứt đoạn
của tính
tiệm tiến



*Abbrechen der Allmähligkeit*¹ tr. [422]

Những
bước
nhảy!

[421-422] — «Theo người ta nói thì giới tự nhiên không có những bước nhảy; và khi cần lý giải một sự sinh hay một sự chết, thì quan niệm thông thường tưởng rằng (người ta còn nhớ thể) đã lý giải được nó bằng cách hình dung nó là một sự xuất hiện dần dần hay một sự mất đi dần dần. Nhưng trên kia đã chỉ ra rằng những sự biến đổi của tồn tại nói chung phù hợp không những với sự chuyển hóa của một lượng này sang một lượng khác, mà còn phù hợp với sự chuyển hóa từ chất sang lượng và ngược lại, phù hợp với một sự biến hóa nó là một sự đứt đoạn của tính tiệm tiến và là sự hình thành của vật nào đó, khác về chất, với vật trước nó. Do bị lạnh đi, mà nước không cứng lại dần dần, và không phải chỉ sau khi đã trải qua nhiều bước trung gian rồi mới trở thành băng, mà trở thành băng cứng ngay lập tức; ngay ở độ đông, nước vẫn ở trạng thái lỏng chừng nào nó còn đứng im, nhưng chỉ cần lung lay nó một chút là nó biến thành băng.

«Khi nói đến tính tiệm tiến của sự sinh, người ta có ý nói rằng cái đang sinh ra đã

1. Có nghĩa như ghi chú của Lê-nin ở lề trang. (B.T.)

tồn tại một cách cảm tính¹, hay là nói chung là hiện thực, nhưng nó không tri giác được vì nó nhỏ quá; cũng như khi nói đến tính tiệm tiến của sự mất đi, người ta có ý nói rằng cái không-tồn-tại hay cái khác đến thay cho cái không-tồn-tại, đều cũng đang tồn tại, nhưng chúng không tri giác được; tồn tại không phải theo nghĩa là cái khác đã nằm với tính cách như vậy trong cái đang tồn tại, mà là nó có một sự tồn tại riêng của nó, có một tồn-tại-hiện-có không tri giác được. Theo cách xem xét như vậy, thì cái sinh và cái chết đều bị thủ tiêu, hay là cái trong-nó — tức là cái bên trong trong đó một vật nào đó đã có sẵn trước cái tồn-tại-hiện-có của nó, — được chuyển biến thành cái tồn-tại-hiện-có bên ngoài, rất nhỏ đến mức không tri giác được; và sự khác nhau căn bản tức là sự khác nhau về khái niệm, trở thành một sự khác nhau đơn giản bên ngoài, một sự khác nhau về lượng. — Viện tính tiệm tiến của sự biến đổi để giải thích sự sinh và sự chết, là dùng một cái lối nói trùng ý, mà lối nói trùng ý này cũng như tất cả các lối nói trùng ý khác bao giờ cũng buồn chán và vô vị; như thế là giả thiết rằng cái đang sinh và đang chết là sẵn có từ trước, như thế là thu hẹp sự biến đổi thành sự thay đổi đơn giản của cái khác nhau bên ngoài, và chính điều đó đã làm cho sự giải thích mang tính chất thuần túy trùng ý. Sự khó khăn mà lý trí gặp phải trong khi cố gắng giải thích như vậy, chính là ở trong sự chuyển hóa về chất của một vật nào đó

1. Bản tiếng Pháp : *sensible*. Dịch cảm tính thì khó hiểu, song đây là một thuật ngữ ta thường dùng, nên chúng tôi vẫn giữ. (N.D.)

thành một cái khác với nó nói chung, và thành cái đối lập với nó nói riêng; trong khi đó thì lý trí hình dung tính đồng nhất và sự biến đổi là một tính đồng nhất và một sự biến đổi vô quan và bên ngoài của lượng.

«Trong đời sống đạo đức được coi là thuộc phạm vi của tồn tại, người ta cũng đứng trước một sự chuyển hóa như vậy từ lượng thành chất; và những sự khác nhau về chất hình như phù hợp với những sự khác nhau về lượng. Chỉ cần thiếu suy nghĩ quá một độ nhất định nào đó, là người ta thấy ngay một cái gì đó hoàn toàn mới, tức trọng tội, do trọng tội này mà sự công bằng biến thành bất công, đạo đức thành xấu xa. Cũng như vậy, các điều kiện khác đều không thay đổi, thì những sự khác nhau về chất giữa những Nhà nước quy lại là những sự khác nhau về lượng»... [421-423]

Dưới đó:

Sự chuyển hóa từ tồn tại đến bản chất (*Wesen*) được trình bày một cách vô cùng tối nghĩa.

Hết Tập I.

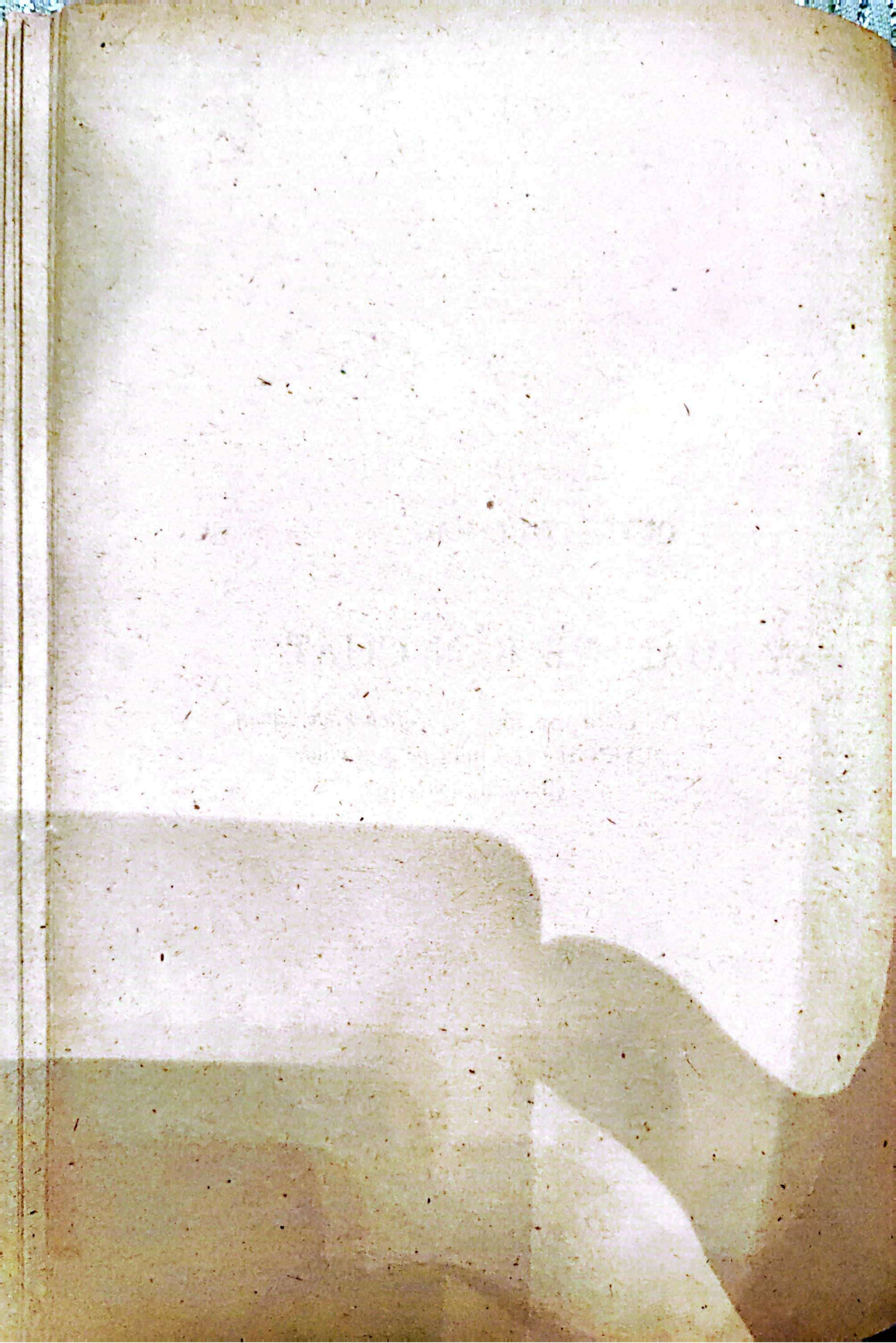
QUYỀN THỨ HAI

LÝ LUẬN VỀ BẢN CHẤT

TẬP IV. Phần thứ nhất : *Lô-gích khách quan.*

QUYỀN II : *Lý luận về bản chất.*

(Bá-linh, 1834)



THIÊN THỨ NHẤT: BẢN CHẤT

«Bản chất là chân lý của Tồn tại.» [5]¹
Đó là câu đầu, hình như rất duy tâm, bí hiểm.
Nhưng liền sau đó, thì có thể nói là đã bắt đầu
một luồng gió mát. «Tồn tại là cái Trực tiếp.
Muốn nhận thức² Chân lý, Tồn tại *tự-nó-và-
vì-nó* là gì, nhận thức *không ngừng lại* (C.Y.)
ở cái trực tiếp và ở các tính quy định của nó,
mà *tự mở cho mình một con đường* (C.Y.)
thông qua (C.Y.) cái Trực tiếp, với giả thiết
là ở *bên kia* (chữ ngả của Hê-ghe) cái Tồn
tại ấy, còn có một cái gì khác với bản thân
Tồn tại, một thứ hậu trường, cái sẽ là chân lý
của Tồn tại. Nhận thức ấy là một tri thức
gián tiếp, vì, đáng lẽ trực tiếp đạt đến bản
chất, thì nó lại đạt đến bản chất bằng cách
bắt đầu từ cái khác, từ Tồn tại, bằng cách
đi theo một con đường tạm thời, bằng cách
vượt qua Tồn tại, hay nói đúng hơn là bằng
cách xâm nhập vào Tồn tại...»

|| Nhận thức
luận

|| «con
đường»

1. Tập II, bản tiếng Pháp. (B.T.)

2. Ở đây, Hê-ghe thường chế giễu (xem những đoạn đã dẫn về tính tiếm tiến) chữ (và khái niệm) «giải thích», chắc chắn là đề đối lập một lần cho dứt khoát quá trình vĩnh viễn của sự nhận thức ngày càng sâu sắc thêm, với cách giải quyết siêu hình tuyệt đối («người ta đã giải thích nó» ! !). Xem tập I, tr. 434 : «có thể nhận thức được, hay như người ta nói, *giải thích được*» (Chú thích của Lê-nin.)

Sự vận động ấy, con đường ấy của tri thức, hình như là «hoạt động của nhận thức» (*Tätigkeit des Erkennens*) ở «bên ngoài Tồn tại» [5].

Ý nghĩa
khách quan



«Nhưng tiến trình đó là sự vận động của bản thân Tồn tại.»

«Bản chất sở dĩ là bản chất... là nhờ sự vận động cố hữu, vô hạn, của Tồn tại.» [6]

«Bản chất tuyệt đối... không có một tồn tại hiện-có nào. Nhưng nó phải chuyển sang tồn tại hiện-có». [7]

Bản chất giữ một vị trí trung gian giữa Tồn tại và Khái niệm, với tư cách là bước quá độ sang khái niệm (= Tuyệt đối).

Các phần nhỏ của Bản chất: bề ngoài (*Schein*), hiện tượng (*Erscheinung*), hiện thực (*Wirklichkeit*).

*Das Wesentliche und das Unwesentliche*¹ [10]. *Der Schein*² [12].

Trong cái không bản chất, trong bề ngoài, có một vòng khâu của cái không-tồn-tại. [12]

Như thế nghĩa là cái không bản chất, cái bề ngoài, cái trên mặt, thường biến mất, không «chắc chắn», không «kiên cố» bằng «Bản chất». Chẳng hạn: sự vận động của một con sông — bọt ở bên trên và luồng nước sâu ở dưới. Nhưng bọt cũng là biểu hiện của Bản chất.

*Bề ngoài và chủ nghĩa hoài nghi-respective*³
chủ nghĩa Can-tơ:

1. Cái bản chất và cái không bản chất. (N.D.)

2. Bề ngoài. (N.D.)

3. Tương ứng. (N.D.)

«Nhu vậy, Bề ngoài là hiện tượng của chủ nghĩa hoài nghi, hay là hiện tượng của chủ nghĩa duy tâm và, đến lượt nó, một tính trực tiếp, không phải là «vật-nào-đó», nói chung không phải là một tồn tại dừng đọng, tồn tại bên ngoài tính quy định của nó và những quan hệ của nó với chủ thể. «Cái đó tồn tại»: đó là điều mà chủ nghĩa hoài nghi không dám nói; và chủ nghĩa duy tâm hiện đại cũng không dám coi nhận thức của chúng ta là những tri thức về những «vật-tự-nó»; theo nó, cơ sở của bề ngoài không thể là tồn tại được, và «vật-tự-nó» không có quan hệ gì đến những tri thức ấy¹. Nhưng, đồng thời, chủ nghĩa hoài nghi lại gán cho những bề ngoài của nó những tính quy định hết sức nhiều vẻ hay nói cho đúng hơn là những bề ngoài đó của nó lấy toàn bộ sự phong phú muôn vẻ của thế giới làm nội dung. Và chủ nghĩa duy tâm, về phía nó, lại quan niệm một thế giới hiện tượng là bao gồm toàn bộ những tính quy định nhiều hình và nhiều vẻ đó.

C.Y.

Anh đặt trong cái Schein² tất cả sự phong phú của thế giới, rồi anh phủ nhận tính khách quan của Schein!!

Bề ngoài của những người hoài nghi và hiện tượng của những người duy tâm đều được trực tiếp quy định với tất cả tính nhiều vẻ ấy. Vậy nội dung ấy không thể lấy bất cứ Tồn tại nào, bất cứ vật nào, bất cứ «vật-tự-nó» nào, làm cơ sở; đối với bản thân nó, trước sau nó vẫn như vậy; nó chỉ chuyển từ tồn

1. Bản tiếng Trung quốc: không nên đi vào tri thức của con người. (N.D.)

2. Bề ngoài. (N.D.)

Tính trực
tiếp của bề
ngoài

Họ không
đi xa
hơn!

xem chủ
nghĩa
Ma-khơ!!

tại thành bề ngoài, thành thử bề ngoài lại chứa đựng tất cả các tính quy định muôn vẻ, bản thân các tính quy định này là trực tiếp, tồn tại và khác nhau. Do đó, bề ngoài là cái gì có một tính quy định trực tiếp. Nó có thể có nội dung này hay nội dung khác, nhưng nội dung mà nó có, không phải là nội dung tự bản thân nó đặt ra: đó là nội dung mà nó có một cách trực tiếp. Chủ nghĩa duy tâm của Lép-nít-xơ cả của Can-tơ, cũng như của Phích-tơ và của tất cả những người khác, cũng như chủ nghĩa hoài nghi, không vượt qua cái tồn tại coi là tính quy định ấy, tính trực tiếp ấy. Đối với chủ nghĩa hoài nghi, nội dung của bề ngoài ấy (« cái hiện có trực tiếp » !!) là cái *hiện có*; đối với chủ nghĩa hoài nghi, bất kể nội dung ấy là như thế nào, nó cũng là *trực tiếp*. Đơn tử của Lép-nít-xơ phát triển những biểu tượng của nó xuất phát từ bản thân nó, nhưng nó không phải là lực lượng sản sinh ra biểu tượng và liên kết các biểu tượng lại với nhau, những biểu tượng này sinh ra trong đơn tử như những bong bóng; chúng đều là trực tiếp không có liên quan gì với nhau và cũng không liên quan gì đến bản thân đơn tử. Cũng như vậy, hiện tượng của Can-tơ cũng là một nội dung *hiện có* của trí giác, mà tiền đề của nội dung ấy là những ảnh hưởng, những quy định của chủ thể, cái nọ trực tiếp đối với cái kia và đối với chủ thể. Sự thúc đẩy vô hạn trong chủ nghĩa duy tâm của Phích-tơ — người ta rất có thể thừa nhận như vậy — không lấy một « vật-tự-nó » làm cơ sở, và do đó trở thành một tính quy định thuần túy của cái Tôi. Nhưng tính quy định này cũng là *trực tiếp* đối với cái Tôi mà nó chiếm lấy bằng cách

thủ tiêu tính ngoại tại của chính nó; nó là một *giới hạn* của chủ thể, giới hạn mà nó rất có thể vượt qua, nhưng nó cũng có một mặt *dùng dung* làm cho nó, tuy vẫn ở trong cái Tôi, mà đồng thời cũng bao hàm một cái không-tồn-tại trực tiếp của cái Tôi». [13]

...«Những tính quy định nhờ đó mà nó (bề ngoài) phân biệt với Bản chất là những tính quy định của chính bản thân Bản chất»... [13]

...«Cái đặc trưng cho bề ngoài, đó là tính trực tiếp của cái không-tồn-tại... Tồn tại là cái không-tồn-tại trong Bản chất. Tính hư vô tự thân của nó là *bản tính phủ định* của bản thân *Bản chất*»... [14]

Bề ngoài
= bản
tính phủ
định của
Bản chất

...«Hai vòng khâu đó: tính hư vô, nhưng với tính cách là tính ổn định, và Tồn tại, nhưng với tính cách là vòng khâu, hay nói cách khác tính phủ định tự-nó và tính trực tiếp được phản tư, là những vòng khâu của bề ngoài, do đó, cũng là những vòng khâu của bản thân Bản chất»...

«Bề ngoài là chính ngay Bản chất, nhưng trong tính quy định của Tồn tại»... [14]

Bề ngoài là: 1^o «không gì cả», là cái không-tồn-tại (*Nichtigkeit*) đang tồn tại; 2^o Tồn tại, với tư cách là vòng khâu.

«Vậy, bề ngoài là bản thân Bản chất, nhưng là Bản chất trong một tính quy định, tính quy định này chỉ là một vòng khâu của Bản chất, vì Bản chất là phản ánh của chính nó vào trong bản thân nó.» [15]

Bề ngoài là Bản chất trong một tính quy định của những tính quy định của nó, trong một mặt của những mặt của nó, trong một vòng khâu của những vòng khâu của nó. *Bản chất* hình như chính là cái đó. Bề ngoài là cái phản ánh (*Scheinen*) của bản thân Bản chất vào trong bản thân nó.

...«Bản chất... mang cái bề ngoài trong bản thân nó, với tư cách là vận động bên trong tiếp diễn vô cùng tận»... [16]

...«Bản chất trong sự vận động tự thân của bản thân nó là sự phản tư. Phản tư là cái gì thì bề ngoài cũng là cái ấy.» [16]

Bề ngoài (cái hiện ra ngoài) là *phản ánh* của bản chất trong bản thân bản chất

...«Bởi vậy sinh thành của Bản chất, sự vận động phản tư của nó là sự vận động từ không đến không và, do đó, là sự vận động quay trở lại bản thân»... [17]

Điều này thông minh và sâu sắc. Trong giới tự nhiên và trong đời sống, có những sự vận động dẫn đến «không». Nhưng, không có sự vận động nào «lại xuất phát từ không». Bao giờ cũng xuất phát từ một cái gì.

«Sự phản tư thông thường được hiểu theo nghĩa *chủ quan*, là sự vận động của sức phán đoán vượt lên trên biểu tượng trực tiếp và tìm cho biểu tượng trực tiếp này những tính quy định phổ biến, hoặc đem biểu tượng trực tiếp mà đối chiếu với những tính quy định ấy.» [22] (Trích dẫn Can-tơ, Phê phán sức Phán đoán)... «Nhưng ở đây **không phải là sự phản**

tư của ý thức, cũng không phải là sự phản tư xác định hơn cả lý trí, — những tính quy định của sự phản tư này, là cái đặc thù và cái chung —, mà là sự phản tư nói chung»...

Như vậy là ở đây cũng thế, Hê-ghen phê phán Can-tơ là **chủ quan**. Điều này rất **quan trọng**. Hê-ghen tán thành «ý nghĩa khách quan» (*sit venia verbo*)¹ của bề ngoài, của «cái hiện-có trực tiếp» [Hê-ghen thường dùng thuật ngữ «cái hiện-có», xem tr. 22]. Những nhà triết học nhỏ hơn tranh cãi xem nên lấy Bản chất **hay** cái hiện-có trực tiếp (Can-tơ, Hi-um, tất cả những người theo chủ nghĩa Ma-khơ) làm cơ sở. Hê-ghen thay chữ **hay** bằng chữ **và**, và giải thích nội dung cụ thể của chữ «và» ấy.

«*Die Reflexion ist das Scheinen des Wesens in sich selbst.*»² [28] (dịch như thế nào? phản tư? tính quy định phản tư? phản tư không ổn).

... «Nó (Bản chất) là một sự vận động thông qua những vòng khâu khác nhau, là sự môi giới tuyệt đối với bản thân nó»... [28]

Đồng nhất — Khác nhau — Mâu thuẫn
(+ đặc biệt là) (căn cứ)...
sự đối lập

Vì vậy, Hê-ghen giải thích tính phiến diện, sự sai lầm của «luật đồng nhất» ($A = A$), của phạm trù (tất cả những tính quy định của tồn tại đều là những phạm trù — trang 29).

1. Nếu có thể nói như vậy. (N.D.)

2. «Phản tư là phản tư của Bản chất vào bản thân Bản chất.» (N.D.)

«Khi mọi cái đều đồng nhất với bản thân, thì mọi cái cũng đều không khác nhau, không có đối lập, không có căn cứ.» [31]

«Bản chất là sự đồng nhất đơn giản với bản thân.» [31]

Tư duy thông thường xếp cạnh nhau («*daneben*») tính giống nhau và tính khác nhau, mà không hiểu «*sự vận động quá độ ấy của một trong những tính quy định này sang một tính quy định khác*». [32]

Và một lần nữa lại chống luật đồng nhất ($A = A$): những người ủng hộ luật đồng nhất

C.Y.

Những chữ
ngã là do
tôi viết

«khi họ bám lấy cái đồng nhất *bất động* và *thản nhiên* ấy, cái đồng nhất mà mặt đối lập là tính khác nhau, thì họ không nhận thấy là họ biến cái đồng nhất ấy thành một tính quy định *phiến diện*, mà một tính quy định *phiến diện* như vậy thì không chứa đựng bất kỳ một chân lý nào.» [34]

(Lỗi nói trùng ý trống rỗng: [33]):

(«*chỉ bao hàm một chân lý hình thức, trừu tượng, không đầy đủ*.» [34]).

Những hình thức của sự phản tư: sự phản tư *bên ngoài*, v.v., được trình bày một cách rất tối.

Những nguyên tắc của tính khác nhau: «Mọi vật đều khác nhau»... «A cũng là không phải A»... [44]

«Không có hai vật nào lại đồng nhất»... [45]

Sự khác nhau tồn tại ở mặt này (*Seite*), hay ở mặt khác, dưới một mối quan hệ nào đó..., v.v., «*trong chừng mực*», v.v.

Thông thường người ta đối xử với các sự vật một cách ân cần, chỉ chú trọng làm sao cho chúng không tự mâu thuẫn với chúng, do đó người ta quên rằng ở đây, cũng như ở chỗ khác, mâu thuẫn không vì vậy mà đã được giải quyết, nó chỉ bị đẩy lùi đi nơi khác, vào trong *phản tư chủ quan hoặc bên ngoài*; và trên thực tế, chính sự phản tư này chứa đựng trong nó, trong một thể thống nhất hai vòng khâu bị thủ tiêu và có quan hệ lẫn nhau, và do bị loại trừ hay di chuyển mà được coi là chỉ mới được thiết định.»² [47]

Bien dil ! !¹

(Lời châm biếm này thật là tuyệt! «Đối xử một cách ân cần» đối với giới tự nhiên và lịch sử (ở những người phi-li-stanh) — ý định tẩy trừ mọi mâu thuẫn và đấu tranh ra khỏi giới tự nhiên và lịch sử)...

Kết quả của tổng của + và — là không. «*Kết quả của mâu thuẫn lại không phải chỉ là không.*» [59]

Sự giải quyết mâu thuẫn, quy cái khẳng định và cái phủ định thành những «tính quy định đơn giản» [60] biến *Bản chất (das Wesen)* thành *căn cứ (Grund)* (như trên).

...«*Vậy mâu thuẫn được giải quyết là căn cứ, là Bản chất với tư cách là sự thống nhất của khẳng định và phủ định.*» [61]

C.Y.

«Chỉ cần một ít kinh nghiệm về tư duy đang phản tư cũng đủ thấy rằng khi người ta đứng trước một cái gì được quy định là khẳng định, và khi người ta xuất phát từ cơ sở ấy, người ta sẽ thấy cái khẳng định ấy biến thành

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản. (B.T.)

2. Bản tiếng Nga và Trung quốc : được tuyên bố một cách đơn giản là tính thiết định. (N.D.)

cái phủ định, cũng như cái phủ định, trong cùng những điều kiện ấy, biến thành cái khẳng định, khiến cho tư duy đang phản tư tự thấy mình hoàn toàn lạc hướng và rơi vào những mâu thuẫn. Sự thiếu quen thuộc đối với bản tính của những tính quy định ấy làm cho người ta nhìn thấy sự lạc hướng ấy và những mâu thuẫn ấy là một cái gì khác thường, một cái gì không nên tồn tại và người ta coi những cái đó là do một sai lầm **chủ quan**. Sự chuyển hóa như thế từ cái này sang cái kia, thật ra, vẫn là một sự lẫn lộn thuần túy, nếu người ta chưa có ý thức về tính tất nhiên của nó.» [62 - 63]

...«Thông thường người ta giải thích sự đối lập giữa cái khẳng định và cái phủ định theo cái hướng là cái-kia (mặc dầu chữ khẳng định có nghĩa là: cái được thiết định) sẽ là duy nhất khách quan, còn cái-này, tức cái phủ định, sẽ có bản tính chủ quan, sẽ là sản phẩm của một sự phản tư bên ngoài, sẽ không liên quan gì đến cái khách quan và đối với cái khách quan này, nó sẽ hoàn toàn không tồn tại.» [63] «Thật vậy, nếu cái chủ quan không biểu hiện một cái gì khác hơn là một cái trừu tượng, sản phẩm của cái chủ quan tùy tiện»... (như vậy thì đối với cái «khách quan khẳng định» cái chủ quan đó sẽ không tồn tại)...

Chân lý và khách thể

«*Chân lý* cũng là cái khẳng định, với tư cách là tri thức phù hợp với *khách thể*; nhưng nó chỉ là cái đồng đẳng với bản thân nó trong chừng mực mà tri thức có thái độ phủ định đối với cái khác, trong chừng mực mà tri thức đã *xâm nhập vào khách thể* và đã *thủ*

tiêu cái phủ định do khách thể đại biểu. Sai lầm là một cái khẳng định, với tư cách là ý kiến về cái gì không phải là tự-nó-và-vì-nó, nó tự biết như vậy và mặc dầu thế nó vẫn tự xác nhận. Còn sự dốt nát, thì nó là, hoặc là một cái gì không có quan tâm gì đến chân lý hay đến sai lầm, tức là cái không được quy định là cái phủ định cũng không được quy định là cái khẳng định, thành thử sự quy định của sự dốt nát, với tính cách là một sự không có nào đó là thuộc về tính phản tư bên ngoài; hoặc là, với tính cách là khách quan, là tính quy định vốn có của một bản tính, sự dốt nát là một khuynh hướng chống lại bản thân nó, một cái phủ định bao hàm một phương hướng khẳng định. Một trong những nhận thức quan trọng nhất là nhận rõ và nắm lấy bản tính của những tính quy định của phản tư; chân lý của những tính quy định này chỉ có thể là những mối quan hệ lẫn nhau giữa chúng, và do đó, là ở chỗ mỗi tính quy định này chứa đựng tính quy định khác trong chính khái niệm của nó; không nhận thức như vậy, thì không thể tiến thêm một bước nào trong triết học.» [64 - 65] Rút ở chú thích 1.

Cái tự-nó-
và - vì - nó

Chú thích 2. «*Nguyên lý loại trừ cái thứ ba.*»¹

Hê-ghe-n dẫn nguyên lý loại trừ cái thứ ba như sau: «Một vật là A hay là không-A, không có cái thứ ba» [65] và «*phân tích nó*». Nếu như thế có nghĩa là «mọi cái đều là cái đối lập của một cái khác», là mọi cái đều có tính quy định khẳng định và phủ định của nó, thì như vậy là tốt. Nhưng nếu người ta lại

1. Bản tiếng Trung quốc : bài trung luật. (N.D.)

hiều, như người ta thường hiểu, rằng như thế là trong tất cả các thuộc từ¹, phải lấy hoặc cái này hoặc cái đối lập với cái đó, thì thật là «tầm thường»!! Tính thần... thì đắng hay ngọt? Xanh hay không xanh? Tính quy định phải bao hàm sự chính xác, nhưng trong cái tầm thường đó thì tính quy định thật là không dẫn đến đâu cả.

Rồi, — Hê-ghefen nói tiếp một cách hóm hình — người ta nói rằng không có cái thứ ba. Thế thì, *có* một cái thứ ba trong bản thân mệnh đề đó: A, bản thân nó chính là cái thứ ba ấy, vì A có thể là $\vdash A$ hay là $\neg A$. «Vậy cái ấy là cái thứ ba mà đáng lẽ phải loại đi.» [66]

Điều này là hóm hình và đúng. Bất cứ vật cụ thể nào cũng nằm trong những mối quan hệ khác nhau và thường là mâu thuẫn với tất cả cái còn lại, *ergo*² nó là bản thân nó và là cái khác.

Chú thích 3 (cuối chương II thiên I quyển II của *Lô-gích*). *Nguyên lý mâu thuẫn*.

«Nếu những tính quy định phản tư đầu tiên, tức đồng nhất, khác nhau và đối lập, được nêu trong một mệnh đề, thì tính quy định trong đó ba cái trên chuyển hóa thành như [66] chân lý của chúng lại càng phải được bao quát và nêu lên trong một mệnh đề: chúng tôi muốn nói đến mâu thuẫn mà nguyên

1. Bản tiếng Pháp : *prédictat*, có khi dịch là : tân từ. (N.D.)

2. Do đó. (N.D.)

lý phải được nêu lên như sau : *tất cả mọi vật đều là mâu thuẫn trong bản thân nó*, bằng cách cho MỆNH ĐỀ NÀY một ý nghĩa sao cho nó được coi là biểu hiện — khác với những mệnh đề khác — BẢN CHẤT VÀ CHÂN LÝ CỦA NHỮNG SỰ VẬT. Mâu thuẫn biểu hiện thành đối lập chỉ là cái hư vô đã phát triển lên, cái hư vô đó bao hàm trong đồng nhất và đã được biểu hiện trong mệnh đề nói rằng nguyên lý đồng nhất không cho chúng ta biết được cái gì cả. Cái phủ định ấy, trong khi tiếp tục tự quy định mình, trở thành khác nhau và đối lập, tức là mâu thuẫn được thiết định.

«Nhưng một trong những thiên kiến chính của Lô-gích, thứ lô-gích như người ta vẫn hiểu từ trước đến nay, và của quan niệm thông thường là cho rằng mâu thuẫn là một tính quy định ít bản chất và ít có tính chất nội tại hơn đồng nhất: trong khi đó thì nếu ở đây có thể nói đến vấn đề là sắp xếp thứ tự trước sau và nếu phải cứ giữ cho hai tính quy định ấy tách rời khỏi nhau, thì chính mâu thuẫn sẽ là tính quy định sâu sắc hơn và bản chất hơn. Vì đồng nhất, đem so với mâu thuẫn, thì chỉ là tính quy định của cái trực tiếp đơn giản, của Tồn tại chết; còn nó, mâu thuẫn, là NGUỒN GỐC CỦA TẤT CẢ MỌI VẬN ĐỘNG, CỦA TẤT CẢ MỌI BIỂU HIỆN CỦA SỰ SỐNG; chỉ trong chừng mực chứa đựng một mâu thuẫn, thì một vật mới CÓ KHẢ NĂNG VẬN ĐỘNG, MỚI CÓ THỂ BIỂU THỊ KHUYNH HƯỚNG VÀ HOẠT ĐỘNG.

«Mâu thuẫn thường là cái mà người ta gạt trước nhất ra khỏi các sự vật, ra khỏi cái đang tồn tại và cái chân thực nói chung;

người ta nói không có cái gì là mâu thuẫn cả. Thứ hai là, trái lại, người ta đẩy mâu thuẫn vào trong sự phản tư chủ quan, khi nói rằng chính phản tư thông qua nhiều liên hệ và nhiều sự so sánh, mà tạo ra mâu thuẫn. Nhưng người ta không thể nói là mâu thuẫn tồn tại cả trong sự phản tư ấy, vì mâu thuẫn là cái không thể hình dung được, cũng như không thể tư duy được. Dù là thực tại hay là sự phản tư đang tư duy, mâu thuẫn cũng chỉ bị coi là một ngẫu nhiên thôi, nếu không phải bị coi là một hiện tượng khác thường, hoặc là một sự kích phát tạm thời của bệnh trạng.

«Đối với lời khẳng định cho là không có mâu thuẫn, mâu thuẫn không phải [68] là cái gì đang tồn tại, thì chúng ta không cần bàn tới. Một tính quy định tuyệt đối của Bản chất phải có ở trong bất cứ kinh nghiệm nào, trong bất cứ cái gì là hiện thực, trong bất cứ khái niệm nào. Trên đây chúng ta đã nhắc đến điểm đó, khi nói đến cái Vô hạn, cái này là mâu thuẫn lộ ra trong phạm vi của Tồn tại. Nhưng kinh nghiệm thông thường cho ta thấy rằng, có vô số những sự vật mâu thuẫn, những kết cấu mâu thuẫn, v.v., mà mâu thuẫn của những sự vật và kết cấu này không phải chỉ có nguồn gốc trong phản tư bên ngoài, mà tồn tại ngay trong bản thân chúng. Mâu thuẫn cũng không thể được coi chỉ là một hiện tượng khác thường xảy ra ở chỗ này chỗ nọ, mà theo tính quy định bản chất của nó, nó là cái phủ định; nó là NGUYÊN LÝ CỦA MỌI SỰ TỰ VẬN ĐỘNG, mà sự tự vận động này không phải cái gì khác mà chỉ là sự biểu hiện của mâu thuẫn. Bản thân vận động cảm tính bên ngoài là cái tồn-tại-hiện-có trực tiếp của nó. Không nên chỉ hiểu

vận động này là một vật lúc thì ở chỗ này và lúc lại ở chỗ khác, mà phải hiểu là trong cùng một lúc nó vừa ở chỗ này, lại vừa không ở chỗ này, là đồng thời ở cùng chỗ này lại không ở cùng chỗ này. Phải thừa nhận rằng các nhà biện chứng cổ đại đã phát hiện ra những mâu thuẫn mà họ đã vạch ra trong vận động; tuy nhiên không phải vì vậy mà vận động không tồn tại, mà đúng ra thì vận động là bản thân mâu thuẫn, là mâu thuẫn *đang tồn tại*.

«Cũng vậy, sự tự vận động bên trong, cố hữu, khuynh hướng hay là sự thúc đẩy nói chung (khát vọng hay *nisus*¹ của đơn tử, an-tê-lê-si² của tồn tại tuyệt đối đơn giản) chỉ có nghĩa là trong cùng một mối quan hệ duy nhất, một sự vật tồn tại tự-nó, đồng thời lại là sự không có nó hoặc là cái phủ định của bản thân nó. Sự đồng nhất TRỪU TƯỢNG với mình *chưa phù hợp gì với cái sống*, nhưng vì cái khẳng định, trong bản thân nó cũng là cái phủ định nên nó có thể tự thoát ra ngoài bản thân nó và *đi vào một sự chuyển hóa*. Cho nên một sự vật chỉ sống, chừng nào nó bao hàm một mâu thuẫn và thậm chí chừng nào nó là một lực lượng có khả năng bao hàm mâu thuẫn và chịu đựng mâu thuẫn. Nhưng nếu một tồn tại hiện có không có khả năng, trong tính quy định khẳng định của nó [69], chuyển sang tính quy định phủ định và bảo toàn chúng cái nọ trong cái kia, nói một cách khác là nếu nó không có khả năng chịu đựng mâu thuẫn bên trong của nó, thì nó không phải là một thể thống nhất sống, không thể

1. Khát vọng. (N.D.)

2. Cũng có nghĩa là đơn tử. (N.D.)

là căn cứ, mà sẽ sụp đổ vì mâu thuẫn của nó. Tư duy tư biện chỉ là ở chỗ tỏ ra có khả năng chứa đựng mâu thuẫn trong nó, mà không phải là ở chỗ như người ta thường tưởng, tự đề cho mâu thuẫn chỉ phối nó và chỉ đề cho những tính quy định của nó chuyển hóa thành những cái khác và tự tiêu hủy đi.» [66 - 69]

Vận động và «*vận động bên trong*» (điềm này C.Y. vận động tự thân (độc lập), tự nhiên, *tất yếu-bên trong*); «sự biến đổi», «vận động và sự sống», «nguyên lý của tất cả mọi vận động bên trong», «sự thúc đẩy» (*Trieb*) «vận động» và «hoạt động» — đối lập với «*Tồn tại chết*» — ai có thể tin rằng đây là bản chất của «chủ nghĩa Hê-ghen», của cái chủ nghĩa Hê-ghen trừ tượng và khó hiểu (nặng nề, vô lý?)?? Cái căn cứ đó, phải hiểu nó, phát hiện nó ra, cứu lấy nó, bóc nó ra, lọc cho nó trong, và đó là công việc mà Mác và Ăng-ghen đã làm.

Ý kiến về sự vận động phổ biến và về sự biến đổi (1813, *Lô-gích*) đã được cảm thấy trước khi nó được ứng dụng vào đời sống và xã hội. Nó được tuyên bố cho xã hội (1847) trước khi được chứng minh trong sự ứng dụng vào con người (1859¹).

«Nếu trong vận động, trong khuynh hướng, v.v., đối với biểu tượng mâu thuẫn bị

1. 1812-1813, cuốn *Khoa học Lô-gích* của Hê-ghen được xuất bản; cuối 1847, Mác và Ăng-ghen thảo *Tuyên ngôn cộng sản* (xuất bản tháng hai 1848); 1859, *Nguồn gốc các Loài* của Đác-uyn được xuất bản. (B.T.)

che lấp bởi ngay *tính đơn giản* của những tính quy định ấy, thì trong những tính quy định của quan hệ, nó lại xuất hiện một cách vô cùng rõ ràng, sáng sủa.¹ Những thí dụ tầm thường nhất, như: trên và dưới, phải và trái, cha và con,... và cứ thế mà tiếp tục mãi mãi đều chứa đựng hai mặt đối lập trong cùng một sự quy định. Là cao, cái gì không thấp; là cao chỉ có nghĩa là không thấp, và cái cao chỉ tồn tại khi có cái thấp, và ngược lại; mỗi tính quy định đều bao hàm cái đối lập với nó. Cha là cái khác với con, và con là cái khác với cha, và cả cha lẫn con, mỗi cái chỉ tồn tại như là cái khác của cái khác; và, đồng thời, mỗi tính quy định ấy chỉ tồn tại trong mỗi quan hệ với tính quy định kia; tồn tại của nó là một tồn tại thống nhất,...

Bị che lấp
bởi tính
đơn giản

[70]: «Vậy là cố nhiên ở đâu đâu, biểu tượng cũng có mâu thuẫn làm nội dung, nhưng nó không có ý thức về điều đó; nó vẫn ở trạng thái phản tư bên ngoài, phản tư này chuyển hóa từ tương đồng đến không tương đồng, hay từ quan hệ phủ định đến tính phản tư bên trong của những quy định khác nhau. Nó đối lập một cách bên ngoài hai tính quy định ấy với nhau, và chỉ chú ý đến những tính quy định ấy chứ không chú ý đến sự chuyển hóa của chúng, mà sự chuyển hóa này là cái bản chất chứa đựng mâu thuẫn. — Sự phản tư thông minh, mà người ta có thể nói đến ở đây, trái lại, chính là sự phản tư nắm được mâu thuẫn và biểu hiện mâu thuẫn. Mặc dù nó không diễn đạt được khái niệm về các sự vật và các điều kiện của các sự vật, và mặc dù nó chỉ có những tính quy định

1. Bản tiếng Nga : xuất hiện một cách trực tiếp. (N.D.)

bắt nguồn từ biểu tượng, làm tài liệu và nội dung, nó vẫn thiết lập ra giữa những tính quy định ấy, một mối quan hệ chứa đựng mâu thuẫn của chúng, và nó đề cho khái niệm về chúng lộ ra qua mâu thuẫn đó. — Nhưng lý tính đang tư duy mãi sắc, có thể nói là sự khác nhau đã cùn đi của cái khác nhau, tính nhiều vẻ đơn giản y như nó được biểu tượng quan niệm bằng cách làm cho sự khác nhau đó trở thành một sự khác nhau bản chất, một sự đối lập. Chỉ khi nào được đẩy tới chớp đỉnh của mâu thuẫn, thì cái nhiều hình nhiều vẻ mới tỉnh dậy và hoạt động, và những sự vật, thuộc tính nhiều hình, nhiều vẻ ấy mới nhận lấy tính phủ định, tức là sự phức động bên trong của vận động tự thân, tự nhiên và sống.» [70]

C.Y.

(1) Biểu tượng thông thường nắm được sự khác nhau và mâu thuẫn, nhưng không nắm được *sự chuyên hóa* từ cái này sang cái kia, mà *chính điều đó mới quan trọng nhất*.

(2) Sự phản tư thông minh và trí tuệ
Sự phản tư thông minh nắm được mâu thuẫn, *diễn đạt* nó, làm cho các sự vật liên hệ với nhau, làm «cho khái niệm về chúng lộ ra qua mâu thuẫn đó» nhưng nó không *diễn đạt* được khái niệm về những sự vật và về những quan hệ của chúng.

(3) Lý tính đang tư duy (trí tuệ) mãi sắc sự khác nhau đã cùn đi của cái khác nhau, tính nhiều vẻ đơn giản của những biểu tượng, đến mức làm cho nó trở thành một sự khác nhau *bản chất*, một sự đối lập. Chỉ đến chớp đỉnh của mâu thuẫn

thì những cái khác nhau mới trở thành động (*regsam*) và sống trong mối quan hệ lẫn nhau của chúng, — và mới thu được tính phủ định ấy tức là sự *phức động bên trong của vận động tự nhiên và sống*.

Những phần nhỏ:

Der Grund — (căn cứ).

A) Căn cứ tuyệt đối—*die Grundlage* (căn cứ).

«Hình thức và vật chất.» «Nội dung».

B) Căn cứ được quy định (như là cơ sở [cho] một nội dung được quy định).

Chuyển hóa của căn cứ sang sự *trung gian có điều kiện*
die bedingende Vermittelung

C) Vật-tự-nó (chuyển hóa thành *thực tồn*).

Chú thích. Nguyên lý lý do đầy đủ.

Thường thường: «Mọi vật đều có một lý do (căn cứ) đầy đủ.»

«Nói chung, cái đó có nghĩa là, tất cả mọi cái gì tồn tại, phải được coi không phải là một cái tồn tại trực tiếp, mà là cái đã được thiết định. Mọi vật không buộc phải nằm vĩnh viễn ở cái tồn-tại-hiện-có trực tiếp của nó hoặc trong tính quy định của nó, mà nó phải tách khỏi tính quy định đó, đề trở về với lý do tồn tại của nó.» [76]... Nói thêm lý do đầy đủ, là thừa. Cái không đầy đủ không phải là một lý do tồn tại.

Lép-nít-xơ, người đã lấy nguyên lý lý do đầy đủ làm cơ sở cho triết học của mình, đã cho nó một ý nghĩa sâu sắc hơn. «Nhưng Lép-nít-xơ, chủ yếu lại đem tính đầy đủ của lý do đối lập với tính nhân quả, theo ý nghĩa chặt chẽ và nhất là với tính nhân quả, hiểu theo nghĩa là một phương thức tác động máy móc». Ông

ta tìm «quan hệ» của những nguyên nhân [76] — — «chính thề, coi là tính thống nhất bản chất».

Ông ta tìm *mục đích*, nhưng mục đích luận không có liên quan gì ở đây cả, nó liên quan với học thuyết về khái niệm.

...«Vậy vấn đề đặt ra không phải là: hình thức phụ thêm vào Bản chất như thế nào, vì hình thức chỉ là phản ánh của Bản chất trong bản thân Bản chất, là sự phản tư cố hữu (sic!)¹ của Bản chất»... [80]

Hình thức là có tính chất bản chất. Bản chất có hình thức này hay hình thức khác. Vô luận thế nào hình thức cũng phụ thuộc vào Bản chất...

Bản chất, coi là đồng nhất không hình thức (đồng nhất của mình với mình), trở thành *vật chất* [81].

...«Vật chất là... bản thân cơ sở hay là cơ chất² của hình thức [81]»...

«Khi người ta gạt bỏ mọi quy định, mọi hình thức, thì còn lại vật chất không có quy định. Vật chất là cái *Trừu tượng* thuần túy. (— Người ta không thể nhìn thấy nó, cũng không ngửi thấy nó, v.v., — cái người ta nhìn thấy, ngửi thấy, là một *vật chất có tính quy định*, tức là một thề thống nhất giữa vật chất với hình thức.)» [81 - 82]

1. Đúng như nguyên văn. (N.D.)

2. Bản tiếng Pháp: *substrat*. (N.D.)

Vật chất không phải là *căn cứ* của hình thức, mà là sự thống nhất của căn cứ và cái có căn cứ [82]. Vật chất là cái *tiêu cực*, hình thức là cái *tích cực* (*tätiges*). [83] «Vật chất cần được hình thức hóa cũng như hình thức cần được vật chất hóa.» [83]

«Phạm cái gì biểu hiện ra là hoạt động của hình thức, thì ngoài ra cũng là vận động vốn có của bản thân vật chất»... [85]

C.Y.

...«Cái này và cái kia, tác động của hình thức và vận động của vật chất, chỉ là cùng một sự vật duy nhất... Bản thân vật chất là được quy định và nhất định phải có một hình thức, và hình thức hoàn toàn chỉ là một hình thức vật chất, ổn định»... [86]

Ghi chú: «Phương pháp giải thích một cách hình thức chủ nghĩa xuất phát từ những căn cứ trùng ý.»

Rất thông thường, nhất là trong khoa học vật lý, người ta giải thích những «lý do tồn tại» bằng lối nói trùng ý: sự vận động của quả đất được giải thích bằng «sức hút» của mặt trời, nhưng sức hút là cái gì? Cũng là một vận động!! [91] Một lối nói trùng ý trống rỗng: tại sao một người này lại đến một thành phố kia? Vì sức hút của thành phố ấy! [92] Thông thường trong khoa học, người ta cũng bắt đầu trình bày những phân tử [94], ê-te [94], «chất điện» [94], v.v., là những «lý do tồn tại» và sau đó người ta lại phát hiện rằng «những khái niệm này thật ra là những tính quy định rút ra từ những cái mà chúng phải

luận chứng, từ những giả thuyết và ảo tưởng, sản phẩm của một sự phản tư không phê phán». (94)... Hoặc người ta nói rằng «chúng ta không nhận thức được bản tính bên trong của bản thân các lực lượng và vật chất ấy»... [94] Như vậy thì không còn gì để «giải thích» nữa, chỉ nên bàn đến những sự việc thôi...

Cơ sở hiện thực... không phải là một lối nói trùng ý, nhưng đã là «một quy định khác của nội dung»... [95]

Về « cơ sở » (*Grund*), Hê-ghen còn ghi thêm:

«Khi người ta nói giới tự nhiên là cơ sở của thế giới thì, một mặt cái mà người ta gọi là giới tự nhiên đó, chẳng qua cũng là thế giới, và thế giới không phải là cái gì khác hơn là bản thân giới tự nhiên». [98 - 99] Mặt khác, «để trở thành thế giới, giới tự nhiên còn phải nhập từ bên ngoài vào một số lớn tính quy định muôn màu muôn vẻ»...

Vì mỗi sự vật có «nhiều cái quy định của nội dung của nó, nhiều quan hệ và quan diễm», nên người ta có thể tùy ý đưa ra bao nhiêu luận cứ *tán thành* hay là *phản đối* cũng được. [101] Đây là cái mà Xô-cơ-rát và Pơ-la-tông gọi là thuật ngụy biện. Những luận cứ như vậy không bao hàm hết «toàn khối của sự vật», không «bao quát hết» được nó (với ý nghĩa là «bao quát những liên hệ của sự vật» và «chứa đựng» tất cả mọi mặt của nó).

Chuyên hóa của cơ sở (*Grund*) thành điều kiện (*Bedingung*).

If I'm not mistaken, there is much mysticism and leeres¹ thông thái rờm trong những suy luận của Hê-ghen, nhưng tư tưởng cơ bản thì thiên tài: tư tưởng về mối liên hệ phổ biến, toàn diện, sống của tất cả với tất cả, về sự phản ánh của mối liên hệ ấy — materialistisch auf den Kopf gestellter Hegel² — trong những khái niệm của con người; những khái niệm này cũng phải được mài sắc, gọt dũa, mềm dẻo, năng động, tương đối, liên hệ với nhau, thống nhất trong những đối lập, để có thể bao quát vũ trụ. Sự kế tục sự nghiệp của Hê-ghen và của Mác phải là sự xây dựng một cách biện chứng lịch sử của tư duy loài người, của khoa học và kỹ thuật.

Và sự xây dựng «thuần túy lô-gích»? *Das fällt zusammen³. Hai cái phải phù hợp với nhau, như quy nạp và diễn dịch trong bộ «Tư bản».*

Con sông và những giọt trong con sông ấy. Vị trí của mỗi giọt, mối quan hệ của nó với những giọt khác; mối liên hệ của nó với những giọt khác; hướng của sự vận động của nó; tốc độ; con đường vận động—thẳng, cong, tròn v.v. — hướng lên trên, hướng xuống dưới. Tổng của vận động. Những khái niệm, coi là bản tổng kê những mặt riêng biệt của vận động, của những giọt riêng biệt (= «sự vật»), của những «luồng» riêng biệt, v.v. Đại khái đó là bức tranh của thế giới theo Lô-gích của Hê-ghen — tất nhiên trừ Thần và cái tuyệt đối.

Thường ở Hê - ghen chữ «vòng khâu» được hiểu theo nghĩa là vòng khâu của liên hệ, vòng khâu trong mỗi liên kết.

1. Nếu tôi không lầm thì có nhiều chủ nghĩa thần bí và (thông thái rờm) trống rỗng... (N.D.)

2. Hê-ghen bị lật ngược lại một cách duy vật. (N.D.)

3. Hai cái đó phù hợp với nhau. (N.D.)

«Khi tất cả những điều kiện của sự vật đều có đủ, thì sự vật xuất hiện ra thành thực tồn»... [114]

Rất hay! Có liên quan gì đến Ý niệm tuyệt đối và chủ nghĩa duy tâm?

Thú vị, sự «suy diễn» ấy về cái thực tồn...

THIÊN THỨ HAI: HIỆN TƯỢNG

Câu đầu tiên: «Bản chất phải biểu hiện ra»... [117] Sự biểu hiện của Bản chất tức là: 1° *Existenz* (sự vật); 2° hiện tượng (*Erscheinung*). («Hiện tượng là cái mà sự vật là ở tự-nó, hay là chân lý của sự vật tự-nó», tr. 118). «Đối lập với thế giới hiện tượng, là thế giới phản tư vào bản thân, vì thế giới tồn tại tự-nó»... [118] 3° *Verhältnis* (quan hệ bản chất) và hiện thực.

Nhân tiện nói qua: «Luận chứng, nói chung, là một nhận thức gián tiếp».

«Các phương thức khác nhau của tồn tại đòi hỏi những phương thức môi giới riêng của chúng hoặc chứa đựng trong bản thân chúng những phương thức môi giới ấy; vì vậy tính chất của luận chứng thay đổi từ phương thức tồn tại này đến phương thức tồn tại khác»... [119]

Rồi lại đến những câu chuyện... về sự tồn tại của Thần!! Cái ông Thần tội nghiệp này, chỉ cần người ta nhắc đến chữ thực tồn là đủ để cho ông ta thấy bị xúc phạm.

Thực tồn khác với tồn tại, vì thực tồn có tính gián tiếp (*Vermittelung*: 122) [? vì tính chất cụ thể của nó và vì liên hệ của nó?]

...«Vật-tự-nó và tồn tại gián tiếp của nó, cả hai cái, đều nằm trong thực tồn và bản thân chúng cũng là những thực tồn; vật-tự-nó tồn tại và là thực tồn bản chất của sự vật, trái lại tồn tại gián tiếp là thực tồn không-bản chất của sự vật...» [124]

? Vật-tự-nó quan hệ với tồn tại như bản chất quan hệ với không-bản chất?

...«(Cái vật-tự-nó ấy) không có một tính nhiều về nào là riêng của nó cả; nó chỉ nhận được tính nhiều về này khi nó được chuyển vào sự phản tư bên ngoài, nhưng trước sau nó vẫn hờ hững đối với tính nhiều về này. Vật-tự-nó chỉ có màu sắc khi nào nó được đưa ra trước mắt, nó chỉ có mùi vị khi nào nó được đưa ra trước mũi, v.v.»... [124]

...«Một sự vật có đặc tính gây nên hiệu lực này hay là hiệu lực khác trong một sự vật khác và lộ ra một cách đặc biệt trong những mối quan hệ của nó»... [128] «Như vậy, vật-tự-nó tồn tại một cách bản chất»... [129]

Chú thích bàn về «vật-tự-nó của chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm»...

«...Bản thân vật-tự-nó là sự trừu tượng trống rỗng không có bất cứ tính quy định nào, người ta không thể hiểu biết gì về nó cả, chính là vì nó là sự trừu tượng của mọi tính quy định»... [129]

Chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm... chuyên, vào ý thức, mọi tính quy định của sự vật, «về hình thức cũng như về nội dung»... [129] «Tôi thấy lá cây là có màu xanh mà không đen, tôi thấy mặt trời xuất hiện thành hình tròn mà không vuông, tôi thấy vị của đường là ngọt

mà không đẳng! tôi cũng thấy hai tiếng tích-tắc của đồng hồ là liên tiếp nhau mà không phải là đồng thời, tiếng thứ nhất không phải là nguyên nhân của tiếng thứ hai, cũng không phải là kết quả của nó, v.v., tất cả những điều đó là phụ thuộc vào tôi, tức chủ thể.» [129] Dưới đó, Hê-ghe-n nói thêm rằng ở đây ông chỉ nghiên cứu vấn đề vật-tự-nó và «sự phản tư bên ngoài» thôi.

«Thiếu sót chủ yếu của quan điểm triết học mà chúng ta vừa nói tới, là ở chỗ nó cố bám lấy vật-tự-nó trừu tượng như bám lấy một tính quy định cuối cùng, và đem sự phản tư hay tính quy định và tính nhiều vẻ của các đặc tính đối lập với vật-tự-nó, nhưng thật ra thì vật-tự-nó, do bản chất, mà lại có tính phản tư bên ngoài đó vào bản thân nó và tự quy định như một vật có những tính quy định riêng, những đặc tính; do đó mà vật-tự-nó thuần túy, với tư cách là sự trừu tượng của sự vật, là một tính quy định không thực.» [130]

...«Nhiều sự vật, cái nọ khác cái kia, nhất định phải tác động lẫn nhau nhờ vào đặc tính của chúng; đặc tính không phải là cái gì khác mà là bản thân mối quan hệ lẫn nhau ấy, và sự vận động sẽ không là cái gì cả, nếu không có đặc tính»... [131]

*Die Dingheit*¹ chuyển hóa thành đặc tính. [131] Đặc tính chuyển hóa thành «vật chất» hay «*Sloff*» («sự vật bao gồm nhiều vật chất khác nhau»), v.v.

«Hiện tượng... trước hết là Bản chất dưới hình thái thực tồn của nó»... (143) «Hiện tượng là... sự thống nhất của bề ngoài và của thực tồn»... (144)

1. Chất «sự vật». (B.T.)

Thực chất
= chống
chủ nghĩa
chủ quan
và sự tách
rời vật-tự-
nó với hiện
tượng

Quy luật
(của những
hiện tượng)

Thống nhất trong các hiện tượng: «Chính tính thống nhất này là quy luật của hiện tượng. Vậy quy luật là yếu tố khẳng định của sự trung gian của cái hiện tượng.» [147]

Tất cả những điều này, nói chung, thì rất tối nghĩa. Nhưng, ở đây, rõ ràng là cũng có một tư tưởng sinh động: khái niệm quy luật là **một** trong những giai đoạn của sự nhận thức của con người về tính *thống nhất* và về *liên hệ*, về sự phụ thuộc lẫn nhau và tính chính thê của quá trình thế giới. Ở đây, Hê-ghen «đập nát» và «lật ngược» những từ và những khái niệm, đề đấu tranh chống với tính tuyệt đối của khái niệm *quy luật*, chống sự đơn giản hóa khái niệm đó, chống sự thần tượng hóa khái niệm đó. C.Y. Vật lý học hiện đại cần chú ý điều này!!!

C.Y.
Quy luật
là cái gì
vững bền
(cái được
bảo tồn)
trong hiện
tượng

«Tính ổn định vững bền ấy, mà hiện tượng lấy được trong quy luật»... [147]

(Quy luật
là cái đồng
nhất trong
hiện tượng)

«Quy luật là sự phản tư của hiện tượng trong tính đồng nhất với mình.» [148] (Quy luật là cái đồng nhất trong các hiện tượng, «cái phản ánh của hiện tượng trong tính đồng nhất của nó với bản thân nó»).

...«Tính đồng nhất ấy, tức cái cơ sở của hiện tượng làm thành quy luật, là vòng khâu của bản thân nó... [149] Vậy quy luật không tồn tại bên kia hiện tượng, mà *trực tiếp vốn có ở bên trong* hiện tượng; vương quốc của quy luật là cái phản ánh *yên tĩnh* (chữ ngả của Hê-ghen) của thế giới hiện có hay thế giới hiện tượng»...

C.Y.

Quy luật
= phản
ánh yên
tĩnh của
những
hiện tượng
C.Y.

Đó là một định nghĩa cực kỳ duy vật, và đặc biệt đúng (nhất là chữ «yên tĩnh»). Quy luật nắm lấy cái gì là yên tĩnh — mà chính vì vậy mà quy luật, mọi quy luật, đều là chặt hẹp, không đầy đủ, gần đúng.

«Thực tồn quay trở về quy luật, như về căn cứ của nó; hiện tượng chứa đựng cả căn cứ đơn giản, lẫn sự vận động phân giải của Vũ trụ hiện tượng, mà bản chất của sự vận động phân giải là căn cứ.» [149] «Do đó, quy luật là hiện tượng có tính chất *bản chất*.» [149]

Ergo, quy luật và Bản chất là những khái niệm cùng một loại (cùng một bậc) hay nói đúng hơn là cùng một trình độ, những khái niệm này biểu hiện sự sâu của nhận thức con người vào các hiện tượng, vào Vũ trụ, v.v.

C.Y.

Quy luật
là hiện
tượng có
tính chất
bản chất

Sự vận động của Vũ trụ trong các hiện tượng (*Bewegung des erscheinenden Universums*), trong tính bản chất của sự vận động ấy, là quy luật.

C.Y.

(Quy luật là
phản ánh của
cái bản chất
trong sự vận
động của
vũ trụ.)

(Hiện tượng
là chính thể,
tổng thể), (quy
luật = một
bộ phận)
(Hiện tượng
phong phú
hơn quy luật.)

«Vương quốc của quy luật là nội dung
yên tĩnh của hiện tượng; hiện tượng là nội
dung ấy, nhưng hiện tượng biểu hiện ra là sự
biến đổi không ngừng, là sự phản tư vào trong
một cái khác... vì vậy, hiện tượng, so với
quy luật là cái chính thể, bởi vì nó bao hàm
quy luật và HƠN NỮA, cả vòng khâu của hình
thức đang tự vận động.» [149, 150]

Nhưng ở đoạn sau, hình như Hê-
ghen thừa nhận, dù còn rất lơ mơ,
tr. [153], rằng quy luật có thể bổ
khuyết cho cái thiếu sót ấy, rằng quy
luật có thể bao hàm cả mặt phủ định
lần *Totalität der Erscheinung*¹. Quay
trở lại!

Thế-giới-tự-nó là đồng nhất với thế giới
hiện tượng, nhưng đồng thời lại đối lập với
thế giới này. [156] Cái gì là khẳng định ở thế
giới này, lại là phủ định ở thế giới kia. Cái gì
là xấu trong thế giới hiện tượng, lại là tốt
trong thế-giới-tự-nó. Xem, Hê-ghen nói ở đây,
Hiện tượng học của Tinh thần, tr. 121 và những
trang sau².

«Thế giới hiện tượng và thế giới bản chất...
là cái thực tồn hoàn chỉnh độc lập; thế giới
này phải chỉ là thực tồn bị phản ánh, thế giới
kia là thực tồn trực tiếp; nhưng mỗi cái lại
tiếp tục tồn tại trong cái khác của nó và, do
đó, mỗi cái tự nó là tính đồng nhất của cả hai
vòng khâu ấy... Nếu thế giới này và thế giới
kia đều độc lập, thì cũng chỉ với tư cách là

1. Chính thể của hiện tượng. (B.T.)

2. *Hiện tượng học của Tinh thần*, bản dịch của Hip-pô-lit,
tập I, tr. 119-122. (B.T.)

những chỉnh thể, và chúng cũng chỉ là những chỉnh thể vì mỗi thể giới xét theo bản tính bao hàm, trong bản thân mình, cái vòng khâu thể giới kia»... [157]

Thực chất của đoạn trên đây là: thể giới hiện tượng và thể-giới-tự-nó là những vòng khâu của việc con người nhận thức giới tự nhiên, là những giai đoạn, những biến hóa hay những bước đi sâu thêm của nhận thức. Sự vận động của thể-giới-tự-nó ngày càng lìa xa khỏi thể giới hiện tượng — đó là điều mà đến nay ta chưa thấy ở Hê-ghen.

C.Y.: Phải chăng theo Hê-ghen, những « vòng khâu » của khái niệm có ý nghĩa khác với những « vòng khâu » của sự chuyển hóa?

...«NHƯ VẬY QUY LUẬT LÀ một quan hệ bản chất.» [158] (chữ ngả của Hê-ghen).

Quy luật là một quan hệ. Cái này C.Y. đối với những người theo chủ nghĩa Ma-khơ và những người theo thuyết bất khả tri khác và những người theo chủ nghĩa Can-tơ, v.v. Một quan hệ của những bản chất hay giữa những bản chất.

«Danh từ thể giới thường chỉ tính chỉnh thể vô định hình¹ của tính nhiều vẻ»... [158]

Và chương III («quan hệ bản chất») bắt đầu với mệnh đề: «Chính quan hệ bản chất là chân lý của hiện tượng»... [159]

1. Bản tiếng Pháp : *amorphe*. (N.D.)

PHẦN NHỎ:

Quan hệ giữa *toàn thể* và *bộ phận* (sic!! [167] quan hệ ấy chuyển thành quan hệ sau đây:) — quan hệ của *lực* và những *biểu hiện* bên ngoài của *lực* — quan hệ của *bên trong* và *bên ngoài*. — Chuyển hóa sang *thực thể*, *hiện thực*.

...«Vậy chính chân lý của quan hệ là ở trong *linh trung gian*»... [165]

«Chuyển hóa» sang *lực*: «*lực* là *thể thống nhất* phủ định trong đó mâu thuẫn giữa *toàn thể* với các *bộ phận* được giải quyết; *lực* là chân lý của quan hệ đầu tiên ấy». [167]

((Đây là một trong hàng nghìn đoạn tương tự của Hê-ghe-n đã làm cho các nhà triết học ngây thơ kiểu Piéc-xơn, tác giả quyển *The Grammar of Science*¹ tức tối. — Piéc-xơn dẫn một đoạn tương tự và la lối rằng: «*Đấy cái đồng hồ lớn mà người ta đem dạy trong các trường học của chúng ta đấy!!!*» Và ông ta có lý theo một ý nghĩa *nhất định* nào đó, theo một ý nghĩa *cục bộ* nào đó. Dạy *cái đó* thì thật là vô lý. Đầu tiên phải *gạn* lấy phép biện chứng duy vật. Và gạn như vậy thì sẽ có đến 90 phần trăm vô, bã.))

Lực biểu hiện như là «*vật phụ thuộc*» (*als angehörig*) [168] «*vào sự vật đang tồn tại hoặc vào vật chất*»... «Do đó, khi người ta hỏi: làm thế nào mà một sự vật hay là một vật chất lại có được một *lực*, người ta có thể trả lời rằng chính là vì người ta có cảm tưởng là *lực* đã được kết hợp từ bên ngoài vào sự vật hay là đã do một *bạo lực* bên ngoài *ấn vào*». [168]

1. Khoa học nhập môn. (N.D.)

...«Đó là cái đặc trưng cho mọi sự phát triển, dù sự phát triển này là của giới tự nhiên, của khoa học hay là của tinh thần; và điều chủ yếu là phải nhận thấy rằng khi sự vật chỉ mới tồn tại ở *bên trong* hay trong *khái niệm* của nó thôi, thì vì lẽ đó, cái tồn-tại-hiện-có đầu tiên của nó là cái tồn tại trực tiếp và tiêu cực»... [178]

Cái bắt đầu của mọi cái có thể coi là bên trong - tiêu cực, — và đồng thời là bên ngoài.

Nhưng điều đáng cho ta lưu ý ở đây lại khác, tức là: *tiêu chuẩn* của phép biện chứng mà Hê-ghen đã **VÔ TÌNH** đề tuột đi: « *Mọi sự phát triển tự nhiên, khoa học và tinh thần* »: đó là cái *hạt* chân lý sâu sắc trong cái vỏ thần bí của chủ nghĩa Hê-ghen!

Thí dụ: thai nhi chỉ là con người bên trong, bị tồn tại khác chi phối, có tính chất tiêu cực. Thần lúc bắt đầu chưa phải là Tinh thần. « *Với tư cách là cái trực tiếp, Thần chỉ là giới tự nhiên* ». [179] (Điều này cũng thật là đặc sắc !!)

Phơ-bách cũng « đồng ý » như vậy: Lật Thần xuống thì còn lại giới tự nhiên.

THIÊN THỨ BA : HIỆN THỰC

...«Hiện thực là sự thống nhất của Bản chất và Thực tồn»... [181]

Phần nhỏ: 1° «Tuyệt đối.» — 2° bản thân hiện thực. «*Hiện thực, tính khả năng và tính tất nhiên tạo thành những vòng khâu hình thức của tuyệt đối.*» — 3° «quan hệ tuyệt đối»: *thực thể*.

«Ở trong Tuyệt đối không có bất cứ sự sinh thành nào cả.» [185] — và những điều vô lý khác về *tuyệt đối*...

Tuyệt đối là cái Tuyệt đối tuyệt đối (!!)
thuộc tính là một Tuyệt đối tương đối (!!)

Trong «chú thích», Hê-ghen nói (một cách quá chung chung và lơ mơ) về những khuyết điểm của các triết học của Lép-nít-xơ và Spi-nô-da.

Thường: từ
cực này sang
cực khác

Chinh thể =
(một cái gì giống
như) tính hoàn
chính tán mạn

Nhân tiện ghi lại:

«Mọi nguyên lý triết học phiến diện đều thường làm nảy sinh ra một nguyên lý đối lập, và, cũng như ở mọi sự vật, lúc đó chinh thể thường thường được thực hiện một cách đầy đủ, nhưng ở trạng thái *phân tán*¹.» [194]

1. Bản tiếng Nga và bản tiếng Trung quốc: và hai cái thường hình thành một chinh thể, ít ra là hình thành một *tính hoàn chính tán mạn* nào đó. (N.D.)

Hiện thực thì ở trên Tồn tại và Thực tồn.

1^o) Tồn tại là trực tiếp. «Tồn tại chưa phải là hiện thực.» [197]

Nó biến thành cái kia.

2^o) Thực tồn (nó biến thành hiện tượng). — sinh ra từ căn cứ; từ những điều kiện, nhưng ở nó chưa có sự thống nhất của «phản tư và của tính trực tiếp.»

3^o) Hiện thực. thống nhất của Thực tồn và Tồn-tại-tự-nó (*Ansichsein*).

...«Hiện thực thì cũng ở trên thực tồn»... [198]

...«Tính tất nhiên hiện thực là... một quan hệ có nội dung phong phú»... [208]

«Tính tất nhiên ấy đồng thời cũng là tương đối»... [208]

...«Nhu vậy, tính tất nhiên tuyệt đối là chân lý mà cả tính hiện thực và tính khả năng nói chung, lẫn tính tất nhiên hiện thực và có tính chất hình thức đều quay về đó.» [211]

(Hết quyển II của *Lô-gích*, Học thuyết về Bản chất)...

Chú ý rằng trong *Tiểu Lô-gích* (*Triết học toàn thư*) cũng vấn đề này thường được nhiều lần trình bày rõ hơn với những thí dụ cụ thể. Xem *Idem* *Ăng-ghen* và *Cu-nô Phit-se*.

Bàn về «tính khả năng» Hê-ghen nêu ra sự trống rỗng của phạm trù này và, trong *Triết học toàn thư*, ông nói:

«Một sự vật nào đó là có thể có hay là không có thể có, điều đó phụ thuộc vào nội

dung, nghĩa là phụ thuộc vào toàn bộ những vòng khâu của hiện thực, mà hiện thực thì trong sự phát triển của nó biểu hiện ra là tính tất yếu.» (*Triết học toàn thư*, tập VI, tr. 287, § 143, Zusatz).

« TOÀN THỂ, TOÀN BỘ NHỮNG VÒNG KHẤU CỦA HIỆN THỰC mà hiện thực thì trong SỰ PHÁT TRIỂN của nó biểu hiện ra là tính tất yếu.»

Sự phát triển của toàn bộ những vòng khâu của hiện thực $C.Y. =$ bản chất của nhận thức biện chứng.

Xem cũng trong bộ *Triết học toàn thư*, tập VI, tr. 289; lời nói hùng hồn về cái hư không của sự khâm phục tính phong phú và sự biến hóa của các hiện tượng tự nhiên, và về tính tất yếu.

...«tiến tới một sự hiểu biết chính xác hơn về tính hòa hợp bên trong và về các quy luật của giới tự nhiên»... (289) (*Gần chủ nghĩa duy vật*).

Ibidem, *Triết học toàn thư*, tập V, tr. 292: «Hiện thực đã phát triển, với tư cách là sự thay thế luân phiên của cái bên trong và cái bên ngoài ăn khớp nhau trong một thể thống nhất; sự thay thế luân phiên của những vận động mâu thuẫn của nó, những vận động này liên hợp thành một vận động duy nhất — hiện thực đã phát triển đó là tính tất yếu.»

Triết học toàn thư, tập VI, tr. 294: ... «Tính tất yếu chỉ là mù quáng chừng nào nó chưa được hiểu biết...»

Ibidem... tr. 295 : «Đôi khi người ta thấy... là từ hành động của mình nảy sinh ra một cái gì khác hẳn cái mà mình tưởng đến và mong muốn»...

Ibidem, tr. 301 : «*Thực thể là một giai đoạn chủ yếu trong quá trình phát triển của ý niệm*»...

Hãy đọc: một giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển của *nhận thức của con người về giới tự nhiên và về vật chất*.

Lô gích, tập IV:

...«*Thực thể... là tồn tại trong bất cứ Tồn tại nào*» ... [216]

Quan hệ thực thể chuyển hóa thành quan hệ nhân quả. [220]

...«*Chỉ với tính cách là nguyên nhân thì thực thể mới có tính hiện thực*»... [221]

Một mặt, cần phải từ nhận thức về vật chất đi sâu vào nhận thức (khái niệm) về thực thể, để tìm thấy những nguyên nhân của hiện tượng. Mặt khác, nhận thức chân chính về nguyên nhân là sự đi sâu thêm của nhận thức từ bề mặt các hiện tượng đến thực thể. Có thể dùng hai loại thí dụ để giải thích điều đó; thí dụ lấy trong: 1^o lịch sử của khoa học tự nhiên; 2^o lịch sử triết học. Hay là nói đúng hơn: ở đây không nên chỉ nói đến những «*thí dụ*» — *comparaison n'est pas raison*¹ — mà nên nói đến *tính hoa* của cả hai lịch sử ấy + lịch sử của kỹ thuật.

1. So sánh không phải là luận chứng. (N.D.)

«Nói chung, kết quả không bao hàm..
những cái gì không có bao hàm trong nguyên
nhân» [222] và ngược lại...

Nguyên nhân và kết quả *ergo*¹
chỉ là những vòng khâu của sự phụ
thuộc lẫn nhau phổ biến, của liên
hệ (phổ biến), của sự liên kết lẫn
nhau của những sự kiện, chúng chỉ
là những mắt khâu trong sợi dây
chuyển phát triển của vật chất...

C.Y.

«Cũng là một sự vật mà lúc này thì biểu
hiện ra là nguyên nhân, lúc khác thì biểu
hiện ra là kết quả, lúc này là một tính ổn
định đặc thù, lúc khác lại là một tồn tại do
một cái khác thiết định ra hoặc quy định»
[223]

C.Y.

Tính toàn diện và tính bao trùm
toàn bộ của sự liên hệ phổ biến, mà
tính nhân quả, chỉ thể hiện một cách C.Y.
phiến diện, không đầy đủ và từng
mảnh một.

«Ở đây, chúng ta chỉ cần nói thêm rằng,
nếu người ta công nhận một mối quan hệ
giữa nguyên nhân và kết quả, thì ngay cả
với ý nghĩa không đúng của chữ kết quả,
kết quả cũng không thể to hơn nguyên nhân,
vì kết quả không phải cái gì khác mà là sự
biểu hiện của nguyên nhân [226].»

1. Do đó. (N.D.)

Tiếp đến vấn đề lịch sử. Ở đây, người ta thường dẫn ra những *giai thoại* coi đó là những «nguyên nhân» nhỏ của những sự biến lớn; thật ra đó chỉ là những *cơ hội*, một sự thúc đẩy bên ngoài «mà tinh thần bên trong của sự biến hữu quan có thể hoàn toàn không cần đến» [226] «Quan điểm cho rằng lịch sử là một bức chạm trổ kiểu Á-rập, hay hình dung lịch sử là một cái thân cây mỏng manh và khẳng khiu sinh ra một cái cây đồ sộ, quan điểm ấy, theo chúng tôi, có thể là tài tình đấy, nhưng thật là hoàn toàn nông cạn.» (1b.)

Trong lịch
sử «những
nguyên nhân
nhỏ của
những sự
kiện lớn»

«Tinh thần bên trong» này — xem Pơ-lê-kha-nốp — là một sự chỉ dẫn *thần bí*, duy tâm, nhưng rất sâu sắc về những nguyên nhân lịch sử của các sự kiện. Hê-ghe *hoàn toàn* quy kết lịch sử vào tính nhân quả và quan niệm tính nhân quả một nghìn lần sâu sắc và phong phú hơn đám đông những nhà «bác học» đương thời.

«Ví như hòn đá, khi nó đang vận động, là nguyên nhân; vận động của nó là một tính quy định thuộc về nó, nhưng ngoài tính quy định đó ra, nó còn có nhiều tính quy định khác nữa, như màu sắc, hình thái, v.v., là những tính quy định không cấu thành tính nhân quả của nó.» [228]

Tính nhân quả, như chúng ta thường hiểu, chỉ là một bộ phận nhỏ của mối liên hệ phổ biến, nhưng là (bổ sung có tính chất duy vật chủ nghĩa) một bộ phận không phải của mối liên hệ chủ quan, mà là của mối liên hệ hiện thực và khách quan.

«Nhu vậy là từ sự vận động của quan hệ nhân quả nhất định, nảy ra một kết quả là : nguyên nhân không phải chỉ tiêu tan đi trong kết quả (và kết quả cùng tiêu tan đi với nó), như trong tính nhân quả hình thức, mà trong khi tiêu tan đi, nguyên nhân lại tái sinh trong kết quả và kết quả, trong khi tiêu tan đi trong nguyên nhân, lại cũng tái sinh trong nguyên nhân. Mỗi một tính quy định ấy biến mất đi trong khi tự thiết định ra và tự thiết định ra trong khi mất đi. Đây không phải là vấn đề chuyển hóa bên ngoài của tính nhân quả từ một cơ chất này đến một cơ chất khác, nhưng chính là nhờ sinh thành ra cái khác, mà tính nhân quả tự thiết định như là tính nhân quả¹. Do đó, người ta có thể nói rằng tính nhân quả là tiền đề của bản thân nó hay nó là điều kiện riêng của bản thân nó.» [231]

«Vận động của quan hệ nhân quả»
= trên thực tế: vận động của vật chất, hay vận động của lịch sử, đã được nắm lấy, đã được nắm chắc trong mỗi *lên hệ* bên trong của nó ở một trình độ rộng hay sâu nào đó...

«Tác động qua lại biểu hiện trước hết ra là một tính nhân quả qua lại của những thực thể đã được dùng làm tiền đề, chế ước lẫn nhau; thực thể này đối với thực thể kia thì vừa là tích cực, vừa là tiêu cực.» [235]

1. Bản tiếng Trung quốc: nhưng trong khi hình thành đối phương nguyên nhân và kết quả cũng đã tự kiến lập bản thân mình. (N.D.)

«Trong tác động qua lại, tính nhân quả tối sơ biểu hiện như là một sự nảy sinh nào đó từ sự phủ định của nó, từ tính tiêu cực, và như là sự mất đi trong tính nhân quả đó, nghĩa là như một sự sinh thành»... [236]-

...«Tính tất nhiên và tính nhân quả như vậy là đã biến đi trong tác động qua lại; chúng bao hàm cả tính đồng nhất trực tiếp, coi như là *liên hệ* và *quan hệ*, và tính thực thể tuyệt đối của những cái khác nhau, tức là tính ngẫu nhiên tuyệt đối của chúng; chúng bao hàm thể thống nhất tối sơ của những sự khác nhau có tính chất thực thể, tức là mâu thuẫn tuyệt đối. Tính tất nhiên là Tồn tại, vì nó tồn tại, nó là thể thống nhất của Tồn tại với bản thân tồn tại, của cái Tồn tại tự lấy bản thân mình làm căn cứ cho mình. Nhưng mặt khác, vì nó có một căn cứ, nên nó không phải là Tồn tại; nó chỉ là *bề ngoài*, *quan hệ* hay là sự *trung gian*. Tính nhân quả là sự chuyển hóa được thiết định ấy của Tồn tại tối sơ, tức là của nguyên nhân, thành bề ngoài hay là tồn-tại-thiết-định đơn giản và thuần túy, và ngược lại, sự chuyển hóa của tồn-tại-thiết-định thành cái ban đầu; nhưng bản thân tính đồng nhất của tồn tại và bề ngoài cũng còn là tính tất nhiên bên trong. Tính bên trong ấy hay là tồn-tại-tự-nó ấy thủ tiêu vận động của nhân quả; tính thực thể của các mặt liên hệ với nhau, biến đi và tính tất yếu bộc lộ ra. ...Tính tất yếu sở dĩ trở thành tính tự do không phải vì nó biến đi, mà là vì tính đồng nhất này còn có tính chất bên trong của nó xuất hiện ra...» [236 - 37]

« Liên hệ và quan hệ »

« thống nhất của thực thể trong tính nhiều vẻ »

quan hệ, trung gian

Tính tất yếu không biến đi khi trở thành tính tự do

Khi đọc Hê-ghen bàn về tính nhân quả, thì ban đầu người ta rất ngạc nhiên vì sao ông ta lại tương đối ít bàn đến vấn đề đó, vấn đề mà những người theo chủ nghĩa Can-tơ rất ưa thích. Tại sao vậy? Vì rằng, đối với ông ta, tính nhân quả chỉ là *một* trong những tính quy định của mỗi liên hệ phổ biến mà ông ta đã nắm vững rất sâu và toàn diện, ông ta đã *luôn luôn* và ngay từ đầu, nhấn mạnh vào mỗi liên hệ đó, những sự chuyển hóa lẫn nhau, v.v., trong *loàn bộ* sự trình bày của ông ta. Sẽ rất bổ ích nếu đem so sánh những «*cơ đan để*» của chủ nghĩa kinh nghiệm mới (hay «*chủ nghĩa duy tâm vật lý*») với những phương pháp giải quyết vấn đề, hay nói đúng hơn, với phương pháp biện chứng của Hê-ghen.

Cần ghi thêm là trong *Triết học toàn thư*, Hê-ghen nhấn mạnh đến tính không đầy đủ và tính trống rỗng của khái niệm đơn thuần «*tác động qua lại*».

TẬP VI, tr. 308.

«*Đúng là tác động qua lại là chân lý trực tiếp tiếp liền với quan hệ nhân quả, và có thể nói là nó đứng trước ngưỡng cửa của khái niệm. Nhưng chính vì như vậy mà chúng ta không thể bằng lòng với việc chỉ áp dụng mỗi quan hệ ấy, vì chúng ta cần có nhận thức khái niệm. Xem xét một nội dung nhất định, chỉ trên quan điểm tác động qua lại, là một thái độ hoàn toàn thiếu suy nghĩ; trong trường hợp đó người ta chỉ có trước mặt mình một sự việc khô khan, và yêu cầu về sự trung gian (đó chính là vấn đề chủ yếu khi ứng dụng quan*

Chỉ có «*tác động qua lại*» =
trống
rỗng

hệ nhân quả) vẫn chưa được thỏa mãn. Xem xét kỹ hơn, sự thiếu sót ấy trong việc áp dụng mỗi quan hệ tác động qua lại là ở chỗ mỗi quan hệ này, còn xa mới có thể tương đương với khái niệm, bản thân nó cũng phải được nhận thức; và muốn hiểu mỗi quan hệ tác động qua lại, không nên đề hai mặt của mỗi quan hệ ở trong trạng thái của những cái trực tiếp mà, như chúng tôi đã nói trong những đoạn trên đây, phải thừa nhận chúng là những vòng khâu của một cái thứ ba, cao hơn, tức chính là khái niệm. Thí dụ, chúng ta coi phong tục của dân tộc Spác-tơ là hậu quả của hiến pháp của họ, và ngược lại, hiến pháp của họ là hậu quả của phong tục của họ, cách hiểu như vậy có thể là đúng, nhưng nó không thỏa mãn chúng ta, vì nó không làm cho chúng ta hiểu được hiến pháp cũng như phong tục của dân tộc ấy. Chỉ có thể hiểu được điều đó khi chúng ta đã hiểu được cả hai mặt của mỗi quan hệ, cũng như tất cả các mặt khác của đời sống và của lịch sử của dân tộc Spác-tơ, như là bắt nguồn từ khái niệm làm cơ sở cho chúng.» [309]

Cuối quyển II của *Lô-gích* [TẬP II, tr. 238], khi nói về sự chuyển hóa thành Khái niệm, có định nghĩa sau đây: «Khái niệm, vương quốc của tính chủ quan hoặc của tự do...»

C.Y. Tự do = tính chủ quan
(«hoặc»)
mục đích, ý thức, khuynh
hướng

C.Y.

Yêu cầu phải
có sự trung
gian (liên hệ),
đó là vấn đề
trong việc
áp dụng
quan hệ
nhân quả

C.Y.

Tất cả
những «mặt
riêng biệt»
và chính
thề («khái
niệm»)



QUYỀN THỨ BA

LÔ - GÍCH CHỦ QUAN
HAY KHÁI NIỆM LUẬN

BÀN VỀ KHÁI NIỆM NÓI CHUNG

Hê-ghen nói rằng đối với hai phần đầu của Lô-gích, thì không có những công trình của người xưa, nhưng về phần này thì trái lại, đã có những «tài liệu khô cứng», cần phải làm cho chúng «trở thành sinh động...» [241]

«Tồn tại và Bản chất cũng đều là những vòng khâu của cái sinh thành của nó (của khái niệm).» [243]

Đảo ngược lại: những khái niệm là những sản phẩm cao nhất của bộ óc, mà bản thân bộ óc lại là sản phẩm cao nhất của vật chất.

«Do đó, *Lô-gích khách quan*, chuyên nghiên cứu Tồn tại và Bản chất, nói đúng ra là sự trình bày về sự phát sinh của khái niệm». [244]

[247 - 48]: Ý nghĩa quan trọng lớn lao của triết học Spi-nô-da, với tư cách là triết học về thực thể (quan điểm này rất cao, nhưng chưa đầy đủ, không phải là cao nhất; nói chung, bác bỏ một hệ thống triết học không có nghĩa là vứt bỏ nó đi, mà là phát triển nó; không phải là thay nó bằng một cái khác, phiên diện, đối lập, mà là đưa nó vào một hệ thống cao hơn). Trong hệ thống của

Spi-nô-da, không có chủ thể tự do, độc lập; có ý thức (ở đây thiếu « *tự do và độc lập của chủ thể có tự ý thức* »), nhưng theo Spi-nô-da cũng vậy, *tư duy* là một thuộc tính của thực thể. [248]

Tiện đây nêu lên rằng — có một thời trong triết học đã lưu hành kiểu « nhắc lại cái xấu » về sự tưởng tượng và trí nhớ. *Ngày nay* người ta hạ thấp ý nghĩa của « khái niệm » (= « đỉnh cao của tư duy ») và người ta tán dương « cái không thể hiểu được » [250] ám chỉ Can-tơ?

Chuyển [tr. 252] sang phê phán *Chủ nghĩa Can-tơ*, Hê-ghen cho rằng thành tích lớn của Can-tơ là đã đưa ra ý niệm về « tính thống nhất tiên nghiệm của thống giác » (tính thống nhất của ý thức trong đó hình thành khái niệm), nhưng ông ta công kích tính *phiến diện* và *tính chủ quan* của Can-tơ:

Từ trực
quan đến
nhận thức
về hiện
thực khách
quan...

...« Nó (*der Gegenstand*¹) ở trong tư duy như thế nào, thì nó cũng tự-nó và vì-nó như vậy..., nó ở trong trực quan hoặc trong biểu tượng như thế nào, thì nó chỉ là hiện tượng.» [253]... (Hê-ghen *nâng* chủ nghĩa duy tâm của Can-tơ từ chủ quan lên thành khách quan và tuyệt đối)...

Can-tơ thừa nhận tính khách quan của các khái niệm (đối tượng của khái niệm là chân lý). nhưng vẫn coi chúng là có tính chất chủ quan. Ông ta lấy « cảm giác » và « trực quan » làm tiền đề cho lý trí (*Verstand*). Hê-ghen nói về điểm này như sau:

« Về những mối quan hệ giữa lý trí hoặc khái niệm với những giai đoạn được coi là

1. Đối tượng. (B.T.)

đi trước lý trí hoặc khái niệm, thì tất cả đều phụ thuộc vào môn khoa học mà người ta nói tới, khi người ta muốn quy định hình thức của các giai đoạn ấy. Trong môn khoa học của chúng ta, là khoa học Lô-gích thuần túy, thì các giai đoạn đó là *Tồn tại* và *Bản chất*. Trong tâm lý học, thì *cảm giác* và *trực quan*, rồi đến *biên tượng* nói chung, là tiền đề của lý trí. Trong *Hiện tượng học của Tinh thần*, coi như là học thuyết về ý thức, người ta đã đạt đến lý trí, bằng cách thông qua các giai đoạn của ý thức cảm tính và của tri giác.» [254]. Can-tơ đã trình bày tất cả cái đó một cách rất « không đầy đủ ».

Tiếp đến: CHỦ YẾU là:

«...Ở đây, không nên xem Khái niệm là Hoạt động của lý trí tự ý thức, là lý trí chủ quan, mà là khái niệm tự-nó-và-vì-nó, khái niệm này là một giai đoạn của giới tự nhiên cũng như của tinh thần. Chính sự sống hay giới tự nhiên hữu cơ là giai đoạn của giới tự nhiên, trong đó khái niệm xuất hiện lần đầu tiên.» [255]

« Đem hóm trước » sự chuyển hóa từ chủ nghĩa duy tâm khách quan sang chủ nghĩa duy vật

Tiếp đến một đoạn rất hay [255-265] trong đó Hê-ghen bác bỏ Can-tơ VỀ MẶT NHẬN THỨC LUẬN (chính đó là đoạn mà Ăng-ghen có lẽ đã nói tới trong cuốn *Phơ-bách* của ông, khi ông viết rằng: điều chủ yếu đề chống Can-tơ có thể làm được theo quan điểm duy tâm, thì đã được Hê-ghen nói đến rồi), — vạch rõ tính hai mặt, tính không triệt để của Can-tơ, những do dự, có thể nói như vậy, của Can-tơ giữa chủ nghĩa kinh nghiệm (= chủ nghĩa duy vật) và chủ nghĩa duy tâm; Hê-ghen luận chứng hoàn toàn và thuần túy theo quan điểm CỦA MỘT CHỦ NGHĨA DUY TÂM TRIỆT ĐỀ HƠN.

Khái niệm chưa phải là khái niệm cao nhất; cái còn cao hơn nữa là Ý niệm = sự thống nhất giữa khái niệm và thực tại.

«Người ta thường nói: «Đây chẳng qua chỉ là một khái niệm», trong khi đem đối lập với khái niệm, không những Ý niệm, mà tất cả cái gì là cảm tính, có không gian, có thời gian, sờ mó được và với tới được, coi là cái hơn hẳn khái niệm. Người ta xem cái trừu tượng là ít quan trọng hơn cái cụ thể, vì trừu tượng chính là thiếu tất cả cái mặt cảm tính, sờ mó được, có không gian, có thời gian đó. Căn cứ theo cách xem xét này, trừu tượng hóa tức là rút ra từ cái cụ thể, để phục vụ cho nhu cầu cá nhân và chủ quan của chúng ta, những đặc trưng này hay là đặc trưng khác, mà vẫn để lại cho nó đủ những đặc trưng và đặc tính khiến cho nó không mất tỷ giá trị và danh dự nào, khiến cho nó vẫn bảo toàn được đầy đủ tính hiện thực của nó, thành thử ở đây chỉ là vì lý trí của chúng ta *bất lực* không nắm được toàn bộ tính phong phú ấy, nên bắt buộc phải bằng lòng với một cái trừu tượng nghèo nàn. Nhưng coi tài liệu thu được trong thực quan và trong biểu tượng, là hiện thực, đối lập với tư duy và khái niệm, thì như thế là một quan điểm không những không phù hợp với triết học mà cả với tôn giáo nữa; thật vậy, triết học và tôn giáo còn có nghĩa gì và còn đáp ứng được nhu cầu nào, nếu chúng xem những biểu hiện thoáng qua và nông cạn của cái cảm tính và cái cá thể, là chân lý?... Vì vậy, không nên coi cách tư duy trừu tượng chỉ là một sự gạt bỏ tài liệu cảm tính sang một bên, tài liệu này nhờ trừu tượng mà sẽ giữ được y nguyên toàn bộ tính

Can-tơ hạ
thấp lực
lượng của
lý trí

Chủ nghĩa
duy tâm
triệt để
hơn thì
bám lấy
Thần!

hiện thực của nó vì vấn đề chính là thủ tiêu tài liệu cảm tính ấy, là quy những cái chi là hiện tượng thành cái bản chất, bản chất này chi biểu hiện trong khai niệm.» [256-57]

Về thực chất, việc Hê-ghen phản đối Can-tơ là hoàn toàn có lý. Tư duy được nâng từ cái cụ thể lên cái trừu tượng, không xa — nếu nó đúng (C. Y.) (và Can-tơ, cũng như tất cả các nhà triết học, nói đến tư duy đúng đắn) — rời chân lý, mà đến gần chân lý. Những sự trừu tượng về vật chất, về quy luật tự nhiên, sự trừu tượng về giá trị, v.v., tóm lại, tất cả những sự trừu tượng khoa học (đúng đắn, nghiêm túc, không tùy tiện) phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, trung thành hơn, đầy đủ hơn. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn — đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan. Can-tơ hạ thấp khoa học để mở đường cho lòng tin: Hê-ghen đề cao khoa học, quả quyết với chúng ta rằng nhận thức, tức là nhận thức về Thần. Người duy vật đi sâu vào sự nhận thức về vật chất, giới tự nhiên, tổng Thần và những bọn triết học đề tiện bảo vệ Thần vào hố rác.

«Điều hiểu lầm chính về vấn đề này này sinh ra từ chỗ người ta đã xem nguyên lý tự nhiên, — tức là nguyên lý làm diềm xuất phát cho sự phát triển tự nhiên hay cho lịch sử của cá thể đang hình thành — là chân lý

và là yếu tố đầu tiên của khái niệm.» [257]
(— Đúng là mọi người bắt đầu từ cái ấy, nhưng chân lý không phải ở điểm bắt đầu, mà là ở điểm kết thúc, nói cho đúng hơn, ở trong sự tiếp tục. Chân lý không phải là ấn tượng đầu tiên).... «Nhưng triết học không thể là sự tường thuật cái đang phát sinh; nó phải tìm hiểu chân lý ở trong đó.» [257]

Can-tơ, đó là «chủ nghĩa duy tâm tâm lý»: ở Can-tơ, những phạm trù «chỉ là những tính quy định bắt nguồn từ trong tự ý thức». Đi từ lý trí (*Verstand*) lên đến lý tính (*Vernunft*), Can-tơ làm giảm sút ý nghĩa quan trọng của tư duy, phủ nhận năng lực của tư duy là có thể «đạt tới chân lý hoàn toàn». [258-59]

«Ông (Can-tơ) nói: trong khi đem biến Lô-gích, cái phải là một *tiêu chuẩn để phán đoán*, thành một *công cụ* phục vụ cho sự hình thành những ý niệm *khách quan*, người ta phạm vào một sự lạm dụng thật sự. [259] Những khái niệm lý tính, mà trong đó người ta có thể giả thiết là có một lực lượng cao hơn (câu nói duy tâm!) và một nội dung sâu sắc hơn (*đúng!!*) đã không có trong bản thân chúng một cái gì có *tính chất cấu thành* (phải nói: khách quan) như tình hình vẫn xảy ra trong các phạm trù; đây chỉ là những Ý niệm đơn giản; người ta vẫn có thể sử dụng được chúng, nhưng cần phải hiểu rằng những bản chất lý tính ấy, coi như chứa đựng tất cả mọi chân lý, chỉ là những *giả thiết*; và cần phải hết sức tùy tiện và táo bạo mới giám coi những bản chất lý tính này, — đúng như chúng là tự-nó-và-vì-nó, — là biểu hiện của chân lý, và như

thể chính là vì những bản chất lý tính đó người ta không thể gặp lại ở bất kỳ một kinh nghiệm nào. Như vậy, ai là người có thể nghĩ rằng phải nhân danh triết học mà phủ định chân lý của bản chất lý tính, hoàn toàn chỉ vì chúng thiếu tài liệu không gian và thời gian của tri giác cảm tính?» [259]

Ở đây, đừng về thực chất mà nói, Hê-ghen cũng có lý: giá trị là một phạm trù «không có vật chất cảm tính», nhưng nó có tính chân lý hơn quy luật cung cầu.

Nhưng Hê-ghen là một người duy tâm: do đó, mà có những điều vô lý về «cái có tính chất cấu thành». v.v.

Một mặt, Can-tơ thừa nhận một cách hoàn toàn rõ ràng «tính khách quan» của tư duy (*des Denkens*) («đồng nhất của khái niệm và của sự vật») [260] — và mặt khác:

C.Y. || «Nhưng, mặt khác, người ta cũng lại cho là mặc dầu thế nào, chúng ta cũng không thể nhận thức được sự vật đúng như chúng là tự-nó-và-vì-nó, và chân lý là không thể đạt được đối với lý tính nhận thức, rằng chân lý, với tư cách là sự thống nhất của đối tượng và khái niệm, đến lượt nó, cũng chỉ là hiện tượng, và như vậy là vì nội dung của chân lý là do tính nhiều vẻ của trực quan hợp thành. Chúng ta đã từng nói về vấn đề này rằng chính ở trong khái niệm mà tính nhiều vẻ ấy, — với tư cách là tính nhiều vẻ của trực quan, đối lập với khái niệm, — bị thủ tiêu, và thông qua khái niệm, đối tượng được quy về tính bản chất không ngẫu nhiên

Hê-ghen
bên vực
tính có thể
nhận thức
của vật
tự nó

Hiện tượng
là biểu hiện
của Bản
chất

của nó; chính tính bản chất đó đã biểu hiện trong hiện tượng và vì vậy mà hiện tượng không những không đơn thuần là một cái gì không mang tính bản chất, mà là một biểu hiện của bản chất.» [260]

C.Y.

C.Y.

«Có một điều luôn luôn đáng ngạc nhiên là triết học của Can-tơ, tuy vẫn xem mối quan hệ giữa tư duy và thực tồn cảm tính mà nó đã nêu lên, là một quan hệ thuần túy tương đối và nằm trong thế giới hiện tượng, và đã tìm cách thực hiện một sự thống nhất tối cao giữa hai cái, tức là giữa tư duy và thực tồn hiện tượng, trong Ý niệm, chẳng hạn trong ý niệm về lý trí trực quan — thật đáng ngạc nhiên là tuy như thế mà nó vẫn dừng lại ở mối quan hệ tương đối ấy và ở sự khẳng định rằng khái niệm là và vẫn là hoàn toàn tách rời hiện thực. Do đó triết học ấy cũng tuyên bố rằng cái mà bản thân nó coi là một nhận thức có hạn, thì là *chân lý*, và cái mà nó coi là *chân lý* và đã được nó nêu thành khái niệm nhất định, thì lại là quá đáng, không thừa nhận được và chỉ là một sản phẩm của tư duy thôi.» [261-62]

Ha-Ha!!!

Trong lô-gích, Ý niệm «trở thành kẻ sáng tạo ra giới tự nhiên». [262]

Lô-gích là «khoa học hình thức» [262] đối lập với những khoa học cụ thể (về tự nhiên và về tinh thần), nhưng đối tượng của nó là «chân lý thuần túy»... [263].

Bản thân Can-tơ, khi tự hỏi thế nào là chân lý (*Phê phán Lý tính thuần túy*, tr. 83), và khi trả lời một cách tầm thường («nhất trí

giữa nhận thức và đối tượng của nó»), đã tự bác bỏ mình, vì «sự khẳng định chủ yếu của chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm» là:

«nhận thức lý tính không có khả năng nắm được vật-tự-nó». [263]

— và rõ ràng là ở đó chỉ có những «biểu tượng không có chân lý» [263].

Khi phản đối quan niệm thuần túy hình thức về lô-gích (chính Can-tơ có quan điểm đó) và cho rằng theo quan điểm thông thường (chân lý = nhất trí [*«Ubereinstimmung»*] của nhận thức với khách thể), «muốn có nhất trí thì phải có hai», Hê-gien nói rằng cái hình thức trong lô-gích là «chân lý thuần túy» [264] và

...«người ta phải... hình dung cái hình thức ấy như là phong phú về tính quy định và về nội dung, nhiều hơn người ta vẫn tưởng, và là có một tác động vô cùng lớn hơn đối với cái cụ thể»... [264-65]

«Ngay như trong các hình thức lô-gích, người ta không thấy cái gì khác hơn là những chức năng hình thức của tư duy, thì đó cũng là một lý do nữa để tìm hiểu xem những hình thức đó tự-chúng phù hợp với chân lý đến trình độ nào. Một lô-gích mà không nghiên cứu như thế thì nhiều lắm cũng chỉ có giá trị như một lịch sử miêu tả những hiện tượng của tư duy thôi.» [266]

(Chính đó là thành tích bất hủ của A-ri-stốt), nhưng cần phải đi xa hơn... [266]

Trong quan
điểm này,
Lô-gích
học nhất trí
với nhận
thức luận.
Tóm lại,
đây là một
vấn đề rất
quan trọng.

Những quy
luật chung
của vận
động của
Vũ trụ và
tư duy

C.Y.

Như vậy, không phải chỉ là sự miêu tả
các hình thức của tư duy và không phải
chỉ là sự miêu tả có tính chất lịch sử tự nhiên
của những hiện tượng của tư duy (cái này
khác sự miêu tả các hình thức ở chỗ nào??) mà
còn là sự phù hợp với chân lý, tức là?? tinh
hoa, hay đơn giản hơn là những kết quả,
tổng kết của lịch sử tư tưởng?? Ở đây
Hê-ghen nói không rõ ràng một cách duy
tâm và nói không hết ý. Chủ nghĩa thần bí.

Không phải tâm lý học,
không phải hiện tượng học
của tinh thần, nhưng là
Lô-gích học = vấn đề Chân
lý

Xem Triết học toàn thư, Tập VI, tr. 319:
«Nhưng trên thực tế, những hình thức lô-
gích, trái lại, — về mặt là hình thức của khái
niệm, — là tinh thần sống của cái hiện thực...»

Khi «khái niệm» phát triển thành «khái
niệm thích hợp», thì nó trở thành Ý niệm
[268]. «Khái niệm trong tính khách quan của
nó chính là bản thân sự vật tồn-tại-tự-nó-
và-vì-nó» [268]

C.Y.

= Chủ nghĩa khách quan +
chủ nghĩa thần bí và sự phản bội
đối với sự phát triển.

THIÊN THỨ NHẤT: TÍNH CHỦ QUAN

Vận động biện chứng của «khái niệm» — của khái niệm thuần túy «hình thức» lúc đầu — đến phán đoán (*Urteil*), rồi đến suy lý (*Schluss*), sau cùng đến sự chuyển hóa từ khái niệm chủ quan sang lĩnh khách quan của khái niệm [269-270].

Đặc tính đầu tiên của khái niệm: tính phổ biến (*Allgemeinheit*). C.Y.: khái niệm ra đời từ Bản chất, mà Bản chất lại ra đời từ Tồn tại.

Sự phát triển thêm về sau của cái phổ biến, cái đặc thù (*Besonderes*) và cái cá biệt (*Einzelnes*) thì cực kỳ trừu tượng và «abstrus¹».

Cu-nô Phít-se trình bày rất kém những nghị luận «khó hiểu» này — ông ta chỉ chọn lấy những cái gì dễ nhất — những thí dụ lấy trong Triết học toàn thư — và thêm vào đấy những điều tầm thường (chống lại Cách mạng Pháp. Cu-nô Phít-se, Tập VIII 1901, trang 330), v.v., mà không giải thích cho người đọc làm thế nào tìm ra cái chìa khóa để hiểu những sự chuyển hóa khó, những màu sắc, sự lên xuống, v.v., của tất cả những khái niệm trừu tượng của Hê-ghen.

En lisant...
these parts
of the work
should be
called: a
best means
for getting a
headache!²

1. Khó hiểu. (B.T.)

2. Khi đọc thì những đoạn này của tác phẩm phải coi là: phương tiện tốt nhất để bị nhức đầu! (B.T.)

Tất cả cái này
phải chăng
cũng là một sự
nhượng bộ đối
với lô-gích hình
thức cũ? Phải
và còn là một
nhượng bộ đối
với chủ nghĩa
thần bí = chủ
nghĩa duy tâm

Voilà³ sự dỗi
dào về những
«tính quy định»
và những tính
quy định khái
niệm của phần
ấy của Lô-gích
học!

Rõ ràng ở đây cũng vậy, đối với Hê-ghen thì điều chủ yếu là *nêu bật lên những CHUYỂN HÓA*. Theo một quan điểm nào đấy, trong những điều kiện nào đấy, cái chung là cái riêng, và cái riêng là cái chung. Không phải chỉ là: 1^o *mối liên hệ* và *mối liên hệ không tách rời* của tất cả mọi khái niệm và phán đoán, mà là 2^o *chuyển hóa* từ cái này sang cái kia, và không những là chuyển hóa, mà là 3^o *đồng nhất của các mặt đối lập* — đó là điều chủ yếu đối với Hê-ghen. Nhưng cái đó chỉ «lộ ra xuyên qua» đám mây mù của một sự trình bày cực kỳ «*abstrus*»¹. Một lịch sử của tư tưởng theo quan điểm về sự phát triển và về sự áp dụng các khái niệm và các phạm trù phổ biến của Lô-gích — voilà ce qu'il faut²!

Đúng !!

Dẫn ở trang 355, cái suy lý «trú danh» — «tất cả mọi người đều chết, Cai-u-xơ là một người, vậy Cai-u-xơ cũng chết» — Hê-ghen thêm một cách dí dỏm: «Người ta không thể không buồn chán, khi nghe một suy lý như vậy» — và cái đó là do «hình thức vô ích» mà ra; đồng thời ông ta cũng nhận xét sâu sắc như sau:

1. Khó hiểu. (N.D.)

2. Đó là cái cần có. (N.D.)

3. Đấy là. (N.D.)

Y.

«Mọi sự vật đều quy thành một suy lý, thành một cái chung liên hệ với cái đơn nhất, thông qua và nhờ sự trung gian của cái đặc thù; nhưng điều chắc chắn là sự vật không phải là một chỉnh thể gồm ba mệnh đề.»
[356]

«Tất cả mọi sự vật đều là những suy lý»
C.Y.

Rất hay! Những «cách»¹ lô-gích thông thường nhất — (tất cả điều đó trong tiết thứ nhất nói về «cách thứ nhất của suy lý») — pha loãng một cách ấu trĩ, *sil venia verbo*², — đều là những quan hệ thông thường nhất của những sự vật.

Hê-ghen phân tích những suy lý (E. — B. — A³., «cái đơn nhất, cái đặc thù, cái chung», B. — E. — A., v.v.) cũng giống như Mác phỏng theo Hê-ghen trong chương đầu⁴.

NÓI VỀ CAN-TƠ

Ngoài những điều khác ra:

«Những antinômi của lý tính trong chủ nghĩa Can-tơ không phải là cái gì khác mà là sự đối lập giữa hai tính quy định do từ cùng một khái niệm mà sinh ra một cách tất yếu như nhau»... [358]

1. Bản tiếng Pháp : *figures logiques*. (N.D.)

2. Có thể nói như vậy. (N.D.)

3. Đây là những chữ đầu của những từ Đức : E là cái đơn nhất, B là cái đặc thù, A là cái chung. (N.D.)

4. Chương I của *Tư bản*. (B.T.)

<p>Phải trở lại Hê-ghen để phân tích từng bước một bất cứ Lô-gích thông thường và nhận thức luận nào (của những người theo chủ nghĩa Can-tơ, v.v.)</p>	<p>C. Y. «Lật ngược lại» : Mác đã áp dụng phép biện chứng của Hê-ghen trong hình thức hợp lý của nó, vào chính trị kinh tế học</p>	<p>Sự hình thành những khái niệm (trừu tượng) và sự vận dụng những khái niệm ấy, đã bao hàm quan niệm, lòng tin, ý thức về tính tất yếu của các quy luật trong mối liên hệ phổ biến khách quan. Tách rời tính nhân quả ra khỏi mối liên hệ ấy là vô lý. Không thể phủ định tính khách quan của khái niệm, tính khách quan của cái chung trong cái đặc thù và cái cá biệt. Vậy so với Can-tơ và một số nhà triết học khác, thì Hê-ghen sâu sắc hơn nhiều khi ông nghiên cứu sự phản ánh của vận động của thế giới khách quan vào trong vận động của những khái niệm. Cũng như hình thức đơn giản của giá trị, hành vi trao đổi cá biệt một hàng hóa này lấy hàng hóa kia đã bao hàm vào trong một hình thức chưa phát triển, tất cả những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, — sự khái quát đơn giản nhất, sự hình thành đầu tiên và đơn giản nhất của những khái niệm (những phán đoán, những suy lý, v.v.) có nghĩa là sự nhận thức ngày càng sâu sắc của con người về mối liên hệ phổ biến khách quan. Chính phải tìm ở đây, cái nghĩa thật sự, cái ý nghĩa và tác dụng của Lô-gích học của Hê-ghen. C.Y. điều này.</p>	<p>C. Y. Về ý nghĩa thật sự của Lô-gích học của Hê-ghen</p>
--	--	---	---

Hai cách ngôn:

1^o Pơ-lê-kha-nốp phê phán chủ nghĩa Can-tơ (và thuyết bất khả tri nói chung) theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật tầm thường nhiều hơn là theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong chừng mực ông ta chỉ bác bỏ *a limine*¹ những nghị luận của họ mà không phải sửa lại (như Hê-ghen đã sửa lại Can-tơ) bằng cách đào sâu thêm, khái quát hóa và mở rộng những nghị luận ấy ra, bằng cách vạch rõ mối liên hệ và những chuyển hóa của tất cả các khái niệm.

2^o Đầu thế kỷ XX, **những** người mác-xít phê phán những môn đồ của Can-tơ và của Hi-um, phê phán theo kiểu Phơ-bách (và kiểu Buy-khơ-ne) hơn là theo kiểu Hê-ghen.

Về sự phê phán chủ nghĩa Can-tơ hiện đại, chủ nghĩa Ma-khơ, v.v.

... «Một kinh nghiệm dựa trên cơ sở quy nạp được công nhận là có giá trị, mặc dầu tri giác được mọi người nhất trí coi là chưa hoàn thành; nhưng tất cả cái mà người ta có thể thừa nhận được, đó là không có một cách nói trái ngược nào có thể chống lại kinh nghiệm đó, trong chừng mực kinh nghiệm này là chân thật tự-nó-và-vì-nó» [382]

C.Y.

Đoạn này ở trong tiết: «Suy lý quy nạp». Chân lý đơn giản nhất, đạt được bằng con đường quy nạp đơn giản nhất thì **không bao giờ** đầy đủ, vì kinh nghiệm bao giờ cũng không hoàn thành. *Ergo*: liên hệ của quy nạp với loại tỷ — với suy trắc (dự kiến khoa học), tính tương đối của mỗi nhận thức và nội dung tuyệt đối trong mỗi bước tiến lên của nhận thức.

1. Nghĩa là bác bỏ phăng đi. (N.D.)

Cách ngôn: Người ta không thể hoàn toàn hiểu được *Tư bản* của Mác và đặc biệt là chương đầu của sách đó, nếu chưa nghiên cứu kỹ và hiểu toàn bộ Lô-gích học của Hê-ghen. Vậy là sau Mác nửa thế kỷ, không một người mác-xít nào đã hiểu Mác!!

Sự chuyển hóa từ suy lý theo loại tỷ (suy lý loại tỷ) đến suy lý về tính tất nhiên — từ suy lý quy nạp đến suy lý loại tỷ — từ suy lý từ cái chung đến cái cá biệt đến suy lý từ cái cá biệt đến cái chung — sự trình bày mối liên hệ và những chuyển hóa (liên hệ cũng là chuyển hóa), đây là nhiệm vụ của Hê-ghen. Hê-ghen đã

Cách ngôn.

thực sự chứng minh rằng những hình thức lô-gích và những quy luật lô-gích không phải là một cái vỏ trống rỗng, mà là phản ánh của thế giới khách quan. Nói đúng hơn, không phải ông đã chứng minh như vậy, mà đã đoán thấy một cách tài tình như vậy.

Trong *Triết học toàn thư*, Hê-ghen viết rằng sự phân chia thành *lý trí* và *lý tính*, thành những *khái niệm* loại này hoặc loại khác, cần được hiểu như sau:

*Khái niệm
trừu tượng
và cụ thể.*

«hoạt động của chúng ta hoặc giả chỉ dừng lại ở hình thức trừu tượng và phủ định của khái niệm, hoặc giả hiểu khái niệm một cách phù hợp với bản tính thật sự của khái niệm, coi khái niệm là cái gì vừa là khẳng định vừa là cụ thể. Ví như tự do, hiểu theo nghĩa là cái đối lập trừu tượng của tất yếu,

thì chỉ là khái niệm của lý trí; trái lại, khái niệm thật sự của tự do (khái niệm của Lý tính) chứa đựng trong bản thân nó tính tất yếu đã bị vượt qua.» (347-348, Quyển VI)

Tự do và
tất yếu

Ibidem tr. 349: A-ri-stốt đã tả những hình thức lô-gích một cách đầy đủ đến nỗi «về căn bản» không cần phải thêm gì nữa.

Thông thường người ta coi những «cách của suy lý» như một chủ nghĩa hình thức trống rỗng. «Nhưng các cách đó có một ý nghĩa thật là cơ bản, ý nghĩa này dựa trên sự tất yếu là mỗi vòng khâu, — với tư cách là tính quy định của khái niệm, — phải trở thành cái toàn thể và căn cứ trung gian.» [352, Tập VI]

Triết học toàn thư tr. 353.

«Ý nghĩa khách quan của những cách của suy lý nói chung là ở chỗ mọi cái có lý tính đều là một suy lý ba bước, và nhất là sao cho mỗi vế vừa ở vào vị trí của một cực, vừa ở vào vị trí của cái trung gian. Đây cũng chính là trường hợp của ba phần nhỏ của khoa học triết học: ý niệm lô-gích, giới tự nhiên và tinh thần. Ở đây lúc đầu, giới tự nhiên là vế giữa, có tác dụng nối liền. Giới tự nhiên, cái chính thể trực tiếp ấy, phát triển thành hai vế cực, ý niệm lô-gích và tinh thần.»

C.Y.

C.Y.

«Nhưng Tinh thần chỉ là Tinh thần khi nào nó được Giới tự nhiên làm trung gian»... «Tinh thần chính là cái nhận thức được Ý niệm lô-gích trong giới tự nhiên và do đó nâng giới tự nhiên lên tới bản chất của nó»... Ý niệm lô-gích là «thực thể tuyệt đối của Tinh thần, cũng như của giới tự nhiên, nó là cái phổ biến, thấm sâu vào tất cả.» [353-354]

C.Y.

C.Y.

« Nhưng »
Hê-ghen
thần thánh
hóa cái « ý
niệm lô-
gích » ấy,
những quy
luật, tính
phổ biến.

« Giới tự nhiên, cái chỉnh thể trực tiếp ấy, phát triển thành ý niệm lô-gích và tinh thần ». Lô-gích là học thuyết về nhận thức. Nó là lý luận về nhận thức. Nhận thức là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người. Nhưng đó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn toàn; quá trình này là cả một chuỗi những sự trừu tượng, những sự cấu thành, và những sự hình thành ra các khái niệm, quy luật, v.v. — và các khái niệm, quy luật này, v.v. (tư duy, khoa học = « ý niệm lô-gích ») cũng bao quát một cách tương đối, gần đúng những quy luật phổ biến của giới tự nhiên vĩnh viễn vận động và phát triển. Ở đây, thật sự và về khách quan có **ba** bộ phận: 1^o giới tự nhiên; 2^o nhận thức của con người = óc của người (với tư cách là sản phẩm cao cấp của giới tự nhiên đó) và 3^o hình thức của sự phản ánh của giới tự nhiên vào trong nhận thức con người; hình thức này, đó là những khái niệm, những quy luật, những phạm trù, v.v. Con người không thể nắm được = phản ánh = miêu tả đúng được giới tự nhiên một cách đầy đủ như là *chỉnh thể*, trong tính « chỉnh thể trực tiếp » của giới tự nhiên; tất cả cái con người có thể làm được, là đi gần mãi đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về vũ trụ, v.v., v.v.

Về loại tỷ, có nhận xét sâu sắc sau đây:

« Chính bản năng của lý tính đã làm cho người ta cảm thấy trước rằng một tính quy định này hay một tính quy định khác,

do kinh nghiệm mà có, lấy *bản tính bên trong* hay loại đối tượng nhất định làm căn cứ, và về sau bản năng lý tính dựa vào tính quy định ấy.» (Tập VI, tr. 359.)

Tr. 358: Trò chơi vô ích với những loại *tỷ trọng rỗng* gây ra một sự khinh bỉ chính đáng đối với triết học tự nhiên.

Phản đối
chính bản
thân mình

Trong lô-gích¹ phổ thông, người ta tách rời, một cách hình thức chủ nghĩa, tư duy với tính khách quan:

«Tư duy, ở đây, chỉ được thừa nhận là một hoạt động chủ quan và hình thức; và cái khách quan, đối lập với tư duy, được coi là một cái gì ổn định và tồn tại vì bản thân nó. Nhưng nhị nguyên luận nay không đúng, và nếu lấy những tính quy định về tính chủ quan và tính khách quan mà không có phân tích, không tự hỏi xem nguồn gốc của chúng là gì, thì đó là một cách làm ngu ngốc.» (359-360)... Thật ra tính chủ quan chỉ là một giai đoạn của sự phát triển bắt đầu từ tồn tại và từ bản chất, — và sau đó tính chủ quan ấy «phá vỡ giới hạn của nó một cách biện chứng» và «thông qua suy lý mà triển khai thành tính khách quan».
(360)

Rất sâu sắc và thông minh! Những quy luật của lô-gích là phản ánh của cái khách quan vào trong ý thức chủ quan của con người.

1. Trong bản thảo, chữ « lô-gích » được nối liền với chữ « ở đây » ở đoạn dưới bằng một mũi tên. (B.T.)

Tập VI, tr. 360.

«Khái niệm đã được hiện thực hóa» là khách thể.

Sự chuyển hóa từ chủ thể, từ khái niệm đến khách thể, có vẻ là «kỳ quặc» (360), nhưng không nên chỉ hiểu một cách đơn giản khách thể là tồn tại, mà là cái cụ thể «có hạn trong bản thân nó, hoàn toàn, độc lập» [361]...

«Vũ trụ là tồn tại khác của Ý niệm.»

Tính chủ quan (hay khái niệm) và khách thể *vừa là đồng nhất, lại vừa là không đồng nhất...* [362]

Những điều vô lý về sự chứng minh có tính chất bản thể luận, và về Thần!

C.Y.

«Coi cái chủ quan và cái khách quan là một đối lập cố định và trừu tượng, như thế là vô lý. Cả hai cái đều rất là biện chứng.» [367]...

THIÊN THỨ HAI : TÍNH KHÁCH QUAN

(Lô-gích II, tr. [399]).

Hai ý nghĩa của tính khách quan : «...Tính khách quan vốn có hai ý nghĩa: ý nghĩa là đối lập với khái niệm độc lập, và ý nghĩa là tồn-tại-tự-nó-và-vì-nó...» [404]

Tính
khách
quan

... «Thừa nhận chân lý, tức là thừa nhận khách thể như là thoát khỏi mọi sự thêm thắt của phản tư chủ quan...» [405]

Nhận thức
về khách
thể

Tiếp đến là những nghị luận về « tính cơ giới », hoàn toàn tối nghĩa và gần như hoàn toàn vô lý.

Xa hơn, *idem* về *tính hóa học*, những giai đoạn của « phán đoán », v.v.

Tiết có đầu đề « Quy luật » không đem lại điều mà người ta có thể trông chờ ở Hê-ghen về một vấn đề lý thú như vậy. Rất lạ là vì sao ông ta lại đem « quy luật » liệt vào « tính cơ giới » ? [423-24]

Ở đây khái niệm *quy luật* dịch gần lại những khái niệm « trật tự » (*Ordnung*), tính đồng loại (*Gleichformigkeit*), tính tất yếu; « linh hồn » của chính thể khách quan, « nguyên lý của vận động tự nó ».

Dịch gần
lại như
vậy là
rất quan
trọng

Và tất cả cái đó theo quan điểm cho rằng tính cơ giới là tồn-tại-khác của Tinh thần, của Khái niệm, v.v., của linh hồn, của cá tính... Trò chơi loại tỷ trống rỗng, rõ ràng là thế!

«Giới tự
nhiên=sự
thu hút khái
niệm bởi tính
bên ngoài»
(Ha! Ha!)

((((Cần chú ý là ở trang [436] có khái niệm «tính tất yếu tự nhiên» — «tính cơ giới cũng như tính hóa học, cái này cũng như cái kia, đều được quan niệm là phụ thuộc vào tính tất yếu tự nhiên»... vì ở đây chúng ta thấy «sự thu hút (khái niệm) bởi tính bên ngoài»))))
(*ibidem*).

Tự do và
tất yếu

«Chúng tôi đã nhắc lại ở trên là: sự đối lập giữa tính mục đích và tính cơ giới được quy thành sự đối lập, chung hơn, giữa tự do và tất yếu. Dưới hình thức ấy, Can-tơ đã xếp sự đối lập nói trên vào loại những antinômi của lý tính và coi đó là một mâu thuẫn thứ ba nảy sinh ra trong lòng những ý niệm tiên nghiệm» [439]. Tóm tắt một cách ngắn gọn những luận cứ của Can-tơ, chính đề và phản đề, Hê-ghen vạch ra sự trống rỗng của những luận cứ đó và lưu ý đến cái mà nghị luận của Can-tơ phải dẫn tới:

Hê-ghen
phản đối
Can-tơ (tự
do và tất
yếu)

«Cái cách giải quyết antinômi ấy theo kiểu Can-tơ cũng là cách giải quyết chung tất cả những antinômi khác, nghĩa là lý tính không có khả năng chứng minh được mệnh đề này hay mệnh đề kia trong hai mệnh đề đối lập ấy, vì theo những quy luật tự nhiên thuần túy kinh nghiệm chúng ta không thể có *a priori*¹ một nguyên tắc nhất định để phán

1. Tiên nghiệm. (N.D.)

đoán về tính khả năng của sự vật. Do đó phải coi hai mệnh đề ấy, không phải LÀ NHỮNG MỆNH ĐỀ KHÁCH QUAN, MÀ LÀ NHỮNG QUY TẮC CHỦ QUAN. Như thế cũng có nghĩa là tôi phải luôn luôn xem xét những hiện tượng tự nhiên thông qua nguyên tắc tính cơ giới tự nhiên thuần túy, nhưng điều đó không có nghĩa là trong những cơ hội nào đó, tôi không được xem xét một số hình thức tự nhiên nào đó, theo một quy tắc khác, nhất là theo nguyên tắc những nguyên nhân cuối cùng, tựa hồ như — chúng ta có thể nói thêm — hai quy tắc đó — mà tính tất yếu của những quy tắc này chỉ tồn tại đối với lý tính của con người — không biểu hiện cùng một sự đối lập như những mệnh đề mà chúng ta đã nói ở trên. — Như chúng tôi đã nói ở trên, người ta quên không tìm, nếu người ta đứng trên quan điểm này, cái duy nhất có một ý nghĩa triết học, tức là nguyên tắc nào trong hai nguyên tắc đó là chân lý tự nó; nhưng đối với những ai công nhận quan điểm mà chúng tôi đã nêu lên, thì không cần biết xem những nguyên tắc nói trên có cần phải coi là khách quan, nghĩa là coi như những tính quy định bên ngoài của giới tự nhiên, hay chỉ là những quy tắc đơn giản, sản phẩm của một nhận thức chủ quan hay không. Đúng hơn, đó là một NHẬN THỨC CHỦ QUAN, NGHĨA LÀ NHẬN THỨC NGẪU NHIÊN, vì TÙY THEO CƠ HỘI mà nó áp dụng quy tắc này hay quy tắc kia trong những quy tắc đó, mỗi khi nó xét thấy thích hợp với những khách thể nhất định này hay những khách thể

Bien¹ !

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản. (B.T.)

nhất định khác, và hơn nữa không cần đặt vấn đề về tính chân lý của những tính quy định ấy, dù đó là những tính quy định của khách thể hay của nhận thức.» [440-441]

HÊ-GHEN

«Nur vậy là mục đích biểu lộ ra là về thứ ba, bên cạnh tính cơ giới và tính hóa học. Mục đích là chân lý của hai tính đó. Vì nó còn ở trong phạm vi của tính khách quan hay của tính trực tiếp của khái niệm hoàn chỉnh, nên bản thân nó còn chịu ảnh hưởng của tính bên ngoài, nó đứng đối lập với một thế giới khách quan và quan hệ với thế giới này. Xét về mặt này, trong quan hệ mục đích mà chúng ta xét (đó là quan hệ bên ngoài) vẫn còn xuất hiện tính nhân quả cơ giới, — nói chung tính hóa học cũng phải nằm trong tính nhân quả đó, — nhưng nó xuất hiện với tính cách là tính nhân quả phụ thuộc vào quan hệ ấy, với tính cách là tính nhân quả đã tự nó bị xóa bỏ.» [442]

...«Do đó mà lộ ra bản tính của hai hình thức của quá trình khách quan đã nói trên; nhưng cái đang tiến triển vô hạn trong hai hình thức ấy là cái khái

PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

Những quy luật của thế giới bên ngoài của giới tự nhiên, chia thành quy luật cơ giới và quy luật hóa học (rất quan trọng) là những cơ sở của hoạt động có mục đích của con người.

Trong hoạt động thực tiễn con người đứng trước thế giới khách quan; phụ thuộc vào thế giới khách quan ấy, để cho thế giới khách quan ấy quy định hoạt động của mình.

Theo cách nhìn đó, theo quan điểm hoạt động thực tiễn (tự định cho mình một mục đích) của con người, thì tính nhân quả cơ giới và (hóa học) của thế giới (của giới tự nhiên) xuất hiện ra là cái gì ở bên ngoài, thứ yếu, bị che đậy.

Hai hình thức của quá trình khách quan : giới tự nhiên (cơ giới và hóa học) và hoạt động của con người tự định cho mình một mục đích. Quan hệ qua lại của hai hình thức ấy. Những mục đích

niệm được thiết định lúc đầu như là ở bên ngoài đối với những hình thức ấy và không phải là cái gì khác hơn là khái niệm mục đích; không phải chỉ có khái niệm mới là thực thể của chúng, mà tính bên ngoài cũng là vòng khâu chủ yếu của chúng, vòng khâu đã đem lại cho chúng cái làm cho chúng có tính quy định. Vì vậy mà kỹ thuật cơ giới hay là hóa học, do tính chất của nó là ở chỗ nó được quy định từ bên ngoài, nên bản thân nó phục vụ cho quan hệ mục đích là quan hệ cần được xem xét một cách tường tận.» [443]

của con người lúc đầu hình như là xa lạ («khác») đối với giới tự nhiên. Ý thức của con người, khoa học («khái niệm»), phản ánh bản chất, thực thể của giới tự nhiên, nhưng đồng thời ý thức đó lại ở bên ngoài giới tự nhiên (không nhất trí với nó ngay từ đầu và một cách đơn giản).

KỸ THUẬT CƠ GIỚI VÀ HÓA HỌC phục vụ mục đích của con người, chính là vì tính chất của nó (bản tính của nó) là ở chỗ nó được những điều kiện bên ngoài (quy luật của giới tự nhiên) quyết định.

*(Kỹ thuật và Thế giới khách quan.
Kỹ thuật và những mục đích.)*

...«(mục đích) đứng trước một thế giới cơ giới và hóa học, tức là trước một thế giới khách quan, hoạt động của nó (của mục đích B.T.) có quan hệ với thế giới khách quan này, giống như có quan hệ với một cái hiện có»... «Vì vậy, mục đích có một tồn tại thực sự ở bên ngoài thế giới, trong chừng mực nó đứng trước tính khách quan ấy»... [445]

Thật ra, mục đích của con người là do thế giới khách quan sản sinh ra, và lấy thế giới khách quan làm tiền đề — coi thế giới khách quan là cái hiện có, là cái có thật. Nhưng đối với con người thì hình như những mục đích của nó lại lấy từ bên

ngoài thế giới, độc lập đối với thế giới
(«tự do»).

((C.Y. Tất cả cái đó trong tiết «mục
đích chủ quan» C.Y.)) [443-446]

«Nhờ thông qua thủ đoạn, mục đích lại
kết hợp với tính khách quan, và tự kết hợp
với bản thân, trong tính khách quan.»
([447] §: «Thủ đoạn.»)

«Là có hạn, mục đích có một nội dung cũng
có hạn; vậy nó không có tí gì là tuyệt đối,
không có tí gì là tuyệt đối hợp lý tự-nó-và-vì-
nó. Nhưng thủ đoạn là đoạn giữa có tính chất
bên ngoài của suy lý, là sự thực hiện của mục
đích; chính trong thủ đoạn có yếu tố hợp lý
của mục đích, chính do thủ đoạn mà mục đích
tự bảo tồn trong cái bên ngoài này hay cái
bên ngoài kia, và nhờ vào tính bên ngoài ấy.
Vì lý do ấy, thủ đoạn cao hơn những mục đích
có hạn của tính mục đích bên ngoài; cái này
cao hơn những công việc nó làm được và cao
hơn những sự hưởng thụ do nó tạo ra, những
sự hưởng thụ này là lý do tồn tại của nó.
Công cụ tồn tại và bền lâu, còn những sự
hưởng thụ mà nó phải tạo ra thì tạm thời và
bị quên đi nhanh chóng. Nhờ những công
cụ của mình, con người có quyền lực đối
với giới tự nhiên bên ngoài nhưng xét về
mục đích mà con người theo đuổi thì con
người phụ thuộc vào giới tự nhiên.» [451-52]

C.Y.

Mầm mống
duy vật
lịch sử ở
Hê-ghen

Hê-ghen và
duy vật
lịch sử.

Cái *Vorbericht*, nghĩa là bài
tựa của quyển sách đề ngày:
Nu-rin-be, 21. VII. 1816

Cái này trong § «Mục
đích đã được thực hiện.»

Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là một trong những sự áp dụng và một trong những sự phát triển của những tư tưởng thiên tài, — những hạt giống đang ở trạng thái mầm mống ở Hê-ghen.

«Quá trình có tính mục đích là sự di chuyển vào trong tính khách quan, cái khái niệm (sic!) tồn tại một cách rõ ràng, với tư cách là khái niệm»... [452]

Khi Hê-ghen cố gắng — có khi dùng hết sức và dốc toàn lực — quy hoạt động có tính mục đích của con người vào những phạm trù lô-gích, bằng cách nói rằng hoạt động đó là một «suy lý» (*Schluss*), rằng chủ thể (con người) đóng vai trò một «vẽ» của «cách» lô-gích của «suy lý», v.v. — thì điều đó không phải CHỈ LÀ MỘT SỰ GIẢI THÍCH GÒ ÉP, MỘT TRÒ CHƠI. Ở ĐÂY, CÓ MỘT NỘI DUNG RẤT SÂU SẮC VÀ THUẦN TÚY DUY VẬT. PHẢI ĐẢO NGƯỢC LẠI: HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN CỦA CON NGƯỜI ĐÃ PHẢI LÀM CHO Ý THỨC CỦA CON NGƯỜI LẶP ĐI LẶP LẠI HÀNG NGHÌN TRIỆU LẦN NHỮNG CÁCH LÔ-GÍCH KHÁC NHAU *đặng* LÀM CHO NHỮNG CÁCH NÀY *có thể* CÓ ĐƯỢC Ý NGHĨA *những công lý*¹. Cái này cần chú ý.

C.Y.
Phạm trù
lô-gích và
thực tiễn
của con
người

C.Y.

1. *Axiome. (N.D.)*

C.Y.

« Vậy là sự vận động của mục đích đã dẫn đến kết quả là vòng khâu của tính bên ngoài không phải chỉ được thiết định trong khái niệm; khái niệm không phải chỉ là một cái-phải-tồn-tại, và một ý đồ, mà với tính cách là một chỉnh thể cụ thể, khái niệm là đồng nhất với tính khách quan trực tiếp.» [459] Cuối tiết «mục đích đã được

C.Y.

thực hiện», cuối thiên thứ hai (chương III. Mục đích luận). «*Tính khách quan*» chuyển sang thiên thứ ba: «*Ý niệm*».

Từ khái niệm chủ quan và từ mục đích chủ quan đến chân lý khách quan.

Đặc sắc: Hê-ghe-n đặt đến «*Ý niệm*» với tư cách là sự nhất trí giữa khái niệm và khách thể, đặt đến ý niệm với tư cách là *chân lý*, bằng sự hoạt động thực tiễn có tính mục đích của con người. Điều này rất gần với tư tưởng cho rằng con người chứng minh bằng *thực tiễn* sự chính xác khách quan của những ý niệm, khái niệm, nhận thức của mình, của khoa học của mình.

THIÊN THỨ BA : Ý NIỆM

Bắt đầu thiên thứ ba «Ý niệm».

«Ý niệm là khái niệm thích hợp, cái CHÂN LÝ KHÁCH QUAN hay bản thân cái Chân lý.» [461]

C.Y. Nói chung, phần mở đầu đó cho thiên ba («Ý niệm») của phần hai của Lô-gích học («Lô-gích chủ quan») [(tập II, 461-468)] và những tiết tương đương trong Triết học toàn thư (§§ 213-215) — có lẽ là sự trình bày hay nhất về phép biện chứng. Ở đây nữa, sự đồng nhất có thể nói là giữa lô-gích và nhận thức luận, được nêu lên một cách đặc biệt tài tình.

Chữ «ý niệm» cũng được dùng theo nghĩa là một biểu tượng đơn giản. Can-tơ.

«Can-tơ đã đòi người ta phải trả lại cho chữ Ý niệm cái ý nghĩa là khái niệm lý tính. — Thật vậy theo Can-tơ, khái niệm lý tính phải là khái niệm vô điều kiện, nhưng có tính chất siêu nghiệm đối với hiện tượng, nói một cách khác là một khái niệm không thể có một sự sử dụng kinh nghiệm chủ nghĩa nào thích hợp với nó được. Những khái niệm của lý tính

C.Y.

Hê-gen
phản đối
Can-tơ
phản đối
cái siêu
nghiệm

(coi là sự tách
rời của chân
lý (khách
quan) và kinh
nghiệm.)

Très bien!¹

dùng đề lý giải (*Begreifen*) những tri giác, những khái niệm của lý trí dùng đề hiểu (*Verstehen*) những tri giác. — Nhưng trên thực tế, khi những cái này thật sự là những khái niệm, thì chúng là khái niệm, — chính kinh qua chúng mà sự lý giải có tính chất lý tính được thực hiện»... [461]

Dưới đây, xem lại Can-tơ.

Cũng là sai lầm nếu coi Ý niệm là một cái gì «không hiện thực» — như khi người ta nói: «cái này chỉ là một ý niệm». [462]

Hay lắm!

«Nếu tư tưởng chỉ là thuần túy chủ quan và ngẫu nhiên, thì người ta rất có thể nói là chúng không có một giá trị nào khác hơn là giá trị mà những cái ngẫu nhiên và những cái hiện tượng đem lại cho chúng. Nhưng điều đó không làm cho chúng thấp hơn những hiện thực nhất thời và tạm bợ. Nếu, trái lại, người ta cho rằng Ý niệm không có giá trị gì, vì nó là siêu nghiệm so với các hiện tượng, vì nó không nhất trí với bất cứ đối tượng nào trong hiện thực, thì người ta gây ra một sự hiểu lầm kỳ quái vì như vậy là người ta phủ nhận rằng ý niệm có một giá trị khách quan, chỉ vì lý do duy nhất là ý niệm không có tính chất của cái hiện tượng, của cái không-chân lý, tức là tính chất của thế giới khách quan.²» [462].

Về những ý niệm thực tiễn, thì bản thân Can-tơ cũng thừa nhận rằng việc đem kinh nghiệm đối lập với các ý niệm là một việc làm

1. Hay lắm ! (N.D)

2. Bản tiếng Nga và Trung quốc: Ý niệm thiếu cái cấu thành hiện tượng, tức cái cấu thành lớn tại không chân thực của thế giới khách quan. (N.D.)

tâm thường ; ông trình bày những ý niệm như là một cái tối cao, và phải nỗ lực làm cho hiện thực phù hợp với cái tối cao đó. Và Hê-ghen tiếp :

«Nhưng vì kết luận rút ra được là Ý niệm là sự thống nhất giữa khái niệm và tính khách quan, là chân lý, cho nên không thể chỉ coi nó là một *mục đích* phải tiến tới, mà lại vẫn luôn luôn là một thứ *ở-bên-kia*, song cũng cần phải thật thắm nhuần một chân lý là mọi hiện thực chỉ là hiện thực trong chừng mực nó chứa đựng và biểu hiện Ý niệm. Đối tượng, thế giới chủ quan và thế giới khách quan không những chỉ phải *phù hợp nói chung* với Ý niệm, mà chính bản thân chúng là sự phù hợp của khái niệm và hiện thực. Hiện thực mà không phù hợp với khái niệm thì chỉ là *hiện tượng* thuần túy : nó là cái chủ quan, cái ngẫu nhiên, cái tùy tiện và không có cái gì là giống với chân lý.» [463]

...« *Thứ nhất*, nó (ý niệm) là chân lý đơn giản, sự đồng nhất giữa khái niệm và tính khách quan, với tư cách là cái chung... [466]

...« *Thứ hai*, Ý niệm là mối *quan hệ* giữa tính chủ quan tồn-tại-vì-nó của khái niệm đơn giản và tính khách quan đã *khác biệt* với ý niệm, của khái niệm đơn giản ; cái kia (tính chủ quan) thì chủ yếu là *khuyh hướng* nhằm tiêu diệt sự tách rời ấy..

...« Về mặt nó là mối quan hệ ấy, Ý niệm là *quá trình*, nhờ đó mà Ý niệm

Hê-ghen
chống cái
«ở-bên-kia»
của Can-tơ

Sự phù
hợp giữa
các khái
niệm và sự
vật *không*
phải là
chủ quan

Ý niệm (đọc là : nhận thức của con người) là sự nhất trí (sự phù hợp) của khái niệm với tính khách quan (« cái phổ biến »). Đó là thứ nhất.

Thứ hai, ý niệm là mối *quan hệ* giữa tính chủ quan vì nó (= có thể nói là độc lập) (= của con người) và tính khách quan **ĐÃ KHÁC BIỆT** (với ý niệm ấy)

Tính chủ quan là *khuyh hướng* tiêu diệt sự tách

hướng đến chỗ tự phân hóa thành cái cá thể của nó và thành bản tính vô cơ của nó, để đưa bản tính vô cơ này vào sự chi phối của chủ thể, và trở lại tính phổ biến đầu tiên và giản đơn của nó. Sự Đồng nhất của Ý niệm với bản thân nó là nhất trí với quá trình đó; tư tưởng giải thoát hiện thực ra khỏi cái bề ngoài của sự biến hóa không mục đích, và làm cho nó biến dạng thành Ý niệm, không nên biểu hiện chân lý ấy của hiện thực, như một sự đứng im chết cứng, như một hình ảnh đơn giản vô sắc không có bất cứ một khuynh hướng hay là vận động nào, như một thứ thần linh, hoặc như một số, hoặc nữa như một tư tưởng trừu tượng đơn thuần: do chỗ khái niệm đã đạt đến tự do trong Ý niệm, nên Ý niệm cũng bao hàm mâu thuẫn sâu sắc nhất; cái yên tĩnh của ý niệm phát sinh từ lòng tự tin và tính không dao động, với lòng tự tin và tính không dao động này nó vĩnh viễn làm nảy sinh ra và khắc phục mâu thuẫn ấy để rồi lại luôn luôn nằm trong mâu thuẫn ấy... [466-67]

rời ấy (— của ý niệm với khách thể).

Nhận thức là quá trình xâm nhập (của lý trí) vào giới tự nhiên vô cơ, để làm cho giới tự nhiên ấy chịu sự chi phối của chủ thể và để khái quát (nhận thức về tính phổ biến trong các hiện tượng)... Sự phù hợp giữa tư tưởng và khách thể là một quá trình. Tư tưởng (= con người) không nên hình dung chân lý dưới hình thức một sự đứng im chết cứng, — dưới hình thức một bức tranh đơn giản (hình ảnh) mờ nhạt (vô sắc) không khuynh hướng, không vận động, — như một thần linh, một số, một tư tưởng trừu tượng.

Ý niệm cũng có trong nó mâu thuẫn kịch liệt nhất, sự đứng im (đối với tư duy của con người) là ở trong lòng tự tin và sức mạnh mà nó dùng để vĩnh viễn sáng tạo ra (mâu thuẫn ấy giữa tư tưởng và khách thể) và vĩnh viễn khắc phục mâu thuẫn ấy...

Nhận thức là quá trình nhờ đó tư duy mãi mãi và không ngừng tiến gần đến khách thể. *Phản ánh* của giới tự nhiên trong tư tưởng con người phải được hiểu không phải một cách «chết cứng», «trừu tượng», *không phải không vận động*, **KHÔNG MÂU THUẪN**, mà là trong **QUÁ TRÌNH** vĩnh viễn của vận động, của sự nảy sinh mâu thuẫn và của sự giải quyết những mâu thuẫn đó.

C.Y.

«Ý niệm là... Ý niệm của *Chân* và *Thiện*, với tư cách là *nhận thức* và *ý chí*... Quá trình của nhận thức đó và (C.Y.) của **HÀNH ĐỘNG** (C.Y.) có hạn đó biến tính phổ biến lúc đầu là trừu tượng ấy thành tính chính thể, do đó mà ý niệm trở thành *tính khách quan hoàn toàn*.» [467-68]

Xem *Triết học toàn thư*, §§ 213 (385).

...«Ý niệm là *chân lý*; vì chân lý là sự phù hợp giữa tính khách quan và khái niệm... Nhưng, *toàn bộ* cái hiện thực, nếu nó là chân lý, thì cũng là Ý niệm... Tồn tại đơn nhất chỉ là một trong các mặt của Ý niệm; do đó, nó cần đến những hiện thực khác là những hiện thực cũng xuất hiện như là tồn tại đặc thù và có vẻ độc lập chỉ có trong *toàn bộ* và trong *quan hệ* của những hiện

Ý niệm là *nhận thức* và nguyện vọng (ý chí) [của con người]... Quá trình của nhận thức (tạm thời, có hạn, bị giới hạn) và của *hành động* biến những khái niệm trừu tượng thành tính *khách quan hoàn bị*.

Tồn tại cô lập (đối tượng, hiện tượng, v.v.) (chỉ) là *một trong những mặt của Ý niệm* (về chân lý). Chân lý còn cần nhiều mặt khác của cái *hiện thực*, các mặt này cũng hình như là độc lập và cô lập (tồn tại riêng biệt cho bản thân chúng). Chỉ trong *toàn bộ* của chúng (*zusammen*) và trong *quan hệ* của chúng (*Beziehung*) thì chân lý mới được thực hiện.

thực của chúng, khái niệm mới được thực hiện. Cái đơn nhất cô lập không phù hợp với khái niệm của nó; tính hạn chế ấy của tồn tại hiện có của nó tạo thành tính có hạn của nó và là điều kiện của sự biến di của nó¹...

Toàn bộ của tất cả các mặt của hiện tượng, của cái hiện thực và của các quan hệ (lẫn nhau) của chúng — đó là những cái hợp thành chân lý. Những quan hệ (= chuyển hóa = mâu thuẫn) của những khái niệm = nội dung chủ yếu của lô-gích và những khái niệm ấy (và những quan hệ, chuyển hóa và mâu thuẫn của chúng) đều biểu hiện như là những phản ánh của thế giới khách quan. Biện chứng của sự vật sản sinh ra biện chứng của ý niệm, chứ không phải ngược lại.

Hê-ghen đã cảm thấy trước một cách tài tình biện chứng của sự vật (của những hiện tượng, của giới tự nhiên) trong biện chứng của khái niệm. #

Câu cách ngôn này nên được diễn đạt một cách dễ hiểu hơn, không dùng chữ biện chứng, thí dụ như: trong sự biến đổi, trong sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khái niệm, trong tính đồng nhất của các mặt đối lập của chúng, trong những chuyển hóa của một khái niệm này sang một khái niệm khác, trong sự biến đổi vĩnh viễn, trong sự vận động của những khái niệm, Hê-ghen đã cảm thấy trước một cách tài tình MỐI QUAN HỆ TUONG TỰ CỦA SỰ VẬT, CỦA GIỚI TỰ NHIÊN.

Chính là chỉ cảm thấy trước thôi, chỉ thể thôi.

1. Bản tiếng Nga : và dẫn tới sự diệt vong của nó. (N.D.)

=

sự phụ thuộc lẫn nhau của những khái niệm sự phụ thuộc của *tất cả* mọi khái niệm không trừ khái niệm nào, sự chuyển hóa của những khái niệm từ cái này sang cái kia sự chuyển hóa của *tất cả* mọi khái niệm không trừ khái niệm nào.

= C.Y.

Mỗi một khái niệm là nằm trong một *mối quan hệ* nào đó, trong một *mối liên hệ* nào đó với *tất cả* các khái niệm khác.

Phép
biện
chứng
là gì ?

tính tương đối của sự đối lập giữa các khái niệm...

tính đồng nhất của những đối lập giữa các khái niệm...

(§ 213) (386) «Người ta hiểu chân lý, trước tiên, là việc *biết* một sự vật nào đó *tồn tại* như thế nào. Nhưng đó mới chỉ là chân lý đối với ý thức, hoặc là chân lý hình thức, chỉ là sự chính xác mà thôi [*Richtigkeit*]. Nhưng chân lý, theo một ý nghĩa sâu sắc hơn, lại là ở chỗ: tính khách quan là đồng nhất với khái niệm»...

«Một người xấu là một người không chân thật, tức là một người không hành động theo khái niệm của mình hoặc không theo sứ mệnh của mình. Nhưng không có cái gì có thể tồn tại được mà lại hoàn toàn thiếu tính đồng nhất giữa khái niệm và hiện thực. Ngay như cái xấu và cái không chân thật cũng chỉ có thể *tồn tại* chừng nào mà hiện thực của chúng phù hợp bằng cách nào đó, trên một mức độ nào đó, với khái niệm của chúng»...

Sự khác
nhau giữa
tồn tại và
bản chất,
giữa khái
niệm và
tính khách
quan là
tương đối.

...«Phàm cái gì xứng đáng với tên gọi là triết học, thì bao giờ cũng lấy ý thức về sự thống nhất tuyệt đối của cái mà LÝ TRÍ CHỈ THỪA NHẬN TRONG SỰ PHÂN LY CỦA CÁI ĐÓ, làm cơ sở cho mình»...

«TRONG SỰ KHÁC KHAU CỦA CHÚNG, NHỮNG GIAI ĐOẠN CỦA TỒN TẠI VÀ CỦA BẢN CHẤT, cũng như những giai đoạn của khái niệm và của tính khách quan đã được nói đến trên kia, không phải là một cái ĐỨNG IM và TỰ ĐÓNG KÍN MÌNH LẠI, mà tỏ ra là biện chứng, và chân lý của chúng chỉ là ở chỗ CHÚNG ĐỀU LÀ NHỮNG VÒNG KHẤU CỦA Ý NIỆM.»

Tập VI, 388

Những vòng khâu của nhận thức (= của « Ý niệm ») của con người về giới tự nhiên, đó là những phạm trù lô-gích.

Tập VI, tr. 388 (§ 214):

«Có thể gọi Ý niệm là lý tính (đó là ý nghĩa thực sự triết học của lý tính), cũng có thể gọi là chủ thể-khách thể, là sự thống nhất của cái hiện thực và cái tinh thần, của cái có hạn và cái vô hạn, của linh hồn và thể xác; là tính khả năng chứa đựng hiện thực của mình¹ trong bản thân mình; là cái mà bản tính chỉ có thể được coi là đang tồn tại, v.v. — Tất cả những cách nói ấy đều là chính đáng cả, vì Ý niệm chứa đựng tất cả mọi quan hệ của lý trí, nhưng trong sự quay trở lại vô hạn của chúng và trong tính đồng nhất của chúng.»

(Ý niệm)
chân lý là
phổ biến

1. Tức của bản thân tính khả năng. (N.D.)

«Lý trí có thể dễ dàng vạch ra rằng tất cả cái gì đã nói về Ý niệm đều là *mâu thuẫn* nội tại. Nhưng người ta cũng có thể đối xử như vậy đối với những luận điểm của lý trí, hay nói đúng hơn, bản thân Ý niệm đã đối xử như vậy đối với lý trí; — đó là một công việc của lý tính, dĩ nhiên, không phải cũng dễ dàng như công việc của lý trí. — Nếu lý trí vạch ra rằng Ý niệm tự *mâu thuẫn* với mình, vì chẳng hạn cái chủ quan chỉ là chủ quan và cái khách quan là đối lập với cái chủ quan, rằng tồn tại là cái gì khác hẳn với khái niệm và do đó không thể phát sinh ra từ khái niệm được, rằng cái có hạn chỉ là có hạn và chính là cái đối lập hẳn với cái vô hạn, tức là không thể đồng nhất với cái vô hạn được, và cứ thế mà tiếp tục với tất cả mọi tính quy định, — thì lô-gích chứng minh điều ngược lại là cái chủ quan mà chỉ là chủ quan, cái có hạn mà chỉ là có hạn, cái vô hạn mà chỉ là vô hạn, v.v., thì không có chân lý, tự *mâu thuẫn* với mình, và chuyển thành mặt đối lập của mình; như vậy, sự chuyển hóa ấy và tính thống nhất trong đó bao hàm các cực với tính cách là những cái đã bị xóa bỏ, với tính cách là một bề ngoải nào đó, hoặc với tính cách là những vòng khâu, đều tỏ ra là chân lý của những cực ấy» [388].

«Khi lý trí hướng về ý niệm, thì nó rơi vào hai điều hiểu lầm. Thứ nhất, nó còn biểu những vẽ cực đoan của Ý niệm, — bất chấp cách biểu hiện các vẽ này là như thế nào đi nữa —, được xem xét trong sự thống

C.Y.

Những trừu tượng và tính «thống nhất cụ thể» của các đối lập.

Thí dụ rất
hay: đơn
giản nhất và
rõ ràng nhất

Biện chứng
của những
khái niệm và
những nguồn
gốc duy vật
của chúng

Phép biện
chứng không
ở trong lý
trí của con
người, mà ở
trong « ý
niệm », nghĩa
là trong thực
tại khách
quan.

« Sự sống
vĩnh viễn » =
phép biện
chứng

Ý niệm là
quá trình

nhất của Ý niệm, theo ý nghĩa và với tính
quy định là chúng không ở trong tính thống
nhất cụ thể của Ý niệm, mà vẫn còn là những
trừu tượng ở bên ngoài Ý niệm. Lý trí cũng
không biết mối quan hệ giữa các vế, ngay cả
khi mỗi quan hệ này đã được đặt ra một
cách rõ ràng; chẳng hạn, nó coi nhẹ ngay
cả **TÍNH CHẤT CỦA HỆ TỪ TRONG
PHÁN ĐOÁN**, hệ từ này chỉ rõ rằng **CÁI ĐƠN
NHẤT**, chủ từ, **CÙNG ĐỒNG THỜI LÀ
CÁI KHÔNG-ĐƠN NHẤT VÀ CÁI PHỔ
BIẾN** [389]. — Thứ hai là, lý trí coi sự phản
tư của nó, — theo phản tư này, Ý niệm
đồng nhất với bản thân nó chứa đựng
cái phủ định của chính nó, mâu thuẫn
của nó, — là một sự phản tư bên ngoài,
không nằm trong bản thân Ý niệm. Nhưng
thực ra, đây không phải là một trí tuệ
của lý trí, mà chính **BẢN THÂN Ý NIỆM
LÀ PHÉP BIỆN CHỨNG**, đã luôn luôn
tách rời và phân biệt cái đồng nhất với cái
khác nhau, cái chủ quan với cái khách quan,
cái có hạn với cái vô hạn, linh hồn với thể
xác — và cũng chỉ vì vậy mà Ý niệm là **SỰ
SÁNG TẠO VĨNH VIỄN, SỰ SỐNG
VĨNH VIỄN VÀ TÍNH THẦN VĨNH
VIỄN**....

C.Y.
cái
đơn
nhất,
cái
phổ
biến

VI. § 215, tr. 390:

« Thực chất, thì Ý niệm là quá trình,
vì tính đồng nhất của nó chỉ là tính đồng
nhất tuyệt đối và tự do của khái niệm, trong
chừng mực mà tính đồng nhất là tính phủ
định tuyệt đối, nghĩa là trong chừng mực nó
là biện chứng. »

Chính vì thế, chữ «thống nhất» của tồn tại và tư duy, của có hạn và vô hạn, v.v., là không đúng, vì nó thể hiện một «tính đồng nhất ở trạng thái đứng im». Không phải cái có hạn trung hòa («*neutralisiert*») một cách đơn giản cái vô hạn và ngược lại. Thật ra ở đây có quá trình.

Cái này
C.Y.

Nếu người ta tính... mỗi giây đồng hồ trên trái đất chết hơn mười người và một số lớn hơn được đẻ thêm. «Vận động» và «khoảnh khắc»: nắm lấy điều đó. Trong mỗi một khoảnh khắc nhất định... Nắm lấy khoảnh khắc đó. Trong vận động cơ học đơn giản cũng như vậy (chống Tséc-nốp).

«Ý niệm, với tư cách là quá trình, trải qua ba giai đoạn trong sự phát triển của nó. Hình thức thứ nhất của Ý niệm là Sự sống... Hình thức thứ hai... là... Ý niệm, với tư cách là Nhận thức biểu hiện trong hình thức phản đối của Ý niệm lý luận và Ý niệm thực tiễn. Kết quả của quá trình nhận thức là sự khôi phục lại tính thống nhất đã được sự khác nhau làm cho phong phú, và cái đó dẫn đến hình thức thứ ba, hình thức Ý niệm tuyệt đối»... (391).

Ý niệm, đó là «chân lý» (Tr. 385, § 213). Ý niệm, tức là chân lý với tư cách là quá trình, — vì chân lý là quá trình — trải qua, trong sự phát triển của nó, ba giai đoạn: 1^o sự sống; 2^o quá trình nhận thức bao hàm thực tiễn của con người và kỹ thuật (xem phần trên), — 3^o giai đoạn của Ý niệm tuyệt đối (tức là chân lý hoàn toàn).

Chân lý là quá trình. Từ ý niệm chủ quan người ta đi đến chân lý khách quan

đang « thực
tiễn » (và
kỹ thuật).

Sự sống sinh ra bộ óc. Giới tự
nhiên được phản ánh trong bộ óc
người. Trong khi kiểm nghiệm và áp
dụng sự chính xác của những phản
ánh ấy vào thực tiễn của mình và
trong kỹ thuật, con người đạt tới
chân lý khách quan.

LÔ-GÍCH HỌC. TẬP. II

Thiên thứ ba. Chương thứ nhất. *Sự sống.*

« Theo quan điểm thông thường của Lô-
gích » [469], thì trong Lô-gích không có chỗ
cho vấn đề *Sự sống*. Nhưng nếu đối tượng
của lô-gích là *Chân lý*, — mà « bản thân *Chân
lý*, về thực chất, là nằm trong *nhận thức* »,
thì phải nói đến nhận thức, mà đã nói đến
nhận thức thì tất nhiên cũng phải nói đến
Sự sống. [469]

Đôi khi, sau cái mệnh danh là « lô-gích
thuần túy », người ta còn đề lô-gích « ứng
dụng » (*angewandte*), nhưng thế thì...

Mọi Khoa
học đều
là lô-gích
ứng dụng

...« Như thế thì tất cả mọi khoa học đều
có thể nằm trong Lô-gích, vì mỗi khoa học là
lô-gích ứng dụng trong chừng mực đối tượng
của nó phải được nắm lấy dưới hình thức
khái niệm và tư duy. » [469]

Cái Ý kiến đưa *Sự sống* vào trong Lô-
gích là dễ hiểu... và thiên tài — theo quan
điểm *quá trình* phản ánh của thế giới
khách quan vào ý thức (trước hết là cá thể)
của con người và theo quan điểm sự kiểm
nghiệm ý thức ấy (phản ánh ấy) bằng thực
tiễn, xem :

...«Vây phân đoán đầu tiên về sự sống là ở chỗ, với tư cách chủ thể cá thể, sự sống tự tách mình khỏi cái khách quan»...
[472]

Sự sống = chủ thể cá thể tự tách mình khỏi cái khách quan

Triết học toàn thư § 216: chỉ có trong mỗi liên hệ giữa chúng với nhau thì những bộ phận riêng biệt của thân thể mới là những bộ phận của thân thể. Bàn tay tách rời thân thể chỉ là bàn tay trên danh nghĩa (A-ri-stốt).

Triết học toàn thư § 219:.... «Giới tự nhiên vô cơ bị sinh vật chinh phục phải chịu thất bại, vì giới tự nhiên vô cơ tự-nó và sự sống vì-nó là giống nhau.»

Lộn ngược lại = chủ nghĩa duy vật thuần túy. Tuyệt diệu, sâu sắc, đúng!! Và còn C.Y.: cái đó chứng minh sự đúng đắn VÔ CÙNG và sự chính xác của chữ «tự-nó» và «vì-nó»!!!

C.Y.

Nếu người ta nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể trong lô-gích, thì cũng cần chú ý tới những tiền đề chung của sự tồn tại của chủ thể cụ thể (= sự sống của con Người) trong hoàn cảnh khách quan.

Phần nhỏ: 1^o Sự sống, với tư cách là «cá thể sống» (§ A);

2^o «Quá trình sống»;

3^o «Quá trình của loài» (Gal-tung), của sự sinh sản của con người và sự quá độ đến nhận thức.

10 «Tĩnh Chỉnh thể chủ quan» và «tĩnh Khách quan» «bàng quan».

20 Thống nhất của chủ thể và khách thể.

...«Tĩnh khách quan ấy của sinh vật là cơ thể của nó; nó là phương tiện và công cụ dùng để thực hiện mục đích...» [476]

Hê-ghen và
trò chơi với
các «khái
niệm hữu
cơ»

Sau đó, «đem quy nhập» «tĩnh cảm giác» (*Sensibilität*), «tĩnh kích thích» (*Irritabilität*) — coi là cái đặc thù phân biệt với cái phổ biến!! — và «sự tái sinh sản» vào những phạm trù lô-gích, là một trò trống rỗng. Ông ta quên con đường nút; sự chuyển hóa đến một mặt khác của những hiện tượng tự nhiên.

V.v.. Đau đớn là một «tồn tại hiện thực» của mâu thuẫn trong cá thể sống. !!!

Hê-ghen
và
trò chơi
với cơ thể

Hay còn là: sự tái sản sinh của con người là sự «đồng nhất đã được thực hiện của chúng» (của hai cá thể khác giới tính), sự thống nhất phủ định của loài xuất phát từ sự phân chia của nó để tự phản xạ vào bản thân nó... [485]

Cái lỗ
bịch ở
Hê-ghen

LÔ-GÍCH HỌC. TẬP II.

Thiên thứ ba. Ý niệm.

Chương II. Ý niệm của nhận thức.
(Trang [487-547]).

Ý thức
chủ quan
và sự chìm
ngập của
nó vào tính
khách quan.

...«Chính tính hiện thực của nó (của khái niệm) nói chung là hình thức của tồn-tại-hiện-có của nó; và chính hình thức ấy là cái phải được quy định. Dựa trên hình thức này có sự khác nhau giữa tình hình là khái niệm là tự nó, hay là với tư cách là cái chủ quan, và tình

hình là nó chìm ngập vào trong tính khách quan, và sau đó chìm ngập trong Ý niệm của Sự sống.» [487]

? Chủ nghĩa thần bí!

...«Tinh thần không những chỉ vô cùng phong phú hơn giới tự nhiên, mà chính sự thống nhất tuyệt đối của những đối lập trong khái niệm là đặc trưng của chính bản tính của nó...» [488]

Chủ nghĩa thần bí

Hê-ghen phản đối Can-tơ

Ở Can-tơ cái «Tôi» biểu hiện ra là «chủ thể tiên nghiệm của tư tưởng» [489]; «đồng thời theo những danh từ của bản thân Can-tơ, thì cái «Tôi» này còn có một điều bất tiện là chúng ta đã bị bắt buộc phải dùng nó để phát biểu một phán đoán nào đó về nó»... [489]

? nghĩa là ở Can-tơ, cái «Tôi» là một hình thức trống rỗng («tự hút mình vào») không có một sự phân tích cụ thể quá trình nhận thức

([Trang 490])

«Trong sự phê phán của ông ta (phê phán của Can-tơ) về những tính quy định ấy» (tức là: những tính quy định phiến diện, trừu tượng của «chủ nghĩa siêu hình trước đây — trước Can-tơ» về «linh hồn»), «Can-tơ chỉ tỏ ra là hoài nghi theo kiểu Hi-um, tức là ông chỉ nắm lấy cái cách mà cái tôi xuất hiện trong ý thức, trong đó mọi yếu tố kinh nghiệm phải được loại trừ, nếu người ta muốn tìm hiểu bản chất của cái tôi, vật-tự-nó. Như vậy chỉ còn lại độc cái hiện tượng: tôi tư tưởng, hiện tượng này đi theo tất cả các biểu tượng và chúng ta không hiểu một tý gì về hiện tượng đó cả.» [490] # # #

C.Y.:

Can-tơ và Hi-um, những người theo thuyết hoài nghi

Hê-ghen
thấy chủ
nghĩa hoài
nghĩ của
Can-tơ và
Hi-um ở
đâu?

Rõ ràng ở đây Hê-ghen thấy chủ nghĩa hoài nghi ở chỗ Hi-um và Can-tơ không coi «hiện tượng» là vật-tự-nó đang *biểu hiện ra*, họ tách rời những hiện tượng khỏi chân lý khách quan, họ ngờ tính khách quan của nhận thức, họ tách (*weglassen*) mọi cái kinh nghiệm ra khỏi *Ding an sich*¹... và Hê-ghen tiếp:

Thoát ly
quá trình
tìm hiểu (nhận
thức, nghiên
cứu cụ thể, v.v.)
thì không thể
hiều được

#... «Điều chắc chắn là, chừng nào người ta chưa *lý giải* và người ta còn dừng lại ở *biểu tượng* đơn giản và cố định, và ở *tên gọi*, thì người ta không thể có bất cứ một quan niệm nào về cái tôi, hay là về bất cứ cái gì, hay là về ngay cả bản thân khái niệm.» [490]

Muốn hiểu biết thì phải bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu từ kinh nghiệm, từ kinh nghiệm mà đi đến cái chung. Muốn tập bơi, phải nhảy xuống nước.

Can-tơ tự
giới hạn ở
«hiện
tượng»

Chủ nghĩa siêu hình cũ, khi cố gắng tìm hiểu *chân lý*, đã chia các đối tượng, căn cứ vào tiêu chuẩn của chân lý, thành thực thể và hiện tượng [493]. Sự phê phán của Can-tơ đã *cực tuyệt* không nghiên cứu chân lý... «Nhưng nếu chỉ dừng lại ở những hiện tượng và ở cái thể hiện ra trong ý thức hàng ngày như là biểu tượng đơn giản, thì tức là cực tuyệt khái niệm và triết học.» [493]

§ A:

«*Ý niệm về chân lý*. Ý niệm chủ quan trước hết là *xu hướng*... xu hướng... nhằm thủ tiêu tính chủ quan của bản thân nó, biến

1. Vật-tự-nó. (N.D.)

hiện thực ban đầu còn trừu tượng của nó thành hiện thực cụ thể và làm cho hiện thực này có đầy nội *dạng* của thế giới mà tính chủ quan của nó dự phòng trước... Vì nhận thức là Ý niệm với tư cách là mục đích hay với tư cách là có tính chủ quan, nên sự phủ định của thế giới được dự phòng trước như là tồn-tại-tự-nó, là sự phủ định đầu tiên.*
[499]

nghĩa là giai đoạn đầu tiên, vòng khâu, bước đầu, khởi đầu của nhận thức là tính hữu hạn (*Endlichkeit*) của nó và tính chủ quan của nó, sự phủ định của thế-giới-tự-nó, — mục đích của nhận thức thì lúc đầu là có tính chất chủ quan...

Hê-ghen phản đối Can-tơ:

«Điều kỳ quái: người ta (rõ ràng là Can-tơ) ngày nay vẫn giữ lại tính hữu hạn đó, bằng cách coi nó là mối quan hệ *tuyệt đối* của nhận thức, tựa hồ như bản thân cái hữu hạn có thể là *tuyệt đối*! Chính đứng trên quan điểm này, mà người ta đã ghép thêm vào các đối tượng một *vật-tự-nó*, một cái không thể biết tựa hồ ở *đằng sau* nhận thức, và người ta đã coi vật-tự-nó ấy, và do đó, coi chân lý, là một *cái-ở-bên-kia* *tuyệt đối* so với nhận thức. Do đó, những quy định của tư duy nói chung, những phạm trù những quy luật phân tư, cũng như khái niệm hình thức và các vòng khâu của nó, có một ý nghĩa là chúng sẽ không phải là những quy định có hạn tự-nó-và-vì-nó, mà sẽ là một cái chủ quan so với *vật-tự-nó* trống rỗng ấy. Coi cái không-chân-lý ấy của nhận thức là điều kiện của chân lý của nhận thức, đó là sai lầm đã trở thành ý kiến chung ngày nay.» [500]

Can-tơ đã nâng một trong các mặt lên thành *tuyệt đối*

Ở Can-tơ vật tự nó là một cái «*ở-bên-kia*» *tuyệt đối*

Chủ nghĩa chủ quan của Can-tơ

Tính chất co hạn, tạm thời, tương đối, có điều kiện của nhận thức của con người (của các phạm trù của nó, tính nhân quả, v.v.) đã bị Can-tơ coi là *chủ nghĩa chủ quan*, mà không coi là biện chứng của Ý niệm (= bản thân giới tự nhiên) và ông ta đã tách nhận thức ra khỏi khách thể.

Nhưng
tiến trình
của nhận thức
dẫn nhận thức
đến chân lý
khách quan

...« Nhưng nhận thức phải khắc phục được tính hữu hạn của nó, và do đó khắc phục mâu thuẫn của nó, bằng chính sự vận động tự thân của nó. » [500]

Hê-ghen
phản đối
chủ nghĩa
duy tâm
chủ quan
và « chủ
nghĩa hiện
thực »

...« Ý kiến cho rằng phân tích là tìm lại trong đối tượng cái mà người ta đã đặt vào đấy là ý kiến cũng phiến diện như ý kiến cho rằng những quy định mà người ta có, sẽ có thể nói là được *rút ra* từ đối tượng. Ai cũng biết ý kiến thứ nhất là ý kiến của chủ nghĩa duy tâm chủ quan là chủ nghĩa coi hoạt động của nhận thức trong phân tích, hoàn toàn chỉ là một *giả định* phiến diện, ở-bên-kia giả định đó ẩn nấp *vật-tự-nó*; ý kiến thứ hai là ý kiến của cái mà người ta gọi là chủ nghĩa hiện thực là chủ nghĩa thấy khái niệm chủ quan là một sự đồng nhất trống rỗng, sự đồng nhất này sẽ tiếp thu những quy định tư tưởng của nó *từ bên ngoài*. » [503]

Tính khách
quan của
Lô-gích

...« Nhưng hai vòng khâu ấy không tách rời nhau được. Dưới hình thức trừu tượng của nó, như sự phân tích đã nêu lên, thì cố nhiên, cái lô-gích chỉ có-thể tồn tại trong nhận thức, cũng như ngược lại, nó không phải chỉ là một cái được *thiết định* (giả định) mà cũng là một *tồn-tại-tự-nó*. » [504]

Các khái niệm lô-gích đều là chủ quan, chừng nào chúng còn là «trừu tượng», còn ở dưới hình thức trừu tượng của chúng, nhưng đồng thời chúng cũng biểu hiện những vật-tự-nó. Giới tự nhiên thì vừa là cụ thể vừa là trừu tượng, nó là hiện tượng và bản chất, vòng khâu và quan hệ. Những khái niệm của con người là chủ quan trong tính trừu tượng của chúng, trong sự tách rời của chúng, nhưng là khách quan trong chính thể, trong quá trình, trong toàn bộ, trong khuynh hướng, trong nguồn gốc của chúng.

Rất hay, § 225 *Triết học toàn thư*, trong đó «nhận thức» («lý luận») và «ý chí», «hoạt động thực tiễn», đã được trình bày như hai mặt, hai phương pháp, hai thủ đoạn đề tiêu diệt «tính phiến diện» của tính khách quan và của tính chủ quan.

Và dưới đó [tr. 504], rất quan trọng về sự chuyển hóa của những phạm trù từ cái này sang cái khác (và phản đối Can-tơ [tr. 505]).

C.Y.

LÔ-GÍCH HỌC, Tập II, [tr. 505] (hết).

...«Can-tơ... coi... mỗi liên hệ xác định, những khái niệm biểu hiện bản thân những quan hệ và những nguyên lý tổng hợp của Lô-gích hình thức là những cái hiện-có; việc suy diễn chúng đáng lẽ phải là SỰ MIÊU TẢ SỰ CHUYỂN HÓA từ tính thống nhất đơn giản ấy của tự-y-thức sang những quy định và những sự khác nhau ấy của tính thống nhất ấy; nhưng Can-tơ không chịu khó vạch ra cho chúng ta thấy sự TIẾN TRIỂN thật sự tổng hợp ấy, sự SÁN SINH ẤY RA KHÁI NIỆM BỞI CHÍNH BẢN THÂN KHÁI NIỆM đã được tiến hành như thế nào.» [505]

Can-tơ đã không vạch rõ sự chuyển hóa của các phạm trù từ cái này sang cái kia.

[509] — Một lần nữa, trở lại toán học cao cấp (nhân tiện tỏ ra mình biết cách Gớt-xơ giải phương trình $X^m - I = 0$). Hê-ghen, một lần nữa, lại nói đến vấn đề tính vi phân và tích phân, và nói rằng :

«Toán học... cho đến nay, vẫn chưa chứng minh được bằng bản thân mình, nghĩa là một cách toán học, những phép tính dựa trên cơ sở sự chuyển hóa đó, và như vậy là vì sự chuyển hóa đó không có tính chất toán học.» *Lêp-nit-xơ*, người mà người ta cho là đã có công sáng tạo ra phép tính vi phân, đã thực hiện sự chuyển hóa đó một cách không thỏa đáng nhất, một cách ít có tính chất khái niệm cũng như ít có tính chất toán học nhất...» [510]

«Nhận thức phân tích là tiền đề đầu tiên của mọi suy lý : đó là quan hệ trực tiếp của khái niệm và khách thể; do đó, tính đồng nhất, là tính quy định mà nhận thức ấy thừa nhận là của nó, và nhận thức đó chỉ là sự nắm được cái đang tồn tại. Nhận thức tổng hợp tìm cách hiểu cái đang tồn tại, tức là nắm được tính nhiều vẻ của những tính quy định trong sự thống nhất của chúng. Vì vậy, nó là tiền đề thứ hai của suy lý : tiền đề mà trong đó những sự khác nhau liên hệ với nhau, với tư cách là những sự khác nhau. Do đó, tính tất nhiên nói chung là mục đích của nhận thức đó.» [511]

Về vấn đề phương pháp của một số khoa học (như vật lý học chẳng hạn) đã dùng tất cả mọi thứ « lực » v.v., để « giải thích », và đã cố gò (bắt buộc), cố kéo những sự thực, v.v..

về mình, thì Hè-ghen đã nhận xét một cách thông minh như sau :

«Cái mệnh danh là sự giải thích, và sự chứng minh tài liệu cụ thể trong các định lý, biểu lộ ra một phần như là một lối nói trùng ý, một phần như là một sự xuyên tạc mối quan hệ thật sự, hay còn như là việc dùng sự xuyên tạc này để che dấu sự lừa dối của nhận thức: sau khi đã chọn lấy kinh nghiệm một cách phiến diện, kinh nghiệm này — chỉ riêng kinh nghiệm này mới — khiến cho nhận thức đạt được đến những định nghĩa và nguyên lý, nhận thức liền bác bỏ những ý kiến phản đối rút ra từ kinh nghiệm, bằng cách viện lý rằng nó đã thừa nhận kinh nghiệm ấy, không phải trong chính thể cụ thể của kinh nghiệm ấy, mà chỉ là để làm thí dụ, vì nó đã xét thấy rằng kinh nghiệm này có thể chứng minh được những giả thuyết và những lý luận. Do sự phụ thuộc ấy của kinh nghiệm cụ thể vào những quy định đã giả thiết, nên những cơ sở mà lý luận đã dựa vào, trở thành mơ hồ và chỉ được trình bày theo khía cạnh hợp với lý luận.» [537]

Thí dụ :

vênh vang một cách lỗ bịch bằng những cái tầm thường, v.v..

Can-tơ và *Gia-cô-bi* đã vứt bỏ chủ nghĩa siêu hình cũ (chủ nghĩa siêu hình của *Vôn-phơ* chẳng hạn). *Can-tơ* đã vạch ra rằng những «chứng minh chặt chẽ» dẫn đến những *antinômi* [538], «nhưng *Can-tơ* không nghĩ đến chính ngay bản tính của phương thức chứng minh ấy áp dụng cho một nội dung có hạn; thế mà cái này phải sụp đổ cùng với cái kia». [538-539]

Đặc biệt
đúng và
sâu sắc

(xem :
Kinh tế
chính trị
học của
giai cấp
tư sản)

Chống chủ
nghĩa chủ
quan và tính
phiến diện.

nghĩa là
Can-tơ
không hiểu
quy luật
phồn biến
của biện
chứng của
cái « có
hạn » ?

Nhận thức tổng hợp là chưa đầy đủ, vì khái niệm không thực hiện tính thống nhất riêng của nó với bản thân nó, trong đối tượng hoặc trong hiện thực của nó... Cho nên, trong nhận thức mà chúng ta nói tới, Ý niệm không đạt tới chân lý vì đối tượng không phù hợp với khái niệm chủ quan. Nhưng phạm vi của tính tất yếu là đỉnh cao nhất của Tồn tại và của Phản-tự; tự-nó-và-vì-chính-nó, tính tất yếu chuyển hóa thành tự do của khái niệm, tính đồng nhất bên trong trở thành sự thể hiện của nó, sự thể hiện này không phải là cái gì khác mà là khái niệm với tư cách là khái niệm... [540]

...« Ý niệm, trong chừng mực khái niệm được quy định tự-nó-và-vì-nó, là Ý niệm thực tiễn, Hành động. » [541] Và § tiếp theo có đầu đề là: « B: Ý niệm về Thiện ».

Hê-ghen về vấn đề thực tiễn và tính khách quan của nhận thức.

Nhận thức lý luận phải trình bày khách thể trong tính tất yếu của nó, trong những quan hệ phổ biến của nó, trong sự vận động mâu thuẫn của nó, *an-und für-sich*¹. Nhưng khái niệm của người ta nắm « hản » lấy cái chân lý khách quan ấy của nhận thức, nó chỉ nắm lấy và chiếm lấy chân lý khách quan ấy khi khái niệm trở thành « tồn-tại-vì-nó », theo ý nghĩa thực tiễn. Nghĩa là thực tiễn của con người và của loài người là sự kiểm nghiệm, là tiêu chuẩn của tính khách quan của nhận thức. Phải chăng đó đúng là tư tưởng của Hê-ghen? Cần trở lại vấn đề này.

1. Tự-nó và vì-nó. (B.T.)

Như vậy tại sao từ thực tiễn, từ hành động, chỉ hướng tới « cái Thiện », *das Gute* mà chuyển hóa? Như thế là hẹp hòi, phiến diện! Còn cái *Có ích*?

Chắc chắn là ở đây, cũng có cái có ích, Hay đối với Hê-ghen, cái có ích cũng là « cái Thiện »?

Tất cả cái đó là ở trong chương « Ý niệm của Nhận thức » (chương II) — trong sự chuyển hóa sang « Ý niệm Tuyệt đối » (Chương III) — nghĩa là không còn nghi ngờ gì nữa, đối với Hê-ghen, thực tiễn là một mắt khâu trong sự phân tích của quá trình nhận thức, và nhất là với tính cách là sự chuyển hóa sang chân lý khách quan (« tuyệt đối » đối với Hê-ghen). Như vậy, khi đưa tiêu chuẩn thực tiễn vào nhận thức luận, Mác đã trực tiếp gần với Hê-ghen : xem những luận cương về Phơ-bách.

Thực tiễn trong nhận thức luận [541]

« Với tư cách là chủ quan, nó (khái niệm) có tiền đề là một tồn tại-khác tự nó ; nó là *khuy nh hướng* tự mình thực hiện mình, nó là cái mục đích tự mình cho mình một tính khách quan trong

Alias¹: ý thức con người không phải chỉ phản ánh thế giới khách quan, mà còn tạo ra thế giới khách quan.

Khái niệm (= con người), với tư cách là chủ quan, lại coi cái tồn tại-khác tồn tại tự nó (giới tự nhiên độc lập đối với người) làm tiền đề. Khái niệm ấy (= con người) là *nguyện vọng muốn*

¹ Nói một cách khác. (B.T.)

thế giới khách quan và tìm cách tự thực hiện mình. Trong ý niệm lý luận, khái niệm chủ quan, với tư cách là cái phổ biến, nghĩa là cái không bị quy định tự nó và vì nó, đứng trước thế giới khách quan, mà nó mượn được nội dung của nó và phương tiện cho sự hoàn thành của nó. Nhưng trong Ý niệm thực tiễn, nó là một cái Hiện thực đứng trước một cái Hiện thực khác; sự tự tin cho rằng chủ thể có trong tồn-tại-quy-định tự-nó-và-vì-nó của nó là một sự tin tưởng về tính hiện thực của bản thân nó và tính *phi hiện thực* của thế giới;...

...

...Tính quy định ấy, gắn liền với khái niệm, ngang với khái niệm và bao hàm trong nó yêu cầu của hiện

tự thực hiện, tự cho mình một tính khách quan trong thế giới khách quan và tự thực hiện (tự hoàn thành).

Trong ý niệm lý luận (trong lĩnh vực lý luận), khái niệm chủ quan (nhận thức?) coi là phổ biến và tự nó không có quy định, đứng đối lập với thế giới khách quan, trong đó nó lấy một nội dung nhất định và một thực thể nhất định.

Trong ý niệm thực tiễn (trong lĩnh vực thực tiễn), khái niệm ấy với tư cách là hiện thực (có tác dụng?) đứng đối lập với hiện thực.

Niềm tự tin rằng chủ thể [[ở đây đột nhiên thay cho «khái niệm»]] có trong cái tồn tại tự-nó-và-vì-nó của nó, với tư cách là chủ thể quy định, là sự tin tưởng về tính hiện thực của bản thân nó và tính *phi hiện thực* của thế giới.

Nghĩa là thế giới không thỏa mãn con người và con người quyết định biến đổi thế giới bằng hành động của mình.

Thực chất của vấn đề:

«Thiện» là một «yêu cầu của hiện thực bên ngoài», nghĩa là người ta hiểu «thiện»

thực cá biệt bên ngoài, là *Thiện*. *Thiện* xuất hiện với ưu điểm của cái Tuyệt đối, vì nó là chính thể của khái niệm tự nó, là cái khách quan, cái khách quan này đồng thời có hình thức của tính thống nhất tự do và tính chủ quan. Ý niệm ấy CAO HƠN Ý NIỆM VỀ NHẬN THỨC MÀ CHÚNG TA VỪA XÉT TỚI, vì nó có ưu điểm không những của cái phổ biến, mà cả của cái HIỆN THỰC ĐƠN THUẦN [541-42]...

...«Do đó, hoạt động của mục đích không hướng vào bản thân nó, đề tiếp thụ vào bản thân nó, và chiếm lấy một quy định nào đó, nhưng đúng hơn là nhằm thiết định sự quy định của chính nó và tự cho nó tính hiện thực dưới hình thức một tính hiện thực bên ngoài, thông qua sự tước bỏ những quy định của thế giới bên ngoài» [542]...

...

...«Cái *Thiện* đã được thực hiện là một cái *Thiện*, vì nó đã là như vậy trong mục đích chủ quan, trong Ý niệm của nó; sự thực hiện đem lại cho nó một tồn-tại-hiện-có bên ngoài... [543]

«Bản thân sự thực hiện cái *Thiện* cũng vấp phải những trở ngại, thậm chí vấp phải những cái không thể làm được, do thế giới

là *thực tiễn* của con người = yêu cầu(1) cũng là của hiện thực bên ngoài(2).

THỰC TIỄN CAO HƠN NHẬN THỨC (LÝ LUẬN), vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến, mà còn của tính hiện thực trực tiếp.

«Hoạt động của mục đích không hướng vào bản thân nó...

nhưng đề thủ tiêu một số (mặt, hiện tượng, đặc trưng) nhất định nào đó của thế giới bên ngoài, nó tìm cách tự cho nó một tính hiện thực dưới hình thức tính hiện thực bên ngoài»...

bên ngoài gây ra, mà thế giới bên ngoài này lại là tiền đề của tính chủ quan và tính có hạn của cái Thiện, VÀ ĐI THEO MỘT TIẾN TRÌNH KHÁC, QUA NHỮNG CON ĐƯỜNG CỦA RIÊNG CỦA NÓ... + [543]

C.Y.

« Thế giới khách quan » « đi theo con đường riêng của nó » và thực tiễn của con người, đứng trước thế giới khách quan ấy, gặp phải những « trở ngại trong sự thực hiện » mục đích và thậm chí vấp phải những « cái không thể làm được »....

C.Y.

+ « Như vậy, Thiện vẫn là một cái *phải-tồn-tại* ; nó là Thiện tự-nó-và-vì-nó, nhưng Tồn tại, với tư cách là tính trực tiếp cuối cùng và trừu tượng, cũng được quy định, đối lập với Thiện như là một cái không-tồn-tại... [543] + +

Cái Thiện, cái Tốt, những nguyên vọng thành kính, vẫn là một cái **PHẢI-CÓ CỐ TÍNH CHẤT CHỦ QUAN...**

Hai thế giới :
chủ quan
và khách
quan.

+ + « Ý niệm về cái Thiện đã được thực hiện cố nhiên là một định lý tuyệt đối, nhưng chỉ là một định lý, nghĩa là cái Tuyệt đối, có in dấu của TÍNH QUY ĐỊNH CỦA TÍNH CHỦ QUAN. HAI THẾ GIỚI CÒN DỪNG ĐỐI LẬP cái nọ với cái kia ; thế giới này là thế giới của tính chủ quan, nằm trong những không gian thuần túy của tư duy trong suốt ; thế giới kia là thế giới của tính KHÁCH QUAN mà yếu tố là tính hiện thực *nuôn hình bên ngoài*, tính hiện thực này là vương quốc đóng kín của bóng tối. Chúng tôi đã theo sát, trong *Hiện tượng học của Tinh thần* của chúng tôi, sự hình thành đầy đủ của mâu thuẫn không giải quyết được đó, của mục đích tuyệt

đối đó, đối lập một cách không điều hòa với mục đích này là giới hạn của tính hiện thực đó, tr. 453, và một số trang sau...» [543-44]

Trò cười về những «không gian thuần túy của tư duy trong suốt» trong vương quốc của tính chủ quan, đối lập với tính chủ quan này là những «bóng tối» của hiện thực «khách quan», «muôn hình».

C.Y.

...[544] «Trong cái sau (ý niệm lý luận phân biệt với ý niệm thực tiễn)... nhận thức chỉ tự biết mình là sự linh hội, là sự đồng nhất không xác định, của khái niệm với bản thân nó; đối với ý niệm lý luận thì sự hoàn thành nghĩa là tính khách quan được quy định tự-nó-và-vì-nó là một *tồn-tại-hiện-có*, còn cái gì là *thực sự tồn tại* thì đó là HIỆN THỰC ĐANG TỒN TẠI ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỊNH LÝ CHỦ QUAN. Đối với Ý niệm thực tiễn, cái hiện thực đồng thời đối lập với nó như một hàng rào không thể vượt qua được, thì tự-nó-và-vì-nó không có giá trị gì cả; đối với Ý niệm thực tiễn, hiện thực ấy là cái chỉ có thể tiếp nhận sự quy định thật sự của nó và giá trị duy nhất của nó từ những mục đích của cái Thiện. Vì vậy ý chí CHỈ ĐỐI LẬP VỚI SỰ THỰC HIỆN MỤC ĐÍCH CỦA CÁI THIỆN TRONG CHỪNG MỤC NÓ TÁCH KHỎI SỰ NHẬN THỨC VÀ TRONG CHỪNG MỤC NÓ KHÔNG THỪA NHẬN LÀ HIỆN THỰC BÊN NGOÀI CÓ ƯU ĐIỂM CỦA TỒN TẠI CHÂN THỰC¹; vì vậy, Ý

1. Bản tiếng Nga : Cho nên bản thân ý chí sở dĩ đối lập với sự thành đạt của mục đích của mình, là vì ý chí tách khỏi nhận thức, vì hiện thực bên ngoài không duy trì cho nó hình thức của cái tồn tại chân thực. (N.D.)

niệm về Thiện phải được bổ sung bằng Ý niệm về Chân lý.» [544]

Chú ý

Nhận thức... thấy trước mặt nó cái tồn tại chân thực như là một hiện thực hiện có độc lập đối với những ý kiến chủ quan (*Setzen*¹). (Đó là chủ nghĩa duy vật thuần túy!) Bản thân ý chí của con người, thực tiễn của con người, đối lập với sự thực hiện của mục đích của con người... do chỗ chúng tách rời khỏi nhận thức và không thừa nhận hiện thực bên ngoài là tồn tại chân thực (chân lý khách quan). Phải có sự *thống nhất giữa thực tiễn và nhận thức*.

Và liền sau đó :

...« Ý niệm về thiện thông qua bản thân nó đề thực hiện sự chuyển hóa đó (sự chuyển hóa của ý niệm về chân lý sang ý niệm về thiện, của lý luận sang thực tiễn và ngược lại). Trong suy lý của hành động, một trong những tiền đề là quan hệ trực tiếp giữa *mục đích lối với cái hiện thực* mà mục đích nắm được và chi phối, trong tiền đề thứ hai, như một *thủ đoạn BÊN NGOÀI* chống lại hiện thực bên ngoài.» [544-45]

C.Y.

« Suy lý của hành động »... Đối với Hê-ghen, hành động, thực tiễn là một « *suy lý* » lô-gích, một cách lô-gích. Và đúng như vậy! Tất nhiên, không phải theo nghĩa là cái tồn-tại-khác của cách lô-gích là thực tiễn của con người (= chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối), nhưng *vice versa*², theo nghĩa là thực tiễn của con người lặp đi lặp lại

1. Thiết tưởng. (N.D.)

2. Ngược lại. (N.D.)

hàng nghìn triệu lần được in vào ý thức thành những cách lô-gích. Những cách này có tính vững chắc của một thiên kiến và một tính chất công lý, chính vì (và chỉ vì) sự lặp đi lặp lại nhiều lần ấy.

Tiền đề Số 1 : một *mục đích tối* (mục đích chủ quan) *versus*¹ *hiện thực* («hiện thực bên ngoài»)

Tiền đề Số 2 : *thủ đoạn bên ngoài* (công cụ), (khách quan) và

Tiền đề Số 3 : hoặc kết luận : sự nhất trí giữa chủ thể và khách thể, sự kiểm nghiệm những ý niệm chủ quan, tiêu chuẩn của chân lý khách quan.

C.Y.

...«Sự hoàn thành của Thiện, bắt chấp một hiện thực khác đứng trước nó, là sự trung gian hoàn toàn cần thiết đối với mối quan hệ trực tiếp của Thiện và đề cho bản thân nó trở thành một hiện thực...» [545]

...«Nếu do đó (do sự hoạt động), mà mục đích của Thiện chưa được thực hiện, thì đó là vì khái niệm đã dật lùi trở về vị trí trước lúc nó hoạt động, vị trí của một hiện thực được quy định là có một giá trị hư không, nhưng lại được giả thiết là hiện thực, sự dật lùi đó trở thành một sự tiến triển đến tính Vô hạn xấu ; sở dĩ có tình hình đó là vì : tiếp theo ngay sự thủ tiêu cái hiện thực trừu tượng ấy là sự lãng quên sự thủ tiêu ; hoặc là người ta quên rằng hiện thực ấy đã được giả thiết không phải là một hiện thực khách quan mà là một cái hư không tự-nó-và-vì-nó.» [545-546]

1. Quan hệ với. (N.D.)

Sự không hoàn thành những mục đích (của hoạt động của con người) có nguyên nhân (*Grund*) là người ta coi hiện thực là cái không-tồn-tại (*nichtig*) là người ta không thừa nhận nó (hiện thực) như là hiện thực khách quan.

C.Y.

« Vì hoạt động của khái niệm khách quan làm biến đổi hiện thực và do đó, thủ tiêu tính quy định của hiện thực, nên hiện thực mất tính chất bề ngoài đơn thuần của nó, mất tính quy định bên ngoài và tính hư không của nó, và do đó, được thiết định như là tồn-tại-tự-nó-và-vì-nó... [546] +

Hoạt động của con người tự tạo cho mình một hình ảnh khách quan về thế giới, biến đổi hiện thực bên ngoài, thủ tiêu tính quy định của hiện thực này (= biến đổi mặt này hay mặt khác, tính chất này hay tính chất khác của hiện thực), và do đó lấy mất của nó những đặc trưng bề ngoài, bên ngoài và hư không, làm cho nó trở thành cái tồn tại tự-nó-và-vì-nó (= chân lý khách quan).

C.Y.

C.Y.

+ ...« Do đó mà sự giả định nói chung, tức là sự quy định của Thiện coi là của một mục đích THUẦN TÚY CHỦ QUAN và có một nội dung có hạn bị thủ tiêu, cũng như tính tất yếu phải thực hiện mục đích này bằng hoạt động chủ quan, và bản thân hoạt động này đều cũng bị thủ tiêu. KẾT QUẢ, chính bản thân sự trung gian tự thủ tiêu mình; đây là một tính trực tiếp, biểu hiện không phải sự khôi phục của giả định, mà biểu hiện sự biến đi của nó, Như vậy là Ý niệm của khái niệm xác

định tự-nó-và-vì-nó đã được thiết định, và thiết định KHÔNG PHẢI CHỈ TRONG CHỦ THỂ HOẠT ĐỘNG, mà còn như là một hiện thực trực tiếp; hiện thực này, đến lượt nó, đúng như là nó tồn tại TRONG NHẬN THỨC, được thiết định như là TÍNH CHỦ QUAN ĐÁNG THỰC SỰ «TỒN TẠI».» [546-47]

Kết quả của hoạt động là sự kiểm nghiệm nhận thức chủ quan và là tiêu chuẩn của tính khách quan chân chính.

...«Trong kết quả ấy, nhận thức được khôi phục lại và KẾT HỢP VỚI Ý NIỆM THỰC TIỄN; hiện thực đã được tìm thấy trước, đồng thời được quy định như là mục đích đã hoàn thành; nhưng được quy định không giống như trong nhận-thức đang tìm-tòi, với tư cách là thể giới khách quan, không có tính chủ quan của khái niệm, mà với tư cách là thể giới khách quan, mà khái niệm là cơ sở bên trong và sự tồn tại hiện thực của thể giới này. Đây là Ý niệm Tuyệt đối.» [547] ((Cuối chương II, chuyển sang chương III: «Ý niệm Tuyệt đối»)).

Chương III: «Ý niệm tuyệt đối.»

«... Ý niệm Tuyệt đối là, như chúng ta vừa thấy, sự đồng nhất của ý niệm thực tiễn và ý niệm lý luận, trong đó mỗi cái hãy còn phiến diện...» [549]

Sự thống nhất của ý niệm lý luận (của nhận thức) và của thực tiễn — cái này C.Y. — và sự thống nhất ấy chính là ở trong nhận thức luận, vì kết quả người ta rút ra được là «Ý niệm tuyệt đối» (và ý niệm = «Chân lý khách quan») [461].

Bây giờ vấn đề còn phải xét không phải là nội dung mà là... «tính phổ biến của hình thức của nó — nghĩa là *phương pháp*» [551].

«Trong nhận-thức-tìm-tòi, phương pháp cũng được thiết định như là *công cụ*, như là thủ đoạn thuộc về chủ quan, nhưng lại quan hệ với khách thể... Trái lại, trong sự nhận thức thật sự phương pháp không phải chỉ bao gồm một số lớn những quy định nào đó, mà còn bao gồm cả cái tồn-tại-xác-dịnh tự-nó-và-vì-nó của khái niệm là cái sở dĩ là trung gian (vẽ giữa trong cách lô-gích của suy lý) chỉ là vì nó đồng thời cũng có ý nghĩa của cái khách quan...» [553]

«... Trái lại phương pháp tuyệt đối (tức là phương pháp nhận thức chân lý khách quan), đáng lẽ phải xuất hiện như phản tư bên ngoài, thì lại lấy cái chính xác và cái quy định ngay trong bản thân đối tượng của nó mà bản thân phương pháp lại là linh hồn và nguyên lý bên trong của đối tượng. Chính, cái đó là cái mà *Pơ-la-tông* đòi hỏi ở nhận thức: *các sự vật phải được xem xét tự-nó-và vì nó* một mặt phải được xem xét trong tính phổ biến của nó, mặt khác cũng không được xa rời sự vật, không được nắm lấy những thí dụ, những điều kiện, những sự so sánh thứ yếu; nhưng bao giờ cũng phải có các sự vật ấy trước mặt và tự mình có ý thức về cái gì là cái bên trong của chúng...» [557]

Phương pháp ấy của «nhận thức tuyệt đối» là có tính chất phân tích... «nhưng đồng thời nó cũng có tính chất tổng hợp» [557].

~ Vòng khâu vừa có tính chất tổng hợp vừa có tính chất phân tích ấy của *phân đoán* — theo đó cái phổ biến đầu tiên tự quy định bản thân nó như là cái khác của bản thân nó — có thể gọi là *phép biện chứng* (+ xem tr. sau).

Một trong những định nghĩa của *phép biện chứng*.

~ Cái vòng khâu vừa có tính chất tổng hợp vừa có tính chất phân tích ấy của *phân đoán*, theo đó (vòng khâu) cái phổ biến đầu tiên [khái niệm phổ biến] tự quy định bản thân nó như là cái khác của bản thân nó, có thể gọi là *phép biện chứng*.

Định nghĩa này không phải là trong những định nghĩa rõ ràng nhất!!!

1° Định nghĩa của khái niệm từ bản thân khái niệm [*bản thân* sự vật phải được xem xét trong những liên hệ của nó và trong sự phát triển của nó];

2° mâu thuẫn trong bản thân sự vật (*das Andere seiner*¹⁾), những lực lượng và những khuynh hướng mâu thuẫn trong mỗi hiện tượng;

3° sự thống nhất của phân tích và tổng hợp.

Đại khái, đó là những nhân tố của phép biện chứng.

Cũng có thể trình bày các yếu tố ấy một cách chi tiết hơn như sau:

1° *Tính khách quan* của sự quan sát (không phải thí dụ, không phải dài dòng, mà bản thân sự vật);

2° toàn bộ những *quan hệ* muôn vẻ của sự vật ấy với những sự vật khác;

Những yếu tố của phép biện chứng.
X.

1. Cái khác của bản thân nó. (B.T.)

#

3⁰ sự *phát triển* của sự vật ấy (hay hiện tượng), sự vận động của nó, đời sống của nó;

4⁰ những *khuy nh hướng* (và những mặt) mâu thuẫn bên trong của sự vật ấy;

5⁰ sự vật (hiện tượng, v.v.) coi là tổng số và sự *thống nhất* của các mặt đối lập;

6⁰ sự *đấu tranh*, *respective*¹ sự *triển khai* của các mặt đối lập ấy, mâu thuẫn của những *khuy nh hướng*, v.v.

7⁰ sự *thống nhất* của phân tích và tổng hợp, — sự phân tích những bộ phận riêng biệt và toàn bộ, tổng của những bộ phận ấy;

8⁰ những quan hệ của mỗi sự vật (hiện tượng, v.v.), không những là muôn mặt, mà còn là *phô biến*. Mỗi sự vật (hiện tượng, quá trình, v.v.) đều liên hệ với mỗi sự vật khác;

9⁰ không phải chỉ là sự *thống nhất* của các mặt đối lập, mà còn là những *chuyển hóa của MỖI* tính quy định, chất, đặc trưng, mặt, đặc tính, sang mỗi cái khác, [sang cái đối lập với nó?];

10⁰ quá trình vô hạn của việc tìm ra những mặt *mới*, những quan hệ *mới*;

11⁰ quá trình vô hạn của sự đi sâu của nhận thức của con người về các sự vật, hiện tượng, quá trình, v.v. nhận thức đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn;

12⁰ từ sự cùng tồn tại đến tính nhân quả và từ một hình thức liên hệ và phụ thuộc này đến một hình thức khác, sâu sắc hơn, *phô biến* hơn;

13⁰ sự lặp lại, ở giai đoạn cao, của một số đặc trưng, đặc tính, v.v. của giai đoạn thấp và

1. Hoặc là. (N.D.)

14^o sự quay trở lại cái cũ (phủ định
của phủ định);

15^o đấu tranh của nội dung với hình thức
và ngược lại. Vứt bỏ hình thức, cái tạo nội
dung;

16^o sự chuyển hóa từ lượng sang chất và
vice versa

((15^o và 16^o là những thí dụ của 9^o))

Người ta có thể định nghĩa vắn tắt
phép biện chứng là lý luận về sự thống
nhất của các mặt đối lập. Như thế người
ta sẽ nắm được hạt nhân của phép biện
chứng; nhưng điều đó đòi hỏi phải có
những sự giải thích và một sự phát triển
thêm.

+ (tiếp theo. Xem tr. trước.)

«... Phép biện chứng là một những khoa
học cũ mà chủ nghĩa siêu hình¹ hiện đại,
cũng như triết học thường lưu hành của
người xưa cũng như của người nay, thường
ít biết đến nhất...» [557] Đê-ô-gien La-éc-xơ

đã nói rằng **Pơ-la-tông** là người phát minh
ra **phép biện chứng**, khoa học triết học thứ
ba (như Ta-lét phát minh ra triết học về tự
nhiên và Xô-cơ-rát, triết học đạo đức), nhưng
những người làm ăm i nhiều nhất về thành
tích này của Pơ-la-tông lại là những người
ít suy nghĩ đến thành tích ấy nhất...

Pơ-la-tông
và phép
biện chứng.

«... Người ta thường quan niệm phép
biện chứng như là một *nghệ thuật*, làm như
nó phụ thuộc vào một *tài năng* chủ quan,
chứ không dựa vào tính khách quan của

Tính
khách quan
của phép
biện chứng.

1. Ở đây có lẽ là : nhận thức luận và lô-gích. (B.T.)

khái niệm...» Một thành tích quan trọng của Can-tơ là đã nêu lại phép biện chứng, đã thừa nhận nó như là «cần thiết» (như là chất) đối với «lý tính» [558]; nhưng kết quả (của sự áp dụng phép biện chứng) phải là «cái ngược lại» (cái mà Can-tơ đã thu được) *xem ở dưới*.

Sau đây là một **phác thảo về phép biện chứng** — rất hay, rõ ràng, quan trọng:

«... Phép biện chứng thường biểu hiện ra như là cái gì ngẫu nhiên, ngoài ra nó thường còn có cái hình thức rõ ràng hơn sau đây, tức là gán cho một đối tượng nào đó (thể giới, vận động, diêm, v.v.) một quy định nào đó, chẳng hạn, theo thứ tự những đối tượng đã được nêu lên trên đây, tính có hạn trong không gian hoặc thời gian, sự tồn tại ở chỗ này, sự phủ định tuyệt đối của không gian; nhưng ngoài ra lại gán cho nó một cách cũng tất nhiên tính quy định đối lập: tính vô hạn trong không gian và thời gian, không ở chỗ này, quan hệ với không gian, do đó, tính không gian. Trường phái Ê-lê-át cổ đại chủ yếu, áp dụng phép biện chứng của nó vào sự vận động, còn Pơ-la-tông thì thường áp dụng phép biện chứng vào những biểu tượng và quan niệm của thời ông, nhất là vào những biểu tượng và quan niệm của những người ngụ biện, và cả vào những phạm trù thuần túy và những quy định phản tự; chủ nghĩa hoài nghi khai sáng về sau đã mở rộng phép biện chứng, không những vào những sự kiện gọi là trực tiếp của ý thức và vào những quy tắc của đời sống hàng ngày, mà cả vào tất cả các khái niệm khoa học. Kết quả mà người ta rút ra từ phép biện chứng ấy nói chung là *tính mâu*

Về lịch sử
phép biện
chứng.

Vai trò của
chủ nghĩa
hoài nghi
trong lịch
sử của phép
biện chứng.

thuần và tính hư vô của tất cả mọi luận đoán đã được công nhận. Nhưng điều này có thể có hai cách giải thích: một cách giải thích khách quan, theo cách này, đối tượng tự mình mâu thuẫn với mình thì tự thủ tiêu mình và tự quy thành hư vô; đó là cách giải thích của phái Ê-lê-át, mà theo phái này thì phải phủ nhận mọi chân lý của vận động, của thế giới, của diêm, v.v.; và một cách giải thích chủ quan, mà theo cách này thì chính nhận thức đã không làm cho người ta vừa ý. Cách giải thích sau này có ngụ ý rằng chính phép biện chứng đã thực hiện cái trò ảo thuật tạo ra một giả tượng sai lầm. Đó là cách nhìn phò biến của cái mà người ta thường gọi là lẽ phải thông thường của con người, chỉ chú ý đến cái hiển nhiên cảm tính và những biểu tượng và những lời nói thông thường...» [558-59]

Người ta hiểu phép biện chứng như là một trò ảo thuật.

Như Đi-ô-gien - con chó chứng minh sự vận động bằng cách đi, Hê-ghen cho đó là «sự bác bỏ tầm thường» [559].

«... Hoặc là hiệu quả của tính hư vô chủ quan không đạt tới bản thân phép biện chứng, mà đạt tới nhận thức mà nó chống lại, và theo quan diêm của chủ nghĩa hoài nghi cũng như của triết học Can-tơ, chống lại nhận thức nói chung.» [559]

Chủ nghĩa Can-tơ = (cũng là) chủ nghĩa hoài nghi.

«... Thành kiến chủ yếu thống trị ở đây là cho rằng phép biện chứng chỉ có thể dẫn đến những kết quả tiêu cực...» [559]

Ngoài ra, Can-tơ còn có thành tích là đã làm cho người ta chú ý tới phép biện chứng và đến sự nghiên cứu «những phạm trù của tư duy tự-và-vì-nó.» [560]

Đúng! Biểu tượng và tư duy, sự phát triển của cả hai, *nil aliud*¹.

Đối tượng tỏ ra là biện chứng.

Những khái niệm không bất động, nhưng do bản thân chúng, do bản tính chúng = chuyển hóa.

Khái niệm phổ biến đầu tiên (và = khái niệm phổ biến đầu tiên nào đó)

Cái này rất quan trọng để hiểu phép biện chứng.

«Đối tượng, đúng như là nó ở ngoài tư duy và khái niệm, là một biểu tượng đơn giản hay là một tên gọi đơn giản; chính là trong những phạm trù của tư duy và trong những quy định có tính chất khái niệm mà nó là cái giống như nó tồn tại...» [560]

«... Như vậy nếu một đối tượng hay một nhận thức, do đặc tính của chúng hay là do một sự kết hợp bên ngoài nào đó, mà thể hiện như là biện chứng thì không thể cho rằng đó là lỗi của đối tượng hay của nhận thức ấy...»

«...Do đó tất cả những mặt đối lập, được xem như là cố định, chẳng hạn như cái có hạn và cái vô hạn, cái riêng và cái chung, đều là mâu thuẫn, không phải do những kết hợp bên ngoài, mà bởi vì, như việc xem xét bản tính của chúng đã chỉ rõ, bản thân chúng là những sự chuyển hóa...» [560]

«Đó là quan điểm mà chúng ta đã nói ở trên, và theo quan điểm này một cái phổ biến đầu tiên tự tỏ ra tự nó và vì nó như là cái khác của nó...»

«... nhưng cái khác này, về bản chất không phải là cái phủ định trống rỗng, không phải là cái hư không, BỊ COI NHƯ LÀ KẾT QUẢ THÔNG THƯỜNG CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG; mà nó là cái khác của cái đầu tiên, cái phủ định của cái trực tiếp; như vậy nó được quy định như là cái gián tiếp; tóm lại, nó bao hàm trong nó tất cả tính quy định của cái đầu tiên. Chính như vậy mà cái đầu tiên đã được bảo tồn và duy trì trong cái khác. — Duy trì cái khẳng định trong cái phủ định của nó, trong nội dung

1. Không có gì khác. (B.T.)

của tiền đề, trong kết quả, đó là nhiệm vụ quan trọng nhất của nhận thức lý tính; chỉ cần một sự suy nghĩ đơn giản nhất cũng đủ để thấy chân lý và tính tất yếu tuyệt đối của yêu cầu đó và, nếu cần những *thí dụ* để chứng minh điều đó, thì cũng có thể nhờ vào toàn bộ khoa Lô-gích.» [561]

Không phải sự phủ định thuần túy, không phải sự phủ định không suy nghĩ, không phải sự phủ định *hoài nghi*, không phải sự do dự, cũng không phải sự nghi ngờ là cái đặc trưng và cái bản chất trong phép biện chứng, — dĩ nhiên phép biện chứng bao hàm trong nó nhân tố của sự phủ định, và thậm chí với tính cách là nhân tố quan trọng nhất của nó, — không, mà là sự phủ định coi như là vòng khâu của liên hệ, vòng khâu của sự phát triển nó duy trì cái khẳng định, tức là, không có một sự do dự nào, không có một chủ nghĩa chiết trung nào.

Phép biện chứng nói chung là sự phủ định luận đề *thứ nhất*, là sự thay thế nó bởi luận đề *thứ hai* (là sự chuyển hóa từ cái thứ nhất sang cái thứ hai, là sự chỉ rõ mối liên hệ giữa cái thứ nhất và cái thứ hai v.v.). Cái thứ hai có thể coi như là tân từ của cái thứ nhất —

— «Thí dụ cái hữu hạn là vô hạn, một là nhiều, cái đơn nhất là cái phổ biến...» [561]

«... Vì cái thứ nhất hay là cái trực tiếp là khái niệm *tự-nó* và, do đó, là cái phủ định chỉ *tự-nó*, cho nên vòng khâu biện chứng của nó là ở chỗ sự *khác nhau mà nó chứa đựng*, là một sự khác nhau được thiết định ở trong nó. Cái thứ hai, trái lại, là bản thân cái

«*tự nó*»
— Còn
tiềm tại,
chưa phát
triển, chưa
mở ra.

được quy định, sự khác nhau hay là quan hệ; vì vậy, vòng khâu biện chứng của nó là thiết định tính *thống nhất* mà nó bao hàm... [562]

(Đối với những luận đoán đơn giản và tối sơ, «đầu tiên», những luận đề khẳng định, v.v., «vòng khâu biện chứng» — **nghĩa là** sự khảo sát khoa học — đòi hỏi người ta phải chỉ ra sự khác nhau, mối liên hệ, sự chuyển hóa. Không có cái đó, thì luận đoán khẳng định giản đơn là không hoàn toàn, chết cứng, không có sự sống. Đối với luận đề «thứ hai», luận đề phủ định, thì «vòng khâu biện chứng» đòi hỏi người ta chỉ ra tính «*thống nhất*» nghĩa là mối liên hệ của cái phủ định và cái khẳng định, sự tìm thấy cái khẳng định ấy trong cái phủ định. Từ khẳng định đến phủ định,—từ sự phủ định đến sự «*thống nhất*» với cái bị khẳng định, — không có cái đó, phép biện chứng trở thành một sự phủ định thuần túy, một trò chơi hay là chủ nghĩa hoài nghi).

«... Do đó, nếu cái phủ định, cái xác định, mối quan hệ, sự phán đoán và tất cả những quy định khác bao hàm trong vòng khâu thứ hai ấy không thể hiện đối với bản thân chúng như là mâu thuẫn và dưới phương diện biện chứng, thì cái đó chỉ là do sự thiếu sót của tư duy không có năng lực tập hợp lại các tư tưởng của nó. Bởi vì những tài liệu, những quy định đối lập, **trong một quan hệ**, đã được thiết định và tồn tại đối với tư duy. Nhưng tư duy hình thức, lấy tính đồng nhất làm quy luật, đây nội dung mâu thuẫn mà nó có trước mặt nó vào trong lĩnh vực của biểu tượng, vào

trong không gian và trong thời gian, ở đây
cái mâu thuẫn bị chia rẽ trong sự tồn tại
cạnh nhau và trong sự liên tục, và xuất
hiện như vậy trước ý thức **MỘT CÁCH**
KHÔNG CÓ SỰ TIẾP XÚC LẦN NHAU.
[362-63]

C.Y.

«Xuất hiện trước ý thức một cách
không có sự tiếp xúc lẫn nhau» (đối
tượng) — đó là cơ sở của phản biện chứng.
Ở đây, Hê-ghen hình như đã lòi đuôi
duy tâm ra rồi — bằng cách quy thời
gian và không gian (liên hệ với biểu
tượng) vào một cái gì thấp hơn tư duy. Tuy
nhiên, theo một ý nghĩa nào đó, biểu
tượng đích xác là thấp thật. Cơ sở của
vấn đề là ở chỗ tư duy phải bao trùm
toàn bộ «biểu tượng» trong sự vận động
của nó, và *muốn như vậy* TƯ DUY phải
là biện chứng. So với tư duy, biểu tượng
có gần hiện thực hơn không? Có, và không.
Biểu tượng không nắm được vận động
trong chính thể của nó, chẳng hạn, nó
không nắm được sự vận động với tốc độ
300 nghìn cây số một giây, trái lại tư duy
nắm được và phải nắm được. Tư duy
được rút ra từ biểu tượng, nó cũng phản
ánh hiện thực; thời gian là một hình thức
tồn tại của hiện thực khách quan. Chủ
nghĩa duy tâm của Hê-ghen là ở đây,
ở trong khái niệm thời gian (mà không
phải ở trong mối quan hệ giữa biểu tượng
và tư duy).

«... Về vấn đề này, nó (tư duy) tự đặt
cho nó nguyên tắc xác định sau đây: cái
mâu thuẫn là không thể suy nghĩ được;
trong khi đó, trên thực tế, tư duy về mâu

thuần lại là vòng khâu bản chất của khái niệm. Tư duy hình thức trên thực tế cũng có nghĩ đến mâu thuẫn, nhưng nó lập tức 'ngãng ra, và bằng cách nói như vậy (cái mâu thuẫn là không thể suy nghĩ được), nó chỉ chuyển từ cái này đến sự phủ định trừu tượng.» [563]

ý vị của
phép biện
chứng.

Tiêu chuẩn
của chân lý
(thống nhất
của khái
niệm và
thực tại).

«Tính phủ định được xem xét ở đây hình thành *điểm ngoặt* trong sự vận động của khái niệm. Tính phủ định này là một điểm đơn thuần của mối quan hệ phủ định với bản thân nó, là nguồn gốc bên trong của mọi hoạt động, của mọi vận động tự nó, là vận động sống và có tính chất tinh thần, là linh hồn biện chứng, linh hồn biện chứng này có trong bản thân nó mọi cái chân lý, và chỉ có thông qua nó cái chân lý mới là chân lý. Bởi vì sự mất đi của cái đối lập giữa khái niệm và hiện thực, là hoàn toàn dựa vào tính chủ quan ấy; và tính thống nhất với tư cách là chân lý cũng hoàn toàn dựa vào nó. — Cái phủ định thứ hai, tức là cái phủ định của phủ định, mà chúng ta đã đạt đến, là sự thủ tiêu của mâu thuẫn; nhưng, cũng không hơn gì bản thân mâu thuẫn, sự thủ tiêu này không phải là *công trình của một sự phản tư bên ngoài* nào đó, mà là vòng khâu *mật thiết nhất*, và *khách quan nhất* của đời sống và của tinh thần, cái mà nhờ đó mới có một chủ thể, một nhân cách, một tồn tại tự do.» [563]

Cái quan trọng ở đây là: 1^o đặc trưng của phép biện chứng: vận động tự nó, nguồn gốc của hoạt động, vận động của đời sống và của tinh thần; sự nhất trí giữa

những khái niệm chủ thể (người) và thực tại; 2^o trình độ cao nhất của tính khách quan («vòng khâu khách quan nhất»).

Hê-ghen nói rằng: Cái phủ định của phủ định này là vẽ thứ ba, — «nếu người ta nhất thiết phải đếm» — nhưng người ta cũng có thể cho nó là cái thứ tư (*Quadruplicat*) bằng cách đếm hai cái phủ định, phủ định «đơn giản» (hay là «hình thức») và phủ định «tuyệt đối» [564].

Tôi không thấy rõ sự phân biệt này, cái tuyệt đối chẳng phải giống cái cụ thể hơn hay sao?

«... Dù vẽ thứ ba này biểu hiện tính thống nhất, và dù hình thức của phương pháp, trong toàn bộ của nó là hình thức của một *tam đoạn thức*, thì cái đó chỉ là mặt nông cạn, bên ngoài của nhận thức...» [564]

C.Y.

«Tam đoạn thức» của phép biện chứng là mặt bên ngoài, nông cạn của nó.

— nhưng, ông ta lại nói rằng, vạch rõ được điều này (mặc dầu không có khái niệm) đã là «một thành tích vô hạn của chủ nghĩa Can-tơ».

«... Dĩ nhiên, là chủ nghĩa hình thức cũng đã thành công trong việc chiếm lấy tam đoạn thức để cố bám lấy cái công thức trống rỗng của nó; cái tầm thường, cái lộn xộn, và cái ít sâu sắc của những cái gọi là cấu tạo triết học hiện đại, — những cấu tạo

Hê-ghen cực
lực phản đối
chủ nghĩa
hình thức,
sự buồn
chán, và
cái trống
rỗng của
trò chơi
với phép
biện chứng.

triết học này ở đâu cũng chỉ có trưng bày
cái công thức hình thức không khái niệm
và không quy định bên trong ấy, và sử dụng
nó làm một sự sắp xếp thuần túy bên ngoài,
đã làm cho hình thức ấy trở thành vô vi
và nổi tiếng là rất xấu. Nhưng cái đó cũng
không làm mất chút nào giá trị bên trong
của nó, và việc tìm thấy hình thức ấy của
cái lý tính, mặc dầu là trống rỗng về khái
niệm, cũng đã là một sự kiện rất quan trọng.
[565]

Kết quả của phủ định của phủ định là
về thứ ba, không phải là... «một cái
thứ ba yên tĩnh, mà chính là, với
tính cách là cái thống nhất ấy (của
những mặt đối lập), nó là sự vận
động và hoạt động tự lấy bản thân
nó làm trung gian cho nó...» [565]

Kết quả của sự chuyển hóa biện chứng
này thành về «thứ ba», thành hợp đề, là
một tiền đề mới, một luận đoán mới v.v.,
tiền đề mới này đến lượt nó, lại trở thành
nguồn gốc cho một sự phân tích sau này.
Nhưng trong cái giai đoạn «thứ ba» này,
đã bao hàm «nội dung» của nhận thức
(«bản thân nội dung của nhận thức xâm
nhập, vào phạm vi của những khảo sát của
chúng ta») — và phương pháp tự mở rộng
thành hệ thống — [567].

Sự bắt đầu của mọi suy luận, của mọi
phân tích, — tiền đề thứ nhất, — bây giờ
tựa như là không được quy định, «không
đầy đủ»; nảy sinh ra yêu cầu phải chứng
minh nó, «suy diễn» nó, (*ableiten*) và người
ta đạt được

«cái có thể hiện ra như là một yêu cầu về những suy diễn và những chứng minh giết lùi, tiến hành một cách vô tận.» [567]— nhưng mặt khác, tiền đề mới lại đẩy lên phía trước.

«... Như vậy là nhận thức, được đẩy từ nội dung này đến nội dung khác. Sự tiến triển này có đặc trưng đầu tiên là: nó bắt đầu bằng những quy định đơn giản, đề tiếp tục bằng những quy định càng ngày càng phong phú và cụ thể. Ấy là bởi vì kết quả chứa đựng cái bắt đầu của nó và sự tiến hóa của cái bắt đầu này đã làm cho nó giàu thêm một quy định mới. Chính cái phổ biến hợp thành cơ sở, và cái đó làm cho sự tiến triển không phải là một sự lưu động đơn giản từ một cái khác này sang một cái khác kia. Trong phương pháp tuyệt đối, khái niệm tự duy trì trong cái tồn tại khác của nó, cái phổ biến tự bảo tồn trong tính riêng biệt của nó, trong phán đoán và trong hiện thực. Ở mỗi giai đoạn mới của tính quy định của nó, khối nội dung trước kia của nó được nâng lên; không những nó không vì sự tiến triển biện chứng mà mất một cái gì, không để lại cái gì sau nó cả, mà nó lại mang theo nó tất cả cái đã thu hoạch được và làm cho nội bộ của nó không ngừng phong phú và cô đặc thêm...» [569]

(Đoạn này tóm tắt khá rõ phép)
(biện chứng là gì, theo kiểu của ông ta.)

Nhưng, sự mở rộng cũng đòi hỏi sự đào sâu (*«in sich gehen»*), và «sự mở rộng lớn hơn, đồng thời cũng là một cường độ lớn hơn» [569].

Cái này.
C.Y.: cái
phong phú
nhất là cái
cụ thể và cái
chủ quan nhất.

«Vì vậy, cái phong phú nhất cũng là cái cụ thể nhất và cái chủ quan nhất, và cái gì tự quay trở lại vào trong chốn sâu xa nhất, đồng thời cũng là cái mạnh nhất và cái ưu việt nhất.» [569]

«Do đó, mỗi bước tiến lên trên con đường của tính quy định, mỗi bước làm cho nội dung đi xa cái bắt đầu chưa có quy định cũng đồng thời là một bước quay trở lại cái bắt đầu ấy, thành thử cái gì lúc đầu có thể xuất hiện như là hai vật khác nhau, — sự chứng minh thoái hậu của cái bắt đầu, và sự tiến lên đến những tính quy định mới của cái bắt đầu ấy — về thực chất chỉ là một và cùng một sự vật.» [570]

Nhưng không nên đánh giá thấp cái bắt đầu chưa có quy định ấy:

C.Y.
Hê-ghen phản
đối Can-tơ.



«... Không phải là đánh giá thấp nó khi nói nó là tạm thời hay là có tính giả thuyết. Những lý do mà người ta có thể đưa ra để chống lại nó (chẳng hạn như giới hạn của nhận thức của con người, và yêu cầu phải phê phán chính ngay công cụ của nhận thức trước khi đề cập tới bản thân sự vật), đến lượt chúng cũng chỉ là những giả thiết, những giả thiết này, với tư cách là những tính quy định cụ thể, đã có ngay trong bản thân chúng yêu cầu về sự trung gian và về căn cứ của chúng. Vì trước cái bắt đầu, những sự phản đối ấy không hiểu gì về sự vật mà chúng phản đối cả, và vì do nội dung cụ thể của chúng, thật ra chúng cần một sự suy diễn, nên người ta chỉ nên coi chúng như là **NHỮNG SỰ ĐOÁN CHỪNG VÔ HIỆU** có mục đích làm cho người ta chú ý đến chúng hơn là đến cái khác. Chúng có

một nội dung không liên quan gì đến chân lý, bởi vì chúng muốn biến cái đã được nhận thức như là có hạn và không đúng, tức là một nhận thức có giới hạn, bị quy định như là hình thức và công cụ đối với nội dung của nó, thành cái không thể bác bỏ được, cái tuyệt đối. Nhận thức không đúng ấy, bản thân nó là hình thức, là sự chứng minh thụt lùi. Bản thân phương pháp của chân lý cũng biết rằng cái bắt đầu là không hoàn toàn bởi vì bắt đầu chỉ là cái bắt đầu, nhưng đồng thời cũng biết rằng sự không hoàn toàn này là một tất yếu bởi vì chân lý chỉ là sự quay trở về bản thân mình thông qua tính phủ định của tính trực tiếp...» [570-71]

Phản đối
Can-tơ
(đúng)

«... Do bản tính đã được vạch ra như vậy của phương pháp, khoa học biểu hiện như là một vòng tròn đóng kín, cái trung gian quy cái cuối về cái bắt đầu, làm thành cơ sở đơn giản của quá trình này, nhưng vòng tròn này đồng thời cũng là một vòng tròn của các vòng tròn... Những vòng khâu của dây chuyền này thể hiện những môn khoa học riêng biệt...» [571]

Khoa học
là một
vòng tròn
của các
vòng tròn.

C.Y.:

«Phương pháp là khái niệm thuần túy, chỉ có quan hệ với bản thân nó, do đó, nó chỉ là quan hệ đơn giản với chính nó, nghĩa là với Tồn tại. Nhưng đó cũng là một Tồn tại hoàn thành, khái niệm tự quan niệm nó, Tồn tại với tính cách là chính thể cụ thể, đồng thời cũng tuyệt đối mãnh liệt...» [572].

liên hệ của
phương pháp
biện chứng với
«Tồn tại hoàn
thành», với Tồn
tại đầy nội dung
và cụ thể.

«... Thứ hai, Ý niệm ấy « ý niệm về nhận thức tuyệt đối » còn là ý niệm lô-gích, bị giam hãm trong tư duy thuần túy, nó chỉ là khoa học của khái niệm thần thánh. Bản thân sự phát triển có hệ thống của nó thật đúng là một sự thực hiện, nhưng tiến hành trong những giới hạn của cùng một lĩnh vực. Bởi vì Ý niệm thuần túy của nhận thức đã bị giam hãm như vậy trong tính chủ quan, nên nó làm nảy sinh ra *khuy nh hướng* muốn thủ tiêu nó đi, và chân lý phát sinh từ đấy là sự bắt đầu của một lĩnh vực khác và của một khoa học khác. Đó là một sự chuyển hóa mà chúng ta chỉ có thể nhận diện ghi ra đây thôi.

Chuyển
hóa từ Ý
niệm đến
Tự nhiên...

«Bằng cách tự coi mình như là tính thống nhất tuyệt đối của khái niệm thuần túy và của hiện thực của nó, bằng cách tập hợp những cái này vào trong tính trực tiếp của *Tồn tại*, Ý niệm dưới hình thức ấy, và với tính cách chính thể, là giới *Tự nhiên*.»
[572]

C.Y.
Trong *Tiểu Lô-
gích* (Triết học
toàn thư 5 244,
Zusatz tr. 414)
câu cuối cùng
của quyển
sách là:
"Nhưng Ý
niệm đang
tồn tại ấy, là
giới *Tự nhiên*".

Câu này của trang *cuối cùng* [572] của *Lô-gích* thật là tuyệt diệu. Chuyển hóa từ Ý niệm lô-gích đến giới *Tự nhiên*. Chủ nghĩa duy vật đã đến tầm tay. Ăng-ghe-n có lý khi nói rằng: hệ thống của Hê-ghe-n là một chủ nghĩa duy vật đầu lộn ngược. Đó không phải là câu cuối cùng của *Lô-gích*, nhưng phần tiếp theo cho đến hết, không có gì quan trọng.

Hết *Lô-gích*, ngày 17 tháng Chạp 1914.

Đáng chú ý là: toàn bộ chương về « Ý niệm tuyệt đối » hầu như không thấy có danh từ Thần (chỉ một lần « khái niệm về thần » đã xuất hiện một cách ngẫu nhiên); và hơn nữa — cái này C.Y. — chương này hầu như không chứa đựng một chủ nghĩa duy tâm đặc biệt nào cả, mà chỉ có chủ đề chủ yếu là **phương pháp biện chứng**. Tổng cộng và tóm tắt, tiếng nói cuối cùng và bản chất của Lô-gích học của Hê-ghen, đó là **phương pháp biện chứng**, — cái này thật là tuyệt diệu. Và còn cái này nữa: trong tác phẩm duy tâm nhất của Hê-ghen, có ít chủ nghĩa duy tâm nhất, nhiều chủ nghĩa duy vật nhất. « Đó là mâu thuẫn », nhưng đó là một sự thực!

C.Y.

TRÍCH YẾU BỔ SUNG RÚT TỪ « TRIẾT HỌC TOÀN THƯ »

Tập VI, tr. 399 :

C.Y. :
« loại hoặc
lực và quy
luật » (loại =
quy luật !)

Triết học toàn thư, § 227 — những điều
tuyệt diệu về phương pháp *phân tích* (« phân
giải ») hiện tượng « hiện có cụ thể » — « đem
hình thức trừu tượng lại » cho những mặt
riêng biệt của nó và « rút ra » « loại hoặc lực và
quy luật » (tr. 398) — và về sự áp dụng của nó :

Áp dụng phương pháp phân tích hay là
phương pháp tổng hợp (như người ta thường
nói) hoàn toàn không phải tùy ở sự « quyết
định độc đoán của chúng ta » — cái đó phụ
thuộc vào « hình thức của bản thân đối
tượng nhận thức » (399).

Lố-cơ và những người kinh nghiệm chủ
nghĩa đứng trên quan điểm phân tích.
Và người ta thường nói là « nói chung nhận
thức không thể làm được hơn » (399).

Rất đúng!
xem nhận
xét của
Mác trong
« Tư bản »
Quyển I

« Nhưng người ta nhận thấy ngay rằng đó
là một sự xuyên tạc đối với sự vật, và sự
nhận thức muốn xem xét sự vật đúng như
chúng tồn tại, thì do đó nó tự mâu thuẫn với
bản thân nó. » Chẳng hạn như nhà hóa học
« nghiền nát » một miếng thịt và thấy ở đấy
ni-tơ, các-bon, v.v... « Nhưng như vậy thì
những vật chất trừu tượng ấy không phải
là thịt nữa. »

Ở đây có thể có rất nhiều định nghĩa, bởi vì đối tượng có nhiều mặt:

«Đối tượng phải định nghĩa càng phong phú bao nhiêu, nghĩa là càng có nhiều mặt phải quan sát bao nhiêu, thì những định nghĩa mà người ta thường cho nó càng khác nhau bấy nhiêu» (§ 229) — chẳng hạn, định nghĩa về đời sống, về Nhà nước v.v..

Spi-nô-da và Sen-linh nêu lên trong những định nghĩa của họ một lô những nhân tố «tự biện» (Hê-ghen có vẽ dùng chữ này ở đây theo nghĩa hay nhất của nó), nhưng «dưới hình thức lời đoán đơn giản». Nhưng triết học phải chứng minh và suy luận, chứ không thể bằng lòng với định nghĩa.

Sự phân loại (*Einteilung*) phải là «tự nhiên, chứ không phải thuần túy nhân tạo, nghĩa là tùy tiện» (401).

Tr. (403-404) — chống lại những «cấu tạo», những «trò chơi» về những cấu tạo, còn ở đây là vấn đề khái niệm, «Ý niệm», «sự thống nhất của khái niệm và của tính khách quan»...

Trong *Tiêu Triết học toàn thư*, § 233, thiên b, có đầu đề là *Ý chí* (trong *Đại Lô-gich* đó là «Ý niệm về cái Thiện»).

Hoạt động là một «mâu thuẫn» — mục đích là hiện thực và không hiện thực, có khả năng và không có khả năng, v.v.

«Về hình thức, sự mất đi của mâu thuẫn ấy là ở chỗ hoạt động thủ tiêu tính chủ quan của mục đích, và do đó cả tính khách quan, thủ tiêu sự đối lập làm cho cả hai đều có hạn, và không những chỉ thủ tiêu tính phiến diện của tính chủ quan-kia, mà là tính chủ quan nói chung.» (406)

Quan điểm của *Can-tơ* và *Phích-tơ* (đặc biệt trong triết học đạo đức) là quan điểm về mục đích, quan điểm về sự phải có có tính chất chủ quan (không liên hệ với khách quan) ... (407)

Nói về Ý niệm tuyệt đối, Hê-ghen chế giễu (§ 237) những «lời huênh hoang» về nó, làm như người ta có thể tìm thấy tất cả ở nó và ghi rằng

Très bien¹!

So sánh rất hay! Phải lấy tất cả mọi chân lý trừu tượng thay thế cho tôn giáo tầm thường.

Tuyệt!

«ý niệm tuyệt đối»... là... «cái phổ biến; nhưng cái phổ biến này không phải chỉ đơn giản là một hình thức trừu tượng, mà bất cứ nội dung đặc thù nào cũng đối lập lại như là một cái gì khác; đó là một hình thức tuyệt đối mà tất cả mọi tính quy định, tất cả sự đầy đủ của nội dung mà các tính quy định này đã thiết định đều quay về đó. Về mặt này, người ta có thể so sánh ý niệm tuyệt đối với một ông già nói cùng những chân lý tôn giáo giống như một đứa trẻ con, nhưng đối với ông già, những chân lý này có ý nghĩa của cả đời sống của ông. Còn đối với đứa trẻ thì dù nó có hiểu nội dung của tôn giáo đi nữa, nội dung tôn giáo ấy vẫn còn là một cái gì mà ngoài cái đó ra là tất cả đời sống và tất cả vũ trụ²». (409)

...«Cái có ý nghĩa đối với chúng ta, đó là sự vận động trong toàn bộ của nó» (§ 237)...

...«Nội dung là sự phát triển sinh động của Ý niệm...» (410)... «Bất cứ một giai đoạn đã được xem xét nào từ trước đến nay cũng là một hình ảnh của cái tuyệt đối, nhưng là một hình ảnh trước hết là có giới hạn»...

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Rất hay ! (B.T.)

2. Ở đây ý nói ngoài cái đó ra, đức chưa biết được gì nữa. (B.T.)

§ 238, Zusatz:

«Phương pháp triết học vừa là phân tích vừa là tổng hợp; không phải theo ý nghĩa là nó xếp đặt hai phương pháp ấy của sự nhận thức có hạn bên cạnh nhau, hay là xen kẽ lẫn nhau một cách đơn giản; mà chính theo ý nghĩa là nó chứa đựng cả hai phương pháp đó coi như là đã bị vượt qua, và TRONG MỖI BƯỚC ĐI CỦA NÓ, nó tiến hành vừa theo lối phân tích vừa theo lối tổng hợp. Tư duy triết học dùng phân tích vì nó chỉ tri giác về đối tượng của nó, tức là Ý niệm, nó để cho Ý niệm tự củng cố, và tựa hồ chỉ để mắt vào vận động và sự phát triển của nó mà thôi (411). Cho nên, triết học là hoàn toàn bị động. Nhưng tư duy triết học đồng thời cũng là có tính chất tổng hợp và thể hiện như là hoạt động của bản thân khái niệm. Nhưng cái đó đòi hỏi một sự cố gắng để đề phòng những tư tưởng cá nhân, những ý kiến đặc thù, những ý kiến này luôn luôn tìm cách biểu hiện ra»... (411)...

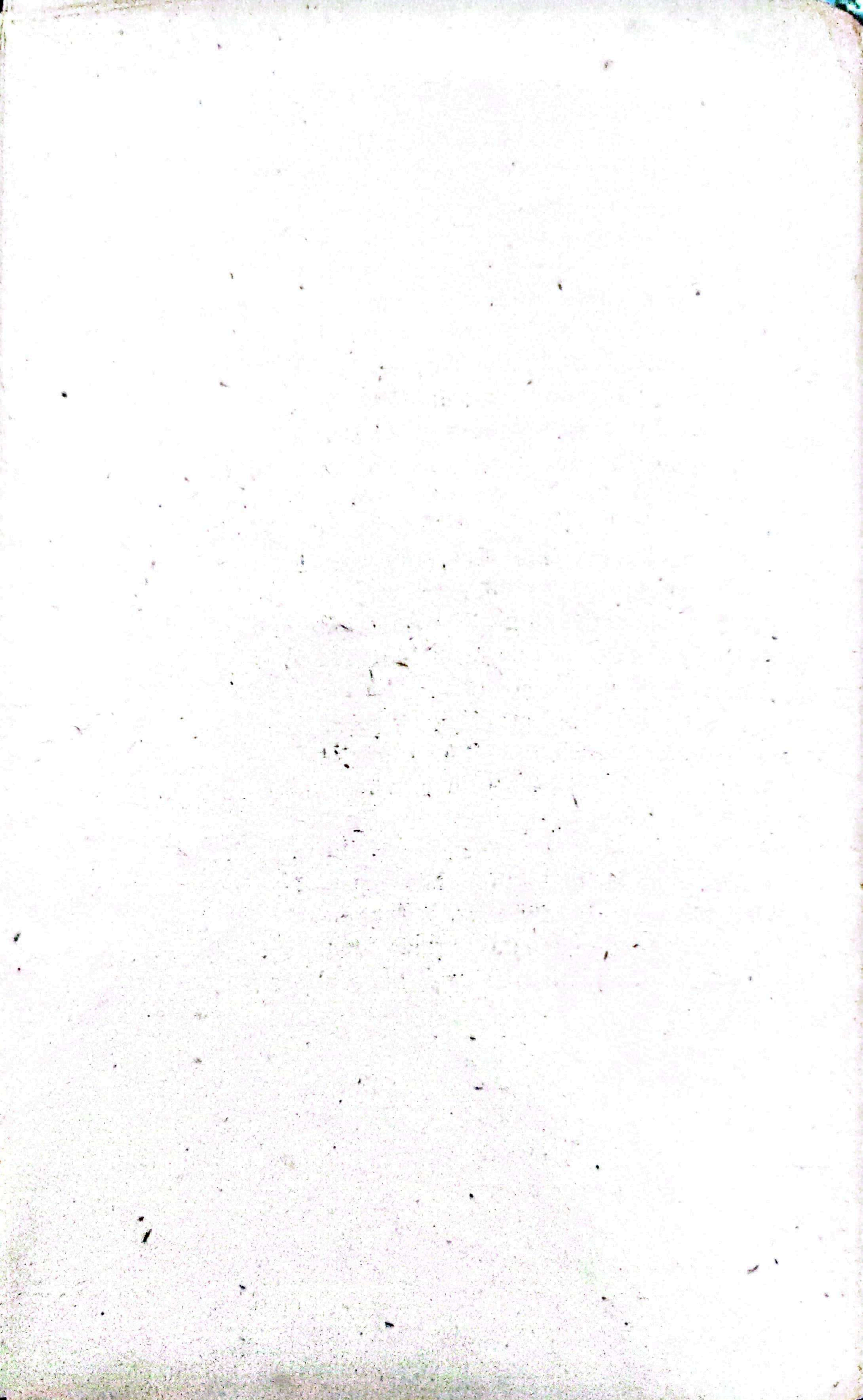
(§ 243, tr. 413)... «Phương pháp như vậy không phải là hình thức bên ngoài, mà là linh hồn và khái niệm của nội dung»...

(Hết *Triết học toàn thư*; xem phần trên, ở địa trang, lời dẫn rút ở cuối *Lô-gích*¹.)

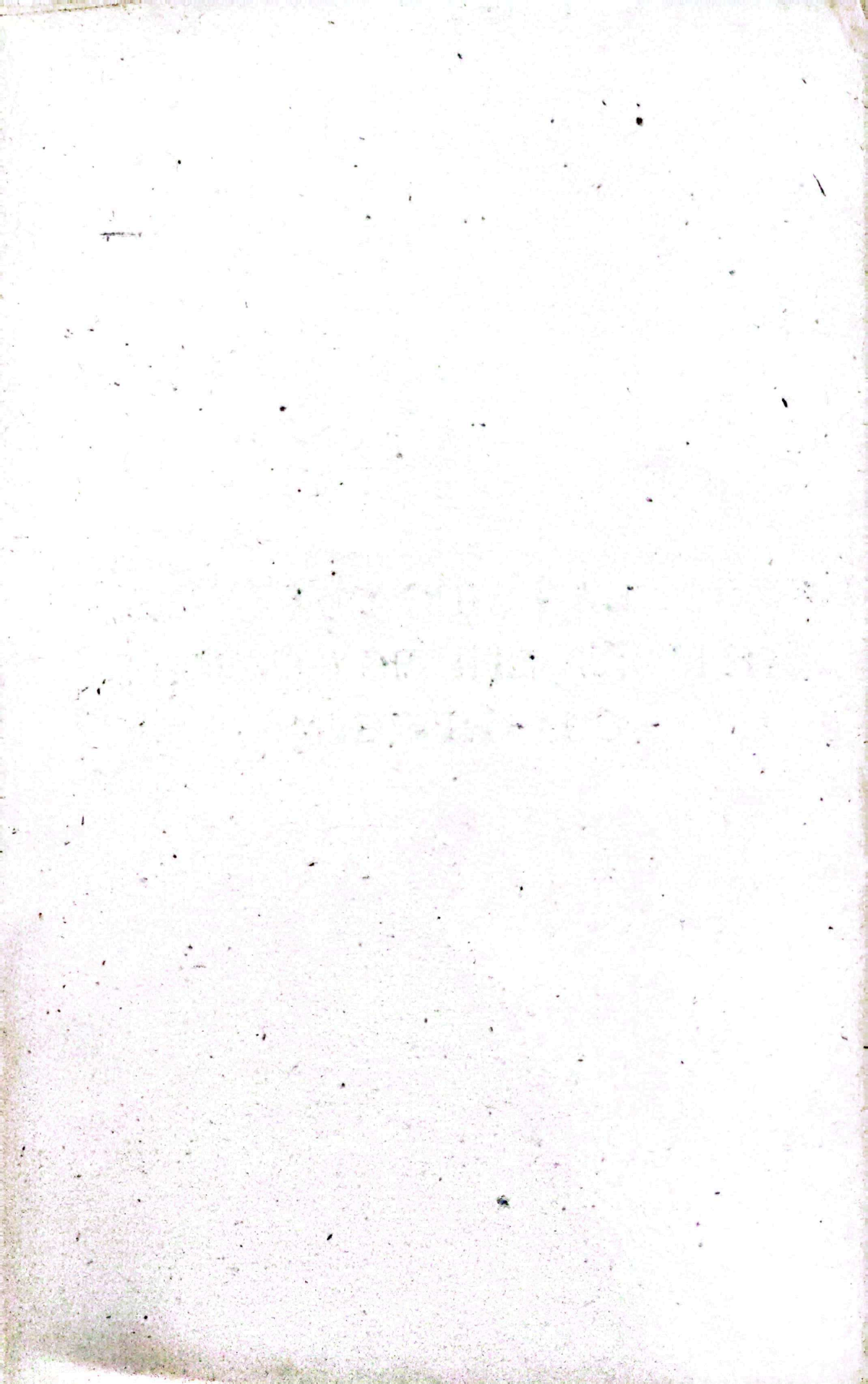
Rất hay!

Rất hay!
(và có hình ảnh).

1. Xem tập này, tr. 260. (B.T.)



**DÀN MỤC CỦA
PHÉP BIỆN CHỨNG (LÔ-GÍCH)
CỦA HÊ-GHEN**



MỤC LỤC CỦA TIỂU LÔ-GÍCH (TRIẾT HỌC TOÀN THƯ)

I. Lý luận về Tồn tại:

A. Chất.

- a) tồn tại;
- b) tồn tại-hiện có;
- c) tồn tại-vì-nó.

B. Lượng.

- a) lượng thuần túy;
- b) định lượng (*Quantum*);
- c) trình độ.

C. Độ.

II. Lý luận về Bản chất:

A. Bản chất coi như cơ sở của tồn tại.

- a) đồng nhất — khác nhau — căn cứ;
- b) thực tồn;
- c) sự vật.

B. Hiện tượng:

- a) thế giới hiện tượng;
- b) nội dung và hình thức;
- c) quan hệ.

C. Hiện thực:

- a) quan hệ thực thể;
- b) quan hệ nhân quả;
- c) tác dụng qua lại.

III. Lý luận về khái niệm:

A. Khái niệm chủ quan.

- a) khái niệm;
- b) phán-đoán;
- c) suy lý.

B. Khách thể.

- a) tính cơ giới;
- b) tính hóa học;
- c) tính mục đích.

C. Ý niệm.

- a) sinh mệnh;
- b) nhận thức;
- c) ý niệm tuyệt đối.

Khái niệm (nhận thức) trong tồn tại (trong những hiện tượng trực tiếp), tìm thấy bản chất (luật nhân quả, đồng nhất, khác nhau, v.v.) — đó thật sự là *tiến trình chung* của mọi nhận thức của con người (của mọi khoa học). Đó cũng là tiến trình của *các khoa học tự nhiên*, của *chính trị kinh tế học* [và của lịch sử]. Phép biện chứng của Hê-ghen, trong mức độ như vậy, là sự khái quát của lịch sử tư duy. Theo dõi tiến trình ấy một cách cụ thể hơn, chính xác hơn, trong *lịch sử của mỗi ngành của những khoa học khác nhau*, đó hình như là một nhiệm vụ hoàn toàn đáng mất công làm. Trong lô-gích, lịch sử của tư duy về căn bản **phải** nhất trí với những quy luật của tư duy.

Cái rõ ràng nhất, đó là có khi Hê-ghen đi từ trừu tượng đến cụ thể (*Sein* (trừu tượng) — *Dasein* (cụ thể) — *Fursichsein*)¹, — và có khi lại ngược lại (khái niệm chủ quan — khách thể — chân lý (ý niệm tuyệt đối)). Phải chăng đây là tính không triệt để của nhà duy tâm (cái mà Mác gọi là « chủ nghĩa thần bí của ý niệm » của Hê-ghen)? Hay là vì những lý do sâu sắc hơn? (như, tồn tại = hư vô — ý niệm về sự sinh thành, về sự phát

1. Tồn tại, tồn-tại-hiện-có, tồn-tại-vì-nó. (B.T.)

triển). Trước hết, những ấn tượng xuất hiện một cách thoáng qua, rồi một cái gì đó toát ra, — tiếp đến những khái niệm *chất* (quy định của sự vật hay là của hiện tượng) và *lượng* phát triển lên. Sự nghiên cứu và sự phản tư hướng tư duy đến sự nhận thức về tính đồng nhất — về tính khác nhau — về căn cứ — về bản chất trong mối quan hệ với hiện tượng, — về tính nhân quả, v.v. Tất cả những vòng khâu ấy (bước, giai đoạn, quá trình) của nhận thức đi từ chủ thể đến khách thể, được kiểm tra bằng thực tiễn, và thông qua sự kiểm tra ấy mà đạt đến chân lý (= chân lý tuyệt đối).

«Tồn tại»
trừu tượng
chỉ là vòng
khâu trong
cái $\pi \alpha \nu \tau \alpha$
 $\rho \epsilon \iota$

Phơ-bách cho rằng: *chất* và cảm giác (*Empfindung*), đều là cùng một vật duy nhất. Cảm giác xuất hiện với chúng ta như là cái gì nguyên thủy nhất và trước tiên nhất; nhưng ở cảm giác, tất nhiên cũng đã có *chất* rồi...

Mác không để lại cho chúng ta «*Lô-gích học*» (với chữ L viết hoa), nhưng đã để lại cho chúng ta *lô-gích* của *Tư bản*. Cần phải tận dụng đầy đủ nhất lô-gích đó để giải quyết vấn đề mà chúng ta đang nghiên cứu. Trong *Tư bản*, Mác áp dụng lô-gích, phép biện chứng, và nhận thức luận của chủ nghĩa duy vật [không cần ba từ: đó là cùng một cái duy nhất], vào một khoa học duy nhất; mà chủ nghĩa duy vật thì đã lấy ở Hê-ghen tất cả cái gì có giá trị và phát triển thêm lên.

1. Tiếng Hy-lạp trong nguyên bản có nghĩa là : tất cả đều trôi qua. (B.T.)

Hàng hóa — tiền tệ — tư bản

- sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối
- sản xuất giá trị thặng dư tương đối

Lịch sử của chủ nghĩa tư bản và phân tích những khái niệm tóm tắt lịch sử này.

Điểm xuất phát — «tồn tại» đơn giản nhất, quen thuộc nhất, thông thường nhất, trực tiếp nhất: hàng hóa cá biệt («tồn tại» trong chính trị kinh tế học). Sự phân tích hàng hóa ấy như là quan hệ xã hội. Hai loại phân tích, diễn dịch và quy nạp, — lô-gích và lịch sử (những hình thức của giá trị).

} Ở đây, sự kiểm tra bằng thực tế, *respective*¹, bằng thực tiễn, được thực hiện qua mỗi bước của phân tích.

Xem vấn đề bản chất trong mỗi quan hệ với hiện tượng:

- giá cả và giá trị,
- cung và cầu đối với «giá trị» (= «lao động kết tinh»),
- tiền công và giá trị của sức lao động.

1. Đặc biệt là. (B.T.)

TÓM TẮT CÁC
« BÀI GIẢNG VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC »
CỦA HÊ - GHEN



MỞ ĐẦU

Tr. [53]...«Nếu chân lý là trừu tượng, thì tức là không phải chân lý. Lý tính lạnh mạnh của người ta hướng về cái cụ thể... Triết học hết sức đối địch với cái trừu tượng, và kéo về với cái cụ thể»...

Tr. [56]: so sánh lịch sử triết học với một *vòng tròn* — «vòng tròn này bao gồm ở chung quanh nó một số lớn những vòng tròn»...

So sánh rất
sâu sắc và
chính xác !!
Mỗi mặt
riêng biệt
của tư duy
= một vòng
tròn trên
vòng tròn
lớn (xoáy ốc)
của sự phát
triển của tư
duy con
người nói
chung.

...«Tôi khẳng định rằng trật tự của các hệ thống triết học trong lịch sử cũng giống như trật tự của những quy định có tính chất khái niệm của Ý niệm trong sự suy diễn lô-gích. Tôi khẳng định rằng khi người ta giải phóng những khái niệm cơ bản của những hệ thống xuất hiện trong lịch sử triết học khỏi cái gì là thuộc về hình thức bên ngoài của chúng,

C.Y.

thuộc về sự áp dụng của chúng vào cái riêng biệt, v.v., thì người ta thu được những giai đoạn khác nhau của sự quy định của bản thân Ý niệm trong khái niệm lô-gích của nó.» [39]

«Ngược lại, nếu người ta xem xét sự phát triển lô-gích tự nó, thì người ta có được những vòng khâu chính của tiến trình phát triển của những hiện tượng lịch sử; — đương nhiên, để làm việc ấy, phải biết nhận ra những khái niệm thuần túy ấy trong nội dung của hình thức lịch sử.» [59]

Tr. [72] — ông chế giễu việc chạy theo cái hợp thời, việc chạy theo sau những ai sẵn sàng «tuyên bố rằng bất cứ **lời nói ba hoa** nào cũng là triết học (?)»

Tr. [72-73] — tuyệt hay: sự tất yếu của một quan điểm lịch sử nghiêm cách trong lịch sử triết học để khỏi gán cho những người thời cồ một sự «phát triển» nào đó của các ý niệm của họ, rõ ràng đối với chúng ta ngày nay, nhưng trên thực tế chưa thể có ở họ.

Ở Ta-lét chẳng hạn, chưa có khái niệm bản nguyên¹ (tức là *nguyên tắc*), chưa có khái niệm *nguyên nhân*...

...«Chẳng hạn, có những dân tộc hoàn toàn chưa có khái niệm ấy (nguyên nhân); muốn có khái niệm này, phải đạt tới một trình độ phát triển cao»... [74]

Quá dài, rộng và chán về những quan hệ giữa triết học và tôn giáo; nói chung, một lời nói đầu đến gần hai trăm trang... thật là không thể được!!

1. Tiếng Hy-lạp $\alpha\rho\chi\eta$ trong nguyên bản có nghĩa là: bản nguyên. (B.T.)

TẬP XIII. TẬP THỨ NHẤT CỦA LỊCH SỬ TRIẾT HỌC¹

TRIẾT HỌC CỦA PHÁI I-Ô-NIENG²

«A-na-xi-man-dơ-rơ (610-547 trước C.N.)
cho rằng người ta từ cá mà ra.» [229]

TRIẾT HỌC CỦA PHÁI PI-TA-GO

...«như vậy đó là những quy định — khô
khan, chết cứng, không biện chứng, bất
động»... [260]

Định nghĩa
phản diện về
phép biện
chứng.

Ở đây, là nói về những ý niệm chung
của những người theo phái Pi-ta-go; —
con «số» và ý nghĩa của nó, v.v. Do đó:
đây là nói về những ý niệm nguyên thủy
của những người theo phái Pi-ta-go,
triết học nguyên thủy của họ; những
«định nghĩa» về thực thể, về sự vật, về
thế giới ở họ là «khô khan, chết cứng
(không vận động) và không biện chứng».

1. Số trang là theo tập XXVII của bản xuất bản năm 1928.
(B.T.)

2. Phần của Trung Á cũ trên bờ biển Ê-giê, từ Phô-xê đến Vịnh
Pô-xi-di-um, phía Nam Mi-lê; do những người Hy-lạp di cư đến
ở đấy. (N.D.)

Chú ý trước nhất đến *phép biện chứng* trong lịch sử triết học, Hê-ghen dẫn ra những kiến giải của những người theo phái Pi-ta-go:

...«đơn vị, cộng với một số chẵn, thành một số lẻ ($2 + 1 = 3$) cộng với một số lẻ, thành một số chẵn ($3 + 1 = 4$); — nó (đơn vị) có đặc tính làm thành số chẵn, cho nên bản thân nó phải là một số chẵn. Như vậy, đơn vị chứa đựng trong bản thân nó những quy định khác nhau.» [262]

(« Hòa điệu của Vũ trụ »)

Hòa điệu của âm nhạc và triết học của Pi-ta-go:

quan hệ
giữa khách
quan và
chủ quan.

...«Cảm giác chủ quan, đơn giản trong thính giác nhưng trong bản thân nó chứa đựng mối quan hệ, Pi-ta-go đã gán và giành cảm giác đó cho lý trí, bằng cách cho nó một định nghĩa nghiêm cách.» [278]

Tr. [281-282]: sự vận động của các chùm sao — hòa điệu của nó — hòa điệu của những thiên thể đang *ca hát* mà chúng ta không nghe thấy (ở những người theo phái Pi-la-go). A-ri-stốt *De coelo* II, 13 (và 9):

...«Những người theo phái Pi-ta-go đã lấy lửa làm trung tâm và xem trái đất như là một hành tinh quay tròn chung quanh thê trung tâm ấy»... Nhưng ở họ, lửa ấy không phải là mặt trời... «Ở điểm này, họ không dựa vào giả tượng cảm tính mà dựa vào những căn cứ... Mười thiên thể ấy mười thiên thể, hay là quỹ đạo, hay là vận động của mười hành tinh: Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ, Mặt trời, Mặt trăng,

Trái đất, Ngân hà và Phán trái đất (— phản cực?), được tạo ra để «làm một số tròn», để làm số mười¹, phát ra một tiếng động giống như tất cả cái gì vận động; nhưng mỗi thiên thể phát ra một tiếng động khác nhau, tùy theo thể tích và tốc độ của nó... Tốc độ được quy định bởi những khoảng cách khác nhau, giữa những khoảng cách này có một quan hệ hòa điệu thích ứng với những âm trình của âm nhạc; từ đó, nảy sinh thanh âm hòa điệu (âm nhạc) của những thiên thể đang vận động (Vũ trụ)»...

Âm chi
kết cấu của
vật chất.

Vai trò của
bụi (trong
tia mặt trời)
trong triết
học cổ đại.

Những
người theo phái
Pi-ta-go:
«những phỏng
đoán» ảo tưởng
về sự giống
nhau giữa vũ
trụ vĩ mô và
vũ trụ vi mô.

Về linh hồn, những người theo phái Pi-ta-go tin rằng «linh hồn—tức là những hạt mặt trời» (tr. [284])(=hạt, nguyên tử) (A-ri-stốt, *De anima*², I, 2).

Trong linh hồn, có bảy cái vòng tròn (nhân tố), như ở trên trời. A-ri-stốt, *De anima*², I, 3, — tr. [285]

1. Đối với những người theo phái Pi-ta-go, số mười là con số hoàn bị nhất, bao hàm mọi bản tính của các con số. (B.T.)

2. Luận về linh hồn. (N.D.)

Và ở đây cũng vậy, những truyền thuyết: Pi-ta-go (lấy của người Ai-cập lý luận của họ về tính bất tử và tính luân hồi của những linh hồn) đã kể lại rằng linh hồn của ông đã từng sống hai trăm linh bảy năm trong thân thể của những người khác, v.v., v.v. [287]

C.Y.: sự liên hệ giữa những *mầm mống* của tư duy khoa học với ảo tưởng *theo* kiểu tôn giáo, kiểu thần thoại. Mà hiện nay! Vẫn luôn luôn có sự liên hệ ấy, chẳng qua, tỷ lệ giữa khoa học và thần thoại không còn như cũ nữa.

C.Y.

Lại nói về lý luận về số của Pi-ta-go.

«Những con số, chúng ở đâu? Tách rời bởi không gian, tự mình trú ngụ ở trên trời của các ý niệm? Chúng không phải trực tiếp là bản thân sự vật, bởi vì sự vật, thực thể, là cái gì khác với con số, — một vật thể không có một chút giống nhau nào với con số», tr. [270].

Dẫn [của A-ri-stốt? — *Siêu hình học* I, 9 không phải? Của Xéc-tu-xơ Âm-pi-ri-cu-xơ? Không rõ].

Tr. [295] — những người theo phái Pi-ta-go thừa nhận *ê-te* (...«Một tia sáng mặt trời xuyên qua ê-te dày đặc và lạnh», v.v.).

Như vậy, **GIẢ THUYẾT** về ê-te đã có đến hàng nghìn năm nay, và cho mãi đến nay vẫn là một *giả thuyết*. Nhưng ngày nay đã có gấp nghìn lần hơn những *đường ngầm* dẫn đến việc giải quyết vấn đề, đến định nghĩa khoa học về ê-te.

HỌC PHÁI Ê-LÊ-ÁT

Về học phái Ê-lê-át, Hê-ghen nói về *phép biện chứng* :

...«Chúng ta thấy ở đây (trong học phái Ê-lê-át) khởi đầu của phép biện chứng, tức chính là, của sự vận động thuần túy của tư duy trong các khái niệm; và đồng thời sự đối lập giữa tư duy và hiện tượng hay là tồn tại cảm tính, — giữa cái tồn tại tự nó và cái là tồn tại vì một cái khác của cái tồn tại tự nó này; và chúng ta tìm thấy trong bản chất khách quan mâu thuẫn mà bản chất chứa đựng trong bản thân nó (phép biện chứng theo nghĩa đen)»... [296]

Phép biện
chứng là
gì?
(α)

(β)

Hai dấu hiệu
Hai đặc trưng

Về thực chất, ở đây có hai quy định (*Bestimmungen, keine Definitionen*)¹ của phép biện chứng:

α) « Sự vận động thuần túy của tư duy trong các khái niệm »;

β) « Trong (chính ngay) bản chất của các đối tượng, (làm sáng tỏ) (vạch ra) mâu thuẫn, mà nó (bản chất ấy) chứa đựng trong bản thân nó (*phép biện chứng theo nghĩa đen*). »

Nói cách khác, «đoạn» này của Hê-ghen phải được diễn đạt như sau:

Phép biện chứng, nói chung là sự « vận động thuần túy của tư duy trong các khái niệm » (nghĩa là nói một cách không có sự thần bí của chủ nghĩa duy tâm: những

Hê-ghen
bàn về
phép biện
chứng.

1. Quy định, chứ không phải định nghĩa. (B.T.)

khái niệm của con người không đứng im, mà luôn luôn vận động, chuyển từ cái nọ sang cái kia, tràn lan từ cái nọ sang cái kia. Không như vậy, chúng không phải là phản ánh của đời sống sinh động. Sự phân tích những khái niệm, việc nghiên cứu chúng, «nghệ thuật vận dụng chúng» (Ăng-ghe-n¹) bao giờ cũng đòi hỏi việc nghiên cứu sự vận động của các khái niệm, mối liên hệ giữa chúng, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa chúng).

Đặc biệt, phép biện chứng là sự nghiên cứu sự đối lập của cái Tự-nó (*Ansich*), của bản chất, của cơ chất, của thực thể, — với hiện tượng, « cái-tồn-tại-vì-một-cái-khác ». (Ở đây cũng vậy, chúng ta thấy sự chuyển hóa, sự tràn lan của cái nọ sang cái kia: bản chất hiện ra. Hiện tượng là có tính chất bản chất.) Tư duy của người ta đi sâu một cách vô hạn, từ giả tượng tới bản chất, từ bản chất cấp một, nếu có thể nói như vậy, đến bản chất cấp hai, v.v., đến vô hạn.

Theo nghĩa đen, phép biện chứng là sự nghiên cứu mâu thuẫn *trong ngay bản chất của sự vật*: không phải chỉ riêng hiện tượng là tạm thời, chuyển động, lưu động, bị tách rời bởi những giới hạn chỉ có tính chất giả định, mà tất cả cái đó cũng đúng đối với *bản chất của sự vật*.

Xéc-tu-xơ Ăm-pi-ri-cu-xơ trình bày quan điểm của những người theo thuyết hoài nghi như sau:

¹ *Chống Duy-rinh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà - nội, 1960, tr. 21-22. (B.T.)

... «Cũng như nếu chúng ta tưởng tượng một cái nhà trong đó có nhiều đồ vật quý và nhiều người tìm vàng trong đêm tối: mỗi người tưởng rằng mình đã tìm thấy vàng, nhưng không thể tin chắc đó là vàng ngay cả khi họ đã tìm được vàng thật. Các nhà triết học cũng vậy, họ đi vào thế giới này như đi vào trong một cái nhà lớn để tìm chân lý; ngay cả khi họ đã tìm thấy chân lý, họ cũng không thể biết chắc là họ đã đạt tới chân lý...» [304-305]

So sánh
hấp dẫn.

Xê-nô-phan (phái Ê-lê-át) nói:

«Nếu bò và sư tử cũng có những bàn tay để sáng tạo ra những công trình nghệ thuật giống hệt như loài người, thì chúng cũng sẽ vẽ Thần, và cho Thần những thân thể giống thân thể của chúng»... [305]

Những
Thần theo
hình ảnh
của người.

«Ở Dê-nông, đặc điểm — đó là phép biện chứng»... «Ông là cha của phép biện chứng»... [318]

... «Ở Dê-nông, chúng ta cũng tìm thấy một phép biện chứng thật sự *khách quan*» [325]

([326]: về việc bác bỏ những hệ thống triết học: «cái sai phải được coi là sai, không phải vì cái đối lập của nó là đúng, mà phải được coi là sai ở bản thân nó»...)

«Phép biện chứng, nói chung, là: a) phép biện chứng bên ngoài, vận động này khác với sự tổng hợp toàn thể của nó; b) vận động không những của trí tuệ chúng ta, mà được chứng minh bởi chính bản tính của sự vật, nghĩa là bởi khái niệm thuần túy của nội dung. Phép biện chứng trên là một cách xem xét các đối tượng, tìm thấy ở đối tượng những căn cứ và những mặt, do đó, làm

Phép biện
chứng.

**Phép biện
chứng
khách quan**

lay động tất cả cái gì được coi là vững chắc. Những căn cứ này có thể là hoàn toàn bên ngoài, và khi nào nói đến những người nguy biệ, chúng ta lại trở lại vấn đề này. Còn phép biện chứng kia là sự xem xét bên trong đối với đối tượng: người ta xem xét đối tượng tự nơi bản thân đối tượng, không có tiền đề nào, không có thiên kiến nào, không có ý niệm đạo đức nào, loại trừ mọi quan hệ, quy luật, và căn cứ bên ngoài. Người ta tự đặt mình hoàn toàn vào trong sự vật, người ta xem xét đối tượng tự nơi bản thân đối tượng, và người ta dựa vào những quy định mà đối tượng vốn có để xem xét đối tượng. Trong cách xem xét này, đối tượng tự bản thân nó để lộ ra (sic!) là nó bao hàm những quy định đối lập, do đó nó tự vượt qua, tự xóa bỏ; phép biện chứng ấy, chúng ta thấy chủ yếu ở những nhà triết học cổ đại... Phép biện chứng chủ quan dựa trên những căn cứ bên ngoài chỉ có giá trị trong điều kiện thừa nhận rằng «trong cái đúng cũng có cái không đúng và trong cái sai cũng có cái đúng». Phép biện chứng chân chính không lưu lại bất kỳ cái gì của đối tượng của nó; đối tượng tự bộc lộ ra là không đầy đủ, không phải chỉ ở một mặt nào đó của nó, mà nó tan rã hoàn toàn». [327]

**Về phép
biện chứng
và về ý
nghĩa
khách quan
của nó.**

Ở thế kỷ XX (và ngay hồi cuối thế kỷ XIX), «mọi người đều đã đồng ý» với «nguyên tắc phát triển». — Nhưng sự «đồng ý» nông cạn, thiếu suy nghĩ, ngẫu nhiên, phi-li-stanh ấy là một trong những thứ đồng ý mà người ta dùng để bóp nghẹt chân lý và làm cho chân lý trở thành nhạt nhẽo. — Nếu tất cả đều phát triển, thì điều đó có nghĩa là tất cả đều chuyển hóa từ cái nọ sang cái kia, bởi vì,

như người ta đã biết, sự phát triển không phải là một sự lớn lên đơn giản, một sự tăng thêm (hay là một sự giảm bớt) phổ biến và vĩnh viễn, v.v.. — Bởi như vậy cho nên 10 phải hiểu một cách chính xác hơn sự tiến hóa là sự sinh ra và sự hủy diệt của mọi vật, là những sự chuyển hóa lẫn nhau. — Và 20 nếu tất cả đều phát triển, thì cái đó có áp dụng cho những khái niệm chung nhất và những phạm trù của lý trí không? Nếu không, thì tức là lý trí không có liên hệ gì với tồn tại cả. Nếu có, thì tức là có một phép biện chứng của những khái niệm và một phép biện chứng của nhận thức, phép biện chứng này có một ý nghĩa khách quan. +

- | | |
|------------------------------------|---|
| I. Nguyên tắc về sự phát triển... | + Ngoài ra, phải liên hệ, kết hợp, nối liền nguyên tắc chung về sự phát triển với nguyên tắc chung về sự thống nhất của vũ trụ, của giới tự nhiên, của vận động, của vật chất, v.v. |
| II. Nguyên tắc về sự thống nhất... | |

C.Y.

... «Đê-nông chủ yếu xem xét sự vận động một cách khách quan biện chứng.» (tr. [329])

...«Bản thân sự vận động là phép biện chứng của tất cả cái gì tồn tại»... Đê-nông hoàn toàn không có ý nghĩ phủ nhận sự vận động coi như — «tính xác thực của cảm giác». Vấn đề ở đây chỉ là vấn đề về «tính chân lý của nó (của vận động)» — (về tính chân lý của vận động). Ở trang sau, Hê ghen

C.Y.
người ta có thể và phải đảo ngược các vế của vấn đề: vấn đề

không phải
là tìm hiểu
xem sự vận
động có
tồn tại
không, mà
là thể hiện
nó như thế
nào trong
lô-gích của
những khái
niệm.

Không dở!
Đoạn tiếp
này của
câu chuyện
ở đâu ra?
Ở Di-ô-gien
La-éc-xơ
VI, § 39
và Xéc-tu-
xơ Âm-pi-
ri-cu-xơ III
8 (Hê-ghen
tr. 330)
không có
đoạn tiếp
như vậy. Có
phải Hê-
ghen đã
bịa ra
không?

kể chuyện Di-ô-gien (nhà triết học theo phái
xi-ních của thành Xi-nốp) đã dùng cách đi
bộ để bác bỏ sự vận động và Hê-ghen viết:

...«Người ta cũng kể đoạn tiếp của câu
chuyện như sau: Khi một người học sinh
thỏa mãn với lối bác bỏ của ông ta, Di-ô-
gien đã cầm gậy đánh, bởi vì khi giáo sư đã
đề ra căn cứ để biện luận, thì về phía mình
học sinh cũng chỉ có thể thừa nhận một sự
bác bỏ, dựa trên những căn cứ. Cũng thế,
người ta không được thỏa mãn với tính xác
thực của cảm giác mà phải tìm hiểu»...

Bốn cách bác bỏ sự vận động ở Dê-nông:

1. Cái gì vận động đến đích thì trước hết
phải đi qua phần nửa con đường đến
đích ấy. Từ phần nửa ấy, trước hết phải
đi qua phần nửa của phần nửa ấy, v.v.,
và cứ như thế cho đến vô cùng.

A-ri-stốt đã trả lời: thời gian và
không gian có thể phân chia đến vô hạn
($\delta\upsilon\nu\alpha\mu\epsilon\iota$ ¹) nhưng không phải đã bị phân
chia đến vô hạn ($\epsilon\upsilon\epsilon\rho\gamma\epsilon\iota$ ²); Bây-lơ (Từ
điền, tập IV, ở bài Dê-nông) cho câu trả
lời của A-ri-stốt là đáng thương:

1. Nói về tính khả năng. (B.T.)

2. Trên thực tế (B.T.)

... «nếu trên một màu tài liệu nhỏ người ta vạch lên một số vô hạn những đường, thì người ta sẽ đưa vào đấy một sự phân chia, sự phân chia này đã biến cái mà, theo ông (A-rí-stốt) chỉ là một cái vô hạn ảo tưởng thành cái vô hạn hiện thực»... [333].

Hê-ghen viết [333]: «Chữ *nếu* này thật là tuyệt diệu!»

nghĩa là, nếu người ta tiến hành
đến cùng một sự phân chia vô
hạn!!

...«Bản chất của thời gian và của không gian là sự vận động, bởi vì vận động là phổ biến; hiểu được vận động có nghĩa là: diễn đạt bản chất của nó dưới hình thức của khái niệm. Với tư cách là sự thống nhất giữa tính phủ định và tính liên tục, sự vận động được biểu hiện như là khái niệm, như là tư duy, nhưng chính là không nên coi tính liên tục cũng như tính gián đoạn tự bản thân chúng là bản chất...» (tr. [334])

Đúng!

«Hiểu có nghĩa là: diễn đạt dưới hình thức của khái niệm.» Sự vận động là bản chất của thời gian và của không gian. Hai khái niệm cơ bản biểu thị bản chất ấy: tính liên tục (vô hạn) (*Kontinuität*) và «tính gián đoạn» (= phủ định của tính liên tục, tức là *tính gián đoạn*). Sự vận động là sự thống nhất của tính liên tục (của thời gian và của không gian) và của tính gián đoạn (của thời gian và của không gian). Vận động là một mâu thuẫn, là một sự thống nhất của các mặt đối lập.

Uy-béc-véc-Ilen-xơ, lần xuất bản thứ 10, tr. [63] (§ 20) đã sai lầm khi nói rằng: Hê-ghen «bảo vệ A-ri-stốt chống lại Bây-lơ». Hê-ghen bác bỏ cả người theo thuyết hoài nghi (Bây-lơ) lẫn người theo thuyết phản-biện chứng [A-ri-stốt].

Xem Gomperz¹. Các nhà tư tưởng của Hy-lạp, tr..., thừa nhận một cách bất buộc, dưới sự dọa nạt của cái gậy, tính thống nhất của các mặt đối lập, mà không thừa nhận (vì sự nhút nhát của tư duy) phép biện chứng...

2. A-sin không đuổi kịp con rùa. «Trước hết một nửa», v.v., một cách vô cùng.

A-ri-stốt trả lời: A-sin sẽ đuổi kịp nếu người ta cho phép A-sin «vượt giới hạn» (tr. [336]). Và Hê-ghen: «Câu trả lời đó là đúng và bao hàm trong nó tất cả» (tr. [337]), — bởi vì thật ra phần nửa ở đây trở thành (ở một trình độ nào đó) «một giới hạn»...

Xem những
lời phản đối
của Tséc-
nốp chống
Ăng-ghen².

«Khi chúng ta nói một cách chung về sự vận động thì chúng ta nói rằng: vật thể ở tại một chỗ, rồi sau đó nó chuyển dịch đến một chỗ khác. Khi nó đang vận động, nó không còn ở chỗ thứ nhất nữa, nhưng nó cũng chưa ở chỗ thứ hai; nếu nó ở tại một trong hai chỗ thì nó là đứng im. Nếu người ta nói nó ở giữa hai chỗ, thì tức là người ta không nói gì hết, bởi vì ở giữa hai chỗ, cũng tức là ở một chỗ nào đó, và như vậy người

1. Tê-ô-đo Gôm-péc-xơ. (Các nhà tư tưởng của Hy-lạp, lịch sử triết học cổ đại, Pa-ri, 1909. (B.T.)

2. Xem Nghiên cứu triết học và xã hội học của Tséc-nốp. (B.T.)

ta lại gặp cùng một khó khăn như trên. Nhưng vận động có nghĩa là: vừa ở chỗ này nhưng đồng thời lại không ở chỗ này; đó chính là tính liên tục của không gian và của thời gian — và chính tính liên tục đó làm cho vận động trở thành khả năng.» (tr. [337-338])

C.Y.!
Đúng!

Vận động, đó là vị trí của một vật thể, trong một lúc nhất định thì ở tại một chỗ nhất định và trong một lúc khác, lúc tiếp theo sau, lại ở tại một chỗ khác — đó là lời phản đối mà Tséc-nốp nhắc lại (xem cuốn *Nghiên cứu triết học* của ông) sau tất cả những kẻ đối diện «siêu hình» của Hêghen.

Lời phản đối này là *không đúng*: 1° nó mô tả *kết quả* của vận động, chứ không phải *bản thân* vận động; 2° nó không vạch ra, không bao hàm trong nó *tính khả năng* của vận động; 3° nó biểu hiện vận động như là một số cộng, một chuỗi trạng thái *đứng im*, như vậy có nghĩa là mâu thuẫn (biện chứng) không bị thủ tiêu bởi vận động, mà chỉ bị bao phủ, bị đẩy lùi, bị che lấp, bị giấu giếm.

«Cái luôn luôn gây khó khăn đó là tư duy, bởi vì nó tách rời và duy trì trong sự khác nhau những vòng khâu của một đối tượng, mà những vòng này thì trong thực tế là gắn liền với nhau.» [338]

Đúng!

Chúng ta không thể biểu hiện; thể hiện, đo lường, hình dung sự vận động mà không cắt đứt tính liên tục của nó, không đơn giản hóa, không làm thô lỗ, không tách rời, không giết chết cái gì đang sống. Việc tư duy (không những

tư duy mà cả cảm giác) hình dung sự vận động, (không những sự vận động mà **tất cả** các khái niệm) bao giờ cũng làm thô lỗ, làm chết cứng.

Đấy, chính là *bản chất* của phép biện chứng. Chính *bản chất* ấy đã được thể hiện trong công thức: thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập.

30 «Cái tên đang bay là bất động.»

Và câu trả lời của A-ri-stốt: sai lầm biểu hiện ở chỗ đã thừa nhận rằng «thời gian là do những lúc này khác nhau hợp thành» (ἐκ τῶν ὅσων) (tr. [340]).

40 Một nửa bằng gấp đôi: tùy theo chỗ, cùng một sự vận động được đo lường so với một vật đứng im hay là so với một vật vận động theo chiều *ngược lại*.

Cuối đoạn nói về Dê-nông, Hê-ghen so sánh Dê-nông với Can-tơ (những an-ti-nô-mi của Can-tơ «không phải là cái gì khác hơn cái mà Dê-nông đã làm ở đây») (tr. [342]).

Kết luận chung về phép biện chứng của học phái Ê-lê-át: «chân lý chỉ là Một», «tất cả cái khác đều là không-chân lý» — «cũng vậy, kết quả của triết học Can-tơ là : «Chúng chỉ biết những hiện tượng.» Nói chung, đó là cùng một nguyên lý.»

Nhưng cũng có một sự khác nhau.

«Ở Can-tơ, chính tinh thần phá hoại thế giới, ở Dê-nông, thì thế giới, cái hiện tượng tự nó và vì nó không phải là chân lý. Theo Can-tơ, chính tư duy của chúng ta, hoạt động tinh thần của chúng ta, là xấu. Sự khiêm tốn quá độ của tinh thần là ở chỗ không coi trọng nhận thức»... (tr. [342-343])

Can-tơ và
chủ nghĩa
chủ quan,
chủ nghĩa
hoài nghi
của ông
v.v)

Lơ-xíp-pơ và những người theo thuyết
ngụy biện kế thừa phái Ê-lê-át...

TRIẾT HỌC CỦA HÊ-RA-CƠ-LÍT

Sau Dê-nông (? ông sống sau Hê-ra-cơ-lít?)¹, Hê-ghen chuyển sang bàn về Hê-ra-cơ-lít và nói:

«Nó (phép biện chứng của Dê-nông) cũng có thể gọi là phép biện chứng chủ quan trong chừng mực nó thuộc về chủ thể đang tư duy, và không có phép biện chứng ấy, không có vận động ấy, thì Một là sự Thống nhất, sự đồng nhất trừu tượng»²....[344]

C.Y.

α) Phép biện chứng chủ quan.

β) Trong đối tượng, có phép biện chứng, nhưng tôi thì tôi không biết. Có lẽ đây chỉ là cái *Schein*³, chỉ là hiện tượng, v.v.

γ) Một phép biện chứng hoàn toàn khách quan, coi như là nguyên lý của tất cả cái gì tồn tại.

trước kia, người ta đã từng nói, xem trích dẫn tr. [325] và các trang sau, rằng: ở Dê-nông, có một phép biện chứng *khách quan*. Ở đây, có một «sự khác nhau» rất tế nhị. Xem tiếp theo:)

«Phép biện chứng là: α) phép biện chứng bên ngoài, sự suy luận không đầu vào

C.Y.

1. Dê-nông sống sau Hê-ra-cơ-lít. Hê-ra-cơ-lít sinh năm 576. chết năm 480. Dê-nông sinh vào khoảng 490 (trước C.N.). (B.T.)

2. Bản tiếng Nga: cái thống nhất là một, là sự đồng nhất trừu tượng. (N.D.)

3. Giả tượng. (B.T.)

C.Y.

dầu, chứ không phải linh hồn của bản thân sự vật không được hòa tan¹; b) phép biện chứng bên trong của đối tượng, nhưng (C.Y.) thuộc về sự phản tư của chủ thể; c) tính khách quan kiểu Hê-ra-cơ-lít, tức là bản thân phép biện chứng được biểu như là một nguyên tắc» [344].

C.Y.

(Ở Hê-ra-cơ-lít): «Ở đây, chúng ta đã đến bờ; không có một mệnh đề nào của Hê-ra-cơ-lít mà tôi không nhắc lại trong Lô-gích học của tôi.» [344]

«Hê-ra-cơ-lít nói, — Tất cả đều là sinh thành; sự sinh thành ấy là nguyên tắc. Cái đó bao hàm trong từ ngữ: tồn tại không hơn cái không-tồn tại»... [349]

«Thừa nhận rằng tồn tại và không-tồn tại chỉ là những cái trừu tượng không chân lý, rằng chân lý đầu tiên là sự Sinh thành, đó là một kết quả lớn. Lý trí tách rời hai cái ra, coi mỗi cái riêng biệt như là chân lý và có ý nghĩa; trái lại, Lý tính thừa nhận cái nọ trong cái kia; nó thừa nhận rằng trong cái Này đã bao hàm cái Khác của nó (C.Y. «cái Khác của nó»), — và như vậy, cái Toàn thể, cái Tuyệt đối phải được quy định như là cái Sinh thành» [350].

«A-ri-stốt nói, chẳng hạn, (*De Mundo*, ch. V) rằng: Hê-ra-cơ-lít, nói chung, đã «nối liền cái toàn thể với cái không-toàn thể» (bộ phận)... «cái cùng phù hợp với nhau và cái không phù hợp với nhau, cái hòa điệu và cái không hòa điệu; và từ cái toàn thể» (từ cái đối lập) «sinh ra cái một, và từ cái một sinh ra cái toàn thể.» [351]

1. Bản tiếng Trung quốc: Phép biện chứng bên ngoài, tức suy luận quanh co không đạt tới bản chất nội tại của sự vật. (N.D.)

Pơ-la-tông, trong *Bữa tiệc*, nhắc lại những quan điểm của Hê-ra-cơ-lít (ngoài những quan điểm khác có quan điểm về âm nhạc: sự hòa điệu được làm bằng những cái đối lập) và từ ngữ: « nghệ thuật của nhạc sĩ đem những cái khác nhau kết hợp với nhau ».

Hê-ghen viết: đây không phải là một lời phản đối Hê-ra-cơ-lít, bởi vì khác nhau là bản chất của hòa điệu:

« Hòa điệu ấy chính là sự sinh thành, sự biến đổi tuyệt đối, — không phải sự sinh thành cái khác, lúc này thì cái này, lúc sau thì cái khác. Cái bản chất tức là: mỗi sự vật khác, mỗi sự vật đặc thù là khác với một sự vật Khác, — không phải khác một cách trừu tượng với bất cứ cái khác nào, mà với cái khác của nó; mỗi sự vật chỉ tồn tại trong chừng mực cái khác-tự-nó của nó bao hàm trong khái niệm của nó... » [352]

« Các âm điệu cũng vậy; chúng phải khác nhau, nhưng phải khác nhau thế nào để chúng có thể thống nhất với nhau »...

Tr. [353]: ngoài những người khác, Xéc-tu-xơ Âm-pi-ri-cu-xơ (và A-ri-stốt) được coi như là trong số những... « người làm chứng tốt nhất »...

Hê-ra-cơ-lít nói: « thời gian là bản chất có hình thể đầu tiên » (Xéc-tu-xơ Âm-pi-ri-cu-xơ), — có hình thể là một từ ngữ « vụng về » (có lẽ được chọn bởi (C.Y.) một người theo thuyết hoài nghi (C.Y.)), — nhưng thời gian là « bản chất cảm tính đầu tiên »...

...« Thời gian là cái sinh thành thuần túy, coi như là được nhận thức trực tiếp »... [354].

Rất đúng
và rất
quan trọng:
« cái khác »
như là cái
khác của
nó, sự phát
triển thành
cái đối lập
của nó

Về việc Hê-ra-cơ-lít quan niệm lửa như một quá trình, Hê-ghen nói: «Lửa là thời gian vật lý; nó là sự không tĩnh tuyệt đối» [356],— và sau đó bàn về triết học tự nhiên của Hê-ra-cơ-lít:

«...Nó (giới tự nhiên) là quá trình trong bản thân nó»... [360] «giới tự nhiên là cái không bao giờ ở trạng thái đứng im và tất cả đều là sự chuyển hóa từ cái Này sang cái Khác, từ phân đôi đến thống nhất và từ thống nhất đến phân đôi [357].»

«Hiểu giới tự nhiên tức là: miêu tả nó như là một quá trình» [355].

Ở đây lộ ra tính hạn chế của các nhà bác học:

C.Y.

...«Nếu người ta nghe họ (những nhà bác học) nói, họ chỉ xem xét, chỉ nói cái gì họ nhìn thấy; nhưng điều đó không đúng, bởi vì bằng một cách không tự giác họ thông qua khái niệm mà biến đổi một cách trực tiếp cái họ nhìn thấy. Và sự tranh luận không nhằm vào mâu thuẫn giữa sự quan sát và khái niệm tuyệt đối, mà nhằm vào mâu thuẫn giữa khái niệm cục bộ, cố định và khái niệm tuyệt đối. Họ (các nhà bác học) chứng minh những sự biến đổi là không tồn tại»... [360].

C.Y.

...«Nước bị phân giải trong quá trình của nó để lộ ra hy-drô và ô-xy: những chất này không nảy sinh ra; chúng đã tồn tại từ trước như vậy, như là những bộ phận tạo thành nước» (Hê-ghen đã chế nhạo các nhà bác học như vậy đấy)... «bất cứ từ ngữ nào của tri giác và của kinh nghiệm cũng là như vậy; hễ người ta nói lên, là trong lời nói của người ta có một khái niệm — không thể loại trừ được khái niệm —

được tái tạo trong ý thức... khái niệm bao giờ cũng bao hàm một dấu vết của tính phổ biến và của chân lý» [362].

Rất đúng và quan trọng — đó chính là cái mà Ăng-ghe-n thường nhắc lại dưới một hình thức thông tục hơn, khi ông viết, các nhà bác học phải hiểu rằng những thành quả của khoa học tự nhiên là những khái niệm, nhưng nghệ thuật vận dụng (những khái niệm) không phải là bẩm sinh: nó là kết quả của sự phát triển của những khoa học tự nhiên và của triết học trong hai nghìn năm.

Các nhà bác học có một ý niệm chật hẹp về sự chuyển hóa và không hiểu phép biện chứng.

...«Hê-ra-cơ-lít... là người đầu tiên đã nói lên bản tính của cái vô hạn, và là người đầu tiên đã hiểu giới tự nhiên tự nó là vô hạn, tức là đã hiểu bản chất của nó là quá trình»... [362]

Về khái niệm tính tất nhiên — xem tr. [363], Hê-ra-cơ-lít, hình như, không thể nhìn thấy chân lý trong «tính xác thực của cảm giác», — mà chỉ nhìn thấy chân lý trong «tính tất nhiên» (εἰμαρμένη) — ((λογος)).

C.Y. «sự trung gian tuyệt đối»

«Cái lý tính, cái chân lý, mà tôi biết được, chắc chắn đó là kết quả của một sự dật lùi ra ngoài cái khách quan, coi như là cái cảm tính cái cá biệt, cái được quy định, cái đang tồn tại. Nhưng cái mà lý tính biết được

(«liên hệ tuyệt đối»)

C.Y.

tính tất nhiên = «tính phổ biến của

tồn tại»
(tính phổ
biến trong
tồn tại)
(mối liên
hệ, « sự
trung gian
tuyệt đối».)

trong nó cũng đồng thời là tính tất nhiên,
hay là tính phổ biến của tồn tại, là bản chất
của tư duy, cũng là bản chất của thế giới.»
[368]

TRIẾT HỌC CỦA LƠ-XÍP-PƠ

Sự phát
triển lịch
sử của
triết học
« phải phù
hợp» (? ?)
với sự phát
triển của
lô-gích.

[384]: «Sự phát triển lịch sử của triết học phải
phù hợp với sự phát triển của lô-gích
học. Nhưng trong lô-gích học, tất nhiên
có những vòng khâu không có trong sự
phát triển lịch sử».

Ở đây có một tư tưởng rất sâu sắc và
đúng, về thực chất là duy vật (lịch sử hiện
thực là căn cứ, là cơ sở, là tồn tại mà từ đó
bắt nguồn ý thức).

Lơ-xíp-pơ nói rằng những nguyên tử là
không thể thấy được «do sự nhỏ bé của thê
tích của chúng», — Hê-ghen bác lại rằng đó
là một «lối thoát», rằng người ta không thể
trông thấy «Một», rằng «nguyên tắc về một»
«là hoàn toàn lý tưởng», rằng Lơ-xíp-pơ
không phải là một người «kinh nghiệm chủ
nghĩa», mà là một người duy tâm.

« ? ? Sự giải thích gượng ép của nhà
duy tâm Hê-ghen. Đương nhiên là sự
giải thích. »

[Giải thích Lô-xíp-pơ theo lô-gích của mình, Hê-ghen nói nhiều về tầm quan trọng, về sự «vi đại» của nguyên tắc Tồn tại vì nó (*Fürsichsein*) mà ông thấy lại ở Lô-xíp-pơ. Người ta cảm thấy một phần có sự gò ép.]¹

Nhưng có một hạt chân lý: sắc thái («vòng khâu») của tính cá biệt; sự gián đoạn của tính tiệm tiến; vòng khâu của sự xóa nhòa những mâu thuẫn; sự gián đoạn của cái liên tục, — nguyên tử, Một, xem [387]:— «Một và cái liên tục là những mặt đối lập»...

Người ta không thể áp dụng nguyên xi lô-gích của Hê-ghen, cũng không thể coi nó như là một cái đã có sẵn. Cần phải rút ra từ trong đó những mặt lô-gích (nhận thức luận), sau khi đã gạt bỏ ra tính thần bí của ý niệm: đó còn là một công việc lớn.

«Nhu vậy, nguyên tử luận, nói chung, đối lập với quan niệm cho rằng thế giới là do một thực thể xa lạ với thế giới sáng tạo và duy trì. Khoa học tự nhiên, với nguyên tử luận, lần đầu tiên cảm thấy không cần thiết phải chỉ ra một căn cứ cuối cùng của thế giới. Bởi vì, nếu người ta coi giới tự nhiên như là được tạo ra và duy trì bởi một tồn tại khác (hơn là giới tự nhiên), thì người ta sẽ hình dung nó như là không tồn tại tự nó, như là có khái niệm của nó ở ngoài bản thân nó; có nghĩa là nó có một căn cứ cuối cùng xa lạ với nó; bản thân nó không có căn cứ, nó chỉ có thể được hiểu biết

Chủ nghĩa duy vật (chữ đó làm cho Hê-ghen sợ và kêu lên: ầy, đừng đựng vào tôi!) *versus* nguyên tử luận.

1. Những dòng này, Lê-nin đã gạch đi trong bản thảo. (B.T.)

bằng cách thông qua ý chí của một cái khác: xét về bản thân nó thì nó là ngẫu nhiên, không có tính tất nhiên, không có khái niệm bên trong bản thân nó. Trái lại, trong nguyên tử luận, chúng ta tìm thấy chính ngay quan niệm về tồn tại tự nó của giới tự nhiên nói chung,—nghĩa là bản thân tư duy tự tìm thấy mình trong giới tự nhiên»... [388-89]

C.Y.

Trình bày nguyên tử luận của Lơ-xíp-pơ theo Đi-ô-gien La-éc-xơ, IX, § 31-33, những «con lốc» nguyên tử (*Wirbel*- δίνη), Hê-ghen không thấy cái gì hay ở đây («không có gì là thú vị»... «sự trình bày trống rỗng», «những ý niệm lơ mờ và lộn xộn» — tr. [393-394]).

Sự mù quáng của Hê-ghen, tính phiến diện của người duy tâm!!

TRIẾT HỌC CỦA ĐÊ-MÔ-CƠ-RÍT

Hê-ghen đối xử với Đê-mô-cơ-rít hoàn toàn như một người mẹ ghẻ. Tất cả đều nói ở tr. [394-395]! Nhà duy tâm không chịu đựng nổi tinh thần của chủ nghĩa duy vật!! Ông nhắc lại những chữ của Đê-mô-cơ-rít (tr. [395]):

«Theo ý kiến (νόμος) thì cái nóng có tồn tại; theo ý kiến thì cái lạnh có tồn tại; theo ý kiến thì màu sắc, cái ngọt, cái đắng có tồn tại; theo chân lý (ἐπιστήμη) thì chỉ có tồn tại những nguyên tử và chân không» (Xéc-tu-xơ Âm-pi-ri-cu-xơ *Adversus mathematicos* (Phản đối nhà toán học), VII, § 135).

Và ông rút ra kết luận :

...«Nhu vậy là chúng ta thấy rằng Đê-mô-cơ-rít đã diễn đạt một cách chính xác hơn sự khác nhau giữa những vòng khâu của cái tự-nó và cái tồn-tại-vì-một-cái-khác»...

Do đó « cửa đã mở » cho « chủ nghĩa duy tâm xấu xa » : cảm giác của tôi, cái của tôi »¹...

« Chủ nghĩa
duy tâm
xấu xa »
(cảm giác
của tôi)
xem :
Ma-khơ².

...«Người ta khẳng định một tính đa dạng cảm tính, không có tính chất khái niệm của cảm giác, trong đó không có lý tính và chủ nghĩa duy tâm ấy cũng không dính dáng gì đến tính đa dạng ấy.»

Hê-ghen
versus
Ma-khơ...

TRIẾT HỌC CỦA A-NA-XA-GO

A-na-xa-go. Νοῦς³ — « nguyên nhân của vũ trụ và của mọi trật tự », Hê-ghen giải thích :

1. Bản của Hê-ghen viết : « Nhưng như vậy, những cửa cũng đã được mở ra rất rộng cho chủ nghĩa duy tâm xấu xa, chủ nghĩa duy tâm này tưởng rằng đã thanh toán được đối tượng bằng cách quy nó vào ý thức và bằng cách chỉ nói về nó rằng : nó là cảm giác của tôi, nó là cái của tôi. » (B.T.)

2. Lê-nin đã phê phán những lý luận của Ma-khơ, trong chương I, § 1 và 2 của tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. (B.T.)

3. Lý tính. (B.T.)

C.Y.
Khái niệm
loại là
« bản chất
của giới tự
nhiên », là
quy luật...

...« Tư duy khách quan... lý tính trong vũ trụ và cả trong giới tự nhiên, hay là, cũng như chúng ta nói, những loại trong giới tự nhiên, đều là cái phổ biến. Con chó là một động vật, động vật là loại của chó, là thực chất của chó; bản thân chó chính là động vật. Quy luật ấy, lý trí ấy, lý tính ấy, bản thân chúng đều là cái bên trong của giới tự nhiên, là bản chất của giới tự nhiên; giới tự nhiên được hình thành không phải từ bên ngoài, giống như người ta làm một cái ghế» [397-398].

« lý tính cùng linh hồn là một cái như nhau » (A-ri-stốt bàn về A-na-xa-go) — tr. [410].

*bước nhảy từ cái phổ biến trong giới tự nhiên đến linh hồn; từ khách thể đến chủ thể; từ chủ nghĩa duy vật đến chủ nghĩa duy tâm đã được giải thích như thế. C'est ici que ces extrêmes se touchent (et se transforment !)*¹

Về chủng tử² của A-na-xa-go [415] (những hạt nhỏ cùng một bản tính giống như những vật thể toàn vẹn), Hê-ghen viết:

Biến hóa.

« Cần phải hiểu sự biến hóa theo hai nghĩa, theo tồn tại và theo khái niệm... » Chẳng hạn, người ta nói: nếu người ta thủ tiêu nước, thì đá vẫn tồn tại; cũng như, nếu người ta thủ tiêu màu xanh, thì màu đỏ, v.v., vẫn tồn tại.

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: chính ở đây, những cực đoan ấy gặp nhau (và tự cái biến !) (B.T.)

2. Homéomère: chủng tử. (B.T.)

«Nhưng cái đó chỉ là theo ý nghĩa tồn tại; còn theo khái niệm, thì chúng chỉ tồn tại cái nọ thông qua cái kia; đó là tính tất nhiên bên trong.» Cũng giống như trong một cơ thể sống người ta không thể lấy quả tim ra mà không làm chết bộ phổi, v.v...

(ý nghĩa của nó).

«Giống như giới tự nhiên chỉ tồn tại trong sự thống nhất, bộ óc cũng chỉ tồn tại trong sự thống nhất với những cơ quan khác.» [420]

Nhưng, một số người quan niệm sự biến hóa như là sự tồn tại của những hạt nhỏ được quy định về chất, và sự tăng thêm hay là sự giảm bớt của chúng [kết hợp và phân ly]. Một quan điểm khác (Hê-ra-cơ-lít) — sự biến hóa của *cái này* sang *cái kia*.

Theo Hê-ghen, tồn tại và khái niệm, đại khái được phân biệt như: sự thực (tồn tại) được lấy riêng ra, rút ra khỏi mối liên hệ, và mối liên hệ (khái niệm), quan hệ qua lại, sự liên kết, quy luật, tính tất nhiên.

... «Khái niệm, tức là bản thân sự vật tồn tại tự nó và vì nó»...

Nói rằng cỏ là mục đích của động vật, động vật là mục đích của người, v.v., Hê-ghen kết luận:

«Đó là một vòng tròn, tự nó đã hoàn thành, nhưng sự hoàn thành lại cũng là sự chuyển hóa sang một vòng tròn khác; — một cơn lốc, mà trung tâm — nó sẽ quay trở lại trung tâm này — lại trực tiếp ở ngay chu vi của một vòng tròn cao hơn đang chôn vùi nó xuống»... [430]

C.Y.
Cái «phổ
biến» coi
như là
«bản chất»

«Sự phát
triển của
bản tính
của nhận
thức».

Cho đến bây giờ, những nhà triết học
cổ đại đem lại cho chúng ta không nhiều :
«Cái phổ biến là một tính quy định nghèo
nàn, mỗi người đều biết cái phổ biến, nhưng
không biết nó như là bản chất» [432]...

«Nhưng ở đây bắt đầu một sự phát triển
xác định hơn của quan hệ giữa ý thức và
tồn tại, sự phát triển của bản tính của nhận
thức coi như là nhận thức chân lý.» «Tinh
thần đã đạt đến chỗ biểu hiện bản chất
như là tư duy.» [433-434]

«Sự phát triển này của tính phổ biến
trong đó bản chất chuyển hóa hoàn toàn
về phía ý thức, chúng ta thấy sự phát triển
này trong triết học của học phái ngược biện,
một thứ triết học đã bị người ta chỉ trích
rất nhiều.» [434].

«Hết Tập I»

(Tập II bắt đầu từ học phái ngược biện).

TẬP XIV¹ – TẬP THỨ HAI CỦA LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

TRIẾT HỌC, CỦA PHÁI NGỤY BIỆN

Về phái ngụy biện, Hê-ghen nhai đi nhai lại ý kiến cho rằng trong thuyết ngụy biện, người ta thấy một nhân tố chung cho mọi văn hóa (*Bildung*) nói chung, kể cả văn hóa của chúng ta: tức là sự nêu bật lên những lý lẽ (*Gründe et Gegengründe*)², — « luận chứng đang phản tư»; — nghệ thuật tìm thấy ở tất cả những quan điểm khác nhau « chủ nghĩa chủ quan — thiếu chủ nghĩa khách quan ». Nói về Pơ-rô-ta-go-ra-xơ và luận đề nổi tiếng của ông (con người là thước đo của mọi vật), Hê-ghen liên hệ ông với Can-tơ:

...«Người là thước đo của tất cả, — người, do đó, là chủ thể nói chung; do đó, cái gì tồn tại thì không tồn tại một cách đơn độc, mà tồn tại đối với sự hiểu biết của tôi; trong cái có quan hệ với đối tượng, ý thức về bản chất là cái sản sinh ra nội dung. Hoạt động của tư duy chủ quan chủ yếu là ở chỗ đó. Và chính tư tưởng này còn được truyền bá mãi cho đến triết học cận đại. Can-tơ

Pơ-rô-ta-
go-ra-xơ
và Can-tơ.

1. Tập XVIII của lần xuất bản 1928. (B.T.)

2. Những luận cứ và phản chứng. (B.T.)

nói rằng: chúng ta chỉ biết những hiện tượng; tức là nói rằng cái gì đối với chúng ta, biểu hiện như là cái khách quan, như là hiện thực, thì chỉ nên được xem xét trong mối quan hệ của nó với ý thức và nó không tồn tại nếu không có quan hệ ấy... [31]

« Vòng khâu » thứ hai là chủ nghĩa khách quan (cái phổ biến) « nó là do tôi đặt ra, nhưng nó cũng là phổ biến tự nó một cách khách quan, không phải do tôi đặt ra »...

Thuyết tương
đối của phái
ngụy biện...

« Tính tương đối » ấy [32]. Theo Pơ-rô-ta-go-ra-xơ thì « mọi vật chỉ có một chân lý tương đối ».

Can-tơ
và những
người
ngụy biện
và hiện
tượng luận
à la¹ Ma-
khơ.

C.Y.

... « Hiện tượng của Can-tơ không phải là cái gì khác hơn là sự tồn tại của một sức thúc đẩy bên ngoài, một x, một vật chưa biết, một cái gì chỉ thu nhận những tính quy định ấy bằng cách thông qua cảm giác của chúng ta, thông qua chúng ta. Ngay như nếu có một lý do khách quan khiến chúng ta nói rằng cái này là lạnh, cái kia là nóng: thì chắc chắn là chúng ta cũng có thể nói là giữa chúng phải có sự khác nhau; tuy nhiên, cái nóng và cái lạnh chỉ tồn tại trong cảm giác của chúng ta, các sự vật cũng tồn tại như vậy, v.v do đó, kinh nghiệm được gọi là hiện tượng. » [34]

Không
phải chỉ
có thuyết
tương đối.

« Thế giới là hiện tượng không những vì nó tồn tại đối với ý thức tức là sự tồn tại của nó chỉ là tương đối đối với ý thức; mà nó cũng là tương đối tự nó. » [35]

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: theo kiểu. (B.T.)

... «Chủ nghĩa hoài nghi này đã đạt đến trình độ sâu sắc hơn nhiều ở Goóc-gi-a-xơ»... [35]

Chú
nghĩa hoài
nghi.

...«*Phép biện chứng* của ông ta»... của Goóc-gi-a-xơ, của nhà ngụ biện [nhiều lần: trang [36] và cả trang [37].

C.Y.

Ti-ê-đê-man-na đã tuyên bố rằng Goóc-gi-a-xơ đã đi xa hơn «lẽ phải thông thường». Và Hê-ghen cười rằng: triết học **nào** cũng đi xa hơn «lẽ phải thông thường», bởi vì lẽ phải thông thường không phải là triết học. Trước Cô-péc-níc, nói rằng trái đất quay, tức là nói *chống* lại lẽ phải thông thường.

Hê-ghen
nói về «lẽ
phải thông
thường».

«Lẽ phải thông thường này là cách tư tưởng của một thời đại chứa đựng tất cả những thành kiến của thời đại ấy.» [36]

Lẽ phải thông
thường=những
thành kiến của
một thời đại.

Goóc-gi-a-xơ; 1° không có gì tồn tại cả.
Không có gì cả.

2° Dù cho có một cái gì tồn tại đi nữa, thì nó cũng không thể biết được.

3° Dù cho nó có thể biết được đi nữa thì cũng không thể truyền đạt nhận thức ấy cho người khác được.
[37]

...«Goóc-gi-a-xơ có ý thức về sự vật như là những vòng khâu đang mất đi (sự tồn tại và không tồn tại của chúng, sự thủ tiêu lẫn nhau của chúng); biểu tượng vô ý thức cũng có chân lý ấy, nhưng nó không biết đến chân lý ấy»... [40]

« Những vòng khâu đang mất đi » = tồn tại và không tồn tại. Đó là một định nghĩa cực hay về phép biện chứng !!

Goóc-gi-a-xơ,
« thuyết thực tại tuyệt đối »
(và Can-tơ).

... «Goóc-gi-a-xơ a) tiến hành một cuộc bút chiến đúng đắn chống thuyết thực tại tuyệt đối, thuyết thực tại này tưởng nắm được bản thân sự vật trong biểu tượng, nhưng thật ra chỉ nắm được cái tương đối; b) rơi vào chủ nghĩa duy tâm xấu xa của thời cận đại: «Cái gì đã được tư tưởng thì bao giờ cũng chủ quan, tức là không phải là cái tồn tại; thông qua tư duy, chúng ta biến cái tồn tại thành cái được tư tưởng»... [41]

(và phần dưới (tr. [41]) Can-tơ còn được dẫn đến một lần nữa).

Phép biện chứng trong bản thân đối tượng.

Thêm về Goóc-gi-a-xơ: Ông đặt tất cả những vấn đề chính dưới hình thức lưỡng đoạn luận «hoặc là, hoặc là». «Nhưng đây không phải là một phép biện chứng chân chính; cần phải chứng minh rằng đối tượng tồn tại một cách tất nhiên trong một quy định nào đó, nó không tồn tại tự nó và vì nó. Đối tượng chỉ được phân giải thành những quy định ấy; nhưng từ đấy không đi tới một cái gì chống lại bản tính của bản thân đối tượng» [39].

Lại thêm về Goóc-gi-a-xơ:

Khi trình bày quan điểm của ông ta cho rằng người ta không thể chuyển đạt, truyền lại cái tồn tại:

«Ngữ ngôn dùng để diễn đạt cái tồn tại, không phải là cái tồn tại, — cái được truyền đạt không phải là cái đang tồn tại, đó chỉ là ngữ ngôn.» (Xéc-tu-xơ Ăm-pi-ri-cu-xơ *Adversus mathematicos* (Phản đối nhà toán học), VII, § 83-84) trang [41] — Hê-ghen viết: «Cái đang tồn tại cũng không được coi như đang tồn tại; nhưng lý giải được nó, tức là biến nó thành cái phổ biến.» [42]

C.Y.

Xem Phơ-bách.

... «Người ta tuyệt đối không thể nói rằng: cái đơn nhất này...»

Mỗi chữ (ngữ ngôn) đã là *khái quát* rồi.
Xem Phơ-bách

Cảm giác vạch ra cái hiện thực; tư duy và từ vạch ra cái chung.

Kết luận của tiết nói về phái ngụy biện: «Do đó những người ngụy biện cũng lấy phép biện chứng, triết học nói chung làm đối tượng nghiên cứu của họ; họ là những nhà tư tưởng sâu sắc»... [42]

TRIẾT HỌC CỦA XÔ-CƠ-RÁT

Xô-cơ-rát — «nhân vật lịch sử» «đáng chú ý» nhất trong triết học cổ đại — «tính chủ quan của tư duy» («tự do của tự ý thức») [42]

«Chính đây là chỗ tối nghĩa của phép biện chứng và thuật ngụy biện; tính khách quan biến mất»; phải chăng cái chủ quan là ngẫu nhiên hay «tự trong bản thân nó», nó là cái khách quan, và cái phổ biến? [43]

«Tư duy chân chính phải tư tưởng như thể nào để nội dung của nó vừa là không chủ quan, mà lại khách quan» — và ở Xô-cơ-rát và Pơ-la-tông, không những người ta thấy tính chủ quan («đem sự quyết định quy vào ý thức, Xô-cơ-rát và những người ngụ biện đều làm như thế») — mà còn thấy cả tính khách quan.

«Tính khách quan ở đây (ở Xô-cơ-rát) có hàm nghĩa là tính phổ biến tự nó và vì nó, không phải là tính khách quan bên ngoài [45] — idem [46]: «không phải là tính khách quan bên ngoài, mà tính phổ biến tinh thần»..

Và hai dòng sau :

«Lý tưởng của Can-tơ — đó là hiện tượng, hiện tượng không phải là cái khách quan tự nó»...

Xô-cơ-rát gọi phương pháp của ông ta là nghệ thuật của người hộ sinh [64] (của mẹ ông ta), ((mẹ Xô-cơ-rát = người hộ sinh)) — giúp cho tư duy sinh nở.

Thí dụ của Hê-ghen: Mọi người ai cũng biết sự sinh thành là cái gì, nhưng chúng ta ngạc nhiên thấy rằng, nếu đem phân tích (*reflektierend*) sự sinh thành, chúng ta thấy «nó là cái tồn tại, đồng thời cũng là cái không tồn tại» — «một sự khác nhau o lớn như vậy». [67]

Mơ-nông («*Meno*» Plato's²) so sánh Xô-cơ-rát với một con cá ngư lôi (*Zitteraal*), nó làm tê liệt kẻ nào đến gần nó [69]: và tôi «tràn ngập hôn mê», tôi không thể trả lời được.

1. Sinh thành = Không-tồn tại và tồn tại. (B.T.)

2. «Mơ-nông» của Pơ-la-tông. (B.T.)

... «Theo tôi, cái phải là chân lý phải là chính nghĩa, đó là tinh thần của tinh thần của tôi. Nhưng cái mà tinh thần tạo ra từ bản thân nó như vậy, cái mà đối với tinh thần có giá trị như vậy, thì cái đó phải sinh ra từ tinh thần như là từ cái phổ biến, như là từ tinh thần hoạt động với tính cách là cái phổ biến; chứ không phải từ những dục vọng, lợi ích, hứng thú, ngông cuồng, sở thích, mục đích, khuynh hướng của nó, v.v.. Cổ nhiên tất cả cái đó cũng là cái gì bên trong, «mà thiên nhiên đã đặt vào trong chúng ta», nhưng nó chỉ là tài sản của chúng ta một cách tự nhiên...» [74-75]

Très bien dit!!!

Chủ nghĩa duy tâm thông minh gần với chủ nghĩa duy vật thông minh hơn chủ nghĩa duy vật ngu xuẩn.

Chủ nghĩa duy tâm biện chứng thay cho chủ nghĩa duy tâm thông minh; phép siêu hình, không phát triển, chết cứng, thô bạo, bất động, thay cho sự ngu xuẩn.

Pơ-rô-ta-go-ra-xơ: «Người ta là thước đo mọi vật.» Xô-cơ-rát: «Người, coi như là một sinh vật đang tư duy, là thước đo mọi vật.»

Khác nhau tinh vi!

Trong tập *Hồi ức* của mình, so với Pơ-la-tông, Xê-nô-phông «đã mô tả Xô-cơ-rát một cách chính xác và trung thực hơn». [81]

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: Nói hay tuyệt! (B.T.)

PHÁI XÔ-CƠ-RÁT

Nói về những nguy biện về « đồng » và « hoi », Hê-ghen trở lại sự chuyển hóa từ lượng sang chất và ngược lại: phép biện chứng (trang [139-140]).

Tại sao người ta không thể nêu lên cái đơn nhất? Mỗi một vật thuộc một loại nhất định (thí dụ: loại bàn) khác với các vật khác bởi chính chỗ ấy.

C.Y.
Trong ngữ
ngôn chỉ
có cái
phổ biến.

[143-144]: Nhấn mạnh đến sự kiện là: « ngữ ngôn về thực chất chỉ thể hiện cái phổ biến; nhưng cái mà người ta tư tưởng lại là đơn nhất, đặc thù. Cho nên, người ta không thể dùng ngữ ngôn để diễn đạt điều mà người ta nghĩ ».

(«Cái này?» : từ chung nhất).

Ai đấy? Tôi. Tất cả mọi người đều là tôi. *Das Sinnliche* (cảm tính) nói chung? nhưng đó là một cái chung, v.v., v.v. «Cái kia»? ? Nhưng mỗi cái là «cái kia.»

C.Y.

Cần nghiên cứu :

Về triết học (phép biện chứng), Pơ-lê-kha-nốp chắc là đã viết tới 1.000 trang (Bentop + chống Bô-gơ-đa-nốp + chống phái Cantor + *Những vấn đề cơ bản*, v.v., v.v.). Trong 1.000 trang ấy, *nil*¹!! về đại lô-gích, về ý nghĩa của nó (tức là bản thân phép biện chứng coi như là khoa học triết học).

1. Không có gì. (B.T.)

«Nói chung, việc triết học nêu bật lên ý nghĩa của cái phổ biến, khiến cho chỉ có cái phổ biến là có thể được biểu thị mà thôi và «cái này», cái mà người ta nghĩ tới, tuyệt đối không thể được biểu thị, — đó là một ý thức và một tư duy mà tri thức triết học của thời đại chúng ta vẫn chưa đạt tới.» [143]

Trong số những cái này, Hê-ghen tính cả «chủ nghĩa hoài nghi của thời cận đại» **Can-tơ?** và những người nói rằng «tính xác thực của cảm giác là có chân lý».

Bởi vì *das Sinnliche* (cái cảm tính) «là cái phổ biến».

Với cái này Hê-ghen đã kích mọi chủ nghĩa duy vật *trừ* chủ nghĩa duy vật biện chứng.

C.Y.

C.Y.

Gọi tên? — nhưng tên gọi là ngẫu nhiên và không biểu thị bản thân *bản chất của sự vật* (biểu thị cái đơn nhất như thế nào) [144].

Hê-ghen «tin tưởng» và nghĩ một cách nghiêm túc rằng: chủ nghĩa duy vật không thể là triết học được, bởi vì triết học là khoa học về tư duy, về cái *phổ biến*, và cái phổ biến tức là tư duy. Ở điểm này, ông lặp lại sai lầm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan mà ông ta luôn luôn cũng gọi là chủ nghĩa duy tâm «xấu xa». Chủ nghĩa duy tâm khách quan (và hơn nữa chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối) đã xích lại

Hê-ghen và chủ nghĩa duy vật biện chứng.

gần, bằng cách trải qua nhiều quanh co (và lộn nhào), đến chỗ *đụng phải* chủ nghĩa duy vật và thậm chí một phần đã *biến thành chủ nghĩa duy vật*.

Cảm giác trong
lý luận về nhận
thức của phái
Xi-rê-na-ích-
cơ...

Học phái Xi-rê-na-ích-cơ cho rằng cảm giác là cái chân thực, «không phải là cái ở trong cảm giác, không phải là nội dung của cảm giác, mà là bản thân cảm giác với tính cách là cảm giác» [151].

«Do đó nguyên lý chủ yếu của học phái Xi-rê-na-ích-cơ, là cảm giác, cảm giác phải là tiêu chuẩn của chân lý và của điều thiện». [153]

«Cảm giác là cái cá biệt không quy định» và nếu người ta đưa tư duy vào đó, thì cá phổ biến biểu hiện ra và tính «chủ quan đơn giản» mất đi.

C.Y.²
Phái Xi-rê
na-ích-cơ
và Ma-khơ
và đồng bọn

(Trên vấn đề *cái phổ biến*, vấn đề «quy luật», vấn đề «tính tất nhiên», v.v. những nhà hiện tượng học à la¹ Ma-khơ và đồng bọn *không tránh khỏi* trở thành người duy tâm).

1. Tiếng pháp trong nguyên bản có nghĩa là: theo kiểu. (B.T.)
2. Xem Ueberweg-Heinze, § 38. tr.122 (xuất bản lần thứ 10) và cả về vấn đề có liên quan đến chúng, xem cả *Théetète* của Pơ-la-tông. Chủ nghĩa hoài nghi và chủ nghĩa chủ quan của họ (của phái Xi-rê-na-ích-cơ). (Chú thích của Lê-nin.)

Một người Xi-rê-na-ích-cơ khác, Hê-giê-di-a-xơ đã «nhận thức được» «chính sự không phù hợp này giữa cảm giác và tính phổ biến»... [155].

Người ta lẫn lộn cảm giác coi như là nguyên tắc của lý luận về nhận thức với cảm giác coi như là nguyên tắc luân lý học. Cái đó C.Y. Nhưng Hê-ghen đã *rút ra* lý luận về nhận thức.

TRIẾT HỌC CỦA PƠ-LA-TÔNG

Bàn về kế hoạch của Pơ-la-tông chủ trương đề cho các nhà triết học đảm nhận việc cai trị Quốc gia:

... «Địa bàn của lịch sử khác với địa bàn của triết học»... [193]

... «Cần phải biết hành động là thế nào: hành động tức là hoạt động của bản thân chủ thể, nhằm đạt đến những mục đích đặc biệt. Tất cả những mục đích ấy chỉ là những thủ đoạn để thực hiện ý niệm bởi vì ý niệm là sức mạnh tuyệt đối.» [193]

Những mục đích đặc biệt trong lịch sử tạo ra « ý niệm » (quy luật của lịch sử)

Nói về học thuyết ý niệm của Pơ-la-tông:

... «vì trực quan cảm tính không vạch cho chúng ta một cái gì dưới hình thức thuần túy, y như nó tồn tại tự nó...» (Phê-đông) — trang [215] — cho nên thân thể làm trở ngại cho linh hồn.

« Tinh thuần túy » (= không có sự sống?) của những khái niệm chung.

C.Y.
Phép biện
chứng của
nhận thức
C.Y.

Ý nghĩa của cái *phổ biến* là mâu thuẫn: nó là chết cứng, là không thuần khiết, là không hoàn toàn, v.v., v.v., nhưng nó chỉ là một giai đoạn trên con đường đi tới nhận thức cái *cụ thể*, bởi vì người ta không bao giờ có thể nhận thức được cái *cụ thể* một cách hoàn toàn. Một tổng số *vô hạn* những khái niệm chung, những quy luật, v.v., đem lại cái *cụ thể* trong tính toàn thể của nó.

C.Y.

Sự vận động của nhận thức *hướng đến* khách thể chỉ có thể thực hiện một cách biện chứng: *reculer pour mieux sauter (savoir)*.¹ Những đường gặp nhau và phân ly nhau: những vòng tròn đung nhau. *Knotenpunkt*² = thực tiễn của con người và của lịch sử loài người.

|| (Tiêu chuẩn (thực tiễn =) về sự
phù hợp của một trong những
mặt nhiều vô hạn của hiện thực.)

Những *Knotenpunkte* là sự thống nhất của các mâu thuẫn, khi tồn tại và không tồn tại với tính cách là những vòng khâu đang mất đi, phù hợp với nhau một lúc trong những vòng khâu nhất định của sự vận động (= những kỹ thuật, những lịch sử, v.v.).

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: lùi lại để nhảy mạnh hơn (nhận thức). (B.T.)

2. Điểm nút. (B.T.)

Khi phân tích phép biện chứng của Pơ-la-tông, Hê-ghen một lần nữa cố gắng vạch ra sự khác nhau giữa phép biện chứng chủ quan, ngẫu biện, và phép biện chứng khách quan:

«Mọi vật đều là một, chúng ta nói như vậy về mỗi vật: «Vật này là một, nhưng chúng ta cũng lại vạch ra ở nó tính nhiều vẻ, nhiều bộ phận và nhiều đặc tính», — nhưng đồng thời người ta cũng nói: «vật này là một, theo một quan điểm hoàn toàn khác quan điểm cho rằng nó là nhiều»¹; — chúng ta không kết hợp hai tư tưởng này với nhau. Như vậy, biểu tượng và ngữ ngôn đi đi, lại lại từ tư tưởng nọ sang tư tưởng kia. Sự đi lại này, thực hiện một cách có ý thức, đó là phép biện chứng trống rỗng, không kết hợp những cái đối lập, và không dẫn đến tính thống nhất». [232]

Pơ-la-tông trong thiên Học phái ngẫu biện :

«Cái khó khăn và cái chân lý là ở chỗ vạch ra rằng cái khác là cái gì, thì cũng tức là cùng một cái đó, — và cùng một cái đó là cái gì, thì cũng tức là cái khác, và chính là cùng ở trên một quan điểm duy nhất².» [233]

«Nhưng chúng ta phải hiểu rằng chính khái niệm không phải chỉ là cái trực tiếp trong chân lý, mặc dầu nó là cái đơn thuần, — nhưng tính đơn thuần của nó là thuộc về tinh thần, về thực chất nó là tư duy hướng trở lại bản thân nó (trực tiếp chỉ có cái đó này, v.v.); mặt khác nó cũng không phải chỉ là cái phản tư vào trong nó, không phải

« Phép biện chứng trống rỗng » ở Hê-ghen.

C. Y.

« Phép biện chứng trống rỗng ».

C. Y. :

C. Y. :
Chủ nghĩa khách quan.

1. Bản tiếng Nga : Cái này là một trong một quan hệ hoàn toàn khác với cái nhiều. (N.D.)

2. Bản tiếng Nga và Trung quốc : hoàn toàn cùng ở trong một quan hệ duy nhất. (N.D.)

||| chỉ là đối tượng của ý thức. Nó cũng là tự nó, tức là nó là bản chất khách quan...» [245]

Khái niệm không phải là cái gì trực tiếp (mặc dầu khái niệm là một cái « đơn thuần », nhưng tính đơn thuần ấy là « có tính chất tinh thần », tính đơn thuần của ý niệm) — cái trực tiếp chỉ là cảm giác « đỏ » (« cái này là đỏ »), v.v.

Khái niệm không phải « chỉ là một đối tượng của ý thức », mà khái niệm là bản chất của đối tượng (*gegenständliches Wesen*), nó là cái gì *An sich*, « tự nó ».

...« Ý thức này về bản chất của khái niệm không được Pơ-la-tông diễn đạt một cách rõ như thế này »... [245]

Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa thần bí ở Hê-ghen (và ở Pơ-la-tông)

Hê-ghen nói rất nhiều về « triết học tự nhiên » của Pơ-la-tông, về chủ nghĩa thần bí vô lý nhất của các ý niệm thuộc loại như: « những hình tam giác là bản chất của những sự vật cảm tính » [265], và những thuyết mơ hồ thần bí chủ nghĩa khác. Cái này thật là điển hình! Nhà thần bí chủ nghĩa, nhà duy tâm chủ nghĩa, nhà duy linh luận Hê-ghen (cũng như tất cả triết học hiện đại quan phương, duy tâm và thầy tu) khoe khoang và nhai lại chủ nghĩa thần bí và chủ nghĩa duy tâm trong lịch sử triết học. Nhưng ông ta không biết chủ nghĩa duy vật và coi thường nó. Xem Hê-ghen về Đê-mô-cơ-rít — *nil* (không nói gì cả)!! Nói về Pơ-la-tông, là cả một đồng ba hoa thần bí chủ nghĩa.

Nói về nước cộng hòa của Pơ-la-tông và về quan niệm thông thường cho rằng đó là một ảo tưởng, Hê-ghen nhắc lại ý kiến ưa thích của ông ta như sau:

... «Phàm cái gì là hiện thực, đều là hợp lý. Nhưng phải biết phân biệt cái gì thực sự là hiện thực; trong đời sống hàng có ngày, tất cả đều là hiện thực, nhưng một sự khác nhau giữa thế giới hiện tượng và thực tại»... [274]

Cái hiện thực là hợp lý.

TRIẾT HỌC CỦA A-RI-STỐT

Quan niệm thông thường cho rằng triết học của A-ri-stốt là một «*chủ nghĩa thực tại*», đối lập với *chủ nghĩa duy tâm* của Pơ-la-tông là một quan niệm sai lầm [299]. ((Rõ ràng ở đây trên nhiều điểm, Hê-ghen vẫn trình bày một sự giải thích duy tâm)).

Idem tr. [311] «*chủ nghĩa kinh nghiệm*».

Khi trình bày cuộc bút chiến về ý niệm đối lập A-ri-stốt với những học trò của Pơ-la-tông, Hê-ghen *che giấu* mất những mặt duy vật của nó. Xem [326] và những trang khác.

C.Y.

C.Y.

Ông ta đã *buột miệng* nói rằng: «Việc tôn A-léc-xan-đơ-rơ (A-léc-xan-đơ-rơ-xú Ma-xê-đoan, học trò của A-ri-stốt) là thần... không có gì là lạ lùng cả... thật ra Thần và người không phải là xa lạ với nhau như vậy»... [305]

((Chỉ cần lộn ngược lại chính)) là như thế!

Hê-ghen đã
hoàn toàn
làm hỏng sự
phê phán của
A-ri-stốt đối
với những Ý
niệm của
Pơ-la-tông

C.Y.

Hê-ghen thấy chủ nghĩa duy tâm của A-ri-stốt trong quan niệm về Thần của ông ta. «Đương nhiên đó là chủ nghĩa duy tâm, nhưng một chủ nghĩa duy tâm khác quan hơn, xa xôi hơn và chung hơn so với chủ nghĩa duy tâm của Pơ-la-tông, và do đó, trong Triết học Tự nhiên, ông ta thông thường là = chủ nghĩa duy vật hơn.»

Sự phê phán của A-ri-stốt đối với những «Ý niệm» của Pơ-la-tông là một sự phê phán của chủ nghĩa duy tâm, với tính cách là chủ nghĩa duy tâm nói chung bởi vì nguồn gốc của những khái niệm, của những trừu tượng, cũng là nguồn gốc của những «quy luật» và của «tính tất nhiên», v.v... Nhà duy tâm Hê-ghen đã bỏ qua một cách hèn nhát không nói đến một điều là A-ri-stốt (trong sự phê phán của ông đối với Ý niệm của Pơ-la-tông) đã phá hoại những cơ sở của chủ nghĩa duy tâm.

Khi một nhà duy tâm phê phán những cơ sở của chủ nghĩa duy tâm của một nhà duy tâm khác, thì bao giờ cũng có lợi cho chủ nghĩa duy vật. Xem A-ri-stốt *versus* Pơ-la-tông, v.v., Hê-ghen *versus* Can-tơ, v.v.

«Lơ-xíp-pơ và Pơ-la-tông nói rằng vận động là vĩnh viễn, nhưng họ không nói tại sao.» (A-ri-stốt, *Siêu hình học* XII, 6 và 7) tr. [326].

A-ri-stốt đã viện đến Thần một cách thâm hại như thế đấy để chống lại nhà duy vật Lơ-xíp-pơ và nhà duy tâm Pơ-la-tông. Ở A-ri-stốt, đó là chủ nghĩa chiết trung. Nhưng Hê-ghen đã che giấu chỗ yếu này đi, vì chủ nghĩa thần bí.

Hê-ghen, người ủng hộ phép biện chứng đã không thể hiểu biết sự chuyển hóa biện chứng từ vật chất đến vận động, từ vật chất đến ý thức — nhất là sự chuyển hóa thứ hai. Mác đã sửa chữa sai lầm (hay là chỗ yếu?) của nhà thần bí chủ nghĩa.

C.Y.

Không những sự chuyển hóa từ vật chất đến ý thức mà cả từ cảm giác đến tư duy v.v. cũng là biện chứng

Phân biệt bằng cách nào một sự chuyển hóa biện chứng với một sự chuyển hóa không biện chứng? Bằng bước nhảy. Bằng tính mâu thuẫn. Bằng sự đứt đoạn của tính liên tục. Bằng tính thống nhất (đồng nhất) của tồn tại và của không-tồn tại.

Đoạn sau đây chứng minh một cách đặc biệt rõ Hê-ghen đã che giấu những chỗ yếu của chủ nghĩa duy tâm của A-ri-stốt như thế nào:

Ngây thơ!!

« A-ri-stốt suy nghĩ về những đối tượng và, do chỗ đối tượng tồn tại với tính cách là những tư tưởng, cho nên chúng tồn tại trong chân lý của chúng; đó là οὐσία¹ của chúng. Cái đó không có nghĩa là do đó mà bản thân đối tượng của tự nhiên là cái đang tư tưởng. Những đối tượng được tôi tư tưởng một cách chủ quan; do đó tư tưởng của tôi cũng là khái niệm của sự vật, và khái niệm này là thực chất của sự vật. Trong tự nhiên, khái niệm không tồn tại như là tư tưởng với sự tự do ấy², mà nó là băng thịt và băng máu; mà thịt và máu là có một linh hồn và linh hồn này là khái niệm của nó. A-ri-stốt thừa nhận vật tồn tại tự nó và vì nó là như thế nào; và cái đó là οὐσία (thực chất) của chúng. Khái niệm không tồn tại vì bản thân nó, nhưng nó bị tính bên ngoài hạn chế. Định nghĩa thông thường về chân lý là: «Chân lý là sự phù hợp của biểu tượng với đối tượng». Nhưng bản thân biểu tượng chỉ là một biểu tượng, tôi và biểu tượng của tôi (nội dung của biểu tượng) là hoàn toàn không nhất trí; tôi có biểu tượng về cái nhà, về những xà ngang, nhưng không phải vì vậy mà tôi là những vật ấy — biểu tượng về cái nhà và tôi là hai việc khác nhau. Chỉ có trong tư duy, mới có sự phù hợp chân chính giữa cái khách quan và cái chủ quan: đó là tôi (Hê-ghen viết ngã). Như vậy A-ri-stốt ở vào quan điểm

1. Thực chất. (B.T.)

2. Bản tiếng Nga: trong sự tự do ấy. (N.D.)

cao nhất; người ta không thể hy vọng
hiều biết cái gì sâu sắc hơn nữa.» [332-
333]

Trong «tự nhiên», những khái
niệm không tồn tại «với tính tự
do ấy» (tự do của tư tưởng, và của
ảo tưởng của con người!!) «Trong
tự nhiên», những khái niệm ấy là
«bằng thịt và bằng máu». — Rất
đúng! Nhưng đó chính là chủ nghĩa
duy vật. Những khái niệm của con
người là linh hồn của tự nhiên:
đó là, nói theo ngôn ngữ của chủ
nghĩa thần bí: tự nhiên được phản
ánh một cách độc đáo (C.Y.: một
cách độc đáo và biện chứng!!) trong
những khái niệm của con người.

Tr. [318-337] chỉ nói về Siêu
hình học của A-ri-stốt!! Tất cả cái
gì chống lại chủ nghĩa duy tâm của
Pơ-la-tông đều được che giấu!!
Nhất là vấn đề về sự tồn tại ở bên
ngoài con người và loài người!!!=
vấn đề về chủ nghĩa duy vật!

A-ri-stốt là một người kinh nghiệm chủ
nghĩa, nhưng là một người kinh nghiệm
chủ nghĩa có tư tưởng. «Nhân tố kinh nghiệm
được hiểu trong sự tổng hợp của nó là khái
niệm tư biện» (chữ ngả của Hê-ghen) [341].

)))

|||

)))

Xem Phê-bách:
đọc phúc âm của
các giác quan
trong mối liên
hệ của nó = tư
tưởng.

C.Y.

Những khái niệm đều nhất trí với «sự tổng hợp», với tổng số của kinh nghiệm, của những cảm giác, của những giác quan, đó là điều không còn gì phải tranh cãi nữa đối với các nhà triết học thuộc tất cả mọi khuynh hướng. Sự nhất trí này do từ đâu mà có? Từ Thần (tôi, ý niệm, tư tưởng, v.v. v.v.) hay là từ tự nhiên? Ăng-ghe-n có lý trong cách đặt vấn đề của ông ta.

C.Y.

Can-to

...«Hình thức chủ quan làm thành bản chất của triết học Can-to»...

«Mục đích»
và nguyên
nhân, quy
luật, liên
hệ, lý tính.

Nói về mục đích luận của A-ri-stốt:
... «Tự nhiên có những thủ đoạn trong bản thân nó và những thủ đoạn ấy cũng là những mục đích. Mục đích này trong tự nhiên là lô-gốt của nó, là cái lý tính chân chính.» [349]

... «Lý trí không phải chỉ là tư duy có ý thức. Ở nó có khái niệm sâu sắc, hoàn chỉnh, chân thật của tự nhiên, của sự sống.»... [348]

Lý tính (lý trí), tư duy, ý thức không có tự nhiên. không phù hợp với nó, là sai lầm = chủ nghĩa duy vật!

Người ta không thể đọc mà không chán ngấy cái cách Hê-ghe-n đề cao A-ri-stốt lên tận mây xanh vì những khái niệm thật sự tự biện của ông này (về

«linh hồn» và rất nhiều những cái khác và phò trương những điều nhằm nhĩ duy tâm chủ nghĩa (= thần bí chủ nghĩa).

Tất cả những đo dự của A-ri-stốt giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật đều bị che đậy!!!

Nói về những quan điểm của A-ri-stốt về «linh hồn», Hê-ghen viết:

«Thực ra, mọi cái phò biến đều là hiện thực với tính cách là cái đặc thù, cái đơn nhất, với tính cách là nó tồn tại vì cái khác» — nói một cách khác, đó là linh hồn. [375]

A-ri-stốt *De anima* II, 5:

«Sự khác nhau (giữa cảm giác và nhận thức) là ở chỗ cái sản sinh ra cảm giác là ở bên ngoài. Nguyên nhân là ở chỗ hoạt động của cảm giác lấy cái đơn nhất làm đối tượng, còn nhận thức thì trái lại, lấy cái phò biến làm đối tượng. Và cái phò biến này, ở một mực độ nào đó, tồn tại ngay trong linh hồn như là thực chất. Vì vậy, mỗi người, nếu muốn, thì tự bản thân mình có thể tư tưởng được... nhưng cảm giác thì lại không phụ thuộc vào anh ta — muốn cảm giác thì cần phải có sự tồn tại của đối tượng được cảm giác.» [377]

Mấu chốt ở đây là «ở bên ngoài», bên ngoài con người, độc lập đối với con người. Đó là chủ nghĩa duy vật. Và chính căn cứ ấy, nền tảng ấy, thực chất ấy của chủ nghĩa duy vật là cái mà Hê-ghen bắt đầu *wegschwalzen*¹:

Ông ta đã tự
phản lại
mình về mặt
«thực tại
luận».

Cảm giác
và nhận
thức.

A-ri-stốt
rất gần chủ
nghĩa duy
vật.

1. Làm chìm ngập trong những lời nói ba hoa của ông ta. (B.T.)

C.Y.!!

Nhà duy
tâm đã bị
bất quả
tang.

«Bản thân quan điểm về cảm giác là tuyệt đối đúng», Hê-ghen viết như vậy; ông ta giải thích rằng không nghi ngờ gì cả «tính bị động» tồn tại trong cảm giác, «dù là một cách chủ quan hay khách quan, điều đó không quan hệ gì, — trong cái này hay là trong cái kia đều bao hàm vòng khâu của tính bị động... Với nhân tố tính bị động này, A-ri-stốt không phải là lạc hậu so với chủ nghĩa duy tâm; về một mặt, cảm giác bao giờ cũng là bị động. Chính chủ nghĩa duy tâm xấu xa đã giả thiết rằng tính bị động và tính tự động của tinh thần là phụ thuộc vào tình hình tính quy định nào đó là ở bên trong hay ở bên ngoài, — tựa hồ như trong cảm giác có một sự tự do; cảm giác là phạm vi của tính hạn chế»!!... [377-378]

C.Y.

((Nhà duy tâm hàn' gắn lại kẻ hờ dẫn đến chủ nghĩa duy vật. Không, *tính bên trong* hay là *tính bên ngoài* không phải là không có quan hệ gì. Đó là thực chất của vấn đề! «*Tính bên ngoài*», đó là chủ nghĩa duy vật. «*Tính bên trong*» = chủ nghĩa duy tâm. Khi dùng chữ «*tính bị động*» mà lại tránh chữ của A-ri-stốt («*tính bên ngoài*»), Hê-ghen đã hiểu *tính bên ngoài* ấy một cách khác hẳn A-ri-stốt. Tính bị động, chính cũng có nghĩa là tính bên ngoài!! Hê-ghen thay thế chủ nghĩa duy tâm của cảm giác bằng chủ nghĩa duy tâm của tư duy, nhưng vẫn là chủ nghĩa duy tâm.))

...«Chủ nghĩa duy tâm chủ quan nói: không có sự vật bên ngoài; chúng chỉ là những quy định của cái tôi của chúng tôi. Đối với cái gì thuộc về cảm giác, thì chúng ta có thể thừa nhận như vậy. Tôi bị động trong cảm giác, cảm giác là chủ quan; ở tôi có sự tồn tại, trạng thái, tính quy định, chứ không phải sự tự do. Dù cảm giác là bên trong hay là bên ngoài đối với tôi, điều đó không quan hệ; nó tồn tại»... [378]

Tiếp đến sự so sánh nổi tiếng giữa linh hồn với sáp buộc Hê-ghen phải cuống quýt lên như ma quỷ trước ngày lễ và kêu la ầm ĩ về «sự hiểu lầm» mà sự so sánh ấy thường gây ra.

A-ri-stốt nói (*Dè anima* II, 12):

«Cảm giác, tức là thu hút những hình thức được cảm giác mà không có vật chất»... «Cũng như sáp chỉ in dấu vết của cái nhẫn vàng mà không phải là bản thân vàng, — chỉ là hình thức thuần túy của vàng.»

Hê-ghen viết: ...«trong cảm giác, chỉ có hình thức là đạt đến chúng ta, mà không có vật chất. Tình hình sẽ khác hẳn khi chúng ta có một hành động thực tế, — khi chúng ta ăn và uống. Trong thực tiễn nói chung, chúng ta hành động như là những cá thể đơn lẻ và chính là với tính cách là những cá thể đơn lẻ đang tồn tại, thậm chí đang tồn tại một cách vật chất mà chúng ta đối đãi với vật chất, và thậm chí đối đãi bằng phương thức vật chất. Chỉ trong chừng mực chúng ta là vật chất thì chúng ta mới có thể hành động như vậy; đó là vì sự tồn tại vật chất của chúng ta đi vào hành động.»

C.Y.

Lần tránh trước chủ nghĩa duy vật.

C.Y.

linh hồn = sáp.

Trong thực tiễn thì «không như vậy».

Một sự lần tránh hèn nhát trước chủ nghĩa duy vật.

((Ông ta đến rất gần chủ nghĩa duy vật — nhưng lại lần tránh.))

Nói về «sáp» Hê-ghen câu lên và rủa lên rằng: «Ai cũng đều hiểu điều đó», «người ta bám lấy mặt thô lỗ của sự so sánh» v.v., [379]

Ha-ha !!!

«Linh hồn hoàn toàn không thể là một chất sáp bị động và tiếp nhận những quy định từ bên ngoài.» [380]

...«Nó (linh hồn) thay đổi hình thức của thể xác bên ngoài thành hình thức của chính nó»... [381]

A-ri-stốt. *De anima*, III, 2:

A-ri-stốt

...«Hoạt động của cái gì được cảm giác và hoạt động của cảm giác là cùng một hoạt động duy nhất; nhưng sự tồn tại của chúng lại không giống nhau»... [381] Và Hê-ghen bình luận:

Hê-ghen
che đậy
những chỗ
yếu của
chủ nghĩa
duy tâm.

...«Có một vật thể kêu lên và có một chủ thể nghe thấy; tồn tại là thuộc cả hai loại»... [382]

Nhưng ông ta đề vấn đề về sự tồn tại ở bên ngoài con người ra một bên!!! Sự lần tránh của nhà nguy biến trước chủ nghĩa duy vật!

Nói về lý trí, về lý tính (νοῦς), A-ri-stốt viết (*De anima*, III, 4):

...«Không có cảm giác nào mà không có thể xác, trái lại lý tính có thể tách rời thân thể.» [385]

«Lý tính giống như một quyển sách, trên các trang sách này thật ra là không viết lên cái gì cả.» [386]

Tabula rasa.

Hê-ghen lại câu lên: «một thí dụ khác nổi tiếng một cách đáng buồn» [386], người ta gán cho A-ri-stốt một tư tưởng thật sự trái ngược với tư tưởng của ông ta v.v., v.v. ((và vấn đề về sự tồn tại độc lập đối với lý tính và đối với con người đã được che giấu!!)) — Tất cả cái đó là để chứng minh: «Nhu vậy là A-ri-stốt không phải là một nhà thực tại luận.» [389]

Ha-ha!

Ha-ha!
Ông ấy sợ!!

A-ri-stốt:

«Vi vậy người nào không cảm giác, thì không biết và không hiểu gì; nếu họ biết ($\Theta\epsilon\omega\rho\eta$) cái gì, thì tất nhiên họ cũng biết cái đó với tính cách là biểu tượng, bởi vì các biểu tượng, là giống như các cảm giác, nhưng không có vật chất»... [389]

A-ri-stốt và
chủ nghĩa
duy vật.

...«Lý trí, tách rời mọi vật chất, có thể nhận thức được những đối tượng hiện thực hay không, vấn đề đó còn phải được nghiên cứu một cách đặc biệt»... và Hê-ghen rút từ A-ri-stốt rằng « $\nu\omicron\upsilon\varsigma^1$ và $\nu\omicron\eta\tau\omicron\nu^1$ là đồng nhất.» [390] v.v. Đó là một mẫu mực của những sự giải thích duy tâm của một nhà duy tâm!! Xuyên tạc A-ri-stốt để biến A-ri-stốt thành một nhà duy tâm của thế kỷ XVIII-XIX!!

Xuyên tạc
A-ri-stốt.

TRIẾT HỌC CỦA PHÁI STÒ-I-XIÈNG

«tiêu chuẩn của chân lý» của phái Stò-i-xiêng — «biểu tượng được lý giải» [444-447], — Hê-ghen nói rằng: ý thức

1. Lý tính và cái mà lý tính có thể nắm được (B.T.)

Hê-ghen
chống lại
những người
Stô-i-xiêng
và tiêu
chuẩn của
họ.

Tất cả đều
có «căn
cứ».

Vu không
chống lại
chủ nghĩa
duy vật.
Tại sao ???

chỉ so sánh biểu tượng với biểu tượng (không phải với đối tượng — [446]: «chân lý là sự phù hợp giữa đối tượng với ý thức» = «định nghĩa nổi tiếng về chân lý»), và do đó, toàn bộ vấn đề là ở trong «cái lô-gốt khách quan, trong tính hợp lý của thế giới» [449].

«Tư duy không mang lại gì khác hơn là hình thức của tính phổ biến và của tính đồng nhất với chính mình. Như vậy tất cả đều có thể phù hợp với tư duy của tôi.» [449]

«Căn cứ là những cái gì tùy tiện; người ta có thể tìm những căn cứ tốt cho tất cả»... «Vấn đề tìm xem những căn cứ nào phải được coi là tốt phụ thuộc vào mục đích đã định, vào lợi ích...» [469]

TRIẾT HỌC CỦA Ê-PI-QUYA

Nói về Ê-pi-quya (341-270 trước C.N.), Hê-ghen lập tức (ngay cả trước khi trình bày những quan điểm của mình) đứng trên lập trường đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật và tuyên bố:

«Tuy nhiên, sự việc tự nó (!!) đã (!!) rõ ràng rồi, nếu tồn tại bị cảm giác được coi như là chân thật, thì chính do đó tính tất yếu của khái niệm rốt cuộc sẽ bị thủ tiêu; tất cả sụp đổ mà không có một hứng thú tư biện nào và đúng hơn đó là sự khẳng định cách nhìn thông thường đối với sự vật; trên thực tế người ta không vượt qua quan điểm của lẽ phải thông thường hay là đúng hơn tất cả đều bị hạ thấp đến trình độ của lẽ phải thông thường» !! [473-474]

C.Y.

Vu không chống lại chủ nghĩa duy vật!! «Tinh tất yếu của khái niệm» không hề bị «thủ tiêu» một chút nào bởi sự nghiên cứu các nguồn gốc của nhận thức và khái niệm!! Sự không phù hợp với «lẽ phải thông thường» là một sự ngông cuồng thối nát của kẻ duy tâm.

Ê-pi-quy-a gọi lý luận về nhận thức và lý luận về tiêu chuẩn của chân lý là: *La Canonique*¹. Sau khi trình bày văn tắt cái đó, Hê-ghe-n viết:

«Nó là giản đơn đến nỗi không còn gì giản đơn hơn nữa, — nó là trừu tượng nhưng cũng rất tầm thường; và ít nhiều ở trình độ của ý thức thông thường bắt đầu tập suy nghĩ. Đó là những biểu tượng tâm lý tầm thường; những biểu tượng này là hoàn toàn đúng. Từ những cảm giác chúng ta làm thành những biểu tượng, những biểu tượng này là cái phổ biến; cái phổ biến này cố định lại. Bản thân những biểu tượng đều được thử thách (trong quan niệm) bằng những cảm giác, để xem chúng có ổn định không, chúng có lặp lại không. Về đại thể, điều này là đúng, nhưng hoàn toàn nông cạn; đó là bước đầu đầu tiên, là cơ cấu của biểu tượng đối với những tri giác đầu tiên»... [483]

!!!!

!!!

1. Chuẩn tác học. (B.T.)

« Bước đầu đầu tiên » bị chủ nghĩa duy tâm bỏ quên và xuyên tạc. Chỉ có chủ nghĩa duy vật hiện chứng là đã nối liền « bước đầu » với cái tiếp theo và cái cuối cùng.

C.Y. Tr. [481] về ý nghĩa các từ theo Ê-pi-quya :

« Mỗi vật nhận được tính hiền nhiên, tính thời sự, tính rõ rệt của nó ở tên gọi mà người ta đặt cho nó lúc đầu » (Ê-pi-quya : *Đi-ô-gien La-éc-xơ*, X, § 33). Và Hê-ghen : « Tên gọi là cái gì phò biển, nó là công việc của tư duy, nó làm cho cái phức tạp thành giản đơn. »

Ê-pi-quya :
những đối
tượng đều
ở ngoài
chúng ta.

« Nói về phương thức khách quan nói chung mà theo đó cái ở ngoài xâm nhập vào trong ta — quan hệ giữa bản thân chúng ta với đối tượng, mà từ đó sinh ra chính những biểu tượng, — Ê-pi-quya đã phát biểu những kiến giải siêu hình như sau :

C.Y.
Lý luận về
nhận thức
của Ê-pi-
quya...

« Từ bề mặt của vật thể phát ra một luồng chảy liên tục mà cảm giác không nhận thấy được và như vậy là bởi vì, do sự bổ sung đối lập với nó. Bản thân vật thể tiếp tục giữ được đầy và vì sự bổ sung trong chất rắn giữ được lâu cùng một thứ tự và cùng một cách sắp xếp của các nguyên tử. Và sự vận động của những bề mặt tách rời ra ấy là vô cùng nhanh chóng trong không khí, bởi vì nhân tố bị tách ra không nhất thiết phải có bề sâu. » « Cảm giác không mâu thuẫn với một biểu tượng như thế nếu người ta chú ý » (*zusehe*), « đến phương thức tác động của các hình ảnh; các hình

ảnh này tạo nên một sự hòa hợp một sự thông cảm của thế giới bên ngoài đối với chúng ta. Như vậy là có một cái gì được truyền sang từ các hình ảnh để cho chúng ta có một cái gì giống với cái bên ngoài.» «Và do cái luồng phát ra xâm nhập vào chúng ta, mà chúng ta biết được tính quy định của một cảm giác này hoặc của một cảm giác kia; cái có tính quy định tồn tại trong đối tượng và truyền sang chúng ta bằng cách đó.» (tr. [485], *Đi-ô-gien La-éc-xơ*, X, § 48-49)

Tính chất thiên tài của ước đoán của Ê-pi-quy-a (300 năm trước C.N., — tức là hơn 2.000 năm trước Hê-ghe-n) về tia sáng và tốc độ của nó chẳng hạn.

Hê-ghe-n đã hoàn toàn *ngụy trang* (C.Y.) *cái chủ yếu*: (C.Y.) sự tồn tại của những sự vật ở bên ngoài ý thức của con người và độc lập đối với con người,

— tất cả cái đó Hê-ghe-n giấu đi; ông ta chỉ nói:

...«Hình dung cảm giác như vậy là hết sức tầm thường. Ê-pi-quy-a đã chọn cho chân lý tiêu chuẩn dễ dãi nhất, đến ngày nay vẫn còn thông dụng bởi vì chân lý ấy là không thể nhìn thấy được: tức là cái mà chúng ta nhìn thấy, nghe thấy, không được mâu thuẫn với chân lý ấy. Bởi vì trên thực tế người ta không thể nhìn thấy những sản phẩm của tư tưởng, như những nguyên tử, như những bề mặt tự tách ra, v.v.. Cổ nhiên người ta có thể nhìn thấy và nghe thấy cái

Đó là một mâu thuẫn về những sự xuyên tạc và vu khống của một kẻ duy tâm chống lại chủ nghĩa duy vật.

gì khác; nhưng cái mà người ta nhìn thấy và cái mà người ta hình dung, tưởng tượng rất hòa hợp với nhau. Tách riêng ra, chúng không mâu thuẫn với nhau, bởi vì mâu thuẫn chỉ xuất hiện khi nào có quan hệ.» [485]

Bằng cách đó Hê-ghen đã xuyên tạc được Ê-pi-quya. Hê-ghen nói đến cái nào khác, mà ở đây Ê-pi-quya không bàn đến và cái đó lại phù hợp với chủ nghĩa duy vật !!

Tr. [486]:

Sai lầm, theo Ê-pi-quya, là do sự gián đoạn trong vận động (vận động của đối tượng đến với chúng ta, đến với cảm giác hay là đến với biểu tượng?)

«Không thể có (một lý luận về nhận thức) nghèo nàn hơn», Hê-ghen viết như thế.

Tất cả sẽ tỏ ra là *nghèo nàn*, nếu người ta cắt xén và lấy trộm đi

Chữ cũng
này thật là
kỳ dị !!!
Ê-pi-quya
(341-270
trước C.N.),
Lốc-cơ
(1632-1704).
Cách nhau
= 2.000 năm.

Theo Ê-pi-quya, linh hồn là một tập hợp nguyên tử theo một thứ tự «nhất định». «Điều đó, Lốc-cơ cũng đã nói (!!!)... Tất cả cái đó đều chỉ là những từ rỗng tuếch»... [488] ((không, đó là những ước đoán thiên tài, sự chỉ dẫn những con đường phải theo cho khoa học chứ không phải cho chủ nghĩa ngu dân)).

C.Y.C.Y. [488], cả [489]:

Ê-pi-quya gán cho nguyên tử một vận động «theo đường cong», thật là «độc đoán và chán ngắt» ở Ê-pi-quya — ((và «Thần» ở những kẻ duy tâm???))!

«Hoặc là Ê-pi-quya phủ nhận mọi khái niệm và cái phổ biến với tư cách là bản chất»... thế mà những nguyên tử của ông ta «lại có chính cái bản tính ấy của tư tưởng»... «tất cả cái không triệt đề của những người kinh nghiệm chủ nghĩa»... [490-491]

Chính theo cách ấy mà người ta bỏ qua thực chất của chủ nghĩa duy vật và của phép biện chứng duy vật.

«Ở Ê-pi-quya không có... mục đích cuối cùng của thế giới, trí tuệ của đấng sáng tạo. Không có gì khác hơn là những sự biến được quy định bởi một cái thúc đẩy ngẫu nhiên(?), bên ngoài(?), của những kết hợp của nguyên tử»... [491]

Và Hê-ghe-n chỉ có chữ Ê-pi-quya: «Những tư tưởng của hán về những mặt khác nhau của tự nhiên, tự bản thân chúng thật là đáng thương hại»...

Lập tức sau đó là luận chiến chống lại «Naturwissenschaft»¹ của «ngày nay», khoa học này cũng luận đoán bằng «loại tỷ» như Ê-pi-quya, «giải thích» — chẳng hạn ánh sáng «như là một sự chấn động của ê-te»... «Thật hoàn toàn là phương thức loại tỷ của Ê-pi-quya»... [492-493]

Và những
điện tử?

Vô lý! nói
láo! vu
khống!

C.Y.

Chính là Thần
mà hán
thương hại!!
đồ duy tâm
chủ nghĩa
ti tiện!!

!!

Và «phương
thức» của
các khoa học
tự nhiên! và
thành tựu
của các khoa
học ấy!!

1. Khoa học về tự nhiên. (B.T.)

((Những khoa học tự nhiên hiện đại xem Ê-pi-quya — chống lại (C.Y.) Hê-ghen.))

Ê-pi-quya
và những
khoa học
tự nhiên
hiện đại.

Ở Ê-pi-quya, «sự vật, nguyên tắc không phải là cái gì khác hơn là nguyên tắc của khoa học về giới tự nhiên quen thuộc của chúng ta... đó vẫn còn là cùng một phương thức tiến hành làm thành cơ sở của khoa học tự nhiên của chúng ta»... [495-496]

Chỉ có việc vạch ra sự không hiểu biết về phép biện chứng nói chung và phép biện chứng của các khái niệm, là đúng. Còn sự phê phán chủ nghĩa duy vật thì yếu.

C.Y.!!

«Nói chung, về phương thức như thế (của TRIẾT HỌC CỦA Ê-PI-QUYA), người ta có thể nói rằng nó cũng có một mặt làm cho nó có giá trị. A-ri-stốt và những nhà tư tưởng cổ đại đã xuất phát một cách *tiên nghiệm* từ tư tưởng về cái phổ biến trong triết học của tự nhiên và từ đó đã rút ra khái niệm: đó là một mặt. Mặt khác là sự cần thiết phải nâng kinh nghiệm lên tính phổ biến, tìm ra những quy luật: điều đó có nghĩa là cái rút ra từ quan niệm trừu tượng là phù hợp với biểu tượng phổ biến đã được nâng lên từ kinh nghiệm và quan sát.

C.Y.!!

C.Y.

Ở A-ri-stốt chẳng hạn, cái *tiên nghiệm* là hoàn toàn tốt, nhưng không đủ bởi vì nó thiếu mặt liên hệ, kết hợp với kinh nghiệm, với quan sát. Việc nâng cái đặc thù lên cái phổ biến là sự phát hiện những quy luật, những lực lượng của tự nhiên, v.v. Vì vậy.

người ta có thể nói Ê-pi-quya là người phát minh ra khoa học thực nghiệm về tự nhiên, ra tâm lý học thực nghiệm. Kinh nghiệm, tính hiện tồn cảm tính đối lập với những mục đích, những khái niệm của lý trí của những người Stô-i-xiêng. Ở những người Stô-i-xiêng, chỉ có lý trí trừu tượng, có hạn, tự nó không có chân lý, vì vậy cũng không có tính hiện tồn, không có cả tính hiện thực của tự nhiên; trái lại ở đây có cảm giác về tự nhiên, chân thực hơn những giả thiết ấy.» [496-497]

C.Y.

(ĐÂY LÀ ĐI GẦN SÁT TỚI CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG.)

C Y.

Tác dụng của Ê-pi-quya — đấu tranh chống «mê tín» của những người Hy-lạp và La-mã [498] — và những bọn thầy tu của thời đại chúng ta??

tất cả những điều nhảm nhí này: chẳng phải là con thỏ rừng đã chạy qua đường đó sao [498] v.v. (và Thần?)

Hê-ghen
nói về
những điểm
khẳng định
của chủ
nghĩa duy
vật.

«Đây chủ yếu là những quan điểm phủ nhận hoàn toàn cái siêu cảm giác, những quan điểm này là từ triết học Ê-pi-quya mà ra.» [498]

C.Y.

|| Nhưng cái đó chỉ đúng cho «thế giới của hữu hạn»... «Sự mê tín sụp đổ, nhưng một mối liên hệ có cơ sở trong bản thân nó và thế giới của quan niệm cũng sụp đổ theo.» [499] Điểm này chú ý.

Vì lý do gì
mà họ
(những nhà
triết học cổ
điển) coi
trọng chủ
nghĩa duy
tâm??

Đối với
Hê-ghe-
n «linh hồn»
cũng là một
thiên kiến.

C.Y.

Những
thần =
hình tượng
của con
người hoàn
mỹ, xem
Phơ-bách¹.

Tr. [499] Ê-pi-quya nói về linh hồn: những nguyên tử *linh vi* hơn (C.Y.), *vận động* của chúng *nhanh* hơn (C.Y.), *liên hệ* của chúng (C.Y.), v.v., với nhục thể (Đi-ô-gien La-éc-xơ, X, § 66; 63-4) — rất ngây thơ và hay! nhưng Hê-ghe-n nổi cáu và NÓI BẬY: «ba hoa», «chữ không có nghĩa», «không có tư tưởng». [500]

Theo Ê-pi-quya, những Thần nói chung đều là «kẻ phở biến», — «một phần thần tồn tại trong con số» như con số, tức là một trùu tượng rút ra từ cái cảm tính...

«Một phần, chúng -(những Thần) là hình tượng của con người đã hoàn mỹ, nhờ sự tương tự của các hình ảnh mà nảy sinh ra, từ sự dung hợp liên trụ của các hình ảnh giống nhau trong Một và cùng một cái.» [507]

TRIẾT HỌC CỦA NHỮNG NHÀ HOÀI NGHI LUẬN

Nói về chủ nghĩa hoài nghi, Hê-ghe-n nhấn mạnh đến «tính không thể chiến thắng» bề ngoài của nó (*Unbezwinglichkeit*):

C.Y.

Bien dit²!!

«Trên thực tế người ta không thể thuyết phục được một kẻ nào quyết tâm muốn làm một kẻ hoài nghi luận, hoặc bắt hắn phải tin vào một triết học thực chứng, — cũng giống như không thể bắt một người bại liệt cả bốn tay chân đứng thẳng dậy.» [539]

1. « Bài giảng về bản chất của tôn giáo », Toàn tập, VIII, tr.21: « Thần của người ta không phải là cái gì khác hơn là sự thần thánh hóa bản chất của con người ». (B.T.)

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : Thật hay!! (B.T.)

«Triết học thực chứng có thể có nhận thức như thế này đối với nó (chủ nghĩa hoài nghi có tư tưởng): triết học thực chứng trong nội bộ bao hàm nhân tố phủ định của hoài nghi luận, hoài nghi luận không đối lập với nó, không ở ngoài nó, mà là một trong những nhân tố của nó, tuy nhiên nó bao hàm nhân tố phủ định trong tính chân lý của nhân tố đó mà hoài nghi luận thì không có nhân tố đó.» [539]

(Quan hệ giữa triết học và hoài nghi luận:)

«Triết học là biện chứng, phép biện chứng ấy là sự biến hóa. Ý niệm coi như ý niệm trừu tượng là chết cứng, là cái đang tồn tại, nhưng nó chỉ là chân lý trong mực độ nó tự cảm thấy sinh động; tức là nó là biện chứng tự nó, đề vượt qua tính tĩnh tại, tính chết cứng đó. Do đó, ý niệm triết học là biện chứng tự nó và không phải một cách ngẫu nhiên; trái lại chủ nghĩa hoài nghi vận dụng phép biện chứng của nó một cách ngẫu nhiên — tùy theo phương thức mà tài liệu, nội dung xuất hiện ra trước mắt nó, mà nó vạch ra rằng tài liệu và nội dung ấy tự nó là cái phủ định»... [540]

C.Y.

Phép biện
chứng của
hoài nghi
luận là
«ngẫu nhiên».

Phải phân biệt chủ nghĩa hoài nghi cũ (*Cổ đại*) và mới (người ta chỉ nêu lên Sun-xe ở Gôt-tin-ghen).

Ataraxie¹ (thanh thản?) coi như là lý tưởng của những người hoài nghi luận:

1. Trạng thái trầm tĩnh bên trong. (B.T.)

Một câu
chuyện tạm
được về
những
người hoài
nghi luận.

C.Y.
chủ nghĩa
hoài nghi
không phải
là một sự
nghi ngờ

C.Y.

«Có một hôm, trên một chiếc tàu đang trong cơn bão táp, Pi-rông chỉ cho các bạn đường đang run sợ, một con lợn vẫn giữ nguyên sự thờ ơ của nó và tiếp tục ăn một cách bình tĩnh, và nói với họ: người hiền triết chính cũng phải ở trong một sự trầm tĩnh như vậy» (*Đi-ô-gien La-éc-xơ*, IX, 68) — tr. [550-551]

«Chủ nghĩa hoài nghi không phải là một sự nghi ngờ. Sự nghi ngờ chính là mặt trái của bình tĩnh, mà bình tĩnh là kết quả của chủ nghĩa hoài nghi.»

...«Trái lại, chủ nghĩa hoài nghi là thờ ơ đối với cái này cũng như đối với cái kia»...

Sun-xe — Ê-nê-di-dem gán cho hoài nghi luận tư tưởng cho rằng tất cả cái gì cảm tính đều là chân lý [540]; nhưng những người hoài nghi luận không nói cái gì giống như thế: cần phải «thích ứng với nó», tức là thích ứng với cái cảm tính, nhưng đó không phải là chân lý. Chủ nghĩa hoài nghi mới *không* nghi ngờ tính thực tại của sự vật. Chủ nghĩa hoài nghi cũ nghi ngờ tính thực tại của sự vật.

thế kỷ II sau C.N. tất cả ở
Xéc-tu-xơ Ấm-pi-ri-cu-xơ

Những tư-rộp¹ (điệu văn, luận cứ, v.v.)
của những người hoài nghi luận: [557-568]

1. Người ta gọi tư-rộp những luận đề do Ê-nê-di-dem (10 tư-rộp) và A-gơ-rip-pa (5 tư-rộp) nêu ra, khẳng định tính tương đối tuyệt đối của tất cả mọi tri giác của tồn tại, của đối tượng bằng các giác quan cũng như của tính chân lý của tất cả mọi chứng minh. Bản tiếng Trung-quốc dịch là : luận thức. (B.T.)

- a. Sự khác nhau giữa các khí quan của súc vật.

Những cảm giác khác nhau: màu trắng hình như vàng đối với người mắc bệnh hoàng đản (*dem Gelbsüchtigen*), v.v.

- b. Những sự khác nhau giữa các con người.
«Tinh phản ứng đặc dị». Tin vào ai? Đa số ư? Ngu xuẩn: không thể hỏi tất cả mọi người.

Những sự khác nhau giữa các triết học: một sự tham chiếu vô lý, Hê-ghe-n phản nộ nói:

...«những người như thế nhìn thấy tất cả trong một triết học, nhưng bản thân triết học thì họ lại không chú ý đến»... «Dù các hệ thống triết học khác nhau đến thế nào, thì cũng không thể khác nhau như màu trắng và vị ngọt, màu xanh và mặt ráp; chúng giống nhau ở chỗ tất cả chúng đều là triết học, chính điều đó lại bị bỏ qua»... «Tất cả mọi tư-rối đều nhằm chống lại Tồn tại; nhưng chân lý cũng không phải là cái Tồn tại khô khan ấy, — nó chủ yếu là quá trình»...

- c. Những sự khác nhau trong cấu tạo của các khí quan cảm giác, những khí quan cảm giác khác nhau tri giác khác nhau (trên một bức họa, vật nào đó nổi lên đối với con mắt, nhưng không sờ thấy được).

- d. Sự khác nhau của các tình huống ở chủ thể (say mê, thanh thần, v.v.).

- d. Sự khác nhau về cự-ly, v.v..

C.Y.

C.Y.

C.Y.

Trái đất chung quanh mặt trời hay là ngược lại, v.v..

- e. Hỗn hợp (một mùi ngửi thấy vào lúc mặt trời chiếu rất mạnh và lúc không có mặt trời, v.v.).
- g. Cấu thành của các vật (thủy tinh — vỡ rồi thì không còn trong suốt nữa).
- h. « Tính tương đối của sự vật » (« *lính tương đối* »).
- i. Tính thường thấy, tính hiếm thấy của các hiện tượng, v.v.; tập quán.
- k. Phong tục, pháp luật, v.v., sự khác nhau giữa những cái đó...

(10) Đây đều là những tở-rớp cũ, và

Hê-ghen nói: tất cả cái đó là « kinh nghiệm » — « cự tuyệt không chuyển qua khái niệm »... Thật là « tầm thường », nhưng...

« Nhưng trên thực tế, những cái đó hoàn toàn đúng khi nhằm chống lại chủ nghĩa giáo điều của lẽ phải thông thường »... [567]

5 tở-rớp mới hơn (ở một trình độ đã cao hơn rất nhiều, chứa đựng *phép biện chứng*, dính dáng đến các *khái niệm*) — cũng là căn cứ theo Xéc-tu-xơ.

- a. Sự khác nhau giữa các *ý kiến*... của các nhà triết học...
- b. Sự thụt lùi đến vô hạn (cái nọ phụ thuộc vào cái kia, v.v., cứ thế mãi vô cùng).
- c. Tính tương đối (của các tiền đề).
- d. Giả thiết. Những người giáo điều đưa ra những giả thiết không được chứng minh.
- d. Sự qua lại. Vòng (luân quân)...

«Những tơ-rếp hoài nghi luận ấy thực tế đạt đến cái mà người ta gọi là một triết học giáo điều (vì bản chất của nó, triết học ấy phải nhận tất cả những hình thức ấy) — không phải vì triết học ấy có một nội dung tích cực, nhưng là vì nó khẳng định cái gì được quy định là cái tuyệt đối.» [595]

C.Y.

Hê-ghen **phản đối cái tuyệt đối!**
Mầm mống của chủ nghĩa duy vật
biện chứng là ở đấy.

C.Y.

«Đối với chủ nghĩa phê phán, nói một cách chung, không biết bất kỳ cái gì là tự nó, bất kỳ cái gì (không phải *nichts*) (sic!!)¹ là tuyệt đối, thì tất thấy mọi tri thức về bản thân tồn-tại-tự-nó đều bị coi là chủ nghĩa giáo điều; thế mà chủ nghĩa phê phán lại là chủ nghĩa giáo điều tệ nhất, bởi vì nó khẳng định rằng cái «Tôi», sự thống nhất của tự ngã ý thức, đối lập với tồn tại, là tự nó và vì nó, và ở bên ngoài, cái «Tự nó» cũng thế, hai cái tuyệt đối không thể gặp nhau được.» [576]

«Chủ nghĩa phê phán»
là «chủ
nghĩa giáo
điều tệ
nhất».

«Những tơ-rếp ấy đánh trúng triết học giáo điều, triết học này thực hiện theo phương pháp như sau: nó xác định một nguyên lý, trong một mệnh đề nhất định, như là một sự xác thực. Một nguyên lý như vậy bao giờ cũng có điều kiện; và như vậy nó có trong nó phép biện chứng, sự phá hoại chính

Bien
dit 2 111

Phép biện
chứng = « phá
hoại chính bản
thân nó ».

1. Nhận xét của Lê-nin trong ngoặc đơn là do một chỗ in sai trong bản tiếng Đức: trước chữ tuyệt đối có chữ phủ định *nicht* (không) mà đáng lẽ phải là chữ *nichts* (không có cái gì). (B.T.)

2. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: Thật hay! (B.T.)

bản thân nó.» «Những tơ-rếp ấy là một vũ khí cơ bản chống lại triết học của lý trí.» [577]

C.Y.

Thí dụ Xéc-tu-xơ phát hiện phép biện chứng của khái niệm *Điểm* (*der Punkt*). Một điểm không có kích thước hay sao? Vậy thì nó ở ngoài không gian!! Nó là giới hạn của không gian trong không gian, phủ định của không gian và đồng thời «tham gia vào không gian» — «chính do cái đó mà nó là biện chứng tự nó». [579]

C.Y.

«Những tơ-rếp ấy... đều là bất lực trong việc chống lại các Ý niệm *tư biện*, bởi vì bản thân những ý niệm này bao hàm yếu tố *hiện chứng* và *sự vượt quá* cái hữu hạn.» [580]

HẾT TẬP XVIII (tr. [586]).

TẬP XV₁. TẬP THỨ BA CỦA LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

(HẾT TRIẾT HỌC HY LẠP, TRIẾT HỌC TRUNG CỒ VÀ
TRIẾT HỌC CẬN ĐẠI CHO ĐẾN SEN-LINH, Trang 1-692)

(Bá-linh, 1836)

PHÁI PƠ-LA-TÔNG MỚI

... « Trở về với Thần » [5]... ... « tự ngã ý
thức là tồn tại tuyệt đối » [7] « tinh thần vũ
trụ » [7]... « đạo cơ đốc » [6]... Và một mở câu
tối om về Thần [7-18]...

Nhưng chủ nghĩa duy tâm triết học dẫn
đến Thần một cách công khai, « nghiêm
túc » này, còn chính trực hơn là bất khả
tri luận hiện đại, với sự giả dối và nhút
nhát của nó.

A. Phi-lông (khoảng trước sau công nguyên),
nhà bác học Do-thái, nhà thần bí chủ
nghĩa, « tìm thấy Pơ-la-tông ở trong Mô-
i-dơ » [19] v.v.. « Nhận thức về Thần »
[21] là cái chủ yếu, v.v.. Thần là lô-gốt,
« tổng của tất cả mọi ý niệm », « tồn

Ý niệm
(của Pơ-la-
tông) và
Thần.

1. Tập XIX của lần xuất bản năm 1928. (B.T.)

tại thuần túy» [22] («theo Pơ-la-tông»)...
Những ý niệm là những «thiên thần»
(sứ giả của Thần) [24]... Còn về thể giới
cảm tính, «cũng giống như ở Pơ-la-tông»
[24] = ous ōv = phi tồn tại. [24]

B. Cáp-ba-lơ, phái Gơ-nô-sti-cơ¹ ——— idem...

C. Triết học của phái A-léc-xan-đơ-ri (= chủ
nghĩa chiết trung — [32]) (= phái Pơ-la-
tông, phái Pi-ta-go, phái A-ri-stốt). [33-34]

Những người chiết trung chủ nghĩa là,
hoặc là những người không có văn hóa,
hoặc là những người tinh quái (những
người thông minh — [33]) — từ bất cứ đâu,
cũng rút ra được cái tốt nhưng...

Nói về
những người
chiết trung
chủ nghĩa.

— Họ thu thập cái tốt bất cứ ở chỗ
nào mà họ tìm thấy, «họ chỉ thiếu cái lô-
gích của tư duy và do đó thiếu ngay cả
bản thân tư duy.» [33]

Những ý
niệm của
Pơ-la-tông
và Thần.

Họ đã phát triển Pơ-la-tông
«Cái phổ biến của Pơ-la-tông nằm trong
tư duy, do đó được định nghĩa như sau:
với tính cách là cái phổ biến, nó là bản thân
bản chất tuyệt đối.» [33]

HÊ-GHEN. NÓI VỀ NHỮNG ĐỐI THOẠI CỦA PƠ-LA-TÔNG

Trang

[230] Ngụy biện

[238] Phi-le-bơ

[246] Pắc-mê-ni-đơ

(Ti-mê) [249]

1. Cáp-ba-lơ (*Kabbale*) là một hệ thần học thần bí Do-thái
Gơ-nô-sti-cơ (*Gnostiques*), do một chủ Hy-lạp nghĩa là tri thức
là một học thuyết triết học tôn giáo thần bí. (B.T.)

TÓM TẮT TÁC PHẨM CỦA HÊ-GHEN
« NHỮNG BÀI GIẢNG VỀ TRIẾT HỌC
CỦA LỊCH SỬ »

ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC NĂM 2007
MÔN TOÁN
HƯỚNG DẪN CHẤM

HÊ GHEN. BÀI GIẢNG VỀ TRIẾT HỌC CỦA LỊCH SỬ

Nguồn tài liệu: ghi chép những bài giảng trong khoảng những năm 1822-1831. Bản thảo của Hê-ghen cho đến trang 73, v.v...

Tr. [27]¹... «Ngôn ngữ... là những hoạt động giữa người ta với nhau»... (cho nên những ngôn ngữ này không phải là điều ba hoa).

[29] — người Pháp và người Anh có văn hóa hơn («có... văn hóa *dân tộc* hơn»), — nhưng chúng ta, người Đức, chúng ta thảo luận về *cách* viết lịch sử, hơn là viết lịch sử một cách thật sự.

Ý nhị và
thông minh!

[31] — lịch sử dạy chúng ta «rằng các dân tộc và những chính phủ các dân tộc không bao giờ học được cái gì của lịch sử: mỗi thời đại là *quả đặc thù* đối với việc ấy».

Rất thông
minh!

1. Những số trang là thuộc về quyền thứ 11 các tác phẩm của Hê-ghen- *Samliche werke*. Nhà xuất bản Gơ-lố-cơ-ne (xuất bản Gan-xơ), Stut-ga, 1928. (B.T.)

C.Y.

C.Y.

C.Y.

«Thế mà kinh nghiệm và lịch sử dạy rằng các dân tộc và các chính phủ không bao giờ học được cái gì ở lịch sử và không bao giờ hành động theo những bài học mà người ta có thể rút ra từ lịch sử. Mỗi thời đại có những điều kiện quá đặc biệt, nó là một hoàn cảnh quá đặc thù, đến nỗi, trong hoàn cảnh ấy, người ta phải và chỉ có thể quyết định bằng cách căn cứ vào hoàn cảnh ấy.»¹

Tr. [34] — «lý tính thống trị thế giới»...

Yếu !

[44]: thực thể của vật chất là trọng lực — thực thể của tinh thần là tự do.

[46]. «Lịch sử thế giới chính là sự tiến bộ trong ý thức về tự do, tiến bộ mà chúng ta phải công nhận trong tính tất yếu của nó»...

[48] — (Trên đường đi tới chủ nghĩa duy vật lịch sử) Cái gì dắt dẫn người ta đi? Trước hết là «tính tự tư», — những động cơ của tình yêu, v.v., đều hiếm hơn và phạm vi của chúng hẹp hơn. Từ tất cả cái mờ chằng chịt ấy của những sự say mê, v.v., những nhu cầu, v.v., sẽ dẫn đến kết quả gì?

[52-53] «Không có cái gì vĩ đại có thể thực hiện trong thế giới nếu không có sự say mê»... say mê là «mặt chủ quan, và do đó sự cũng là mặt hình thức, của tính lực»...

1. Bản tiếng Nga và Trung-quốc: đến nỗi người ta phải và chỉ có xuất phát từ hoàn cảnh ấy và lấy hoàn cảnh ấy làm căn cứ, mới có thể phán đoán thời đại ấy. (N.D.)

[54] — Lịch sử không có một mục đích
có ý thức làm điểm xuất phát... Cái quan
trọng là cái,

[54] mà người ta không biết đến, xuất hiện
như là kết quả của hành vi của họ.

[54]... Trên ý nghĩa đó «lý tính thống
trị thế giới».

C.Y.

[57]... Trong lịch sử từ những hành động
của người ta còn nảy sinh ra «cái gì khác
hơn nữa ngoài cái mà người ta truy tìm
và đạt tới, ngoài cái mà người ta nhận
thức và mong muốn một cách trực tiếp.»

...«Họ (người ta) thực hiện lợi ích của
mình. Nhưng đồng thời một cái gì khác
hơn cũng được thực hiện, tuy bao hàm
trong lợi ích này, nhưng nó lại ở ngoài ý
thức và ý đồ của người ta.»

C.Y.
(xem
Ang-ghen)¹

[60] «...Những vi nhân trong lịch sử là
những người như thế này, mục đích đặc
biệt của cá nhân họ bao hàm yếu tố thực
thể, mà yếu tố thực thể này là ý chí của
tinh thần vũ trụ»...

« Những vi
nhân ».

[68] — Tín ngưỡng tôn giáo và đức hạnh
của một người chăn súc vật, của một người
nông dân, v.v., là rất đáng kính (thí dụ !
C.Y.), nhưng

...«Quyền lợi của tinh thần vũ trụ là ở
trên tất cả mọi quyền lợi cá nhân»...

Ở đây Hê-ghen thường nói về Thần,
tôn giáo và đạo đức nói chung — lời nói
ngu đại duy tâm chủ nghĩa thật là tầm
thường.

[144]: «một sự xóa bỏ dần dần chế
độ nô lệ tốt hơn sự xóa bỏ đột ngột»...

1. Xem *Lát-vích Phơ-bách* trong *Nghiên cứu triết học*. Nhà
xuất bản Xã hội, tr. 48-49. (B.T.)

[79]. Hiến pháp của một Quốc gia với tôn giáo..., triết học, những tư tưởng, giáo dục, «những lực lượng bên ngoài» (khí hậu, lân bang...) của nó hình thành «một thực thể duy nhất, một tinh thần duy nhất»...

[89] Trong giới tự nhiên, vận động chỉ là vận động tuần hoàn(!!)¹ — trong lịch sử có nảy sinh ra cái mới...

?

[100]. Ngữ ngôn giàu hơn khi các dân tộc còn ở trình độ chưa phát triển, nguyên thủy; ngữ ngôn nghèo đi với văn minh và sự hình thành của ngữ pháp.

[105]: «Lịch sử thế giới vận động trên một miếng đất cao hơn miếng đất mà ở đó đạo đức tìm thấy chỗ ở thật sự của nó (Stätte)»...

Rất hay

Sehr wichtig²!
xem ở dưới
đoạn nói chi
tiết hơn³.

[111-112]: Một bức họa tuyệt diệu về lịch sử: tổng số những sự say mê cá nhân, các hành vi, v.v. («đâu đâu cũng có những cái thuộc về chúng ta và, do đó, đâu đâu cũng có sự quan tâm của chúng ta nhằm tán thành hoặc là phản đối»), khi thì cả khối lợi ích công cộng, khi thì cả khối không lồ những «lực nhỏ» («một sự khuếch trương vô hạn của những lực nhỏ, những lực nhỏ này, từ những cái có vẻ không đáng kể gì, sản sinh ra những sự vật lớn»). Kết quả? Kết quả là sự «mệt mỏi».

1. Chúng ta đọc ở Hê ghen : « Những biến hóa trong giới tự nhiên, mặc dầu tính đa dạng vô tận của nó, chỉ biểu hiện một vận động tuần hoàn không ngừng lặp lại ; trong giới tự nhiên không phát sinh cái gì mới dưới mặt trời... » (B.T.)

2. Rất quan trọng. (B.T.)

3. Xem đoạn sau : Hê ghen nói về lịch sử thế giới..(N.D.)

Tt. [120] — hết phần mở đầu.

Tt. [120] — « Cơ sở địa lý của lịch sử thế giới » (đề mục điền hình): [120-148].

[121] — « Trời êm đẹp của I-ô-ni » đã có thể sản sinh Hô-me một cách dễ dàng hơn, nhưng không phải chỉ có lý do ấy. — « Không có thi sĩ dưới sự thống trị của Thô-nhi-kỳ », v.v...

(C.Y.
xem Pơ-lê-
kha-nốp¹.)

[128] — Sự di cư sang châu Mỹ loại trừ « sự bất mãn » « và sự tiếp tục duy trì chế độ thị dân hiện tại được bảo đảm »... (nhưng mà chế độ này là « sự giàu có và sự nghèo khổ » [128]...)

!!!

[128]. Châu Âu không biết một đường thoát như thế: nếu nước Đức còn toàn là rừng núi, thì đã không có cách mạng Pháp.

[149]: 3 hình thức của lịch sử thế giới: 1^o chế độ chuyên chế; 2^o chế độ dân chủ và chế độ quý tộc; 3^o chế độ quân chủ.

Phân chia: thế giới phương Đông — Hy-lạp—La-mã — thế giới Giéc-ma-ni. Những lời rỗng tuếch về luân lý, v.v., v.v...

Trung - quốc. Chương thứ I [163 - 191].

Miêu tả tính chất Trung-quốc, các chế độ, v.v., v.v. Nil, nil, nil!²

Ấn-độ — cho đến [233] — cho đến...

Ba-tư (và Ai-cập) cho đến [294]. Tại sao vương quốc Ba-tư (đế quốc) sụp đổ mà không phải là Trung-quốc và Ấn-độ? Sự tiếp tục tồn tại không nhất thiết có nghĩa

1. Tséc-nư-sép-ski trong Toàn tập (bản tiếng Nga), tập I, tr. 37; Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác, Nhà xuất bản Xã hội, 1947, tr. 39 và những trang sau (B.T.)

2. Không có gì, không có gì, không có gì! (B.T.)

là tận thiện tận mỹ. — « Những núi non bất diệt không hơn gì đóa hoa hồng chóng tàn tạ tỏa ngát hương thơm.¹ » [292] Ba-tư đã sụp đổ, đó là vì ở đây đã bắt đầu tinh thần trực quan [293], còn người Hy-lạp thì tỏ ra cao hơn « nguyên tắc cao hơn » về tổ chức, về « tự do có ý thức về mình ». [293]

Lịch sử thế giới như là một chỉnh thể, và các dân tộc là « công cụ » của nó.

[296]: Thế giới Hy-lạp... nguyên tắc « cá tính thuần túy » — thời kỳ của sự phát triển, của sự phồn vinh và của sự tan rã của nó, « xung đột với công cụ tương lai của lịch sử thế giới » [296] — La-mã và « thực thể » của nó (ibidem).

[297]: Những điều kiện địa lý của Hy-lạp: tính đa dạng của giới tự nhiên của nó (trái với cái đơn điệu của phương Đông).

Giàu có và khốn cùng.

[307] — Những đất thực dân ở Hy-lạp. Tích lũy của cái « bao giờ » cũng kèm theo sự khốn khổ và bần cùng...

Hê-ghen và Phơ-bách²

[312-313]. « Yếu tố tự nhiên, do người ta giải thích, cái bên trong, cái bản chất, nói chung đó là cái bắt đầu của thần » (nói về thần thoại Hy-lạp).

[316]. « Mỗi quan hệ của người và các nhu cầu của người với giới tự nhiên bên ngoài là thuộc về phạm vi thực tiễn. Dựa vào giới tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu của mình, con người chinh phục giới tự nhiên, đồng

1. Bản tiếng Nga : đóa hoa hồng chóng tàn và có một cuộc đời ngắn ngủi. (N.D.)

2. Bài giảng về bản chất của tôn giáo, trong Toàn tập, tập VIII, tr. 21. (B.T.)

thời tác động vào giới tự nhiên với tính cách là kẻ trung gian. Thật vậy các đối tượng của giới tự nhiên có sức mạnh và phản kháng bằng mọi cách. Để chinh phục những đối tượng ấy, con người sử dụng những đối tượng khác của giới tự nhiên, như vậy là con người dùng tự nhiên để chống lại bản thân tự nhiên và để đạt mục đích ấy, con người sáng chế ra những công cụ. Những phát minh này của con người thuộc về tinh thần và phải đánh giá một công cụ như thế cao hơn là đối tượng của giới tự nhiên... Người ta quy cho thần thánh cái vinh dự của phát minh của con người nhằm để chiến thắng thiên nhiên» (ở người Hy-lạp).

Ở Hê-ghen đã có những mầm mống của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Hê-ghen và Mác.

[333]: Chế độ dân chủ ở Hy-lạp gắn liền với sự nhỏ bé của các Quốc gia. Ngôn ngữ, ngôn ngữ sống liên kết những người công dân và tạo nên *Erwärmung*¹.

« Vì lý do đó » đã không bao giờ có hiến pháp cộng hòa trong cách mạng Pháp.

??

[402-403]. « Ông ta (Xê-da) đã tiêu trừ mâu thuẫn nội bộ (gạt bỏ nước cộng hòa, nước cộng hòa này chỉ còn là một « cái bóng »), và đã mở ra một mâu thuẫn khác. Thật thế, cho đến bây giờ, sự thống trị thế giới chưa vượt quá đỉnh núi An-pơ. Nhưng Xê-da mở một trường hoạt động mới; ông tạo nên một vũ đài, vũ đài này từ đó sẽ trở trung thành tâm của lịch sử thế giới.»

Hê-ghen và những « mâu thuẫn » trong lịch sử.

1. Ở đây theo nghĩa : nhiệt tình. (B.T.)

Những phạm trù
tính khả năng
và tính ngẫu
nhiên *versus*
tính hiện thực
và sự xác nhận
trong lịch sử.

Và tiếp đó nói về việc giết Xê-da:....
«Nói chung một cuộc cách mạng chính trị
có thể nói là được dự luận thừa nhận nếu
có tái diễn (Na-pô-lê-ông, họ Bốc-bông)...
Nhờ sự tái diễn mà một cái gì đó lúc đầu
hình như chỉ là ngẫu nhiên và chỉ có tính
chất khả năng, thì nay trở thành hiện
thực và được xác nhận.»

[409-430] « Đạo Cơ đốc ».

Sự nhạt nhẽo — nói dông dài theo cách
duy tâm của bọn thầy tu về sự vĩ đại của
Đạo Cơ đốc (với những câu trích dẫn
Phúc âm!!). Khả ố, kinh tởm!

[527-528]: Tại sao cái cách tôn giáo lại chỉ
giới hạn trong một số dân tộc nào thôi?
Nhân tiện nói qua—« các dân tộc Sla-vơ
là dân tộc *nông nghiệp* », điều đó dẫn đến
« những quan hệ giữa chúa phong kiến và
nông nô », « một năng suất sinh sản »¹ kém
đi, v.v. Và những dân tộc la-tin là vì sao?
Tính cách của họ (tính cách cơ bản [529]).

C.Y.

Quan hệ giai
cấp

[539]:... «Cái tự do Ba-lan không phải cái
gì khác hơn là cái tự do của bọn quý tộc
đối với quân chủ... Như thế phải chăng
nhân dân và bọn nhà vua có cùng lợi ích
như nhau để chống lại bọn quý tộc... Khi
nói đến tự do, bao giờ cũng phải chú ý
xem vấn đề thực ra có phải là lợi ích
cá nhân không.»

[554-555]: Nói về cách mạng Pháp... Tại
sao người Pháp lại đi «lập tức từ lý
luận đến thực tiễn», mà không phải là
người Đức?

1. Bản tiếng Nga : tinh thần cần cù. (N.D.)

Ở người Đức, cái cách tôn giáo đã sửa
chữa tất cả, đã bãi bỏ «sự bất công
không thể tả được», v.v.

!!

[557-558]: Lần đầu tiên (trong cách mạng
Pháp), người ta đã đi đến kết luận là «con
người đứng thẳng trên đầu mình, tức là
trên tư tưởng và căn cứ theo tư tưởng
mà sáng tạo giới hiện thực»... «Thật là...
một buổi mặt trời mọc huy hoàng»...

Tiếp đó, nghiên cứu «tiến trình của cách
mạng ở Pháp», Hê-ghen nhấn mạnh về vấn
đề tự do nói chung — tự do về tài sản, về
công nghiệp (Ibidem).

...Sự ban bố luật pháp? Ý chí của toàn
thế... «Thieu số phải thay mặt cho đa số,
nhưng thông thường nó chỉ là kẻ áp bức đa
số»... [559] «Sự thống trị của đa số đối với
thieu số cũng là một tính không triệt để
rất lớn.»

xem Mác và
Ăng-ghen¹

[563]... «Do nội dung của nó, sự kiện ấy
(cách mạng Pháp) có một tầm quan trọng
lịch sử thế giới»...

«Chủ nghĩa tự do» [563], «những chế độ
của chủ nghĩa tự do» [563] đã được phổ
cập khắp châu Âu.

[568]: «Lịch sử thế giới không phải là cái
gì khác hơn là sự phát triển của khái
niệm tự do»...

1. Mác đã trình bày cùng những ý kiến này trong *Nội chiến ở Pháp* (lần xuất bản mới), Nhà xuất bản Xã hội, 1953, tr. 39-41.
(B.T.)

C.Y.
Quan trọng
nhất là phần
mở đầu có
nhiều điều
rất hay trong
cách đặt
vấn đề.

Nói chung lại, triết học lịch sử mang lại rất ít, rất ít — điều đó cũng dễ hiểu: bởi vì chính ở đây trong lĩnh vực này, trong khoa học này, Mác và Ăng-ghe-n đã tiến lên bước tiến lớn nhất. Mà chính ở đây Hê-ghe-n đã tỏ ra già cỗi nhất, đã trở thành một đồ cồ.

(Xem trang sau.)

HÊ-GHEN NÓI VỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI

«Cuối cùng, nếu bây giờ chúng ta xem xét lịch sử thế giới từ quan điểm của phạm trù mà lịch sử ấy phải được xem xét thì chúng ta thấy mở ra trước mắt chúng ta một bức tranh vô biên của đời sống con người, của hoạt động loài người với những hoàn cảnh muôn màu muôn vẻ và những mục đích đủ các loại, một bức tranh những sự kiện và những vận mệnh khác nhau nhất. Trong tất cả các sự kiện và biến cố đó, chúng ta thấy hiện lên hàng đầu những việc làm và những cử chỉ của loài người — và ở đâu chúng ta cũng phải quan tâm và phải có thái độ. Khi thì cái đẹp, hoặc là sự tự do, sự giàu có, lối cuốn chúng ta; khi thì nghị lực hấp dẫn chúng ta, có khi lại chính bản thân thói xấu biểu hiện ra như một cái gì có ý nghĩa. Có khi chúng ta thấy tiến triển một cách chậm chạp cả khối lượng rất lớn của một lợi ích công cộng, nhưng điều mà chúng ta thường thấy hơn là một sự huy động to lớn những lực lượng nhỏ bé — và những cái lớn lao lại nảy sinh từ cái hình như là không đáng kể ấy. Đâu đâu cũng là cảnh tượng nhiều màu sắc nhất, và mỗi sự vật vừa mất đi, thì một sự vật khác lập tức thay thế. [73]

«Những kết quả đầu tiên của sự nghiên cứu này, dù hấp dẫn đến thế nào đi nữa,

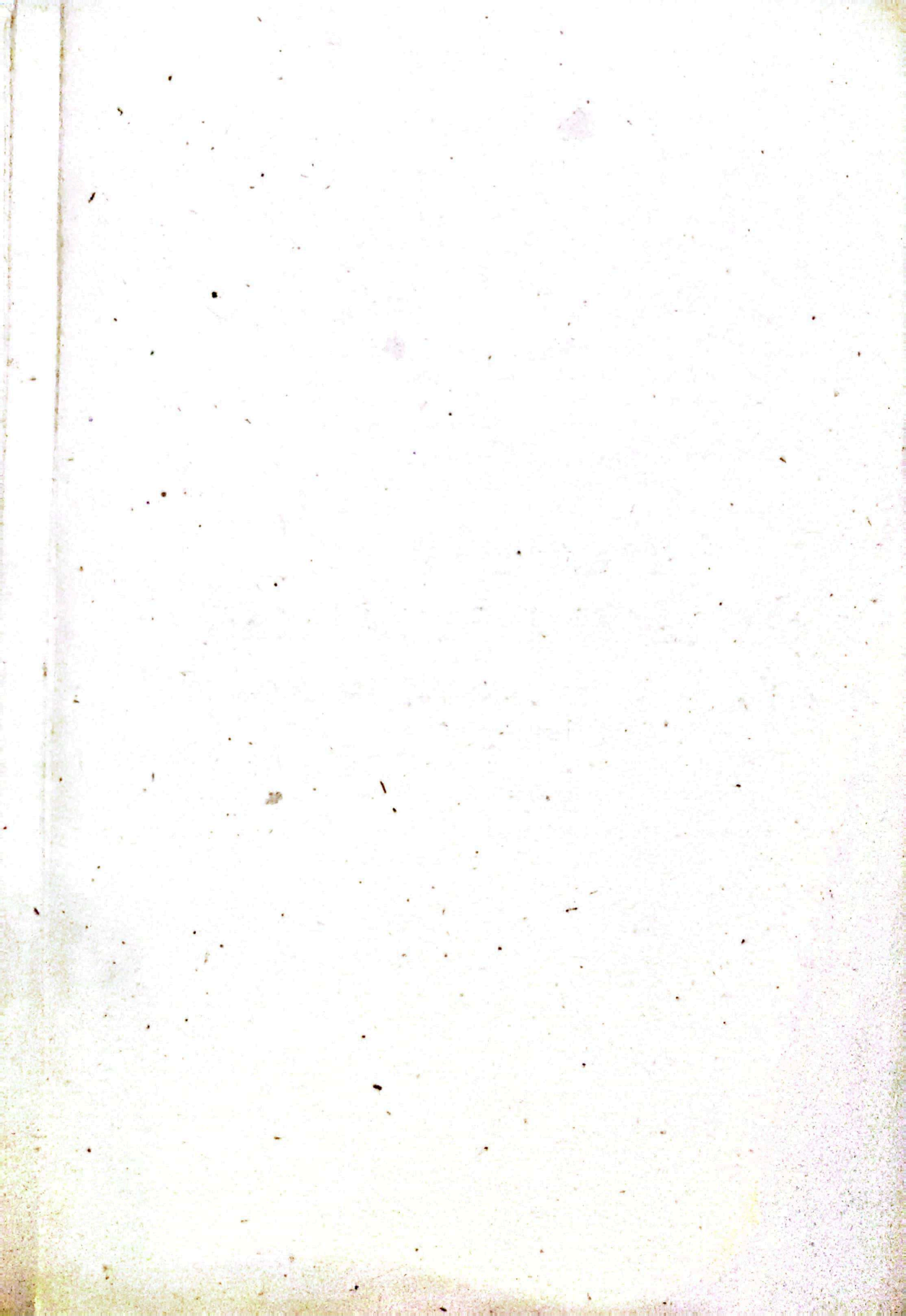
cũng là sự *mệt mỏi*; sự *mệt mỏi* này theo sau sự trải qua một cảnh tượng muôn vẻ, cảnh tượng của một chiếc áo裳; và dù có thừa nhận giá trị của mỗi biểu tượng riêng biệt, thì vấn đề này ra trong chúng ta vẫn là tìm hiểu xem mục đích của tất cả những sự kiện riêng biệt ấy là gì; phải chăng mỗi sự kiện chỉ hạn định trong mục đích riêng biệt của nó, hay là trái lại chúng ta phải nghĩ đến một mục đích cuối cùng của tất cả những sự kiện ấy? Phải chăng đằng sau cái âm ĩ của mặt bên ngoài này, không có công phu và sự tiến triển của một công trình, của một công trình bên trong, lặng lẽ, bí mật trong đó bảo tồn cái lực lượng bản chất của tất cả các hiện tượng tạm thời ấy? Nhưng dù người ta không đưa tư tưởng, nhận thức của lý tính vào lịch sử thế giới, thì ít nhất người ta cũng phải đưa vào đó lòng tin vững chắc, không gì lay chuyển được rằng lý tính tồn tại trong lịch sử ấy, hoặc là ít nhất lòng tin rằng thế giới của trí lực và ý chí tự giác không bị phó mặc cho ngẫu nhiên, mà phải biểu hiện dưới ánh sáng của Ý niệm tự nhận thức bản thân mình¹.» [73-74]

((C.Y. trong bài tựa, tr. XVIII Nhà xuất bản Gan-xơ chỉ rằng cho đến trang 73 lời văn do Hê-ghen viết năm 1830, bản thảo — «Au-sarbeitung»²)).

1. Số trang ghi theo bản xuất bản bằng tiếng Đức tác phẩm của Hê-ghen, Bd IX, 1837. (B.T.)

2. Tiếng Đức trong nguyên bản có nghĩa là : khởi thảo. (N.D.)

TÓM TẮT
QUYỀN SÁCH CỦA LÁT-XAN :
« TRIẾT HỌC CỦA NHÀ ẦN DẬT HÊ-RA-CÔ-LÍT
Ở Ê-PHE-DƠ »



F. LÁT-XAN. « TRIẾT HỌC CỦA NHÀ ẦN DẬT HÊ-RA-CƠ-LÍT Ở Ê-PHE-DƠ »

(2 tập Bá-linh 1858)

Trong đề từ, ngoài những cái khác, có một đoạn trích của Hê-ghen — của *Lịch sử triết học* của ông ta — nói rằng không có một luận điểm nào của Hê-ra-cơ-lít mà ông không nhắc lại trong lô-gích của ông ta.

Trích dẫn của tôi. Hê-ghen.
Toàn tập, tập XIII, trang [246]¹
Bài giảng về lịch sử triết học.

Người ta thấy rõ tại sao Mác đã gọi tác phẩm này của Lát-xan là « bài làm của học sinh » (xem thư của Mác gửi Ăng-ghen ngày...²). Lát-xan chỉ giản đơn nhắc lại Hê-ghen, ông cóp lại Hê-ghen, nhai lại hàng nghìn lần những luận điểm cá biệt của Hê-ghen về Hê-ra-cơ-lít, nhồi nhét vào tác phẩm của mình cả cái đồng học vấn cực kỳ thông thái rơm đến không thể tưởng tượng được.

1. Xem phần trên, đoạn về : Triết học của Hê-ra-cơ-lít. (B.T.)

2. 1 tháng Hai 1858. (B.T.)

Khác với Mác: ở Mác, có vô số những điều mới và Mác chỉ chú ý đến sự vận động tiến lên xuất phát từ Hê-ghen và Phơ-bách và vượt qua cả hai người, đi từ phép biện chứng duy tâm đến phép biện chứng duy vật. Lát-xan nhắc lại Hê-ghen về một luận đề cá biệt mà ông đã chọn: tóm lại một sự cóp lại Hê-ghen về những đoạn trích dẫn Hê-ra-cơ-lít và về Hê-ra-cơ-lít.

Lát-xan đã chia tác phẩm của ông ta thành hai phần: «Phần tổng luận. Mở đầu» (tập I, trang 1-68). «Phần lịch sử. Trích lục và luận cứ» (phần còn lại). Chương III trong phần tổng luận: «Phát triển lô-gích ngắn ngủi của hệ thống của Hê-ra-cơ-lít» (tr. 45-68), cung cấp tinh hoa của phương pháp, — của những kết luận của Lát-xan. Chương này là một sự sao chép hoàn toàn, một sự nhắc lại một cách nô lệ những luận điểm của Hê-ghen về Hê-ra-cơ-lít! Ở đây cũng thế (và còn hơn thế nữa trong phần lịch sử), hàng đống học vắn, nhưng với chất lượng thấp nhất: một nhiệm vụ được đặt ra, tức là: tìm Hê-ghen trong Hê-ra-cơ-lít. Người ta đã làm trọn nhiệm vụ ấy, «một cách xuất sắc», theo kiểu học trò chăm chỉ đã đọc tất cả cái gì nói về Hê-ra-cơ-lít ở các tác giả cổ đại (và hiện đại) và giải thích tất cả theo Hê-ghen.

Năm 1844-47, Mác đã đi từ Hê-ghen đến Phơ-bách và, đi qua Phơ-bách, đến chủ nghĩa duy vật lịch sử (và biện chứng). Lát-xan đã bắt đầu năm 1846 (bài tựa, trang III), tiếp tục năm 1855 và kết thúc tháng Tám 1857 (bài tựa, XV) một công việc thuần túy nhai lại, một cách trống rỗng, vô ích và thông thái rơm chủ nghĩa Hê-ghen!!

Một số chương của phần thứ hai có ý nghĩa và không phải là không có ích chỉ vì đó là dịch các đoạn văn của Hê-ra-cơ-lít và phổ thông hóa Hê-ghen, nhưng điều đó không giảm bớt chút nào tất cả những khuyết điểm đã được vạch ra.

Đôi khi, triết học của những người cổ đại và của Hê-ra-cơ-lít thật là tuyệt vì cái tính chất phác thơ ngây của nó, thí dụ trang 162 — «Do đâu mà nước đá của những người đã ăn tội lại có mùi tội?»

Và trả lời:

«Phải chăng đó là bởi vì, như một số môn đồ của Hê-ra-cơ-lít đã nói, trong thân thể (hữu cơ) cũng diễn ra một quá trình chuyển hóa bằng đốt cháy giống như ở trong vũ trụ, — rồi sau khi đã nguội, thì ở kia (tức là ở trong vũ trụ) hình thành nước ẩm ướt, còn ở đây hình thành nước đá, — từ thức ăn sự chuyển hóa ($\alpha\nu\tau\omicron\mu\iota\sigma\iota\varsigma$) sản sinh ra mùi vị của thứ mà thức ăn ấy này sinh ra do trộn lẫn với thứ đó»... (163). Trang 221 và những trang sau, Lát-xan dẫn Pơ-luy-tác-cơ là người đã nói về Hê-ra-cơ-rít như sau:... «mọi cái đều được sinh ra từ lửa bằng chuyển hóa cũng giống như lửa được sinh ra từ tất cả, hoàn toàn giống như chúng ta dùng vàng đổi lấy các vật phẩm và dùng các vật phẩm đổi lấy vàng»...

Hê-ra-cơ-lít
bản về vàng
và hàng hóa

Căn cứ vào điểm này, Lát-xan nói về giá trị (trang 223 C.Y.), [và về chức năng của tiền bạc giá trị] mà ông ta phát triển theo cách Hê-ghen (như là «một vật thống nhất

Không dùng
(chủ nghĩa
duy tâm của
Lát-xan)

trừu tượng tách riêng ra») và ông ta thêm :...
«rằng cái vật thống nhất ấy, tiền tệ, không
phải là một cái gì *hiện thực* mà là một cái
gì chỉ có *tính chất quan niệm* (chữ ngã của
Lát-xan), điều đó thấy được ở chỗ» v.v.

(Nhưng cũng phải C.Y. rằng cái này
được viết trong một quyển sách xuất
bản năm 1858, mà bài tựa đề tháng
Tám 1857.)

Trong chú thích 3, trang 224 (tr. 224-225),
Lát-xan còn bàn đến vấn đề tiền bạc một
cách chi tiết hơn, ông ta nói rằng Hê-ra-cơ-lít
không phải là một «nhà kinh tế học», rằng
tiền bạc là ((chỉ là (??))) một phù hiệu của
giá trị, v.v.. v.v.. («tất cả tiền bạc chỉ là vật
thống nhất có tính chất quan niệm hay là
sự biểu hiện giá trị của tất thảy mọi sản phẩm
hiện thực nằm trong lưu thông») (224), v.v..

Bởi vì Lát-xan nói ở đây, một cách mơ
hồ về những phát minh mới nhất trong lĩnh
vực này—lý luận về giá trị và tiền bạc—
cho nên người ta có thể giả thiết là chính
ông nghĩ tới những cuộc đàm thoại và
thư từ của Mác.

Trang 225-228. Lát-xan dẫn một đoạn dài
của Pơ-luy-tác-cơ và sau đó chứng minh (một
cách thuyết phục) rằng đó chính là nói về
Hê-ra-cơ-lít, và Pơ-luy-tác-cơ trình bày ở
đấy «những đặc trưng cơ bản của thần học
tư biện của Hê-ra-cơ-lít» (tr. [228]).

Đoạn văn này hay — nó truyền lại *tinh
thần* của triết học Hy-lạp, tính chất phức,
tính sâu sắc, những chuyển hóa, sự dung hợp.

Lát-xan cũng rút ra từ Hê-ra-cơ-lít cả một hệ thống thần học và một « lô-gích khách quan » (sic!!), v.v... Nói tóm lại, Hê-ghen « nói về » Hê-ra-cơ-lít!!

Lát-xan nhấn mạnh và nhắc lại không chán (thật là nhức đầu) rằng không những Hê-ra-cơ-lít thừa nhận tính vận động ở tất cả, lấy sự vận động hay là sự sinh thành làm nguyên tắc (*Werden*), mà toàn bộ vấn đề là ở chỗ phải hiểu « tính đồng nhất diễn tiến của những cái đối lập tuyệt đối (*schlechthin*) » (tr. 289 và nhiều trang khác). Có thể nói là Lát-xan dùng búa đóng vào đầu óc độc giả cái ý của Hê-ghen cho rằng, trong những khái niệm trừu tượng (và trong hệ thống của chúng), *không thể* diễn tả nguyên tắc vận động bằng cách nào khác hơn là bằng nguyên tắc đồng nhất của các mặt đối lập. Vận động và sinh thành, nói chung, có thể phát sinh mà không lặp lại, không quay trở lại điểm xuất phát; và *trong trường hợp ấy*, một vận động như thế sẽ không phải là « đồng nhất của các mặt đối lập ». Nhưng vận động thiên thể và vận động cơ học (trên trái đất), sự sống của thực vật, động vật và người — tất cả cái đó đã đưa vào đầu óc người ta không những ý niệm về vận động, mà còn và nhất là ý niệm về vận động với sự quay trở lại các điểm xuất phát, tức là vận động biện chứng.

Đó là điều được diễn tả rất tuyệt và chất phác trong công thức (hoặc cách ngôn) nổi

tiếng của Hê-ra-cơ-rít: «Người ta không tắm hai lần trong cùng một dòng sông» — nhưng thật ra (như Cơ-ra-ti-lơ, một học trò của Hê-ra-cơ-lít, đã nói) người ta cũng không thể tắm ở đây một lần (bởi vì lúc mà toàn thân nhúng vào trong đó, thì nước cũng đã không phải là nước ấy nữa rồi).

(C.Y. Anh chàng Cơ-ra-ti-lơ này đã đẩy phép biện chứng của Hê-ra-cơ-lít đến *thuật nguy biến* (tr. 294-95 và chỗ khác) bằng cách nói rằng: không có gì là chân lý, người ta không thể nói được gì về bất cứ cái gì. Kết luận phủ định (và chỉ là phủ định) rút ra từ phép biện chứng. Trái lại, Hê-ra-cơ-lít có nguyên tắc: «tất cả là chân lý», trong tất cả đều có (một phần) chân lý. Để trả lời cho tất cả, Cơ-ra-ti-lơ chỉ «động đậy ngón tay», có ý nói rằng tất cả đều vận động, và người ta không thể nói được gì về bất cứ cái gì.

Lát-xan hoàn toàn không có ý thức về mức độ trong tác phẩm này: ông ta đã thẳng tay *nhận chìm* Hê-ra-cơ-rít trong Hê-ghen. Thật đáng tiếc. **KHÔNG NÓI QUÁ ĐÁNG VỀ HÊ-RA-CƠ-LÍT**, và coi Hê-ra-cơ-lít như là một trong những người sáng lập ra phép biện chứng, thì thật là vô cùng có ích. Dem 850 trang của Lát-xan tinh giản lại trong 85 trang và dịch ra tiếng Nga: «Hê-ra-cơ-lít, một trong những người sáng lập ra phép biện chứng (theo Lát-xan)». Như vậy sẽ có thể rút ra được điều có ích!

Quy luật cơ bản của thế giới theo Hê-ra-cơ-lít (Lô-gốt, có khi $\epsilon\lambda\mu\alpha\rho\mu\acute{\epsilon}\nu\eta^1$ là « quy luật chuyển hóa thành cái đối lập của nó » (tr.327) (= $\epsilon\nu\alpha\nu\tau\iota\omicron\tau\rho\omicron\pi\acute{\eta}$, $\epsilon\tau\alpha\nu\tau\iota\omicron\delta\rho\omicron\mu(\alpha)$).

Lát-xan giải thích ý nghĩa của $\epsilon\lambda\mu\alpha\rho\mu\acute{\epsilon}\nu\eta$ là « quy luật của phát triển » (tr. 333). Về vấn đề đó ông ta nhân tiện nhắc lại:

những lời của Nê-mê-di-u-xơ: « Đê-mô-cơ-rít, Hê-ra-cơ-lít và Ê-pi-quya muốn rằng không có thiên ý đối với cái phổ biến, cũng như đối với cái đơn nhất » (ibidem)

và những lời của Hê-ra-cơ-lít: « thế giới đã không do bất cứ một thần thánh nào, bất cứ một người nào sáng tạo ra, nhưng nó là và mãi mãi là ngọn lửa sống vĩnh viễn. » (ibidem).

Điều lạ là Lát-xan nhắc lại triết học tôn giáo của Hê-ra-cơ-lít mà không trích dẫn, cũng không một lần nào nhắc đến Phơ-bách! Vậy nói chung thái độ của Lát-xan đối với Phơ-bách là thế nào? Có phải là thái độ của một người duy tâm chủ nghĩa theo phái Hê-ghen không?

Cho nên Phi-lông đã có thể nói về học thuyết của Hê-ra-cơ-lít:

...«rằng, cũng như học thuyết của những người phái stô-i-xiêng, nó (« học thuyết ») suy diễn tất cả từ thế giới và trong thế giới, nhưng không tin là có cái gì bắt nguồn từ Thần» (334).

C.Y.

Thí dụ về sự « tu sửa » theo kiểu Hê-ghen: sau đây là cách Lát-xan dịch đoạn văn nổi tiếng của Hê-ra-cơ-lít (theo Sô-bê) về « trí tuệ thống nhất » ($\epsilon\nu\ \delta\omicron\phi\acute{o}\nu$):

1. Thiên mệnh, tính tất yếu. (B.T.)

«Tôi đã được nghe rất nhiều nghị luận nhưng không một ai nhận thức được rằng cái trí tuệ là cái tách rời với Toàn thể (tức là với tất cả cái gì tồn tại).» (344)

— Ông ta coi những từ «súc vật hoặc là Thần» như là một sự thêm vào về sau, và gạt bỏ những bản dịch của Rít-te («trí tuệ là cách xa tất cả») (344) và của Sơ-lai-ơ-ma-cơ «cái gì là trí tuệ là thoát ly tất cả» (346) với ý nghĩa là: «nhận thức» là khác với khoa học về cái đơn nhất.

Theo Lát-xan, ý nghĩa là như sau:

«Cái tuyệt đối (cái gì là trí tuệ) không có bất cứ tồn tại cảm tính nào, nó là cái phủ định» (349) — tức là cái phủ định = nguyên tắc của phủ định, nguyên tắc của vận động. Một sự xuyên tạc hiển nhiên theo kiểu Hê-ghen: đem Hê-ghen nhét vào trong Hê-ra-cơ-lít.

Một loạt chi tiết về mối liên hệ (bên ngoài) giữa Hê-ra-cơ-lít và thần học Ba-tư, Oóc-mu-dơ — A-ri-man, học thuyết về ma thuật, v.v., v.v., v.v.

Hê-ra-cơ-lít đã nói: «thời gian là một vật thể» (tr. 358)... đây có lẽ là nói theo ý nghĩa sự thống nhất giữa tồn tại và hư không. Thời gian là thống nhất thuần túy giữa tồn tại và không tồn tại, v.v.!

Theo Hê-ra-cơ-lít, lửa có lẽ là = nguyên tắc vận động [và không phải chỉ có lửa]; lửa có lẽ là cái gì tương tự trong học thuyết triết học (và tôn giáo) Ba-tư! [362]

Nếu Hê-ra-cơ-lít đã là người đầu tiên dùng thuật ngữ λογος («Từ») theo ý nghĩa khách quan (quy luật), thì chắc chắn là ông ta đã mượn nó ở tôn giáo Ba-tư... (364)

— Trích dẫn Den-A-ve-sta (357)

Trong § 17 nói về quan hệ giữa Δίχρη¹ và εἰμαρμένη² Lát-xan giải thích những tư tưởng ấy của Hê-ra-cơ-lít theo nghĩa là «tính tất yếu», «liên hệ» (376).

C.Y. • *Liên hệ của tất cả mọi vật* »
(δεσμὸς ἀπαντων) (tr. 379).

Pơ-la-tông (trong *Tê-ê-le-tơ*) diễn đạt triết học của Hê-ra-cơ-lít như sau :

«Tính tất yếu đem tính bản chất của tồn tại liên kết lại»...

«Hê-ra-cơ-lít là nguồn gốc của quan điểm rất phổ thông ở những người theo phái Stô-i-xiêng, quan điểm này diễn đạt εἰμαρμένη *rerum omnium necessitas*³, như là liên hệ và liên kết, *illigatio*»... (376)

Xi-xê-rông :

«Tôi gọi là thiên mệnh cái mà người Hy-lạp gọi là εἰμαρμένη, tức là trật tự và thứ tự của các nguyên nhân, khi nguyên nhân, liên hệ với một nguyên nhân khác, tự nó sản sinh ra một sự vật.» (tr. 377).

1. Công bằng. (B.T.)

2. Thiên mệnh. (B.T.)

3. Tính tất yếu của tất cả các hiện tượng. (B.T.)

Mấy nghìn năm đã qua từ khi sản sinh ra ý niệm về « sự liên hệ của mọi vật », về « dây chuyền, các nguyên nhân ». Sự so sánh những cách lý giải khác nhau về các nguyên nhân ấy trong lịch sử tư tưởng của nhân loại sẽ đem lại một lý luận về nhận thức, không thể chối cãi được, là có căn cứ.

Tập II.

Về « lửa », Lát-xan chứng minh, và nhắc đi nhắc lại hàng nghìn lần, rằng theo Hê-ra-cơ-lít đó là một « nguyên tắc ». Ông ta đặc biệt nhấn mạnh đến *chủ nghĩa duy tâm* của Hê-ra-cơ-lít (tr. 25 — rằng nguyên tắc về phát triển, về sự sinh thành đã có trước *một cách lô-gích* ở Hê-ra-cơ-lít, rằng triết học của Hê-ra-cơ-lít = triết học duy tâm. Sic!!) (tr. 25).

((Giải thích gò ép theo chiều hướng của Hê-ghen!))

Hê-ra-cơ-lít thừa nhận « một thứ lửa thuần túy và tuyệt đối phi vật chất » (tr. 28 *Ti-mê*, về Hê-ra-cơ-lít)...

Tr. (56) (tập II) Lát-xan dẫn một đoạn văn [của *Cơ-lê-măng* ở A-léc-xan-đơ-ri, *Strom.* V. ch. XIV] về Hê-ra-cơ-lít, dịch nguyên văn như sau :

C.Y.

« Thế giới, một chính thể của mọi vật không phải là do bất cứ một thần thánh, hoặc là bất cứ một người nào sáng tạo ra, mà là đã đang và sẽ còn là một ngọn lửa vĩnh viễn sống, bùng cháy và tắt đi theo những quy luật »...

Một sự trình bày rất hay những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Nhưng trang 58, Lát-xan lại «dịch tự do» đoạn văn ấy như sau:

«Thế giới — — đã là, đang là và sẽ còn là một sự sinh thành vĩnh viễn, chuyển hóa không ngừng, nhưng đều đặn, từ tồn tại đến không tồn tại (đang trôi qua) và từ không tồn tại đến tồn tại (đang trôi qua).»

Một kiểu mẫu điển hình về cái cách Lát-xan *verballhornt*¹ Hê-ra-cơ-lít theo hướng Hê-ghen, làm hỏng tính sinh động, tính tươi tắn, tính chất phác, tính nguyên vẹn lịch sử của Hê-ra-cơ-lít bằng những sự giải thích gò Hê-ra-cơ-lít theo Hê-ghen (những sự giải thích này cho phép Lát-xan nhai lại Hê-ghen trên hàng chục trang).

Đoạn thứ II của phần thứ II («Vật lý học» tr. 1-262!!! của tập thứ II) hoàn toàn không thể chịu được. Ở đây chỉ có một xu về Hê-ra-cơ-lít, mà có đến một đồng vàng về nhắc lại Hê-ghen và giải thích sai lầm². Người ta chỉ có thể lật qua — để có thể nói với mọi người là không nên đọc!

Về đoạn thứ III («Lý luận về nhận thức»), một đoạn trích dẫn *Phi-lông*:

|| «Bởi vì thế thống nhất là cái gồm có hai mặt đối lập, cho nên một khi phân thành ||

1. Xuyên tạc. (B.T.)

1. Bản tiếng Trung quốc: Ở đây rất ít nói về Hê-ra-cơ-lít, mà lại nhắc đi nhắc lại rất nhiều những luận điểm của Hê-ghen và những sự giải thích gò ép. (N.D.)

C.Y.

C.Y.

hai, thì những mặt đối lập ấy liền xuất hiện. Phải chăng nguyên lý này là nguyên lý mà, theo những người cổ Hy-lạp, Hê-ra-cơ-lít vĩ đại và nổi tiếng của họ đã coi là trung tâm của triết học của ông ta và ông ta tự hào coi đó là một phát minh mới? »... (265)

Và đoạn trích dẫn sau này cũng của Phi-lông :

C.Y.

...«Cũng như thế, các bộ phận của vũ trụ cũng chia làm hai và đối lập lẫn nhau : đất — thành núi cao và đồng bằng, nước — thành ngọt và mặn... cũng như thế, khí hậu thành mùa đông và mùa hạ và cũng thành mùa xuân và mùa thu... Chính cái đó cũng đã dùng cho Hê-ra-cơ-lít làm tài liệu để viết các tiểu luận của ông ta về giới tự nhiên ; mượn của nhà thần học của chúng ta, tư tưởng về các mặt đối lập, ông ta đã minh họa nó bằng những thí dụ (*Belege*) dồi dào và có nghiên cứu cần thận.» (tr. 267).

Tiêu chuẩn của chân lý, theo Hê-ra-cơ-lít, không phải là *consensus omnium*, sự đồng ý của mọi người (tr. 285) — nếu không, ông sẽ là một nhà kinh nghiệm luận chủ quan (tr. 284). Không, ông là một nhà *objektiver Idealist*¹ (285). Theo ông, tiêu chuẩn của chân lý, độc lập đối với ý kiến chủ quan của tất cả mọi người, là sự phù hợp với quy luật có tính chất quan niệm về tính đồng nhất giữa tồn tại và không tồn tại (285).

Ở đây người ta thấy rõ Lát-xan là một người theo phái Hê-ghen kiểu cổ, một người duy tâm chủ nghĩa.

1. Duy tâm khách quan. (B.T.)

Xem Mác, năm 1845, trong những luận cương của Mác về Phơ-bách! Ở đây Lát-xan là phản động.

Tr. (337), nhân tiện dẫn Buy-khơ-ne (chú thích I), Lát-xan cho là Hê-ra-cơ-lít trình bày *một cách tiên nghiệm* « cùng một tư tưởng » hoàn toàn như « sinh lý học hiện đại » (« tư tưởng là một vận động của vật chất »).

Xuyên tạc một cách hiền nhiên. Trong những trích dẫn về Hê-ra-cơ-lít, chỉ có nói là linh hồn cũng là một quá trình biến hóa — cái đang vận động được cái đang vận động nhận thức.

Trích dẫn Can-si-đê (trong *Ti-mê*):
...« Hê-ra-cơ-lít, chính ông ta, liên hệ lý tính của chúng ta với lý tính thần thánh ngự trị và chi phối vũ trụ và ông ta nói rằng, do mỗi liên hệ bất biến ấy, lý tính của chúng ta có được sự nhận thức về mệnh lệnh vô thượng của lý tính, và khi tinh thần nghỉ ngơi và ngừng các hoạt động cảm giác, thì tinh thần dự đoán tương lai. » (342)

Trong *Cơ-lê-măng (Strom. V)*:

...« do tính khó tin được của nó, mà nó (tức là chân lý) tránh không cho người ta nhận thức »... (347)

Hê-ra-cơ-lít là « người cha của lô-gích khách quan » (tr. 351), bởi vì ở ông ta, « triết học tự nhiên » biến thành triết học của *tư duy*, « tư duy được thừa nhận như là nguyên

lý của tồn tại » (tr. 350); v.v., v.v., theo kiểu Hê-ghen... Hê-ra-cơ-lít chỉ còn thiếu nhân tố của tính chủ quan...

§ 36. «Cơ-ra-ti-lơ của Pơ-la-tông » tr. 373-396

Ở tiết nói về Cơ-ra-ti-lơ, Lát-xan chứng minh rằng trong đoạn đối thoại ấy của Pơ-la-tông, Cơ-la-ti-lơ được giới thiệu (chưa phải như là một người nguy hiểm và chủ quan chủ nghĩa, như Cơ-ra-ti-lơ trở thành sau này, mà) như một học trò trung thành của Hê-ra-cơ-lít, giải thích một cách chân thực lý thuyết của ông (lý thuyết của Hê-ra-cơ-lít) về bản chất và nguồn gốc của những từ và ngữ ngôn như là bắt chước giới tự nhiên («bắt chước bản chất các sự vật», tr. 388), bắt chước bản chất các sự vật, «bắt chước Thần và hình ảnh của Thần», «bắt chước Thần và Vũ trụ» (ibidem).

Lịch sử triết học, *ergo*:

Tóm tắt, lịch sử của nhận thức nói chung

toàn bộ lĩnh vực của nhận thức

Triết học Hy-lạp đã nêu lên tất cả những bộ phận này

«của các môn khoa học riêng biệt
«của sự phát triển của trí lực của trẻ con
«của sự phát triển của trí lực của động vật
«Của ngữ ngôn C.Y.
+ tâm lý học
+ sinh lý học các giác quan

Đó là những lĩnh vực của tri thức phải cấu thành lý luận về nhận thức và phép biện chứng

...«Chúng tôi đã chứng minh — Lát-xan nói — là tính đồng nhất ấy (đã nói ở trên) trong khái niệm (bởi vì chính phải gọi là tính đồng nhất chứ không phải chỉ là tính tương tự) giữa *từ, tên gọi và quy luật*, về tất cả mọi phương diện, là một quan điểm có tính chất nguyên tắc của triết học Hê-ra-cơ-lít và trong triết học Hê-ra-cơ-lít tính đồng nhất ấy có một ý nghĩa và một tầm quan trọng cơ bản»... (393)

...«Đối với ông ta (đối với Hê-ra-cơ-lít) tên gọi là những quy luật của tồn tại; đối với ông ta tên gọi là yếu tố chung của sự vật, cũng như quy luật đối với ông ta là *«yếu tố chung của tất cả mọi sự vật»*... (394)

Và Hip-pô-cơ-rát chính đã diễn đạt tư tưởng của Hê-ra-cơ-lít khi nói:

«Tên gọi là những quy luật của giới tự nhiên.»

«Bởi vì đối với nhà triết học ở Ê-phe-dơ ấy, tên gọi cũng giống như quy luật... đều chỉ là những sản vật và những sự thực hiện của cái phổ biến. Đối với ông ta cái nọ và cái kia, đều là việc đạt đến tồn tại có tính chất quan niệm, thuần túy phổ biến, thoát khỏi cái dơ bẩn của hiện thực cảm tính¹»... (394)

Pơ-la-tông phân tích và bác bỏ triết học của Hê-ra-cơ-lít ở trong «*Cơ-ra-ti-lơ*» và «*Tê-ê-te-lơ*». Ông ta nhầm lẫn (nhất là trong tác phẩm thứ hai) Hê-ra-cơ-lít (nhà duy tâm chủ nghĩa khách quan và nhà biện chứng)

1. Bản tiếng Nga: đều là tồn tại đã đạt tới, có tính chất thuần túy phổ biến, có tính chất quan niệm, đã thoát khỏi cái dơ bẩn của hiện thực cảm tính. (B.T.)

C.Y.

Rất quan trọng!

C.Y.

với nhà duy tâm chủ nghĩa chủ quan và nhà ngẫu biện Pơ-rô-ta-go-ra-xơ (người là thước đo của mọi vật). Và Lát-xan chứng minh rằng trong sự phát triển của các ý niệm, Hê-ra-cơ-lít là nguồn gốc 1) của thuật ngẫu biện (Pơ-rô-ta-go-ra-xơ) và 2) của chủ nghĩa Pơ-la-tông, « của các ý niệm » (chủ nghĩa duy tâm khách quan).

Người ta có cảm tưởng rằng nhà duy tâm Lát-xan đã đề trong bóng tối chủ nghĩa duy vật hay là những khuynh hướng duy vật của Hê-ra-cơ-lít bằng cách gò Hê-ra-cơ-lít theo Hê-ghen.

(IV, *Luân lý học*. tr. 427-462.)

Trong thiên về luân lý học — nil¹

Tr. 458-59 Lát-xan nói rằng Nê-mê-di-u-xơ nói Hê-ra-cơ-lít và Đê-mô-cơ-rít đã phủ nhận ý trời (προνοία); còn Xi-xê-rông lại nói (*De fato*²) Hê-ra-cơ-lít, cũng như Đê-mô-cơ-rít và những người khác (kể cả A-ri-stốt), thừa nhận vận mệnh — tính tất yếu.

*Naturnotwendigkeit*³
ở Lát-xan

...«Cái thiên mệnh này chỉ có nghĩa là tính tất yếu tự nhiên bên trong của bản thân đối tượng, quy luật tự nhiên của nó»... (459)

(Theo Lát-xan, những người theo phái Stô-i-xiêng đã lấy tất cả ở Hê-ra-cơ-lít, họ đã làm cho Hê-ra-cơ-lít trở thành tâm thường và phiến diện, tr. 461).

1. Chẳng có gì. (T.B.)

2. Nói về thiên mệnh. (B.T.)

3. Tính tất yếu tự nhiên. (B.T.)

Mục lục của quyển sách của Lát-xan được xây dựng một cách thông thái, uyên bác nhưng rối rắm: một loạt những tên của các nhà triết học thời cổ, v.v., v.v.

Nói tóm lại, *summa summarum*¹, lời phê phán của Mác là chính xác. Quyển sách của Lát-xan là không đáng đọc.

1. Nói chung lại, nói tóm lại. (B.T.)

VỀ PHÉP BIỆN CHỨNG



VỀ PHÉP BIỆN CHỨNG

Sự phân đôi của cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận đối lập của nó (xem câu dẫn của Phi-lông về Hê-ra-cơ-lít ở đầu phần thứ III (« Về sự nhận thức »), trong *Hê-ra-cơ-lít* của Lát-xan), đó là *thực chất*, (một trong những « bản chất » một trong những đặc trưng, một trong những đặc điểm cơ bản nếu không phải là đặc điểm cơ bản nhất) của phép biện chứng. Hê-ghen cũng đặt vấn đề như vậy. (A-ri-stốt, trong *Siêu hình học* của ông ta, *luôn luôn nạt óc* về vấn đề này và *đấu tranh* chống lại Hê-ra-cơ-lít *respectively*¹ chống lại những tư tưởng của Hê-ra-cơ-lít.)

Sự đúng đắn của mặt này của nội dung phép biện chứng cần được chứng minh bởi lịch sử khoa học. Thường người ta không chú ý đầy đủ đến mặt này của phép biện chứng (Pơ-lê-kha-nốp chẳng hạn): sự đồng nhất các mặt đối lập được coi như một tổng số các *thí dụ* [« chẳng hạn, cái hạt »; « chẳng hạn, chủ nghĩa cộng sản nguyên thủy ». Ăng-ghen cũng làm như vậy. Nhưng là « đề thông tục hóa »...], mà không được coi như là *quy luật của nhận thức* (và như là quy luật của thế giới khách quan).

Trong toán học $+$ và $-$, vi phân và tích phân.

Trong cơ học, tác dụng và phản tác dụng.

Trong vật lý học, điện dương và điện âm.

Trong hóa học, hóa hợp và phân giải của các nguyên tử.

Trong khoa học xã hội, đấu tranh giai cấp.

1. Tức là. (B.T.)

Sự đồng nhất của các mặt đối lập («sự thống nhất» của chúng, nói như vậy có lẽ đúng hơn? tuy ở đây sự phân biệt giữa các từ đồng nhất không quan trọng lắm. Theo một nghĩa nào đó, cả hai đều đúng), đó là sự thừa nhận (sự tìm ra) những khuynh hướng đối lập, mâu thuẫn, *bài trừ lẫn nhau*, trong tất cả các hiện tượng và quá trình của giới tự nhiên (*kể cả* tinh thần và xã hội). Điều kiện của một sự nhận thức về tất cả các quá trình của thế giới trong «sự tự vận động» của chúng, trong sự phát triển tự phát của chúng, trong đời sống sinh động của chúng là sự nhận thức chúng nó với tính cách là sự thống nhất của các mặt đối lập. Sự phát triển là một cuộc «đấu tranh» giữa các mặt đối lập. Hai quan điểm cơ bản (hay là hai quan điểm có thể có? hay là hai quan điểm đã thấy trong lịch sử?) của sự phát triển (sự tiến hóa): sự phát triển coi như là giảm đi và tăng lên, như là lặp lại, và sự phát triển coi như là thống nhất của các mặt đối lập (sự phân đôi của cái thống nhất thành những mặt đối lập bài trừ lẫn nhau và những mối quan hệ lẫn nhau giữa các mặt đối lập ấy). Với quan điểm thứ nhất về sự vận động, sự tự vận động nằm trong bóng tối, động lực của nó, nguồn gốc của nó, động cơ của nó (trừ phi người ta đem nguồn gốc ấy đặt ra bên ngoài — một thần, một chủ thể, v.v.). Với quan điểm thứ hai, sự lưu ý chủ yếu lại hướng chính vào sự nhận thức nguồn gốc của «tự» vận động. Quan điểm thứ nhất là chết cứng, nghèo nàn, khô khan. Quan điểm thứ hai là sinh động. Chỉ có quan điểm thứ hai mới cho ta chìa khóa của sự «tự vận động» của tất cả mọi cái đang tồn tại; chỉ có nó mới cho ta chìa khóa của những «bước nhảy», của sự «đứt đoạn trong liên tục», của sự «chuyển hóa sang mặt đối lập», của sự tiêu diệt cái cũ và sự nảy sinh ra cái mới.

Sự thống nhất (phù hợp, đồng nhất, tác dụng ngang nhau) của các mặt đối lập là có điều kiện, tạm thời, thoáng qua, tương đối. Sự đấu tranh của các mặt đối lập bài trừ lẫn nhau là tuyệt đối, cũng như sự phát triển, sự vận động là tuyệt đối.

C.Y. Sự khác nhau giữa chủ nghĩa chủ quan (thuyết hoài nghi luận và thuật nguy biện, v.v.) và phép biện chứng, những ngoài cái khác, là ở chỗ trong phép biện chứng (khách quan) sự khác nhau giữa cái tương đối và cái tuyệt đối cũng là tương đối. Đối với phép biện chứng khách quan, *trong* cái tương đối có cái tuyệt đối. Đối với chủ nghĩa chủ quan và thuật nguy biện thì, cái tương đối chỉ là tương đối và loại trừ cái tuyệt đối.

Trong *Tư bản* Mác phân tích trước hết cái đơn giản nhất, quen thuộc nhất, cơ bản nhất, chung nhất, thông thường nhất, cái thường gặp đến hàng nghìn triệu lần, mỗi *quan hệ* của xã hội tư sản (xã hội thương phẩm): sự trao đổi hàng hóa. Sự phân tích phát hiện trong cái hiện tượng đơn giản ấy (trong cái « tế bào » ấy của xã hội tư sản) *tất cả* những mâu thuẫn *respectively*¹, mầm mống của *tất cả* mọi mâu thuẫn của xã hội hiện đại. Sau đó sự trình bày của Mác vạch cho chúng ta thấy sự phát triển (và sự lớn lên và sự vận động) của các mâu thuẫn ấy và của cái xã hội ấy trong Σ^1 của các bộ phận của nó, từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc của xã hội đó.

Phương pháp trình bày (*respectively*² nghiên cứu) phép biện chứng nói chung (bởi vì phép biện chứng của xã hội tư sản đối với Mác chỉ là một trường hợp đặc biệt của phép biện chứng) phải là như vậy. Dù người ta bắt đầu bằng cái đơn giản nhất, cái quen thuộc nhất, cái chung nhất, v.v. **bằng bất cứ mệnh đề nào**: lá của cây đều xanh; Giăng là một người; Mê-đo là một con chó, v.v.. Ở đây đã có (như Hê-ghen đã nhận xét một cách thiên tài) *phép biện chứng* rồi: **cái riêng là chung** (xem ARISTOTELES, *Metaphysik*, bản dịch của Sơ-vê-gơ-le, Bd II, S.40, 3 Buch, 4. Kapitel, 8-9: «denn natür-

1. Chữ Hy-lạp đọc là *Xích ma* có nghĩa là: tổng số. (N.D.)

2. Nhất là. (B.T.)

lich kann man nicht der Meinung sein, dass es ein Haus — cái nhà nói chung — gebe ausser den sichtbare Häusern¹», «ὅτι γὰρ αὐθελὴ μὲν εἶναι τινὰ οὐκ ἔστιν παρὰ τὰς τινὰς οὐκ ἔστι»¹. Như vậy các mặt đối lập (cái riêng đối lập với cái chung) là đồng nhất: cái riêng chỉ tồn tại trong mức độ nó liên hệ với cái chung. Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. Bất cứ cái riêng lẻ nào cũng là (bằng cách nào đó) có tính chung. Bất cứ cái chung nào cũng là (một bộ phận, một khía cạnh, một bản chất) của cái riêng. Bất cứ cái chung nào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ. Bất cứ cái riêng nào cũng không được bao quát hoàn toàn trong cái chung, v.v., v.v.. Bất cứ cái riêng nào cũng thông qua hàng nghìn sự chuyển hóa mà liên hệ với những cái riêng thuộc một *loại* khác (sự vật, hiện tượng, quá trình), v.v. Ở đây đã có những yếu tố, những mầm mống, những khái niệm của tính *lắt léo* của mối liên hệ khách quan của giới tự nhiên, v.v.. Cái ngẫu nhiên và cái tất nhiên, hiện tượng và bản chất đã có ở đây, bởi vì trong khi nói: Giăng là một người, Mê-do là một con chó, cái này là một lá cây, v.v., người ta *vứt bỏ* một loạt những đặc trưng coi như là NGẪU NHIÊN, người ta phân biệt cái bản chất với cái hiện tượng bằng cách đối lập chúng với nhau.

Như vậy, trong bất cứ mệnh đề nào, người ta cũng có thể (và phải) tìm ra giống như trong một «cái ngăn tờ ong» («tế bào») những mầm mống của *tất cả* những nhân tố của phép biện chứng, do đó vạch ra rằng phép biện chứng là cái cố hữu của mọi nhận thức của con người nói chung. Các khoa học tự nhiên chỉ cho chúng ta (và đó là cái cần phải vạch rõ một lần nữa bằng bất cứ thí dụ rất đơn giản nào) giới tự nhiên khách quan với cùng những tính chất như vậy của nó, sự chuyển hóa từ cái riêng thành cái chung, từ ngẫu nhiên thành tất nhiên, những chuyển hóa, những chuyển hoán, mối liên hệ lẫn nhau của các mặt đối lập. Phép biện chứng *chính* là lý luận về nhận thức (của Hê-ghe và) của chủ nghĩa Mác; đó

1. Bởi vì tất nhiên người ta không thể nghĩ là có một cái nhà, — một cái nhà nói chung — ngoài những cái nhà nhìn thấy được. (B.T.)

là một « mặt » (không phải một « mặt » mà là *thực chất*) mà Pơ-lê-kha-nốp đã không nhận thấy, còn nói gì đến những người mác-xít khác.

..

Hê-ghen (xem *Lô-gích*) cũng như nhà chiết trung Pôn Phôn-cơ-man, chuyên gia hiện đại về nhận thức luận áp dụng vào khoa học tự nhiên, kẻ thù của chủ nghĩa Hê-ghen (mà ông ta không biết đến!) (xem *Erkenntnistheoretischen Grundzüge*, S.) trình bày nhận thức dưới hình thức một loạt những vòng tròn.

« Chu kỳ »¹ trong triết học: [Niên biểu về các nhân vật có bắt buộc không? Không!]

Cồ đại: Từ Đê-mô-cơ-rít đến Pơ-la-tông và đến phép biện chứng của Hê-ra-cơ-lít.

Thời đại Phục hưng: Đê-các-tơ *versus*² Gát-xen-đi (Spi-nô-da?).

Cận đại: Hôn-bách — Hê-ghen (qua Béc-cơ-lây, Hi-um, Can-tơ). Hê-ghen — Phơ-bách — Mác.

Phép biện chứng với tính cách là nhận thức *sinh động* rộng rãi và phức tạp (số các mặt không ngừng tăng lên) bao hàm vô số những mặt riêng biệt trong cách quan sát, đi gần tới hiện thực (với một hệ thống triết học đi từ từng mặt riêng biệt mà phát triển thành một toàn thể) — đó là nội dung phong phú không lường được so với chủ nghĩa duy vật « siêu hình » mà *thiếu sót*³ chính là không có năng lực áp dụng phép biện chứng vào *Bildertheorie*⁴, vào quá trình và sự phát triển của nhận thức.

1. Bản tiếng Nga và Trung quốc: vòng tròn. (N.D.)

2. Đối với. (N.D.)

3. Bản tiếng Nga: *Бедна* nghĩa là *tật họa* (N.D.)

4. Lý luận về phản ánh. (B.T.)

Theo quan điểm của một chủ nghĩa duy vật thô lỗ, đơn giản, siêu hình, chủ nghĩa duy tâm triết học chỉ là một sự ngu xuẩn. Trái lại, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật *biện chứng*, thì chủ nghĩa duy tâm triết học là một sự phát triển *phiến diện*, thái quá, *überschwenglich*¹ (ĐIT-XƠ-GHEN) (một sự thổi phồng, bơm to) của một trong những đặc trưng, của một trong những mặt, của một trong những giới hạn của nhận thức, thành một cái tuyệt đối, *tách rời khỏi* vật chất, khỏi giới tự nhiên, thần thánh hóa. Chủ nghĩa duy tâm, đó là chủ nghĩa ngu muội thầy tu. Đúng như vậy. Nhưng chủ nghĩa duy tâm

C.Y. | triết học là («nói đúng hơn» và «ngoài ra») con đường dẫn
cách | đến chủ nghĩa ngu muội thầy tu, qua **MỘT TRONG NHỮNG**
ngôn | **MẶT RIÊNG BIỆT** của *nhận thức* (biện chứng) vô cùng phức
này. | tạp của con người.

Nhận thức của con người không phải là (*respective* không đi theo) một đường thẳng, mà là một đường cong đi gần vô hạn đến một loạt những vòng tròn, đến một vòng xoáy ốc. Bất cứ đoạn nào, khúc nào, mảnh nào của đường cong ấy cũng có thể chuyển hóa (chuyển hóa một cách *phiến diện*) thành một đường thẳng độc lập, đầy đủ, đường thẳng này (nếu chỉ thấy cây không thấy rừng) sẽ dẫn đến vũng bùn, đến chủ nghĩa ngu muội thầy tu (ở đây nó sẽ bị lợi ích giai cấp của các giai cấp thống trị *cố định*² lại). Tính trực tuyến và tính *phiến diện*, sự chết cứng và cứng nhắc, chủ nghĩa chủ quan và sự mù quáng chủ quan, *voilà*³ những nguồn gốc về nhận thức luận của chủ nghĩa duy tâm. Và chủ nghĩa ngu muội thầy tu (= chủ nghĩa duy tâm triết học) đương nhiên có những nguồn gốc về nhận thức luận, nó không phải là không có cơ sở. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một đóa hoa không kết quả, nhưng là một đóa hoa không kết quả mọc trên cái cây sống của nhận thức sinh động, phong phú, chân thực, khỏe mạnh, toàn năng, khách quan, tuyệt đối của con người.

1. Thái quá. (B.T.)

2. Bản tiếng Trung quốc : *củng cố*. (N.D.)

3. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là : đó là. (B.T.)

**TÓM TẮT
« SIÊU HÌNH HỌC »
CỦA A-RI-STÔT**

A-RI STỐT. « SIÊU HÌNH HỌC »

Xem trích dẫn trên kia về « cái nhà »¹.

Một loạt nhận xét vô cùng có ý nghĩa, sinh động, *chất phác* (tươi tắn) như là phần mở đầu cho triết học. Nhưng trong phần trình bày, những cái đó nhường chỗ cho triết học kinh viện, cho kết luận không có vận động, v.v.

Chủ nghĩa ngu muội thầy tu đã giết chết cái gì là sinh động ở A-ri-stốt, và làm thành bất tử cái gì đã chết rồi.

« Người và ngựa tồn tại trong những cá thể đơn nhất, bản thân cái phổ biến không tồn tại dưới hình thức của thực thể đơn nhất, nhưng nó chỉ là một chỉnh thể, gồm có một khái niệm nhất định và một vật chất nhất định (tr. 125, quyển VII, chương 10, 27-28). »

Ibidem, tr. 126, §§32-33.

« Vật chất tự nó và vì nó là không thể nhận thức được. Một phần nó được tri giác bởi các giác quan, một phần nó được lý giải bởi lý tính. Nó được giác quan tri giác như là kim loại, gỗ, — nói tóm lại như là vật chất có thể vận động được; nó được lý tính lý giải, khi nó tồn tại trong cái cảm tính

Thường
triết học
bị lẫn lộn
trong một
định nghĩa
về từ thuần
túy v.v.
Tất cả chỉ
lướt qua,
tất cả các
phạm trù.

1. Xem ở phần : Về phép biện chứng. (B.T.)

nhưng không phải với tính cách là cái cảm tính, chẳng hạn như những cái thuộc về toán học.»¹

Đoạn bút chiến chống lại Pơ-la-tông (ở phần đầu của *Siêu hình học*) thật là đặc sắc và vô cùng thú vị. Cả những vấn đề «lúng túng», đáng yêu bởi tính chất chất phác của chúng, và những sự hoài nghi về những cái đại đột của chủ nghĩa duy tâm cũng như vậy. Và tất cả cái đó rơi vào trong một sự lộn xộn bất lực nhất xung quanh cái cơ bản, khái niệm và cái cá biệt.

C.Y.: Đoạn đầu của siêu hình học là sự chiến đấu kiên quyết nhất chống lại Hê-ra-cơ-lít, chống lại tư tưởng về tính đồng nhất giữa tồn tại và không-tồn tại (các nhà triết học Hy-lạp đã đến gần tư tưởng ấy, nhưng họ đã không nắm được tư tưởng ấy, không nắm được phép biện chứng). Một đặc trưng

1. Lê-nin đã dùng bản dịch tiếng Đức của Sơ-vê-gơ-le (2 quyển, Tu-bin-ghen 1847). Đối chiếu với nguyên văn Hy-lạp có một số nhầm lẫn. Đây là đoạn văn trên đây dịch lại từ tiếng Hy-lạp :

« Người, ngựa và những sinh vật thuộc loại ấy — được khẳng định là những cá thể riêng biệt, và là như thế một cách phổ biến — không phải là một thực thể, mà là một hợp thể được cấu tạo bằng một hình thức nhất định và bằng một vật chất nhất định được xét một cách phổ biến (1035 b 25). »

Ibidem 1036 a 10 :

« Còn về vật chất, thì tự bản thân nó không thể nhận thức được. Thật thế vật chất một phần là có thể cảm giác được, và một phần là có thể linh hội được ; cảm giác được, thí dụ kim loại, gỗ và mọi loại vật chất có khả năng vận động ; linh hội được, là vật chất ở trong các vật có thể cảm giác được, nhưng không phải về mặt chúng là có thể cảm giác được, thí dụ những cái thuộc về toán học. »

Sau đây chúng tôi lấy lại bản dịch theo nguyên văn tiếng Hy-lạp. Những ghi chú là theo bản Vơ-ranh (Pa-ri, 1948). (B.T.)

điền hình là ở đâu người ta cũng thấy *passim*¹, những mầm mống sinh động của phép biện chứng và những *nguyện vọng* đi tới phép biện chứng...

Ở A-ri-stốt, *đâu đâu* lô-gích khách quan cũng lẫn lộn với lô-gích chủ quan; nhưng lẫn lộn một cách khiến cho *đâu đâu* lô-gích khách quan cũng lộ ra. Không còn nghi ngờ gì về tính khách quan của nhận thức nữa. Lòng tin chất phác vào sức mạnh của lý tính, vào sức mạnh, vào năng lực, vào tính chân lý khách quan của nhận thức. Sự lẫn lộn chất phác, sự lẫn lộn bất lực và đáng thương trong phép biện chứng của cái phổ biến và cái cá biệt — của khái niệm và tính hiện thực do giác quan tri giác được của đối tượng cá biệt, của sự vật, của hiện tượng.

Chủ nghĩa kinh viện và chủ nghĩa ngu muội thầy tu đã lấy ở A-ri-stốt cái gì là chết, không phải là sống: *nhu cầu của tinh thần*, cố gắng tìm tòi, mê lộ, con người đã lạc lối.

Lô-gích của A-ri-stốt là nhu cầu của tinh thần, là sự cố gắng tìm tòi, là gần với lô-gích của Hê-ghen. Nhưng lô-gích này của A-ri-stốt (người mà *bất cứ nơi nào*, cứ mỗi bước, đều đặt ra *chính vấn đề phép biện chứng*) người ta đã làm thành một triết học kinh viện chết, bằng cách vứt bỏ tất cả cái gì là tìm tòi, là dao động, là cách đặt vấn đề. Những người Hy-lạp chính đã có một cách đặt vấn đề, tựa hồ như những hệ thống đưa ra *thí nghiệm*, một sự phân kỳ ý kiến chất phác, được phản ánh hoàn toàn ở A-ri-stốt.

1. Bất cứ ở đâu. (N.D.)

... «Nhu vậy là hiển nhiên rằng không một cái phổ biến nào tồn tại ở ngoài những cá thể ở trạng thái tách riêng. — Tuy nhiên những người ủng hộ học thuyết về Ý niệm đã có lý, theo một ý nghĩa, khi họ thừa nhận rằng Ý niệm có một sự tồn tại độc lập, bởi vì chúng là những thực thể riêng biệt; nhưng với một ý nghĩa khác, họ đã sai lầm khi xem Ý niệm là sự thống nhất của nhiều sự vật. Nguyên nhân sai lầm của họ, là ở sự bất lực của họ không giải thích nổi cái gì là bản tính của những thực thể như vậy, những thực thể vĩnh cửu, bên cạnh những vật thể cá thể và có thể cảm giác được và ở bên ngoài những vật thể ấy. Cho nên họ coi những Ý niệm ấy là ngang với những vật thể tạm thời mà chúng ta biết và họ nói: Người tự nó và Ngựa tự nó là những người và những ngựa cảm tính, mà họ chỉ thêm vào cái từ «tự nó» (ibid, quyển VII chương 16, 1040 b 25 sq). Tuy nhiên, ngay dù chúng ta chưa trông thấy những thiên thể bao giờ, những thiên thể cũng không phải vì thế mà không phải là những thực thể vĩnh cửu, ngoài những thực thể mà chúng ta biết. Cho nên ngay dù chúng ta không thể vạch ra được bản tính của những thiên thể ấy, những thiên thể ấy tất nhiên cũng phải tồn tại. Cho nên, hiển nhiên là không một cái phổ biến nào là thực thể đơn nhất, và không có một thực thể đơn nhất nào gồm nhiều thực thể đơn nhất (οὐσία)» (— hết chương).

Tuyệt! Không có nghi ngờ gì về tính hiện thực của thế giới bên ngoài cả. Người ta bị rối lên chính là ở trong phép biện

chứng của cái chung và cái riêng, của khái niệm và cảm giác, v.v., của bản chất và hiện tượng, v.v.

(Ibidem quyền VIII — chắc chắn sau mới thêm vào — chương 5, 1044 b 25).

... «Một vấn đề khó ($\alpha\pi\omicron\rho\lambda\omicron$) được đặt ra: chất liệu của vật thể này hay là của vật thể nọ quan hệ như thế nào với những mặt đối lập? Thí dụ, nếu thân thể là khỏe mạnh xét về tiềm năng ($\delta\upsilon\nu\alpha\mu\epsilon\iota$) và bệnh tật là mặt đối lập của sức khỏe, thế thì thân thể xét về tiềm năng có thể vừa là ốm yếu vừa là khỏe mạnh không?... »

... Và phải chăng người sống là một xác chết trong tiềm năng ($\delta\upsilon\nu\alpha\mu\epsilon\iota$)?»

Ibidem quyền XI, chương I, 1059 b 5:

... «Các nhà triết học coi những Vật toán học như là một cái gì làm trung gian giữa những vật tri giác được bằng giác quan và những Ý niệm, và giống như là một lớp vật thể thứ ba ở bên ngoài những Ý niệm và thế giới bên này, thế nhưng không có một con người thứ ba hoặc là một con ngựa thứ ba, ngoài con Người tự nó và con người cá thể, hoặc là ngoài con Ngựa tự nó và con ngựa cá thể. Nhưng nếu vấn đề không giống như họ nói, thế thì nhà toán học phải nghiên cứu cái gì? Chắc chắn không phải là những vật ở trên thế giới này, bởi vì không một vật nào trong số đó có những thuộc tính mà khoa toán học tìm kiếm.»

Ibidem chương II, 1060 b 20:

... «Hơn nữa, ngoài cái cụ thể ra còn tồn tại cái gì nữa không? Tôi hiểu vật chất và cái gì có tính chất vật chất là cái cụ thể.

C.Y.

Nếu không có gì cả, thì tất thấy mọi cái gì ở trong vật chất đều là tạm thời; nếu có cái gì, thì đó là tính quy định đặc biệt và cái hình thức. Nhưng trong trường hợp nào thì hình thức là độc lập, và trong trường hợp nào thì không, đó là điều khó xác định»...

Ibidem, quyền XI, chương 3, 1061 a 30 — Nhà toán học đề nhiệt, trọng lực, và «những mâu thuẫn cảm tính khác» sang một bên và chỉ chú ý đến «số lượng»... «đối với cái Tồn tại thì tình hình cũng đúng như thế».

Ở đây có quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhưng một cách ngẫu nhiên, không triệt để, không phát triển, ngắn ngủi.

Trong khái thuật về lịch sử triết học cổ đại của ông ta, Vin-den-ban, (Muy-le: *Khái luận về lịch sử cổ đại cổ điển*, V.I. tr. 265 (phòng đọc sách, thư viện Béc-nơ), nhấn mạnh rằng trong *Lô-gích* của A-ri-stốt (lô-gích) «lấy tính đồng nhất giữa những hình thức của tư duy và những hình thức của tồn tại làm tiền đề chung nhất, và ông dẫn *Siêu hình học* V, 7: $\omicron\beta\alpha\chi\omega\varsigma\ \gamma\acute{\epsilon}\gamma\epsilon\tau\alpha\iota,\ \tau\omicron\beta\alpha\chi\omega\varsigma\ \tau\omicron\ \epsilon\iota\upsilon\nu\alpha\iota\ \beta\eta\mu\alpha\lambda\upsilon\epsilon\iota$ ». Đó là § 4. Sơ-vê-gơ-le dịch: «Các phạm trù được nêu lên bao nhiêu lần, thì chúng chỉ ra cái tồn tại bấy nhiêu lần.» Dịch sai! Trên đường dẫn tới Thần:

Quyền XII, ch. 6, 1071 b 25:

... «Thật vậy, làm thế nào có được vận động, nếu không có cái gì năng động làm nguyên nhân? Tất nhiên, vật liệu không thể

tự bản thân nó mà vận động được, nhưng nó được nghệ thuật của kẻ xây dựng làm cho vận động; cũng giống như kinh nguyệt, và đất đai, nhưng chúng cần có hạt giống và sự thụ tinh»...

Lơ-xíp-pơ (ibidem 1071 b 30) thừa nhận tính vĩnh cửu của vận động, nhưng không giải thích tại sao.

Ch. 7 — Thần

... « Vận động vĩnh cửu phải do một tồn tại vĩnh cửu gây nên » (ch. 8, 1073 a 25)...

Quyển XII, ch. 10 — Lại « khảo sát » các vấn đề triết học cơ bản; có thể nói là « những dấu hỏi ». Trình bày (thường thường bằng ám chỉ) rất tươi, chất phác, đầy những hoài nghi, về những quan điểm khác nhau.

Trong quyển XIII, A-ri-stốt trở lại sự phê phán lý thuyết về những số, thoát ly sự vật cảm tính của Pi-ta-go (và trở lại sự phê phán những ý niệm của Pơ-la-tông).

Chủ nghĩa duy tâm nguyên thủy: cái chung (khái niệm, ý niệm) là một tồn tại cá biệt. Điều đó hình như kỳ lạ, quái dị (nói đúng hơn, ấu trĩ), vô lý. Nhưng chủ nghĩa duy tâm hiện đại, Can-tơ, Hê-ghen, ý niệm về Thần, chẳng phải là cũng cùng một loại đấy sao (đúng là cùng một loại)? Những cái bản, những cái ghế và ý niệm về bản và về ghế; thể giới và ý niệm về thể giới (Thần); vật và « bản thể », « vật tự nó » không nhận thức được; liên hệ của mặt trời và trái đất, của giới tự nhiên nói chung — và quy luật, lô-gốt, Thần. Tính chất hai mặt của nhận thức của con người và linh khả năng của chủ nghĩa duy tâm (= của tôn giáo) đã có trong cái trù tượng đầu tiên tối sơ.

C.Y.

C.Y.

«Cái nhà» nói chung và
những cái nhà cá biệt.

Khi trí tuệ (của con người) tiếp xúc với vật thể cá thể, từ đó rút ra một hình ảnh (= một khái niệm), đó *không phải là* một hành vi giản đơn, trực tiếp, chết, không phải là một phản ánh trong một cái gương, mà là một hành vi phức tạp, có hai mặt, khúc khuỷu — một hành vi *bao hàm* khả năng của ảo tưởng bay ra khỏi cuộc sống; và hơn thế nữa, nó còn bao hàm khả năng của một *sự chuyển biến* (không thấy được, mà người ta không có ý thức về nó) của khái niệm trừu tượng, của ý niệm thành một *ảo tưởng* (xét đến cùng = Thần). Bởi vì, trong sự khái quát đơn giản nhất, trong ý niệm chung cơ bản nhất (cái «bản» nói chung) có một phần nhất định nào đó của *ảo tưởng*. (Ngược lại: thật vô lý nếu phủ nhận vai trò của tưởng tượng trong khoa học chính xác nhất. Xem Pi-xa-rép về vai trò cố ích của ước mơ coi như là sự thúc đẩy hành động và về sự mơ màng trống rỗng)¹.

Biểu hiện chất phác của những «khó khăn» về «triết học của toán học» (trong ngôn ngữ hiện đại): ib, quyển XIII, ch. 2, 1077 a 30:

... «Cuối cùng, vật thể là một thực thể bởi vì nó có một tính hoàn chỉnh nào đó. Nhưng những đường, thì làm sao mà chúng có thể là thực thể được? Chắc chắn không phải là với tư cách là hình thức và hình

1. D.I. Pi-xa-rép : *Toàn tập* (NXB. Páp-len-cốp) 1914, tập IV, tr. 214. (B.T.)

tượng, giống như linh hồn, cũng không phải là với tư cách là vật chất, giống như vật thể; thật vậy, người ta không thấy một vật thể nào được cấu thành bằng những đường, cũng không thể bằng những mặt hoặc là những điểm»...

Quyển XIII, ch. 3, giải quyết những khó khăn này một cách hoàn toàn, chính xác, rõ ràng, *duy vật* (toán học và các khoa học khác trừu tượng hóa một trong những mặt của vật thể, của hiện tượng, của sự sống). Nhưng tác giả không *giữ vững* quan điểm đó một cách quán triệt.

Sơ-vê-gơ-le viết trong bình luận của ông ta (tập IV, tr. 303): ở đây A-ri-stốt trình bày một cách khẳng định quan điểm của ông ta về toán học: toán học là một trừu tượng của cái cảm tính.

C.Y.

Quyển XIII, ch. 10, bàn đến một vấn đề mà ta thấy trình bày hay hơn trong bình luận của Sơ-vê-gơ-le (liên hệ với *Siêu hình học VII*, 13, 5): khoa học chỉ đề cập đến cái chung (xem quyển XIII, ch. 10 § 6) nhưng chỉ có cái cá biệt là hiện thực (thực thể). Như vậy phải chăng có một hố sâu giữa khoa học và thực tại? Như vậy phải chăng tồn tại và tư duy là không thể so sánh được với nhau? « Phải chăng sự nhận thức chân chính về cái hiện thực là không thể có được? » (Sơ-vê-gơ-le, tập IV, tr. 338). A-ri-stốt trả lời: Về tiềm năng mà nói, thì tri thức hướng vào cái chung, còn trong hiện thực thì nó hướng vào một cái đặc thù nào đó.

C.Y.?

Sơ-vê-gơ-le (ibidem) cho là tác phẩm của **F. Phit-se** có giá trị rất lớn: «*Siêu hình học trình bày theo quan điểm kinh nghiệm chủ nghĩa*» (năm xuất bản: 1847), ở đó có nói tới «*thực tại luận*» của A-ri-stốt.

Quyển XIV, ch. 3, 1090 b: ... «*nếu toán học không ở trong các vật thể cảm tính, vậy thì tại sao các đặc tính của nó lại thấy có ở trong đó?*»...

(Câu cuối của quyển sách có cùng một ý nghĩa đó (quyển XIV, ch. 6 § 21)).

Hết «*Siêu hình học*».

CHÚ THÍCH VỀ F. PHÍT-SE

Phơ-rê-đê-rích Phít-se (1801—1853), giáo sư triết học ở Ba-lơ. Pơ-lăng, trong bài của ông ta (*Tiểu sử nhân vật nước Đức*, tập VII, tr. 67), phê phán Phít-se một cách khinh bỉ và nói «do Phít-se hoàn toàn cự tuyệt chủ nghĩa duy tâm chủ quan, ông ta đã suýt rơi vào phía cực đoan ngược lại: chủ nghĩa kinh nghiệm, xa lạ với cái quan niệm».

#

Ha-ha!!!



**NHỮNG GHI CHÚ VÀ
NHỮNG ĐOẠN TRÍCH RẢI RÁC
VỀ TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

FR. UY-BÉC-VÊC.
« KHAI LUẬN VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC »

(DO MẮC HEN-XƠ HIỆU ĐÍNH)

3 tập. 1876—1880. *Lép-dích*

Quyền sách hơi kỳ dị một chút, các tiết thì rất ngắn, *một vài câu nói về nội dung của những học thuyết, và những lời giải thích vô cùng dài dòng, viết chữ nhỏ, ba phần tư cuốn sách là tên người và tên tác phẩm. Hơn nữa, cò quá: chỉ có tài liệu tham khảo trước những năm 60-70.* Một tác phẩm *unleserliches!*¹ Một lịch sử về tên người và tên sách!]

1. Tiếng Đức trong nguyên bản có nghĩa là: khó đọc. (N.D.)

FR. PÔN-XEN
« TRIẾT HỌC NHẬP MÔN »
1899

Cái cách mà phần mở đầu dùng đề đặt thẳng vấn đề ra thì thật là đặc biệt: nhiệm vụ của triết học hiện đại là « dung hòa thể giới quan của tôn giáo với sự giải thích giới tự nhiên một cách khoa học » (tr. IV) Sic! Và ý kiến này được phát triển tỉ mỉ: người ta nói rằng cuộc đấu tranh đang diễn ra trên hai mặt trận — chống chủ nghĩa duy vật và chống « giáo nghĩa của giòng Tê » (vừa có tính chất thiên chúa giáo lẫn tính chất tin lành). Đương nhiên, chủ nghĩa duy vật bị hiểu (bị coi?) là có tính chất thuần túy cơ giới, vật lý, v.v...

Tác giả cũng đã nói trắng ra rằng triết học hiện đại dựa vào Can-tơ và đại biểu cho « nhất nguyên luận duy tâm. »

Cho đến trang 10... hòa bình giữa tri thức và tín ngưỡng...

Và tr. 11: « Trung tâm của triết học của Can-tơ (sáng tạo ra sự hòa bình đó) là ở chỗ phải... trả lại cho tri thức và cho tín ngưỡng quyền của chúng: trả lại cho tri thức quyền chống lại chủ nghĩa hoài nghi của Hi-um, trả lại cho tín ngưỡng quyền chống lại việc chủ nghĩa duy vật phủ định một cách độc đoán lòng tin — Đó là kết quả của toàn bộ công tác của Can-tơ. » (12).

«Chỉ có một điều là có thể phá tan được cái viên cảnh đầy hy vọng ấy (hy vọng về sự hòa bình ấy) đó là... chủ nghĩa cấp tiến, địch thủ tuyệt đối của tôn giáo, hiện đang lan rộng trong đông đảo quần chúng nhân dân... Chẳng hạn như (cũng giống như trước đây trong giai cấp tư sản), chủ nghĩa vô thần hiện nay xuất hiện ra là giáo điều của đảng xã hội - dân chủ»,

tr. 16. «Đó là sách giáo lý vấn đáp đảo ngược lại. Và chủ nghĩa giáo lý mới này, cũng như chủ nghĩa giáo lý cũ, là một chủ nghĩa giáo lý có tính phủ định, kẻ thù của khoa học, vì nó trối buộc tinh thần phê phán và hoài nghi bằng những giáo điều của nó» (tr. 16) (Nhắc lại đầu đề *Antipsaffen*¹ và khẳng định rằng đạo Cơ-đốc không thiên về kẻ giàu và nó cũng sẽ vẫn còn tồn tại sau cuộc đấu tranh mà châu Âu cần tiến hành).

Khi bác bỏ chủ nghĩa duy vật và bênh vực lý luận cho rằng tất cả mọi vật đều có một linh hồn (lý luận mà ông ta giải thích theo kiểu *duy tâm*), Pôn-xen không nhận thấy 1 rằng ông ta không bác bỏ chủ nghĩa duy vật mà chỉ bác bỏ một số luận cứ nào đó của một số người duy vật nào đó; 2° rằng khi giải thích tâm lý học hiện đại theo kiểu duy tâm, ông ta tự *mâu thuẫn* với mình.

Xem tr. 125 «Lực... không phải là cái gì khác mà chỉ là một khuynh hướng đi tới một hoạt động nhất định và do đó, đứng về thực chất chung của nó mà nói, nó phù hợp với ý chí vô ý thức.»

(Ergo² — những hiện tượng tinh thần và lực hoàn toàn không phải là không thể kết hợp được, như tác giả đã nhận thấy lúc đầu, ở trang 88 và ở những trang sau đó).

Ti. 110-114: tại sao vũ trụ lại không thể là kẻ thể hiện tinh thần thế giới?

(vì con người và bộ óc của con người là sự phát triển cao của tinh thần, như bản thân tác giả đã thừa nhận.)

Khi Pôn-xen phê phán những người duy vật, — ông ta đem những hình thức cao của tinh thần đối lập với vật chất. Khi ông ta bênh vực chủ nghĩa duy tâm và giải thích tâm lý học hiện đại theo kiểu duy tâm, — ông ta lại đưa những hình thức thấp của tinh thần đến gần sát các lực v.v.. (Đó là chỗ yếu nhất của triết học của ông ta).

Đặc biệt xem trang 104, ở đó Pôn-xen chống lại tư tưởng cho rằng vật chất là một cái gì chết.

1. Chống bọn thầy tu. (B.T.)

2. Cho nên. (N.D.)

*Contra*¹, tr. 86 «trong vận động không có qua một cấu vết nào của tư tưởng cả»...

Hình như tác giả đã vất bỏ một cách hơi quá dễ dàng tư tưởng cho rằng tư tưởng là một vận động. Những luận cứ của ông ta chỉ là lẽ phải thông thường tầm thường: thật là vô lý, «tư tưởng không phải là một vận động, nhưng là một tư tưởng» (tr. 84). Có lẽ nhiệt cũng không phải là một vận động nữa, nhưng là nhiệt??

Những luận cứ của tác giả là hoàn toàn ngu xuẩn khi ông ta tuyên bố rằng nhà sinh lý học sẽ vẫn tiếp tục nói về tư tưởng, nhưng sẽ không nói về những vận động tương đương với các tư tưởng ấy nữa? Về nhiệt cũng vậy, người ta sẽ không bao giờ thôi không nói đến nó nữa.

Khi yêu một người đàn bà, tác giả sẽ không nói «với nàng về quá trình vận động mạch máu tương ứng... Vì điều đó sẽ là một sự vô lý quá rõ ràng» (tr. 86-87). Chính thế! Sự vô lý của ông Pôn-xen! Nếu chúng ta cảm thấy trời không đủ ấm, chúng ta sẽ không nói đến điều sau này là nhiệt là một loại vận động, mà chúng ta sẽ nói đến cách làm thế nào để tìm được than.

Pôn-xen cho luận điểm: tư tưởng là một vận động, là một luận điểm vô lý. Chính ông chống lại nhị nguyên luận, nhưng đồng thời lại nói đến «cái tương đương» (tr. 144) — «cái tương đương vật lý của tâm lý» (hoặc hiện tượng song song). Phải chăng đây cũng là cùng một sự lẫn lộn về khái niệm đã làm cho ông ta thóa mạ Buy-khơ-ne một cách khinh bỉ?

Khi Pôn-xen tuyên bố rằng chủ nghĩa bình hành của ông ta là «không chật hẹp», mà là «lý tưởng» (tr. 149), thì ông ta đã làm cho ta thấy được rõ ràng hơn tính chất nhị nguyên của chủ nghĩa đó. Đó không phải là một sự giải thích, cũng không phải là một lý luận, mà thuần túy là một mưu mẹo từ ngữ.

1. Đối chiếu. (N.D.)

A-BEN RÂY: TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI

PA-RI, 1908

LỜI TỰA

[Tr. 6]... Khoa học, thành quả của trí tuệ và của lý tính, chỉ dùng để bảo đảm cho chúng ta thực tế chỉ phối được giới tự nhiên. Nó chỉ nói cho chúng ta biết cách sử dụng sự vật; nó không nói cho chúng ta biết gì về bản chất của sự vật...

[Tr. 7]... Do đó, điều chủ yếu của tôi trong công trình nghiên cứu này là đem đối lập quan điểm thực chứng «khoa học chủ nghĩa»¹ với quan điểm «thực dụng chủ nghĩa». Tôi đã cố gắng hết sức không thiên vị, trong khi trình bày hai quan điểm ấy, vì, trong một công việc thuộc loại như thế, một trở ngại thứ ba và nghiêm trọng là: không đem lại cho đối thủ của mình phần chính đáng của họ. Tôi không hy vọng là sẽ hoàn toàn đạt được mục đích ấy. Một sự «trung lập» hoàn toàn như thế là không thể được...

C.Y.

1. *Scientiste. (N.D.)*

CHƯƠNG I

TRUNG TÂM HIỆN NAY CỦA CÁC CUỘC TRANH LUẬN VỀ TRIẾT HỌC

§ 5. ANTINOMI CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC HIỆN NAY

[Tr. 28-29]... Nhưng các hệ thống triết học hiện đại còn chống đối lẫn nhau, đấu tranh với nhau xoay quanh một mâu thuẫn cơ bản phát sinh từ cái cách theo đó thời đại đặt vấn đề triết học. Do đó, hình thức đối lập đồng thời cũng là hình thức nối tiếp nhau của các quan điểm triết học thuộc những giai đoạn khác nhau, và là hình thức của những quan niệm được đề ra cùng một lúc.

Từ cái cách hiện nay vấn đề triết học chung được đặt ra, thì có thể có tình trạng lưỡng nan¹ nào? Chỉ có thể có một thôi, vì toàn bộ vấn đề là phải giữ khoa học và hoạt động thực tiễn trong một sự thống nhất chặt chẽ được chứng nào hay chứng đó, mà không vì cái nọ mà hy sinh cái kia, không đối lập cái nọ với cái kia. Hoặc là hoạt động thực tiễn sẽ là kết quả của khoa học, hoặc, trái lại, khoa học sẽ là kết quả của hoạt động thực tiễn. Trong trường hợp thứ nhất, chính khoa học là cái bao trùm hoạt động thực tiễn; trong trường hợp thứ hai, chính hoạt động thực tiễn là cái bao trùm khoa học. Vấn đề là ở chỗ phải giữ cho được một mối

1. Bản tiếng Pháp : *alternatives* có nghĩa là : tình trạng trong hai cái phải chọn một. (N.D.)

liên hệ lô-gích giữa hai cái đó, và người ta chỉ có thể thay đổi mối liên hệ này bằng cách đảo chỗ hai cái ấy với nhau, làm cho cái thứ nhất phụ thuộc vào cái thứ hai, hoặc cái thứ hai phụ thuộc vào cái thứ nhất. Trong trường hợp này chúng ta có những hệ thống duy lý chủ nghĩa, lý trí chủ nghĩa và thực chứng chủ nghĩa: chủ nghĩa giáo điều của khoa học. Trong trường hợp kia, chúng ta có những hệ thống thực dụng chủ nghĩa, tín ngưỡng chủ nghĩa, hay trực quan tích cực (như hệ thống của Béc-xông): chủ nghĩa giáo điều của hành động. Đối với các hệ thống thứ nhất, thì hiểu biết là đề hành động: nhận thức sinh ra hành động. Đối với các hệ thống thứ hai, tri thức do nhu cầu của hành động hướng dẫn hành động sinh ra nhận thức.

C.Y.

Nhưng chớ nên tưởng rằng những hệ thống thứ hai làm sống lại sự khinh miệt đối với khoa học và triết học ngu muội. Chính là sau khi đã nghiên cứu nghiêm chỉnh, trên cơ sở một tri thức uyên bác khoa học thường thường là tuyệt luận, đã suy nghĩ một cách có phê phán, sâu sắc về khoa học, thậm chí, — đây là nói theo kiểu nói quen thuộc của một vài người trong những nhà triết học này, — sau khi đã nỗ lực «suy nghĩ về khoa học đó» rồi thì những hệ thống triết học đó mới cho rằng khoa học là nảy sinh ra từ thực tiễn. Nếu do đó, mà họ làm giảm giá trị của khoa học, thì cũng không phải là cố ý; vì trong số họ có nhiều người lại tưởng ngược lại rằng như thế là đã đem lại cho khoa học tất cả giá trị của nó...

C.Y.

§ 6. Ý NGHĨA CỦA CÁC CUỘC TRANH LUẬN HIỆN NAY VỀ TRIẾT HỌC

[Tr. 33-35]... Thật vậy, chúng ta hãy tạm thời giả định rằng luận đề thực dụng chủ nghĩa là đúng, và khoa học chỉ là một kỹ nghệ đặc biệt, một kỹ thuật thỏa mãn những nhu cầu nhất định. Như vậy, kết quả sẽ ra sao?

Trước hết chân lý chỉ còn là một danh từ. Một luận điểm đúng, đó là phương thuốc¹ cho một thủ đoạn có hiệu quả. Nhưng do có nhiều thủ đoạn có khả năng bảo đảm thành công cho chúng ta trong cũng những tình huống như nhau, và do có những nhu cầu rất khác nhau, tùy theo từng cá nhân, cho nên chúng ta phải thừa nhận châm ngôn thực dụng chủ nghĩa sau đây: tất cả những mệnh đề nào, tất cả những lập luận nào dẫn chúng ta đến cùng những kết quả thực tiễn như nhau thì đều có cùng giá trị ngang nhau và đều cùng tính chân lý như nhau, và tất cả những mệnh đề, lập luận nào dẫn đến những kết quả thực tiễn, cũng đều chính đáng như nhau. Ý nghĩa mới này của danh từ *chân lý* sẽ dẫn đến kết luận là: những khoa học của chúng ta chỉ là những cấu tạo ngẫu nhiên và bất ngờ, những khoa học này, về sau này, có thể là khác hẳn so với bây giờ, nhưng cũng vẫn có tính chân lý như so với bây giờ, tức là cũng vẫn là những công cụ hành động tốt.

(1)

Sự phá sản của khoa học, với tư cách là hình thức thực tại của tri thức, là sức

1. Recette. (N.D.)

manh của chân lý, đó là kết luận thứ nhất.
Sự hợp lý của những phương pháp khác, rất khác nhau của lý trí và của lý tính, như cảm giác thần bí, đó là kết luận thứ hai. Trên thực tế, chính toàn bộ triết học đã được xây dựng lên vì những kết luận ấy, nhưng mới nhìn qua, người ta lại tưởng rằng những kết luận này được rút ra từ triết học đó...

(2)

Dùng vũ khí của những nhà tư tưởng tự do để chống lại họ, thì thật dễ dàng biết bao. Những chân lý khoa học! Nhưng chúng chỉ là chân lý trên danh nghĩa thôi. Những chân lý này cũng là những tín ngưỡng, mà là những tín ngưỡng cấp thấp và là những tín ngưỡng chỉ có thể dùng cho hành động vật chất; chúng chỉ có giá trị như một công cụ kỹ thuật thôi. Tín ngưỡng vì tín ngưỡng, giáo điều tôn giáo, hệ tư tưởng siêu hình hoặc hệ tư tưởng đạo đức đều cao hơn chúng rất nhiều.

C.Y.

C.Y.

Dù sao người này hoặc là người kia trong bọn họ cũng không ai bị khoa học làm trở ngại cả, vì địa vị đặc quyền của khoa học đã lỗi thời rồi.

Cho nên, đại bộ phận của đạo quân những người thực dụng chủ nghĩa, đứng trước kinh nghiệm khoa học, đã phải vội vàng khôi phục lại kinh nghiệm đạo đức, kinh nghiệm siêu hình, và nhất là kinh nghiệm tôn giáo. Tất cả những kinh nghiệm này đều phát triển riêng biệt với nhau và không thể bao giờ làm trở ngại lẫn nhau, vì chúng nhằm thỏa mãn những nhu cầu khác nhau, nhằm những bộ phận rất khác

C.Y.

nhau của thực tiễn (thỏa mãn các nhu cầu vật chất, ý thức đạo đức hoặc tình cảm tôn giáo), là những bộ phận sáng tạo ra những giá trị khác nhau...

[Tr. 37]... Đối với các nhà siêu hình, đó là thu hoạch chân chính. Bên cạnh sự khôi phục lại tôn giáo, chủ nghĩa thực dụng phục vụ cho sự khôi phục lại siêu hình học. Sau Can-tơ và Công-tơ, chủ nghĩa thực chứng đã xâm chiếm hầu hết toàn bộ lĩnh vực của nhận thức, trong thế kỷ XIX...

[Tr. 39-40]... Cho nên, quan điểm thực dụng chủ nghĩa, và các quan điểm khác ấy, tức là những quan điểm dù không có tính triết học, không được độc đáo và không bổ ích như quan điểm thực dụng chủ nghĩa, nhưng dẫn đến những kết luận tương tự, đều luôn luôn mang lại kết quả là khôi phục lại những hình thức chỉ đạo¹ cũ của tư tưởng của loài người, mà chủ nghĩa thực chứng khoa học đã đẩy lùi một cách thắng lợi từ giữa thế kỷ XVIII: khôi phục lại tôn giáo, siêu hình học, chủ nghĩa giáo điều đạo đức, thực ra là khôi phục lại chủ nghĩa quyền uy xã hội. Đó là lẽ tại sao đó là một trong hai cực mà giữa đó tất cả tư duy, tất cả triết học hiện đại dao động. Nó là cực của sự phản động giáo điều chủ nghĩa, của tinh thần quyền uy, dưới hết thảy mọi hình thức. Nó lại càng nguy hiểm hơn vì nó biểu hiện trước hết, và ở các tín đồ lớn nhất của nó, ra là sự phản kháng táo bạo nhất và mới nhất của tinh thần tự do: sự phản kháng

1. Bản tiếng Pháp: *formes directrices*; bản tiếng Nga: *нормативных форм.* (N.D.)

chống lại cái hàng rào duy nhất còn đứng vững, và là hàng rào mà từ trước cho đến lúc đó nó vẫn dựa vào để lật đổ tất cả những hàng rào khác: khoa học và chân lý khoa học.

Trái lại, đặc điểm chủ yếu của cực đối lập với tư tưởng triết học hiện đại, của thái độ thuần túy khoa học, coi thực tiễn là thành kết quả của sự hiểu biết, do đó bắt tất cả phải phụ thuộc vào khoa học, là một sự cố gắng giải phóng và giải thoát. Chính ở phía đó mà người ta thấy có những người cách tân. Họ là những người thừa kế tinh thần của thời Phục hưng; những người cha và những người thầy trực tiếp của họ chủ yếu là những nhà triết học và những nhà bác học thế kỷ XVIII, tức thế kỷ vĩ đại của sự giải phóng, và là thế kỷ mà Ma-khơ đã nói một cách rất đúng rằng: «Người nào đã có thể tham gia vào sự phát triển đó và vào cuộc vận động giải phóng ấy, dù chỉ qua sách vở thôi, thì suốt đời vẫn còn *một tâm tình luyến tiếc đượm buồn đối với thế kỷ XVIII*». Họ cho rằng có một chân lý, ngay cả nếu như nó không phải là bất biến thì người ta cũng ngày càng không ngừng đến gần được. Chỉ có dùng những phương pháp khoa học mới có thể đạt đến chân lý ấy và chân lý ấy không thể tồn tại ở bên ngoài khoa học được: chân lý, khoa học, là những điều kiện cần và đủ cho bất cứ hoạt động nào của con người...

!!?

§ 8. PHƯƠNG PHÁP — TÓM TẮT VÀ KẾT LUẬN

[Tr. 49]... Ở đây sẽ bàn đến ý nghĩa ||
khách quan của nó (của khoa học). Một số ||

người nghĩ rằng khoa học không đủ để nghiên cứu hết toàn bộ thực tại, tức là đối tượng của nó, mặc dầu về một số phương diện nào đó, họ thừa nhận tính tất yếu của khoa học...

CHƯƠNG II

VẤN ĐỀ SỐ VÀ QUẢNG TÍNH ĐẶC TÍNH VỀ LƯỢNG CỦA VẬT CHẤT

§ 2. CUỘC TRANH LUẬN CŨ GIỮA CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM VÀ CHỦ NGHĨA TIÊN THIÊN

[Tr. 55]... Nhưng, phải chăng sự loại trừ tất cả mọi nhân tố kinh nghiệm cũng là một giới hạn không thể đạt tới được? Những người duy lý chủ nghĩa cho rằng nếu thế giới vật chất đột nhiên bị tiêu diệt thì nhà toán học vẫn có thể tiếp tục làm phong phú thêm khoa học của mình. Phải, nếu thế giới vật chất bị tiêu diệt ngay bây giờ thì không thể bàn cãi gì được; nhưng liệu nhà toán học có thể sáng tạo ra toán học được không, nếu thế giới vật chất chưa bao giờ tồn tại?...

§ 3. HÌNH THỨC HIỆN NAY CỦA VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC VỀ SỐ VÀ VỀ QUẢNG TÍNH: QUAN ĐIỂM «DUY DANH CHỦ NGHĨA» VÀ «THỰC DỤNG CHỦ NGHĨA»

[Tr. 61]... Béc-xông, có lẽ là người, hơn ai hết, đã góp phần truyền bá các tư tưởng đó vào sách báo triết học, cũng sẽ không

tiếp thu một cách vô điều kiện danh từ «thủ
đoạn giả tạo» Ông ta tưởng rằng, trong
quan hệ với vật chất, khoa học lớn hơn,
và cao hơn một thủ đoạn. Nhưng theo ông
ta, vật chất không phải là thực tại chân
chính. Nó là một thực tại đã bị mòn, thụt
lùi và chết. Và trong quan hệ với thực tại
chân chính, sinh động, tinh thần và sáng
tạo, thì toán học và toàn bộ khoa học chỉ
còn có thể có một tính chất nhân tạo và
tượng trưng thôi. Dù sao, cũng vẫn còn lại
một điều là trí tuệ, công cụ đầu tiên do
nhu cầu của hành động thực tiễn đối với
vật chất tôi luyện, đã sáng tạo ra toán học
đề tác động vào vật chất, chứ không phải
để tìm hiểu bản chất của vật chất...

[Tr. 62]... Phải chăng, trong tất cả các
khoa học, toán học ngày nay đã làm cho
một số đầu óc nghiêng mạnh nhất về chủ
nghĩa thực dụng và về thuật nguy biến của
chủ nghĩa thực dụng, tức là bất khả tri
luận khoa học? Thật vậy, chính trong toán
học, chúng ta cảm thấy tách rời xa nhất
với cái cụ thể và cái thực tại, và gần nhất
với cái trò chơi tùy ý về những công thức,
về ký hiệu, trò chơi trừu tượng đến nỗi
thành như là trống rỗng...

§ 4. CHỦ NGHĨA DUY LÝ, CHỦ NGHĨA LÔ-GÍCH, CHỦ NGHĨA LÝ TRÍ

[Tr. 62-65]... Tất cả mọi chân lý, ngày
càng tương đối và càng kém chính xác, mà
các khoa học khác đang cố gắng diễn đạt

bằng toán học và tìm cách biến thành những cái bổ sung cho toán học, đều hướng về cái tuyệt đối đó, cũng giống như các hành tinh hướng về mặt trời vậy.

C.Y.

Không gian cứng nhắc và thuần nhất của nhà hình học là không đủ; cần phải có không gian di động và không thuần nhất của nhà vật lý học. Cơ cấu bao trùm tất cả của tự nhiên không có nghĩa là trong vật chất chỉ có hình học không thối. Theo các giả thuyết hiện đại nó có thể có nghĩa là ngoài hình học ra, còn có sự giải phóng năng lượng hoặc sự chuyển hóa của năng lượng, hoặc khối tích điện đang vận động...

§5. Ý NGHĨA CHUNG CỦA VẤN ĐỀ LƯỢNG: VỀ CƠ BẢN ĐÂY LÀ VẤN ĐỀ LÝ TÍNH

C.Y.

[Tr. 74]... Trước hết không thể chối cãi được rằng lý tính, dù có vô tư đến thế nào đi nữa, cũng có một chức năng công lợi chủ nghĩa¹. Các nhà bác học không phải là những ông quan, cũng không phải là những tay tài tử. Và chủ nghĩa thực dụng không sai lầm khi nó vạch ra tính có ích của lý tính, tính có ích đặc biệt cao của lý tính. Nhưng chủ nghĩa thực dụng có quyền khẳng định là lý tính chỉ có một chức năng công lợi chủ nghĩa không? Những người duy lý chủ nghĩa chẳng có thể trả lời một cách rất có lý rằng tính có ích của lý tính, là ở chỗ khi nó suy diễn từ mệnh đề này ra mệnh đề kia, thì nó cũng suy diễn từ những mối quan hệ này ra những mối quan hệ kia

1. Utilitaire. (N.D.)

giữa các sự kiện tự nhiên hay sao? Do đó, nó cho phép chúng ta tác động đến các sự kiện này, nhưng không phải đó là mục đích của nó, mà là kết quả do nó sinh ra. Khi trí tuệ phân tích một cách giản đơn những quan hệ mà nó biết được, thì khoa học lô-gích và khoa học về lượng do nó tạo ra, mở rộng quyền lực của mình vào các sự vật, vì những quan hệ về lượng đều là những quy luật của sự vật, cũng như của trí tuệ. Nếu biết tức là có thể, thì theo ý nghĩa thực dụng chủ nghĩa, điều đó không phải là vì khoa học đã được sáng tạo ra vì nhu cầu thực tiễn của chúng ta và để thỏa mãn những nhu cầu ấy do đó lý tính của chúng ta chỉ có giá trị vì nó có tính có ích mà thôi; nhưng chính là vì lý tính của chúng ta, khi tìm cách nhận thức sự vật, đã cho ta những phương tiện để tác động vào sự vật...

C.Y.

§ 6. NHỮNG Ý KIẾN CỦA NHÀ TOÁN HỌC POĂNG-CA-RÊ

[Tr. 75-76] Nhà toán học vĩ đại Poăng-ca-rê đã đặc biệt nhấn mạnh tính chất độc đoán ấy của toán học.

C.Y.

Đành rằng, các môn toán học của chúng ta rất phù hợp với hiện thực, hiệu theo nghĩa là chúng được thích ứng để tượng trưng cho những quan hệ nào đó của cái hiện thực; nói cho đúng ra, toán học không phải do kinh nghiệm gợi ra cho chúng ta; nhưng nhân kinh nghiệm mà trí tuệ phát minh ra chúng. Nhưng các môn toán học của chúng ta, đúng như chúng đã dần dần

Poăng-ca-rê

được hình thành để diễn đạt một cách thuận lợi điều mà chúng ta cần diễn đạt, chỉ là một môn toán học riêng biệt trong số muôn vàn những môn toán học có thể có được, — hoặc nói cho đúng hơn, chỉ là một trường hợp đặc biệt của một môn toán học chung hơn nhiều mà các nhà toán học thế kỷ XIX đã cố gắng đạt tới. Khi người ta biết được như vậy, người ta nhận thấy rằng các môn toán học, về thực chất và về bản tính, đều tuyệt đối độc lập đối với việc người ta sử dụng nó trong kinh nghiệm, và, do đó, tuyệt đối độc lập đối với kinh nghiệm. Chúng là những sáng tác độc đoán của trí tuệ, sự biểu hiện rõ ràng nhất của khả năng sáng tạo của bản thân trí tuệ.

Công lý, định đề, định nghĩa, quy ước, về thực chất, đều là những từ đồng nghĩa. Mỗi một môn trong những môn toán học mà người ta có thể tưởng tượng ra, đều có thể đưa đến những kết luận mà nếu được diễn đạt một cách thích đáng bằng một hệ thống những quy ước thích hợp, thì có thể cho phép chúng ta tìm lại một cách hoàn toàn giống như vậy cũng những ứng dụng ấy vào cái hiện thực...

[Tr. 77-79]... Lý luận này là một sự phê phán thích đáng chủ nghĩa duy lý, tuyệt đối và cả chủ nghĩa duy lý ôn hòa của Cantor. Nó vạch cho chúng ta thấy rằng trí tuệ không nhất thiết tuyệt đối phải phát triển môn toán học nào thích hợp nhất với việc diễn đạt kinh nghiệm của chúng ta; nói một cách khác toán học không phải là biểu hiện của một quy luật phổ biến của cái hiện thực, vô luận và quan niệm theo lối

Đê-các-tơ, theo lối Can-tơ, hay theo lối khác mà chúng ta có về cái hiện thực (cố nhiên, hiện thực đây là hiện thực đúng y như nó đã xuất hiện ra đối với chúng ta) là như thế nào. Nhưng Poăng-ca-rê trình bày với chúng ta kết luận này hoàn toàn khác như chủ nghĩa thực dụng đã trình bày.

Một số nhà thực dụng chủ nghĩa và ngay đến tất cả các nhà bình luận Poăng-ca-rê, mà tôi đã có dịp đọc qua, thì hình như đều đã gần như hoàn toàn hiểu sai lý luận này. Đó là một thí dụ rõ nhất về sự xuyên tạc bằng cách giải thích gò ép. Về điểm này cũng như về những điểm khác ở đó sự sai lầm còn sâu sắc hơn — họ đã biến Poăng-ca-rê thành một nhà thực dụng chủ nghĩa không có cái tên nhà thực dụng chủ nghĩa. Nhưng ai mà lại không thấy rằng nhà thực dụng chủ nghĩa chính thống đã làm cho toán học phải phụ thuộc một cách gián tiếp vào kinh nghiệm. Đó là mệnh lệnh của trí tuệ, — Poăng-ca-rê cũng cho là như thế, — nhưng là mệnh lệnh của trí tuệ hướng về hành động thực tiễn, ý chí độc đoán của tư tưởng đang hành động, đúng như quan niệm của triết học hiện đại. Đối với nhà thực dụng chủ nghĩa, không có tư tưởng thuần túy trực quan và vô tư; không có lý tính thuần túy. Chỉ có một tư tưởng muốn nắm lấy sự vật và để làm việc ấy một cách thuận lợi nhất, nó làm sai lạc biểu tượng của nó về các sự vật ấy. Khoa học và lý tính là những kẻ phục vụ cho thực tiễn. Trái lại, đối với Poăng-ca-rê, phải hiểu tư tưởng, theo tinh thần của A-ri-stốt trong

một chừng mực nào đó. Tư tưởng suy nghĩ, lý tính lập luận dễ thỏa mãn bản thân nó; và sau đó, ngoài phạm vi của sự thỏa mãn của lý tính thuần túy trên đây, chúng ta còn thấy rằng, một số kết quả nào đó của khả năng sáng tạo vô tận của lý tính có thể trở thành thuận tiện cho chúng ta sử dụng vào những mục đích khác.

Nhưng trong trường hợp này, thực tiễn là kẻ phục vụ cho khoa học và lý tính. Và khoa học và lý tính này vượt rất xa ra ngoài phạm vi của sự có ích. «Tư tưởng chỉ là một ánh chớp, nhưng ánh chớp ấy chính là tất cả.»

Poăng-ca-rê
và Can-tơ.

Người ta có thể hoàn toàn không thừa nhận lý luận của Poăng-ca-rê; nhưng không được xuyên tạc lý luận của ông ta để sau đó lại viện dẫn uy tín của ông ta. Người ta đã chưa chú ý đầy đủ đến những mối liên hệ của lý luận của Poăng-ca-rê với chủ nghĩa Can-tơ, lý luận của Poăng-ca-rê đã mượn đầy đủ ở chủ nghĩa Can-tơ cái lý luận về những phán đoán tổng hợp tiên nghiệm, với điều kiện là (và chính ở đây, nó thấy chủ nghĩa duy lý của Can-tơ còn quá cứng rắn) những phán đoán tổng hợp tiên nghiệm này, cơ sở của các môn toán học của chúng ta (toán họcƠ-cơ-li-đơ), không được coi là những định đề duy nhất có thể có và tất yếu của toán học hợp lý...

§ 7. QUAN HỆ GIỮA NHỮNG KHOA HỌC TOÁN HỌC VỚI NHỮNG KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHÁC

[Tr. 80]... Lý luận của Poăng-ca-rê có gán cho kinh nghiệm cái ý nghĩa hình như

nó phải có không? Thật là kỳ lạ! Tôi muốn nói với những nhà thực dụng chủ nghĩa không ngừng kéo lý luận của Poăng-ca-rê về với họ và sử dụng tên của tác giả lý luận ấy như một khẩu trọng pháo, rằng theo tôi lý luận của Poăng-ca-rê thật quả là ít có tính chất thực dụng chủ nghĩa...

C.Y.

§ 8. CHỈ DẪN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA PHƯƠNG PHÁP VÀ CỦA NHỮNG TRI THỨC KHOA HỌC

[Tr. 87]... Và nếu sau đó, khoa học, nhờ hiệu dụng vật chất của nó, mà phát triển lên, thì không nên quên rằng chính vì hiệu dụng trí tuệ của nó và đề đảm bảo sự thỏa mãn vô tư cái lý tính muốn hiểu biết sự vật, mà ngay từ đầu, nó đã thoát khỏi chủ nghĩa kinh nghiệm thô lỗ để trở thành khoa học chân chính. Đầu tiên nó làm cho chúng ta nhận thức được hiện thực, trước khi cho phép chúng ta tác động vào hiện thực. Và trước hết nó phải làm cho chúng ta nhận thức được hiện thực để sau đó cho phép chúng ta có thể hành động được...

§ 9. NHỮNG Ý KIẾN CỦA MA-KHO, LÝ TÍNH VÀ SỰ THÍCH ỨNG CỦA TƯ TƯỞNG

[Tr. 90-91]... Điều này phải chăng không cho chúng ta một sự chỉ dẫn quý báu về bản chất và ý nghĩa của lô-gích và của tư tưởng lý tính? (mà toán học thì luôn luôn được coi là thuần túy phát xuất ra từ lô-gích

C.Y.

và tư tưởng lý tính.) — và phải chăng có lẽ đã không cho chúng ta một sự chỉ dẫn về bản chất và ý nghĩa của lý tính rồi? Chúng ta không còn cách xa việc tìm thấy lại tư tưởng của Ma-khơ, người mà người ta cũng đã thường coi là một nhà thực dụng chủ nghĩa không xưng tên.

Chúng ta cảm thấy hình như Ma-khơ gần chủ nghĩa duy lý hơn nhiều, chủ nghĩa này, theo chúng tôi, từ nay về sau phải được quan niệm như là: một chủ nghĩa duy lý hoàn toàn không loại trừ một lịch sử tâm lý của lý tính với những con đường quanh co của nó, và nhất là không hề xem nhẹ chút nào tác dụng của kinh nghiệm vì lý tính chẳng qua chỉ là kinh nghiệm được xây dựng thành pháp quy, và đồng thời là pháp quy tất yếu và phổ biến của tất cả kinh nghiệm, cho nên đồng thời phải tính đến cả nhân tố của sự tiến hóa, lẫn kết cấu tâm lý của con người...

[Tr. 93-94]... Như vậy, người ta có thể thấy rằng lý tính, — phân tích một cách trừu tượng trong ý thức của con người, — có thể nhờ vào những nguyên tắc tìm thấy trong bản thân nó và nhờ vào sự phát triển hoàn thiện của những nguyên tắc ấy, mà phù hợp với những quy luật của hoàn cảnh xung quanh và phản ánh những quy luật ấy. Người ta còn thấy rằng với đặc tính hiện có của cái tôi của chúng ta và của hoàn cảnh xung quanh, lý tính không thể là cái gì khác hơn là lý tính hiện có: vậy nó là tất yếu và phổ biến, đúng như chủ trương của chủ nghĩa duy lý. Về một

ý nghĩa nào đó, lý tính thậm chí là tuyệt đối, nhưng phải hiểu chữ này một cách khác với chủ nghĩa duy lý truyền thống. Đối với chủ nghĩa duy lý truyền thống, chữ này có nghĩa là các sự vật tồn tại đúng như lý tính nhận thức chúng. Nhưng đối với chúng ta thì, trái lại, chúng ta không biết được sự vật tồn tại tự-nó như thế nào, và chính trong phạm vi này mà thuyết tương đối của Can-tơ hoặc là của chủ nghĩa thực chứng có lý do tồn tại. Nhưng chúng ta có quyền nói rằng nếu, ở một sinh vật có cấu tạo hoàn toàn khác, những yêu cầu của sự tiến hóa đã tạo nên một phương thức thích ứng với hoàn cảnh xung quanh, khác với phương thức thích ứng của chúng ta (vì bản thân một trong hai nhân tố của phương thức thích ứng này đã là khác rồi), thì người ta vẫn luôn luôn có thể xây dựng được một hệ thống chuyển dịch làm cho hai phương thức thích ứng này phù hợp được với nhau. Giả thuyết như vậy không phải là vô lý, vì trong một chừng mực nào đó, đó là điều phải xảy ra giữa một động vật thuần dưỡng và chúng ta.

[Tr. 95-96]... Mặc dầu tính trừu tượng của chúng, số và quảng tính cũng đều được rút ra từ bản tính của cái hiện thực, vì cái hiện thực này là có tính nhiều vẻ¹ và có quảng tính, vì những quan hệ trong không gian là những quan hệ hiện thực rút ra từ bản tính của những sự vật.

1. *Multiplicité*. (N.D.)

!!

!!

C.Y.

Xem
tr. 93-94

Như vậy, phải chăng hình như người ta có thể từ những mệnh đề đầu tiên này suy ra những kết luận rất quan trọng khác? Thường người ta coi trừu tượng khoa học là đồng nghĩa với phi hiện thực. Sự tiến bộ trong sự trừu tượng sẽ là một vận động không ngừng ở ngoài cái hiện thực. Nó làm cho chúng ta càng ngày càng xa hiện thực. Có thật đúng như vậy không?

Toán học, trong khi ngày càng xa dần những không gian cảm tính để tiến đến không gian hình học, không xa rời không gian hiện thực, tức là những quan hệ thật giữa các sự vật. Trái lại nó tiến sát dần tới những quan hệ đó. Theo những công trình của tâm lý học hiện đại, mỗi cảm giác hình như sẽ *tùy theo phương thức riêng của nó* mà cung cấp cho ta quảng tính và trường tính (tức là những liên hệ hoặc những quan hệ nhất định của cái hiện thực). Tri giác bắt đầu loại trừ cái tính chủ quan phụ thuộc vào cá thể hoặc phụ thuộc vào những đặc trưng ngẫu nhiên của kết cấu của loài, bằng cách cấu tạo nên một không gian thuần nhất và duy nhất, cũng như một trường tính thuần nhất, tức là những tổng hợp của tất cả những biểu tượng cảm tính và nhiều vẻ mà chúng ta đã có về không gian và trường tính ấy. Tại sao công tác khoa học lại không tiếp tục đi theo con đường phát triển hướng về tính khách quan ấy? Vô luận thế nào, tính nghiêm mật, tính chính xác, tính phổ biến của khoa học (hoặc tính tất yếu của nó, cũng thế) đều là những bằng chứng bên vực cho tính khách quan của

C.Y.

những kết quả của nó. Như vậy, số, thứ tự, quảng tính, — mặc dầu những thói quen có tính chất phê phán và chủ quan của chúng ta, — đều có thể coi như những đặc tính của sự vật, tức là như những quan hệ hiện thực; — những quan hệ này càng có tính chất hiện thực hơn, vì khoa học đã dần dần giải thoát cho chúng khỏi những sự xuyên tạc chủ quan của cá nhân những sự xuyên tạc đến với chúng ta ngay từ đầu trong những cảm giác cụ thể và trực tiếp. Như vậy phải chăng cái còn lại của tất cả những trù tượng đó đã xuất hiện với đầy đủ căn cứ đối với chúng ta như là nội dung hiện thực và vĩnh viễn, mà toàn thể loài phải có một cách tất yếu như nhau, vì nội dung này không phụ thuộc vào cá thể, cũng không phụ thuộc vào nhân tố thời gian, vào quan điểm?...

C.Y.

§ 10. TOÁN HỌC DẠY CHÚNG TA CÁI GÌ

[Tr.97]... Về phía nó, tâm lý học dạy chúng ta là tất cả những cảm giác của chúng ta (là những tài liệu trực tiếp và sau cùng của kinh nghiệm) có một đặc tính: diễn triển tính¹ hay quảng tính. Đặc tính ấy hoàn toàn không giống quảng tính hình học, nhất là nếu chúng ta nói đến những cảm giác dễ kích động nhất...

Cảm giác =
cái
cuối cùng

[Tr. 98]... Không gian hình học là kết quả của việc giải thích không gian quang

1. *Extensivité.* (N.D.)

Ma-khơ +
tính khách
quan.

học, một cách trừu tượng sao cho loại trừ được tính cá biệt, khái quát được những quan hệ bao hàm trong cái không gian quang học đó và làm cho trí tuệ có thể sử dụng một cách dễ dàng những quan hệ ấy. Chúng tôi sẵn sàng thêm vào tư tưởng của Ma-khơ rằng làm như vậy là có mục đích đem lại cho những quan hệ ấy một biểu hiện chính xác nhất, nghiêm cách nhất của chúng, một biểu hiện phổ biến và tất yếu, tức là biểu hiện khách quan của chúng. Như vậy không gian hình học là kết quả của một sự tiến hóa nó đã làm cho tư duy của chúng ta ngày càng thích nghi đầy đủ hơn với những đặc tính nhất định của ngoại cảnh. Đó là một kinh nghiệm kéo dài và liên tục, trong đó sự thành công đã không ngừng củng cố một số tập quán đã trở thành những cơ sở của hình học của chúng ta...

[Tr. 100]... Như vậy, cái mà toán học dạy chúng ta, đó là những quan hệ giữa các sự vật, về mặt thứ tự, số và quảng tính.

Nhờ cố gắng phân tích những quan hệ hiện thực tồn tại giữa các sự vật nên tự nhiên là trí tuệ của chúng ta sẽ thông qua những liên tưởng về sự giống nhau, mà có được năng lực tạo ra những quan hệ tương tự. Do đó trí tuệ có thể xuất phát từ những kết hợp có trong hiện thực, mà nghĩ ra những kết hợp không thấy trong hiện thực. Sau khi đã tạo ra những biểu tượng sao chép lại cái hiện thực, chúng ta có thể tạo ra những biểu tượng làm kiểu mẫu, như Te-nơ đã nói, theo một ý nghĩa hơi khác.

§ 11. TÓM TẮT VÀ KẾT LUẬN

[Tr. 103-105]... Chủ nghĩa duy lý tuyệt đối hình như có khá đầy đủ lý do để dựa vào một thứ chủ nghĩa thực tại duy tâm, mà cho rằng những quy luật của lý tính là đồng nhất với những quy luật của sự vật. Nhưng phải chăng nó đã phạm sai lầm khi tách rời lý tính khỏi sự vật, và khi tưởng rằng chính chỉ ở bản thân một mình lý tính và trong một sự cô lập huy hoàng mà lý tính đã có được nhận thức về những quy luật chi phối sự vật? Như vậy thì phải thừa nhận rằng, do một sự phù hợp hoặc một ân huệ thần kỳ, mà chúng ta đã có sẵn trong chúng ta, ít ra là có sẵn trong trạng thái mằm mộng, một thực quan về những quy luật ấy. Dưới hình thức đòi hỏi như vậy câu chuyện thần thoại kiểu Pơ-la-tông này về sự hồi ức cũng tỏ ra là một giả thuyết vừa vô căn cứ, vừa không kinh tế tí nào.

C.Y.

Đúng, sự phân tích lý tính xét về mặt phạm vi trở thành phù hợp với sự phân tích giới tự nhiên. Đúng toán học, khi phân tích lý tính, thì đồng thời cũng phân tích giới tự nhiên, hoặc, nếu người ta ưa nói hơn, cũng đề ra một vài những nhân tố cần thiết cho việc phân tích giới tự nhiên. Nhưng nếu giả thiết rằng chính là vì hoạt động tâm lý của chúng ta đã dần dần hình thành trong quá trình thích nghi với ngoại cảnh và với các hoàn cảnh thực tế trong đó nó phát sinh tác dụng, thì có phải đơn giản hơn không?...

C.Y.

Cho nên nếu có những khác nhau rất lớn giữa chủ nghĩa duy lý tuyệt đối với cái lý luận đã được phác ra ở đây về vấn đề

nguồn gốc và lịch sử, thì trái lại chúng ta lại đạt đến những kết luận gần nhau về vấn đề giá trị và tác dụng của toán học: nói theo cách giải thích của con người, giá trị ấy và tác dụng ấy là tuyệt đối. Còn nói theo cách giải thích siêu nhân và theo quan điểm tiền nghiệm, thì tôi xin thú thật là tôi chưa biết bí mật của cách nói đó, và tôi cũng không cần biết làm gì. Nếu có thể đạt tới sự hiểu biết sự vật theo quan điểm của con người, diễn giải một cách trung thành sự vật bằng ngữ ngôn của người, thì đối với tôi như thế là đủ...

Đạo
trung
dung !!

Phải chăng kết luận này là nông cạn và quá nhỏ nhen? Theo ý tôi, chủ nghĩa thực dụng hình như rơi vào một cực đoan hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa duy lý cổ truyền. Chủ nghĩa duy lý cổ truyền này đã lấy điểm đích làm khởi điểm và đem di chuyển đặc tính của kết quả đến khởi điểm. Trái lại chủ nghĩa thực dụng đem điểm đích đến sát khởi điểm thậm chí làm cho điểm đích nhập cực với khởi điểm, và gán cho kết quả những đặc tính của khởi điểm. Phải chăng hợp lý hơn nếu nghĩ rằng sau khi sinh ra trên cơ sở thuyết thần nhân đồng hình¹ công lợi chủ nghĩa, thì toán học đã dần dần phá vỡ giới hạn chủ quan của nhân quan đầu tiên ấy. Toán học, nhờ sự phân tích càng ngày càng hoàn thiện, đã đạt tới một số quan hệ thực tại, khách quan, phổ biến và tất yếu của sự vật.

1. *Anthropomorphisme.* (N.D.)

[Tr. 107]... Toán học cũng giống như lý tính và lô-gích của chúng ta, có cơ sở trong bản tính của sự vật, toán học chỉ là một sự ứng dụng đặc biệt của lý tính và lô-gích và lý tính và lô-gích về cơ bản mà nói, cũng đã được hình thành một cách tương tự.

Chúng ta đi tới hiện thực bằng con đường nào đi nữa, điều đó không quan trọng, chỉ cần chúng ta nghiên cứu từng bước hiện thực để cuối cùng hoàn toàn nắm được hiện thực.

CHƯƠNG III

VẤN ĐỀ VẬT CHẤT

§ 1. LỊCH SỬ VÀ VỊ TRÍ HIỆN TẠI CỦA VẤN ĐỀ VẬT CHẤT

[Tr. 109-110]... Trước hết, sau những thất bại của các nhà triết học «vật lý học», truyền thống triết học Hy-lạp vĩ đại, với phái Ê-lê-át và Pơ-la-tông, đã hoài nghi sự tồn tại của bản thân vật chất. Vật chất chỉ là một bề ngoài, hoặc nhiều lắm cũng chỉ là một giới hạn tối thiểu của tồn tại; khoa học về những vật chất, đến lượt nó, chỉ có thể là một khoa học hoàn toàn tương đối, và chỉ có khoa học về các đối tượng tinh thần mới là khoa học duy nhất chân chính. Như vậy là vấn đề vật chất bắt đầu được giải quyết bằng chính sự thủ tiêu vấn đề ấy. Vật chất chỉ có thể tồn tại như là một giới hạn không thể quy định được của tinh thần và chỉ tồn tại phụ thuộc vào tinh thần, và tất cả cái gì có quan hệ đến vật chất đều là thuộc loại cấp thấp...

C.Y.

C.Y.

[Tr. 111]... Do đó, việc tranh luận về tính thực tại của thế giới bên ngoài, về chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy linh, chủ nghĩa duy vật, thuyết cơ giới, vật lực luận¹, đã dần dần tỏ ra là một trò cũ rích và vô bổ cần phải dành cho triết học cổ điển, thuật ngữ này được dùng theo ý nghĩa như ý nghĩa mà Te-nơ đã cho chúng: triết học dùng cho các lớp học...

C.Y.

[Tr. 113]... Chủ nghĩa duy vật tầm thường mượn của nó (của vật lý học) tất cả những cái gì là vững chắc, đồng thời cũng mượn luôn tất cả những cái gì là thời phồng, là quái gở. Thật là lợi cho tinh thần tôn giáo biết bao, nếu nó có thể chứng minh rằng vật lý học *không biết một chút gì* về những sự vật mà nhờ có vật lý học chúng ta có thể tác động đến, rằng những sự giải thích của vật lý học không phải là những sự giải thích?

C.Y.

§ 2. KHỦNG HOẢNG CỦA VẬT LÝ HỌC CUỐI THẾ KỶ XIX.

VẬT LÝ HỌC DUY NĂNG LUẬN

C.Y.

Đúng, trong khi niềm hy vọng triết học ấy nảy sinh ra và lớn lên trong đầu óc những tín đồ có học thức và chân thành, thì mọi cái trọng vật lý học đều hình như được tạo ra để chứng thực và thực hiện niềm hy vọng ấy...

1. *Dynamisme. (N.D.)*

[Tr. 114]... Đối lập với vật lý học cổ truyền và cơ giới ấy, là vật lý học mới, vật lý học duy năng luận. — «Đối lập» — chữ này có thật đúng không? Ở một số đông nhà vật lý học, người ta có lẽ sẽ nói, là: «được sử dụng một cách không phân biệt» (tùy trường hợp), với phương pháp cơ giới luận.

[Tr. 115-116]... Thật thế, năng lượng không phải là cái gì khác hơn mà chỉ là năng lực có thể sản sinh ra công, đó là khái niệm lực học, một khái niệm luôn luôn có thể lý giải được về phương diện lực học, tức là

C.Y.

bằng vận động và bằng khoa học về vận động. Hem-hôn-tơ, Gép-xơ và nhiều người khác, khi thêm vào lực học một chương mới khái quát sự ứng dụng của lực học vào các thực tại vật lý, đã không phá hoại truyền thống cơ giới luận; hoàn toàn không phải như thế. Họ không muốn cái gì khác, và trên thực tế không làm cái gì khác hơn là sửa đổi và tiếp tục phát triển cơ giới luận căn cứ theo những thành tựu của vật lý học, như người ta vẫn làm sau Ga-li-lê và Đê-các-tơ. Bên cạnh những nguyên tắc của cơ học, và trong cách giải thích cơ giới luận về thực tại, họ xếp thêm nguyên lý bảo toàn lực hoặc bảo toàn năng lượng, tức là nguyên lý của Các-nô, và một nguyên lý mà, sau Mô-péc-tuy-xơ, đã giữ một vai trò quan trọng, nguyên lý về lượng có tác động nhỏ nhất.

C.Y.

Như vậy, ở đây đã có một nghĩa thứ nhất của danh từ duy năng luận nó làm cho duy năng luận trở thành một bộ phận của

khoa học vật lý, đúng như là tất cả các nhà bác học đã giảng dạy. Nên nói thêm là ở Pháp, bộ phận đó của vật lý học thực ra được gọi là *hiệt lực học*, và, mặc dầu về từ nguyên, danh từ này có một ý nghĩa quá hẹp đối với nội dung nó bao hàm, nhưng nó vẫn đem lại cái lợi là tránh được tất cả những nhầm lẫn do các cách sử dụng khác về danh từ «duy năng luận» gây nên.

Cách dùng thứ hai về danh từ này («duy năng luận») không phải là đề chỉ một bộ phận của vật lý học nữa, mà đề chỉ một *lý luận chung của vật lý học xét trong toàn bộ của nó...*

[Tr. 117]... Quy luật ấy không có gì là không hợp với cơ giới luận. Cơ giới luận có đầy đủ lý do để cho rằng những biểu hiện khác nhau của năng lượng, về thực chất, chỉ là những bề ngoài khác nhau do cùng một thực tại cơ bản gây nên: vận động...

[Tr. 120-122]... Nhưng, nếu tất cả có thể quy vào những nguyên lý của cơ học cổ điển, thì hình như các nhà duy năng luận không cho rằng người ta có thể thấy được là lực ngày càng không được sử dụng và năng lượng có thể sử dụng được ngày càng giảm đi. Giới tự nhiên tựa hồ phải có thể quay trở lại vô trước, và tái diễn lại không ngừng cùng một vòng biến hóa tuần hoàn: vì cơ học cổ điển chủ yếu là khoa học về những biến hóa có thể nghịch đảo, không chịu ảnh hưởng của thời gian và cũng không có lịch sử như các dân tộc tốt số vậy. Nhưng trong thực tế, những hệ thống đều sẽ không tốt số bằng các dân tộc. Các hệ thống bao giờ

cũng sẽ có một lịch sử. Chính vì vậy, mà một số nhà vật lý học không chịu nhìn nhận vật lý học là một sự kế tục giản đơn của cơ học cổ điển. Họ muốn thoát khỏi xiềng xích của truyền thống và giống như tất cả các nhà cách mạng chân chính, họ thấy truyền thống là quá chật hẹp và quá độc đoán. Do đó mà có việc phê phán tỉ mỉ, rồi việc xét lại những nguyên lý cơ bản của cơ học. Do đã nỗ lực làm như vậy mà có được một quan điểm mới về vật lý học — có lẽ không đến nỗi đối lập quá với quan điểm trước đây, như người ta đôi khi vẫn nói — nhưng dù sao cũng đã làm thay đổi sâu sắc quan điểm trước đây.

V
(
^

Nói chung, người ta có thể nói rằng, do thấy cơ học cổ điển chưa phải là một cơ sở đầy đủ cho vật lý học, mà nó [vật lý học] đã đi đến chỗ là không còn coi các hiện tượng vật lý là cái mà người ta vẫn quan niệm từ trước đến nay, tức là: những phương thức vận động mà môn cơ học cổ điển vẫn nghiên cứu. Cho đến bây giờ, giải thích một hiện tượng vật lý, nghiên cứu một hiện tượng vật lý, tức là quy nó vào những hình thức vận động: vận động của những khối lượng vật chất, của nguyên tử — hoặc là rung động của một môi trường truyền dẫn trong vũ trụ: ê-te. Như vậy tất cả mọi giải thích vật lý học đều có thể nhờ hình học của vận động mà diễn đạt bằng biểu đồ.

C.Y.

C.Y.

Quan điểm mới mà người ta đề nghị thay vào quan điểm nói trên, trước hết là việc hoàn toàn gạt bỏ tất cả những biểu tượng

V
(
^

hình tượng ấy, hay như người Anh nói, những «mô hình cơ học» ấy, mà không có những mô hình này thì trước đây đã không có vật lý học chân chính. Ma-khơ buộc tội chúng một cách khắt khe rằng chúng chỉ là một «thần thoại». Giống như mọi thần thoại khác, thần thoại này còn đang ấu trĩ; nó đã có ích khi chúng ta chưa biết nhìn thẳng vào sự vật; nhưng khi người ta đã có thể đi được một mình, thì còn cần gì đến nạng nữa. Hãy vứt xa chúng ta những cái nạng gỗ: nguyên tử luận và những cơn lốc ê-te đi.

Vật lý học, đã trưởng thành, không cần đến những hình ảnh thô sơ để sùng bái các thần của nó nữa. Chỉ có ngữ ngôn trừu tượng của toán học là xứng đáng để diễn đạt một cách thích đáng những kết quả của kinh nghiệm. Chỉ có ngữ ngôn ấy mới không cần thêm thắt hay giấu giếm gì, mà vẫn có thể nói một cách hết sức chính xác chặt chẽ cho chúng ta về cái đang tồn tại. Những lượng xác định bằng đại số học, chứ không phải bằng hình học, càng không phải bằng cơ học; những biến đổi về số đo bằng một thước đo ước lệ, chứ không phải những biến đổi có thể tri giác được, đo bằng những sự di chuyển trong không gian so với một nguyên điểm, — đó là những tài liệu của vật lý học mới: vật lý học khái niệm, đối lập với vật lý học cơ giới luận hoặc vật lý học hình tượng...

[Tr. 123] ... Lý luận chung mới này về vật lý học, đã được Ran-kin chú ý đến từ 1855,

nhưng về sau chủ yếu được Ma-kho Ô-stơ-van và Đu-hem chú trọng xây dựng. Ma-kho nói: «Mọi khoa học đều có mục đích là thay thế kinh nghiệm bằng những công việc trí tuệ càng ngắn càng tốt»; công thức này có thể làm đề từ cho Duy năng luận khoa học.

C.Y.

§ . CÁCH GIẢI THÍCH TRIẾT HỌC ĐỐI VỚI DUY NĂNG LUẬN

[Tr. 127]... Người ta thấy rõ cái triết học muốn im đi những luận cứ rút ra từ khoa học đề chống lại một số giáo điều riêng biệt và chống lại thái độ tôn giáo nói chung, có thể lợi dụng như thế nào cách giải thích khôn khéo này? Người ta đem một số chân lý vật lý học nào đó đối lập với một số tín ngưỡng nào đó? Nhưng vật lý học mới, chỉ muốn có một điều, tức là quay trở lại những quan điểm của thời đại vĩ đại của tín ngưỡng. Sau một cuộc lặn trồn kéo dài đến ba thế kỷ, vật lý học, giống như một lãg tử mới, tìm trở lại được tổ ấm chân chính của nó, tức là chủ nghĩa Tô-ma-xơ chính thống nhất.

C.Y.

Nhưng điều nghiêm trọng nhất là có một nhà bác học, — nổi tiếng vì tính chính xác và tính ưu mỹ toán học của các tác phẩm của ông ta, nổi tiếng nhất là vì ông ta tích cực truyền bá vật lý học mới, vì đã trình bày vật lý học mới một cách trong sáng, theo kiểu đặc biệt Pháp, vì những sự khái quát ưu việt của ông ta về cơ học duy năng luận,

!!

— đã tưởng là bản thân có thể tiếp thụ cách giải thích triết học như thế đối với những lý luận khoa học mới. Đó là Du-hem. Nhưng nhiên, ông ta đã hết sức cố gắng để vạch ra giới hạn đích xác giữa những quan điểm khoa học của ông ta và những quan điểm siêu hình của ông ta...

C.Y.

[Tr. 130] ... Triết học mới, trong khi phát triển quan điểm này, có thể gần như trực tiếp suy đoán từ những cải cách đương thời trong vật lý học, ra tính chất thuần túy miêu tả, chứ hoàn toàn không phải có tính chất giải thích, của vật lý học ấy. Và chính ở đây «chủ nghĩa tín ngưỡng» có cơ hội tốt để lợi dụng. Khoa học tỏ ra bất lực không thể đi quá phạm vi các chất; vì vậy nó đành phải tự hạn chế trong việc miêu tả. Nó sẽ chỉ là một sự phân tích những cảm giác, đây là nói theo cách nói của Ma-khơ, một cách nói mà triết học mới của chúng ta không muốn dùng theo đúng ý nghĩa của nó, một ý nghĩa hoàn toàn «có tính chất khoa học chủ nghĩa»¹

C.Y.

[Tr. 131-133] ... Và người ta có thể luôn luôn gặp trong sách báo hiện đại — với những sự khác nhau rõ rệt trong chất lượng của cách trình bày — những ý kiến kiểu này: những khoa học về vật chất không làm cho chúng ta hiểu biết gì về cái hiện thực cả, vì vật chất, đúng theo cách hiểu của các khoa học ấy, bản thân vật chất theo ý nghĩa thông tục của chữ ấy, không tồn tại. Tri

1. *Scientist*. (N.D.)

giác giản đơn thông thường đã xuyên tạc hiện thực bên ngoài rồi. Nó bịa ra toàn bộ hiện thực bên ngoài, tùy theo nhu cầu của hoạt động của chúng ta. Khoa học lại chế biến lại một lần nữa những nguyên liệu chưa chế biến ấy. Cái mà khoa học đưa ra cho chúng ta dưới tên gọi là vật chất, thì đó hoặc là một sơ đồ thô sơ đã đề cho toàn bộ sự phong phú sinh động của cái hiện thực lọt khỏi màng lưới những quy luật khoa học, hoặc là một hỗn hợp lộn xộn những nhân tố trừu tượng, bị tách rời hay bị kết hợp với nhau một cách độc đoán, được bịa đặt ra hoàn toàn. Như thế là con đường đã được mở rộng cho việc biện hộ cho những chủ nghĩa duy tâm thần bí nhất...

Không dừng lại đề nói nhiều về những sai lầm cực đoan này, người ta cũng có thể nhận thấy rằng không phải vì thế mà ngay trong những đầu óc đứng đắn và hiểu biết, không có một khuynh hướng muốn phê phán khoa học vật lý giống như cách Poăng-ca-rê phê phán toán học, mặc dù ông này phản đối kịch liệt. Cũng giống như toán học, vật lý học sẽ là một ngữ ngôn phù hiệu chỉ dùng để làm cho sự vật trở thành dễ hiểu hơn, bằng cách làm cho sự vật trở thành đơn giản hơn, sáng sủa hơn, dễ tiếp cận hơn, dễ sử dụng hơn nhất là trong thực tiễn. Làm cho dễ hiểu hơn không có nghĩa nào khác hơn là bóp méo một cách có hệ thống và làm biến chất những trực quan mà hiện thực trực tiếp cung cấp cho chúng ta, để có thể làm cho hiện thực phục vụ tốt hơn sự thỏa mãn các nhu cầu của chúng ta. Tính dễ hiểu,

C.Y.

C.Y.

tính hợp lý không liên quan gì đến bản tính của sự vật. Đó là những công cụ để hành động. Cho nên tất cả mọi phát hiện mới hình như là trực tiếp trái ngược với lý tính của chúng ta, vì nó đảo lộn những tập quán cũ. Tinh thần phải uốn theo cái mới đó (hoàn toàn giống là thân thể tập đi xe đạp) để cho quy luật mới, đến lượt nó, trở thành hợp lý đối với chúng ta, và được cái gọi là nhu cầu hiểu biết của chúng ta đòi hỏi. Chúng ta sẽ ngộ nhận hết sức, khi chúng ta tưởng rằng cái chủ nghĩa phù hiệu tùy tiện ấy lại có thể dạy cho chúng ta một cái gì có thể thỏa mãn tính hiếu kỳ thuần túy của chúng ta, thỏa mãn nhu cầu hiểu biết vô tư của chúng ta. Muốn biết, nhận thức, với tất cả ý nghĩa của chữ ấy, phải tìm ở nơi khác...

§ 4. PHÊ PHÁN SỰ PHÊ PHÁN HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI VẬT LÝ HỌC

C.Y.

Mặc dầu tuyệt đại đa số các nhà vật lý học có thái độ coi khinh và không thèm nói tới cách giải thích ấy về khoa học vật lý, nhưng cách giải thích ấy cũng không thể bị sự phê phán của triết học bỏ rơi được. Nếu các nhà bác học có quyền nói: chó cừ sủa, đoàn người cừ đi, thì sự phê phán của triết học, tất nhiên phải quan tâm đến tác dụng xã hội và giáo dục của các chủ nghĩa, cũng bắt buộc phải nói đến vấn đề này.

C.Y.

[Tr. 136-138]... Đại đa số những người ủng hộ triết học mới, đều chỉ hướng về các nhà bác học là những người tán thành vật lý học duy năng luận và là kẻ thù kiên quyết của vật lý học cơ giới luận. Thế nhưng,

nhìn chung trong số những nhà vật lý học thì số người tuyệt đối ủng hộ vật lý học duy năng luận chỉ là một tối thiểu số. Số đông trong đạo quân các nhà vật lý học vẫn là những người cơ giới luận; chắc chắn họ cải tạo cơ giới luận, đề điều hòa cơ giới luận với những phát minh mới, vì họ không còn là những nhà kinh viện nữa. Nhưng họ luôn luôn tìm cách trình bày và giải thích những hiện tượng vật lý bằng những vận động có thể cảm giác được.

Mặt khác, không nên quên rằng nếu duy năng luận đã cung cấp được những lý luận và cách trình bày hay, thì hầu hết những phát hiện hiện đại lớn đều là công lao của các nhà vật lý học cơ giới luận và đều gắn liền với một sự cố gắng hình dung ra kết cấu vật chất của các hiện tượng. Ở đây, có một luận cứ đáng làm cho ta suy nghĩ.

Đề đem lại cho vật lý học lý thuyết một tính vững vàng của hình học, duy năng luận muốn đơn giản làm cho nó biến thành một sự trình bày ngắn gọn nhất, tiết kiệm nhất, về những thành quả của thực nghiệm, nhưng lý luận của vật lý học có thể quy thành một công cụ chỉ dùng để trình bày một cách tiết kiệm được không? Nó có thể tuyệt đối loại trừ giả thiết khỏi một khoa học chỉ nhờ vào giả thiết mới trở nên phong phú, được không? Phải chăng nó cần phải — nhờ những lý luận, (những lý luận này, cũng giống như những lý luận cơ giới luận, bao giờ cũng là những dự kiến trước về thực nghiệm, những cổ

gắng để hình dung thực tại) — không ngừng hướng tới sự phát hiện ra cái hiện thực?

Nếu chỉ nhờ các nhà vật lý học thuần túy duy năng luận để xây dựng triết học vật lý thì như vậy phải chăng là đã thu hẹp một cách lạ lùng cái cơ sở trên đó phải xây dựng triết học ấy hay sao? Về thực chất, triết học mới chỉ tìm sự xác nhận cho tư tưởng của nó ở những người có thể ủng hộ nó, và những người này chỉ là một thiểu số nhỏ. Đó là một thủ đoạn tiện lợi, nhưng vẫn là thủ đoạn.

Và lại, họ có ủng hộ triết học ấy đến mức như nó tưởng tượng hay không?

Người ta rất có thể nghi ngờ điều đó. Hầu hết các nhà bác học được chủ nghĩa thực dụng hoặc cái gọi là chủ nghĩa duy danh viện dẫn, kể cả Poăng-ca-rê, đều có những điều rào đón quan trọng. Chúng ta hãy nghiên cứu họ xem.

§. 5. ĐIỀU MÀ CÁC NHÀ VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI NGHĨ

[Tr. 138] ... Do đó, vật lý học là một khoa học về cái hiện thực, và nếu nó tìm cách diễn đạt cái hiện thực ấy một cách «tiện lợi», thì cái mà nó diễn đạt luôn luôn vẫn là cái hiện thực. Sự «tiện lợi» chỉ là ở các thủ đoạn diễn đạt. Nhưng cái thực ra nằm đằng sau những thủ đoạn diễn đạt ấy (những thủ đoạn mà tinh thần có thể đem thay đổi đi trong khi luôn luôn tìm ra những thủ đoạn thích đáng nhất), đó là tính «tất yếu» của các quy luật tự nhiên. Tính tất yếu ấy không

thể do tính thần tùy tiện kiến lập lên được. Trái lại, tính tất yếu ấy lại không chế tính thần, định cho những thủ đoạn diễn đạt của tính thần, những giới hạn chật hẹp. Với một tính chính xác có sai số của thực nghiệm, và có những sai biệt nhỏ bao giờ cũng có giữa các hiện tượng vật lý, do cùng một quy luật chi phối, vì chúng không bao giờ đồng nhất với nhau, mà chỉ là rất giống nhau, — quy luật tự nhiên là từ bên ngoài và thông qua sự vật mà bắt buộc chúng ta phải thừa nhận: quy luật ấy phản ánh một quan hệ hiện thực giữa các sự vật.

[Tr. 139]... Đu-hen còn rất có thể nói với chúng ta rằng không nên coi thực nghiệm của nhà vật lý học là một bản in lại cái hiện thực. X Mọi thí nghiệm vật lý học đều là những sự đo lường, và những sự đo lường này phải nhờ đến vô số những ước lệ và lý luận.

[Tr. 140]... Tính chân lý đó, Đu-hen không bao giờ phủ nhận tính chân lý đó của những nguyên lý vật lý học: những nguyên lý này là sự miêu tả cái hiện thực. Hơn nữa, lý luận vật lý học không phải chỉ là một sự miêu tả chính xác về cái hiện thực; nó là một sự miêu tả rất có trật tự về cái hiện thực; vì nó không ngừng hướng về một sự phân loại tự nhiên những hiện tượng vật lý: phân loại tự nhiên, tức là sự phân loại phản ánh trật tự của giới tự nhiên. Không một người giáo điều chủ nghĩa nào, Đê-các-tơ, Niu-tơn, hoặc Hê-ghe-n lại đã đòi hỏi nhiều hơn...

Ha-ha !!

[Tr. 141]... Và lại, ngay cả khi ông này [Đu-hem] tin ở tính tất yếu của một siêu hình học bên cạnh khoa học thì tại sao ông ta lại tán thành siêu hình học của chủ nghĩa Tô-ma-xơ? Vì ông ta thấy hình như siêu hình học phù hợp với những kết quả của khoa học vật lý học hơn...

× [Tr. 142-143]... « Chủ nghĩa khoa học » của Ô-stơ-van là rất giống với quan điểm của Ma-khơ, nhà cơ học lớn của thành Viên, và chính vì vậy mà Ma-khơ thậm chí không muốn người ta coi mình là nhà triết học.

C.Y.

Cảm giác là cái tuyệt đối. Thông qua cảm giác của chúng ta, chúng ta nhận thức được hiện thực. Thế nhưng khoa học lại là sự phân tích những cảm giác của chúng ta. Phân tích những cảm giác, tức là tìm ra những quan hệ chính xác giữa những cảm giác với nhau, nói cho cùng là tìm ra trật tự của giới tự nhiên, nếu hiểu danh từ này theo ý nghĩa khách quan nhất của nó, vì giới tự nhiên chẳng qua cũng chỉ là trật tự của những cảm giác của chúng ta thôi.

C.Y.

C.Y.

[Tr. 144]... Trong những lời của những người duy lý chủ nghĩa phê phán Ma-khơ, đôi khi người ta trách Ma-khơ có khuynh hướng theo chủ nghĩa thực dụng. Người ta buộc tội ông ta là có một chủ nghĩa tương đối hoài nghi chủ nghĩa. Phải chăng vì, là một sử gia ưu việt của khoa học, mà ông ta thường vạch lại cho chúng ta những bước đầu tầm thường của khoa học, trong những nghệ thuật thô sơ

của tổ tiên chúng ta? Nhưng đó chỉ là bước đầu của một sự cố gắng để thích ứng. Muốn đánh giá đúng sự cố gắng ấy, phải nhìn vào kết quả, phải nhìn vào điểm đích. Phải chăng vì lý luận sinh vật học về khoa học của ông ta đã đem chân lý biến thành một chân lý của người? Nhưng chân lý của người cũng vẫn là chân lý. Và đó là chân lý duy nhất đối với con người. Dĩ nhiên, cảm giác là của người. Nhưng cảm giác còn là cái tuyệt đối, và chân lý của người là chân lý tuyệt đối, vì đối với con người, nó là toàn bộ chân lý và là chân lý duy nhất, chân lý tất yếu. Trong điều kiện con người và vũ trụ có những đặc tính như chúng ta thấy, chân lý của người là dựa vào bản tính của sự vật. Nói theo cách nói của con người, thì nó là sự nhận thức về mọi vật đang tồn tại.

[Tr. 147]... Người ta vẫn có thể giả định là có vi trùng, tuy không nhìn thấy vi trùng, trước khi chưa có một chất phản ứng để phát hiện ra vi trùng. Vậy tại sao người ta lại không có quyền giả định một kết cấu của vật chất, kết cấu mà một ngày kia thực nghiệm sẽ có thể phát hiện ra?

§ 6. VẬT CHẤT THEO QUAN ĐIỂM CỦA VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI : NHỮNG QUAN ĐIỂM CHUNG

[Tr. 148]... Chiến dịch do Bơ-ruy-nơ-chi-e mở đầu, và được tiếp tục bởi một người có tín ngưỡng tôn giáo, một người chân thành thật đấy, nhưng chân thành đến mức muốn

gạt bỏ tất cả cái gì mà họ có thể vấp phải, một chiến dịch kết thúc nếu không ở trong chủ nghĩa thực dụng, thì ít ra cũng trong một chủ nghĩa thực dụng nào đó, một chiến dịch như vậy thì sẽ đi đến đâu?

[Tr. 149-150]... Cũng như trong toán học, chúng ta dùng những từ như thứ tự, số, không gian, để chỉ một số những nhóm quan hệ đã quyết định cảm giác của chúng ta, và toán học lấy những quan hệ ấy làm đối tượng, chúng ta cũng còn dùng danh từ rất chung là vật chất để chỉ một số lớn những quan hệ — phức tạp hơn nhiều — đã quyết định cảm giác của chúng ta. Vật lý học lấy những quan hệ ấy làm đối tượng. Chúng ta không muốn nói điều gì khác thể cả khi chúng ta nói vật lý học là khoa học về vật chất...

[Tr. 152]... Vật lý học lấy những yếu tố có khả năng bao hàm trong những quan hệ ấy làm đối tượng nghiên cứu bằng cách đem lại cho những quan hệ một nội dung chân thực, và có thể nói là bằng cách đựng đầy vào những quan hệ ấy, — điều này được nhiều người coi là tự nhiên. Spen-xơ đã nghĩ như vậy khi ông phân loại các khoa học. Tuy nhiên ý kiến này hình như không được thừa nhận là thành công. Chúng ta thấy được những yếu tố của hiện thực một cách trực tiếp, đúng như chúng tồn tại, đúng như chúng không thể không tồn tại.

Không cần phải chứng minh sự tồn tại của chúng. Không cần phải tự hỏi rằng chúng có thể là cái gì khác hơn bản thân chúng không. Khẳng định như thế, tức là khôi phục lại thần tượng siêu hình cũ kỹ về vật tự nó, và trên thực chất, là sự bản suông vô vị dưới

C.Y.

hình thức này hay hình thức khác. Kinh nghiệm phải được thừa nhận. Nó là sự chứng minh đối với bản thân nó, vì, trong lĩnh vực khoa học, thì đối với một người nào có óc sáng suốt, nó là sự chứng minh của bất cứ mệnh đề nào.

C.Y.
Thực chất
của bất
khả tri
luận của
Rây.

[Tr. 154]... Phải chăng sự phê phán của bất khả tri luận đối với khoa học lại có lý một lần nữa? Và phải chăng có một vật tự nó mà khoa học không thể hiểu được? v.v., v.v.. Đó thật là siêu hình học với những trò chơi chữ không tránh khỏi của nó! Chúng ta hãy cố gắng nhìn rõ hơn vấn đề này.

C.Y.

Nếu *tương đối* có nghĩa là: có liên quan đến những mối *quan hệ*, thì vật lý học là *tương đối*. Nhưng nếu tương đối có nghĩa là không đạt tới thực chất của sự vật, thì vật lý học, như chúng ta hiểu, không còn là *tương đối*, mà là *tuyệt đối*, vì thực chất của sự vật, cái mà sự phân tích tất nhiên phải đạt tới để giải thích sự vật, đó là những mối quan hệ, hay nói cho đúng hơn là cái hệ thống những mối quan hệ chi phối cảm giác của chúng ta. Những cảm giác, cái hiện có, đều tiềm ẩn đầy tính chủ quan: là những chớp sáng vụt qua, chúng là do một hệ thống những quan hệ tạo thành, mà hệ thống này thì chắc chắn sẽ không bao giờ còn xuất hiện ra dưới một hình thái hoàn toàn đồng nhất, và hệ thống này quyết định trạng thái của tôi và trạng thái của hoàn cảnh trong lúc ấy. Nhưng nhà bác học đã xuất hiện để rút ra cái phổ biến bao hàm trong cái khoảnh khắc cá biệt này,

2

2

rút ra những quy luật mà biểu hiện phức tạp là khoảnh khắc đó, rút ra những quan hệ đã làm cho khoảnh khắc đó tồn tại đúng như là nó đang tồn tại.

Ha-ha !

Mọi quy luật khoa học nói chung đều vạch cho ta biết tại sao và như thế nào, cái hiện có lại tồn tại như nó đang tồn tại, cho ta biết cái quy định nó và tạo ra nó, vì các quy luật khoa học phân tích những quan hệ chi phối cái hiện có. Những quy luật này sẽ cho chúng ta chân lý tuyệt đối của loài người, khi sự phân tích đó được đầy đủ (nếu quả có khi sự phân tích đó được đầy đủ).

§ 7. NHỮNG TÀI LIỆU CỤ THỂ CỦA VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI

[Tr. 156-157]... Tất cả mọi quan hệ quyết định những sự chuyển hóa và sự giảm sút, sự truyền bá hay sự khuếch tán của năng lượng đều được tập hợp trong lý luận vật lý chung, gọi là duy năng luận.

C.Y.

Lý luận này không cho chúng ta biết gì về tính chất của những năng lượng ấy, và do đó, cũng không cho chúng ta biết gì về tính chất của những hiện tượng vật lý-hóa học. Nó chỉ miêu tả cho chúng ta thấy một sự biến đổi vật lý hay hóa học của một vật thể nào đó đã được thực hiện nhờ vào cái gì, như thế nào và theo hướng nào.

Các nhà vật lý duy năng luận đã quyết rằng không thể đi xa hơn nữa, rằng duy năng luận đã đem lại cho chúng ta cách giải thích hoàn hảo, cần thiết và đầy đủ về những hiện tượng vật chất rồi, nghĩa là về toàn bộ những

quan hệ quyết định những hiện tượng vật chất này. Để làm cho quan điểm của mình được khách quan hơn, một số người thậm chí đã nâng năng lượng lên thành một thứ thực thể tựa hồ thực thể này là thực thể vật chất thật sự, nguyên nhân thật sự và tích cực của mọi cảm giác của chúng ta, hình tượng theo đó chúng ta phải xây dựng biểu tượng của chúng ta về giới tự nhiên.

Ở đây năng lượng đã thay thế những hạt nhỏ của các lý luận về nguyên tử. Năng lượng cũng đóng một vai trò như hạt nhỏ, cũng có một tồn tại đồng loại như tồn tại của hạt nhỏ: năng lượng là thực chất của sự vật, là bản tính cuối cùng của sự vật, là cái tuyệt đối. Đối với Ô-stơ-van chẳng hạn, sự miêu tả những sự chuyển hóa của năng lượng đem lại cho ta nhận thức tuyệt đối về vũ trụ vật chất. «Khi anh bị đánh một gậy, thì anh cảm thấy cái gì: cái gậy hay là năng lượng của nó?» Năng lượng, đó là hiện thực của tính thực thể ẩn náu dưới tất cả các hiện tượng vật chất...

[Tr. 158],... Các nhà cơ giới luận, trái lại, khẳng định rằng có thể đi xa hơn nữa. Theo họ, duy năng luận tựa hồ như chỉ dừng lại ở bề mặt của sự vật, và những quy luật của nó còn phải được hoặc là quy thành những quy luật khác sâu sắc hơn, hoặc vô luận như thế nào phải lấy những quy luật sâu sắc hơn đó làm cơ sở và tự mình thành ra cái bổ sung cho những quy luật đó.

Tay «thực chứng chủ nghĩa» này thật là một tay khôi hài.

Các nhà cơ giới luận *versus*¹ duy năng luận C. Y. Đi xa hơn duy năng luận được giải thích theo quan điểm duy vật ! (tr. 157).

1. Chống lại. (N.D.)

Như đã nói, trường phái cơ giới luận bao gồm tuyệt đại đa số các nhà vật lý học, và nhất là đa số các nhà vật lý học thực nghiệm, tức là những người mà nhờ họ vật lý học có được những thành tựu mới nhất.

Những người tán thành phái cơ giới luận trước hết phê phán khái niệm năng lượng và vạch ra rằng, người ta không thể làm như một số người đã làm là nâng khái niệm năng lượng lên thành thực thể vật lý hay là siêu hình nào đó.

Năng lượng của một hệ thống chỉ có nghĩa là khả năng của hệ thống đó sản sinh ra công: khi năng lượng chưa sản sinh ra công một cách rõ ràng thì nó là tiềm năng, trong trường hợp ngược lại, nó là năng lượng hiện thực hoặc là động năng. Do đó, năng lượng là một khái niệm có liên hệ với khái niệm công, mà khái niệm công là một khái niệm cơ học. Như vậy, trong thực nghiệm, rõ ràng là năng lượng không thể biểu hiện ra được nếu không nhờ đến cơ học và vận động. Như vậy phải chăng duy năng luận, đã phải kết hợp với cơ học, đã phải được trình bày trong mối liên hệ kế thừa với cơ học, và do đó, đã phải nhất trí với sự nghiên cứu những biểu tượng cơ học, mới có thể đem lại một sự giải thích sáng tỏ về những hiện tượng vật lý-hóa học?...

[Tr. 159-161]... Theo quan điểm đó, cơ học, vật lý học, hóa học sẽ hợp thành một hệ thống lý luận rộng lớn, và cũng như vận động là bản chất cuối cùng của những hiện tượng vật lý-hóa học, cơ học sẽ là cơ sở căn bản của hệ thống rộng lớn đó.

Dương nhiên, những nhà cơ giới luận hiện đại cũng không còn quả quyết rằng cơ học hiện nay, cũng như những quy luật chi phối sự chuyển hóa của năng lượng, đều đã đạt tới hình thức hoàn bị nhất của chúng, khoa học đã tìm thấy những cơ sở không thể lay chuyển được của nó. Sau khi tiếp xúc với sự phê phán duy năng luận, họ đã — và vật lý học hiện đại có được những thành tựu đó, chắc chắn là nhờ sự phê phán đó — rời bỏ chủ nghĩa giáo điều có phần hẹp hòi của quan điểm cơ giới luận thời cò và quan điểm nguyên tử luận thời cò. Họ cho rằng những phát minh mới phải mở rộng chân trời khoa học và dẫn đến những thay đổi liên tục trong quan niệm về thế giới vật chất. Chẳng phải là từ năm mươi năm nay, chúng ta đang chứng kiến một cuộc cải tạo, hầu như một cuộc đảo lộn, cơ học cò điển đó sao? Trước hết là nguyên lý bảo tồn năng lượng (Hem-hôn-tơ), và nguyên lý Các-nô là những nguyên lý đã phá vỡ những khuôn khổ cũ. Do đó cho phép chúng ta nhận thức bản chất của nguyên tử một cách sâu hơn, những hiện tượng phóng xạ đã làm cho chúng ta thấy rằng có thể có một cấu tạo điện tử của vật chất, và thấy cần thiết phải đem những nguyên lý của điện-tử học bổ sung vào các nguyên lý của cơ học cò điển.

Thực ra, cơ giới luận ngày nay có khuynh hướng mạng hình thức mà người ta gọi là thuyết điện tử. Điện tử là những nhân tố cuối cùng của mọi hiện thực vật lý. Là những

C. Y.

Thuyết
điện tử =
« cơ giới
luận ».

điện tích đơn giản, hay là biến thái của ê-te, được phân bố một cách đối xứng chung quanh một điểm, điện từ—theo quy luật của điện-từ trường — hoàn toàn là quán tính, tức đặc tính cơ bản vật chất. Vậy vật chất chỉ là một hệ thống những điện từ. Tùy theo tính chất của những biến thái của ê-te (biến thái hiện nay còn chưa ai biết), mà các điện từ có tính dương hoặc tính âm; một nguyên tử vật chất là gồm có hai loại điện từ ấy với số lượng ngang nhau, hoặc là ít ra cũng có những điện tích âm và dương ngang nhau, điện tích dương hình như ở trung tâm của hệ thống. Những điện từ âm, hay là có lẽ chỉ một phần trong số những điện từ âm đó, vận hành chung quanh tất cả những điện từ còn lại, giống như các hành tinh chung quanh mặt trời. Những lực phân tử và nguyên tử sẽ chỉ là sự thể hiện của sự vận động của điện từ, giống như những hình thức khác nhau của năng lượng (ánh sáng, điện, nhiệt) vậy.

Kết luận đáng chú ý: khái niệm bảo toàn khối lượng (hay lượng của vật chất) cùng với khái niệm quán tính, vốn là cơ sở của cơ học, từ nay hình như không thể duy trì được trong cơ học điện-từ nữa: trong cơ học điện-từ khối lượng có trọng lượng chỉ có thể không thay đổi, ở những tốc độ trung bình, dưới một phần mười tốc độ ánh sáng; nhưng là hàm số của tốc độ, nó sẽ tăng lên nếu tốc độ tăng lên và càng gần đến tốc độ ánh sáng thì nó càng tăng nhanh. Vậy giả thuyết này tóm lại giả định là có hoặc cả những điện tích có tên khác nhau và cả ê-te, hoặc chỉ có ê-te thôi, vì điện từ chỉ là một biến thái của ê-te.

Cuối cùng, ngày nay những tác phẩm của bác sĩ Lơ Bông¹ và của một số nhà vật lý học người Anh hình như mang lại cho chúng ta kết luận rằng: lượng của vật chất cũng như lượng năng lượng đều không phải là bất biến. Cả hai lượng đó chỉ là những quan hệ phụ thuộc vào trạng thái của ê-te và vào vận động của ê-te².

[Tr. 163-171]... Ngày nay không thể có và cũng không nên có quan điểm này nữa. Người ta đã đạt đến quan điểm hoàn toàn đối lập rồi. Tất cả các nhà vật lý học đều sẽ sẵn sàng xét lại những nguyên lý cơ bản của khoa học của mình, hoặc hạn chế việc áp dụng những nguyên lý này, mỗi khi có những tài liệu thí nghiệm mới, khiến cho họ thấy có lý do làm như thế.

Phương pháp thực nghiệm là ở chỗ đi từ những sự kiện cá biệt đến những quy luật chung và từ những quy luật chung này đến những quy luật chung hơn, thông qua con đường đi lên mãi đó mà không ngừng đi

1. Guy-ô-ta-vơ Lơ Bông: *Sự tiến hóa của vật chất*. — *Sự tiến hóa của các lực*.

2. Có thể có sự biến đổi của vật chất thành năng lượng và của năng lượng thành vật chất. Cố nhiên phải hiểu vật chất là vật chất có trọng lượng, và năng lượng là khả năng sản ra công có thể thấy được. Nếu người ta lại hiểu vật chất là cơ sở không biết của sự vật, tức là điểm xuất phát và điểm hồi quy của tất cả, như ê-te chẳng hạn, hay một thực thể nguyên thủy nào đó, thì những kết luận của bác sĩ Lơ Bông tuyệt nhiên không chứng minh rằng những cái đó không phải là vĩnh viễn và là bất biến; những kết luận này không thiết lập một sự sáng tạo *ex nihilo*, hay một sự tiêu diệt tuyệt đối.

C.Y.

sâu vào bản chất của sự vật. Trong những lý luận hệ thống hóa của nó, phương pháp đó chỉ rút những quy luật riêng từ những quy luật chung chừng nào nó gặp những quy luật chung ấy; và nó gặp những quy luật chung này thông qua những thí nghiệm riêng biệt và những giả thuyết, mà nó đòi hỏi những thí nghiệm ấy phải chứng minh.

Nhưng, có nên, từ đó mà kết luận rằng các nhà vật lý học đã từ bỏ niềm hy vọng đạt tới những nguyên lý cơ bản và những nguyên tắc càng ngày càng sâu sắc hơn, để giải thích và hiểu được một bộ phận luôn luôn rộng hơn của sự vật không? Ngay dù có đối lập với sai lầm của những nhà cơ giới luận thời xưa, kết luận này cũng không phải là một sai lầm ít nguy hiểm hơn. Tinh thần hiện nay của khoa học vật lý-hóa học, tinh thần khoa học hiện đại không phải là lùi bước trước cái chưa biết. Nó tiến lên, luôn luôn dũng cảm hơn để chinh phục cái chưa biết, nhưng với một phương pháp ngày càng đáng tin cậy hơn. Tính ổn định của những nguyên lý vật lý học chỉ được bảo đảm sau khi nó đã hoàn thành nhiệm vụ. Vì vậy chúng ta đang chứng kiến và còn sẽ chứng kiến nhiều sự đảo lộn trong những tư tưởng cũ hay là trong những tư tưởng tương lai, gây nên bởi những phát minh bất ngờ đã hay sẽ soi sáng con đường đi. Các nhà vật lý học tiên phong như chúng ta đã thấy, đã dám hoài nghi những nguyên lý về bảo tồn khối lượng hay về vật chất có trọng lượng.

Chân lý chưa phải đã hoàn thành; nó càng ngày càng hình thành dần dần. Đó là kết luận phải luôn luôn nhắc đến. Mỗi ngày, nhờ hoạt động khoa học mà tinh thần của chúng ta có thể thích ứng hơn với đối tượng của nó và đi sâu thêm mãi vào đối tượng đó.

Những khẳng định mà chúng ta tưởng là có thể nêu lên sau khi đã nghiên cứu xong các khoa toán học, lại xuất hiện ở đây một cách hầu như là tất nhiên và ít nhất cũng là rất tự nhiên. Sự tiến bộ khoa học luôn luôn thiết lập một sự nhất trí chặt chẽ hơn và sâu hơn giữa sự vật và chúng ta. Chúng ta hiểu được sâu hơn và nhiều hơn. Và luôn luôn chúng ta thấy rằng dưới ánh sáng của nhiều kết quả mới thì một kết quả do thực nghiệm khoa học xác định, nghĩa là một kết quả có được bằng một phương pháp có hệ thống, không còn giữ nguyên tầm quan trọng của nó như cũ nữa, nhưng bản thân nó vẫn tồn tại, nguyên vẹn và không bị phai mờ, vĩnh viễn, như một chân lý, vì nó là một chân lý. Kẻ nào cho rằng sự cố gắng ấy là vô hiệu quả, hoặc bao giờ cũng chỉ là rất hạn chế, thì kẻ đó là một kẻ quá ư táo bạo và sẽ bị tất cả mọi cái mà lịch sử khoa học đã phát hiện cho chúng ta, chống lại ngay từ trước.

Về thực chất mà nói, cuộc tranh luận giữa các nhà duy năng luận và các nhà cơ giới luận thường sôi nổi, nhất là về phía các nhà duy năng luận, chỉ là một nhân tố tiến bộ của các khoa học vật lý-hóa học, và là một nhân tố tất yếu. Cuộc tranh luận này không hề phá vỡ tính thống nhất của sự phát triển mà tất cả mọi nhà sử học đã nhận thấy trong các

Bất khả tri
luận — chủ
nghĩa duy
vật xấu hổ

khoa học này, mà ngược lại, hình như nó lại có vị trí rất tự nhiên của nó ở đây, giống như những cuộc tranh luận trước kia giữa những người theo học thuyết của Đê-các-tơ với những nhà nguyên tử luận, giữa những người theo học thuyết của Đê-các-tơ với những người theo học thuyết của Niu-ơn hay học thuyết của Lép-nít-xơ, giữa những nhà động lực học và những nhà vận động học. Và cũng như những cuộc tranh luận lý luận trước kia, sự xung đột giữa hai lý thuyết lớn, hiện đại, hay nói cho đúng hơn là sự phát triển song song của những lý luận đó, đã mang lại những kết quả phong phú. Nó đã phục vụ cho sự phát triển tiến lên của khoa học.

Trước hết, duy năng luận đã đề phòng cho chúng ta một số hiện tượng lạm dụng những mô hình cơ giới, đề phòng khuynh hướng muốn coi những mô hình này là hiện thực khách quan. Sau đó, nó lại đã nghiên cứu sâu vào nhiệt động học và đã chứng minh rất rõ ràng giá trị phổ biến của những quy luật cơ bản của nhiệt động học, những quy luật này không phải chỉ hạn chế trong việc nghiên cứu nhiệt, mà đã được sự áp dụng một cách chính đáng và cần thiết vào toàn bộ phạm vi của khoa học vật lý-hóa học. Trong khi mở rộng phạm vi áp dụng của những quy luật ấy, duy năng luận đã đóng góp rất nhiều vào việc làm cho công thức của những quy luật ấy được chính xác hơn. Hơn thế nữa: tuy duy năng luận không có nhiều sự phát hiện bằng cơ giới luận, nhưng nó vẫn là một công cụ trình bày đặc sắc, gọn, đẹp và lô-gích. Cuối cùng,—và điều này ta thấy rõ nhất ở các nhà hóa học, như Van Hô-phơ, Van déc-Van,

Néc-stơ, và cũng thấy ngày càng nhiều ở các nhà vật lý học, — người ta sẵn sàng thừa nhận cả hai học thuyết và tùy theo mỗi trường hợp, mà chọn một học thuyết nào phù hợp với sự nghiên cứu của mình. Người ta dùng cả hai; người ta xuất phát từ những phương trình chung của cơ học hay từ những phương trình chung của nhiệt động học tùy theo chỗ người ta thấy tiến hành theo cách nào thì giản đơn, hoặc thích đáng hơn. Vấn đề là ở chỗ các lý luận vật lý thì chủ yếu là những giả thuyết, những công cụ để tìm tòi, trình bày hay tổ chức. Chúng là những hình thức, là những cái khung phải chứa đầy những kết quả của thí nghiệm. Và chỉ có những kết quả này mới là nội dung chân thực, nội dung thật sự của khoa học vật lý.

Chính những kết quả này là cơ sở để cho tất cả các nhà vật lý học có thể đồng ý với nhau; và số lượng không ngừng tăng thêm, ngày càng hòa hợp và nhất trí của những kết quả đó, đánh dấu bước tiến của vật lý học, tính thống nhất của nó, tính trường cửu của nó. Chúng là hòn đá thử vàng để đánh giá các lý luận, các giả thuyết đã dùng để phát hiện ra chúng, và đã cố gắng tổ chức chúng lại, đồng thời vẫn không đụng chạm đến ái lực thực sự của chúng, vẫn hết sức cố gắng thể hiện thật đúng trật tự của giới tự nhiên. Và những lý thuyết này, mặc dầu luôn luôn là giả thuyết, và do đó luôn luôn có khả năng mất đi một cái gì — và đôi khi mất đi khá nhiều — mỗi khi thí nghiệm đem lại cho ta những phát minh mới, nhưng không bao giờ chúng ta lại có thể chết hẳn được. Chúng biến

đòi và kết hợp vào những lý thuyết mới bao quát hơn và thích hợp hơn. Ví dụ lý thuyết của Đê-các-tơ và thuyết nguyên tử, và thuyết của Niu-tơn tiếp tục các lý thuyết trên đây. Duy năng luận và cơ giới luận cũ hình như cũng thế. Chẳng phải những giả thuyết động lực học hiện đại đang chuẩn bị cho sự kết hợp và sự điều hòa ấy đấy sao?

«Nhà biên niên sử học phải chú ý rằng phần lớn những kết quả hiện đại trong lĩnh vực của hóa học vật lý, đạt được đều là do đã kết hợp thành công những phương pháp nhiệt động học với những quan điểm của thuyết phân tử, cũng giống như các nhà sáng tạo ra thuyết hiện đại về nhiệt cũng đồng thời đã dành phần lớn lực lượng của họ vào việc phát triển Nguyên tử luận, và đặc biệt là vào việc phát triển thuyết vận động học.

C.Y.

«...Chúng ta phải coi sự ứng dụng Nguyên tử luận vào điện học là một thành tựu xuất sắc của thuyết vận động học... Nguyên tử luận, do đã mở rộng một cách kỳ diệu chân trời ấy, nên đã làm sáng tỏ một cách hoàn toàn mới rất nhiều quá trình lý học và hóa học...^{1.}»

§ 8. TÓM TẮT VÀ KẾT LUẬN

Cái chưa biết là bao la, nhưng nếu do đó mà ngày nay người ta gọi nó là cái không thể biết được, như người ta vẫn thường gọi mấy năm trước đây, thì thật là sai lầm.

1. W. Néc-stơ: Revue générale des sciences (Tập chí khái luận về các khoa học), 15 tháng Ba 1908. (B.T.)

Những thất bại liên tiếp và không thể cứu chữa được của các ý đồ siêu hình đã đưa vật lý học đến chỗ tự thiết lập thành khoa học, bằng cách kiên quyết loại trừ vấn đề vật chất. Nó chỉ còn tìm những quy định của ? những hiện tượng riêng biệt. Đó là một « vật lý học không có vật chất ». Nhưng những { thành tựu càng ngày càng nhiều do phương pháp mới này mang lại, hình như ngày nay đã cho phép chúng ta khẳng định trái ngược với một chủ nghĩa thực chứng quá hẹp hòi, chẳng hạn như chủ nghĩa thực chứng của Ô-guy-stơ Công-tơ, rằng vật lý học chỉ có thay đổi phương pháp chứ không thay đổi đối tượng và ý nghĩa của nó. Đáng lẽ phải nghiên cứu vấn đề vật chất về toàn diện và từ những mặt khó nhất và sâu nhất, thì ngược lại, nó đã nghiên cứu vấn đề này theo những chi tiết hời hợt nhất và từ những mặt dễ với tới nhất. Như vậy là đem lẽ phải thông thường thay cho tính kiêu ngạo liễu lĩnh. Lẽ phải thông thường đã được đến bù, vì ngày nay, sau nhiều công cuộc nghiên cứu, chúng ta đã bắt đầu hiểu được vấn đề này về toàn diện và hoàn toàn sâu.

Phù hợp với lịch sử mà trí tuệ con người không ngừng lặp đi lặp lại, từ khi trí tuệ đó cố gắng tìm hiểu các sự vật, thì khoa học vừa mới lấy được ở thế giới các ảo tưởng siêu hình, một đối tượng nghiên cứu mới. Tính chất của vật chất không còn là một vấn đề siêu hình nữa, vì vấn đề này đã trở thành một vấn đề thuộc loại thực nghiệm và thực chứng. Cổ nhiên vấn đề đó chưa được giải quyết một cách khoa học; nó còn có thể đem lại nhiều điều bất ngờ; nhưng ngày

C.Y.

nay có một điều có thể coi là đã đạt được: không phải thuyết siêu hình mà chính khoa học sẽ giải quyết vấn đề đó.

Nhưng tôi tin, và ở một chỗ khác tôi đã cố gắng chứng minh rằng những quan niệm động lực học bao giờ cũng sẽ gắn chặt với sự tiến bộ của vật lý học, vì chúng là một công cụ hết sức có ích, nếu không phải là cần thiết, đối với sự phát hiện, và chúng được thích ứng hơn với những điều kiện của sự nhận thức của chúng ta. Chính vì vậy mà tôi thấy tương lai của vật lý học phải

C.Y.

là ở chỗ kế tục phát triển các lý luận cơ học. Chính cũng lại vì thế mà tôi đã nói trên kia rằng chắc chắn là đứng về quan điểm thừa nhận giả thuyết thì duy năng luận, cũng giống như lý luận cơ học thời xưa, chắc sẽ được thu hút vào trong một vận động học mềm dẻo hơn và nghiêm khắc hơn. Nhưng những giả thuyết cơ giới luận, mặc dầu bị những trí tuệ trừu tượng quá say sưa với tính nghiêm cách toán học ruồng bỏ, nhưng chắc chắn là bao giờ chúng cũng vẫn là cần thiết cho sự tiến bộ của vật lý học, vì chúng là những giả thuyết, trong khi đó thì duy năng luận lại có mục đích rõ rệt là loại trừ giả thuyết. Hơn thế nữa, chính những giả thuyết là những cái trước hết đã xuất hiện ra là có thể trở thành đối tượng của thực nghiệm, của sự kiểm nghiệm bằng thực nghiệm, vì chúng đã được diễn đạt bằng những danh từ khách quan, bằng những danh từ của tri giác, nếu không phải là tri giác hiện thực thì cũng là những tri giác có thể có. Nhưng khoa học lại không thể không dùng đến những giả thuyết có tính chất chỉ đạo.

CHƯƠNG IV

VẤN ĐỀ SỰ SỐNG

§ 1. PHẦN MỞ ĐẦU VỀ LỊCH SỬ

[Tr. 173-174]... Với vấn đề sự sống, chúng ta đi tới những điểm phân kỳ cơ bản có thể tách rời triết học khỏi khoa học. Có thể nói, từ trước đến nay, cuộc tranh luận chủ yếu là trên mặt lý luận. Số đông các nhà triết học xưng danh là nhà triết học đều thừa nhận rằng trên thực tiễn những thành quả khoa học đều có hiệu lực đối với vật chất. Nếu đứng trên quan điểm tư biện, họ đã có thể nêu lên một số ý kiến phản đối hiệu lực đó thì họ lại vẫn thừa nhận rằng tất cả đều xảy ra như thể là những kết luận của khoa học, nếu không được chứng minh một cách chính thức thì ít ra, trên thực tế cũng có thể áp dụng được cho thực tại vật chất.

||| C.Y.

Thực tại vật chất này, trên một mức độ nào đó, có thể diễn đạt bằng những quan hệ toán học, cơ học, và vật lý-hóa học. Do đó, đối với vật chất hình học và cơ học vẫn là một công thức nghiên cứu tốt...

[Tr. 177] *Thuyết vạn vật đều có linh hồn*, một thuyết xưa kia được Pơ-la-tông và A-ri-stốt bênh vực một phần, cho rằng mọi hiện tượng của sự sống đều là do một lực lượng lý tính, tức là linh hồn mà có. Mặc dầu các thầy thuốc Hy-lạp đã tìm trong các tài liệu do quan sát mà có, nguyên nhân của sức khỏe hay của bệnh tật (lý luận về các thể dịch¹), mặc dầu, Đê-các-tơ đã phân biệt

1. Các chất nước trong thân thể. (N.D.)

hoàn toàn linh hồn biết suy nghĩ với những sự kiện hữu cơ và vật chất, nhưng Lép-nít-xơ và nhất là Stan vẫn cho rằng các quá trình của sự sống bên trong, tuy không có gì giống với những quá trình của ý thức và lý tính, song không phải vì thế mà không là những biểu hiện của linh hồn.

Bác-tê và học phái Mông-pe-li-ê, tuy cứ tiếp tục tin rằng những hiện tượng của sự sống chỉ có thể là do một nguyên nhân đặc biệt mà có, nhưng họ lại cho là do một loại hoạt lực, vừa khác những lực lượng vật chất, và khác cả linh hồn: do đó, lý luận ấy được gọi là hoạt lực luận.

§ 3. RANH GIỚI GIỮA CƠ GIỚI LUẬN VÀ HOẠT LỰC LUẬN MỚI

[Tr. 189-190] Nếu chúng ta căn cứ vào những đại biểu chính của hoạt lực luận mới, tức là những nhà bác học hay những nhà triết học của nó, để tổng hợp nó lại theo một phương thức nào đó, thì đại khái chúng ta sẽ đạt đến kết luận như sau: Sự phê phán của các nhà hoạt lực luận đối với cơ giới luận sinh vật học là gắn liền mật thiết với sự phê phán của các nhà triết học thực dụng chủ nghĩa, phản lý trí chủ nghĩa, hay bất khả tri luận đối với các khoa học toán học và khoa học vật lý-hóa học. Chúng ta tưởng là đã thay đổi vấn đề khi chúng ta bước từ vật chất sang sự sống. Về thực chất, thì như chúng ta đã cảm thấy ngay từ đầu, chúng ta vẫn đứng trước cùng một vấn đề cơ bản và vấn đề này luôn luôn vẫn là

C.Y.

vấn đề giá trị của khoa học, với tư cách là
tri thức. Chỉ có những danh từ cá biệt dùng
để nêu lại vấn đề là thay đổi mà thôi.

Vậy thì, trong triết học mới này, người ta chê trách các khoa học toán học và vật lý-hóa học về cái gì? Chê trách rằng các khoa học toán học và vật lý-hóa học là một chủ nghĩa tượng trưng, tùy tiện và công lợi, được tạo ra để thỏa mãn những nhu cầu thực tiễn của trí tuệ, của lý tính của chúng ta, tức là những năng lực hành động, chứ không phải là những năng lực nhận thức. Nhưng khi chúng ta đưa phương pháp vật lý-hóa học vào việc nghiên cứu các sự kiện sinh vật học, thì dĩ nhiên là chúng ta cũng đưa những hậu quả — về giá trị của những kết quả đó — mà phương pháp này bao hàm, vào trong những kết quả do phương pháp này đem lại cho chúng ta. Vậy, cơ giới luận vật lý-hóa học sẽ là một công thức rất tốt giúp ta có khả năng thực tế để nắm vững các sự vật của sự sống; nhưng nó hoàn toàn không có khả năng giúp ta hiểu được bản thân sự sống là gì. Cũng giống như những khoa học vật lý-hóa học trong lĩnh vực vật chất, cơ giới luận vật lý-hóa học, trong lĩnh vực sự sống, cho phép chúng ta hành động, mà không bao giờ cho phép chúng ta hiểu biết..

[Tr. 192-194]... Những người theo chủ
nghĩa Tô-ma-xơ mới lại đưa lực, khuynh
hướng, nguyện vọng trở lại vào trong vật
chất, làm cho nó sống lại bằng hơi thở—tuy nhiên tính chất ngoại tạo — của vật hoạt luận, một học thuyết mà những người Hy-lạp, và A-ri-stốt nói riêng, hình như không bao giờ có thể hoàn toàn thoát khỏi

C.Y.

được. Nhưng họ đã xuyên tạc học thuyết của những người Hy-lạp. Đối với họ, vật chất không có hoạt động nào khác ngoài lực mà Đấng sáng tạo đã đặt vào trong nó: lực lượng này, có thể nói là vật kỷ niệm về sự sáng tạo ra nó, và là dấu hiệu không thể phai mờ mà vật chất mang theo. Như vậy hoạt động của vật chất không phải là thuộc bản chất của vật chất, mà là của di mơn mà có, và vật chất chỉ có tính sáng tạo thông qua sự ủy quyền. Nhưng cũng chính do đó, nó vẫn không thoát khỏi sự chi phối hoàn toàn của cơ giới luận.

Vì vậy, những người duy danh luận tức là những người có quan hệ mật thiết với phong trào kinh viện chủ nghĩa mới¹, và những người thực dụng chủ nghĩa tức là những người có thái độ ve vãn các triết học của tín ngưỡng (mà người ta có thể rất thường định nghĩa là triết học của những người tín ngưỡng) đều tưởng là họ có đầy đủ căn cứ để nói rằng các khoa học về vật chất đã không nắm được hết nội dung của đối tượng của chúng. Để biết thật sự, phải «đi sâu hơn

1. Những người theo chủ nghĩa kinh viện mới, hay theo chủ nghĩa Tô-ma-xơ mới, đều tìm cách phục hồi lại những sự giải thích kinh viện chủ nghĩa của chủ nghĩa A-ri-ốt, vậy là khôi phục lại những học thuyết triết học của thánh Tô-ma-xơ. — Những người duy danh luận nhấn mạnh vào tính chất tượng trưng, nhân tạo và trừu tượng của khoa học, đến sự cách biệt không lối giữa thực tại và các công thức khoa học. — Những người thực dụng chủ nghĩa cũng có học thuyết tương tự, nhưng dựa vào học thuyết siêu hình chung hơn. Toàn bộ nhận thức đều hướng về hoạt động; do đó chúng ta chỉ biết được có cái quan hệ đến phương pháp hoạt động của chúng ta. Tất cả các triết học ấy đều có tính chất bất khả tri luận, hiểu theo nghĩa là chúng

nữa». Hơn nữa họ có khẳng định rằng khi chúng ta nghiên cứu sự sống, thì giới hạn của khoa học còn bị thu hẹp rất nhiều hơn nữa không? Cơ giới luận vật lý-hóa học chỉ có thể dùng để nghiên cứu những điều kiện vật chất của sự sống, mà không thể dùng để nghiên cứu bản thân sự sống được.

Tóm lại, đối với những tín đồ chân chính của Béc-xông, điều mà cơ giới luận có thể nghiên cứu được thì chỉ là toàn bộ những điều kiện vật chất của sự sống, chỉ có những điều kiện đó thôi, nhưng phải là tất cả những điều kiện đó. Đối với những người khác, đó không phải là tất cả những điều kiện vật chất của sự sống, mà chỉ là cái gì là cơ học và là năm ý mà chúng ta có thể trừu tượng hóa từ vật chất, cái mà chúng ta có thể làm cho thích nghi với những yêu cầu thực tiễn của chúng ta, vì vật chất đã sống và đã mang tính mục đích trong một chừng mực nào đó. Và những công thức này đã có thể dùng để trả lời vấn đề đã được đặt ra và để định rõ phần của hoạt lực luận trong cơ giới luận.

không công nhận rằng chúng ta có thể nhờ những trí lực của chúng ta mà nhận thức giới hiện thực một cách đúng đắn và chính xác. — Béc-xông, mặc dầu đã nêu ra một thuyết siêu hình gần với chủ nghĩa thực dụng. — và trước chủ nghĩa thực dụng. — nhưng có những kết luận ít có tính chất bất khả tri luận hơn. Khoa học, trí tuệ nhận thức được một phần hiện thực, cái phần hiện thực tự để cho quy thành một quyết định luận trọn vẹn, và tự để cho biểu hiện hoàn toàn dưới hình thức một tính đa dạng không gian, tóm lại là cái phần hiện thực làm đối tượng của khoa học toán học và vật lý-hóa học. Chỉ có đối với phần còn lại thì trí tuệ và khoa học mới là không đủ nữa và cần phải được bổ sung bằng trực giác và triết học. — Tất cả những học thuyết này đều rất mơ hồ không rõ nên rất khó định nghĩa rõ được.

C.Y.

C.Y.

Ông ta tự
phản lại
ông ta !

Liệu có thể đạt được một công thức có sức mạnh hơn đề vạch rõ ranh giới không? Đối với một nhà hoạt lực luận, sự sống đóng vai trò của lực sáng tạo; nhưng, chính vì ngoài ra sự sống còn phụ thuộc vào những điều kiện vật chất, nên nó tuyệt đối không phải là được sáng tạo ra từ *cái không*. Trong kết quả của tác dụng của nó sự sống sẽ đem lại một cái gì mới và không thể dự kiến trước được, nhưng để làm được điều đó, nó sẽ tác động lên những nhân tố có từ trước mà nó đem kết hợp lại với nhau, và nhất là bắt đầu từ những nhân tố có từ trước mà nó thêm vào. Ở đây những đột biến do nhà thực vật học Đơ Vơ-ri quan sát thấy (là một nhà cơ giới luận, ông ta đã giải thích khác đi) sẽ chính là biểu hiện và là chứng cứ của những vật gia thêm có tính chất sáng tạo ấy.

[Tr. 204].... Nhưng trong phương pháp hoạt lực luận, những ăng-tê-lê-si và những cái thống trị đều không có gì là giống với những nhân tố do nhà hoạt lực luận đã hình dung trên đây: những mục đích không thể hình dung được, vì chúng không có sự tồn tại vật chất, — ít ra, chúng cũng chưa tồn tại, vì chúng còn ở trong cái sinh thành của một quá trình thực hiện dần dần.

Ảnh hưởng của những mục đích không thể tri giác được bằng giác quan. Cho nên, trong khoa học mà cầu viện đến những mục đích đó là nguy hiểm hơn là cầu viện đến những mô hình cơ học, — và lịch sử của tất cả mọi khoa học đều có thể chứng minh điều đó. Các giả thuyết của mục đích luận, về bản chất, đều nằm ngoài sự kiểm soát

của thực nghiệm và chúng chỉ có thể làm hại nếu chúng có tính chất ảo tưởng.

[Tr. 216-218]... Nhưng sẽ là trái ngược với tất cả mọi bài học của kinh nghiệm, nếu quyết đoán rằng trong các hiện tượng của sự sống, mọi cái đều có thể quy thành quy luật vật lý-hóa học, và mọi mặt của cơ giới luận đều đã được kiểm nghiệm bằng thực nghiệm. Ngược lại, chúng ta còn biết rất ít về vấn đề sự sống. Khoa sinh vật học thực nghiệm đã thu được một số thành tựu, những thành tựu này là to lớn nếu chỉ xét bản thân chúng, nhưng quả là rất nhỏ bé nếu đem chúng so sánh với toàn bộ những thành tựu còn phải giành được.

Cho nên có người đã đi đến chỗ nghĩ rằng: vậy tại sao lại cứ phải nghiên cứu những lý luận cơ giới luận? Có nên loại trừ ra khỏi khoa học tất cả những giả thuyết rất chung đó, những giả thuyết mà chỉ có thành tựu cuối cùng của khoa học mới có thể kiểm nghiệm được không? Ở đây, chúng ta lại thấy trở lại một ý kiến của một số nhà vật lý học về vật lý học và đúng hơn là về những lý luận cơ giới luận trong vật lý học. Chúng ta cần nhớ rằng một số nhà duy năng luận đã muốn trục xuất ra khỏi vật lý học những giả thuyết cơ giới luận, coi đó là những sự khái quát không thể kiểm nghiệm được, vô dụng và thậm chí nguy hiểm nữa. Cho nên trong số các nhà sinh vật học, chúng ta có thể thấy một số nhà bác học cũng có thái độ như vậy và phụ họa trực tiếp với các nhà vật lý học duy năng luận. Đối với họ, sinh vật học chỉ nên miêu tả những hiện

C.Y.

Mặt rụt rè
của cơ giới
luận.

tượng của sự sống, mà không được vượt qua cái mà thực nghiệm cho phép chúng ta khẳng định. Do sử dụng sơ đồ duy năng luận, nên khi nó đi tìm những công thức chung để hệ thống hóa những quy luật của nó, sinh vật học sẽ tự hạn chế trong việc đo lường những sự trao đổi năng lượng giữa cơ thể và hoàn cảnh xung quanh, trong việc thực hiện những chức năng hữu cơ khác nhau và trong việc nêu ra những quy luật của những sự trao đổi ấy.

Nhưng phải chăng như vậy là đã thừa nhận có một sự giống nhau căn bản, ít nhất là trên quan điểm mô tả những sự kiện và nhận xét bằng thực nghiệm, giữa các khoa học vật lý-hóa học và sinh vật học? Trong sinh vật học, sự khác nhau giữa học phái duy năng luận với học phái cơ giới luận ít rõ ràng hơn trong vật lý học. Đúng ra duy năng luận chỉ là một mặt rụt rè của cơ giới luận, vì nó đối lập với mục đích luận và giả định một sự nhất trí giữa những hiện tượng của sự sống và những hiện tượng vô cơ.

Và do đó thế là chúng ta lại quay trở về những kết luận trước kia của chúng ta: mỗi khi người ta có khả năng phân tích một cách khoa học một hiện tượng sinh vật học, thì chúng ta lại rơi vào những quan hệ giữa hoạt động sinh vật học và hoạt động vật lý-hóa học. Như vậy là tất cả đã xảy ra như thế là về các sự kiện đó, giả thuyết cơ giới luận hay ít nhất là lý luận vật lý-hóa học về sự sống đã được kiểm nghiệm một phần.

[Tr. 223-224]... Vật chất sống được chế ước một cách rõ ràng bởi tập quán và tính

di truyền: tất cả đều xảy ra như thể là vật chất nhớ lại tất cả các trạng thái trước kia của nó. Nhưng người ta nói rằng vật chất vô cơ không bao giờ biểu hiện đặc tính đó cả. Tưởng tượng là có một cái như vậy, thì thật là mâu thuẫn. Tất cả các hiện tượng vật chất đều có thể đảo ngược lại được. Tất cả những hiện tượng sinh vật học đều không thể đảo ngược lại được.

Trong những kết luận đó, người ta quên rằng nguyên lý thứ hai của nhiệt động học cũng có thể gọi là nguyên lý tiến hóa hay nguyên lý di truyền. Người ta quên tất cả những hiện tượng thừa dư diện và hiện tượng trì trệ. Người ta quên rằng vật lý học cũng không còn lùi bước nữa trước kết luận sau đây: không một hiện tượng có thực nào là tuyệt đối có thể đảo ngược lại, nhưng điều đó không ngăn cản tính không thể đảo ngược lại ấy của các hệ thống bộ phận, có thể chui vào cái vô hạn của thời gian và không gian, tức là vào toàn thể vũ trụ, lại không thể bị chế ước bởi những hiện tượng có thể đảo ngược lại, — cũng như ngẫu nhiên và tất nhiên rõ ràng chỉ là sự không hiểu biết những quy luật tất nhiên rất phức tạp. Vô luận như thế nào, và vô luận người ta dùng cách nào để nghiên cứu tính không thể đảo ngược lại, thì tính di truyền cũng không thể là một trở ngại không thể vượt qua được đối với các khoa sinh vật học cơ giới luận...

[Tr. 227]... Mỗi một môn khoa học trước hết đều cố gắng tìm hiểu, dưới những mặt bên ngoài của các sự vật và sinh vật mà cảm giác trực tiếp của chúng ta đem lại cho chúng ta, những mối quan hệ gắn liền chúng lại với nhau, những mối liên hệ phụ thuộc

Trên đường
đi đến chủ
nghĩa
duy vật
biện chứng.

C.Y.

nó giải thích những sự xuất hiện, những sự biến đi hay những sự biến đổi của chúng. Lý luận cơ giới luận về tiến hóa không phải là cái gì khác mà chỉ là sự cố gắng để xác định những quan hệ phụ thuộc ấy của các mặt, các hình thức, các đặc trưng, dưới đó sự sống và sinh vật xuất hiện trước chúng ta.

Mỗi một môn khoa học, sau đó, lại cố gắng liên kết mọi lĩnh vực chuyên môn mà nó nghiên cứu, với những lĩnh vực khác trong đó nó được áp dụng. Khoa học không thể coi những loại sự kiện khác nhau, đã khiến cho nó phân chia thành những khoa học chuyên môn, là những loại sự kiện cô lập vĩnh viễn được. Sự phân chia này có những nguyên nhân hoàn toàn chủ quan và dựa trên quan điểm của con người. Sự phân chia đó chỉ phát sinh từ những nhu cầu của việc nghiên cứu là những nhu cầu bắt buộc phải phân loại những vấn đề, phải chú ý riêng biệt đến mỗi vấn đề, phải đi từ cái riêng để đạt tới cái chung.

|| Giới tự nhiên, tự bản thân nó, là một chỉnh thể.

CHƯƠNG V

VẤN ĐỀ TINH THẦN

§ 2. CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM THỜI CỖ VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM PHẢN

SIÊU HÌNH THỜI CỖ:

CHỦ NGHĨA BÌNH HÀNH TÂM LÝ-SINH LÝ

[Tr. 242-243]... Mặc dầu chủ nghĩa duy lý siêu hình là truyền thống triết học lớn, nhưng những khẳng định cũ *tiên nghiệm*

của nó không thể không làm nảy sinh ra những lời phản đối của những người có óc phê phán. Vì vậy, trong bất cứ thời đại nào, chúng ta cũng đều thấy có những nhà triết học cố gắng tìm cách chống lại những trào lưu duy lý và siêu hình. Trước hết đó là những nhà cảm giác luận và những nhà duy vật chủ nghĩa, rồi đến những nhà liên tưởng chủ nghĩa và những nhà hiện tượng luận. Nói chung, người ta có thể gọi là những nhà kinh nghiệm luận.

Đáng lẽ đem tinh thần đối lập với giới tự nhiên, họ lại cố gắng đem tinh thần đặt lại vào trong giới tự nhiên. Nhưng họ vẫn tiếp tục coi tinh thần theo kiểu đơn giản hóa và lý trí chủ nghĩa như những người mà họ phản đối...

[Tr. 244]... Kinh nghiệm luận hình dung tinh thần cũng gần giống như nguyên tử luận hình dung vật chất. Đó là một nguyên tử luận tâm lý trong đó những nguyên tử được thay thế bằng những trạng thái của ý thức: cảm giác, tư tưởng, cảm tính, cảm xúc, cảm giác thích thú hay là đau đớn, vận động, ý chí, v.v.

[Tr. 245-246]... Như vậy là những trạng thái tâm lý của chúng ta chỉ là toàn bộ những ý thức cơ bản thích ứng với những nguyên tử cấu thành các trung khu thần kinh của chúng ta. Tinh thần là song song với vật chất. Nó biểu hiện, dưới hình thức riêng của nó, bằng ngữ ngôn của nó, cái mà vật chất biểu hiện dưới một hình thức riêng của vật chất và

bằng một ngữ ngôn khác. Tinh thần một bên, vật chất một bên, hai bản dịch ngược lẫn nhau của cùng một văn bản.

Đối với những nhà duy tâm, văn bản đầu tiên là tinh thần; đối với những nhà duy vật, đó là vật chất; đối với những nhà duy linh nhị nguyên luận, cả hai văn bản đều là đầu tiên như nhau, vì giới tự nhiên được viết cùng một lúc bằng hai thứ ngữ ngôn; đối với những nhà nhất nguyên luận thuần túy, thì đó là hai bản dịch của một văn bản đầu tiên mà chúng ta không nắm được...

§ 3. SỰ PHÊ PHÁN HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA BÌNH HÀNH

[Tr. 248-249]... Khi người ta nói ý thức là duy nhất và liên tục, thì phải đề phòng đừng tin là người ta khôi phục lại lý luận về sự thống nhất và về sự đồng nhất của cái tôi, lý luận này trước đây là một trong những nền tảng của chủ nghĩa duy lý cũ. Ý thức là *duy nhất*, nhưng nó không bao giờ đồng nhất với nó, cũng giống như bất cứ sinh vật nào. Nó luôn luôn thay đổi, không giống như một vật đã được tạo ra một lần là xong và giữ nguyên mãi trạng thái mà nó đang tồn tại, mà giống như một sinh vật luôn luôn tự tạo ra mình: tiến hóa là có tính chất sáng tạo. Người ta chỉ cần đến khái niệm tính đồng nhất và tính vĩnh cửu khi nào, để tìm lại được những bề ngoài hiện thực, người ta phải đem một mối liên hệ tổng hợp và thống nhất chồng lên những trạng thái nhiều vẻ mà người ta tưởng đã tìm thấy dưới những bề ngoài ấy. Nhưng

nếu người ta giả thiết rằng hiện thực, về bản chất, là liên tục, và những gián đoạn trong hiện thực chỉ là nhân tạo, thì không cần đến một nguyên tắc về tính thống nhất và tính vĩnh cửu nữa.

Những lý luận của chủ nghĩa thực dụng Anh - Mỹ là hết sức gần với những luận điểm này. Các lý luận này có rất nhiều vẻ, nhất là trong những ứng dụng đạo đức và lô-gích mà người ta đã tìm cách rút ra từ những lý luận đó. Nhưng cái tạo ra tính thống nhất của chúng và cái cho phép tập hợp chúng lại với nhau, thì chính là những nét chung của cách chúng giải quyết vấn đề ý thức. W. Giê-mơ, nhà tâm lý học lớn của chủ nghĩa thực dụng, đã đem lại cho cách giải quyết ấy cái hình thức rõ rệt nhất và đầy đủ nhất của nó. Quan điểm của ông ta đối lập, đồng thời, và gần như do cùng những lý do như nhau, với quan điểm của chủ nghĩa duy lý siêu hình lẫn quan điểm của chủ nghĩa kinh nghiệm.

[Tr. 251-252]... W. Giê-mơ cho rằng sở dĩ ông ta đi đến lý luận đó là vì ông ta đã tuân theo một cách cực kỳ nghiêm cách những bài học của kinh nghiệm: vì vậy ông ta đã gọi đó là «lý luận của chủ nghĩa kinh nghiệm cấp tiến» hay là của «kinh nghiệm thuần túy». Đối với ông, chủ nghĩa kinh nghiệm thời cổ còn nhiễm đầy những ảo tưởng siêu hình và duy lý. Ông ta đã cố gắng để hoàn toàn giải phóng chủ nghĩa kinh nghiệm khỏi những ảo tưởng ấy.

Không còn nghi ngờ gì nữa, trong một thời gian ngắn những lý luận mới này về

« Kinh nghiệm luận » của Giê-mơ.

C.Y.

Giê-mơ, Ma-
khơ và bọn
thầy tu.

vấn đề ý thức, đã được nhiều người đồng
tình; những người Anh như Sin-le, Piéc-xơ,
những người Mỹ như Đì-uây và Roi-xơ,
ở Pháp và ở Đức là những nhà bác học
Poăng-ca-rê, Héc-xơ, Ma-khơ, Ô-sơ-van, và
mặt khác hầu hết những ai muốn đòi mới
đạo Thiên chúa mà vẫn trung thành với
nó, đều có thể tham gia vào trào lưu tư
tưởng mà Béc-xông và Giê-mơ đã nêu lên
những quan điểm có hệ thống nhất. Cũng
không còn phải nghi ngờ gì nữa, sự đồng tình
này hình như là chính đáng trên một mức
độ lớn...

[Tr. 254-255]... Đúng là chủ nghĩa duy
lý đã quả quyết rằng chủ nghĩa kinh nghiệm,
tức là việc chỉ dùng kinh nghiệm để giải
thích những tiến bộ của tinh thần, đã phá
hoại mọi khoa học, hay là nếu người ta
muốn, phá hoại mọi chân lý. Lý luận về lý
tính bẩm sinh hoặc lý tính *tiền nghiệm*
thì chủ yếu là một sự hợp pháp hóa những
quyền lợi của khoa học. Về vấn đề nhận
thức và chân lý, chúng ta sẽ thấy rằng thật
ra chủ nghĩa thực dụng nhiều khi đã dẫn
đến những kết luận hoài nghi chủ nghĩa,
mà những kết luận này thì còn xa mới có
thể gọi là những kết luận cần thiết được.
Bản thân Giê-mơ, mặc dù đôi khi, tựa hồ
như là rất gần một chủ nghĩa hoài nghi phi
lý tính, cũng đã có nêu lên nhận xét rằng,
muốn giải thích chặt chẽ kinh nghiệm, thì
không nên chỉ cho rằng kinh nghiệm đem lại
cho chúng ta khái niệm về những sự kiện
cô lập, mà còn và nhất là phải cho rằng kinh

nghiệm đem lại cho chúng ta khái niệm về những mối quan hệ tồn tại giữa các sự kiện.

Nhưng như vậy, phải chăng chúng ta không thể cùng với các nhà duy lý chủ nghĩa mà nói rằng không có cái gì có thể đảm bảo cho các nhà kinh nghiệm chủ nghĩa có thể nói rằng kinh nghiệm ngày mai sẽ giống với kinh nghiệm ngày hôm qua, nói một cách khác là những hiện tượng luôn luôn tuân theo cùng một trật tự, vì chính trật tự của các hiện tượng là đối tượng của kinh nghiệm? Khi chúng ta tiếp xúc với giới tự nhiên, thì trên thực tế, không phải trí tuệ tri giác những hiện tượng cô lập, những bộ phận mà những mối quan hệ này hay là quan hệ khác giữa chúng ta do trí tuệ sau này sẽ xác lập lên, mà trí tuệ tri giác ngay bản thân những mối quan hệ ấy, đó là một tính liên tục nào đó, một sự bao hàm nào đó, mà về sau chúng ta tùy tiện cắt thành bản thân những bộ phận, gần giống như chúng ta đánh dấu những điểm trên một đường thẳng.

Như vậy, có thể thấy rằng phương hướng mới, phương hướng xuất hiện trong triết học và được gọi là chủ nghĩa thực dụng, đã đánh dấu một sự tiến bộ không còn nghi ngờ gì nữa trong những quan điểm khoa học và triết học về tinh thần.

§ 4. QUAN NIỆM CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TÂM LÝ

[Tr. 256-258]... Bây giờ cần xác định những quan hệ tạo thành thế giới tâm lý là những gì, và chúng khác với những quan

hệ tạo thành phần còn lại của giới tự nhiên và của kinh nghiệm như thế nào. Nhà vật lý học thành Viên, Ma-khơ, có lẽ đã đưa ra những lời chỉ dẫn rõ ràng nhất về vấn đề này. Trong bất cứ kinh nghiệm nào, cái hiện có cũng đều phụ thuộc vào vô số quan hệ, những quan hệ này trước hết chia thành hai nhóm: những quan hệ được tất cả những cơ thể bề ngoài tương tự như cơ thể của chúng ta, tức là tất cả những người quan sát kiểm nghiệm một cách nhất luật như nhau, rồi đến những quan hệ khác nhau tùy theo từng người quan sát. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học là tất cả những quan hệ thuộc nhóm thứ hai này và toàn bộ những quan hệ ấy tạo thành cái mà chúng ta gọi là hoạt động tâm lý. Nói một cách chính xác hơn, những quan hệ nhóm thứ nhất thì độc lập đối với cơ thể chúng ta và với hoạt động sinh vật, còn những quan hệ nhóm thứ hai lại phụ thuộc vào đó một cách chặt chẽ và tất yếu.

Ví dụ một miếng lưu huỳnh, những thuộc tính hình học, cơ học, lý học, hóa học của nó là những quan hệ độc lập đối với cơ thể chúng ta. Tâm lý học không dính dáng gì đến những thuộc tính đó. Nhưng nếu là một sinh vật, thì ngoài những quan hệ trên đây, lại còn có những quan hệ mới: những thuộc tính sinh vật học, tức là những thuộc tính cũng độc lập đối với cơ thể chúng ta. Và nếu là bản thân cơ thể chúng ta: nó cũng có những thuộc tính độc lập đến một mức độ nào đó đối với những điều kiện, trong đó chúng ta biết được cơ thể của chúng ta bằng kinh nghiệm; những thuộc

tính này đều là những thuộc tính vật lý-hóa học và sinh vật học. Toán học, cơ học, lý học, hóa học, sinh vật học, đó là những khoa học mà mỗi môn cắt lấy một nhóm những quan hệ trong toàn bộ những quan hệ bao hàm cái hiện có, tồn tại độc lập và phải được xem xét một cách độc lập đối với cơ thể chúng ta. Đó là những quan hệ khách quan, đối tượng của những khoa học tự nhiên, là những khoa học mà lý tưởng là loại trừ ra khỏi cái hiện có, tất cả mọi quan hệ đã làm cho cái hiện có phải phụ thuộc vào cơ thể chúng ta...

[Tr. 259-261]... Kinh nghiệm vạch cho chúng ta thấy một ảnh hưởng qua lại giữa cái sinh vật và cái tâm lý, thấy một hệ thống quan hệ giữa chúng. Tại sao không xem mỗi loại trong hai loại sự kiện này là hai loại sự kiện tự nhiên tác động lẫn nhau giống như tất cả các loại sự kiện tự nhiên khác: những hiện tượng nhiệt, điện, quang, hóa, v.v. Giữa tất cả các loại hiện tượng này, không có một sự khác nhau nào hơn — hay kém — so với sự khác nhau giữa loại hiện tượng sinh vật và loại hiện tượng tâm lý. Các hiện tượng đều phải được xem xét trên cùng một cách nhìn và phải được coi là có thể chế ước lẫn nhau.

Chắc chắn là người ta sẽ phản đối quan điểm này rằng nó không giải thích tại sao lại có kinh nghiệm, và sự nhận thức của một cơ thể đối với kinh nghiệm ấy. Nhưng chẳng phải là hình như người ta có thể và phải trả lời rằng vấn đề đó, cũng giống như tất cả các vấn đề siêu hình, là một vấn đề đặt sai,

«Kinh nghiệm
là một sự
thật».

không tồn tại sao? Nó bắt nguồn từ một ảo
tưởng nhân hình là ảo tưởng luôn luôn đem
tinh thần đối lập với vũ trụ. Không cần nói
là tại sao có kinh nghiệm, vì kinh nghiệm
là một sự thật và với tư cách đó, nó bắt
người ta phải công nhận nó.

Đề khởi phải nói một cách trừu tượng và
chung chung, chúng ta thử phát triển, dưới
một hình thức cụ thể hơn, định nghĩa của
tâm lý học mà chúng ta vừa phác ra, — mà
định nghĩa này, chúng ta thấy có lẽ là đơn
giản nhất và khoa học nhất. — Chúng ta hãy
cố gắng hình dung quan điểm chung về hoạt
động tâm lý, quan điểm mà tâm lý học đã
dẫn chúng ta tới.

Cho đến bây giờ, đối với chúng ta, kinh
nghiệm, hay nói cho thật chính xác, cái hiện
có hình như vẫn phụ thuộc vào những quan
hệ toán học, cơ học, lý học, v.v. Khi chúng ta
tiếp tục phân tích các điều kiện của kinh
nghiệm thì ngoài ra chúng ta cảm thấy kinh
nghiệm còn phụ thuộc vào một số quan hệ
khác nữa, những quan hệ mà trên đại thể có
thể nói là chúng bóp méo kinh nghiệm, tùy
theo trạng thái của cá nhân người quan sát
kinh nghiệm đó: những sự bóp méo đó cấu
thành cái chủ quan, cái tâm lý. Liệu chúng ta
có thể xác định được, — cố nhiên là xác định
một cách rất thô sơ và một cách không hoàn
thiện, — ý nghĩa chung của những quan hệ
mới ấy, của những sự bóp méo ấy, tức là xác
định phương hướng theo đó sự phân tích
khoa học trong khi tiến triển dần dần trong
hàng bao thế kỷ, có thể phát hiện ra những

quan hệ chung nhất (những nguyên lý) mà những quan hệ này bao hàm, liệu chúng ta có thể xác định được như thế không?

Hay nói một cách khác, tại sao đối với tất cả mọi cá nhân cái hiện có lại không đồng nhất; tại sao nó không phải là một cái hiện có trực tiếp, làm thành một chỉnh thể thống nhất với nhận thức của người ta về nó, mà lại bị bóp méo một cách chủ quan đi? Mà bị bóp méo đến nỗi khiến cho nhiều nhà triết học và lẽ phải thông thường đi đến chỗ phá vỡ tính thống nhất của kinh nghiệm và nêu lên nhị nguyên luận không thể khắc phục được giữa sự vật với tinh thần, nhị nguyên luận này không phải là cái gì khác hơn là nhị nguyên luận về kinh nghiệm một bên là kinh nghiệm đúng như nó tồn tại ở tất cả mọi người và được khoa học sửa chữa thêm, và một bên là kinh nghiệm đúng như nó đã bị bóp méo trong một ý thức riêng biệt...

Kinh nghiệm của những cá nhân được tổ chức về mặt xã hội.

[Tr. 271-272]... Hình ảnh không phải, như chủ nghĩa chủ quan vẫn chủ trương, là đồng nhất với cảm giác, nếu hiểu danh từ cảm giác — do ý nghĩa quá rộng, nên danh từ này dễ gây hiểu lầm — là những kinh nghiệm trực tiếp. Sự phân tích của Béc-xông về điểm này không phải là không có kết quả. Hình ảnh là kết quả của một số quan hệ đã bao hàm trong kinh nghiệm trực tiếp, nghĩa là trong cảm giác. Nhưng cảm giác lại bao hàm nhiều quan hệ khác. Giả thử chỉ có những quan hệ cấu thành hệ thống «hình ảnh» (hệ thống bộ phận nếu người ta đem so nó với hệ thống toàn bộ của cảm giác và

kinh nghiệm trực tiếp), — nói cho rõ hơn, giá thử chỉ có những quan hệ nào trong số những quan hệ của hệ thống toàn bộ làm cho cái hiện có phụ thuộc vào cơ thể, thì lúc đó là chúng ta có hình ảnh, có ký ức.

C.Y.

Định nghĩa ký ức như vậy, chúng ta chẳng qua chỉ phản ánh những kết quả mới nhất của tâm lý học thực nghiệm, (tổng thời cũng phản ánh những quan niệm cổ nhất của lẽ phải thông thường: ký ức là một tập quán hữu cơ. Chỉ có những điều kiện hữu cơ là chỗ giống nhau giữa ký ức và cảm giác đầu tiên. Ký ức thiếu tất cả những quan hệ vô cơ bao hàm trong cảm giác, với cái mà chúng ta gọi là ngoại giới.

C.Y.

Tính phụ thuộc hoàn toàn ấy của hình ảnh và tính phụ thuộc cục bộ ấy của cảm giác đối với những điều kiện hữu cơ, cả hai cái đều khiến cho chúng ta hiểu được ảo tưởng, sai lầm của cảm giác, mộng mị và mê sảng; khi mà do chỗ những quan hệ với bên ngoài bị cắt đứt một cách không bình thường, nên kinh nghiệm của một cá nhân liền bị quy thành cái xảy ra bên trong cơ thể của cá nhân đó, tức là bị quy thành những quan hệ phụ thuộc vào cơ thể của cá nhân đó, tức là bị quy thành cái tâm lý thuần túy, thành cái chủ quan thuần túy...

§ 5. VẤN ĐỀ VỀ CÁI VÔ Ý THỨC

[Tr. 280]... Hoạt động hoàn toàn có ý thức của chúng ta chỉ là một bộ phận rất nhỏ của toàn bộ hoạt động tâm lý toàn vẹn của chúng ta. Nó giống một trung tâm của một

luồng ánh sáng, mà chung quanh là một vùng tranh tối tranh sáng rộng hơn rồi dần dần đến vùng hoàn toàn tối. Khuyết điểm rất lớn của tâm lý học cũ là chỉ coi hoạt động hoàn toàn có ý thức, mới là hoạt động tâm lý.

Nhưng nếu người ta đã không thể thời phỏng phạm vi mà cái vô ý thức chiếm trong cơ thể của chúng ta, thì cũng không nên, như một nhà triết học thực dụng nào đó đã rất thường làm, thời phỏng tầm quan trọng về chất của cái vô ý thức ấy.

Theo một số nhà thực dụng chủ nghĩa, ý thức rõ ràng, ý thức lý trí và lý tính, là bộ phận hời hợt nhất và không đáng kể nhất của toàn bộ hoạt động của chúng ta.

§ 6. TÂM LÝ HỌC VÀ QUAN NIỆM VỀ TÍNH MỤC ĐÍCH

[Tr. 285 - 286]... Nếu nhận xét trực tiếp và hời hợt, thì hoạt động tâm lý cao cấp tựa hồ như là hoàn toàn có tính mục đích. Nếu dùng một phương pháp quen thuộc để khái quát từ biết đến chưa biết, thì thấy rằng, từ rất lâu, người ta cũng đã dùng tính mục đích để giải thích toàn bộ hoạt động tâm lý cấp thấp. Hành vi phản xạ đơn giản nhất như nháy mắt trước ánh sáng quá gắt, những thích thú và đau đớn thông thường nhất của xác thịt, những xúc cảm đầu tiên, tất cả những cái đó há chẳng phải đều chịu sự chi phối của sự bảo tồn và sự phát triển của giống loài, hoặc của sự bảo tồn và sự phát triển của cá thể đó sao? Từ a-míp, (cái cục nguyên

sinh tối đơn giản ấy, cái cục nguyên sinh tìm kiếm một số bức xạ ánh sáng nào đó và cố gắng lẩn tránh một số bức xạ khác), há chẳng phải tất cả mọi hoạt động mà người ta tưởng có thể coi là có ý thức, đều luôn luôn thuộc phạm trù *khuyh hướng* đó sao, và há chẳng phải một *khuyh hướng* là một tính mục đích trong hành động đó sao?

C.Y.

Cho nên, không có gì phải ngạc nhiên, khi thấy W. Giê-mơ, Tác-dơ và nhiều người khác, căn cứ vào những sự kiện đó mà kết luận rằng bản tính của những quy luật tâm lý học là hoàn toàn khác với bản tính của những quy luật tự nhiên khác. Đó là những quy luật mục đích luận...

C.Y.

Quan điểm mục đích luận về quy luật tâm lý học, về thực chất, chỉ là một cái vỏ khoa học khoác ngoài những quan điểm siêu hình, tức là những quan điểm đem *khuyh hướng*, ý muốn được sống, bản năng, ý chí và hành động, làm thành cơ sở của mọi vật đang tồn tại. Vì vậy, nó đã được các nhà thực dụng chủ nghĩa, tức là những kẻ chủ trương rằng hành động là trên hết, -- hoan nghênh, làm cho sáng tỏ, và phát triển. Đối với họ, tâm lý học cơ năng và tâm lý học mục đích luận đều là những danh từ đồng nghĩa...

§ 7. VẤN ĐỀ BÁT TỬ

[Tr. 294-296]... Sự đối lập giữa một bên là hoạt động, hiện thực không thể phân tích được, và một bên là quan hệ, sẽ tiêu tan dần

dần, và vô luận đối với tinh thần hay là đối với vật chất, sự đối lập ấy cũng đều phải được vớt vào cái đồng siêu hình học cũ kỹ. Toàn bộ cái hiện có chỉ là một tổng hợp, mà khoa học tiếp tục phân tích, mà khoa học khôi phục lại trong những điều kiện của nó và sau đó, đem phân thành những quan hệ.

Nhưng như vậy thì tính bất tử của tinh thần sẽ ra sao, nhất là tính bất tử tự thân của nó, vì, đã từ hai nghìn năm nay, chúng ta đã coi vấn đề này là vấn đề trọng yếu nhất. Không tuân theo quy luật của sự vật, không tuân theo quy luật của mọi sinh vật, không mất đi, không tự tiêu diệt để biến thành cái khác! Xông vào sự may rủi tốt đẹp đó, cái sự may rủi do con người, một tay đánh bạc tồi, phát minh ra một cách quá muộn, một tay đánh bạc tồi nhưng lại hy vọng chiếm được người con gái đẹp, và đòi người ta làm giả con súc sắc để có lợi cho nó!

Chắc chắn là một hệ thống quan hệ rất khó trở thành vĩnh cửu, hay bất tử. Nhưng ở đây, không có gì là tuyệt đối không có khả năng. Không chắc chắn, thì đúng! không có khả năng, thì không đúng! Chẳng qua là trên lập trường hiện nay của chúng ta, thì kinh nghiệm phải hủy bỏ sự không chắc chắn hay ít nhất cũng phải biến nó thành sự chắc chắn.

Nó phải vạch ra cho chúng ta thấy, đằng sau cái chủ quan, những điều kiện còn tồn tại sau khi cơ thể tiêu tan đi, những quan hệ làm cho nó phụ thuộc, từng phần, vào một cái khác nào đó, chứ không phải vào cơ thể. Vấn đề này phải do kinh nghiệm quyết định. Chỉ

có kinh nghiệm là có khả năng xóa bỏ những sự nghi ngờ. Nói một cách *tiên nghiệm*, không có gì ngăn cản chúng ta phát hiện ra một số điều kiện, một số quan hệ sẽ mang lại tính không thể bị hủy diệt — ít nhất cũng từng phần — của một bộ phận của cái hiện có, chẳng hạn là của ý thức.

Nhưng có cần nói đến điều ấy không? kinh nghiệm chưa bao giờ cho chúng ta thấy một cái gì giống như vậy. Không phải là tôi không biết rằng những thầy gọi hồn khẳng định điều ngược lại. Nhưng đó chỉ là một luận đoán. Trong tình hình hiện nay, những kinh nghiệm của họ, — ít nhất cũng không phải là những kinh nghiệm bị giả mạo và dối trá (há không phải là số ít?) — nhiều lắm cũng chỉ có thể dẫn đến một tư tưởng cho rằng có một số lực lượng tự nhiên, một số vận động cơ học mà đối với những biểu hiện của chúng thì chúng ta đều hiểu sai cả và đối với những điều kiện và quy luật của chúng thì lại càng hiểu sai hơn nữa. Cũng có thể là chúng phụ thuộc vào cơ thể con người và chỉ có liên quan với cái vô ý thức về mặt tâm lý và với hoạt động sinh vật thôi.

Vì vậy, trước sự nghèo nàn của cái gọi là sự kiểm nghiệm bằng thực nghiệm sự bất tử thì thuyết linh hồn bất tử chỉ còn có thể giữ lại hình thức mà Xô-cơ-rát và Pơ-la-tông đã đem lại cho nó: đó là một sự mạo hiểm phải xông vào, — đó là một lời kêu gọi đi tìm hiểu điều không biết, nhưng là một lời kêu gọi hình như là không bao giờ được đáp lại...

Tính bất
tử và bất
khả tri
luận của
Rây

CHƯƠNG VI

VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC

§ 1. ĐẠO ĐỨC PHI LÝ TÍNH: CHỦ NGHĨA THẦN BÍ HAY CHỦ NGHĨA TRUYỀN THỐNG

[Tr. 301-302]... Vậy, những triết học mới trước hết là những học thuyết đạo đức. Và hình như người ta có thể định nghĩa các học thuyết ấy là: một chủ nghĩa thần bí của hành động. Quan điểm này không phải là mới. Đó là quan điểm của các nhà ngụ biện cho rằng không có chân lý, cũng không có sai lầm, mà, chỉ có thành công thôi. Đó cũng là quan điểm của những nhà hoặc nhiên luận và của những nhà hoài nghi luận sau A-ri-stốt, cũng là quan điểm của một số nhà duy danh luận, thời triết học kinh viện, cũng là quan điểm của các nhà chủ quan luận thế kỷ XVIII, nhất là của Bec-cơ-lây.

C.Y.

C.Y.

Và những học thuyết của những phần tử vô chính phủ như Stiếc-ne và Ni-ét-sơ, đều dựa trên cũng những tiền đề đó.

Trong lời buộc tội của chủ nghĩa duy danh và của chủ nghĩa thực dụng hiện nay, danh từ là mới hơn so với sự vật.

[Tr. 303]... Khi một số nhà hiện đại chủ nghĩa, như Lơ Roa, rút từ chủ nghĩa thực dụng ra một căn cứ để biện hộ cho đạo Thiên chúa, thì có lẽ họ đã không rút ra cái mà một số các nhà triết học sáng lập ra chủ nghĩa

thực dụng, muốn rút ra. Nhưng họ muốn từ chủ nghĩa thực dụng rút ra những kết luận được rút ra một cách hợp lý và đã từng được những nhà thực dụng chủ nghĩa có tên tuổi như W. Giê-mơ và những nhà triết học của học phái Si-ca-gô rút ra hoặc là gần rút ra được. Tôi tưởng là thậm chí có thể khẳng định hơn thế nữa. Tôi tưởng rằng Lơ Roa rút ra những kết luận duy nhất được rút ra một cách hợp lý từ phương thức tư tưởng ấy...

[Tr. 304]... Đặc điểm của chủ nghĩa thực dụng là ở chỗ cho rằng, phạm cái gì thành công và, bằng cách này hay cách khác, có thể thích nghi được ngay với thời đại như: khoa học, tôn giáo, đạo đức, truyền thống, tập quán, thủ cựu, đều là chân lý. Tất cả phải được coi trọng, và cũng phải coi trọng cái gì làm cho ta thực hiện được một mục đích và cho phép ta hành động...

[Tr. 305-306] ...Cho đến nay cái gì đã phá hoại những truyền thống và giáo điều? Đó là khoa học, hoặc nếu người ta thích nói đến công cụ hơn là nói đến sản phẩm, thì đó là lý tính. Khoa học sống bằng tự do; lý tính nói cho cùng không phải là cái gì khác mà là tự do xem xét. Vì vậy, khoa học và lý tính trước hết là có tính chất cách mạng, và nền văn minh Hy-lạp - phương Tây dựa trên khoa học và lý tính, đã, đang và sẽ là một nền văn minh của những người bạo động. Cho đến nay, bạo động vẫn là thủ đoạn giải phóng duy nhất của chúng ta, và là hình thức duy nhất trong đó chúng ta có thể nhận thức được

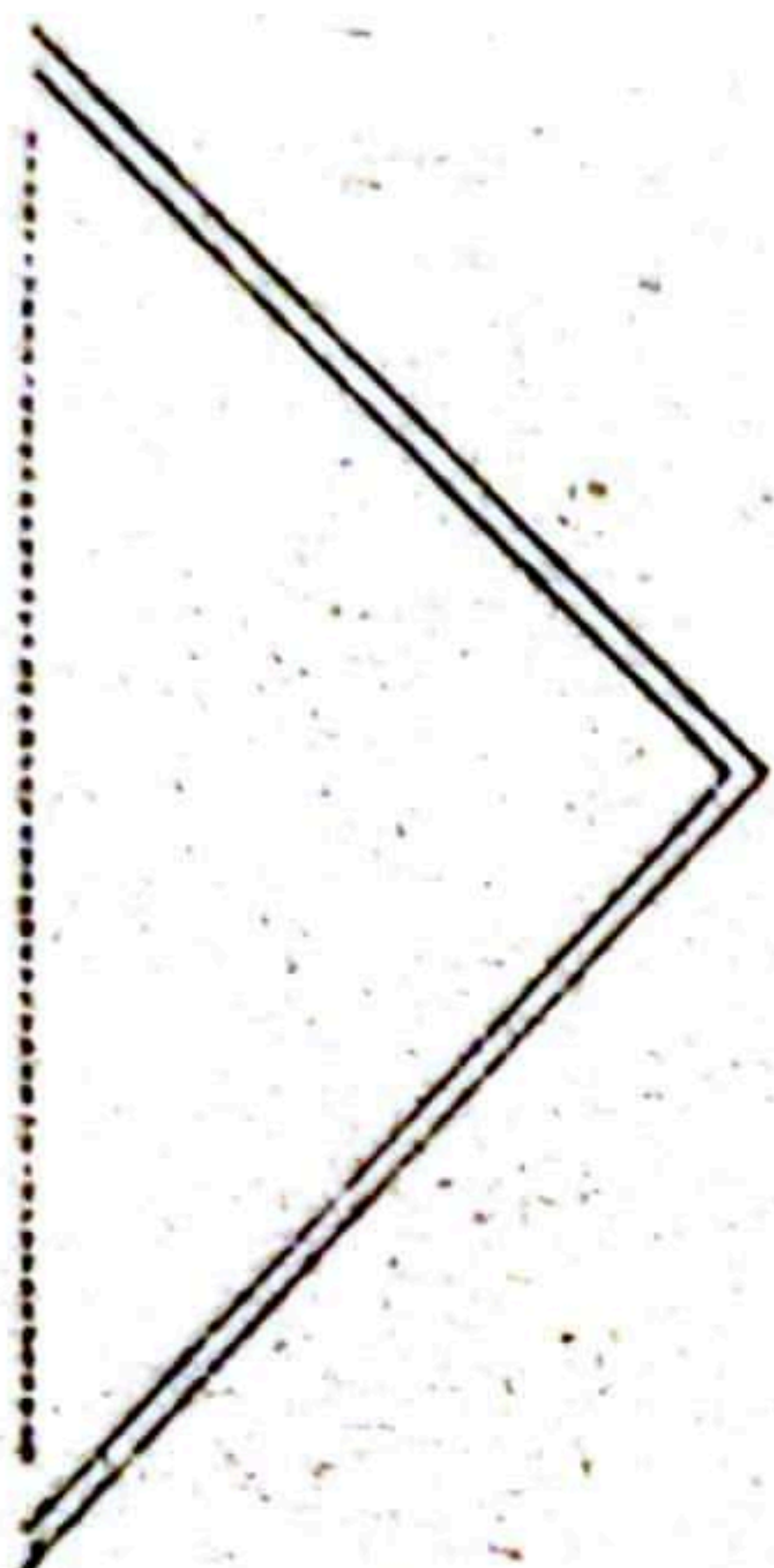
tự do. Bao động tôi nói đây là bao động tinh thần của một lý tính tự chủ, mà không phải là bao động tàn bạo, tức là cái bao động chỉ là cái vỏ đất — thường là có ích, đôi khi còn là cần thiết nữa — bao ngoài kim loại quý, tức là bao động tinh thần.

Vậy viện trợ chủ yếu mà người ta có thể đem lại cho truyền thống, cho sự bảo tồn những *già trị* đạo đức cũ nếu nói theo kiểu đúng mốt, là việc làm giảm giá trị của khoa học xuống. Đó là lẽ tại sao hậu quả lô-gích của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa duy danh (như số đông trong những người tán thành các chủ nghĩa này do đã hiểu biết một cách thông minh và tường tận đã nhìn thấy một cách rõ ràng) phải là sự biện hộ cho một số động cơ hành động: động cơ tôn giáo, tình cảm, bản năng, truyền thống. Trên cùng một quan điểm với những động cơ hành động mượn của nhận thức khoa học, hay nói một cách lô-gích hơn, trên một quan điểm cao cấp, vì khoa học chỉ chú trọng đến hoạt động công nghiệp, triết học mới phải đạt đến chỗ hợp pháp hóa một đạo đức phi lý tính: khích động nội tâm hay là khuất phục trước quyền uy, chủ nghĩa thần bí hay là chủ nghĩa truyền thống. Chủ nghĩa truyền thống có khi đi xa đến nỗi một số người (như W. Giê-mơ chẳng hạn), về mặt đạo đức, đã không ngần ngại mà trở lại với cái tuyệt đối của những học thuyết đạo đức duy lý chủ nghĩa...

C.Y.

§ 4. KHOA HỌC VỀ NHỮNG PHONG TỤC

[Tr. 314] ...Muốn cho quan điểm này về đạo đức, với tư cách là một nghệ thuật lý tính,



có thể có được, thì dĩ nhiên là một khoa học về phong tục cũng phải có thể có được. Chính ở đây siêu hình học lại có hy vọng. Thật vậy, xã hội học, mà một bộ môn là khoa học về phong tục, cũng vừa mới thành hình. Xã hội học, cũng giống như tâm lý học, mà còn chậm hơn tâm lý học nữa, vẫn còn ở trong thời kỳ phải giành lấy phương pháp, đối tượng khoa học và quyền sống cho mình ở các nhà siêu hình học. Nhưng ở đây cũng như ở chỗ khác, hình như vấn đề rồi cũng sẽ được giải quyết có lợi cho những cố gắng khoa học. Không thể ngăn cấm các nhà siêu hình học ba hoa được, nhưng có thể đề cho nói và làm. Nhưng xã hội học, nhờ các công trình của Duyết-khem và trường phái của ông, nên đã hoạt động và phát huy được tác dụng...

CHƯƠNG VII VẤN ĐỀ NHẬN THỨC VÀ VẤN ĐỀ CHÂN LÝ

§ 1. CÁCH GIẢI QUYẾT CỜ TRUYỀN

[Tr. 325-326] ...Thật thà mà nói, các nhà bác học, thuần túy bác học, còn ít chú ý đến vấn đề chân lý này. Họ chỉ cần đạt đến được những khẳng định được mọi người đồng ý, và do đó mà là tất yếu. Đối với họ, mọi thí nghiệm, được tiến hành một cách có phương pháp và được kiểm nghiệm một cách cẩn thận, đều có tính chân lý. Sự kiểm nghiệm bằng thực nghiệm, đây là — như người ta nói — tiêu chuẩn của chân lý. Và các nhà bác học đã hoàn toàn có lý, vì thực tiễn luôn luôn chứng thực cách xem xét đó. Giả định rằng không

C.Y.

phải bao giờ thực tiễn cũng chứng thực cách xem xét đó, thì sẽ là tưởng tượng điều vô lý, là hoài nghi đề hoài nghi...

[Tr. 328-331] ...Các nhà duy lý luận hiện đại đã kiên quyết tự vệ chống lại sự tấn công của chủ nghĩa thực dụng, khi chủ nghĩa thực dụng đã quả quyết rằng lý tính của các nhà duy lý, cuối cùng, mang lại kết quả là bảo đảm cho tinh thần của chúng ta, một bản sao trung thành với hiện thực. Đúng vậy, chủ nghĩa thực dụng đã trách chủ nghĩa duy lý là đã đem nhận thức phân thành hai bộ phận cùng phát sinh một lúc: những đối tượng hoặc những vật tự nó và những biểu tượng mà tinh thần tự tạo cho mình về những đối tượng và vật tự nó...

C.Y.

§ 2. SỰ PHÊ PHÁN THỰC DỤNG CHỦ NGHĨA

Trong chủ nghĩa duy lý của thế kỷ XIX, cũng như trong chủ nghĩa kinh nghiệm tiến hóa luận và cả trong những nhà duy lý chủ nghĩa hiện đại, chúng ta đều thấy có tư tưởng cho rằng tinh thần không phải là một cái gương và chân lý không phải là hình ảnh trung thành của sự vật. Người ta thường cho rằng chân lý là kết quả việc tinh thần nghiên cứu sự vật. Nhưng như vậy vẫn là đem sự vật và tinh thần đối lập với nhau. Chủ nghĩa thực dụng đi xa hơn nữa.

Mọi kinh nghiệm, mọi nhận thức, đồng thời cũng là hành động: sống tức là hành động và chỉ là hành động thôi. Do đó có thể kết

luận rằng — và chính đây là điều đã đem lại cho hệ thống này tên gọi là chủ nghĩa thực dụng, là điều đã xác định một cách chủ yếu địa vị của nó trong dư luận — chân lý tự xác định tùy theo hành động, tức là tùy theo những kết quả thực tiễn của hành động. Đó tức là thành công. Mọi kinh nghiệm thành công, tức là cho phép đạt tới kết quả mong đợi, đều quyết định một chân lý. Đề khởi phải dùng những trù tượng triết học, chúng ta cần chú ý rằng kết luận này tóm lại chỉ là sự diễn đạt một cách khái quát sự tin tưởng của các nhà bác học vào thực nghiệm. Khi nào thì một nhà bác học nói rằng mệnh đề của mình nêu ra là có tính chân lý? Chính là khi mà kết quả mà ông ta chờ đợi xuất hiện trong thí nghiệm của ông ta, đã xuất hiện một cách thực sự. Vì thí nghiệm này phù hợp với mệnh đề, hay nói cho đúng hơn là phù hợp với cả chuỗi liên tục những mệnh đề mà ông ta đã có trong đầu óc, và kết quả xuất hiện phù hợp với kết luận của chuỗi mệnh đề đó, nên tư tưởng của ông ta đã thành công: nó đã được kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm.

Chắc chắn là nếu người ta coi thành công và kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm là đồng nhất, thì mệnh đề thực dụng chủ nghĩa là đúng: nó chỉ diễn đạt bản chất của phương pháp thực nghiệm. Nhưng khốn thay, danh từ thành công thường phải tùy từng trường hợp và tùy nhà triết học mà khi thì được hiểu theo nghĩa hẹp như trên đây, khi lại được hiểu theo nghĩa rộng và tầm thường của nó. Điều này đặc biệt rất rõ ở W. Giê-mơ. Giê-mơ cho rằng phạm cái gì đã được kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm đều có tính chân lý, nhưng nhiều lúc ông lại cho rằng phạm cái gì đảm bảo một

thành công nào đó cho hoạt động của chúng ta đều có tính chân lý. Và, nếu người ta thừa nhận mệnh đề sau, thì hầu như tất yếu phải kết luận là không còn có tính chân lý nữa. Vì cái ngày hôm nay thành công, ngày mai có thể không thành công nữa: điều đó thường xảy ra trong thực tiễn, và đã được chứng minh bằng những sự thay đổi của những luật pháp, của những quy tắc đạo đức và những tín ngưỡng tôn giáo, của những kiến giải khoa học. Hôm nay là chân lý, ngày mai là sai lầm; ở bên này dãy núi Pi-rê-nê là chân lý, ở bên kia là sai lầm. Luận đề thật là tầm thường. Và những kết luận này, những kết luận mà người sáng lập ra chủ nghĩa thực dụng, Piéc-xơ, đã kiên quyết gạt bỏ và công kích, những kết luận mà triết học thực dụng chủ nghĩa vĩ đại — đặc biệt là Giê-mơ, — đã tìm mọi cách tránh bằng những đường vòng tế nhị nhất, những kết luận này ngày nay là những kết luận được phần lớn những người hậu sinh của họ thừa nhận trong những nét lớn. Vì vậy, về vấn đề chân lý, chủ nghĩa thực dụng đã trở thành đồng nghĩa với chủ nghĩa hoài nghi, cũng như về vấn đề đạo đức hay là tín ngưỡng, nó đã trở thành đồng nghĩa với chủ nghĩa truyền thống phi lý tính.

Tuy nhiên, cũng giống như trong tất cả mọi sự phê phán, chắc chắn là trong việc chủ nghĩa hoài nghi phê phán chủ nghĩa duy lý, cũng có một phần chân lý. Đối với chủ nghĩa thực dụng, cũng có thể nói như người ta thường nói đối với những lý luận phê phán: bộ phận có tính phá hoại thì rất hay nhưng

Sic!

Ha!

bộ phận có tính xây dựng thì dở. Chắc chắn là lý luận cho rằng tinh thần là tấm gương phản chiếu sự vật, và chân lý là bản sao chép lại sự vật, là cực kỳ nông cạn. Bước tiến hóa của những chân lý khoa học xuyên qua tất cả những sai lầm rải rác trên đường đi của khoa học chứng minh rõ điều đó.

Mặt khác, khi chúng ta coi chúng ta là một cơ thể hoạt động giữa vũ trụ, thì đúng là chúng ta không thể tách lĩnh vực thực tiễn khỏi lĩnh vực chân lý được, vì căn cứ vào tất cả mọi điều mà chúng ta đã nói ở trên đây và căn cứ vào tất cả những bài học do các khoa học đem lại, chúng ta không thể tách chân lý khỏi sự kiểm nghiệm bằng thực nghiệm được. Chỉ có những quan điểm dẫn đến thành công mới có tính chân lý. Nhưng còn cần phải biết rằng chúng có tính chân lý vì chúng dẫn đến thành công, hay chúng dẫn đến thành công vì chúng có tính chân lý. Chủ nghĩa thực dụng bao giờ cũng có khuynh hướng giải quyết hai cách nói này theo hướng thứ nhất. Lẽ phải thông thường hình như chỉ có thể giải quyết điều đó theo hướng thứ hai...

§3. CHỈ DẪN VỀ MỘT CÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHÂN LÝ

[Tr. 332-334] ...Cái hiện có, kinh nghiệm, dĩ nhiên đó là cái đã biết. Do đó, phải xuất phát từ một tính thống nhất hoàn toàn giữa cái hiện có và phương pháp dùng để nhận thức nó, phải cương quyết đoạn tuyệt thẳng tay với mọi nhị nguyên luận ngay từ điểm xuất phát — nhưng chỉ từ điểm xuất phát

thời. Chính điều hạn chế này là quan trọng. Phải chăng chỉ có điều hạn chế này mới cho phép ta giải quyết vấn đề chân lý?

Ở điểm xuất phát, phương pháp nhận thức duy nhất có thể có, tức là phương pháp phát hiện duy nhất, đó là phương pháp thực nghiệm, chứ hoàn toàn không phải bất cứ phương pháp *tiên nghiệm*, bất cứ luận đoán biện chứng nào.

Khoa học hiện đại hoàn toàn chứng thực mệnh đề đó, và do đó, đòi hỏi luận đoán đầu tiên mà chúng ta vừa nêu lên. Bản thân những khoa học toán học cũng lấy kinh nghiệm làm điểm xuất phát, vì lập luận, như chúng ta đã thấy, chỉ đến sau, và vẫn luôn luôn phụ thuộc trên một trình độ nhất định vào kinh nghiệm.

Nhưng kinh nghiệm không phải chỉ là kinh nghiệm trực tiếp của một cái hiện có; nó còn bao gồm — và chúng ta thấy rằng đây là điều đòi hỏi lớn của Giê-mơ trong triết học, — những quan hệ bao hàm trong cái hiện có, và cấu thành một mạng lưới cứng rắn giữa mọi kinh nghiệm trực tiếp và kinh nghiệm đã qua hay kinh nghiệm sắp đến. Nếu kinh nghiệm chỉ là kinh nghiệm trực tiếp, thì chúng ta chỉ có những cảm giác, mà không có khoa học, thậm chí cũng không có tri giác theo ý nghĩa đầy đủ của tiếng đó. Đối tượng của khoa học và thậm chí của tri giác nữa, chính là phân tích kinh nghiệm trực tiếp để đạt tới kinh nghiệm đã chuẩn bị cho kinh nghiệm trực tiếp hay kinh nghiệm kế tiếp sau kinh nghiệm trực tiếp. Tri giác và nhất là thấy, chú ý và suy nghĩ, đều là sự bắt đầu của kinh nghiệm liên tục đó.

Căn cứ vào nhận xét thứ hai đó, chúng ta có thể rút ra kết luận sau đây : mọi nhận thức mà kinh nghiệm đem lại cho ta, đều liên hệ với nhau và hệ thống hóa lẫn nhau. Nhưng chúng không phải hệ thống hóa lẫn nhau như trong chủ nghĩa duy lý, tức là không hệ thống hóa lẫn nhau bằng hiệu lực của một hoạt động cao hơn chúng và buộc chúng phải nhận những hình thức của nó. Quan điểm này, trong khi muốn đảm bảo sự vững chắc của khoa học, thì trái lại, lại dẫn đến chủ nghĩa hoài nghi, vì nó đã biến nhận thức thành công việc của tinh thần, và vì nhị nguyên luận đó nhất định phải nêu ra vấn đề xem nhận thức, công việc của tinh thần đó, có xuyên tạc cái hiện có không? Ở đây, trái lại, nhận thức của chúng ta tự hệ thống hóa lấy, hoàn toàn đúng theo cách chúng tự xuất hiện, và những quan hệ của cái hiện có cũng có giá trị như bản thân cái hiện có. Thật ra, cái hiện có trực tiếp và những quan hệ bao hàm trong cái hiện có chỉ là một và không thể phân chia được. Tất cả những hành vi nhận thức đều có cùng một bản tính và cùng một giá trị...

§ 4. VẤN ĐỀ SAI LẦM

[Tr. 336 - 347]... Trong (thực tại luận

Thực tại
luận tuyệt
đối
(= chủ
nghĩa duy
vật lịch sử)

∨
(
^

tuyệt đối), trong đó chúng ta vẫn vận động cho đến nay, hình như không có sai lầm. Nhưng chúng ta cần nhớ rằng, chỉ tại điểm xuất phát, chúng ta mới coi kinh nghiệm và nhận thức là đồng nhất với nhau. Đã đến lúc cần chỉ rõ sự hạn chế này có ý nghĩa như thế nào.

Một sự thật mà kinh nghiệm nêu lên là ở chỗ nhận thức của những cá nhân khác nhau không bao giờ giống hệt như nhau. Người ta có thể giải thích điều này theo hai cách: hoặc là có bao nhiêu cá nhân thì có bấy nhiêu hiện thực khác nhau (điều này là vô lý: chúng ta sẽ rơi vào chủ nghĩa chủ quan) — hoặc là, và đây là con đường mà chúng ta bắt buộc phải theo, vì cái hiện có là duy nhất và là một đối với tất cả mọi người, nên những sự khác nhau về nhận thức của các cá nhân đối với cái hiện có là do những điều kiện tồn tại của họ trong quá khứ cũng như do những điều kiện tồn tại của họ hiện nay gây nên, nói một cách khác là do một số quan hệ đơn cá nào đó giữa họ với cái hiện có, mà sự phân tích khoa học có thể vạch ra được. Đó là kết luận mà chúng ta đã đạt tới bằng những cách xem xét khác trong vấn đề ý thức. Chúng ta đã thấy rằng cái hiện có bao hàm những quan hệ độc lập đối với cá nhân đang nhận thức — những quan hệ khách quan — và những quan hệ làm cho cái hiện có phụ thuộc vào cơ thể đang nhận thức — những quan hệ chủ quan.

Sau khi đã thừa nhận điểm đó chúng ta thấy, trong kinh nghiệm, không phải ở điểm xuất phát nữa, mà trong quá trình chúng ta phân tích nó, diễn ra một sự phân chia giữa người nhận thức và đối tượng của nhận thức. Như chúng ta đã nói, mỗi quan hệ này và bản thân cái hiện có đều cùng có giá trị như nhau. Quan hệ đó có quyền được tồn tại chẳng khác gì cái hiện có; do đó sự

C.Y.

phân biệt giữa tinh thần và đối tượng không phải là vốn có từ đầu, mà là một sản phẩm của sự phân tích, như hai quan hệ rất chung mà sự phân tích tìm thấy trong cái hiện có (W. Giere); và sự phân biệt này sở dĩ có giá trị là do cái giá trị mà, ngay từ đầu, người ta đã quy cho kinh nghiệm hoàn chỉnh, kinh nghiệm duy nhất và không thể phân chia.

Nhưng như vậy, sự hiểu lầm và sai trái được giải thích một cách hoàn toàn tự nhiên: đó là những sự lầm sai lạc, những sự xuyên tạc phụ thuộc vào những điều kiện cá nhân và chủ quan của nhận thức. Khi khoa học nhờ vào kinh nghiệm để phân tích ngày càng đầy đủ hơn cái hiện có thì dù công việc lâu dài và khó nhọc đến thế nào đi nữa, nó cũng phải loại trừ dần dần tất cả những «phương trình cá nhân» đó, tức là những phương trình phức tạp hơn rất nhiều so với những phương trình mà các nhà thiên văn học đòi hỏi đối với thị giác của mỗi người quan sát. Khoa học phải phân biệt cho được những quan hệ chủ quan với những quan hệ khách quan. Và cũng chính vì mục đích đó mà khoa học đã được sáng tạo ra.

Lý luận về nhận thức của Rây = chủ nghĩa duy vật xấu hổ.

✓
(
^
|||

Những kiến giải này có lái chúng ta đến một định nghĩa thuận tiện và thực tế về chân lý không? Chân lý, đó là cái khách quan, đó là toàn bộ các quan hệ độc lập đối với người quan sát. Trên thực tế, đó là cái được mọi người thừa nhận, đó là cái làm đối tượng cho kinh nghiệm phổ biến, cho sự đồng ý phổ biến, nếu hiểu những danh từ này theo một ý nghĩa khoa học. Tiếp tục phân tích

những điều kiện của sự đồng ý phổ biến đó, tìm ở sau sự kiện đó cái căn cứ mà nó thu hồi lại, nguyên nhân làm căn cứ cho nó, người ta đi đến kết luận rằng: mục đích của công tác khoa học là «trừ bỏ tính chủ quan», trừ bỏ tính cá thể của kinh nghiệm bằng cách kéo dài và tiếp tục kinh nghiệm một cách có phương pháp. Vậy, kinh nghiệm khoa học tiếp tục kinh nghiệm thô mộc và giữa sự kiện khoa học và sự kiện thô mộc, không có sự khác nhau về tính chất.

Đôi khi người ta nói rằng chân lý khoa học chỉ là một sự trừu tượng. Tất nhiên, nó chỉ là một sự trừu tượng nếu người ta xem xét kinh nghiệm thô mộc, tức là kinh nghiệm chủ quan và cá nhân, vì nó loại trừ khỏi kinh nghiệm đó tất cả cái gì chỉ phụ thuộc vào cá nhân nhận thức nó. Nhưng trái lại, mục đích của sự trừu tượng này là tìm lại cái hiện có đúng như nó tồn tại độc lập với những cá nhân và những sự ngẫu nhiên đã làm sai lạc nó đi, là tìm ra cái khách quan, chủ yếu là cái cụ thể, cái hiện thực.

C.Y.

Thật là một việc có ý nghĩa nếu tìm cách chứng minh lý luận chung này bằng cách phân tích một vài sai lầm nổi tiếng. Hệ thống Tô-lê-mê, chẳng hạn, cho chúng ta thấy kinh nghiệm đầy những biểu tượng cá nhân phụ thuộc vào những điều kiện quan sát thiên văn học ở dưới đất: đó là hệ thống tinh tú nhìn từ trái đất. Hệ thống Cò-péc-níc—Ga-li-lê khách quan hơn rất nhiều, vì nó thủ tiêu được những điều kiện phụ thuộc vào việc người quan sát đứng trên trái đất. Nói một cách chung hơn, Panh-lơ-vê đã nhận xét thấy rằng tính nhân quả, trong cơ học, trong

khoa học của thời kỳ Phục hưng và trong khoa học thời nay, bao gồm những điều kiện xuất hiện của một hiện tượng, những điều kiện này độc lập đối với không gian và thời gian. Nhưng chính là vì những điều kiện về vị trí trong không gian và thời gian bao gồm, nhất là trong cơ học, hầu hết những điều kiện chủ quan, là những điều kiện không còn thô lỗ đến mức bị sự suy nghĩ sơ lược loại trừ nữa.

Chân lý và sai lầm (trên con đường của chủ nghĩa duy vật biện chứng).

Kết luận quan trọng : sai lầm không phải là cái đối lập tuyệt đối với chân lý. Như một số lớn các nhà triết học đã chủ trương, sai lầm không có tính chất khẳng định, trái lại nó có tính chất phủ định và cục bộ, có thể nói, đó là một chân lý nhỏ nhất. Khi nhờ vào kinh nghiệm, người ta gạt bỏ sai lầm khỏi cái chủ quan mà nó bao hàm, người ta sẽ đi dần đến chân lý. Và chân lý, theo ý nghĩa đầy đủ của chữ đó, một khi đạt được, là một cái tuyệt đối và giới hạn, vì nó là cái khách quan, cái tất yếu và cái phổ biến. Nhưng trong hầu hết mọi trường hợp, cái giới hạn này cách xa chúng ta rất nhiều. Đối với chúng ta, nó tựa hồ gần như là một giới hạn toán học mà người ta ngày càng đi gần đến mãi, mặc dầu không bao giờ đạt tới. Cho nên, lịch sử khoa học cho chúng ta thấy chân lý trong cái *sinh thành* của một sự phát triển; *chân lý chưa hình thành, nhưng nó đang hình thành.* (Có lẽ) chân lý không bao giờ hình thành, mà nó sẽ ngày càng hình thành thêm mãi.

?

Một vấn đề cuối cùng còn có thể được đặt ra, nếu người ta không thỏa mãn với cái hiện đang tồn tại, mà luôn luôn bị ám ảnh bởi cái ảo tưởng siêu hình cũ kỹ là phải tìm xem tại sao các sự vật lại tồn tại. Tại sao kinh nghiệm lại có những điều kiện chủ quan? Tại sao việc nhận thức kinh nghiệm lại không trực tiếp là một và đồng nhất đối với mọi người? Người ta có quyền từ chối không trả lời; nhưng ở đây, hình như có thể nhờ vào tâm lý học đề nêu lên một chỉ dẫn chính diện. Nếu kinh nghiệm trọn vẹn, trên một mức độ nào đó, có một sự hiểu biết về bản thân nó, giống như vị thần của những người phiếm thần luận thì thật ra sự hiểu biết ấy sẽ trực tiếp là một và đồng nhất. Nhưng trong kinh nghiệm, đúng như chúng ta thấy nó, sự hiểu biết về kinh nghiệm được đem lại từng đoạn và chỉ vì những đoạn ấy mà chúng ta mới là bản thân chúng ta.

Sinh vật học và tâm lý học cho chúng ta biết rằng sở dĩ chúng ta đã được cấu thành hay là nói đúng hơn, chúng ta đã được cấu thành như chúng ta hiện nay, đó là thông (qua một sự thích ứng, một sự thăng bằng) liên tục với ngoại cảnh. Do đó, có thể đại khái kết luận rằng nhận thức của chúng ta trước hết phải đáp ứng với những nhu cầu của đời sống hữu cơ. Vì vậy, lúc đầu nhận thức của chúng ta còn hẹp, mơ hồ, rất chủ quan, giống như trong đời sống bản năng. Nhưng một khi ý thức đã xuất hiện trong sự hoạt động của các năng lượng toàn thể giới, thì nó đứng vững và tăng cường vì nó có ích lợi thực tiễn. Những sinh vật ngày càng phức tạp tiến hóa và phát triển. Ý thức trở

Nói đông
dài về
«kinh
nghiệm»

«Kinh
nghiệm».

Kinh
nghiệm ?
Ngoại
cảnh ?

thành chính xác hơn và rõ ràng hơn. Nó trở thành trí tuệ và lý tính. Và, đồng thời, sự (thích ứng, sự phù hợp với kinh nghiệm cũng) đầy đủ hơn. Khoa học chỉ là hình thức cao nhất của quá trình đó. Khoa học có *quyền* hy vọng, có một nhận thức, ngay dù cho không bao giờ đạt được nhận thức đồng nhất với cái hiện có và tuyệt đối phù hợp với đối tượng: nhận thức khách quan, tất yếu và phổ biến. Về mặt lý luận, yêu cầu của nó là chính đáng, vì yêu cầu đó đi theo hướng của sự tiến hóa diễn ra từ trước tới nay. Nhưng về mặt thực tiễn, thì yêu cầu này chắc chắn là sẽ không bao giờ được thỏa mãn, vì nó đánh dấu giới hạn của sự tiến hóa, và muốn đạt đến giới hạn này, thì phải có một trạng thái của vũ trụ hoàn toàn khác với trạng thái hiện nay và một thứ đồng nhất giữa vũ trụ và kinh nghiệm của nhận thức.

Dù sao, cũng bắt buộc rút ra kết luận sau đây: chủ nghĩa hoài nghi đối với khoa học che đậy cái ảo tưởng siêu hình hoàn toàn nhất và rõ ràng nhất, ảo tưởng đã từng lừa dối tư tưởng triết học. Chủ nghĩa hoài nghi là ở chỗ nêu lên những vấn đề không tồn tại, đòi hỏi một hiện thực không tồn tại ở bên kia hiện thực để giải thích hiện thực. Nó là kết quả của những sự trừu tượng nhị nguyên luận trong đó triết học luôn luôn đi vào một cách quá tự nguyện.

Nói riêng, phải chăng khi thấy nhận thức mạnh mẽ và bản năng, mơ hồ và hầu như hoàn toàn chủ quan và chốc lát của ý thức đang thức tỉnh, là kinh nghiệm ban đầu và hiện thực, — như khuynh hướng của Béc-xông, Lơ Roa và một số nhà thực dụng chủ

nghĩa, — là lật đổ mọi kinh nghiệm? Kinh nghiệm ban đầu nhiễm đầy tính chủ quan, đúng thế, nhưng nó cũng nhiễm đầy sai lầm và tính không chân thực. Loại kinh nghiệm mơ hồ và mờ nhạt ấy chỉ là cái vỏ của kinh nghiệm. Trái lại, kinh nghiệm chân chính của cái hiện thực tồn tại trong giới hạn càng ngày càng sáng ngời thêm mà tinh thần của con người hướng tới và trong hình thức càng ngày càng hợp lý hơn mà tinh thần của con người tìm cách nắm lấy tức trong lý tính. Trừu tượng nhân tạo nhất trong các trừu tượng, đó là trừu tượng loại trừ những kết quả của lao động lý tính và những thành tựu của tiến hóa ra khỏi kinh nghiệm.

Sự tiến hóa đó rõ ràng là đã được chỉ đạo bởi thực tiễn và hướng vào thực tiễn, vì nó được thể hiện và thực hiện nhờ một sự thích nghi liên tục của sinh vật với ngoại cảnh. Ngày nay, liệu còn có ai chối cãi điều này nữa không? Đó là một trong những thắng lợi quyết định nhất của chủ nghĩa thực dụng đối với một chủ nghĩa duy lý đã trở thành hóa thạch. Nhưng thắng lợi này không có nghĩa là chân lý là do cái có ích và sự thành công quyết định. Trái lại, nó có nghĩa là cái có ích, sự thành công, đều là kết quả của việc nắm được chân lý. Tại sao nhận thức đã biểu hiện trong giới tự nhiên và đã biểu hiện như thế nào? Đó là vì một số sinh vật không thể hành động một cách mù quáng được. Chúng cần phải biết những hoàn cảnh của hoạt động của chúng. Và chính vì vậy, mà sau khi chúng ta đã tiếp thu ở chủ nghĩa thực dụng tất cả cái gì chúng ta thấy hay nhất trong việc nó phê phán

Chủ
nghĩa
duy vật
xấu hổ.

chủ nghĩa siêu hình cũ kỹ, chúng ta đã kiên quyết rời bỏ nó, nhân danh một chủ nghĩa thực chứng tuyệt đối.

Vậy đề diễn đạt một cách có ý thức và chính xác những mối quan hệ giữa thực tiễn và chân lý, thì hình như không nên nói: cái gì dẫn đến thành công là có tính chân lý; mà nên nói: cái gì có tính chân lý thì thành công, tức là cái gì phù hợp với hiện thực, về mặt có quan hệ với hành động định làm. Hành động trực tiếp là kết quả của một nhận thức chính xác về những thực tại trong đó nó được tiến hành. Người ta hành động đúng đắn trong chừng mực người ta có hiểu biết chính xác.

§ 5. NHẬN THỨC LUẬN

Tôi tin là mọi người đều đồng ý rằng chúng ta chỉ thừa nhận là có tính chân lý và khách quan, cái gì không phụ thuộc vào nhân tố cá nhân thường gặp trong hành động nhận thức của mọi người. Nhưng chính khi vấn đề là phải nói đến lúc nào thì những nhân tố cá nhân sẽ bị tiêu diệt hết, thì lúc đó những sự bất đồng mới biểu hiện ra. Trước bất cứ một luận đoán thực nghiệm nào đó, liệu tôi có thể phân biệt được cái đã được xác định một cách phổ biến với cái chỉ do tôi xác định được không?

Chúng ta đã nói trên những nét lớn rằng trong mọi trường hợp, nỗ lực khoa học chính là nhằm tiến hành sự phân biệt đó. Về thực chất, khoa học không có mục đích nào khác. Nó có thể tự xác định bằng đặc trưng đó được. Vậy là trên thực tế, chúng ta đã có

một phương pháp thứ nhất để phân biệt cái có tính chân lý và khách quan với cái có tính chủ quan và ảo tưởng. Phàm cái gì đã đạt được bằng những phương pháp khoa học được áp dụng một cách chặt chẽ đều có tính chân lý. Những phương pháp này, các nhà bác học đều có trách nhiệm phải tạo ra, xác định và quy định. Tiêu chuẩn thứ nhất này chặt chẽ hơn so với quy tắc quá mơ hồ mà chúng ta đã nêu lên từ trước đến nay: sự đồng ý phổ biến. Vì sự đồng ý phổ biến có thể chỉ là một thành kiến phổ biến. Và, nói một cách *tiên nghiệm*, không có gì ngăn cấm giả thiết rằng những thành kiến như vậy có thể tồn tại một cách thật sự phổ biến, trong một thời kỳ nào đó, mặc dầu người ta không thể dẫn ra được. Nhưng nếu chúng ta thay từ ngữ sự đồng ý phổ biến bằng từ ngữ *kiểm tra khoa học*, thì sự phản đối sẽ không còn nữa, vì chừng nào nói đến thành kiến thì chúng ta không thể vạch ra những nguyên nhân làm căn cứ cho thành kiến, trái lại, sự kiểm tra khoa học chỉ tồn tại, khi những nguyên nhân này đã rõ ràng. Dĩ nhiên, chúng ta chỉ thấy sự kiểm tra khoa học ở chỗ nào mà các giả thuyết đã bị loại trừ, và chúng ta thừa nhận rằng nó rất có thể xác định giới hạn của một sự gần đúng cũng như xác định một chân lý hết sức đúng.

Lăn lộn

Hơn nữa, các nhà bác học sẽ không chú ý tìm một tiêu chuẩn nào khác. Đứng trên quan điểm thực tiễn mà nói, họ làm như vậy là hoàn toàn có lý. Nhưng đứng trên quan điểm tư biện và lý luận mà xét, người ta có thể thấy rằng, — và đó là ý kiến của tất

cả các nhà siêu hình học đã muốn xây dựng một nhận thức luận —, tiêu chuẩn nói trên là không đủ. Đề tóm tắt dưới hình thức thô lỗ nhất tất cả những lời phản đối mà người ta có thể nêu lên xuất phát từ quan điểm mới này: toàn bộ khoa học, những phương pháp và sự kiểm tra của nó, phải chăng cũng lại là một thành kiến phổ biến, và, đề nói như Bê-con, là một *idola tribus*? Thật ra, người ta có thể tưởng tượng rằng mặc dầu chúng ta cố gắng đến như thế nào để phân biệt cái chủ quan và cái khách quan, chúng ta vẫn luôn luôn bị giam hãm ít ra là trong một chừng mực nào đó, trong cái chủ quan. Nhận thức của chúng ta luôn luôn phụ thuộc vào kết cấu cá nhân của chúng ta, và, do đó, cũng luôn luôn bóp méo đối tượng của nó. Nhắc lại giả thuyết tâm lý học mà chúng ta đã nêu lên về vấn đề ý thức, phải chăng người ta có thể nói được rằng vì nhận thức là kết quả của sự thích ứng của cơ thể chúng ta với những hành động mà nó phải thực hiện trong hoàn cảnh của nó, nên mọi nhận thức luôn luôn sẽ là — đó là điều mà chúng ta không thể nhận thấy — sự bóp méo hoàn cảnh bởi kết cấu và vì những nhu cầu của giống loài?

Hình như người ta hoàn toàn có thể trả lời là phải. Nhưng cũng chính vì chúng ta không thể thấy được điều đó, nên vấn đề trở thành không giải quyết được và không có ý nghĩa gì. Cần phải công nhận: chân lý mà con người có thể đạt được là một chân lý của con người. Với chữ này, chúng ta không muốn nói rằng chân lý đó là tương

đối, theo ý nghĩa hoài nghi chủ nghĩa của
chữ ấy. Mà muốn nói rằng chân lý phụ thuộc
vào kết cấu của loài người và chỉ có giá trị
đối với loài người mà thôi. Ở đây, phải nhắc
lại, nhưng có sửa chữa, những câu nói nổi
tiếng của Goóc-gi-a-xơ: Chúng ta không
biết cái gì mà lại không phải là của con
người. Nếu ngẫu nhiên mà chúng ta biết
được cái gì không phải của con người, thì
chúng ta cũng không hiểu được nó; và,
đây là một điều không thể được, nếu chúng
ta có hiểu được nó đi nữa, thì chúng ta cũng
không thể truyền lại cho người khác được.
Cho nên, khi người ta tìm một dấu hiệu
và một định nghĩa cho chân lý, thì vấn đề
không phải là tìm một dấu hiệu và một
định nghĩa nào khác hơn là một dấu hiệu
và một định nghĩa có giá trị đối với loài
người, mà chỉ là một dấu hiệu và một định
nghĩa có giá trị một cách tuyệt đối và đồng
nhất đối với tất cả các đại biểu của loài người.
Chính theo ý nghĩa đó, mà tiêu chuẩn đã
được nêu ra: sự kiểm tra khoa học là đủ.

Tương đối
theo ý nghĩa
hoài nghi chủ
nghĩa!!!

Ngoài ra, cần phải triệt đề loại trừ một
số nguy hiểm: một chân lý có giá trị đối với
tất cả loài người, một chân lý của con người,
là một chân lý tuyệt đối đối với người, vì nếu
giả thiết, như những người tán thành một
cái tuyệt đối ngoài-con-người, rằng chân
lý không phải là một bản sao chép cái hiện
thực, thì ít ra, đối với con người, chân lý
vẫn là bản dịch chính xác, duy nhất có thể
có, là vật tương đương tuyệt đối của hiện
thực...

Ha!

[Tr. 351] ... Có thể là những kẻ cố gắng tìm kiếm những lý do đề ngờ vực thành tựu của khoa học, còn có thể nói rằng: chúng tôi rất muốn thừa nhận rằng kinh nghiệm được kiểm tra một cách chặt chẽ, thật sự có thể vạch cho chúng ta thấy một cách đầy đủ sự chuyển hóa của một nguyên nhân thành một kết quả nhất định, và do đó, một mối quan hệ không thể hoài nghi được giữa điều kiện với cái bị điều kiện đó chi phối. Nhưng cái gì chứng minh cho chúng ta rằng mỗi quan hệ này sẽ xuất hiện một lần thứ hai hoàn toàn đúng như trước, trong kinh nghiệm? Lép-nít-xơ quả đoán rằng tất cả mọi sự kiện đều khác nhau, dù rất ít, vì chúng ta có thể phân biệt chúng với nhau (nguyên lý không có vật nào giống nhau: trong tất cả các rừng trên trái đất không có lấy hai chiếc lá giống nhau). Một nhà bác học hiện đại, Poăng-ca-rê, cũng đã chủ trương rằng vật lý học không bao giờ nghiên cứu những sự kiện đồng nhất, mà chỉ nghiên cứu những sự kiện rất giống nhau mà thôi. Và như vậy thì chúng ta còn cần đến khoa học làm gì, vì nếu khoa học muốn thật chặt chẽ, thì mỗi sự kiện mới lại đòi hỏi có một quy luật mới?

Lời phản đối đó cũng cùng một loại với lời phản đối sau đây: mọi sự kiện đều bao hàm cái vô hạn. Vậy chúng ta phải có một môn khoa học hoàn hảo mới có thể có được tri thức chính xác nhỏ nhất đối với mọi sự vật nhỏ bé nhất. Lời phản đối này cũng sẽ được giải quyết đúng như phương thức trên đây, và hầu như là được giải quyết một cách tự nhiên như vậy...

[Tr. 352]... Tóm lại cái hiện có là đối tượng của khoa học, vì người ta có thể phân tích được nó và vì sự phân tích đó vạch cho chúng ta thấy những điều kiện tồn tại của nó. Khoa học là đáng tin cậy, vì bất cứ sự phân tích khoa học nào cũng dẫn chúng ta đi gần mãi đến những trực giác thực nghiệm có giá trị ngang với cái hiện có; thành thử khoa học cũng có trình độ đáng tin cậy như sự tồn tại của vũ trụ mà nó giải thích, và như sự tồn tại của bản thân tôi, mà tôi cũng chỉ nhờ vào một trực giác thực nghiệm để biết được.

Kết luận
= chủ
nghĩa duy
vật xấu
hở.

CHƯƠNG VIII

KẾT LUẬN CHUNG :

TRIẾT HỌC KINH NGHIỆM

[Tr. 353-357]... Cho đến nay, triết học, nói theo một cách nói thịnh hành, chủ yếu đã là một hệ thống những *giả trị*. Nó đã tìm cách phân chia các sự vật thành hệ thống cấp bậc và tìm cách vì hệ thống cấp bậc ấy mà lập thành một bộ luật về cái tốt, cái đúng, cái đẹp. Nói chung, người ta có thể nói rằng nó không bao giờ quan niệm những sự kiện tự nhiên, một cách *nhất luật* như nhau, một cách vô tư và khách quan, mà trái lại, nó đã vì sở thích hoàn toàn chủ quan của cá nhân hay vì những thành kiến chung, rất con người, do đó cũng có tính chất chủ quan mà đem các sự kiện tự nhiên sắp xếp trên các bình diện khác nhau.

Toàn bộ triết học Hy-lạp, và triết học kinh viện, tức triết học kế thừa chủ nghĩa A-ri-stốt, trình bày cho chúng ta chính cái kiểu mẫu về những biểu thước đo ấy, những biểu thước đo mà người ta dùng để đánh giá mọi sự vật. Và triết học của thời kỳ Phục hưng, và toàn bộ triết học hiện đại, mặc dầu những cố gắng đơn độc của một Spi-nô-da, cũng đều kết tinh lại trong cùng một cái khuôn ấy. Vì vậy, nếu đặt hệ thống của Spi-nô-da ra một bên, vì nó là một sự cố gắng đáng khâm phục để xem xét các sự vật theo một quan điểm ít phụ thuộc vào con người và có nhiều tính khách quan nhất, thì kể từ những tư tưởng triết học đầu tiên ở Hy-lạp, bao giờ chúng ta cũng thấy hai hay ba phương hướng chung của tinh thần siêu hình. Chính những phương hướng này vẫn thường làm căn cứ cho các sách giáo khoa phân loại các hệ thống triết học thành chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy tâm.

Về thực chất, — nếu xem xét sự vật theo quan điểm rất chung của chúng ta ở đây, tức là theo quan điểm «cái biểu thước đo đặc biệt các giá trị», mà mỗi phương hướng trên đây đã cung cấp cho chúng ta, — vì chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy tâm thường có những điểm hết sức giống nhau nên người ta có thể nói rằng siêu hình học luôn luôn đặt chúng ta trước hai biểu thước đo lớn về giá trị: biểu thước đo của chủ nghĩa duy vật và biểu thước đo của chủ nghĩa duy tâm - duy linh. Hai biểu

C.Y.

thước đo này đối lập với nhau và tựa hồ như cái này là hình ảnh lộn ngược của cái kia.

Trong biểu thước đo của chủ nghĩa duy tâm và duy linh, chính tinh thần đứng ở bậc cao nhất; chính tinh thần đem lại ý nghĩa và giá trị cho tất cả cái còn lại, hoặc là với chủ nghĩa duy tâm, tinh thần tiêu biểu cho thực tại duy nhất vì những bề ngoài vật chất là do nó tạo ra hay chỉ nhờ có nó mới tồn tại; hoặc là với chủ nghĩa duy linh, tinh thần là thực tại cao — thực tại này là nơi hoàn thành của giới tự nhiên và là căn cứ để giải thích giới tự nhiên — ở bên trên thực tại vật chất, tức là cái mang tinh thần, hay là hoàn cảnh của tinh thần. — Trong biểu thước đo của chủ nghĩa duy vật, trái lại, tất cả xuất phát từ vật chất và tất cả đều trở lại vật chất. Vật chất là kẻ sáng tạo vĩnh cửu và bất biến ra tất cả các hiện tượng trong vũ trụ, kể cả hiện tượng của sự sống và hiện tượng của ý thức. Sự sống chỉ là một loại tổ hợp đặc biệt — trong vô số những loại tổ hợp khác — mà sự ngẫu nhiên mù quáng đã làm nảy sinh ra từ vật chất nguyên thủy. Ý thức, tư tưởng, chỉ là những hiện tượng của sự sống; óc tiết ra ý thức, ra tư tưởng, như gan tiết ra mật. Về thực chất, tất cả các hiện tượng mà chúng ta có thể nhận thấy được: hồ phách bắt điện, sắt nóng lên, hơi đọng lại, nước đông lại, ánh sáng hay âm thanh, sự sống hay tư tưởng, tất cả chỉ là những bề ngoài được thêu bằng những tổ hợp muôn vẻ gồm những cơn lốc

Phán đoán
về chủ nghĩa
duy tâm và
chủ nghĩa
duy vật.

Nói bậy!

của một chất lỏng thuần nhất chứa đầy không gian, hay của những nguyên tử va chạm nhau trong chân không vô hạn.

Tôi thiết tưởng rằng người ta có thể trình bày phương pháp suy luận của chủ nghĩa duy linh và của chủ nghĩa duy tâm, đại khái như sau: không thể quan niệm được vận động mà không có một lực thúc đẩy vật thể đang vận động. Lực chỉ có thể hiểu được khi đặt nó quan hệ với sự nỗ lực mà chúng ta cảm thấy trong bản thân chúng ta, trong sự vận động của bắp thịt, trong khuynh hướng của sự sống; vậy sự nỗ lực giả định sự sống. Nhưng sự nỗ lực của sự sống, đến lượt nó, luôn luôn nhằm một mục đích; mang tính mục đích, sự nỗ lực của sự sống chỉ có thể quan niệm được nhờ có ý thức chỉ đạo cho nó. Như vậy tư tưởng, hay là ít nhất là một cái gì thuộc loại tinh thần phi vật chất và tự do, là cần thiết, với tư cách vừa là một nguyên tắc tối cao để giải thích, và vừa là một nguyên tắc chủ yếu của tồn tại và của sự sáng tạo. Thiết định ra tinh thần thì mọi cái trong giới tự nhiên đều trở thành dễ hiểu. Thủ tiêu tinh thần đi, giới tự nhiên trở thành không thể hiểu được. Nó tan vào trong hư vô.

Chủ nghĩa duy vật, trái lại, chủ trương rằng — nếu người ta cho phép tôi dùng một phương pháp đại khái như trên — mỗi một kinh nghiệm khi giải thích cho chúng ta một sự kiện tâm lý, đều quy sự kiện này thành những sự kiện hữu cơ. Vật chất hữu

cơ càng ngày càng được quy dần dần thành vật chất vô cơ. Lực chẳng qua chỉ là sức thúc đẩy của một sự va chạm; đó là một vận động kết hợp với một vận động khác.

3.000 năm
chủ nghĩa
duy tâm
và chủ
nghĩa duy vật.

Vậy trong thực chất của sự vật, chúng ta chỉ thấy có sự vận động thô mộc và mù quáng.

Và thế là đã ba nghìn năm qua, những hệ thống giá trị như vậy đều được dùng lại ở mỗi thế hệ, được phát triển lên, đôi khi được làm cho sáng rõ thêm, nhưng cũng thường thường bị những cái tể nhị của một tư duy không bao giờ chịu nhận là thua, làm cho khó hiểu đi. Và, như vậy là so với lúc đầu chúng ta cơ hồ không tiến lên được bao nhiêu.

Như vậy phải chăng những vấn đề tranh luận giữa các hệ thống mâu thuẫn ấy được đặt ra một cách không đúng và không có ý nghĩa gì? Hy vọng dựng lên một hệ thống cấp bậc giữa các sự vật để giải thích phải chăng là một thành kiến hoàn toàn nhân hình? Và thành kiến này há chẳng phải là thuộc về phạm vi những ý nguyện của tình cảm cá nhân nhiều hơn là thuộc phạm vi một cuộc tranh luận lý tính? Về thực chất, các hệ thống này đã được đặt ra và đối lập với nhau, chính là vì những mục đích rất khác nhau của nhận thức khách quan, vì những nỗi lo lắng hoàn toàn không có quan hệ gì đến sự tìm tòi chân lý một cách vô tư. Vì chúng không thuộc phạm vi một cuộc tranh luận tích cực, nên chúng ta không cần thảo luận về chúng nữa.

Ha-ha!!

Hoặc là tôi phạm sai lầm lớn, hoặc là triết học hiện đại, trong những trào lưu sinh động và mạnh mẽ của nó, như chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa thực dụng¹ đang hướng đến kết luận ấy...

[Tr. 358-362]... Thế mà, tất cả những điều trên đây hình như không những chứng minh rằng triết học hiện đại càng ngày càng đi gần đến khoa học và cấu thành bộ phận càng ngày càng tốt đẹp của khoa học, mà còn chứng minh rằng người ta có thể đi tới một quan điểm khoa học về triết học: triết học chỉ là cái bổ sung tất yếu của khoa học. Gạt bỏ những thơ ca siêu hình của trí tưởng tượng cá nhân, triết học sẽ trở thành sự cộng tác tập thể của các nhà bác học, sử học, và các nhà phê bình.

Toàn bộ các sự kiện đều phải được khoa học giải thích; không có sự kiện nào có thể hiểu biết được một cách khách quan, tức là *một cách thật sự*, nếu không có sự giúp đỡ của các bộ môn khoa học. Dĩ nhiên, khoa học vẫn còn rất chật hẹp và rất nông cạn, nhưng ai muốn nhận thức, nhất định chỉ có một con đường là phát triển khoa học; ngoài khoa học ra, bất kỳ lý luận tư biện nào cũng đều là vô ích cả.

W. Giê-mơ
về chủ
nghĩa thực
chứng.

1. Đề định nghĩa chủ nghĩa thực chứng, W. Giê-mơ nhấn mạnh vào ý kiến rằng đó là một hệ thống đã quay lưng lại với những giải thích tiên nghiệm, với phép biện chứng và phép siêu hình đề luôn luôn hướng về các sự kiện và kinh nghiệm

Như vậy, phải chăng triết học bị gạt bỏ? Phải chăng nó chỉ còn là một danh từ trống rỗng, không có ý nghĩa và nội dung gì nữa? Một số lớn các nhà bác học đã khẳng định như vậy, cách đây mấy năm. Và, thật ra, nếu người ta chỉ hiểu triết học là những lý luận tư biện, tìm tòi, ở bên kia hay là ở bên này kinh nghiệm, nguồn gốc, mục đích và bản tính của các sự vật, những cơ sở vô ích của khoa học hoặc là của hành động, bằng cách cộng thêm vào tất cả cái gì đã được nhận thức trực tiếp, một cái không thể nhận thức được có nhiệm vụ chứng thực cái đã được nhận thức trực tiếp, nói tóm lại, nếu người ta coi triết học là những phép biện chứng thời cổ, bất luận là duy lý hay là hoài nghi, duy tâm hay là duy vật, cá nhân chủ nghĩa hay là phiếm thần chủ nghĩa, thì các nhà bác học ấy hình như là thắng. Tất cả các siêu hình học đó, chỉ còn có một giá trị mỹ học, là cái giá trị có thể làm say mê những ai ưa thích các chủ nghĩa đó: đó là những mơ mộng cá nhân của những nhà tư tưởng cao siêu và ít thực tế.

Nhưng triết học này càng ngày càng được ít người theo, thì các nhà bác học lại tạo ra một thứ triết học khác; và từ mấy năm nay, sự kiện nổi bật nhất trong phạm vi nhận thức triết học là sự xuất hiện của một số lớn các triết học do các nhà bác học đã căn cứ vào môn khoa học của họ, kết hợp với nó và vì nó, mà phác ra. Cổ nhiên, trước đây cũng đã có những nhà bác học triết học. Hầu hết những hệ thống triết học lớn đều là công trình của họ. Nhưng, do phương

pháp và kết luận của chúng, các hệ thống này đều đã tách rời rất nhiều những công trình khoa học của tác giả của chúng. Các nhà bác học hiện đại, trái lại, đáng lẽ đi tìm một thế giới quan chung, thì họ lại chỉ đơn giản tìm cách đem những giả thuyết bộ phận, chính xác hơn rất nhiều và liên hệ chặt chẽ với thực nghiệm khoa học, để bổ sung và làm sáng rõ thêm những thực nghiệm khoa học.

Đến nỗi tư tưởng này của Công-tơ, — ông chủ trương một bộ môn công tác khoa học tổ chức một cách tập thể và lấy những khái quát khoa học và sự tổng hợp các môn khoa học làm đối tượng nghiên cứu, — được xác minh, tuy theo một cách khác, nhưng cũng là để đạt đến những kết quả gần giống như thế.

Phương thức của công tác khoa học làm sáng tỏ và xác định quan điểm đó của triết học. Các khoa học vừa bao gồm một toàn bộ những kết quả thực nghiệm chắc chắn lại vừa bao gồm những lý luận khái quát, những lý luận này về một mặt nào đó bao giờ cũng là những giả thuyết. Nhưng những giả thuyết này là cần thiết đối với khoa học, vì đi trước kinh nghiệm tương lai và đi trước cái chưa biết, chính nhờ có chúng mới có những tiến bộ của khoa học. Chúng hệ thống hóa tất cả cái đã biết lại để soi sáng cho cái chưa biết. Như vậy, tại sao triết học lại không phải cũng là một sự tổng hợp chung tất cả mọi nhận thức khoa học, không phải là một cố gắng dựa vào cái đã biết để hình dung cái chưa biết nhằm tìm ra cái chưa biết, và giữ tinh thần

Tán róc !

khoa học trong phương hướng chân chính của nó? Nó chỉ khác với khoa học ở chỗ những giả thuyết của nó có tính chất chung hơn; lý luận triết học sẽ không phải là lý luận về một nhóm sự kiện cô lập và có giới hạn rõ ràng, mà là lý luận về toàn bộ những sự kiện mà giới tự nhiên bày ra trước mắt chúng ta, là hệ thống của giới tự nhiên, như người ta đã nói hồi thế kỷ XVIII, hay ít ra là một sự đóng góp trực tiếp vào một lý luận thuộc loại ấy.

Ngu!

Quan điểm triết học không đối lập với quan điểm khoa học; nó chồng lên quan điểm khoa học. Ngay cả khi nhà bác học hết sức cố gắng đề đạt đến tri thức thực chứng, ông ta cũng là nhà triết học, vì bản thân tri thức thực chứng cũng là một triết học...

Bim, bam!

Khoa học không nên khác triết học về đối tượng (đối tượng của cả hai đều giống nhau: làm sáng rõ kinh nghiệm), cũng như về phương pháp (phương pháp của chúng cũng phải như nhau, vì môn khoa học, theo định nghĩa, phải là môn duy nhất nhờ nó mà trí tuệ của chúng ta có thể được thỏa mãn). Không, giữa khoa học và triết học chỉ có một chỗ khác nhau, đó là khác nhau về quan điểm và chỗ khác nhau, chỗ khác nhau duy nhất, giữa quan điểm khoa học và quan điểm triết học, đó là quan điểm triết học có tính chất chung hơn rất nhiều và luôn luôn biểu hiện ra gần như là một sự mạo hiểm...

Ồ!

[Tr. 364-369]... Lịch sử đã vạch ra cho chúng ta thấy rằng khi khoa học tách rời

Phòng thủ
chống lại
chủ nghĩa
duy vật

quá xa những sự quan tâm chung nhất của con người (những sự quan tâm này là cơ sở của phần lớn các vấn đề triết học), khi do bắt buộc, hoặc do quá thận trọng, khoa học trao nhiệm vụ đáp ứng lại những sự quan tâm chung nhất ấy, cho những sự nghiên cứu tư biện khác hay là cho những tín ngưỡng cổ truyền, thì nó sẽ sống lay lắt hoặc tiêu ma đi. Vì vậy, những thành tựu của khoa học và tinh thần khoa học cần phải được tuyệt đối bảo vệ, khi cần, chống lại cả bản thân chúng, chống lại sự tự phụ quá độ, hay chống lại sự phiêu lưu, khi chúng vượt quá quyền hạn của chúng.

* Vì sự liều lĩnh quá mức — như chúng ta đã thấy ở một số khái quát của chủ nghĩa duy vật — của những nhà tư tưởng lạnh mạnh và thẳng thắn, cũng nguy hiểm cho khoa học không kém gì tư tưởng rụt rè và tinh thần quá thận trọng của kẻ tầm thường. Vì vậy, duy trì không khí chung cần thiết cho sự phát triển của khoa học, cho việc duy trì một cách bình thường và truyền bá tinh thần khoa học, đó là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của triết học...

Nhưng cố nhiên, triết học chỉ có thể hoàn thành hai sứ mệnh mà chúng ta thấy hình như nó phải đảm nhiệm: một mặt phối hợp những cố gắng của các nhà bác học và phục vụ sự phát minh bằng những giả thuyết có tính chất gợi ý, — và mặt khác tạo ra không khí cần thiết cho sự tiến bộ của khoa học, với điều kiện là nó chỉ tìm cách trở thành một sự tổng hợp có tổ chức của các khoa học, — những khoa học này

được xem xét và hiểu biết như các nhà bác học đã xem xét và hiểu biết — nói tóm lại là trở thành một sự tổng hợp được thực hiện theo một tinh thần hoàn toàn khoa học.

Nhưng, điều làm cho ta yên tâm là: chúng ta thấy — cố nhiên thấy ở một trình độ thấp hơn trong chủ nghĩa thực dụng, nhưng dù sao cũng là ở một trình độ còn rất cao — rằng những công tác nghiên cứu triết học hiện nay, do cương quyết đoạn tuyệt với những sai lầm siêu hình của thời kỳ trước, đã theo rất sát những công trình khoa học đã tìm cách thích ứng với công tác khoa học và lấy lực lượng, cở vủ trong công tác đó.

Không chối cãi được rằng ngày nay, đã hình thành một tình cảm khoa học rất sâu sắc và rất rõ rệt, tình cảm này ở những người này đang phát triển song song với tình cảm tôn giáo hay tình cảm đạo đức và phát triển như ở trên một mặt phẳng khác mà ở đó sự đụng chạm không thể xảy ra, và ở những người khác, nó đã thay thế cho tình cảm tôn giáo ấy và đủ để hoàn toàn thỏa mãn mọi yêu cầu của họ. Đối với những người này, theo những lời nói hoa mỹ của Rơ-năng, khoa học đã cung cấp cho họ một tượng trưng và một quy luật. Họ đã có một thái độ thật sự thực chứng, tức là thái độ đã giữ lại của chủ nghĩa duy lý cũ, lòng tin tưởng không thể lay chuyển được của nó đối với lý tính của con người, đồng thời tiếp thụ được ở thắng lợi không chối cãi được của phương pháp thực nghiệm, cái

kết quả không chối cãi được này là lý tính chỉ là sự cố gắng không ngừng của tinh thần đề thích nghi với kinh nghiệm, đề hiểu kinh nghiệm ngày càng sâu hơn, là sự xâm nhập lẫn nhau giữa thực tại khách quan và tư duy chủ quan.

Tôi thiết tưởng rằng tương lai của triết học chính là ở mặt thứ hai đó, vì chân lý là ở mặt đó. Cũng như trong tất cả các lời tiên đoán, ở đây cũng chỉ có một hành vi tín ngưỡng thôi. Tương lai sẽ cho biết là lời tiên đoán đó đúng hay sai. Và vì đó là một hành vi tín ngưỡng, nên tôi cũng công nhận rằng tất cả mọi hành vi tín ngưỡng khác đều là hợp lý, với điều kiện là những ai có hành vi ấy cũng phải có thái độ như vậy đối với tôi. Thậm chí tôi cũng nghĩ rằng một trào lưu tư tưởng gặp những trào lưu tư tưởng đối lập với nó, đó là một điều tốt, vì chính nhờ có sự phê bình của những kẻ đối lập mà nó trở thành tinh vi hơn, phát triển lên, được bổ khuyết và trở thành chính xác hơn.

!!
Chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa thực nghiệm, chủ nghĩa thực tại = chủ nghĩa « thực chứng tuyệt đối hay duy lý »

Người ta có thể gọi quan điểm triết học đã được phát ra trong những công trình nghiên cứu gần đây là chủ nghĩa thực chứng duy lý, chủ nghĩa thực chứng tuyệt đối hoặc chủ nghĩa khoa học. Để tránh mọi sự nhầm lẫn, có lẽ nên gọi nó là chủ nghĩa thực nghiệm: điều đó chỉ ra rằng nó vừa hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm — nhưng trái với chủ nghĩa kinh nghiệm thời xưa, nó dựa vào kinh nghiệm đã được kiểm tra,

kết quả của thực nghiệm khoa học — lại vừa từ chối, trong chủ nghĩa hiện thực tuyệt đối của nó và trong chủ nghĩa nhất nguyên thực nghiệm của nó, không vượt quá giới hạn của kinh nghiệm.

Kinh nghiệm, đó trước hết và trực tiếp là toàn bộ cảm giác của chúng ta, tức là cái mà chúng ta gọi là những hiện tượng. Nhưng kinh nghiệm bắt đầu từ phân tích bản thân nó, khi sự chú ý và sự suy nghĩ được vận dụng vào đó, vì toàn bộ những cảm giác đó chỉ là một hình tượng thô lậu và rất nông cạn về cái hiện có. Và gần như ngay lập tức trong cái hiện có, và dưới cái hiện có một vài quan hệ bao hàm trong cái hiện có và tạo thành cơ sở chân chính của cái hiện có, được vạch rõ ra. Khoa học ra sức tiến hành dần dần sự phân tích đó, sự phân tích này càng đi sâu thêm mãi vào bản tính của cái hiện có. Nếu người ta muốn biểu hiện cái hiện có trực tiếp, bằng một điểm, thì đề có một hình ảnh về cái hiện có hiện thực, cần phải tưởng tượng rằng điểm đó chỉ là hình chiếu của một đường thẳng kéo dài sau điểm đó. Đường thẳng này có thể cắt ra làm nhiều đoạn, và mỗi đoạn, tuy không bị ngăn cách bằng một bức tường không thể vượt qua được, sẽ bao gồm những họ quan hệ chi phối cái hiện có trực tiếp. Mỗi một họ ấy sẽ được cấu tạo theo một quy định căn cứ vào những tính cộng đồng tự nhiên, gắn liền những quan hệ này với

kinh
nghiệm =
 Σ cảm
giác.

«Chose en
soi»?¹

1. Vật tự nó. (N.D.)

nhau. Đó là những quan hệ về số lượng và về vị trí, những quan hệ cơ học, vật lý học, v.v., và sau cùng cũng là những quan hệ tâm lý, những quan hệ này được xác định bởi sự phụ thuộc của chúng vào cơ thể có quan hệ với cái hiện có. Có bao nhiêu nhóm quan hệ như vậy, thì cũng có bấy nhiêu khoa học riêng biệt.

Triết học, trái lại, cố gắng hình dung đường thẳng trong toàn bộ chiều dài và tính liên tục của nó. Nhưng bất luận đường thẳng trong tổng thể của nó, hay là điểm tức hình chiếu của đường thẳng, bất luận cái hiện có trực tiếp, hay là những quan hệ được bổ sung dần dần cho cái hiện có khi người ta phân tích nó, đều có cùng một tính chất.

S Đó là những tài liệu của kinh nghiệm. Và toàn bộ những tài liệu này chỉ là một kinh nghiệm duy nhất: kinh nghiệm của con người. Chính cấu tạo tâm lý của chúng ta, chứ không phải bản tính của sự vật, là cái phân biệt thế giới với tri giác, vũ trụ, với khoa học; và sự phân biệt này là tạm thời và ngẫu nhiên.

Vậy kinh nghiệm chỉ cần được giải thích thôi. Giải thích kinh nghiệm, tức là vạch ra một cách đơn giản những quan hệ bao hàm trong kinh nghiệm, nhưng quan hệ mà tự bản thân kinh nghiệm đem lại cho nhận thức của chúng ta, nếu chúng ta biết tiếp thu những bài học của nó. Và khoa học tự đảm nhiệm công việc này. Nhưng vì là toàn bộ hiện thực, nên kinh nghiệm không cần phải chứng thực: nó tồn tại.

HẾT

NỘI DUNG

.....
— § 6. Những tư tưởng của nhà toán học *Poăng-
Poăng-ca-rê.* *Poăng-
ca-rê.*

.....
Tr. 6-7; 28-9 = hai đường lối
33 = chân lý = ? đối với vấn đề chủ nghĩa
thực dụng và 35
49 = giá trị khách quan của khoa học =
trung tâm
Toán học và chủ nghĩa thực dụng — 62
80: Các nhà thực dụng chủ nghĩa đã kéo
Poăng-ca-rê và Ma-khơ về phía họ 90
Rây = người bất khả tri luận thuần túy 94 (93)
98: Ma-khơ + tính khách quan = Rây? !
100: Khái niệm = bản sao hiện thực
Tính khách quan 105
113: chủ nghĩa duy vật tầm thường¹.

1. Do Lê-nin viết trên bìa sách của Rây. (B.T.)

A. ĐÊ-BÔ-RIN. «CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG»

Không
đúng

Không
cần phải
dùng
những
chữ «của
người
khác»!

[39]... Là một thể giới quan, chủ nghĩa duy vật biện chứng giải đáp — dĩ nhiên là tương đối — vấn đề cấu tạo của vật chất, cấu tạo của thế giới; nó là cơ sở cho lý luận lịch sử xuất sắc nhất: trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chính trị và đạo đức, trên một ý nghĩa nào đó, trở thành những khoa học chính xác. Dĩ nhiên là chủ nghĩa duy vật biện chứng, hiểu một cách đúng đắn, thì đâu đâu, cũng mang lại một trào lưu mới trong chủ nghĩa phê phán nhận thức luận mà vẫn tránh được mọi chủ nghĩa giáo điều.

[41]... Can-tơ đã hiểu rằng chỉ có nhờ vào «trực quan toán học» mới có thể có được nhận thức thực sự khoa học. *Trực quan cảm tính* không bao hàm những điều kiện cần thiết cho một nhận thức hoàn toàn tất yếu. Những hình ảnh cảm tính không thể bao gồm toàn bộ những hiện tượng của nhận thức. Và Can-tơ chuyển từ chủ nghĩa tâm lý đến chủ nghĩa tiên nghiệm...

1. Bài báo trong tập *Ở nước ngoài*, Xanh-Pê-téc-bua, 1909. (B.T.)

[49]... Tính hạn chế của chủ nghĩa tiên nghiệm biểu hiện ở chỗ nó không mở rộng phạm vi của nó đến lĩnh vực của thực tại của các sự vật, mà lại coi các phạm trù chẳng qua chỉ là những hình thức *chủ quan* và hơn nữa là những hình thức *tiên thiên* của ý thức. Chủ nghĩa tiên nghiệm, thông qua bản thân các hiện tượng, mà nắm lấy những hình thức của phạm trù, tức là những hình thức lô-gích phổ biến. Các hình thức này cho phép nêu lên một cách chặt chẽ những quy luật toán học của giới tự nhiên, và làm cho chúng có được tính chất phổ biến. Nhưng chủ nghĩa tiên nghiệm, cũng giống như chủ nghĩa hiện tượng cảm giác luận, chỉ có quan hệ đến các hiện tượng. Đối với chúng, tồn tại, vật tự nó đều là không thể nhận thức được...

Thử xem
xem!

[53]... Chẳng hạn như Pắc-mê-ni-đơ thấy cái mà tư duy hay *lý tính* có thể nhận thức được và ở đằng sau những hiện tượng tạm thời và biến đổi, là bản chất chân chính của sự vật (cái «Một»). Chính do đó, nó tách những tri giác cảm tính khỏi cơ sở của chúng, tách thể giới hiện tượng khỏi thể giới ngoài hiện tượng...

Ồ!

[56] ... Các nhà duy vật Pháp, đứng đầu là Hòn-bách, đem *bản tính*, với tư cách là bản chất siêu hình của sự vật mà đối lập với *đặc tính* của sự vật. Sự đối lập này, theo một ý nghĩa nào đó, cũng là một nhị nguyên luận giống như nhị nguyên luận về «vật tự nó» và về các «hiện tượng» ở Can-tơ...

Nói dối!

Vung về
hết chỗ
nói

Thật là
hồ lớn

C.Y

Những
chân lý
thực tại
trình bày
bằng một
ngôn ngữ
rườm rà
và khó
hiều đến
quái gở.
Tại sao
Ăng-ghen
lại không
viết một
cách lộn
xộn như
vậy?

[57] ... Nhưng chúng ta sẽ bắt công đối
với chủ nghĩa duy vật Pháp, nếu chúng ta
coi nó là giống với chủ nghĩa Can-tơ. Chủ
nghĩa duy vật thế kỷ XVIII thừa nhận ngay
cả rằng bản chất của sự vật là tương đối
có thể nhận thức được...

Chủ nghĩa duy vật Pháp, tuy cũng cho
rằng vật chất tác động vào giác quan bên
ngoài của chúng ta, nhưng lại thừa nhận
rằng một số đặc tính nào đó của những vật
tự nó là *có thể nhận thức được*. Nhưng chủ
nghĩa duy vật Pháp lại không được triệt để
hắn, vì nó cho rằng chỉ có một số đặc tính
nào đó của sự vật là có thể nhận thức được,
còn «bản chất» của sự vật hoặc là «bản
tính của chúng» thì bị che giấu và chỉ có
thể nhận thức được một phần thôi.

[60-61] ... «Cái bên trong» mang một
tính chất khách quan hiện thực; «cái tiên
nghiệm» ở bên kia các hiện tượng trong
phạm vi «cái không thể nhận thức được»
biến đổi từ bản chất thần bí mà giác quan
chúng ta không thể cảm biết được, thành
một nội dung «bên trong» của ý thức của
chúng ta, thành một đối tượng của tri giác
cảm tính. «Cái bên trong» trở thành «tiên
nghiệm» trong chừng mực nào có một ý nghĩa
khách quan thực tại và trong chừng mực
nó đem lại khả năng phán đoán những đặc
tính của sự vật theo hiệu quả của chúng;
«cái tiên nghiệm» trở thành «cái bên trong»
trong chừng mực nó vừa ở trong phạm vi
của *cái có thể nhận thức được*, lại vừa ở
bên kia chủ thể... Thế là vấn đề quan hệ
lẫn nhau giữa hiện tượng và những vật tự

nó — vấn đề nhận thức luận quan trọng bậc nhất đã làm cho Can-tơ, các nhà siêu hình học và các nhà hiện tượng luận... phải nát óc, — đã được giải quyết một cách duy nhất khoa học và chính xác.

[65]... Vật thể tác động vào giác quan chúng ta được coi như là *nguyên nhân* của *hành động* do nó gây nên, tức là của tri giác. Những người hiện tượng luận phủ nhận ngay cả khả năng đặt vấn đề như thế. Những người nội tại luận giả định rằng giả thử có một thế giới bên ngoài thật, thì thế giới bên ngoài đó là không những không thể nhận thức được đối với tri giác, mà cả đối với tư duy nữa...

[67]... Cũng phải thừa nhận rằng tri giác của chúng ta, với tư cách là kết quả của tác dụng của hai nhân tố — thế giới bên ngoài và «cảm tính» của chúng ta — là không đồng nhất, ngay cả về nội dung, với các sự vật của thế giới bên ngoài, thế giới mà chúng ta không thể nhận thức được bằng trực giác trực tiếp...

[70] ... Một sự vật hoàn toàn không có chất lượng hoặc đặc tính nào, thì thậm chí chúng ta cũng không thể tưởng tượng được nó, nó không thể tồn tại, không có một tồn tại nào. Thế giới bên ngoài là do chúng ta

tạo thành xuất phát từ những tri giác của chúng ta, căn cứ vào những ấn tượng mà thế giới bên ngoài, bản thân các sự vật, gây nên trong chúng ta...

C.Y.

??

Danh từ
vùng về
và tối
nghĩa.

[71] ... Chỉ có trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng là chủ nghĩa thừa nhận sự tồn tại của thế giới bên ngoài, mới có thể xây dựng được một nhận thức luận thuần túy khoa học. Kê nào phủ nhận thế giới bên ngoài, thì cũng phủ nhận nguyên nhân của những cảm giác của chúng ta và đi đến chủ nghĩa duy tâm. Nhưng thế giới bên ngoài

cũng là một nguyên tắc về tính quy luật.

Và nếu chúng ta nhìn thấy trong tri giác của chúng ta, một mối liên hệ nhất định, đều đặn giữa các tri giác, thì đó chỉ là vì nguyên nhân của các cảm giác của chúng ta, tức là thế giới bên ngoài, là cơ sở của mối liên hệ tất yếu ấy.

A! a!
Pơ-lê-kha-
nốp không
nói gì về
«trào lưu
mới» này.
Ông không
biết nó;

[73] ... Chủ nghĩa duy vật biện chứng không hề giải quyết trước vấn đề cấu tạo của vật chất theo ý nghĩa thừa nhận một cách tuyệt đối thuyết nguyên tử hoặc là thuyết hạt nhỏ hoặc một giả thuyết thứ ba nào đó. Và, nếu những lý thuyết mới về cấu tạo của nguyên tử thắng lợi, thì điều đó không những có nghĩa là chủ nghĩa duy vật biện chứng không bị phá sản mà trái lại, chủ nghĩa này lại được chứng minh một cách rục rờ nhất. Vậy thì thực chất của trào lưu mới trong các khoa học tự nhiên là gì? Trước hết thực chất đó là ở chỗ nguyên tử, mà các nhà vật lý học vẫn coi là bất biến và đơn giản nhất, tức là coi là một «vật thê» cơ bản và không thể phân chia được, thì ngày nay đã tỏ ra là gồm nhiều hạt nhỏ hoặc

những đơn vị cơ bản hơn nữa. Người ta
giả thiết rằng điện tử là thành phần cuối
cùng của tồn tại. Nhưng chủ nghĩa duy vật
biện chứng có khẳng định rằng nguyên tử
là giới hạn tuyệt đối của tồn tại không?...

[74]... Thật là sai lầm nếu bắt chước
các ngài theo chủ nghĩa Ma-khơ mà nghĩ
rằng, với việc thừa nhận thuyết điện tử,
thì vật chất, với tư cách là thực tại, biến
mất, chủ nghĩa duy vật biện chứng cũng
sụp đổ theo, vì chủ nghĩa duy vật biện chứng
cho rằng vật chất là thực tại duy nhất và

vũ khí duy nhất thích hợp cho việc hệ thống

hóa kinh nghiệm... Tất cả các nguyên tử
có gồm có những điện tử không? Vấn đề
này chưa được giải quyết, đó là một giả
thuyết có thể cũng không được chứng minh.
Nhưng, ngoài điều đó ra, thuyết điện tử
có loại trừ nguyên tử không? Nó chỉ vạch
ra rằng nguyên tử là tương đối ổn định,
không thể phân chia, bất biến... Nhưng
nguyên tử, với tư cách là cơ chất hiện thực,
không bị thuyết điện tử loại trừ...

Đê-bô-rin
trình bày
nó một
cách mơ hồ.
Đúng!

Danh từ
ngu ngốc!

PI-E-RƠ GHÉ-NỐP. «NHẬN THỨC LUẬN VÀ THUYẾT SIÊU HÌNH CỦA PHƠ-BÁCH»

DUY-RÍCH, 1911 (LUẬN ÁN TRÌNH BÀY Ở BÉC-NO)
(89 TRANG)

Công trình này, thuần túy có tính chất học sinh, *hầu như* chỉ gồm những đoạn trích dẫn ở các tác phẩm của Phơ-bách, [theo *bản xuất bản của Giốt-lo*]. Nếu *chỉ* coi đó là *một bản sưu tập* những trích dẫn thì còn có ích đấy, nhưng cũng vẫn là một bản sưu tập chưa đầy đủ.

Chủ đề *hoàn toàn không được* tác giả phát triển.

Tác giả chủ yếu trích dẫn:

Tập II, nhất là *Đề cương và nguyên tắc*, rồi đến *Phản đối thuyết nhị nguyên*.

Tập X, nhất là *Bản về chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật*.

C.Y. VIII *Bài giảng về bản chất của tôn giáo* (năm 1848, bản thân Phơ-bách cũng đã viết rằng tác phẩm này chín chắn hơn *Bản chất của đạo cơ đốc*, xuất bản năm 1841) (VIII, tr. 26,29; 102-9; 288; 329, v.v.).

VII. *Bản chất của tôn giáo* (1845; Phơ-bách coi tác phẩm này là một tác phẩm quan trọng).

IV. *Lép-nít-xơ với những lời nhận xét năm 1847*
(C.Y.) (IV, tr. 261; 197; 190-1; 274).

VII. Phần bổ sung vào *Bản chất của đạo cơ đốc*.
Tác giả dẫn chứng (theo tinh thần của Phơ-bách):

ÉP-BIN-GHỐT: *Tâm lý học thực nghiệm*, tr. 110 và 45.

PH. GIỐT-LƠ: *Tâm lý học giáo khoa thư*, tr. 403.

A. PHỒ-REN: *Óc và linh hồn*, lần xuất bản thứ 10, tr.14.

Lan-gơ (quyển thứ 2) thật sự không có lý do để chống lại Phơ-bách (tr. 83 và 88), xuyên tạc (và phủ nhận) chủ nghĩa duy vật của ông ta.

Thoạt đầu, tác giả trình bày một cách khái quát quá trình phát triển của triết học Phơ-bách: *Những ý nghĩ về sự chết* (1830) — lúc này Phơ-bách còn là người theo Hê-ghen; *Nhà văn và con người*¹ (1834) — bắt đầu đoạn tuyệt với Hê-ghen; *Phê phán những kẻ chống Hê-ghen* (1835) — chống lại những kẻ thù của Hê-ghen, nhưng không bên vực Hê-ghen (Xem đơ Gơ-run², tập II, 409; tập I, 390 và 398), — *Phê phán triết học Hê-ghen* (1839). — *Bản chất của đạo cơ đốc* (1841) — đoạn tuyệt — *Đề cương và Nguyên tắc của triết học của tương lai* (1842 và 1843). — *Bản chất của tôn giáo* (1845). — *Bài giảng về bản chất của tôn giáo* (1847).

1. Ở đây tác giả « không phải là người theo thuyết phiếm thần luận mà là theo thuyết đa thần luận »; « theo Lép-nít-xơ hơn là theo Hê-ghen » (tr. 15).

2. L. Phơ-bách. *Briefwechsel und Nachlass*.

NHỮNG GHI CHÚ ĐIỀM SÁCH CỦA CÁC TÁC GIẢ ĐỨC, PHÁP, ANH VÀ Ý VỀ LÔ-GÍCH HỌC CỦA HÊ-GHEN

Preussische Jahrbücher (t. 151) 1913, tháng Ba, bài của Bác sĩ F. - G. Sơ-mít «Hê-ghen và Mác.» Tác giả tán dương bước chuyển sang Hê-ghen, ông chỉ trích «triết học kinh viện về nhận thức luận» và trích dẫn những người theo phái Hê-ghen mới Côn-stantin Rôt-sle và A-dôn-phơ Lát-xông (của *Preussische Jahrbücher*). Bàn về quyền sách của Pơ-len-gơ ông cho rằng Mác đã không hiểu ý nghĩa của «tư tưởng dân tộc», về mặt là một hợp đề. Công lao của Mác — tỏ chức những người lao động lại — thì lớn, nhưng... phiến diện.

C.Y.

Kiểu mẫu về việc cắt xén Mác «theo kiểu phái tự do» (đúng hơn là theo kiểu tư sản, hiểu theo ý nghĩa một tình yêu tình cảm đối với công nhân, vì tác giả chắc chắn là một phần tử bảo thủ).

MÁC TÁC - GÁC, EN-LI-XƠ MÁC TÁC-GÁC, *Nghiên cứu về phép biện chứng của Hê-ghen*. Cam-bơ-rít-giơ, 1896. (259 trang) Bình luận in trong *Zeitschrift für Philosophie*, t. 119 (1902), trang 185. Tác giả,

chuyên gia về triết học của Hê-ghen, bảo vệ triết học của Hê-ghen chống lại Xét, Ban-phua, Lốt-dơ, Tơ-ren-dơ-len-bua, v.v. (chắc chắn rằng tác giả, Tác-gác, là một người duy tâm cực đoan).

Ê-min HAM-MA-SE: *Ý nghĩa của triết học Hê-ghen* (92 trang) 1911, Lép-dích.

Bình luận in trong *Zeitschrift für Philosophie*, t. 148 (1912), trang 95. Ở đây có những nhận xét khá hay về «sự xuất hiện trở lại của chủ nghĩa duy tâm sau Can-tơ trong thời đại hiện tại»; Vin-đen-ban có lẽ là một người bất khả tri luận, (tr. 96) v.v.; nhưng tác giả không hiểu chút gì về «chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối» của Hê-ghen, không hơn gì Ri-lơ, Đin-tây và những «danh nhân» khác. Có lẽ tác giả đã làm một việc quá sức mình.

An - đơ - riu XÉT: *Từ Can-tơ đến Hê-ghen*. Với những chương bàn đến triết học của tôn giáo. Luân-đôn 1882 (bình luận in trong *Zeitschrift für Philosophie*, t.83, tr.145) (1883).

Theo người ta nói, thì tác giả bênh vực Hê-ghen chống lại Can-tơ. (Nói chung là tán dương.)

STÉC - LINH: *Bí mật của Hê-ghen*. Bình luận — nt — t. 53 (1868), trang 268. Tác giả, một người sùng bái Hê-ghen một cách cực kỳ nồng nhiệt, giải thích Hê-ghen cho người Anh.

Béc-tơ-ran-đô SPA-VEN-TA : *Từ Xô-cơ-rát đến Hê-ghen*, Ba-ri, 1905 (432 trang, 4 li-rơ 50). Bình luận — nt — t. 129 (1906) — theo người ta nói thì đó là một *văn tập* trong đó có những bài nói về Hê-ghen mà đồ đệ trung thành là Spa-ven-ta.

STEC-LINH : *Bí mật của Hê-ghen*.

Bảng tiếng Ý :

SPA-VEN-TA : *Từ Xô-cơ-rát đến Hê-ghen*.

RAP. MA-RI-A-NÔ.

Bảng tiếng Đức.

MI-SƠ-LÊ và HEN-NINH : *Phép biện chứng của Hê-ghen* (1888).

SƠ-MÍT : *Lịch sử phép biện chứng của Hê-ghen* (1888).

Mục lục sách tham khảo mới hơn về Hê-ghen :

Những người theo phái Hê-ghen mới :
Ke-rơ-đơ Bơ-rát-lây.

J. - B. BAY-Y : *Nguồn gốc và ý nghĩa của lô-gích học của Hê-ghen*, Luân-đôn, 1901 (375 trang). Bình luận in trong **Tạp chí triết học** 1902, 2, tr. 312. Tác giả không phải chỉ biết lặp lại những từ ngữ của Hê-ghen (như *Vê-ra*), mà còn thử đứng trên quan điểm lịch sử để nghiên cứu những từ ngữ ấy và giải thích những từ ngữ ấy. Ngoài những chương khác ra có chương X: những liên hệ của lô-gích và giới tự nhiên (Hê-ghen có lẽ đã không đạt mục đích). Tác dụng của Hê-ghen là ở chỗ ông đã « chứng minh tính chất khách quan của nhận thức »... (tr. 314).

Uy-li-am OA-LA-XƠ : *Khái niệm về triết học của Hê-ghen và đặc biệt về lô-gích của ông. Óc-pho và Luân-đôn, 1894. Bình luận in trong « Tạp chí triết học », 1894, 2, trang 538. In lần thứ hai, lần thứ nhất in năm 1874. Tác giả đã dịch lô-gích học của Hê-ghen.*

« Oa-la-xơ trình bày cực kỳ chính xác quan điểm của Hê-ghen về khoa học đó (lô-gích học)... tức là khoa học bao trùm cả triết học về tự nhiên và triết học về tinh thần, vì tư tưởng thuần túy hoặc Ý niệm là cơ sở chung của cả thực tại vật chất, lẫn của thực tại tâm lý. » (540).

Bình luận về Oa-la-xơ trong *Zeitschrift für Philosophie*, tập III (1897), tr. 208, là có tính chất tán dương nhưng không vững.

(P. RỐT-TA: « Sự phục hưng Hê-ghen và « triết học vĩnh viễn » trong *Tạp chí triết học Ý*, 1911, I. — (bình luận trong *Tạp chí triết học* 1911, 2, tr. 333).

Rốt-ta là một người thuộc phái Ke-rơ-đơ. Hình như không tồi lắm.

Cùng với những đoạn khác, thì có... « quan điểm theo chủ nghĩa Hê-ghen mới của Bơ-rát-lây về năng lượng không thể nhìn thấy, luôn luôn được phát hiện, có mặt và tác động mỗi khi có một biến hóa và mỗi một hành động cá biệt ».

Gơ-ri-e HIP-BEN: *Khoa Lô-gích của Hê-ghen*, thứ giải thích, *Nữ-u-ước*, 1902, tr. 313.

Bản dịch
« Triết học
về tinh thần »
và một
chương giải
thích cũng
là của ông
năm 1894.
Bình luận
- nt -

Giải thích
duy tâm
về năng
lượng ??

Nói chung
tác giả của
bài bình
luận ghi lại
« sự phục
hưng của
chủ nghĩa
Hê - ghen
trong các
nước an-
gơ-lô-xác-
xông »...
« trong
những
năm gần
đây ».

Bình luận trong *Tạp chí triết học* 1904, tập I, tr. 430: « Mặc dầu đầu đề của nó, tác phẩm của M.G.H. là một bản tóm tắt gần như nguyên văn, hơn là một bình luận có tính chất giải thích. » Tác giả đã soạn ra một cái gì như một từ điển giản yếu có tính chất giải thích các danh từ trong Khoa Lô-gích của Hê-ghen, nhưng có lẽ đây không phải là cái chủ yếu: « Các nhà bình luận còn đang bàn cãi về chính ngay lập trường của Hê-ghen, về ý nghĩa cơ bản và mục đích chân chính của phép biện chứng của ông. Đối lập với những phê phán nổi tiếng của Xét, là những giải thích mới, tức là những giải thích gán cho *Lô-gích học*, trong toàn thể của nó, một ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn, — nhất là những giải thích của *Mác-Tác-gác và của G. Nô-en*. » [431].

C.Y.

Theo ý kiến của Híp-ben, Lô-gích học của Hê-ghen « không phải là một hệ tư biện đơn giản, một tổ hợp ít nhiều thông thái về những khái niệm trừu tượng; mà đồng thời nó là « một sự giải thích về đời sống thế giới trong toàn bộ ý nghĩa cụ thể của nó » » [tr.430].

C.Y

BÁC SĨ GIÔ-HAN PƠ-LEN-GƠ. « MÁC VÀ HÊ-GHEN »

TU-BIN-GHEN, 1911

Pơ-len-gơ không thể hiểu «chủ nghĩa duy vật» làm thế nào mà có thể dung hợp được với *tinh thần cách mạng* (mà ông gọi là «chủ nghĩa duy tâm», v.v.). Ông *phát câu* lên về việc chính mình không hiểu!!!

Đầu óc
quá ư tầm
thường!

Một ví dụ rất tốt về cái cách mà các giáo sư tư sản tầm thường hóa những cơ sở của chủ nghĩa Mác, những cơ sở lý luận của nó!! *Ad notam*¹ cho các nhà kinh tế học để quốc và đồng bọn!!

Sau một bài tựa huyênh hoang: đây, như thế nào tôi, tôi, tôi, tôi «đã đọc» Hê-ghen và Mác — đến một đoạn khái quát rất nông cạn về «học thuyết» của Hê-ghen (chủ nghĩa duy tâm không tách ra khỏi «tư biện»; trong đó có rất ít điều được nắm vững; tuy nhiên trong tập nghiên cứu này, có một số nhận xét hay về chủ nghĩa Can-tơ, v.v.). Còn về Mác, «sự phê phán» là hoàn toàn vô lý.

Phương
diện lý
luận của
phép biện
chứng đã
không
được chú
ý đến!!

1. Đề báo cho. (B.T.)

Mác ||
«Nhà không
luận»

!

«Duy
nhất»

Mác!! «đã
không hiểu»
Hê-ghen.
97 và sq

Mác bị buộc tội là «không luận thuần túy», khi ông giải thích người vô sản «hiện thực» là đại biểu của giai cấp (82).

«Khi thì là ngôn ngữ thô bỉ của một kẻ truyền đạo đã kiên quyết từ bỏ mọi chủ nghĩa duy tâm... khi thì là yêu cầu duy tâm chủ nghĩa của một kẻ cuồng nhiệt về chính trị: đó là chân tướng của Các Mác». [82]

«Điều khá lạ lùng là vị bác sĩ cấp tiến người Do-thái này cả đời chỉ biết có một phương thuốc *đay nhất* cho tất cả các hình thái xã hội cần được điều trị: phê phán và đấu tranh chính trị.» [56].

... Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác thật ra «bắt quá chỉ là một cử chỉ làm cảm động lòng người», «một học thuyết duy lý chủ nghĩa đến cực độ», «về thực chất một quan điểm duy tâm chủ nghĩa về xã hội» v.v., v.v. (83)

.. «động cơ cồ động»... (84) — nt — (86, 92 và sq) [115 và sq].

Mác đã chiếm lấy «cái chủ nghĩa kinh nghiệm ấy của các khoa học tự nhiên». «Mác tự nhiên hóa khoa học xã hội.» (— nt —).

... «Con đường của ông (của Mác) không phải là con đường của một nhà tư tưởng mà là con đường của một nhà tiên tri về tự do»... !!! (95)

Cách mạng xã hội chủ nghĩa = nguyện vọng chủ quan muốn coi cách mạng xã hội chủ nghĩa là một «nhận thức có tính khoa học và khách quan», «đó là ảo tưởng, đang biến chất thành sự bịp bợm, của một người mơ mộng trong trạng thái hôn mê.» (tr. 110).

... «Ý chí say mê của một kẻ cấp tiến truyền bá tự do đã chi phối... Mác»... (111)

!!

... Mác, «kẻ cồ động đã kích thích mọi bản năng thù hận»... (115).

Inde
ira!!¹

Chủ nghĩa Mác «biến thành một luận lý học của nhiệt tình có tính chất cuồng nhiệt, có tính chất phủ định một cách trừu tượng» (giống như Hồi giáo theo cách nói của Hê-ghe!)... (120).

.. «Khí chất cuồng nhiệt» của Mác («đầu óc bốc cháy» của ông) — đó là thực chất của vấn đề. (120).

V.v... Giễu cợt hèn hạ!

Đoạn trích dẫn này lấy ở đâu? tác giả không nói rõ.

«Không có cách mạng, chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được. Chủ nghĩa xã hội cần đến hành động chính trị đó, trong chừng mực nó cần phải phá hoại và tàn phá. Nhưng ở chỗ nào, hoạt động hữu cơ của nó bắt đầu, ở chỗ nào mục đích thật sự của nó bộc lộ tâm hồn của nó, thì ở đó chủ nghĩa xã hội vứt bỏ cái vỏ chính trị bên ngoài của nó đi.»

C.Y.

C.Y.

—Pơ-len-gơ trích dẫn đoạn này, nhưng không nói rõ lấy ở đâu, sau đó nói tiếp: ««Vỏ chính trị bên ngoài» bị vất đi đó, dĩ nhiên, là toàn bộ chủ nghĩa Mác.» (129).

1. Do đó, mà nổi giận. (B.T.)

«Thật quá
thông
minh!!»

Pơ-len-gơ đã khám phá ra những
«mâu thuẫn» như thế nào: Mác đã viết
trong *Rheinische Zeitung*:

«Cũng vẫn cái tinh thần xây dựng đường
sắt bằng cánh tay của công nghiệp, lại
xây dựng những hệ thống triết học trong
đầu óc nhà triết học.» (tr. 143). Sau đó,
những tư liệu sản xuất này tự giải phóng
khỏi tinh thần đã sáng tạo ra chúng và
lại quyết định tinh thần, một cách tuyệt
đối.

Một kiểu mẫu về việc Pơ-len-gơ phê phán
học thuyết giá trị thặng dư:

!!

«Do đã cường điệu một cách thô bạo,
nên nó làm nổi bật đến quá mức người
ta sự kiện tàn bạo này của chủ nghĩa tư
bản, là lòng tham lam lợi nhuận hạ thấp
tiền lương và làm cho điều kiện lao động
thêm nặng nề. Nhưng trái lại, nó đã mắc
phải một lỗi căn bản là phân đôi các khái
niệm, lỗi này được che đậy bằng thuật ngữ
đã dùng.» (157).

... «Do nhu cầu oô động, học thuyết
này lừa về giá trị thặng dư chiếm một địa
vị nổi bật nhất trong toàn bộ hệ thống»...
(164).

Hạt
ngọc!!

... «Mác, — người Do-thái cách mạng của
thế kỷ XIX, đã sửa lại bộ áo mượn của triết
học lớn của chúng ta, nhằm những mục
đích cá nhân.» (171).

(Tay Pơ-len-gơ này thật là một đầu
óc cực kỳ tầm thường. Giá trị khoa học
của quyển sách nhỏ đáng thương của
hắn — chỉ là con số không.)

GIOÓC-GIƠ NÔ-EN: LÔ-GÍCH HỌC CỦA HÊ-GHEN

PA-RI, 1897

Đã xuất bản dưới hình thức những bài đăng trên *Tạp chí Siêu hình học và Đạo đức*, do Xa-vi-ê Lê-ông lãnh đạo.

Tác giả là một người duy tâm chủ nghĩa và chẳng có tài trí gì. Tác giả trình bày học thuyết của Hê-ghen, bênh vực Hê-ghen chống lại các nhà «triết học hiện đại», đem Hê-ghen đối chiếu với Can-tơ, v.v.. Chẳng có gì là hay ho. Chẳng có gì là sâu sắc. Không một lời về phép biện chứng duy vật chủ nghĩa: chắc chắn là tác giả không có một khái niệm gì về phép biện chứng duy vật chủ nghĩa cả.

Chú ý cách ông dịch những danh từ của Hê-ghen:

Tồn tại — Bản chất — Khái niệm (Độ, v.v.).

Sinh thành (*das Gewordene*¹).

Tồn tại được quy định (*Dasein*).

Tồn tại cho một cái khác (*Sein für anderes*).

1. Lê-nin chỉ ghi ở đây chữ cuối của câu của Nô-en : «Tồn tại từ sinh thành mà ra » (B.T.)

Một cái gì (*Etwas*).
 Giới hạn (*Grenze*).
 Cự hạn (*Schranke*).
 Phải tồn tại (*Sollen*).
 Tồn tại cho nó (*Für-sich-Sein*).
 Tồn tại ngoài nó (*Ausser-sich-sein*).
 Nhận thức (*das Erkennen*).
 Hiện thực (*Wirklichkeit*).
 Bề ngoài (*Schein*).
 Tồn tại được thiết định (*das Gesetzsein*).
 Phản tư đang thiết định (*setzende Reflexion*).
 Căn cứ hoặc lý do tồn tại (*Grund*).
 Cái phổ biến (*das Vllgemeine*).
 Đặc thù (*das Besondere*).
 Phán đoán (*das Urteil*).
 Lập luận hoặc Suy lý (*Schluss*).

Cũng cần ghi những mưu toan buồn cười của tác giả nhằm biện hộ *as it were*¹ cho Hê-ghen chống lại việc buộc tội triết học của Hê-ghen là «chủ nghĩa thực tại» (đọc là : chủ nghĩa duy vật). Ở Hê-ghen, «triết học, trong toàn bộ của nó, là một suy lý. Mà trong suy lý ấy, Lô-gích là cái phổ biến, giới Tự nhiên là cái đặc thù và Tinh thần là cái cá biệt» (trang 123). Tác giả «phân tích» (= lặp lại) những câu cuối của Lô-gích học nói về sự chuyển hóa của Ý niệm thành giới Tự nhiên. Kết quả là lý trí, thông qua giới tự nhiên (trong giới tự nhiên), mà nhận thức được Ý niệm = những quy luật, những trùu tượng, v.v.. Phải đề phòng! Đó hầu như là chủ nghĩa duy vật!!...

1. Có nói được như thế. (B.T.)

«Nghiên cứu bản thân giới tự nhiên, mà không nói đến tinh thần, như vậy, há chẳng phải là mặc nhiên trở lại với chủ nghĩa thực tại loại ngây thơ nhất đó sao?» (trang 129).

C.Y!

«Cổ nhiên khi đem một triết học tự nhiên xen vào giữa Lô-gích học và triết học tinh thần, Hê-ghen đã đứng trên quan điểm của chủ nghĩa thực tại, nhưng làm như vậy ông không phạm một sự không triệt để nào cả... Chủ nghĩa thực tại của Hê-ghen chỉ là tạm thời. Đó là một quan điểm cần phải khắc phục.» (129).

C.Y.

«Chủ nghĩa thực tại có chân lý tương đối của nó, điều đó không còn phải tranh cãi nữa. Một quan điểm tự nhiên và phổ biến đến như thế không phải là một sai lầm ngẫu nhiên của tinh thần nhân loại... Muốn vượt chủ nghĩa thực tại, trước hết nó (phép biện chứng) phải đem lại cho chủ nghĩa thực tại sự phát triển hoàn toàn của nó và chỉ có như vậy, nó mới có thể chứng minh được tính tất yếu của chủ nghĩa duy tâm. Cho nên, Hê-ghen đem thời gian và không gian đặt thành những tính quy định chung nhất của giới Tự nhiên mà không phải là những hình thức của Tinh thần. Về điểm này, hình như ông không đồng ý với Can-tơ, nhưng chỉ là không đồng ý bề ngoài và về danh từ thôi...

C.Y.

??!!

«...Điều đó giải thích tại sao ông (Hê-ghen) nói về chất cảm tính, như thể là chất cảm tính là thực sự gắn liền với các vật thể. Người ta có thể lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông Vun-đơ-tơ nhân đó mà cho Hê-ghen là dốt. Phải chăng nhà triết học thông thái ấy tưởng

C.Y.
Hê-ghen
« Nhà thực
tài chủ
nghĩa »

C.Y.

rằng Hê-ghen chưa bao giờ đọc Đê-các-tơ, Lốc-cơ, hoặc ngay cả Can-tơ nữa đấy? Nếu ông là người thực tại chủ nghĩa, thì đó không phải là vì dốt, cũng không phải vì không triệt để, mà đó là tạm thời, và do ông phải tuân theo phương pháp của ông.» (130).

Khi so sánh Hê-ghen với Spi-nô-da, tác giả viết: «Nói tóm lại Hê-ghen và Spi-nô-da đều đồng ý đặt giới tự nhiên dưới sự chi phối của lô-gích» (140), nhưng ở Hê-ghen, lô-gích không có tính chất toán học, nó là lô-gích của những mâu thuẫn, của sự chuyển hóa từ «trừu tượng thuần túy sang thực tại» (v.v.). Tác giả nói: Ở Spi-nô-da, «chúng ta cùng với ông đứng ở cực đối lập với chủ nghĩa duy tâm...» (138) vì «thế giới tinh thần (ở Spi-nô-da) nằm bên cạnh thế giới vật thể; thế giới tinh thần không ở bên trên thế giới vật thể»...

...«Tư tưởng về tiến hóa đặc sắc đến như thế của chủ nghĩa Hê-ghen lại không có ý nghĩa gì cả đối với Spi-nô-da»... (138)

Hê-ghen phát triển phép biện chứng của Pơ-la-tông («cùng với Pơ-la-tông, ông thừa nhận sự cùng tồn tại tất yếu của các mặt đối lập» (140)) — Lép-nít-xơ là gần với Hê-ghen (141).

Nô-en bênh vực Hê-ghen chống lại việc người ta buộc tội cho Hê-ghen là theo phiếm thần luận... (sự buộc tội dựa trên những lý lẽ sau đây):

...«Phải chăng Tinh thần tuyệt đối, về cuối cùng của phép biện chứng của ông (của Hê-ghen), về thực chất, không phải là cái gì khác mà chính là tinh thần của con người được lý tưởng hóa và thần thánh hóa? Thần của nó có thể tồn tại ở chỗ nào hơn là trong giới tự nhiên và trong loài người?» (142).

«Sự bênh vực» của Nô-en là ở chỗ nhấn mạnh (lặp lại) rằng Hê-ghen là một người duy tâm chủ nghĩa.

Liệu có phải Hê-ghen là một «người giáo điều chủ nghĩa» không? (Chương VI: Chủ nghĩa giáo điều của Hê-ghen) Ông là giáo điều chủ nghĩa, theo ý nghĩa của *thuyết không hoài nghi*, theo ý nghĩa của *triết học cô đại* (trang 147). Nhưng ở Can-tơ, chủ nghĩa giáo điều = nhận thức «vật tự nó». Hê-ghen (chẳng khác gì Phích-tơ) phủ nhận vật tự nó.

Hê-ghen không phải là một «người hoài nghi chủ nghĩa»

Ở Can-tơ, chúng ta có «CHỦ NGHĨA THỰC TẠI BẤT KHẢ TRI LUẬN» (tr. 148 ở đoạn cuối).

C.Y.

...«Chính đứng trên quan điểm bất khả tri luận mà Can-tơ định nghĩa chủ nghĩa giáo điều. Là giáo điều chủ nghĩa, người nào cho rằng vật tự nó là có thể quy định được, cái không thể biết là có thể biết được. Mặt khác chủ nghĩa giáo điều có thể có hai hình thức»... (149) hoặc là chủ nghĩa thần bí hoặc là

Can-tơ người theo bất khả tri luận.

...«nó cũng có thể nâng một cách ngây thơ thực tại cảm tính lên thành thực tại tuyệt đối, đồng nhất hiện tượng với nu-men¹. Vậy đó là chủ nghĩa giáo điều kinh nghiệm luận, chủ nghĩa giáo điều của người tầm thường và của những nhà bác học xa lạ với triết học. Những người duy vật chủ nghĩa rơi vào sai lầm thứ hai đó; sai lầm thứ nhất là sai lầm của Pơ-la-tông, của Đê-các-tơ và của các môn đồ của họ...»

C.Y.
người duy vật = «người giáo điều chủ nghĩa».

1. *Noumène* nghĩa là : bản thể. (N.D.)

Ở Hê-ghen, không có một dấu vết gì là chủ nghĩa giáo điều cả, vì «chắc chắn là người ta sẽ không buộc tội ông là phủ nhận tính tương đối của sự vật đối với tư tưởng, vì toàn bộ hệ thống của ông là dựa trên nguyên lý đó. Người ta cũng sẽ không buộc tội ông là dùng các phạm trù một cách không phân tích và không phê phán. Lô-gích của ông phải chăng là cái gì khác hơn là sự phê phán các phạm trù, một sự phê phán nhất định là sâu sắc hơn sự phê phán của Can-tơ? (150)

C.Y.

|||

...«Đương nhiên khi vứt bỏ những numen, thì cũng do đó, ông (Hê-ghen) đã đem thực tại đặt vào trong hiện tượng, nhưng thực tại này, trong bản thân hiện tượng, chỉ là một thực tại trực tiếp, do đó là một thực tại tương đối và không đầy đủ ở bên trong. Nó chỉ là thực tại chân chính theo một ý nghĩa ám chỉ và với điều kiện là về sau nó phát triển»... (151)

Không
phải là
tôi !

|||

...«Mặt khác, giữa cái lý tính và cái cảm tính, không có sự đối lập tuyệt đối, không có đứt quãng, không có hố sâu không thể vượt qua. Cái cảm tính là cái lý tính cảm thấy trước; cái lý tính là cái cảm tính đã được hiểu biết»... (152)

(Anh duy tâm nhạt nhẽo kia ơi, ngay đối với anh nữa, Hê-ghen cũng là có ích!)

...«Tồn tại cảm tính bao hàm một cách mặc nhiên cái tuyệt đối và chính thông qua một quá trình tiệm tiến liên tục mà chúng ta tiến từ cái này lên đến cái kia.» [153].

...«Bởi vậy, và dù cho người ta nói như thế nào về nó, triết học của Can-tơ vẫn giữ nguyên cái thiếu sót cơ bản của chủ nghĩa

giáo điều thần bí. Chúng ta thấy lại ở triết học hai đặc điểm của chủ nghĩa đó : sự đối lập tuyệt đối giữa cái cảm tính và cái siêu cảm tính, và sự chuyển hóa trực tiếp từ cái này sang cái kia.» (156).

Trong chương VII: «Hê-ghen và tư tưởng hiện đại» Nô-en lấy chủ nghĩa thực chứng của Ô-guy-stơ Công-tơ và trong khi phân tích ông gọi nó là «*một hệ thống bất khả tri luận*» (166).

Chủ nghĩa
thực chứng
= bất khả
tri luận.

(nt (169) : «bất khả tri luận thực chứng chủ nghĩa.»)

Ở chỗ nào mà tác giả phê phán chủ nghĩa thực chứng là bất khả tri luận, thì ở đó tác giả đã giáng cho nó nhiều đòn đôi khi có hiệu quả, vì những sự không triệt để của nó —. Thí dụ ở chỗ nó nói là người ta không thể tránh được vấn đề nguồn gốc các quy luật hoặc vấn đề «tính cố định» trong các sự kiện («sự kiện bất biến», (170)) :

...«Tùy theo người ta coi chúng (những sự kiện bất biến) là không thể biết được, hoặc là có thể biết được, mà người ta sẽ đi đến hoặc là bất khả tri luận, hoặc là triết học giáo điều chủ nghĩa»... (170) cuối trang).

Chủ nghĩa phê phán mới của Ô. Rơ-nu-vi-ê là chủ nghĩa chiết trung, một cái trung gian giữa «chủ nghĩa hiện tượng thực chứng luận và chủ nghĩa Can-tơ chính cống» (175).

Trong những lời ông nói ba hoa về đạo đức, về tự do, v.v., Nô-en đã tầm thường hóa Hê-ghen, và không dă động gì đến tự do coi như sự hiểu biết tính tất yếu.

¹Bản dịch tiếng Pháp của những tác phẩm của Hê-ghen: VÊ-RA: *la Logique*, (Lô-gích học), *la Philosophie de l'Esprit* (Triết học Tinh thần), *la Philosophie de la Religion* (Triết học Tôn giáo), *la Philosophie de la nature* (Triết học tự nhiên):

Ch. BÊ-NA: *L'Esthétique et la Poétique* (Mỹ học và Thi học).

Tác phẩm về chủ nghĩa Hê-ghen:

A. BÔT-XI-RƠ: *Antécédents de l'hégélianisme dans la philosophie française* (Những tiền bối của chủ nghĩa Hê-ghen trong triết học Pháp).

P. GIA-NÊ: *La dialectique chez Hegel et Platon* (Phép biện chứng của Hê-ghen và của Pơ-la-tông).

1860 MA-RI-A-NÔ: *La philosophie contemporaine en Italie* (Triết học hiện đại ở Ý).

VÊ-RA: *Introduction à l'étude de la philosophie de Hegel* (Khái luận nghiên cứu triết học của Hê-ghen).

¹ Tiếng Pháp trong nguyên bản. (B.T.)

GHI CHÚ VỀ NHỮNG TÁC PHẨM KHOA HỌC TỰ NHIÊN

PÔN PHÔN-CƠ-MAN. «NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA
NHẬN THỨC TRONG CÁC KHOA HỌC TỰ NHIÊN»
(«KHOA HỌC VÀ GIẢ THUYẾT», IX)

XUẤT BẢN LẦN THỨ 2. LÉP-DÍCH, 1910

Tác giả là một nhà triết học chiết trung và tầm thường, nhất là trong những bài viết chống Héc-ken, hoặc là viết về Bốc-con, v.v., v.v.. Nhưng khuynh hướng của ông cũng vẫn là duy vật chủ nghĩa, chẳng hạn: «Vấn đề là xem chúng ta làm cho các khái niệm của chúng ta phụ thuộc vào giới tự nhiên hay là làm cho giới tự nhiên phụ thuộc vào chúng ta» — ông viết, đem cả hai quan điểm kết hợp với nhau. Ma-khơ có lý, nhưng tôi đem quan điểm «khách quan» đối lập lại ông ta (đối lập lại quan điểm của Ma-khơ).

«Chẳng hạn như tôi cho rằng lô-gích ở chúng ta bắt nguồn từ tiến trình có tính quy luật của các sự vật ở bên ngoài chúng ta, rằng tính tất yếu bên ngoài của các quá trình của giới tự nhiên là thầy giáo đầu tiên và chân chính của chúng ta».

Tác giả phản đối hiện tượng luận và nhất nguyên luận hiện đại, nhưng hoàn toàn không hiểu thực chất của triết học duy vật và triết học duy tâm. Thực ra, ông quy tất cả thành những «phương pháp» của các khoa học tự nhiên theo tinh thần

chung của chủ nghĩa thực chứng. Ông không biết đến cả cách đặt vấn đề tính hiện thực khách quan của giới tự nhiên ở bên ngoài ý thức (và cảm giác) của con người.

MÁC PHÉC-VOÓC-NƠ.
«GIẢ THUYẾT VỀ CHẤT NGUYÊN SINH»

(DIE BIOGENHYPOTHESE)

I-Ê-NA, 1903

Xem trang 9
Định nghĩa về
«enzime»¹.

Tác giả trình bày chuyên đề về «chất sống» và về sự trao đổi hóa học của các vật chất xảy ra trong đó. Chuyên đề.

Có một bảng mục lục các tài liệu tham khảo về vấn đề này.

Tr. 112 — «giả thuyết về việc làm», đây là thực chất của vấn đề. Chẳng hạn, hồi thế kỷ XIX, chủ nghĩa duy vật đã giúp ích rất nhiều cho khoa học tự nhiên, — nhưng hiện nay «không một nhà triết học tự nhiên nào lại có thể coi quan điểm duy vật là thích hợp nữa» (112). Không có chân lý vĩnh viễn. Ý nghĩa của các tư tưởng, hiệu quả và tác dụng của chúng, như là «chất men», — «chất men sáng tạo và tác động» (113).

[Điều đặc sắc ở đây là: diễn đạt một cách ngây thơ quan điểm cho rằng «chủ nghĩa duy vật» gây trở ngại! Không có một khái niệm nào về chủ nghĩa duy vật biện chứng và hoàn toàn không có khả năng phân biệt được chủ nghĩa duy vật, coi là triết học, với những quan điểm thô lỗ của bọn tiểu tư sản một thời đại nào đó tự nhận là người duy vật.]

Mục đích của tác giả: «phân tích một cách cơ giới những hiện tượng của sự sống» (tr. 1, Tựa) — dẫn chứng chương cuối quyển «Sinh lý học phổ thông».

1. Men. (N.D.)

Tác giả chủ trương không nên nói «chất an-bu-min sống» — ông nói đó là khái niệm ít rõ ràng, — cũng không nên nói «phân tử sống an-bu-min» («vì phân tử không thể là sống được»), mà nên nói là «phân tử-nguyên sinh» (25).

Sự chuyển hóa từ cái hóa học thành cái sống — rõ ràng đây là thực chất của vấn đề. Để có thể vận động tự do hơn giữa các điều mới, còn chưa rõ ràng, còn có tính chất là giả thuyết ấy, thì dả đảo «chủ nghĩa duy vật», dả đảo những quan niệm cũ kỹ («phân tử») «ràng buộc» chúng ta, chúng ta hãy nêu ra một tên gọi mới (chất nguyên sinh) để được tự do hơn trong việc đi tìm những tri thức mới! C.Y. Về vấn đề những nguồn gốc và những nguyên nhân *truyền sức sống* và kích thích «chủ nghĩa duy tâm» hiện đại trong vật lý học và các khoa học tự nhiên nói chung.

GIẢNG PE-RANH. «NHỮNG NGUYÊN LÝ TRIẾT HỌC CỦA HÓA HỌC VẬT LÝ»

PA-RI, 1903

Chú ý GIẢNG PE-RANH: *Luận văn về hóa học vật lý: nguyên lý* (300 trang)- Pa-ri, 1903. Bình luận của A-ben Rây trong *Tạp chí Triết học*, 1904, I, dưới đầu đề: «Những nguyên lý triết học của hóa học vật lý.» (Pe-ranh phân tích những khái niệm lực, v.v., nguyên nhân, v.v., năng lượng, v.v., — chống lại cách giải thích năng lượng là một thực thể huyền bí (tr. 401))... A-ben Rây coi Pe-ranh là một địch thủ «của những hệ thống hoài nghi luận mới».

FR. ĐA-NƠ-MAN, «HÌNH ẢNH CỦA CHÚNG TA VỀ THẾ GIỚI ĐÃ HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO?»

(VŨ TRỤ). STUT-GA, 1912

Trong sách này, tác giả làm một bản tóm tắt công trình của ông thành 4 tập: *Khoa học tự nhiên trong sự phát triển và liên hệ lẫn nhau của nó...* ((Có nhiều tính phổ cập)).

Tác giả làm ra về quan trọng, chỉ ra một cách lơ đãng, nông cạn, nhưng vấn đề triết học — nhàm.

Văn hóa đã trải qua gần 5.000 năm phát triển, kể từ Ai-cập cổ đại đến thời đại chúng ta. Theo Hô-me, trái đất chỉ bao gồm có Địa-trung-hải và những nước xung quanh Địa-trung-hải.

Ở Ai-cập, những đêm sáng trời tạo nhiều thuận lợi cho công việc nghiên cứu thiên văn học. Người ta quan sát các tinh tú và sự vận hành của chúng, mặt trăng, v.v.

Quyền sách chẳng ra doi cũng chẳng ra chuột: nếu gọi là sách triết học thì bôi bác, nhạt nhẽo, lải nhải; nếu là sách phổ cập thì huênh hoang.

Lúc đầu, người ta tính một tháng là 30 ngày và một năm 360 ngày. Những người Ai-cập cổ đại đã tính 365 ngày. Ê-ra-tô-sten (276 trước C.N.) xác định chu vi quả đất là 250.000 «sta-dơ» = 45.000 ki-lô-mét (không phải là 40.000).

A-ri-stác-cơ đã thấy là quả đất quay xung quanh mặt trời (1800 năm trước Cô-péc-níc, 1473 — 1543). (Thế kỷ III trước C.N.) ông tính mặt trăng là *ba mươi* lần bé hơn trái đất (không phải là 48) và mặt trời là *ba trăm* lần to hơn (không phải là 1.300.000)...

Hệ thống Tô-lê-mê (thế kỷ II sau C.N.)
↓
thế kỷ XV hoạt động trở lại của thiên văn học — gắn liền với nghề hàng hải.

Cô-péc-níc (1473—1543):
Hệ thống coi mặt trời là trung tâm. Hình tròn (không phải bầu dục).

((Chỉ đến giữa thế kỷ XIX, sự cải tiến các dụng cụ đo đạc mới cho phép chứng minh sự biến hóa hình thái của các định tinh)):

Pi-ta-go (thế kỷ VI trước C.N.) thế giới là đo số và độ chi phối...

4 nguyên tố, 4 vật thể, theo các nhà triết học cổ đại: đất, lửa, nước, không khí...

Đê-mô-cơ-rít (thế kỷ V trước C.N.):
nguyên tử...
thế kỷ XVII: nguyên tố hóa học

Ga-li-lê — (1564 — 1642)	phân tích quang phổ
Kê-pơ-le — (1551 — 1630)	(1860)
Niu-tơn — (1643 — 1727)	điện, v.v.,
vọng viễn trái đất bẹp ở kính, v.v, hai cực, 1/229 ((phát hiện của đường ra hơn 20 kính [không triệu tinh tú, phải là 1/299] v.v.))	định luật bảo toàn lực.

LÚT-VÍCH ĐAC-MƠ-STÉT-TE. «CHỈ NAM CHO LỊCH SỬ CÁC KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ KỸ THUẬT»

BÁ-LINH, 1908, XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI

Xác định tốc độ của ánh sáng:

1676 : Ô-lốt Rơ-me (dựa trên trạng thái sao Mộc bị che khuất):
40.000 hải lý. ít hơn 298.000Km

(ít hơn 300.000Km/giây)

1849 : Phi-dô (bánh xe răng cưa và gương):

42.219 hải lý 313.000Km/giây

1854 : Phu-côn (hai tấm gương quay, v.v.):

40.160 hải lý 298.000Km/giây

1874 : An-phơ-rê Coóc-nuy (theo hệ thống Phi-dô):

{ 300.400Km/giây

{ 300.330Km/giây

1902 : Pe-rô-tanh (-nt-)

299.900Km/giây

(±80m.) Km/giây

ÁC-TUYA Ê-RÍC HA-XƠ. «TINH THẦN CỦA THỜI KỲ HY-LẠP HÓA TRONG VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI»

LÊP-DÍCH, 1914 (32 TRANG). (PHET VÀ ĐỒNG BẠN)

Bình luận trong *Kant Studien*, 1914, số 3 (tập XIX), trang 391-2. Tác giả, giáo sư dạy lịch sử của vật lý học (Phôn-cơ-man đã chú ý rất nhiều đến lịch sử này) đã nhấn mạnh mối liên hệ đặc biệt giữa Hê-ra-cơ-lít và Tô-m-xơn, v.v., v.v.

TÊ-Ô-ĐO LÍP-XƠ. «NHỮNG KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ QUAN NIỆM VỀ THẾ GIỚI»

(DIỄN VĂN ĐỌC Ở ĐẠI HỘI 78 CÁC NHÀ KHOA HỌC
TỰ NHIÊN Ở STUT-GA). HEN-ĐEN-BÉC, 1906

Duy tâm chủ nghĩa theo kiểu Can-tơ và Phích-tơ. Nhấn mạnh rằng hiện tượng học (hiện tượng học mới—chỉ những hiện tượng. Tr. 40), cũng như duy năng luận và hoạt lực luận đều phát huy tác dụng theo tinh thần duy tâm chủ nghĩa.

Vật chất — X.

Tinh vật chất — «phương pháp ước lệ để diễn đạt»...
(trang 35).

Giới tự nhiên là một sản vật của tinh thần, v.v. (37)

«Tóm lại chủ nghĩa duy vật, trước hết, không phải là gì khác, mà chỉ là một tên gọi mới để gọi vấn đề mà các khoa học tự nhiên đặt ra» (32).

MỤC LỤC VẤN ĐỀ

Mục lục này chưa ghi được hết cả các vấn đề. Đối với một cuốn sách bao gồm chủ yếu những lời ghi chép, thì ghi tất cả các vấn đề sẽ làm cho bản mục lục dày bằng cuốn sách. Do đó, chúng tôi chỉ soạn những đề mục quan trọng nhất, và mong muốn là giúp cho việc nghiên cứu được dễ dàng hơn.

Đương nhiên, chúng tôi đã cố gắng định rõ ranh giới giữa tư tưởng của Lê-nin và tư tưởng của Hê-ghen hay Phơ-bách. Vì thế chúng tôi cho in đầu đề những đề mục thuộc về Lê-nin bằng chữ hoa đậm và đầu đề những đề mục thuộc các tác giả khác (tên các tác giả này ghi trong dẫn ngoặc đơn) bằng chữ hoa nhạt.

B.T.

B

BẢN CHẤT

- Bề ngoài và Bản chất, 140-141, 143-144, 295-296.
- Bề ngoài = phản ánh của bản thân Bản chất vào trong bản thân Bản chất, 144.
- Hình thức và Bản chất, 158.
- Hiện tượng là bản chất, 295-296.

BẢN CHẤT

(Phơ-bách.)

- Bản chất và thực tồn, 87-88.
- (Hê-ghen.)
- 172, 187, 192.

- Trừu tượng phải phù hợp với bản chất các sự vật, 98.
- Bản chất là chân lý của Tồn tại, 139.
- Bản chất giữ một vị trí trung gian giữa Tồn tại và khái niệm, 139-140.
- Bản chất và bề ngoài, 142-144.
- Sinh thành của Bản chất, 144.
- = Sự môi giới tuyệt đối với bản thân nó, 145.
- Sự thống nhất của khẳng định và phủ định, 147.
- Sự biểu hiện của Bản chất, 163.
- = Vòng khâu của cái sinh thành của khái niệm, 185.

- Những giai đoạn của tồn tại và của bản chất = Những vòng khâu của ý niệm, 220.

BẤT KHẢ TRI LUẬN

- Chống lại bất khả tri luận, 60.
- Chủ nghĩa duy tâm triết học dẫn đến Thần còn chính trực hơn là bất khả tri luận, 343.
- Thực chất của bất khả tri luận của A-ben Rây, 445.
- Bất khả tri luận = Chủ nghĩa duy vật xấu hổ, 453.
- Chủ nghĩa thực chứng = bất khả tri luận, 543.

BỀ NGOÀI

- Bề ngoài cũng có tính khách quan, 105.
- Bề ngoài và bản chất, 140.
- Tính trực tiếp của bề ngoài, 142.
- = Bản tính phủ định của Bản chất, 143.
- = Tồn tại với tư cách là vòng khâu, 143.
- Phản ánh của bản thân Bản chất vào trong bản thân nó, 144.
- Ý nghĩa khách quan của bề ngoài, 145.

BỀ NGOÀI

(Hê-ghen.)

- Là cái gì có một tính quy định trực tiếp, 142.
- Bản chất và bề ngoài, 142-144.

BÌNH ĐẰNG

(Mác.)

- Bình đẳng là cách nói của Pháp về sự thống nhất bản chất của con người, 16-17.

C

CẢM GIÁC

- Cảm giác vạch ra cái hiện thực, 307.

CẢM GIÁC

(Hê-ghen.)

- 324-325.
- Tiêu chuẩn của chân lý đối với học phái Xê-rê-na-ích-cơ, 312.
- A-ri-stốt phê phán về cảm giác, 323-324.

CẢM TÍNH

(Phơ-bách.)

- Sự thống nhất giữa vật chất và tinh thần, 50.
- Nguyên lý đầu tiên, 53.
- Hiện thực duy nhất đối với con người, 65.

CAN-TƠ (CHỦ NGHĨA)

Tr. 140-141, 198-199.

- Phê phán chủ nghĩa Can-tơ ở Hê-ghen, 186-191, 214-215, 227-228.
- Những người mác-xít hiện đại phê phán chủ nghĩa Can-tơ, 198-199.
- Chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa hoài nghi của Can-tơ, 227, 230.

- Can-tơ không vạch rõ sự chuyển hóa của các phạm trù từ cái này sang cái kia, 232.

CÓ HẠN

- Cái có hạn và cái vô hạn, 115, 118-119.
- Can-tơ và phép biện chứng của cái có hạn, 233.

Ó HẠN.

(Hê-ghen.)

- Định nghĩa, 118-119.
- Bản tính của bản thân cái có hạn là vượt qua bản thân nó, 120.
- Sự thống nhất của cái có hạn và cái vô hạn, 121.
- Cái có hạn không thể là tuyệt đối, 229.

ÔNG LÝ

- Những công lý và thực tiễn của con người, 221, 240-241.

CƠ ĐỐC GIÁO

Tr. 19.

CỤ THỂ

- Bất cứ vật cụ thể nào cũng là bản thân nó và là cái khác, 150.
- Tư duy được nâng từ cái cụ thể lên cái trừu tượng và trở về cái cụ thể, 189.
- Ý nghĩa của cái phổ biến và nhận thức cái cụ thể, 314.

CỤ THỂ

(Hê-ghen.)

- Cái trừu tượng và cái cụ thể, 188.
- Cái phong phú nhất là cái cụ thể nhất, 258.

CHÂN LÝ

- Tư duy đến gần chân lý, 189.
- Chân lý không phải là điểm bắt đầu, 190.
- Từ khái niệm chủ quan đến chân lý khách quan, 212.
- Chân lý chỉ được thực hiện trong toàn bộ các mặt của hiện thực, 217.
- Chân lý là phổ biến, 220.
- Chân lý là quá trình, 223.
- Hoạt động của con người và chân lý khách quan, 242.
- Tiêu chuẩn của chân lý, 254.
- Chân lý và sai lầm ở A-ben Rây, 496.

CHÂN LÝ

(Hê-ghen.)

- Tri thức phù hợp với khách thể, 148.
- Đối tượng của lô-gich = chân lý thuần túy, 193.
- Sự phù hợp giữa tính khách quan và khái niệm, 217-220.
 - Sự quay trở về bản thân mình thông qua tính phù định của tính trực tiếp, 259.
- = Sự phù hợp giữa đối tượng với ý thức, 328.

CHẤT (Hê-ghen.)

- 113, 124.
- Lượng và chất kết hợp trong độ, 130.
- Sự biến đổi = bước chuyển từ một chất này sang một chất khác, 131.
- Bước chuyển từ lượng đến chất, 131-136.

CHÍNH THỂ

- Tính hoàn chỉnh tán mạn, 172.

CHỦ QUAN (CHỦ NGHĨA)

- Hê-ghen phê phán Can-tơ là chủ quan, 145, 229, 304.
- Chống chủ nghĩa chủ quan, 165, 233.
- Đối với chủ nghĩa chủ quan, cái tương đối chỉ là tương đối, 383.

CHỦ THỂ

- Quan hệ chủ thể khách thể, 225-226, 241.

CHỦ THỂ (Hê-ghen.)

- Trong sự sống, chủ thể cá thể tự tách mình khỏi cái khách quan, 225.

D

DUY TÂM (CHỦ NGHĨA)

Tr. 161-162.

- Theo Phơ-bách, tư biện = Triết học duy tâm, 70.

— «Chủ nghĩa duy tâm vật lý» và phép biện chứng, 180.

— Hê-ghen bác bỏ Can-tơ, theo quan điểm của một chủ nghĩa duy tâm triệt để hơn, 187.

— Nhà duy tâm Hê-ghen không chịu đựng nổi chủ nghĩa duy vật, 298, 324-325.

— Chủ nghĩa duy tâm thông minh và chủ nghĩa duy vật ngu xuẩn, 309.

— Chủ nghĩa duy tâm xích lại gần đến chỗ đụng phải chủ nghĩa duy vật và thậm chí một phần đã biến thành chủ nghĩa duy vật, 311-312.

— Chủ nghĩa duy tâm của A-ri-stốt thông thường giống như chủ nghĩa duy vật, 318, 323.

— Chủ nghĩa duy tâm của Lát-xan, 364.

— Chủ nghĩa duy tâm triết học: sự phát triển phiên diện của một trong những mặt của nhận thức, 386.

— Nguồn gốc về nhận thức luận của chủ nghĩa duy tâm, 386.

— Tính khả năng của chủ nghĩa duy tâm đã có trong cái trừu tượng đầu tiên tối sơ, 395.

DUY TÂM (CHỦ NGHĨA) (Phơ-bách.)

- Chủ nghĩa duy tâm tách con người khỏi giới tự nhiên, 51.

(Hê-ghen)

- Chủ nghĩa duy tâm và thế giới hiện tượng, 141-142.
- Chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm chuyển vào ý thức mọi tính quy định của sự vật, 164.
- Chủ nghĩa duy tâm chủ quan và sự phân tích, 230.

DUY VẬT (CHỦ NGHĨA)

- Nguyên lý nhân bản chủ nghĩa thuyết minh chủ nghĩa duy vật một cách không chính xác và yếu ớt, 72.
- Ở Hê-ghen, 111, 112, 115, 167-168, 173-174, 186-187, 210-211, 225, 239-240, 259-260, 296-297, 320-322.
- Chủ nghĩa duy vật đi sâu vào sự nhận thức về vật chất, về giới tự nhiên, 189.
- Pơ-lê-kha-nốp phê phán chủ nghĩa Can-tơ theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật tầm thường, 199.
- Chủ nghĩa duy vật và nguyên tử luận, 297-298.
- Chủ nghĩa duy tâm thông minh và chủ nghĩa duy vật ngu xuẩn, 309.
- Hê-ghen lần tránh trước chủ nghĩa duy vật, 316, 325, 326, 328, 331.
- Khi một nhà duy tâm khác phê phán chủ nghĩa duy tâm thì bao giờ cũng có lợi cho chủ nghĩa duy vật, 318.
- Ở A-ri-stốt, 323, 327, 397.

- Chủ nghĩa duy vật «siêu hình» không có năng lực áp dụng phép biện chứng vào quá trình của nhận thức, 385.

- A-ben Rây = chủ nghĩa duy vật xấu hổ, 494, 500, 505.

DUY VẬT (CHỦ NGHĨA) (Mác.)

- Lịch sử chủ nghĩa duy vật Pháp, 33, 37.
- Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa nhân văn, 33, 36.

DUY VẬT BIỆN CHỨNG (CHỦ NGHĨA)

- Hê-ghen đã kích mọi chủ nghĩa duy vật trừ chủ nghĩa duy vật biện chứng, 311.
- Hê-ghen và chủ nghĩa duy vật biện chứng, 311-312, 335, 341.
- Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng có thể nối liền «bước đầu» với cái tiếp theo và cái cuối cùng, 330.
- Những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng, 370-371.
- Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ở A-ri-tốt, 394.
- A-ben Rây trên đường đi đến chủ nghĩa duy vật biện chứng, 468.

DUY VẬT LỊCH SỬ (CHỦ NGHĨA)

- Mầm mống duy vật lịch sử ở Phơ-bách, 62, 67.

- Cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử, 72.
- Hê-ghen và chủ nghĩa duy vật lịch sử, 210, 211, 349, 353.
- Với tư cách là một trong những sự áp dụng của những tư tưởng thiên tài đang ở trạng thái mầm mống ở Hê-ghen, 211.

Đ

ĐẠO ĐỨC

Tr. 19.

ĐIỆN TỬ

- Nhân bản về Lép-nít-xơ, 79.
- Nhân bản về tính vô hạn của vật chất, 121.
- Nhân bản về Ê-pi-quya, 333.

ĐỐI LẬP

- Tính thống nhất của các mặt đối lập, 196, 221, 245, 246, 304-305.
- Đồng nhất của các mặt đối lập: quy luật của nhận thức, 381.
- Sự phát triển là một cuộc «đấu tranh» giữa các mặt đối lập, 382.
- Sự thống nhất của các mặt đối lập là tương đối; sự đấu tranh của các mặt đối lập là tuyệt đối, 382.

ĐỒNG NHẤT

(Hê-ghen.)

- Sự sai lầm của luật đồng nhất, 145-146.

ĐƠN TỬ

- Nguyên tắc của triết học Lép-nít-xơ, 78-82.

E

Ê-TE

- Giả thuyết về ê-te đã có đến hàng nghìn năm nay, 280.

G

GIÁ TRỊ

Tr. 363-364.

- Mác đang ở trên đường đi đến lý luận về giá trị-lao động, 18.
- Giá trị có tính chân lý hơn quy luật cung cầu, 191.
- Hình thức đơn giản của giá trị bao hàm tất cả những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, 198.
- Những hình thức của giá trị, 272.

H

HIỆN TƯỢNG

- Hiện tượng và quy luật, 166-168.
- Hiện tượng phong phú hơn quy luật, 168.
- Thế giới hiện tượng và thế giới-tự-nó = Những vòng khâu của nhận thức, 169.
- Hiện tượng là bản chất, 282.

HIỆN TƯỢNG

(Hê-ghen.)

- 113-114, 123-124.
- Hiện tượng của Can-tơ, 142, 304, 308.

- Sự thống nhất của bề ngoài và của thực tồn, 165-166.
- Quy luật của hiện tượng, 166.
- Hiện tượng và quy luật 166-168.
- Biểu hiện của bản chất, 192.
- Dừng lại ở những hiện tượng, tức là cự tuyệt triết học, 228.
- Thế giới là hiện tượng không những đối với ý thức, mà cũng là tự nó, 304.

HIỆN THỰC (Hê-ghen.)

- 172-181, 239-242.
- Sự thống nhất của bản chất và thực tồn, 172-173.
- Hiện thực ở trên thực tồn, 173.
- Hiện thực và tính tất nhiên, 173, 174.
- Mọi hiện thực chỉ là hiện thực trong chừng mực nó biểu hiện ý niệm, 215.
- Thế giới hiện tượng và hiện thực, 317.

HOÀI NGHỊ (CHỦ NGHĨA)

- Vai trò của chủ nghĩa hoài nghi cổ đại, 125.
- Chủ nghĩa hoài nghi và bề ngoài, 140-141.
- Chủ nghĩa hoài nghi của Cantor và Hi-um, 248, 251.
- Vai trò của chủ nghĩa hoài nghi trong lịch sử của phép biện chứng, 248.

HOÀI NGHỊ (CHỦ NGHĨA) (Hê-ghen.)

- Chủ nghĩa hoài nghi và bề ngoài, 140-142.
- Chủ nghĩa hoài nghi của Cantor và Hi-um, 228.
- Quay phép biện chứng chống lại nhận thức, 258.
- Chủ nghĩa hoài nghi và triết học thực chứng, 337.
- Chủ nghĩa hoài nghi không phải là một sự nghi ngờ, 338.

HOẠT ĐỘNG

- Hoạt động thực tiễn của con người và tính nhân quả, 208.
- Hoạt động biến đổi hiện thực bên ngoài..., làm cho nó trở thành cái tồn tại tự nó và vì nó, 242.
- Kết quả của hoạt động là sự kiểm nghiệm nhận thức chủ quan và là tiêu chuẩn của tính khách quan chân chính, 243.

K

KINH NGHIỆM

- Muốn hiểu biết thì phải từ kinh nghiệm mà đi đến cái chung, 228.

KHÁC NHAU

- Sự phát sinh nội tại của những sự khác nhau, 104.

KHÁCH QUAN (TÍNH)

- Khách quan = Ngoài chúng ta, 55.

- Theo Phơ-bách, 64.
- Sự biến đổi những khái niệm thành tính khách quan hoàn bị, 217.

KHÁCH QUAN (TÍNH)

(Hê-ghen.)

- 205-212.
- Tính khách quan và tư duy, 203.
- Sự thống nhất giữa khái niệm và tính khách quan, 215, 217-218.
- Tính khách quan hoàn toàn, 217.
- Thế giới của tính khách quan, thế giới của tính chủ quan, 238-239.
- Ở Xô-cơ-rát, 307-308.

KHÁCH THÈ (ĐỐI TƯỢNG)

- Khách thè và nhận thức ở Can-tơ, 230.
- Sự nhất trí giữa chủ thè và khách thè, 241.
- Phép biện chứng trong bản thân đối tượng, 306.

KHÁCH THÈ (ĐỐI TƯỢNG)

(Hê-ghen.)

- Khái niệm đã được hiện thực hóa = khách thè, 204.
- Chính là trong những phạm trù của tư duy mà đối tượng là cái giống như nó tồn tại, 250.

KHÁI NIỆM

- Vận động trong những khái niệm, 119, 219

- Sự phát triển của những khái niệm ở Hê-ghen, 123.
- Phải mềm dẻo, năng động..., 161.
- Những sản phẩm cao nhất của bộ óc, 185.
- Mỗi liên hệ của các khái niệm, chuyển hóa từ cái này sang cái kia, 196.
- Sự hình thành những khái niệm bao hàm ý thức về tính tất nhiên của các quy luật, 198.
- Khái niệm, quy luật, phạm trù: phản ánh của giới tự nhiên vào trong nhận thức con người, 202, 217-218, 321.
- Từ khái niệm chủ quan đến chân lý khách quan, 212.
- Biến những khái niệm thành tính khách quan hoàn bị, 217.
- Quan hệ của những khái niệm: nội dung chủ yếu của lô-gích, 218.
- Mỗi một khái niệm là nằm trong một mối liên hệ nào đó với tất cả mọi cái khác, 219.
- Trừu tượng trong sự tách rời của chúng, khách quan trong chính thè của chúng, 231.
- Khái niệm chủ quan lấy nội dung trong thế giới khách quan, 236.
- Những khái niệm không bất động, 250.
- Vận động của các khái niệm và phép biện chứng, 282, 285.

- = Những kết quả của các khoa học tự nhiên, 309.
- Phù hợp với toàn bộ kinh nghiệm, 337.

KHÁI NIỆM

(Hê-ghen.)

- 140, 185-192.
- Mỗi khái niệm là có tính chất antinômi, 125.
- Mưu mẹo của khái niệm, 132.
- Khái niệm và tác động qua lại, 180-181.
- Người ta hạ thấp ý nghĩa của khái niệm, 186.
- Khái niệm là một giai đoạn của giới tự nhiên và của tinh thần, 187.
- Bản chất chỉ biểu hiện trong khái niệm, 189.
- Khái niệm tách rời hiện thực ở Can-tơ, 192.
- Tính phổ biến của khái niệm, 195.
- Khái niệm đã được hiện thực hóa = khách thể, 204.
- Khái niệm theo Can-tơ, 213.
- Sự phù hợp của khái niệm với hiện thực, 215.
- Khái niệm và tính khách quan, 217.
- Việc thực hiện khái niệm, 217-218.
- Can-tơ không vạch ra sự sản sinh ra khái niệm bởi bản thân khái niệm được tiến hành như thế nào, 231.
- Hoạt động của khái niệm, 242.
- Ý niệm của khái niệm như là một hiện thực, 242-243.
- Tư duy về mâu thuẫn: vòng khâu bản chất của khái niệm, 253-254.
- Điểm ngoặt trong sự vận động của khái niệm, 254.
- Mỗi sự vật chỉ tồn tại trong chừng mực cái khác-tự-nó của nó bao hàm trong khái niệm của nó, 293.
- Hễ người ta nói lên, là trong lời nói của người ta có một khái niệm, 294.
- Khái niệm là bản chất khách quan, 331.

KHOA HỌC

- Tỷ lệ giữa khoa học và thần thoại, 280.
- Lịch sử khoa học và sự chứng minh các mặt của phép biện chứng, 381.

KHOA HỌC

(Hê-ghen.)

- Mọi khoa học đều là lô-gích ứng dụng, 224.
- Khoa học là một vòng tròn của các vòng tròn, 259.
- Ê-pi-quya, người phát minh ra khoa học thực nghiệm về tự nhiên, 335.

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

- Lịch sử của khoa học tự nhiên, 175.
- Tiến trình của các khoa học tự nhiên, 270.

- Khoa học tự nhiên và nghệ thuật vận dụng những khái niệm, 295.
- Những khoa học tự nhiên hiện đại. Xem Ê-pi-quya chống lại Hê-ghen, 334.

KHÔNG GIAN

Xem *Thời gian*.

KHÔNG GIAN

(Phơ-bách.)

- Trừu tượng được biến thành vật tồn tại độc lập, 57-58. (Hê-ghen.) Xem *Thời gian*.

L

LAO ĐỘNG

(Mác.)

- Nhà trường lao động, nhà trường nghiêm khắc nhưng lại tôi luyện con người, 15-16.

LỊCH SỬ

Tr. 20-21.

- Tính nhân quả và lịch sử, 177.
- Vận động của lịch sử, 178.
- Sự tất yếu của một quan điểm lịch sử nghiêm cách trong lịch sử triết học, 276.
- Lịch sử và ý thức, 296.
- Những mục đích đặc biệt và quy luật của lịch sử, 313. Xem. *Tư duy. Khoa học*.

LỊCH SỬ

(Ăng-ghen.)

- Lịch sử chỉ là hoạt động của con người đang theo đuổi những mục đích của mình, 26.

(Hê-ghen).

- Những bài giảng về triết học của lịch sử, 275, 358.
- Lịch sử thế giới = Sự tiến bộ trong ý thức về tự do, 348, 355.

LIÊN HỆ

Tr. 121, 176.

- Mỗi liên hệ là tất nhiên, 104.
- Liên hệ do những quy luật chi phối, 111.
- Liên hệ tất nhiên của toàn bộ vũ trụ, 114, 161, 179.
- Sự nhận thức càng ngày càng sâu về mối liên hệ phổ biến khách quan, 198.

LOẠI TỶ

- Liên hệ của quy nạp với loại tỷ, 169.
- Nhận xét về loại tỷ, 202-203.
- Trò chơi loại tỷ trống rỗng ở Hê-ghen, 206.

LÔ-GÍCH

- = Học thuyết về những quy luật phát triển của toàn bộ nội dung cụ thể của vũ trụ và về những quy luật phát triển của sự nhận thức vũ trụ, 99.
- Bộ mặt mới của lô-gích học ở Hê-ghen, 123.
- Bức tranh của thế giới theo lô-gích của Hê-ghen, 161.
- Lô-gích học nhất trí với nhận thức luận, 194.

- Những cách lô-gích thông thường nhất = những quan hệ thông thường nhất, 197.
- Nghĩa thật sự của lô-gích học của Hê-ghen, 198.
- Lô-gích là học thuyết về nhận thức, 202.
- Sự đồng nhất giữa lô-gích và nhận thức luận, 213.
- Nội dung chủ yếu của lô-gích: những quan hệ của những khái niệm, 218.
- Khoa học và lô-gích, 224.
- Bản chất của lô-gích học của Hê-ghen: phương pháp biện chứng, 261.
- Trong lô-gích, lịch sử của tư duy phải nhất trí với những quy luật của tư duy, 270.
- Lô-gích của *Tư bản*, 271.
- Áp dụng lô-gích của Hê-ghen như thế nào, 297.
- Lô-gích của A-ri-stốt, 391.

LÔ-GÍCH (Hê-ghen.)

- Nội dung của lô-gích, 94.
- Những hình thức của lô-gích phải là những hình thức có nội dung cụ thể, 99.
- Lô-gích hình thức cũ, 102-103.
- Lô-gích và ngữ pháp, 106.
- Lô-gích là cái phổ biến tự nó bao hàm sự phong phú của cái đặc thù, 106.
- Tổng kết của kinh nghiệm khoa học, 107.
- Khoa học thuần túy trong tất cả toàn bộ sự phát triển của nó, 111.

- Lô-gích khách quan = Sự trình bày về sự phát sinh của khái niệm, 185.
- Trong lô-gích, ý niệm trở thành kẻ sáng tạo ra giới tự nhiên, 192.
- Đối tượng của lô-gích, 192.
- Những hình thức của lô-gích = Tinh thần sống của cái hiện thực, 194.

LUỢNG

- Bước chuyển từ lượng đến chất thì tối nghĩa ở Hê-ghen, 127.

LUỢNG (Hê-ghen.)

- 125-129.
- Lượng và chất kết hợp trong độ, 130.
- Bước chuyển từ lượng đến chất, 131-136.

LÝ TÍNH (Hê-ghen.)

- Lý tính có tính chất biện chứng, 94.
- Những giới hạn của lý tính, 119-120.
- Lý tính đang tư duy làm cho tính nhiều về trở thành một sự đối lập, 156.
- Lý tính và lý trí, 200-201.
- Lý tính thống trị thế giới, 349.
- Lý tính lành mạnh của người ta hướng về cái cụ thể, 275.
- Lý tính trong giới tự nhiên = cái phổ biến, 300.

LÝ TRÍ

- Can-tơ hạ thấp lực lượng của lý trí, 188.

LÝ TRÍ

(Phơ-bách.)

- Lý trí không có mục đích nào khác cũng như không có chức năng nào khác hơn là khái quát những tài liệu của cảm giác, 85.
 - Không có cái gì tồn tại trong lý trí mà lại không tồn tại trong tri giác cảm tính, 86.
- (Hê-ghen.)
- Lý trí quy định, 94.
 - Lý trí và khái niệm, 186-187, 201.
 - Lý trí và lý tính, 200-201.
 - Lý trí và ý niệm, 221.

M

MA-KHO (CHỦ NGHĨA)

Tr. 142, 169, 199.

MÂU THUẦN

- Mâu thuẫn và biểu tượng, 155.
- Mâu thuẫn và phản tư, 155.
- Mâu thuẫn và lý tính, 155-157.
- Mâu thuẫn và ý niệm, 216.
- Xuất phát từ hàng hóa, Mác phân tích những mâu thuẫn trong xã hội tư sản, 383.

MÂU THUẦN

(Mác.)

- Sự phát triển các mâu thuẫn về mặt chính trị kinh tế học, 11-12.

- Mâu thuẫn của chế độ tư hữu, 13-14.

(Hê-ghen.)

- 145.
- Kết quả của mâu thuẫn lại không phải chỉ là không, 147.
- Bản chất = mâu thuẫn được giải quyết, 147.
- Nguyên lý mâu thuẫn, 150, 154.
- Nguồn gốc của mọi vận động, 151-153.
- Mâu thuẫn là cái không thể tư duy được, 152.
- Mâu thuẫn tồn tại trong bản thân các sự vật, 152.

MỘT (ĐƠN VỊ)

(Hê-ghen.)

- Một và nhiều, 122-123.
- Đơn vị chứa đựng trong bản thân nó những quy định khác nhau, 278.
- Người ta không thể trông thấy một, 296.

N

NĂNG LƯỢNG

- Nhân tố chủ quan trong khái niệm năng lượng, 53.

NGỤY BIỆN

- Ngụy biện và phép biện chứng, 115-116, 118-119.

NGỤY BIỆN

(Hê-ghen.)

- 303, 307.
- Ngụy biện và phép biện chứng, 115. 116.

NGUYÊN NHÂN

- Và kết quả = những vòng khâu của sự phụ thuộc lẫn nhau phổ biến, 176.
- Quan điểm về các nguyên nhân trong lịch sử và lý luận về nhận thức, 370.

NGUYÊN TỬ

Tr. 121.

NGŨ NGÔN

(Phơ-bách.)

- Và sự phê phán ngữ ngôn, 89.
- (Hê-ghen.)
- Ngữ ngôn về thực chất chỉ thể hiện cái phổ biến, 310.

NGƯỜI

- Con người phụ thuộc vào thế giới bên ngoài, 208.
- Kỹ thuật cơ giới và hóa học và những mục đích của con người, 209.
- Đối với con người thì hình như những mục đích của nó lại lấy từ bên ngoài thế giới, 209-210.
- Nhận thức của con người về giới tự nhiên, 220.
- Thế giới không thỏa mãn con người, 236.
- Cái chủ yếu: sự tồn tại của những sự vật ở bên ngoài ý thức của con người và độc lập đối với con người, 331.

NGƯỜI

(Ăng-ghen.)

- Bản chất và cơ sở của mọi hoạt động nhân loại, 26.

- Con người và tự ý thức ở Hê-ghen, 41-42.

(Phơ-bách.)

- Con người không có điều kiện tiên quyết nào hơn là giới tự nhiên. 50.
- Con người áp dụng vào giới tự nhiên sự sáng tạo có tính mục đích của mình, 60.
- Con người đã có vừa đủ những giác quan cần thiết để tìm hiểu thế giới trong toàn bộ, 60.
- Mê tín vốn bẩm sinh ở con người, 63.
- Con người biến cái chủ quan thành cái khách quan, 64.
- Con người hoàn chỉnh, 65, 66.

(Hê-ghen.)

- Nhân nói về: con người là thước đo của tất cả, 303, 309.

NHÀ NƯỚC

(Mác.)

- Nhà nước hiện đại và Nhà nước cổ đại, 29.

NHÂN QUẢ (TÍNH)

- Tính nhân quả chỉ thể hiện không đầy đủ tính bao trùm của sự liên hệ phổ biến, 176-178.
- Hê-ghen quy kết lịch sử vào tính nhân quả, 177.
- Tính nhân quả của thế giới: cái gì ở bên ngoài theo quan điểm hoạt động thực tiễn của con người, 208.

NHÂN QUẢ (TÍNH)

(Hê-ghen.)

- 175-181.
- Bản thân nó là điều kiện riêng của nó, 178.
- Và tác động qua lại, 179.
- = Sự chuyển hóa của Tồn tại thành bề ngoài, 179.

NHẬN THỨC

- Tr. 228.
- Sự vận động của nhận thức khoa học, 94, 98, 314.
- Ở Can-tơ, nhận thức chia rẽ giới tự nhiên và con người, 98.
- Sự đi sâu của nhận thức, 167, 169, 175, 246.
- Bản chất của nhận thức biện chứng, 174.
- Sự phát triển của nhận thức và thực thể, 175.
- Từ trực quan đến nhận thức về hiện thực khách quan, 186.
- Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, 189.
- Tính tương đối của mỗi nhận thức và nội dung tuyệt đối trong mỗi bước tiến lên của nhận thức, 199.
- = Phản ánh giới tự nhiên bởi con người, 202, 217.
- = Quá trình nhờ đó tư duy mãi mãi và không ngừng tiến gần đến khách thể, 217.
- Những vòng khâu của nhận thức của con người về giới tự nhiên = Những phạm trù lô-gích, 220.

- Mục đích của nhận thức thì trước tiên là chủ quan, 229.
- Căn-tơ tách nhận thức ra khỏi khách thể, 230.
- Tiến trình của nhận thức dẫn nhận thức đến chân lý khách quan, 230, 271.
- Và sự kiểm nghiệm bằng thực tiễn, 234.
- Nhận thức thấy trước mặt nó cái tồn tại chân thực như là một hiện thực hiện có, độc lập đối với những ý kiến chủ quan, 240.
- Sự thống nhất giữa thực tiễn và nhận thức, 240.
- Tiến trình chung của mọi nhận thức của con người, 270-271.
- Phép biện chứng của nhận thức, 285.
- Quy luật của nhận thức: sự đồng nhất các mặt đối lập, 381.
- Nhận thức của con người là một con đường cong, 386.
- Lòng tin vào tính chân lý khách quan của nhận thức ở A-ri-stốt, 391.

NHẬN THỨC

(Hê-ghen.)

- Bản tính của nhận thức, 111.
- Sự phát triển của nhận thức, 112.
- Quá trình của nhận thức biến tính phổ biến trừu tượng thành tính chính thể, 217.

- Giai đoạn đầu tiên của nhận thức, 229.
- Nhận thức phân tích và nhận thức tổng hợp, 232-244.
- Nhiệm vụ quan trọng nhất của nhận thức lý tính = duy trì cái khẳng định trong cái phủ định của nó, 250-251.

NHẬN THỨC LUẬN

- Tr. 139.
- Nhận thức luận phải được rút ra từ «sự phát triển của mọi sinh hoạt tự nhiên và tinh thần», 94.
- Hê-ghen bác bỏ Can-tơ về mặt nhận thức luận. 187.
- Lô-gích học và nhận thức luận, 194, 202, 271.
- Sự thống nhất của ý, niệm lý luận và của thực tiễn trong nhận thức luận, 243.
- Nhận thức luận được Mác áp dụng từ chủ nghĩa duy vật đến chính trị kinh tế học, 271.
- Hê-ghen rút ra lý luận về nhận thức, 313.
- Lý luận về nhận thức của Ê-pi-quy-a, 330.
- Quan điểm về các nguyên nhân trong lịch sử và nhận thức luận, 370.
- Những lĩnh vực của tri thức phải cấu thành lý luận về nhận thức và phép biện chứng, 374.
- Phép biện chứng chính là lý luận về nhận thức của chủ nghĩa Mác, 484.

P

PHẠM TRÙ

- Những phạm trù của tư duy là biểu hiện của tính quy luật, 97.
- Là những giai đoạn của sự nhận thức vũ trụ, 100.
- «Không có vật chất cảm tính», 191.
- Phạm trù lô-gích = vòng khâu của nhận thức của con người về giới tự nhiên, 220.
- Những phạm trù tính khả năng và tính ngẫu nhiên, và lịch sử, 354.

PHẠM TRÙ

(Hê-ghen.)

- Những phạm trù của lô-gích là những sự tóm tắt, 98.
- Là bản thân cái phổ biến, 97.
- Không thể bao quát được chân lý, 100.
- Phải rút những phạm trù, 101.
- Có một giá trị và một tồn tại khách quan. 103.
- Những phạm trù ở Can-tơ, 190.

PHÁT TRIỂN

- Sự phát triển là một cuộc «đấu tranh» giữa các mặt đối lập, 382.
- Hai quan điểm về sự phát triển, 382.
- Sự phát triển là tuyệt đối, 382.

PHẢN ÁNH

tr. 224-225

- Phản ánh của vận động của thế giới khách quan vào trong vận động của những khái niệm ở Hê-ghen, 198.
- Hê-ghen đã đoán thấy một cách tài tình rằng những hình thức lô-gích và những quy luật lô-gích đều là phản ánh của thế giới khách quan, 200, 218.
- = Quá trình bao quát gần đúng những quy luật phổ biến của giới tự nhiên đang phát triển, 202.
- Hình thức của sự phản ánh của giới tự nhiên, 202.
- Phản ánh của giới tự nhiên trong tư tưởng = Quá trình, 217.
- Ý thức con người không phải chỉ phản ánh thế giới khách quan, mà còn tạo ra thế giới khách quan, 235.

PHẢN TƯ

(Hê-ghen.)

- Sự phản tư hiểu theo nghĩa chủ quan, 144.
- Sự phản tư bên ngoài hoặc chủ quan, 147.
- Sự phản tư thông minh nắm được mâu thuẫn và biểu hiện mâu thuẫn, 155.

PHÉP BIỆN CHỨNG

- Phép biện chứng theo kiểu riêng của Lép-nít-xơ, 81.

- Tinh thần và thực chất của phép biện chứng, 107, 219.
- Nguyên biện và phép biện chứng, 116, 119.
- Phép biện chứng là học thuyết vạch ra rằng những mặt đối lập làm thế nào... mà... đồng nhất, 118, 247.
- = Phản ánh chính xác của sự phát triển của vũ trụ, 119.
- Phép biện chứng của bản thân các sự vật, 120.
- Phép biện chứng chân chính, 125.
- Gạn lấy phép biện chứng duy vật từ Hê-ghen, 170.
- Tiêu chuẩn của phép biện chứng, 171.
- Sự trình bày hay nhất về phép biện chứng, 213.
- Biện chứng của sự vật sản sinh ra biện chứng của ý niệm, 218.
- Phép biện chứng ở trong thực tại khách quan, 221.
- Những yếu tố của phép biện chứng, 245-246.
- Phép biện chứng bao hàm trong nó nhân tố của sự phủ định, 251.
- « Vòng khâu biện chứng », 252.
- Đặc trưng của phép biện chứng, 254-255.
- « Trò chơi » với phép biện chứng, 256.
- Định nghĩa phản diện về phép biện chứng, 277.
- Phép biện chứng là sự nghiên cứu mâu thuẫn trong ngay bản chất của sự vật, 282.

- Ý nghĩa khách quan của phép biện chứng, 284 - 285.
- Bản chất của phép biện chứng: thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập, 290, 381.
- Định nghĩa về phép biện chứng, 306.
- Sự chuyển hóa biện chứng và sự chuyển hóa không biện chứng, 319.
- Những lĩnh vực của tri thức phải cấu thành lý luận về nhận thức và phép biện chứng, 374.
- Trong phép biện chứng sự khác nhau giữa cái tương đối và cái tuyệt đối cũng là tương đối, 383.
- Phương pháp nghiên cứu phép biện chứng, 383-384.
- Trong bất cứ mệnh đề nào, người ta cũng có thể tìm ra những mầm mống của tất cả những nhân tố của phép biện chứng, 384.
- Phép biện chứng chính là lý luận về nhận thức của chủ nghĩa Mác, 384.
- Những mầm mống sinh động của phép biện chứng ở A-ri-stốt, 391.

PHÉP BIỆN CHỨNG (Hê-ghen.)

- Về nội dung, 104.
- Khuyết điểm của phép biện chứng của Pơ-la-tông, 105.
- Cái biện chứng, 106.
- Ngụy biện và phép biện chứng, 106.

- Bản thân ý niệm là phép biện chứng, 222.
- Vòng khâu vừa có tính chất tổng hợp vừa có tính chất phân tích của phán đoán, 245.
- Pơ-la-tông, người phát minh ra phép biện chứng, 247.
- Lịch sử phép biện chứng, 248.
- Cái hư không bị coi như là kết quả thông thường của phép biện chứng, 250.
- Chủ nghĩa hình thức và phép biện chứng, 255-256.
- Ở học phái Ê-lê-át, 281-282, 283, 291-292.
- Phép biện chứng chủ quan và phép biện chứng khách quan, 283-285, 291, 315.
- Ở phái ngụy biện, 290-294.
- Biện chứng ngẫu nhiên của chủ nghĩa hoài nghi, 321-322.

PHỦ ĐỊNH

- Nhân tố quan trọng nhất của phép biện chứng, 250-251.

PHỦ ĐỊNH (Hê-ghen.)

- Phủ định có một nội dung nhất định, 104.
- Tính quy định là phủ định, 116.
- Giới hạn là phủ định lần thứ nhất, 118.
- Sự phủ định của thế giới như là tồn-tại-tự nó: giai đoạn đầu tiên của nhận thức, 229.

- Phép biện chứng là sự phủ định, 251.
- Phủ định của phủ định, 255.

PHƯƠNG PHÁP

(Hê-ghen.)

- Ý thức về hình thức của sự vận động nội tại của nội dung, 103.
- Phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp, 262, 265.

Q

QUAN NIỆM

- Sự chuyển hóa từ cái quan niệm thành cái thực tại, 123.

QUY LUẬT

- Khái niệm quy luật = Một trong những giai đoạn của sự nhận thức về tính thống nhất... của quá trình thế giới, 166, 202.
- = Cái gì vững bền trong hiện tượng, 166.
- Mọi quy luật đều không đầy đủ, gần đúng, 167-168.
- Quy luật và bản chất biểu hiện sự đi sâu của nhận thức, 167.
- Hiện tượng phong phú hơn quy luật, 168.
- Quy luật là một quan hệ, 169.
- Sự hình thành những khái niệm và tính tất yếu của các quy luật, 198.
- Những quy luật của lô-gích : Phản ánh của cái khách

quan vào trong ý thức chủ quan của con người, 203.

- Những quy luật của tư duy và lịch sử của tư duy, 270.

QUY LUẬT

(Hê-ghen.)

- 132-133.
- = Cái đồng nhất trong các hiện tượng, 166.
- = Phản ánh yên tĩnh của những hiện tượng, 167.
- Quy luật là hiện tượng có tính chất bản chất, 167.
- = Bản chất của giới tự nhiên, 300.

R

RIÊNG

- Cái riêng chỉ tồn tại trong mức độ nó liên hệ với cái chung, 384.

S

SIÊU HÌNH HỌC

- Chủ nghĩa Can-tơ = siêu hình học, 117.

SINH THÀNH

(Hê-ghen.)

- 113, 114, 115, 116.
- Chân lý đầu tiên là sự sinh thành, 292.
- Thời gian là cái sinh thành thuần túy, được nhận thức trực tiếp, 293.

SUY LÝ

(Hê-ghen.)

- Mọi sự vật đều quy thành một suy lý, 197.

- Ý nghĩa khách quan của những cách của suy lý, 201.
- Những tiền đề của suy lý, 232.
- Suy lý của hành động, 240.

SỰ SỐNG

(Hê-ghen.)

- Sự sống và lô-gích, 224.
- Sự sống và giới tự nhiên vô cơ, 225.
- Tính khách quan của sinh vật, 226.

T

TÍNH TẤT NHIÊN

- Tính tất nhiên không biến đi khi trở thành tính tự do, 179.

TÍNH TẤT NHIÊN

(Phơ-bách.)

- Không thể tách rời tính phổ biến, 84.

(Hê-ghen.)

- Tính tất nhiên tuyệt đối và tính tất nhiên tương đối, 173.
- = Toàn bộ những vòng khâu của hiện thực, 174.
- Chỉ là mù quáng chừng nào nó chưa được hiểu biết, 174.
- Tính tất nhiên và tính nhân quả, 179.
- Và tự do, 201.
- Tính tất nhiên tự nhiên, 206.
- = Tính phổ biến của tồn tại, 295-296.

TÔN GIÁO

(Mác.)

- Tính chất siêu nhân của tôn giáo, 11.
- Tính phổ biến thực tiễn của tôn giáo, 30.

(Phơ-bách.)

- Tôn giáo và nghệ thuật, 62.
- Tôn giáo và giáo dục, 63.
- Bản chất của tôn giáo, 68-69.

TỒN TẠI

(Hê-ghen.)

- 140, 187.
- Tồn tại thuần túy không là sản phẩm của bất kỳ một sự trung gian nào, 112, 113, 173.
- Sự thống nhất của tồn tại và hư vô, 112, 114, 115.
- Tồn tại được quy định, 114 - 116.
- Tồn tại vô hạn, tồn tại-vi-nó, 122.
- Bản chất là chân lý của tồn tại, 139.
- Bề ngoài là chính ngay bản chất trong tính quy định của tồn tại, 143.
- Tồn tại và thực tồn, 163.
- = Vòng khâu của cái sinh thành của khái niệm, 185.
- Tồn tại đơn nhất = một trong các mặt của ý niệm, 217.
- Những giai đoạn của tồn tại và của bản chất = những vòng khâu của ý niệm, 220.

TUYỆT ĐỐI

- Cái tuyệt đối và cái tương đối, 115.
- Cái tuyệt đối ở Can-tơ, 229.
- Hê-ghen phản đối cái tuyệt đối, 341.
- Sự khác nhau giữa cái tương đối và cái tuyệt đối trong phép biện chứng, 383.

TU DUY

- Lịch sử của tư duy và lịch sử của ngữ ngôn, 95.
- Quan hệ giữa tư duy và những lợi ích..., 97.
- Xây dựng một cách biện chứng lịch sử của tư duy, 161.
- Tư duy đến gần chân lý, 189.
- Lịch sử của tư duy theo quan điểm về sự phát triển các khái niệm, 196.
- Sự phù hợp giữa tư duy và khách thể là một quá trình, 216.
- Tư duy phải là biện chứng, 253.
- Tư duy và biểu tượng, 253.
- Phép biện chứng của Hê-ghen = sự khái quát của lịch sử tư duy, 270.
- Lịch sử của tư duy và những quy luật của tư duy, 270.
- Sự phát triển của tư duy con người nói chung, 275.
- Tư duy của người ta đi sâu đến vô hạn, 282.
- Tư duy và từ vạch ra cái chung, 307.

TU DUY

(Hê-ghen.)

- Tư duy tách rời và duy trì trong sự khác nhau những vòng khâu của một đối tượng, mà những vòng khâu này thì trong thực tế là gắn liền với nhau, 289.
- Tinh thần đã đạt đến chỗ biểu hiện bản chất như là tư duy, 302.

TU HỮU (CHẾ ĐỘ)

(Mác.)

- Chế độ tư hữu bóp méo các quan hệ kinh tế, 12.
- Mâu thuẫn về bản chất, 13.

TƯƠNG ĐỐI

- Cái tuyệt đối và cái tương đối, 115, 383.

TỰ DO

(Mác.)

- Tự do chính trị, 28.
- (Hê-ghen.)
- Tự do và tất yếu, 201, 206.
- Sự tiến bộ trong ý thức về tự do, 348, 354-355.

TỰ NHIÊN (GIỚI TỰ NHIÊN)

Tr. 111, 189.

- Giới tự nhiên độc lập với vật chất = Thượng đế, 57.
- Phản ánh của giới tự nhiên trong óc con người: nhận thức, 202, 207-208, 320-321.

- Ý thức của con người, ở bên ngoài giới tự nhiên, đồng thời phản ánh giới tự nhiên, 209.
- Những vòng khâu của nhận thức của con người về giới tự nhiên là những phạm trù lô-gích, 220.

TỰ NHIÊN (GIỚI TỰ NHIÊN)

(Phơ-bách.)

- Tồn tại của giới tự nhiên = tồn tại đầu tiên, 50 - 53.
- Biểu hiện của bản chất của giới tự nhiên = Thượng đế, 51.
- Bắt con người phụ thuộc vào mình, 52.
- = Tất cả trừ cái gì siêu tự nhiên, 54.
- Theo nghĩa đen = giới tự nhiên đúng như các giác quan vạch ra cho chúng ta, 56.
- Giới tự nhiên tách rời khỏi tính vật chất của nó = Thượng đế, 57.
- Tính mục đích của giới tự nhiên = Sự thống nhất của thế giới, 60.
- Tính tất nhiên của giới tự nhiên, 60-64.

(Hê-ghen.)

- Ý niệm sáng tạo ra giới tự nhiên, 192.
- Phát triển thành ý niệm lô-gích và tinh thần, 202.

- Hiểu giới tự nhiên, tức là miêu tả nó như là một quá trình, 294.
- Lý tính trong giới tự nhiên = cái phổ biến, 300.
- Chỉ tồn tại trong sự thống nhất, 301.

TỰ Ý THỨC

(Mác.)

- Tự ý thức và bình đẳng, 17.
- Mác phê phán lý luận về tự ý thức, 38.
- Con người và tự ý thức, 41-42.

THẦN (THƯỢNG ĐẾ)

Tr. 188, 204.

- Thần và thực tồn, 163.
- Danh từ Thần không bao giờ thấy có trong chương về ý niệm tuyệt đối trong Lô-gích học, 261.
- Những Thần theo hình ảnh của người 283, 336.

THẦN (THƯỢNG ĐẾ)

(Phơ-bách.)

- Biểu hiện bản chất của giới tự nhiên, 51.
- = Giới tự nhiên trừu tượng, 56.
- Sức mạnh của Thần = Sức mạnh của giới tự nhiên, 56.
- = Quân chủ, 60.
- Theo Gia-cốp Bô-mơ, Thần có tính vật chất, 61.

- Thần đạo cơ đốc : không bị ràng buộc vào liên hệ nhân quả, 63-64.
- = Tinh thần không có thân thể, 65.
(Hê-ghen.)
- Với tư cách là cái trực tiếp, Thần chỉ là giới tự nhiên, 171.

THỜI GIAN

- Thời gian và thế giới, 56.
- Thời gian tách rời khỏi sự vật có thời gian tính = Thượng đế, 58.
- Hình thức tồn tại của hiện thực khách quan, 253.
- Sự vận động tức là bản chất của không gian và của thời gian, 287.

THỜI GIAN

(Phơ-bách.)

- Hình thức của thế giới, 56.
- Từ những sự vật có tính không gian và thời gian con người trừu tượng ra thời gian, 57-58.

(Hê-ghen.)

- Bản chất của thời gian và của không gian là sự vận động, 287.
- Tính liên tục của không gian và thời gian, 289.
- Thời gian là bản chất cảm tính đầu tiên, 293.

THỰC TIỄN

Tr. 189.

- Phạm trù lô-gích và thực tiễn của con người, 211.
- Hê-ghen đạt đến ý niệm bằng sự hoạt động thực tiễn của con người, 212.
- Thực tiễn và chân lý khách quan, 223-224.
- Sự kiểm nghiệm ý thức của thế giới khách quan bằng thực tiễn, 224.
- Kiểm nghiệm tính khách quan của nhận thức, 234.
- Mất khâu trong sự phân tích của quá trình nhận thức, 235.
- Thực tiễn cao hơn nhận thức, 237.
- Phải có sự thống nhất giữa thực tiễn và nhận thức, 240.
- Thực tiễn lặp đi lặp lại hàng nghìn triệu lần được in vào ý thức thành những cách lô-gích, 240-241.
- Sự thống nhất của ý niệm lý luận và của thực tiễn, 243.
- Những vòng khâu của nhận thức được kiểm tra bằng thực tiễn, 271.
- Thực tiễn của con người : điểm nút của sự vận động của nhận thức, 314.

THỰC TỒN

- Thực tồn ở bên ngoài chúng ta = độc lập đối với tư duy, 57.
- Sự «suy diễn» về cái thực tồn, 162.

THỰC TỒN

(Hê-ghen.)

- 173.
- Thực tồn và quy luật, 167.
- Thực tồn bị phản ánh và thực tồn trực tiếp, 168-169.
- Thực tồn biến thành hiện tượng, 173.
- Thực tồn và hiện thực, 173.

THỰC THÈ

(Phơ-bách.)

- Thực thè vật thè ở Lép-nít-xơ và Đê-các-tơ, 78.
- (Hê-ghen.)
- Một giai đoạn chủ yếu trong quá trình phát triển của ý niệm, 175.
- Thực thè và nhân quả, 175.

TRIẾT HỌC

- Việc hướng theo triết học này hay triết học khác một phần tùy ở tính cách của mỗi người, 59.
- Lịch sử triết học, 175.
- Lịch sử triết học = lịch sử của nhận thức nói chung, 374.

TRIẾT HỌC

(Mác.)

- Biểu hiện trù tượng của hoàn cảnh hiện có, 17.
- Triết học tư biện, 25.
- (Hê-ghen.)
- Không thè mượn phương pháp của một khoa học tùy thuộc, 93, 103.

- Con đường khoa học của triết học, 94.
- Phải tìm hiểu chân lý của cái đang xảy đến, 190.
- Cơ sở của triết học, 220.
- Triết học phải có thể chứng minh và suy luận chứ không thè bằng lòng với định nghĩa, 263.
- Lịch sử triết học = Trật tự của những quy định có tính chất khái niệm của ý niệm, 275 - 296.
- Lẽ phải thông thường không phải là triết học, 305.
- Triết học là biện chứng, 337.
- Những tơ-rớp của những nhà hoài nghi luận và triết học giáo điều, 341 - 342.

TRIẾT HỌC TƯ BIỆN

- Mác phê phán triết học tư biện, 19.

TRIẾT HỌC TƯ BIỆN

(Phơ-bách.)

- Triết học tư biện làm cho sự vật phù hợp với những khái niệm của nó, 51.

TRỪ TƯỢNG

Tr. 20.

- Trừ tượng phải phù hợp với sự đi sâu thực sự của sự nhận thức của chúng ta về thế giới, 98.
- Những sự trừ tượng khoa học phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, 189.
- Việc tạo ra những trừ tượng, 202.

- Những trùu tượng và tính thống nhất của các đối lập, 221.
- Tồn tại trùu tượng chỉ là vòng khâu, 271.
- Tính khả năng của chủ nghĩa duy tâm đã có trong cái trùu tượng đầu tiên tối sơ, 395.

V

VẬN ĐỘNG

- Vận động bên trong, 122, 154.
- Những sự vận động dẫn đến không, 144.
- Ý kiến về sự vận động phổ biến, 154.
- Vận động của vật chất hay của lịch sử, 178.
- Thề hiện vận động như thế nào trong lô-gích của những ý nghĩ, 285-286.
- Vận động là một sự thống nhất của các mặt đối lập, 287.
- Những lời phản đối của Tséc-nốp về vận động, 288-289.
- Việc tư duy hình dung sự vận động, 289-290.
- Và vận động biện chứng, 365.

VẬN ĐỘNG

(Hê-ghen.)

- Vận động là mâu thuẫn đang tồn tại, 153.

- Bản thân vận động là phép biện chứng của tất cả cái gì tồn tại, 285.
- Dê-nông bác bỏ sự vận động, 285 - 290.
- Hiểu được vận động = diễn đạt bản chất của nó dưới hình thức của khái niệm, 287.

VẬT CHẤT

Tr. 189.

- Liên hệ không thể tách rời giữa vật chất và vận động, 77.
- Đi sâu vào nhận thức về vật chất, 175.
- Vận động của vật chất, 178.
- Hê-ghen không thể hiểu biết sự chuyển hóa từ vật chất đến vận động, 319.

VẬT CHẤT

(Hê-ghen.)

- 165.
- Tồn tại khác của linh hồn ở Lép-nít-xơ, 80.
- Vật chất là trùu tượng thuần túy, 158.
- Vật chất và hình thức, 158-159.

VẬT TỰ NÓ

- Trùu tượng trống rỗng, 98, 107, 117.
- Hê-ghen chống lại vật tự nó, 102.
- Tính có thể nhận thức của vật tự nó, 191.

VẬT TỰ NÓ

(Hê-ghen.)

- 157, 164-165.
- Là hư không thuần túy, 117.
- Tồn tại một cách bản chất, 164.
- Trừu tượng trống rỗng không có bất cứ tính quy định nào, 164.
- Cái ở-bên-kia tuyệt đối so với nhận thức, 229.

VÔ HẠN

- Cái có hạn và cái vô hạn, 115.
- Cái vô hạn trong toán học, 127 - 128.

VÔ SẢN (GIAI CẤP)

- Mác và vai trò cách mạng của giai cấp vô sản, 13.

VÔ SẢN (GIAI CẤP)

(Mác.)

- Với tư cách là giai cấp vô sản, buộc phải thủ tiêu bản thân mình, 14.
- Vai trò lịch sử của giai cấp vô sản, 15.

X

XÃ HỘI (CHỦ NGHĨA)

- Mác rời bỏ triết học Hê-ghen và chuyển sang chủ nghĩa xã hội, 11.

XÃ HỘI TƯ SẢN

(Mác.)

- Trạng thái vô chính phủ là quy luật của xã hội tư sản, 30.
- Sự liên kết các thành viên của xã hội tư sản, 31.

Y

Ý NIỆM (TƯ TƯỞNG)

- Sự thống nhất giữa khái niệm và thực tại, 188.
- Ý niệm cũng có trong nó mâu thuẫn, 216.
- = Thực tại khách quan, 222.
- Ý niệm là quá trình, 222.
- Từ ý niệm chủ quan, người ta đi đến chân lý khách quan bằng thực tiễn, 223-224.

Ý NIỆM (TƯ TƯỞNG)

(Mác.)

- Những ý niệm (tư tưởng) không thể thực hiện được bất kỳ cái gì cả, 31.

(Hê-ghen.)

- 213, 261.
- Trong lô-gích, ý niệm trở thành kẻ sáng tạo ra giới tự nhiên, 192.
- Ý niệm lô-gích là thực thể tuyệt đối của tinh thần cũng như của giới tự nhiên, 201.

- Vũ trụ = tồn tại khác của ý niệm, 204.
- Ý niệm là chân lý khách quan, 213 - 215.
- Ý niệm là siêu nghiệm so với các hiện tượng, 214.
- Ý niệm là quá trình, 215-216, 222.
- Ý niệm với tư cách là ý chí, 217.
- Những vòng khâu của ý niệm, 220.
- Bản thân Ý niệm là phép biện chứng, 222.

- Ý niệm tuyệt đối, 223, 243-260, 264.
- Ý niệm thực tiễn, 234.
- Ý niệm là giới tự nhiên, 260.
- Những ý niệm tư biện bao hàm yếu tố biện chứng, 342.

Ý THỨC

(Phơ-bách.)

- Ý thức và tồn tại, 87.

(Hê ghen.)

- Nghiên cứu sự phát triển của ý thức trong *Hiện tượng học*, 103.

MỤC LỤC

Chú dẫn của nhà xuất bản

TRÍCH YẾU « GIA ĐÌNH THẦN THÁNH » CỦA CÁC MÁC VÀ FƠ-RI-ĐƠ-RICH ĂNG-GHEN

GIA ĐÌNH THẦN THÁNH HAY PHÊ PHÁN SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN—PHÁN ĐỐI BƠ-RU-NÔ BAU-E VÀ ĐỒNG BỌN	9
Bình luận có tính chất phê phán số 3	16
c) Cuộc chiến đấu phê phán chống lại Cách mạng Pháp	30

Chương VI : SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN THỂ HIỆN Ở Ô. BƠ-RU-NÔ	32
---	----

3. Chiến dịch thứ ba của sự phê phán tuyệt đối. d) Cuộc chiến đấu phê phán chống chủ nghĩa duy vật Pháp	32
---	----

TÓM TẮT « BÀI GIẢNG VỀ BẢN CHẤT CỦA TÔN GIÁO » CỦA LÚT-VÍCH-PHƠ-BÁCH

L. PHƠ-BÁCH.— Bài giảng về bản chất của tôn giáo	49
--	----

TÓM TẮT SÁCH CỦA PHƠ-BÁCH: TRÌNH BÀY, PHÁT TRIỂN VÀ PHÊ PHÁN TRIẾT HỌC CỦA LÉP-NÍT-XƠ

Trang

L. PHƠ-BÁCH, LÉP-NÍT-XƠ, v.v	77
--	----

TÓM TẮT « KHOA HỌC LÔ - GÍCH » CỦA HÊ-GHEN

Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất	93
Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai	95
LỜI MỞ ĐẦU: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LÔ-GÍCH	102

QUYỀN THỨ NHẤT—LÝ LUẬN VỀ TỒN TẠI

Tồn tại	111
Thiên thứ nhất: Tính quy định (chất)	113
Thiên thứ hai: Lượng	125
Thiên thứ ba : Độ	130

QUYỀN THỨ HAI—LÝ LUẬN VỀ BẢN CHẤT

Thiên thứ nhất: Bản chất	139
Thiên thứ hai: Hiện tượng	163
Thiên thứ ba: Hiện thực	172

QUYỀN THỨ BA—LÔ-GÍCH CHỦ QUAN HAY KHÁI NIỆM LUẬN

Bàn về khái niệm nói chung	185
Thiên thứ nhất: Tính chủ quan	195
Thiên thứ hai: Tính khách quan	205
Thiên thứ ba: Ý niệm	213
Trích yếu bổ sung rút từ «Triết học toàn thư»	262

DÀN MỤC CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG (LÔ-GÍCH) CỦA HÊ-GHEN

Mục lục của tiểu lô-gích (triết học toàn thư). 269

TÓM TẮT CÁC « BÀI GIẢNG VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC » CỦA HÊ-GHEN

MỞ ĐẦU 275

Tập XIII. — TẬP THỨ NHẤT CỦA LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

TRIẾT HỌC CỦA PHÁI I-Ô-NIENG.	277
TRIẾT HỌC CỦA PHÁI PI-TA-GO.	277
HỌC PHÁI Ê-LÊ-ÁT.	281
TRIẾT HỌC CỦA HÊ-RA-CƠ-LÍT.	291
TRIẾT HỌC CỦA LƠ-XÍP-PƠ.	296
TRIẾT HỌC CỦA ĐÊ-MÔ-CƠ-RÍT.	298
TRIẾT HỌC CỦA A-NA-XA-GO.	299

Tập XIV. — TẬP THỨ HAI CỦA LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

TRIẾT HỌC CỦA PHÁI NGUY BIỆN.	303
TRIẾT HỌC CỦA XÔ-CƠ-RÁT.	307
PHÁI XÔ-CƠ-RÁT.	310
TRIẾT HỌC CỦA PƠ-LA-TÔNG.	313
TRIẾT HỌC CỦA A-RI-STỐT.	317
TRIẾT HỌC CỦA PHÁI STÔ-I-XIENG.	327
TRIẾT HỌC CỦA Ê-PI-QUYA.	328
TRIẾT HỌC CỦA NHỮNG NHÀ HOÀI NGHỊ LUẬN.	336

Tập XV. — TẬP THỨ BA CỦA LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

(hết triết học Hy-lạp, triết học trung cổ và triết
học cận đại cho đến Sen-linh) 343

	<i>Trang</i>
PHÁI PƠ-LA-TÔNG MỚI	343
HÊ-GHEN NÓI VỀ NHỮNG ĐỐI THOẠI CỦA PƠ-LA-TÔNG	344

TÓM TẮT TÁC PHẨM CỦA HÊ-GHEN « NHỮNG BÀI GIẢNG VỀ TRIẾT HỌC CỦA LỊCH SỬ »

HÊ-GHEN. Bài giảng về triết học của lịch sử	347
HÊ-GHEN nói về lịch sử thế giới	357

TÓM TẮT QUYỀN SÁCH CỦA LÁT-XAN « TRIẾT HỌC CỦA NHÀ ẪN DẬT HÊ-RA-CƠ-LIT Ở Ê-PHE-DƠ »

F. LÁT-XAN. « Triết học của nhà ần dật Hê-ra-cơ-lít ở Ê-phe-dơ »	361
Về phép biện chứng	381

TÓM TẮT « SIÊU HÌNH HỌC » CỦA A-RI-STỐT

A-ri-stốt. « Siêu hình học »	389
Chú thích về F. Phit-se	399

NHỮNG GHI CHÚ VÀ NHỮNG ĐOẠN TRÍCH RẢI RÁC VỀ TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

FR. UY-BÉC-VÊC. — « Khái luận về lịch sử triết học »	403
FR. PÔN-XEN. — « Triết học nhập môn »	404
A-BEN RÂY. — « Triết học hiện đại ». Lời tựa	407

**Chương I : TRUNG TÂM HIỆN NAY CỦA CÁC CUỘC
TRANH LUẬN VỀ TRIẾT HỌC.**

§ 5. Antinomi cơ bản của tư tưởng triết học hiện nay.	408
§ 6. Ý nghĩa của các cuộc tranh luận hiện nay về triết học.	410
§ 8. Phương pháp. Tóm tắt và kết luận.	413

**Chương II : VẤN ĐỀ SỐ VÀ QUẢNG TÍNH. ĐẶC TÍNH
VỀ LƯỢNG CỦA VẬT CHẤT.**

§ 2. Cuộc tranh luận cũ giữa chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa tiên thiên	414
§ 3. Hình thức hiện nay của vấn đề triết học về số và về quảng tính: quan điểm « duy danh chủ nghĩa » và « thực dụng chủ nghĩa »	414
§ 4. Chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa lô-gích, chủ nghĩa lý trí	415
§ 5. Ý nghĩa chung của vấn đề lượng: về cơ bản đây là vấn đề lý tính.	416
§ 6. Những ý kiến của nhà toán học Poăng-ca-rê. . .	417
§ 7. Quan hệ giữa những khoa học toán học với những khoa học tự nhiên khác.	420
§ 8. Chi dẫn về sự phát triển chung của phương pháp và của những tri thức khoa học.	421
§ 9. Những ý kiến của Ma-khơ, lý tính và sự thích ứng của tư tưởng	421
§ 10. Toán học dạy chúng ta cái gì.	425
§ 11. Tóm tắt và kết luận.	427

Chương III : VẤN ĐỀ VẬT CHẤT.

§ 1. Lịch sử và vị trí hiện tại của vấn đề vật chất. . .	429
§ 2. Khủng hoảng của vật lý học cuối thế kỷ XIX. Vật lý học duy năng luận.	430

	<i>Trang</i>
§ 3. Cách giải thích triết học đối với duy năng luận.	435
§ 4. Phê phán sự phê phán hiện đại đối với vật lý học.	438
§ 5. Điều mà các nhà vật lý học hiện đại nghĩ.	440
§ 6. Vật chất theo quan điểm của vật lý học hiện đại: những quan điểm chung.	443
§ 7. Những tài liệu cụ thể của vật lý học hiện đại.	446
§ 8. Tóm tắt và kết luận.	456

Chương IV : VẤN ĐỀ SỰ SỐNG.

§ 1. Phần mở đầu về lịch sử.	459
§ 3. Ranh giới giữa cơ giới luận và hoạt lực luận mới	460

Chương V : VẤN ĐỀ TINH THẦN.

§ 2. Chủ nghĩa kinh nghiệm thời cổ và những quan điểm phản siêu hình thời cổ: chủ nghĩa bình hành tâm lý — sinh lý	468
§ 3. Sự phê phán hiện đại đối với chủ nghĩa bình hành.	470
§ 4. Quan niệm chung về hoạt động tâm lý.	473
§ 5. Vấn đề về cái vô ý thức.	478
§ 6. Tâm lý học và quan niệm về tính mục đích.	479
§ 7. Vấn đề bất tử.	480

Chương VI : VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC.

§ 1. Đạo đức phi lý tính: chủ nghĩa thần bí hay chủ nghĩa truyền thống.	483
§ 4. Khoa học về những phong tục.	485

**Chương VII : VẤN ĐỀ NHẬN THỨC VÀ
VẤN ĐỀ CHÂN LÝ**

§ 1. Cách giải quyết cổ truyền	486
§ 2. Sự phê phán thực dụng chủ nghĩa	487
§ 3. Chi dẫn về một cách giải quyết vấn đề chân lý	490
§ 4. Vấn đề sai lầm	492
§ 5. Nhận thức luận	500

Chương VIII : KẾT LUẬN CHUNG : TRIẾT HỌC KINH NGHIỆM	505
NỘI DUNG	519
A. ĐÊ-BÔ-RIN. «Chủ nghĩa duy vật biện chứng»	520
PI-E-RƠ GHÊ-NỐP. «Nhận thức luận và thuyết siêu hình của Phơ-bách »	526

**NHỮNG GHI CHÚ ĐIỀM SÁCH
CỦA CÁC TÁC GIẢ ĐỨC, PHÁP, ANH
VÀ Ý VỀ LÔ-GÍCH HỌC CỦA HÊ-GHEN**

BÁC SĨ GIÔ-HAN PƠ-LEN-CƠ. «MÁC VÀ HÊ-GHEN»	533
GIOỐC-GIƠ NÔ-EN : «Lô-gích học của HÊ-GHEN»	537
GHI CHÚ VỀ NHỮNG TÁC PHẨM KHOA HỌC TỰ NHIÊN	
PÔN PHÔN CƠ-MAN. «Những cơ sở lý luận của nhận thức trong các khoa học tự nhiên» («Khoa học và giả thuyết», IX)	545
MÁC PHẾC-VOỐC-NƠ. «Giả thuyết về chất nguyên sinh»	546
GIĂNG PE-RANH. «Những nguyên lý triết học của hóa học vật lý»	547
FR. ĐA-NƠ-MAN. «Hình ảnh của chúng ta về thế giới đã hình thành như thế nào?»	547
LÚT-VÍCH ĐAC-MƠ-STÉT-TE. «Chi nam cho lịch sử các khoa học tự nhiên và kỹ thuật»	549
AC-TUYA Ê-RIC HA-XƠ. «Tinh thần của thời kỳ Hy-lạp hóa trong vật lý học hiện đại»	549
TÊ-Ô-ĐO LIP-XƠ. «Những khoa học tự nhiên và quan niệm về thế giới»	550
Mục lục vấn đề	551
Mục lục	577

In 10.000 cuốn tại nhà in Thanh Niên. Thành Đoàn TNLD
Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh. 62, Trương Tấn Bửu,
Phú Nhuận. D.n. : 40038. Khổ 13 X 19. Số xuất bản : 25.
Số in : 70. Xong tháng 6-1976. Gửi lưu chiều tháng 6-1976.



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

*24 Quang Trung, Hà Nội — Dãy nội : 2008**

DÀ XUẤT BẢN

LÊ-NIN Toàn tập

**CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ
CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM
PHÊ PHÁN**

LÊ-NIN

**VỀ PHÉP BIỆN CHỨNG, VỀ
VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA
DUY VẬT CHIẾN ĐẤU**

LÊ-NIN

GIÁ 2 đ 20